

**Bí ẩn**

# **về sự diệt vong của Liên Xô**

**Lịch Sử Những Năm Đầu Và Phán Bội 1945-1991**

**A. P. Sheviakin**



# **Bí ẩn về Sự diệt vong của Liên Xô**

[Thay lời nói đầu](#)

[CHƯƠNG ILIÊN XÔ – MỸ. 1945-1953](#)

[Những nguồn gốc của “chiến tranh lạnh” – 1](#)

[Bí ẩn cái chết của Roosevelt](#)

[Những nguồn gốc của “chiến tranh lạnh” – 2](#)

[Sự điều hành ở Liên Xô. 1945-1953.](#)

[Bí ẩn cái chết của Xtalin](#)

[CHƯƠNG IILIÊN XÔ. 1953-1985](#)

[“Trì trệ lớn”](#)

[Nhiệm vụ của Khrusov](#)

[Địa chính trị “nội bộ” – 1](#)

[Sự điều hành ở Liên Xô. 1953-1985](#)

[Tài liệu N°1.](#)

[Tài liệu N°2.](#)

[Nhiệm vụ của Xuxlov](#)

[Những huyền thoại của kẻ phụng sự “Trì trệ lớn”](#)

[Nhiệm vụ của Breznev](#)

[Bí ẩn cái chết của Maserov, Xuxlov và những người khác](#)

[Nhiệm vụ của Andropov](#)

[Bí ẩn cái chết của Andropov](#)

[Bí ẩn cái chết của Uxtinov và những người khác](#)

[CHƯƠNG IIIBỘ MÔN NGA TRONG CHÍNH TRỊ HỌC MỸ](#)

[“Những trung ương thần kinh” và các tổ chức Xô viết học Mỹ](#)

[RAND Coporation](#)

[Các nhà Xô viết học](#)

[Sản phẩm của “Những trung ương thần kinh”: các học thuyết và công nghệ trí lực](#)

[Phụ lục chương III.](#)

## CHƯƠNG IV “LỜI CỦA ALLEN DALLES. NHẠC CỦA RAISA VÀ MIKHAIN GORBACHOV. “CẢI TỔ”. NGƯỜI BIỂU DIỄN ĐẦU TIÊN”

Mật ước của “những nhà cách mạng cộng đồng”

Quan điểm hệ thống về thất bại của Liên Xô

Sự hỗ trợ trí lực của phương Tây trong việc hủy diệt Liên Xô

Những cuộc chiến tranh của thế hệ thứ sáu

Chiến tranh thông tin – tâm lý

“... Các nhà Xô Viết học đã đạt được điều gì”

Chiến tranh tổ chức

Chiến tranh tài chính – kinh tế

Chiến tranh công nghệ

Chiến tranh máy tính

Nhiệm vụ của gia đình Gorbachov

Sự điều hành ở Liên Xô. 1985-1991

Tài liệu N°3. “Những trung ương thần kinh” của Liên Xô. 1985-1991

Tài liệu N°4. Cơ quan KGB của Liên Xô. 1985-1991

Nhiệm vụ của Iakolev

Những huyền thoại của cải tổ và công khai

Nhiệm vụ của Kriuchkov

Những điệp viên có thể lực

Địa chính trị “nội bộ” – 2

Hệ thống xã hội chủ nghĩa và sự sụp đổ của nó

Nhiệm vụ của Ianaiev

Những bước phản tiến

Sự chuẩn bị của các phương tiện thông tin đại chúng

Sự chuẩn bị có phân tích

Những mô típ của các cầu thủ trụ cột

Bí ẩn cái chết của Pugo và Akhromeiev

Bí ẩn cái chết của Kruchina và những người khác

Bí ẩn cái chết của những nhân viên mật vụ

Phụ lục chương 4

Kết luận

Thời điểm của sự thật

Phụ lục

Phụ lục N°1.

Phụ lục N°2.

Phụ lục N°3.

Phụ lục N°4.

Phụ lục N°5.

Phụ lục N°6.

Phụ lục N°7.

Phụ lục N°8.

BÍ ẨN SỰ DIỆT VONG CỦA LIÊN XÔ – LỊCH SỬ NHỮNG ÂM  
MƯU VÀ PHẢN BỘI 1945-1991

Tác giả: A. P. Sheviakin

Nhà xuất bản: Veche – Matxcơva

Năm xuất bản: 2003

Người dịch: Lê Trí Liêm

Phòng Khoa học – Công nghệ và Môi trường, TCCT

---

## Thay lời nói đầu

Bạn đọc không khỏi ngạc nhiên khi có thêm một cuốn sách về đề tài “cải tổ” và sự phá hoại ngay sau đó ở Liên xô. Trong 10 năm sau khi Liên Xô sụp đổ đã có quá nhiều người viết về nó. Tất cả những ai muốn bày tỏ, đều đã bày tỏ. Những người liên quan – các nhà hoạt động chính trị, các trợ lý thân cận của họ, các nhà ngoại giao, nhân viên mật vụ, – đều đã viết hồi ký. Những người nghiên cứu: các giáo sư và tiến sĩ, các nhà sử học, chính trị học, địa chính trị và triết học đều đã làm việc rất thành tâm.

Như nhiều người khác, tôi cố gắng đi tìm câu trả lời cho vấn đề còn trăn trở: Về nguyên tắc, tại sao có thể xảy ra như vậy? Trong số những gì đã được viết ra vẫn có nhiều điều làm tôi băn khoăn: nhiều sự kiện còn thiếu, các phương pháp tiếp cận chưa phanh phui tới tận cùng, thường thiếu những tư liệu về việc ai và mục tiêu người đó đã theo đuổi là thế nào, các nhiệm vụ đã được giải quyết ra sao, các đòn tấn công từ bên trong và bên ngoài đã được chuyển hóa như thế nào dưới ảnh hưởng của những hoàn cảnh bị thay đổi, mối quan hệ giữa chúng thế nào. Để tìm ra câu trả lời tôi đã tìm các cuốn sách mang tiêu đề hay tên các tác giả có liên quan tới đề tài này. Song, những câu trả lời trong số sách tôi tìm được hoàn toàn không làm tôi thỏa mãn.

Khi đó tôi quyết định nêu ra giả thuyết của mình và nó nằm ngay trong cuốn sách này. Sau khi phân tích những thông tin có được theo phương pháp luận của quan điểm hệ thống rất thông dụng hiện nay, tôi cho rằng nó đã đạt tới mức độ mới về chất lượng so với những gì có trước đó.

Hiện tượng xảy ra với Liên Xô trong những năm cải tổ vô cùng đơn giản. Về hiện tượng này, hiện có hai quan điểm – thậm chí những nhà nghiên cứu chân thành và thiện tâm nhất cũng luôn luôn cố chỉ ra rằng những sự kiện trên lãnh thổ Liên xô hoặc là do âm mưu của Mỹ, hoặc là đổ hết mọi tội lỗi cho những nhân vật trong Ban lãnh đạo Xô Viết. Chúng tôi thấy có mối tương tác của cả nguyên nhân này lẫn nguyên nhân kia.

Chúng tôi không định đưa thêm một phân tích xét lại cuộc cải tổ và giai đoạn diễn ra trước đó. Đây là công việc của các nhà sử học. Phương án được lựa chọn đơn giản hơn nhiều. Xuất phát từ việc những phương thức được áp dụng để chống lại Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết có đặc điểm mới, đặc biệt là vào giai đoạn 1985-1991. Điều đó có nghĩa là cả các phương pháp nghiên cứu cũng phải hiện đại hơn. Quan điểm hệ thống và những phương thức khác đem áp dụng ở đây sẽ gây ra nhiều điều đặc biệt phức tạp. Tuy nhiên, theo tôi, nhiều điều xảy ra có thể không được liệt kê tỉ mỉ và chỉ được làm rõ khi sử dụng quan điểm hệ thống. Điều đáng tiếc là với số lượng tài liệu sưu tầm được thì chưa thể sử dụng được quan điểm hệ thống về những gì đã xảy ra với nước Nga trong những năm 1985-1991. Có quá nhiều sự kiện trùng lặp. Mà như Goethe (1749-1832. *Nhà văn Đức*) từng nói, dân tộc nào không mong muốn hiểu biết quá khứ của mình thì dân tộc đó đáng phải trải nghiệm lại nhiều lần nữa.

Bất cứ ý định nào tìm hiểu điều đã xảy ra trong những năm 1985-1991 cũng hoàn toàn vô ích, nếu chỉ phân tích các sự kiện đã diễn ra trong khuôn khổ thời gian kể trên, bởi cải tổ – đó là chu kỳ công khai của những quá trình tiêu cực tiềm ẩn từ trước. Vì vậy, cần phải mở rộng phạm vi nghiên cứu, xem xét từ chục năm trước. Cũng như cần phải hiểu rằng các quá trình phá hoại, sau sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa và Liên Xô, vẫn không ngừng không dừng lại.

Chiến dịch “cải tổ” có nhiều bước và nhiều phương án. Song kế hoạch lật đổ Chính quyền Xô Viết ở Liên Xô và làm tan rã Liên bang Xô Viết một cách chi tiết, thống nhất như thế thậm chí không hề có lấy một nét đại thể. Cũng đã có những dự thảo, có bổ sung, có mục tiêu rõ ràng, các phương thức sử dụng được thảo luận kỹ lưỡng và được chuẩn y. Tùy theo kết quả thu được ban đầu mà kế hoạch và phương thức hành động lại được điều chỉnh để mong đợi kết quả mới. Vậy mà Mỹ và các “nhân viên hành động” đã thu được những kết quả vĩ đại. Còn chiến dịch “cải tổ” lại tỏ ra rất mù mờ. “Phải nói là tôi rất khâm phục cách thức phương Tây đã tiến hành toàn bộ “chiến tranh lạnh”. – Nhà phân tích A. A. Zinoviev viết, – Họ đã tiến

hành rất xuất sắc và thực sự đã giành được ưu thế về trí tuệ so với giới lãnh đạo ngờ nghệch của chúng ta”.

Điều đã xảy ra, ở một mức độ nào đó, là một quá trình tự nhiên đối với thế giới khắc nghiệt của chúng ta. Mục tiêu của bất cứ hệ thống xã hội nào cũng là cố gắng đạt được những thành tựu lớn hơn so với hệ thống khác. Nếu không đạt được mục tiêu đó một cách chính trực, thì dường như còn một cách là gây ra cho các láng giềng những thiệt hại nặng nề hơn.

Cuốn sách này độc đáo bởi phần lớn tư liệu được sử dụng theo quan điểm tư duy sự kiện. Tôi cho rằng, trong thời gian tới, các nhà sử học có thiện tâm, có trách nhiệm mô hình hóa các tình huống theo cách thức như chính họ là những người tham gia vào các hành động đó. Có như vậy, chất lượng nghiên cứu sẽ tăng lên đáng kể. Chỉ khi đó các nhà sử học mới phát hiện ra những vấn đề mà theo cách tư duy thông thường không chú ý đến.

Trong công trình này tác giả đã cố gắng dựa vào cách luận giải của triết gia hiện đại A. A. Zinoviev: “Phản cách mạng ở Liên Xô được sinh ra từ tổ hợp các yếu tố bên trong cũng như bên ngoài, khách quan cũng như chủ quan. Để làm rõ cụ thể những yếu tố nào và chúng có vai trò gì trong đó, trước hết, cần tách bạch chúng ra khỏi dòng chảy của các sự kiện lịch sử – cụ thể, xác định rõ ranh giới sự kiện và thời gian của chúng. Cần xác định hành động cụ thể của những con người tạo ra chúng và xác định rằng đó chính là cái đã kết nối những hành động đó vào cái toàn thể duy nhất, vào một hành động chung phức tạp của nhiều con người khác nhau. Điểm chung của tất cả những hành động đó là họ, bằng cách này hay cách khác, đã hủy diệt chế độ xã hội của đất nước”.

Tôi muốn nêu ra một số điểm tương đồng về lịch sử. Vào đầu thế kỷ XX, đã có một cuộc cách mạng diễn ra ở nước Nga. Vào nửa đầu những năm 1930, Liên Xô không chỉ thoát cơn hiểm nghèo mà còn trở nên trẻ trung và tráng kiện hơn. Để trả đũa, vào những năm 1940, phương Tây đã tiến hành một cuộc chiến công khai chống nước Nga và phải chịu thất bại. Do tính chất hai mặt của cái tổ, chúng ta thấy rằng cách mạng (chính xác hơn là “phản cách mạng”) đã đem lại sự thay đổi chế độ xã hội từ xã hội chủ nghĩa



sang tư bản chủ nghĩa và có lợi cho phe chống Xô Viết. Như mọi cuộc chiến tranh khác, “chiến tranh lạnh” đã làm thay đổi cấu hình địa chính trị ở quy mô toàn cầu và thời đại, đem lại cho phương Tây một chiến thắng, dẫu tạm thời nhưng rất rõ ràng, đối với kẻ thù Xlavơ truyền kiếp của nó.

Nếu như cuộc tấn công vào Liên Xô chỉ xuất phát từ bên ngoài – đó là một cuộc chiến tranh thuần túy. Nếu như giấc mơ của một bộ phận thượng lưu về sự hồi sinh chủ nghĩa tư bản trở thành hiện thực – đó cũng chỉ là một cuộc cách mạng. Nhưng vấn đề là cả hai sự kiện đó đã kết hợp làm một. Thù trong và giặc ngoài của đất nước Xô Viết và của nhân dân Liên Xô đã cấu kết với nhau. Chu kỳ năng động của chiến tranh đã xảy ra, chỉ có điểm kết thúc của nó là chưa rõ...

Cuộc chiến tranh nào cũng được bắt đầu vào một ngày nhất định. Người dân của cả hai quốc gia (hai liên minh) tham chiến, bằng cách này hay cách khác, sẽ biết đến chiến tranh và việc họ sẽ là những người phải đối mặt. Cuộc chiến mà chúng ta đang xem xét chưa từng có trong lịch sử. Quy mô và tốc độ biến động của nó đã phủ định mọi cách diễn đạt – điều mà trong quá khứ phải diễn ra suốt cả thế kỷ. Phương thức tiến hành cuộc chiến này chỉ trở nên sáng tỏ sau khi giai đoạn đầu của nó đã kết thúc. Thậm chí, nhiều công dân của đất nước Xô Viết còn chưa kịp hình dung ra diện mạo của nó. Bộ máy tuyên truyền đã tỏ ra xuất sắc tới mức trong nhận thức của quần chúng, cuộc chiến tranh thế giới III chỉ xảy ra khi vũ khí hủy diệt lớn được đưa vào sử dụng và bằng chứng của sự kiện đó là một cuộc xâm lược công khai.

Nhưng đây lại là một cuộc chiến mà chúng ta và nhiều người khác đã không thể nhận diện. “Tính chất bạo tàn của cuộc chiến này – cuộc chiến chống lại quân đội chúng ta, chống lại quốc gia – là thời điểm khởi đầu của nó đã diễn ra từ lâu rồi. Chúng ta đã không nhận ra cái ngày mà quân đội bắt đầu phải hứng chịu đòn tấn công mang mục đích phá hoại và hủy diệt”.

# CHƯƠNG I

## LIÊN XÔ – MỸ. 1945-1953

### Những nguồn gốc của “chiến tranh lạnh” – 1

Cũng như lý do đối với Chiến tranh thế giới II được hình thành khi Chiến tranh thế giới I kết thúc, lý do đối với “cải tổ” là những sự kiện xảy ra cuối Chiến tranh thế giới II.

Trong nội bộ giới cầm quyền Mỹ và guồng máy khát khao thống trị thế giới đã từng tồn tại những quan điểm hoàn toàn khác nhau về việc hợp tác chính trị – quân sự của Mỹ và Liên Xô trong cuộc đấu tranh chống Đức, cũng như về việc quan hệ với Liên Xô nói chung. Phe được coi là thân Tổng thống (F. D. Roosevelt) ủng hộ việc liên minh bền vững với Liên Xô trong thời gian chiến tranh và không hề có ý định rời bỏ liên minh này sau đó. Phe khác – được coi là chống Xô Viết – đã có ý kiến hoàn toàn đối lập. Thái độ khác biệt như thế được thể hiện thành một cuộc đấu tranh thực sự giữa hai phe. Cuộc đấu này đặc biệt trở nên gay gắt hơn khi Hồng quân bắt đầu giành được những thắng lợi trên các mặt trận, giải phóng toàn bộ lãnh thổ của mình và tiến vào chiến trường châu Âu. Khi đó tổng thống Mỹ và Thủ tướng Anh không chỉ buộc phải ký vào bản Hiệp ước Ialta (4-11/2/1945), mà còn phải thực thi các điều khoản trong đó trên thực tế.

Phe chống Xô Viết đã tiến hành thăm dò các quan chức Chính phủ về việc hủy bỏ những cam kết và xem xét lại đường lối đối ngoại sau chiến tranh. Ngay từ tháng 8 năm 1943, Cơ quan chiến lược Mỹ đã chuyển cho cấp lãnh đạo cao nhất đất nước xem xét Bị vong lục 121, trong đó đặt ra giả thiết về “phương hướng có thể của chiến lược và chính sách trong quan hệ với Đức và Nga. Trong điểm 3 của nó nêu: “cố gắng chuyển toàn bộ sức mạnh của nước Đức do phát xít và các tướng lĩnh đang điều hành chống lại Nga. Điều đó, rõ ràng, sẽ dẫn tới việc chính nước Đức hùng mạnh và hiếu chiến, nước đã từng tuyên chiến chống Nga và chống chúng ta (Mỹ) vào năm 1941, chiếm đóng Liên Xô”.

Dường như hành động chủ yếu của phe này là họ đã bắt đầu tìm kiếm cách tiếp xúc với Đức. Các cuộc đàm phán đã được tiến hành thông qua cầu nối: Trưởng đoàn phái bộ Mỹ tại Berlin là Allen Dalles – Chỉ huy Ban tham mưu của Himle là Tướng SS Karl Volf. Rõ ràng “vụ Volf – Dalles” là chiến dịch chống lại Tổng thống Roosevelt và đường lối của ông ta. Nó được bắt đầu khi ông ta còn sống và nhằm phá hoại việc thực thi Hiệp ước Ialta.

Phía Xô Viết được biết đến vụ này sau cuộc trao đổi thông tin giữa Bộ Dân ủy ngoại vụ Liên Xô và Bộ Ngoại giao Mỹ. Đây cũng là đối tượng trao đổi qua thư từ giữa I. V. Xtalin và F. D. Roosevelt. Tổng thống Mỹ đã tìm cách lảng tránh các câu hỏi của Xtalin bằng cách trì hoãn thời gian, đồng thời cố gắng nắm lại các đầu mối và các nhân vật quyền lực để tác động tới tình hình đang tuột khỏi tầm kiểm soát của mình.

Cho đến nay ta chỉ có thể phán đoán về những gì xảy ra giữa Roosevelt và những kẻ chống lại đường lối của ông ta, song rõ ràng là ông ta đã phải chịu áp lực vô cùng lớn từ phía đối thủ bởi đó là đòn nhắm vào uy tín của Tổng thống. Tình huống đặt ra là một nhân vật có quyền lực hợp hiến cao nhất nước không còn kiểm soát được hành động của những kẻ thuộc quyền xung quanh mình.

Mùa Xuân năm 1945, xung đột trong quan hệ ngoại giao đã có thể chuyển thành nguy cơ quân sự công khai. Vụ việc này có thể gây ra xung đột đặc biệt, cho dù là nghịch lý, đối với trục “Nga” – “Nga (không phải Xô Viết)”, chứ không phải đối với trục “Đức” – “Nga” hay trục “Mỹ + Anh” – “Nga”. Thời gian gầy đây người ta lại khơi dậy và thường xuyên đề cập tới hoàn cảnh cuối chiến tranh của những người Kazak đã từng chiến đấu bên phía Hítler trong Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại và bị bắt làm tù binh. Cũng cần nêu ra những toan tính sau: cả Mỹ, cả Anh đều không thể công khai tuyên chiến với Liên Xô. Phát lệnh chiến đấu cho các sĩ quan và binh sĩ Mỹ, Anh sau suốt 4 năm nỗ lực hợp tác cùng người Nga và tiến hành phản tuyên truyền trong một thời gian rất ngắn là một việc làm quá sức. Với người Đức cũng có vấn đề: quân đội đã suy kiệt bởi chiến tranh, mà

điều chủ yếu là lòng cuồng tín đã rệu rã; người Đức sẵn sàng chiến đấu nhưng không thể vì quyền lợi của nước thứ ba, cho dù tiềm năng vẫn còn. Chỉ còn có thể buộc những kẻ phản bội, những kẻ trá trở và những cựu bạch vệ chiến đấu bởi chúng không có gì để mất. Trong trường hợp đó có lực lượng khác can thiệp vào. Đặc biệt, yếu tố này có thể được khởi động nếu chú ý tới việc Liên Xô thực thi các hiệp ước trước đây và việc họ chuyển đại quân từ chiến trường châu Âu sang phía Đông để tiến hành chiến tranh với Nhật, Trong trường hợp đó rất cần tính đến cả việc I. V. Xtalin vào mùa hè năm 1945 sẽ buộc phải làm việc với những đối thủ chính trị mới là G. Truman và K. Attlee (Thủ tướng Anh thời kỳ 1945-1951. ND), chứ không phải với những đối tác cũ của ông ta là F. D. Roosevelt và W. Churchill (Thủ tướng Anh thời kỳ 1940-1945 và 1951-1955. ND). Có quá nhiều nguyên nhân gây nên những mâu thuẫn và bất đồng này: “... Sau chiến tranh, năm 1945, theo kế hoạch Marshall, tại vùng phía Tây nước Đức do Mỹ, Anh và Pháp chiếm đóng, “nền dân chủ thế giới” đã soạn thảo một kế hoạch tiến hành triệt sản bắt buộc đối với tất cả đàn ông ở độ tuổi quân dịch bị nghi ngờ đã tham gia chiến đấu. Mà vào cuối chiến tranh, những người ở độ tuổi quân dịch trong lực lượng dân quân (Folksturm) là từ 14 đến 60, nghĩa là tất cả nam giới người Đức ở độ tuổi sinh sản đều sẽ bị triệt sản!

Nếu tính rằng nước Đức lúc đó tràn ngập các đội quân chiếm đóng được tập hợp từ rất nhiều dân tộc và chủng tộc khác nhau: người Pháp gốc Angieri, người Anh ở thuộc địa A-rập, người Mỹ da màu và gốc Do Thái..., thì có thể hiểu được ý đồ của họ – biến dân tộc Đức thành một chủng tộc hỗn tạp, từ đó trải qua vài thế hệ có thể sẽ tận diệt được hệ gen và đặc tính dân tộc đó mà không nhọc công nhiều.

Vào năm 1945, Xtalin đã đứng ra ngăn chặn hành động tội ác này của kế hoạch Marshall bằng lời cảnh cáo phương Tây – những người hôm qua còn là đồng minh của mình – rằng nếu họ bắt đầu tiến hành triệt sản, ông sẽ khởi động một cuộc chiến tranh chống lại họ. Tài liệu lưu trữ quốc gia Anh vừa được công bố mới đây cũng xác nhận có một âm mưu quân sự trực

tiếp. Vào tháng 4 năm 1945, một chiến dịch có tên gọi rất mỹ miều “Điều không tưởng” đã được tiến hành hoạch định nhằm gây ra một cuộc chiến tranh với Nga ở châu Âu (Trong trường hợp này không thể bỏ qua vụ đụng độ giữa giữa quân đội của Anh và Xô Viết đang chiếm đóng ở Iran). Đó là câu trả lời khẳng định về việc giới lãnh đạo Xô Viết đã biết tới những kế hoạch theo đuổi chiến tranh của phía Anh.

Vì vậy, không có gì ngạc nhiên với việc Liên Xô và một bộ phận Mỹ “chống Roosevelt” cuối cùng đã thực sự đối đầu nhau.

### **Bí ẩn cái chết của Roosevelt**

Bản thân F. D. Roosevelt từ nhỏ vốn đã ốm yếu, thiếu tinh thần và thể chất để làm một chính khách. Chỉ nhờ cá tính mạnh mẽ và kiên quyết mà ông đã đắc cử tổng thống trong một đất nước hết sức phức tạp như Mỹ, thậm chí còn lập ra một kỷ lục chưa từng có – 4 nhiệm kỳ!!! Hơn nữa, lần tranh cử đầu tiên khó khăn nhất đã diễn ra trong hoàn cảnh kinh tế và xã hội đang khủng hoảng. Rồi cả chiến tranh cũng chẳng buông tha ông, cho dù nó không phải là nguyên nhân làm ông đột tử.

F. D. Roosevelt, theo chúng tôi, đã phải chết, nhưng không chỉ là do việc ông ta đã cắt đứt cuộc đàm phán tại Berne. Còn một nguyên nhân để phế bỏ ông là: ở cương vị Tổng thống Mỹ, lẽ ra ông phải là người ủng hộ việc đối đầu với Liên Xô, thì ông ta lại không sử dụng những kẻ theo đuổi đường lối đó. Còn đối với những kẻ quay ngoắt 180°, chúng ta không rõ là có cần phải gạt W. Churchill ra khỏi cương vị Thủ tướng Anh hay không, song có một sự kiện cho thấy vào mùa hè năm 1945 trên vũ đài quốc tế đã xuất hiện hai đối thủ mới – Tổng thống Mỹ G. Truman và Thủ tướng Anh K. Attlee.

F. D. Roosevelt đột ngột qua đời. Ngày 12 tháng 4 năm 1945, ông ta đang nghỉ ở Warm-Springs, Một ngày xuân tràn ngập ánh mặt trời và không có một điều gì báo trước thảm họa. Tổng thống Mỹ ngồi làm mẫu vẽ cho họa sĩ Elizabet Sumatova, tâm trạng sáng khoái, nói chuyện vui vẻ. Bất ngờ sắc mặt ông nhợt nhạt – F. D. Roosevelt bột phát cơn đau đầu. Hai giờ sau ông qua đời.

## Những nguồn gốc của “chiến tranh lạnh” – 2

Cái chết của F. D. Roosevelt đã cởi trói cho những kẻ từng ngấm ngấm chống lại đường lối của ông nói chung và khuynh hướng xích gần lại với Liên Xô nói riêng. Nó là điều kiện tạo nên bước ngoặt căn bản mà từ đó bộ máy quốc gia Mỹ đã phải thay đổi hướng chuyển động. Nguy cơ một cuộc đối đầu giữa Liên Xô và Mỹ xuất hiện. Phe hiếu chiến (đặc biệt là Hội đồng Quan hệ quốc tế – SMO) trong giới lãnh đạo Mỹ đã tung ra đủ trò lừa dối trơ tráo. Ngay tại SMO, với sự có mặt của G. Truman, G. Morgentry, B. Barukha, A. Dalles đã nêu rõ phương châm của mình: “Chiến tranh sẽ kết thúc, mọi xáo trộn sẽ được ổn định. Và chúng ta sẽ bỏ ra tất cả những gì chúng ta đang có – vàng bạc, mọi vật lực để gia công và thuần hóa con người.

Bộ não của con người, nhận thức của mọi người đều có khả năng thay đổi. Sau khi gây ra rối loạn nơi đó, chúng ta sẽ bí mật thay thế các giá trị của họ bằng những giá trị giả và chúng ta sẽ buộc họ tin vào những giá trị giả đó. Bằng cách nào? Chúng ta sẽ tìm ra được những người cùng tư duy với mình, những đồng minh của mình ngay trong nước Nga.

Thảm họa diệt vong trên quy mô rộng của cả dân tộc bất khuất nhất, sự hủy diệt hoàn toàn, không thể đảo ngược ý thức của họ sẽ lần lượt xảy ra. Trong văn học và nghệ thuật, chúng ta sẽ làm cho bản chất xã hội của họ bị nhiễm độc. Chúng ta sẽ loại bỏ các họa sĩ, hủy diệt hoàn toàn niềm đam mê nghiên cứu, sáng tạo. Văn học, nhà hát, điện ảnh – tất cả sẽ chỉ mô tả và ghi nhận những tình cảm đê tiện nhất của con người. Dù sao chúng ta cũng giữ lại và nuôi dưỡng những kẻ được gọi là họa sĩ khi chúng biết gieo rắc và nhồi sọ vào ý thức mọi người sự sùng bái tình dục, bạo lực, thói bạo dâm, phản trắc – tóm lại, tất cả những gì vô đạo. Trong lĩnh vực điều hành quốc gia, chúng ta sẽ tạo ra sự rối loạn, trì trệ...

Chúng ta sẽ thăm lạng, nhưng tích cực và dần dần tạo điều kiện cho thói độc đoán của các quan chức, những kẻ ưa hối lộ, vô nguyên tắc. Thói quan liêu và giấy tờ sẽ được nâng lên thành phẩm hạnh. Thái độ danh dự và lương thiện sẽ bị chế giễu và không được ai cần đến, bị thành tàn tích của

quá khứ. Thói đều cáng và đê tiện, giả dối và lừa đảo, say sưa và nghiện ngập, nỗi sợ hãi lẫn nhau và thái độ vô liêm sỉ, phản bội, chủ nghĩa dân tộc và sự thù địch giữa các dân tộc, trước hết là sự thù địch và lòng căm thù đối với dân tộc Nga – tất cả những cái đó sẽ sẽ được chúng ta tôn tạo lạng lẽ và khéo léo, tất cả những cái đó sẽ nở thành hoa độc... Và chỉ có một số ít, rất ít người sẽ đoán được và hiểu được điều gì đang diễn ra. Nhưng những người đó sẽ được chúng ta đẩy vào tình thế bất lực, chúng ta biến họ thành kẻ bị mọi người chê cười, chúng ta tìm cách vu oan cho họ và tuyên bố đó là thứ rác rưởi của xã hội.

Chúng ta sẽ đào bặt các cội rễ tinh thần của chủ nghĩa bônxêvich, làm tầm thường hóa và hủy diệt những nền móng của đạo đức. Bằng cách như thế chúng ta sẽ tha hóa thế hệ này sang thế hệ khác, làm thui chột thái độ cuồng tín với chủ nghĩa Lênin. Chúng ta sẽ nắm lấy mọi người ngay từ khi còn trẻ thơ, niên thiếu, chúng ta sẽ hy vọng chủ yếu vào lớp thanh niên, chúng ta sẽ làm cho nó tha hóa, phân hóa, đồi trụy. Chúng ta sẽ biến chúng thành kẻ trơ trẽn, đều giả, thành những kẻ theo chủ nghĩa thế giới (cosmopolit). Chúng ta sẽ làm như thế đó” (Đề cương báo cáo của A. Dalles tại phiên họp SMO mở rộng)[1]

I. V. Xtalin đã được báo cáo ngay lập tức về bài phát biểu này. Trưởng ban Thư ký L. P. Beria là B. A. Liudovich sau này nhớ lại rằng Xtalin đã phản ứng rất quyết liệt đối với những lời này. Xuất phát từ việc Ban lãnh đạo Xô Viết cao nhất đã có được thông tin tin cậy về cuộc đàm phán ở Berne, bài phát biểu này tại SMO, cũng như đã đồng thời được báo cáo về vụ nổ quả bom nguyên tử đầu tiên của Mỹ, thì có thể đưa ra một giả thiết tương đối táo bạo rằng trong giới lãnh đạo chóp bu Mỹ có thông tin viên của I. V. Xtalin. Hiện đã có những bằng chứng, tuy chưa phải là tin cậy nhất, về việc trong số điệp viên có cả phu nhân Tổng thống Eleanor Roosevelt và (hoặc là) thư ký riêng của Roosevelt là Loklin Karri. Bà ta hay ông ta (hoặc cả hai?) đã làm chuyển sự chú ý của I. V. Xtalin sang Mỹ như một hướng ưu tiên. Trong mọi trường hợp, như trong những lời phát biểu của mình tại phiên họp của ủy ban cải tổ hoạt động tình báo và phản

gián, trong khi thảo luận dự thảo Nghị quyết “về việc điều hành hoạt động tình báo của ủy ban An ninh quốc gia Liên Xô” (tháng 12 năm 1952) của BCHTW ĐCS Liên Xô, I. V. Xtalin luôn chỉ đích danh Mỹ là kẻ thù chủ yếu. Vào khoảng 2 tháng trước khi ông qua đời, ông chỉ đạo: “Trong tình báo, không bao giờ tấn công trực diện, Tình báo phải hoạt động vu hồi. Nếu không sẽ thất bại, mà thất bại nặng nề. Tấn công trực diện – đó là sách lược thiên cậ.

Phải tuyển lựa người nước ngoài sao cho không làm tổn thương lòng yêu nước của họ. Không được tuyển người nước ngoài chống lại Tổ quốc của họ. Nếu điệp viên được tuyển chọn không có lòng yêu nước – đó là điệp viên không đáng tin cậy.

Đặt ra một khuôn mẫu cho tình báo. Luôn thay đổi sách lược, phương thức. Luôn thích ứng với tình hình thế giới. Tận dụng tình hình thế giới. Tiến hành tấn công cơ động, sáng suốt. Tận dụng tất cả những gì thượng đế trao cho chúng ta.

Điều chủ yếu nhất là trong tình báo phải học được cách nhận ra sai lầm của mình. Người ban đầu nhận ra các sai lầm và thất bại của mình thì sau đó sẽ sửa chữa được.

Nắm lấy chỗ yếu, chỗ kém được bảo vệ.

Cần chấn chỉnh ngành tình báo trước hết từ việc loại trừ được mọi cuộc tấn công.

Mỹ – kẻ thù chủ yếu của chúng ta. Nhưng cần tập trung chú ý không chỉ riêng vào Mỹ. Trước hết, nên thiết lập các văn phòng công khai ở các quốc gia liền kề. Căn cứ đầu tiên, nơi cần có người của mình – Tây Đức.

Không thể ngây thơ về chính trị, nhưng đặc biệt là không thể ngây thơ trong tình báo.

Không được trao cho điệp viên những đặc vụ mà anh ta chưa được đào tạo, hoặc trái ngược với đạo đức của người ấy. Trong tình báo có những điệp viên có trình độ văn hóa rất cao – các giáo sư (trong thời kỳ bí mật, ta



đã cử một người sang Pháp để phân tích quan điểm của các tổ chức mensevich, một mình người ấy đã làm việc hơn cả chục người khác).

Tình báo, với chúng ta, là sự nghiệp thiêng liêng, cao cả.

Cần tạo được uy tín. Trong tình báo cần có tới hàng trăm người bạn (nhiều hơn điệp viên), những người sẵn sàng thực hiện bất cứ nhiệm vụ nào của chúng ta. Những người cộng sản có cái nhìn méo mó về tình báo, về công việc của Chêka (ủy ban đặc biệt), sợ bị dây bản, nên nhúng đầu mình xuống giếng...”.

### **Sự điều hành ở Liên Xô. 1945-1953.**

Để khắc họa I. V. Xtalin như một nhà lãnh đạo và không bó hẹp mình vào khuôn khổ thời gian sau chiến tranh, cần phải nhận thấy ông có một văn hóa điều hành vô cùng cao, cũng như khả năng nắm bắt thông tin về các vấn đề trong đời sống kinh tế và xã hội. Đây là nhận xét của những người cùng thời với ông, những người có điều kiện quan sát ông một cách trực tiếp và đã ghi lại những bằng chứng của mình trong các hồi ký. Điều này cũng được các nhà nghiên cứu sau này khẳng định. Thậm chí những kẻ thù của ông cũng biết tới những năng lực xuất chúng của ông và nhắc lại điều đó cho những kẻ kế tục họ. Không một ai có thể phủ nhận ông về tài năng, năng lực làm việc, biết cách chiến thắng và, nếu cần thiết, cũng “biết tấn công”.

Khi đó thái độ của ngoại bang đối với I. V. Xtalin và nhân dân Xô Viết rất hiếu chiến. Không phải ngẫu nhiên những người được thấy diện mạo của Xtalin lúc an táng đã nhận xét rằng đó là khuôn mặt của người mệt mỏi vì những cuộc đấu tranh liên tục. Toàn bộ khoảng thời gian I. V. Xtalin lãnh đạo Liên Xô vô cùng phức tạp và đầy biến động. Xtalin không mấy khi được thanh thoi: thời kỳ đầu là bè lũ Trótxkit; sau đó là những năm tập thể hóa. Trong một lần tâm sự với W. Churchill, ông đã không do dự gọi đó là những năm khó khăn nhất trong cuộc đời chính trị của mình; công nghiệp hóa diễn ra vô cùng trắc trở; thậm chí cuộc thanh lọc những năm 1937-1938 cũng trắc trở tới mức suýt cuốn trôi cả ông vào dòng xoáy của nó.

Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại lại là một đề tài đặc biệt. Nói tóm lại, người ta đã không để I. V. Xtalin điều hành đất nước trong yên ổn.

Khi xem xét vấn đề này chúng ta không thể đặt ra cho mình nhiệm vụ làm rõ mọi vấn đề liên quan tới việc điều hành đất nước dưới thời I. V. Xtalin giai đoạn cuối. Chúng ta chỉ nhận thấy những nét đặc sắc trong việc I. V. Xtalin và ban lãnh đạo của ông đã hoàn thành xuất sắc những trách nhiệm của mình. Tất nhiên, I. V. Xtalin cũng đã có những sai lầm, song điều cơ bản là chính ông đã rút ra từ đó được những bài học, kinh nghiệm để đem lại lợi ích cho đất nước, giành thất bại lại cho kẻ thù.

Điều bí ẩn của I. V. Xtalin như một người lãnh tụ không chỉ là ở tính cách dũng cảm của ông, cũng không phải ở cách ông đã xử sự như một lãnh tụ của nhân dân, mà ở chỗ ông là một thủ lĩnh, tuy chưa có học vị cao nhất và chưa được học hành một cách có hệ thống, song, về nhiều phương diện, bằng những năng lực trí tuệ của mình, ông luôn hơn hẳn nhiều vị giáo sư cao đạo và những chính khách phương Tây lão luyện.

Về mặt hình thức, bắt đầu từ cuối những năm 1930 I. V. Xtalin không còn một trọng trách nào nữa, bởi quyền lực đã thuộc về ông trên mọi phương diện. Nhiều người đã không thể hình dung một cách đầy đủ về vấn đề này nên đã coi sự thật đó là không thể chấp nhận và có những kết luận không đúng. Nhưng thật ra I. V. Xtalin vẫn là một con người như trước – nghiêm khắc với bản thân và với mọi người. Bằng chứng của một người đã từng nghiên cứu I. V. Xtalin thể hiện: “Nhân việc có người chất vấn tại hội nghị toàn thể, đề cập tới trách nhiệm của mình, Xtalin nói:

- Nếu tôi được giao việc đó, có nghĩa là tôi sẽ làm việc đó. Chứ không phải việc đó chỉ dành riêng cho tôi. Tôi không được giáo dục như thế...

Lời sau cùng ông nói rất gay gắt”.

Tất cả những gì mà bây giờ ngành khoa học lãnh đạo của chúng ta coi như mới, thì I. V. Xtalin đã áp dụng chúng vào thực tiễn trước đó. Nhiều nhân chứng và những người nghiên cứu nhận thấy ở I. V. Xtalin: kiến thức

tâm lý lãnh đạo; thấu hiểu tính thiết yếu của đại diện toàn quyền; năng lực thu nhận kiến thức và khả năng đặc biệt lường trước sự việc...

Tổng công trình sư hàng không A. X. Iakovlev, trong hồi ký “Mục đích cuộc sống. Những ghi chép của kiến trúc sư hàng không” đã viết: “Vào những tháng đầu tiên của chiến tranh chúng tôi luôn bị ám ảnh bởi những thất bại, các đơn vị quân đội ta phải rút lui, mọi người có tâm trạng nặng nề. I. V. Xtalin chưa lúc nào tỏ ra mình căng thẳng. Tôi không bao giờ nhận thấy ông bối rối, ngược lại, ông luôn khoáng đạt, cư xử khoan dung với mọi người. Rõ ràng, Xtalin hiểu rằng vào thời điểm đó cần phải nâng đỡ, khoan dung với mọi người”. Cũng trong hồi ký này, Iakovlev công nhận rằng I. V. Xtalin rất am hiểu về hàng không – khi đó là một lĩnh vực phức tạp nhất của khoa học kỹ thuật.

Còn N. M. Anhixin, trong hồi ký “Về chính trị và các chính khách”, viết: “Mùa thu năm 1946, từ Xôchi, Xtalin gọi điện cho Thư ký mới của Ban Chấp hành Trung ương Patolichev: “Anh hãy viết sắc lệnh của Ban Bí thư Ban Chấp hành Trung ương. Điều thứ nhất: “Bổ nhiệm M. X. Patolichev phụ trách việc tích trữ lúa mì năm 1946”. Anh viết xong chưa? Trong điều hai, anh hãy viết thêm tất cả những gì anh cần để tiến hành có hiệu quả việc tích trữ lúa mì”.

Đến bây giờ chúng ta mới nhận ra năng lực của I. V. Xtalin: tác động một lực nhỏ vào cả hệ thống phức tạp sao cho có thể thu được những kết quả to lớn. Điều đó nghĩa là ông có tài năng lãnh đạo kiệt xuất. Iu. P. Vlaxov viết: “Những quyết định Xtalin đưa ra, thường có vẻ không lớn lao và khó hiểu..., rồi đến khi diễn ra trên toàn thế giới, thì diện mạo của các sự kiện bỗng có được tầm thế giới sâu sắc”. Còn G. Xmirnov viết: “Trong 30 năm trên cương vị đứng đầu quốc gia đã có hàng nghìn con người qua tay Xtalin, những người mà ông phải nhanh chóng tìm hiểu và đánh giá cho đúng. Sự cấp thiết này đã tạo ra cho ông năng lực nhanh chóng đánh giá và đưa ra ý kiến. Đó là những đánh giá tuyệt vời bởi tính cô đọng, sắc sảo của chúng”.

I. V. Xtalin chỉ phê phán những thiếu sót khi điều đó là cần thiết: “Tôi nói đến loại người ba hoa là tôi nói những người ba hoa trung thực (cười), những người trung thực, trung thành với chính quyền Xô Viết, nhưng không có năng lực lãnh đạo, không có năng lực tổ chức một cái gì đó. Năm ngoái tôi có nói chuyện với một đồng chí, một đồng chí rất đáng kính, nhưng không sửa được tính ba hoa, có khả năng ba hoa bất cứ chuyện gì. Chuyện thế này.

Tôi: Việc gieo trồng ở chỗ đồng chí ra sao?

Anh ta: Gieo trồng ư, thưa đồng chí Xtalin? Chúng tôi đã huy động hết. (Cười)

Tôi: Vậy là sao?

Anh ta: Chúng tôi đã tuyên bố dứt khoát. (Cười)

Tôi: Còn sau đó ra sao?

Anh ta: Chỗ chúng tôi có chuyển biến, thưa đồng chí Xtalin, sắp có chuyển biến. (Cười)

Tôi: Chỉ thế thôi sao?

Anh ta: Mọi người đã có chuyển động. (Cười)

Tôi: Rất cuộc, việc gieo trồng ở chỗ đồng chí ra sao?

Anh ta: Việc gieo trồng của chúng tôi hiện chưa ra sao, thưa đồng chí Xtalin. (Mọi người cười)

Khi gỡ bỏ cương vị của những người ba hoa như thế, không để họ tham gia công việc nữa, thì họ vung tay và bắn khoả: “Sao họ lại gạt bỏ chúng ta? Chẳng phải chúng ta đã làm tất cả những cần thiết vì công việc, chẳng phải chúng ta đã triệu tập hội nghị những người tiên tiến, chẳng phải chúng ta đã tuyên truyền các khẩu hiệu của Đảng và Chính phủ tại hội nghị những người tiên tiến, chẳng phải chúng ta đã bầu thành viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương vào đoàn chủ tịch danh dự (Mọi người cười), chẳng phải chúng ta đã gửi lời chúc đồng chí Xtalin sao, vậy thì còn đòi hỏi chúng tôi cái gì nữa?” (Mọi người cười)

Nhưng đôi khi vấn đề không chỉ là lời nói nữa – trong giai đoạn khốc liệt – sau “mọi người cười” là những giọt nước mắt.

Một trong những thời điểm điều hành khó khăn nhất là có sự thâm nhập của những phần tử lạc loài vào hệ thống và việc rò rỉ thông tin. Dưới thời Xtalin liệu có xảy ra việc xâm nhập của hệ tư tưởng xa lạ vào trong hệ thống của chúng ta, như nó vẫn thường xuyên xảy ra đối với bất kỳ hệ thống xã hội nào? Đúng là có, song chỉ xảy ra ở mức tối thiểu. Nó được đồng nhất một cách tinh vi và tiến hành chặt chẽ trong khuôn khổ của nó, trung tâm điều hành thông tin luôn điều chỉnh từng bước cho dù là nhỏ nhất một cách bí mật, thâm lặng. Sử dụng hệ thống hoạt động hoàn hảo như vậy phục vụ cho lợi ích của mình, về mặt nguyên tắc, là không thể. Vì vậy, và dưới ánh sáng của những sự kiện sau đây, có thể dễ dàng nhận thấy – và có được một kết luận chiến lược là: để hoàn thành âm mưu phá hoại đế chế Xô Viết cần phải khắc phục thành tố chủ yếu còn thiếu trong cấu trúc.

### **Bí ẩn cái chết của Xtalin**

Vào thời điểm hiện nay, có một số lượng khá lớn các ấn phẩm viết về sự kiện vô cùng đau buồn này đối với tất cả chúng ta. Chúng tôi xin tập trung vào tiến trình sự kiện.

Vào tháng 5 năm 1952, sau buổi làm việc với ủy ban thanh tra, cùng đi, ngoài các chuyên gia, có ủy viên Bộ Chính trị BCHTW ĐCS (Bônxevich), Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Liên Xô L. P. Beria, ủy viên Bộ Chính trị BCHTW ĐCS (Bônxevich) N. A. Buganin và Thư ký của I. V. Xtalin là A. N. Poxkrebysev. Tất cả nhất trí cách chức Chỉ huy trưởng đội bảo vệ I. V. Xtalin là tướng Nicolai Xidorovich Vlaxik. N. C. Vlaxik giữ cương vị này từ năm 1935, còn trước đó – trong thời gian nội chiến – là lái xe riêng cho I. V. Xtalin. Trong vụ việc này cần lưu ý là quá trình công tác của Vlaxik có những lần bị ngắt quãng – anh ta có lúc là chỉ huy phó đội bảo vệ, có lúc được điều chuyển sang điều hành công tác bảo vệ các ủy viên Bộ Chính trị. Là chỉ huy trưởng Cục bảo vệ số 2 từ 15 tháng 4 đến cuối năm 1946. Trong các ghi chép còn được lưu lại, Vlaxik đã kết nối hai sự kiện – việc mình bị cách chức với cái chết của I. V. Xtalin – vào làm một: “Ba tháng sau khi tôi

bị bắt giam, I. V. Xtalin qua đời...”. F. I. Chuev đưa ra bằng chứng của con gái Vlaxik, người chuyển lời của bố mình đã nói vào khoảng thời gian giữa khi Vlaxik bị bắt giam và cái chết của Xtalin: “Ông ấy còn được sống rất ít”. Sau đó A. N. Pokrebysev đã bị cách chức, rồi đến thiếu tướng X. F. Kuzminchev – người đã phục vụ trong đội bảo vệ Xtalin. Vào tháng 1 năm 1953, có 5 người trong số thân cận của Xtalin bị bắt giam vì tội làm gián điệp”.

Thiếu những trợ thủ thân cận như A. N. Poxkrebysev và N. X. Vlaxik, I. V. Xtalin bị rơi vào tình trạng bị cách ly nguy hiểm, chính xác hơn, có thể nói rằng trong trường hợp như thế người ta đã lợi dụng chính Xtalin để ông tự cách ly. Cả người bí thư riêng không thể thay thế được, cả người chỉ huy đội bảo vệ riêng vào thời Xtalin còn sống đều là những nhân vật đầy quyền uy. Đối với họ, việc được đưa lên cao hay bị hạ xuống thấp đều là mối nguy hiểm chết người. Họ gắn chặt với I. V. Xtalin không chỉ thuần túy là mối quan hệ con người. Thiếu Xtalin, họ bị biến thành những nhân chứng nguy hiểm, có thể gây liên lụy tới những người xung quanh họ. Vì vậy, họ có thể sẵn sàng chấp nhận cái chết cho mình, chỉ mong sao chủ nhân còn sống.

Bản thân I. V. Xtalin, hoặc do sự xúi bẩy của “tổ chức” đã cắt bỏ cả hai người bạn ra khỏi “móng vuốt” của mình – đó là V. M. Molotov và A. I. Mikoian. Phát biểu tại phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ông đã nói những lời sau:

“Không thể không đề cập tới tư cách sai lầm của một số nhà hoạt động chính trị lỗi lạc, nếu chúng ta nói về sự thống nhất trong sự nghiệp của chúng ta. Tôi nói tới các đồng chí Molotov và Mikoian.

Molotov là người đã phản bội sự nghiệp của chúng ta. Nếu kêu gọi, tôi không nghi ngờ, anh ấy sẽ không do dự hiến dâng cuộc đời mình cho Đảng. Nhưng không thể bỏ qua những hành động không xứng đáng của anh ấy. Đồng chí Molotov, Bộ trưởng ngoại giao của chúng ta đã đồng ý cho đại sứ Anh xuất bản những tờ báo và tạp chí tư sản tại đất nước ta. Tại sao? Căn cứ vào đâu mà đòi được xuất bản các báo chí tư sản tại đất nước của chúng ta. Tại sao? Căn cứ vào đâu mà lại đồng ý? Chẳng lẽ không biết tư sản là kẻ

thù của giai cấp chúng ta và phát triển ấn phẩm tư sản trong những con người Xô Viết – điều này, không chỉ có hại, mà cũng chẳng được lợi gì. Bước sai lầm này, nếu bỏ qua, sẽ có hại, tác động tiêu cực tới trí tuệ và thế giới quan của những con người Xô Viết, sẽ dẫn tới sự suy yếu của chúng ta, của hệ tư tưởng cộng sản chủ nghĩa và tăng cường hệ tư tưởng tư sản. Đó là sai lầm chính trị đầu tiên của đồng chí Molotov.

Còn lời đề nghị của đồng chí Molotov về việc chuyển giao Krym cho người Do Thái thì sao? Đây là sai lầm thậm tệ của đồng chí Molotov. Tại sao anh ấy lại đề nghị như vậy? Làm sao có thể chấp nhận được? Căn cứ vào đâu đồng chí Molotov nêu ra đề nghị như thế? Chúng ta có khu tự trị Do Thái. Như vậy chưa đủ sao? Cứ để nước cộng hòa này phát triển. Còn đồng chí Molotov không cần phải làm luật sự bào chữa cho những tham vọng Do Thái trái phép đối với Krym Xô Viết của chúng ta. Đó là sai lầm chính trị thứ hai của đồng chí Molotov. Đồng chí Molotov đã xử sự sai lầm không phù hợp với ủy viên Bộ Chính trị. Và chúng ta kiên quyết bác bỏ những đề nghị thiếu suy nghĩ của đồng chí ấy.

Đồng chí Molotov tôn trọng vợ mình tới mức chúng tôi chưa kịp thông qua quyết định của Bộ Chính trị về vấn đề chính trị quan trọng nào đó, thì đồng chí Zemchuzina đã biết rồi. Rõ ràng có một sợi chỉ vô hình nối Bộ Chính trị với vợ đồng chí Molotov và bạn bè của chị ấy. Mà những người bạn xung quanh chị ấy không thể tin cậy được. Rõ ràng là Bộ Chính trị không bỏ qua hành vi này.

Bây giờ về đồng chí Mikoian...”.

Sau bài phát biểu đó, người phát biểu không sống được bao lâu. Tôi không có ý định ám chỉ V. M. Molotov và A. I. Mikoian, nhưng bất kỳ giả thiết nào về việc này đều là có thể.

Không nên loại trừ “dấu vết ngoại bang” bởi có những căn cứ sau: “Năm 1945, trong một pháo đài ở Nhiznhi Xilezi (Đức) Hồng quân Liên Xô đã thu giữ được hàng chục toa tàu chứa tài liệu lưu trữ tuyệt mật của Tây Âu, mà chủ yếu là những tài liệu lưu trữ của các tổ chức mật vụ Đức, Pháp, Bỉ và các nước khác.

Các tài liệu thu thập được đã cho phép hiểu sâu cơ chế của quyền lực bí mật và hoạt động lật đổ phá hoại của “những người thợ đập đá tự do” trên toàn thế giới. Chúng đã cung cấp thông tin hoàn chỉnh về công nghệ “công tác thầm lặng” của hậu trường thế giới. (Tiếc rằng, hiện nay việc nghiên cứu những tài liệu lưu trữ này rất khó khăn do chúng đã được trao trả về châu Âu, tuy nhiên có một số vẫn còn bản sao)

Xtalin và ban lãnh đạo chính trị của Liên Xô lập tức hiểu ra giá trị to lớn của những tài liệu này để củng cố chế độ của mình.

Trong những năm đầu năm giữ các tài liệu này, trước khi Xtalin qua đời, người ta đã nghiên cứu chúng một cách nghiêm túc, thậm chí cho dịch hàng loạt tư liệu để theo dõi công nghệ quyền lực bí mật của phương Tây. Nhiều tài liệu thu giữ được đã cho phép Xtalin tác động vào một bộ phận nhất định của giới cầm quyền phương Tây và nhằm củng cố vị trí của mình trên chính trường thế giới. Việc sử dụng thông tin này, hay nói theo ngôn ngữ của ngành tình báo hiện đại, biến nó thành hiện thực có nghĩa là lớp thượng lưu cầm quyền của phương Tây sẽ bị sát hại về chính trị.

Vậy liệu có việc lạm dụng những sự kiện trong lịch sử. Dường như cũng có một hoặc hai trường hợp. Động cơ sát hại chỉ có thể là chính trị và quyền lực độc tôn. Điều này, trước hết, nhằm vào N. X. Khrusov.



## CHƯƠNG II

### LIÊN XÔ. 1953-1985

#### “Trì trệ lớn”

Tại Đại hội XXVII Đảng Cộng sản Liên Xô, M. X. Gorbachov đã gọi thời kỳ L. I. Breznev lãnh đạo đất nước là “trì trệ”. Còn tôi liền gọi toàn bộ giai đoạn 1953-1985, khoảng thời gian giữa cái chết của I. V. Xtalin và việc M. X. Gorbachov lên nắm quyền là “trì trệ lớn”. Trong đó có thời kỳ từ tháng 3 năm 1953 đến cuối tháng 10 năm 1964 – cái gọi là “tiết trời trở ấm” (còn có tên gọi thứ hai, đôi lúc có trong văn chương là “tiết trời ướt át”), đặc biệt giai đoạn Breznev cầm quyền (hay là trị vì) và giai đoạn từ tháng 11 năm 1982 đến cuối tháng 3 năm 1985 đã được ai đó gọi chính xác là “đuổi theo xe tang”. Tôi cho là có thể chỉ ra một sự thống nhất nào đó của toàn bộ giai đoạn này. Một loạt các nhà nghiên cứu trong số những người cộng sản chính thống đã tranh luận với phe đối lập rằng giai đoạn này không phải là “trì trệ” mà là “trì trệ – 2”. Hoàn cảnh, những trói buộc không thuận lợi cho sự phát triển hay chuyển động của bất kỳ cái gì. Thời gian kinh tế chậm phát triển, tình hình đời sống xã hội, tư duy tiêu cực, suy mòn.

Giai đoạn này, theo cách hiểu của chúng tôi, được đặc trưng bởi sự phát triển về số lượng trong sự lạc hậu thật sự của tiêu chí chất lượng.

Xuất phát từ quan niệm hiện nay về thực trạng hệ thống Xô Viết, nửa sau của 70 năm cộng sản cầm quyền được xem như là chặng đường quay lại. Trong khi vẫn giữ được vẻ ngoài hào nhoáng, trong khi phát triển kinh tế không ngừng, trong khi duy trì chuyển động theo xung năng do Xtalin đã tạo ra, trên thực tế, đất nước đã tụt hậu: “Rõ ràng, toàn bộ lịch sử Liên Xô bị chặt làm hai khúc: giai đoạn Xtalin và giai đoạn hậu Xtalin. Hơn nữa, hai khúc lịch sử này – bằng nhau về thời gian, nhưng ngược hướng nhau. 35 năm chuyển động theo con đường xã hội chủ nghĩa và 35 năm chuyển động hoàn toàn ngược về đích tư bản chủ nghĩa. 35 năm cầm quyền của Đảng

Cộng sản (Bônxevich) và 35 năm cầm quyền của Đảng Cộng sản Liên Xô. Sáng tạo ra được bao nhiêu thì đập phá hết bấy nhiêu.

Từ quan điểm ngày nay, chúng ta có thể phân định dễ dàng rằng lịch sử nửa sau của thế kỷ XX trên đất nước ta sẽ còn lưu giữ hai quá trình liên quan bền chặt với nhau: đó là thời kỳ tiến hóa (1953-1985) và thời kỳ cách mạng (1985-1991) với sự thất bại của Liên Xô. Những quan điểm của những người cộng sản chính thống đã mô tả toàn bộ 70 năm như là một loạt cuộc diễu binh khải hoàn, nhưng những tình huống phức tạp trong tuyên truyền hiện nay của họ là thế. Hoàn toàn ngược lại, chúng ta trong 70 năm ấy đã trải qua một con đường rất phức tạp, mâu thuẫn và chưa xác định được đích. Không phải tất cả những chiến thắng của chúng ta đã tự bộc lộ mình trong sự đa dạng của những mối quan hệ nhân – quả, và tất cả những viên đá dưới bước chân của chúng ta, nếu không chú ý, sẽ là vô danh.

Cần nhận thấy rằng những khuynh hướng dẫn tới sự sụp đổ Liên Xô đã có từ “thời Xtalin” – chúng được hình thành từ khi đó nhưng được nguy trang kỹ. Tất nhiên, còn quá sớm để nhận định – dường như ngay sau khi Xtalin qua đời, trạng thái thăng bằng giữa lực ly tâm và lực hướng tâm đã nghiêng về phía ly tâm. Không, hệ thống do Xtalin lập ra cũng có những cơ chế để ổn định và kẻ thù đã phải dò dẫm từng bước một – nếu làm khác thì đã không thu được kết quả do hệ quả của quy luật biện chứng, quy luật duy trì hệ thống, hoặc theo quan niệm của nhà khoa học Anh Westby – quy luật duy trì sự đa dạng. Duy chỉ đến lúc này, trước ngưỡng cửa của hai thiên kỷ, chúng mới tiếp cận được đến ranh giới cuối cùng.

Thời gian “Tổng Bí thư hạ nhục Liên Xô” được bắt đầu không phải từ năm 1985, mà sớm hơn nhiều. Có rất nhiều nguyên nhân đưa tới thảm họa khủng khiếp thế này. Có thể nhận ra rằng những khuynh hướng dẫn tới tan rã hệ thống đã xuất hiện đúng lúc, nhưng thực sự chẳng thể làm được gì để sửa chữa. Sự suy đồi của tầng lớp hạ lưu (say rượu, ly hôn, nạo thai, phạm tội...) và sự tây hóa (đi du lịch, vượt biên, sùng bái vật chất...) của tầng lớp thượng lưu đang diễn ra. Trong nhận thức của dân chúng thực sự đã có những khác biệt. Một đảng là lý tưởng và một đảng là sự vô liêm sỉ trắng

trộn. Sự phân hóa xã hội và sự hình thành giai cấp tương lai, tội phạm hình sự và tham nhũng, chính sách dân tộc méo mó, tính bất hợp pháp và nguy hại trong việc bầu cử những nhân vật đứng đầu từ Kremli đến các nông trang tập thể, thiếu thốn mọi hàng hóa và các loại hình dịch vụ – tất cả những thứ đó đè nặng lên từng con người. Thêm vào đó là trong mỗi bài báo, mỗi bài phát biểu công khai, trong từng chương trình truyền hình luôn vang lên: “Cuộc sống đang trở nên...” Nghiêm túc mà nói, cuộc sống đã trở nên đến mức không thể chịu nổi. Người ta đã cố tình đưa hoàn cảnh ra khỏi tư duy lành mạnh và biến nó thành vô nghĩa. Cần phải có giải pháp và lỗi của chúng ta không phải là đã ủng hộ M. X. Gorbachov vào những năm 1985-1988, mà ở chỗ chúng ta đã không tự mình làm điều đó sớm hơn. Chúng ta đã bỏ qua mức độ phát triển cao của sự không xác định và đã phải nhận lãnh kết cục đáng buồn nhất.

### **Nhiệm vụ của Khrusov**

*Không một kẻ thù nào gây ra nhiều bất hạnh như Khrusov đã gây ra cho chúng ta bởi chính sách của ông ta đối với quá khứ của Đảng và Nhà nước chúng ta, cũng như đối với Xtalin.*

D. F. Uxtinov (*Trích biên bản công tác hội nghị BCHTW Đảng Cộng sản Liên Xô. Tài liệu tuyệt mật N°9*)

Một loạt tiêu đề trong cuốn sách này có tên là “nhiệm vụ...”, tôi muốn đưa ra đoạn trích dẫn ngắn cho tiêu đề đầu tiên này. Để tránh bị quở trách vì tính không xác thực, tốt hơn cả là ngay từ đầu giải thích rõ ràng cho dù lời nói trong này trước hết là về những nhân vật chính trị lớn – những người đã góp phần phá hoại Liên Xô và xóa bỏ xã hội chủ nghĩa, nhưng hoạt động của họ có thể được luận giải một cách phong phú về mối quan hệ đối với những người khác – những nhân vật ít nổi tiếng, ít xuất hiện hơn. Không chỉ những nhân vật được đề cập tới trong các tiêu đề mà cả những nhân vật khác nằm trong bộ máy trung ương cũng như ở các vị trí khác, tại Liên Xô cũng như ở các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa. Hoạt động của những nhân vật được nêu tên ở đây sẽ lý giải về việc hành động thuộc khuynh hướng này đã từng diễn ra từ trước đó cũng như sau đó.

Đương nhiên, nhiệm vụ tiên quyết nhất của N. X. Khrusov là đoạt lấy quyền lực và nắm giữ lấy quyền điều hành. Toàn bộ sự kiện trong những năm 1953-1956 cần được xem xét qua chính lăng kính này. Đó là việc bắt giữ L. P. Beria và ban lãnh đạo cao nhất của Bộ Nội vụ – cơ quan An ninh quốc gia; cuộc đấu tranh với nhóm chống Đảng của những người theo chủ nghĩa Xtalin và kẻ a dua theo nó là D. T. Sepilov... Nên đánh giá thỏa đáng thái độ liều lĩnh của Khrusov và nói rõ rằng ông ta đã khởi động công cuộc phá hoại chính đất nước nuôi dưỡng ông ta. Chúng tôi dẫn ra đây một ví dụ trong lĩnh vực xây dựng quốc gia quan trọng nhất – địa chính trị: “Vào tháng 10 năm 1954, Bí thư thứ nhất BCHTW ĐCS Liên Xô là N. X. Khrusov tới thăm bán đảo Liêu Đông (Liaodun, Đông Bắc Trung Quốc). Khrusov tuyên bố về quyết định chuyển cho Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thành phố Dalni và căn cứ hải quân Port-Artur, cũng như về việc rút toàn bộ quân đội Xô Viết...

Tướng Tư lệnh Sevtxov muốn khẳng định với Khrusov và Buganin về việc cần thiết tăng cường thêm hai sư đoàn cho Tập đoàn quân 39.

Bản báo cáo mới bắt đầu chưa được ba phút thì Khrusov đập mạnh tay xuống bàn và quát: “Ba hoa đủ rồi! Tốt hơn hãy nói, anh ở đây làm gì? Phải, tôi hỏi: anh và quân của mình làm gì ở đây, ở Liêu Đông này?”

Vị Tư lệnh không hề chuẩn bị câu trả lời cho câu hỏi như vậy. Nhìn thẳng vào Khrusov với vẻ thiếu tin cậy, ông bình tĩnh trả lời: “Bảo vệ tuyến Viễn Đông của Tổ quốc chúng ta”.

Khrusov ngắt lời ông và tức giận tuyên bố: “Đó là chính sách của Nga hoàng, đế quốc. Bây giờ anh định ở đây bảo vệ ai và chống ai? Tốt hơn là cứ nói với tôi, cần bao nhiêu thời gian để ở đây không còn một người lính nào của anh, thậm chí cả tinh thần của anh”.

... Thiếu tướng Tham mưu trưởng V. V. Turantaiev cắt lời: “Nikita Xergeievich (Khrusov)! Tại Nam Triều Tiên (ông chỉ lên bản đồ) hiện nay, ngoài quân Nam Triều Tiên còn có Tập đoàn quân số 8 được tăng cường của Mỹ đóng tại đây. Chỉ riêng trong thành phần của Tập đoàn quân này có tới 500 xe tăng. Vì sao liên quân của 15 quốc gia được người Mỹ cùng với

sự hỗ trợ của Liên Hợp Quốc đưa tới đóng quân ở đây... Như người Mỹ, nếu họ muốn, thì sau ba ngày đêm, họ sẽ có mặt ở đây, ở Kvantun này”.

Khrusov ngắt lời Turantaiev và tuyên bố: “Sẽ không có chuyện này. Đó là ban lãnh đạo cũ của nước ta đã chiếm đoạt, đã mượn đất này của người khác: ở Trung Quốc, Triều Tiên, ở Phần Lan, còn chúng ta bây giờ phải giải quyết việc này”.

Turantaiev định phản đối: “Không, Nikita Xergeievich. Trong việc này, những gì mà ban lãnh đạo cũ của đất nước đã làm là nhằm đảm bảo cho nền an ninh của Tổ quốc chúng ta. Mà chúng ta cũng không thể rút khỏi đây. Chúng tôi có mặt ở đây còn để làm căn cứ cho Quân Giải phóng nhân dân Trung Hoa, chúng ta hỗ trợ tinh thần cách mạng và khả năng sẵn sàng chiến đấu của bạn”.

Khrusov ngắt lời Turantaiev và lớn tiếng: “Mặc cho người Trung Quốc tự lo cho họ. Chúng ta đã cho không họ nhiều rồi. Mà tôi muốn Tư lệnh nói ngay với tôi bây giờ: cần bao nhiêu thời gian để không một ai trong số các anh còn ở lại đây. Còn những đội quân mà Tham mưu trưởng vừa nói với tôi sẽ băm viên các anh ở đây, như người Nhật họ đã làm vào năm 1904, còn các anh đang làm cho chúng tôi phải quá bận tâm để giúp các anh đi khỏi đây”. Nhưng Turantaiev không hề bối rối: “Hãy cho chúng tôi thêm hai sư đoàn và chúng tôi không để họ băm viên mình”.

Khrusov: “Chúng tôi sẽ không cho! Các anh sẽ rút khỏi đây, bọn Mỹ cũng sẽ rút”. (*Vậy mà người Mỹ cho đến ngày nay chưa rút*)...

“Mà Bộ chỉ huy các anh cần bao tháng để rời khỏi đây?”.

Svetxov đã trả lời: “Khoảng 3-4 tháng”.

Tướng Penionizco, có mặt tại đây, nói: “Không đủ!”.

Khrusov: “Tôi cho 5 tháng. Để sau thời gian đó không còn một ai trong các anh ở đây. Còn bây giờ ta chuyển qua việc: cái gì bán cho Trung Quốc và cái gì thì cho họ”...

Vào ngày thứ hai mươi của tháng 10, qua báo chí nhận được, chúng tôi biết rằng, sau cuộc nói chuyện đó tại Bộ chỉ huy một ngày, ngày 12 tháng

10 năm 1954, báo “Sự thật” công bố “Tuyên bố chung của Chính phủ Liên Xô và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa”, trong đó nói tới việc rút toàn bộ các đơn vị quân đội Xô Viết ra khỏi vùng Port-Artur -Dalnyi...

“Toàn bộ những gì ở đây (Kvatun) được Nga hoàng, chúng ta và người Nhật – doanh trại, nhà cửa, kho tàng, đập nước, ... trao miễn phí, không hoàn lại cho người Trung Quốc. Còn những gì chúng ta chuyển từ Liên Xô tới đây – thì bán”.

A. M. Peniozco, ngồi cạnh tôi, xin phép được hỏi. “Theo tôi hiểu – anh ta nói – doanh trại và những công trình xây dựng khác là cho miễn phí, thế còn những thứ chúng tôi đưa vào trong doanh trại, những thứ được gọi là của cải như: giường, tủ, giá áo, bồn tắm, dụng cụ chữa cháy và cấp dưỡng – thì bán. Mà những thứ đó, so với nhà cửa, thì chẳng đáng gì. Nói tóm lại, tài sản gì quý giá thì cho, còn thứ vật vãnh thì bán?”...

Tại Văn phòng của Xerov (Đại tướng, Chủ tịch KGB – ủy ban An ninh quốc gia) tôi được biết nhiều chuyện thú vị: Liệu tôi có hiểu hết những gì Nikita Xergeievich nói khi gặp Bộ Tư lệnh Tập đoàn quân? Tôi trả lời: “Không hiểu tất cả, nhưng về nguyên tắc tôi hiểu là chúng ta rút lui khỏi đó”. Xerov nói: “Tôi nhắc lại rằng những gì ở đây sẽ làm không như những gì đồng chí Khrusov đã nói”.

Lẽ ra tôi đã không dẫn ra đoạn trích vạch rõ hoàn cảnh phản bội của N. X. Khrusov về lợi ích địa chính trị của Liên Xô, nếu không có tình huống tương tự xảy ra giữa Bộ tổng Tư lệnh tối cao các Lực lượng vũ trang Liên Xô và M. X. Gorbachov. Một sự trùng hợp lịch sử. Có một chi tiết là sự kiện được mô tả xảy ra vào ngày 13 tháng 10 năm 1954! Còn ngày 14 tháng 10 năm 1964, đúng 10 năm sau – N. X. Khrusov phải rời bỏ cương vị – Bí thư thứ nhất BCHTW và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô.

Ngoài việc “triệt thoái” khỏi các vị trí đóng quân chiến lược, quân đội và hải quân đã phải chịu “những đòn tấn công từ trên dội xuống” khác: giải trừ quân bị. “Từ đầu những năm 1960, theo yêu cầu tha thiết của Khrusov, nhiều tàu chiến lớn của Hải quân đã bị đưa đi phá hủy và nấu thành thép, nhiều máy bay hạng nặng cũng đã bị cắt giảm tối đa và bị phá hủy hoàn

toàn. Cùng với chúng còn cả loạt trang thiết bị... Nhiều viện nghiên cứu quốc phòng giá trị bị đóng cửa. Nhiều chuyên gia giỏi phải chuyển việc. Quân số của lực lượng vũ trang trong những năm 1955-1960 bị giảm 3.980.000 người. N. X. Khrusov đã ngụy trang sự phản bội của mình bằng việc giải trừ quân bị. Kinh nghiệm này của ông ta, về sau này, đã được M. X. Gorbachov, B. N. Eltxin... vận dụng.

Hành vi tội lỗi cuối cùng của N. X. Khrusov – bản báo cáo tại đại hội XX Đảng Cộng sản Liên Xô. Theo quan điểm của những người khác từng nghiên cứu những sự kiện trong lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô, việc tác động tư tưởng và tinh thần đối với Đảng và nhân dân đang được đưa lên vị trí hàng đầu. Cần lưu ý tới một thực trạng là không có một tổ đảng nào, cho dù nhỏ nhất, của Đảng Cộng sản Liên Xô phát biểu phản đối bản báo cáo của N. X. Khrusov. Chính do không có một phản ứng nào trong nội bộ Đảng Cộng sản Liên Xô đối với hành động của N. X. Khrusov bởi nhọ I. V. Xtalin mà bản Quyết nghị của BCHTW Đảng Cộng sản Liên Xô “Về việc khắc phục sự sùng bái cá nhân và hậu quả của nó” đã được thông qua ngày 30 tháng 6 năm 1956.

N. X. Khrusov luôn có những hành động phụ họa với kẻ thù bên ngoài. CIA đã có được toàn văn bản báo cáo và cho công bố nó vào tháng 6 năm 1956 với lời tựa “Chính những người Nga công nhận sự tàn bạo của mình” và ngay trong bài này còn đưa ra câu hỏi: Liệu đây có phải là phản ứng đồng thuận đầu tiên của BCHTW ĐCS Liên Xô với cơ quan mật vụ phương Tây?

Không thể tin cậy N. X. Khrusov trong bất cứ việc gì: “Trong những năm 1950, CIA (và tất nhiên cả FBI) đều thận trọng lần tìm nguồn gốc rò rỉ thông tin từ giới lãnh đạo Mỹ. Chính những lời ba hoa của Khrusov và một số chính khách – những người thường xuyên đưa nội dung một số tài liệu có được từ K. Fillby vào bài phát biểu của mình, đã buộc CIA lần cho ra được vụ này. Khrusov lúc đó thường tuyên bố: “Tổng thống Mỹ chỉ biết lo nghĩ, còn trên bàn làm việc của tôi đã có thông tin về việc đó”. Rõ ràng,

một trong những động cơ của lãnh đạo KGB Liên Xô tham gia vào âm mưu hồi tháng 10 năm 1964 là mong muốn chấm dứt sự rò rỉ thông tin.

Những cuộc cải cách bất tận, thoát nhìn có vẻ khó hiểu như những cuộc cải cách hiện nay, đã được N. X. Khrusov liên tục tiến hành trong suốt thời gian nắm giữ quyền lực. Ví dụ như, theo bộ luật “Về việc tiếp tục hoàn thiện điều hành công nghiệp và xây dựng” được thông qua hồi tháng 5 năm 1957, cả nước đã có 105 hội đồng kinh tế nhân dân được thành lập – đất nước đã sẵn sàng phân hóa theo nguyên tắc khu vực hóa nền kinh tế. V. E. Xemichaxtnyi (người mới qua đời cách đây không lâu) đã cho biết về mong ước to lớn của N. X. Khrusov là tách cơ quan KGB ở địa phương ra làm hai (Giống như Ban Chấp hành tỉnh được chia ra thành: công nghiệp và nông nghiệp!) và “làm phân liệt và rối loạn” toàn bộ KGB. Điều này dẫn tới việc sa sút kỷ cương, nhà tù Lubianca chật cứng những kẻ tình nghi. Sau này cũng đã xảy ra những sự kiện tương tự.

N. X. Khrusov, rốt cuộc đã hoàn thành một nhiệm vụ có triển vọng sâu xa liên quan tới “cải tổ”, chứ không liên quan tới “tiết trời ấm áp”. Ông ta đã tiến hành một cuộc thử nghiệm: Liệu có thể thực thi “điều vô lý” của quyền lực trong chừng mực bao lâu, còn trên thực tế, đó là sự phá hoại và hủy diệt công khai một đất nước như đất nước Xô Viết, trong khi đó vẫn không hề bị nghi ngờ là đang ra sức thực hiện đảo chính nhằm thay thế người lãnh đạo Đảng. Đáp số thu được là khoảng trong 10 năm.

Nếu đem so sánh sự nghiệp phá hoại của N. X. Khrusov với cuộc “cải tổ” trong tương lai thì thấy rằng, những năm tháng ấy, ông ta đã hành động đơn độc trong Bộ Chính trị BCHTW ĐCS Liên Xô. Dù xung quanh ông ta có những nhân vật trung thành và biết vâng lời ông ta đến chết như: A. I. Mikoian và A. I. Adzubei. Nhờ những người này, ông ta có thể tiếp xúc với thế giới bên ngoài thông qua Bộ Ngoại giao; Trong ban lãnh đạo cũ cũng có những nhân vật mà trong văn chương ngày nay tên tuổi của họ thường được gắn với những từ ngữ xấu xa – đó là những bí thư BCHTW chuyên lo những vấn đề về về công tác tư tưởng (P. N. Demichev, L. F. Ilichev, O. V. Kuxuinen, B. N. Ponomariov, P. N. Poxpelov, N. N. Satalin, M. A.



Xuxlov). Nhờ Bí thư thứ nhất mà Iu. V. Andropov và S. P. Rasiđov có danh vọng. N. X. Khrusov có đủ khả năng để gạt bỏ những người thân cận với Xtalin. Nhưng dù sao, như một kẻ tích cực phá hoại hệ thống Xô Viết trên quy mô toàn quốc, N. X. Khrusov vẫn là kẻ đơn độc. Đó là do kết quả của những cuộc thanh lọc dưới thời Xtalin. Từ đây, có thể rút ra kết luận rằng, trong Bộ Chính trị, M. X. Gorbachov còn có ít nhất hai chiến hữu ngang tầm với ông ta về cương vị và âm mưu là E. A. Sevardnadze và A. N. Iacovlev.

Xét theo quan điểm lịch sử, không rõ Gorbachov hay Khrusov, ai hơn ai, đáng được thưởng vì công lao phá hoại Liên Xô. Khrusov đã làm được một điều dường như không thể: đặt cơ sở phá “Lục địa Đỏ”, đã lật ngược lại sự phát triển. Dưới thời ông ta và sau đó đất nước Xô Viết đã không thể phát triển được. Nhưng từ sâu thẳm, nền tảng của sự phát triển đã lộ dạng và được phương Tây công nhận: Vào cuối tháng 11 năm 1964, tại buổi lễ kỷ niệm W. Churchill 90 năm, trong Nghị viện Anh đã có người đề nghị nâng cốc chúc Churchill có tư cách là kẻ thù sáng giá nhất của nước Nga. Churchill đáp lời: “Quả đáng tiếc, bây giờ đã có một người làm hại đất nước Xô Viết hơn tôi cả nghìn lần. Đó là Nikita Khrusov. Chúng ta hãy chúc mừng người đó”.

## **Địa chính trị “nội bộ” – 1**

Cùng với nhiều yếu tố khuyết điểm trong hệ thống Xô Viết, chính sách dân tộc thiếu thận trọng đã chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng. Trong các nước công hòa của Xô Viết đã tồn tại những khác biệt cả về chủ quan lẫn khách quan: tính không đồng đều trong tình hình xã hội, những bước đột phá trong phát triển kinh tế, mức chênh lệch trong thu nhập quốc dân tính theo đầu người, tình trạng mù dân được biểu hiện trước hết ở mức tăng dân số tự nhiên hàng năm khác nhau, sự đa dạng của các mô hình kinh tế – tất cả những cái đó và nhiều cái khác đã khẳng định về việc Liên bang là một cơ cấu đa dân tộc. Chúng tôi xin chỉ tách ra một thành tố từ tất cả sự đa dạng đó – những sai lầm trong việc xác định đường biên giới giữa các dân tộc. Chúng tôi gọi nó một cách ước lệ là – địa chính trị “nội bộ”.

Trong đế quốc Nga, quá trình được bắt đầu từ dưới thời trị vì của Nga hoàng, Đại công tước Finliand. Alecxandr I “đã tặng” cho Đại công tước Finliand thành phố Vyborg. Theo thời gian, Phần Lan trở thành một quốc gia độc lập, sau đó lại là một quốc gia thù địch tới mức đe dọa Leningrad – đây là một trong những nguyên nhân của cuộc Chiến tranh Phần Lan 1939-1940.

Những “méo mó” trong chính sách dân tộc còn được bắt đầu ngay khi những người Bônxêvich lên nắm chính quyền: “Cơ cấu quốc gia – dân tộc của đất nước được hình thành nên từ những ảnh hưởng của những lợi ích và tình hình chính trị cụ thể trong những năm 1920-1930 và thiếu tính kế thừa. Điều đó gây nên những bất tiện to lớn, và đôi khi là ách áp bức dân tộc trực tiếp, khi ban lãnh đạo có đầy đủ quyền lực và dân chúng thuộc quyền đã thuộc về các dân tộc mang bản sắc văn hóa khác nhau. Thí dụ điển hình là – Vùng tự trị Nagornyi-Karaback (HKAO). Phần lớn dân chúng vùng tự trị là người Armeni, trong khi ban lãnh đạo được bổ nhiệm lại từ Bacu. Điều đó, trong từng giai đoạn, đã tạo ra xung đột từ phía quần chúng (gần đây nhất là vào năm 1965). Giới trí thức Armeni trong các trường hợp thuận lợi đã nhắc nhở các cấp chính quyền về vấn đề Nagornyi-Karaback. Như trong thời gian thảo luận Hiến pháp năm 1977, tại những cuộc họp đảng trong các cơ quan khoa học và văn hóa của Armeni, đã bàn tới khả năng đổi tên HKAO thành “HKAO Armeni”, thậm chí tên của nó là Armeni. Những người cộng sản Armeni đã chỉ ra những bất hợp lý của tình trạng HKAO được chuyển cho Azerbaizan chỉ vì những cân nhắc về mặt kinh tế, trong khi đó dải đất của Armeni được tách ra khỏi Azerbaizan có vùng tự trị Nakhichevanxk vẫn nằm trong thành phần của nước cộng hòa này. Người Armeni một mực đòi chuyển cho nước Cộng hòa Armeni hoặc HKAO, hoặc Nakhichevanxk. Những người cộng sản Armeni đã đưa ra 16 kiến nghị về việc đổi tên HKAO và 45 kiến nghị về quyền vùng tự trị này được chuyển vào thành phần nước Cộng hòa Armeni. Dường như Ban lãnh đạo Liên Xô đã có thể chấp thuận những cảnh báo cấp thiết này và xem xét quyết định của năm 1920. Tuy nhiên, điều đó không phù hợp với các

nguyên tắc trong chính sách của Breznev, trong đó cho rằng mọi thay đổi chỉ đưa tới khuynh hướng phân ly các dân tộc. Một đường lối như thế không thể không dẫn đến việc căng thẳng ngày càng cao.”

Hoạt động của N. X. Khrusov tỏ ra đặc biệt bất nhất kể từ khi ông ta chỉ là kẻ thuộc quyền cũng như khi đã là nhân vật đứng đầu đất nước.

Chỉ mới ngày 27 tháng 1 năm 1938, khi tiến hành bầu ông ta làm Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Bônxevich) Ucraina và “... vào đúng ngày này, tại phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Bônxevich) Ucraina, ngoài vấn đề về tổ chức còn đề cập tới cả một số vấn đề đang diễn ra – về số phận của các khu dân tộc từng tồn tại trong Ucraina. Có 10 khu vực như vậy, trong đó có 3 của người Bungari, 5 của người Đức và 2 của người Thổ. Trong lời than thở của mình, N. X. Khrusov đã nhận xét rằng người Ucraina ở đó đang bị áp bức. X. V. Koixor (từ tháng 7 năm 1928 là Tổng (thứ nhất) bí thư BCHTW Đảng (Bônxevich) Ucraina; từ tháng 1 năm 1938 là Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, Chủ tịch ủy ban gia kiểm tra trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, ủy viên Bộ Chính trị BCHTW Đảng (Bônxevich) toàn liên bang trong những năm 1930-1939; bị bắt giam năm 1938 và bị xử bắn năm 1939) đã quyết định làm rõ ý kiến của Nikita Khrusov và như ta thường nói, đi thẳng vào vấn đề: “Xử lý những vấn đề này thế nào?”. Câu trả lời là: “Không thể xóa bỏ chúng, nhưng để cũng không được”.

Năm 1939, sau khi các vùng phía Tây Ucraina và Belorussia nhập vào với chúng ta, ông lại nhắc tới quan điểm của mình về sự méo mó của chính sách dân tộc trong đất nước. Về việc này, như P. K. Ponomarenco – vào thời kỳ đó là cựu Bí thư thứ nhất BCHTW Đảng (Bônxevich) Belorussia – nhớ lại: “Ngay sau khi giải phóng vùng phía Tây Ucraina và phía Tây Belorussia đã nảy sinh vấn đề địa giới hành chính giữa hai vùng mới này của đất nước. Theo Quyết nghị của Xô Viết Tối cao Liên bang ngày 1 và 2 tháng 9 năm 1939, các Xô Viết Tối cao nước Cộng hòa Ucraina và Belorussia phải trình những dự thảo phân định biên giới các khu vực phía

Tây và vùng giữa hai nước Cộng hòa này để Xô Viết Tối cao Liên bang xem xét.

Tôi không cho rằng trong vấn đề này có thể nảy sinh vấn đề gì phức tạp vì biên giới sắc tộc đã khá rõ ràng. Nó trải từ Đông sang Tây của các thành phố Pinxk, Kobrin và Brext.

Vào một ngày xuân năm 1939, tôi đang có mặt tại Beloxtok thì được gọi về Vụ Tổ chức BCHTW Đảng (Bônxevich) Liên bang và nhận được thông báo rằng N. X. Khrusov đã chuẩn bị và đệ trình BCHTW Đảng (Bônxevich) những đề nghị của mình về biên giới trong khi phía Belorussia chưa thực hiện. Qua một ngày sau chúng tôi được phép nghiên cứu bản dự thảo của Ucraina.

Bản dự thảo của Khrusov về đường biên giới giữa hai vùng miền Tây đã thực sự làm cho tất cả chúng tôi phải bàng hoàng. Ngay chiều hôm đó chúng tôi đã triệu tập họp Văn phòng BCHTW Đảng (Bônxevich) Belorussia để thảo luận về đề nghị của Ucraina và soạn ra ý kiến phản biện của mình.

Theo phương án của Khrusov, biên giới giữa hai vùng phía sáng Tây lệch hẳn về phía Bắc của đường biên giới sắc tộc tự nhiên đã được công nhận, hơn nữa là các thành phố Brext, Pruzana, Stolpin, Pinxk, Lyninetz và Kobrrin cũng như phần lớn vùng rừng rậm Belovezsk sẽ thuộc về Ucraina.

Không thể nào chấp nhận được bản dự thảo này, chúng tôi đã đưa vào đề nghị của mình rất nhiều tư liệu lịch sử, kể cả những tài liệu lưu trữ. Cuối cùng, bản dự thảo cũng đã được chúng tôi hoàn thành.

Ngày 22 tháng 11, tôi được triệu tập về Mátxcơva để báo cáo dự thảo này. Trong thời gian ở Thủ đô, cũng ngay chiều hôm đó tôi nhận được lời mời của I. V. Xtalin. Khi tôi vào phòng khách ở Kremli, Khrusov đã ở đó cùng với bản dự thảo và nụ cười của mình. Ông ta đang trao đổi với A. N. Poxkrebysev – Thư ký của Xtalin. Sau lời tôi chào, Khrusov hỏi tôi rằng đã chuẩn bị các đề nghị về đường biên chưa và thực chất chúng ra sao. Với thái độ tôn trọng cần thiết đối với Khrusov là ủy viên Bộ Chính trị BCHTW

Đảng và là nhà hoạt động nổi tiếng của Đảng, tôi cố nói một cách tế nhị nhất: “Chúng tôi đã chuẩn bị dự thảo, song nó không trùng với của các anh. Sau đó tôi đã nói rằng, chúng tôi đề nghị đường biên giới phù hợp với thành phần sắc tộc của dân cư và biên giới đó, theo chúng tôi, phải về phía Nam các thành phố Pinxk, Lunitx, Kobrin, Baranovich và Brext, do đó những thành phố này và vùng rừng Belovezsk phải thuộc về thành phần của Belorussia Xô Viết.

Khrusov nhảy dựng lên và nói một cách thô tục: “Kẻ nào gợi ý cho anh trò ngớ ngẩn đó, mà anh có thể căn cứ vào cái gì cơ chứ?”. Tôi trả lời rằng những đề nghị chúng tôi mang tới đây là do các thành viên BCHTW Đảng của Belorussia soạn thảo. Chúng tôi hoàn toàn không cho đây là trò ngớ ngẩn và sẵn sàng nêu ra những bằng chứng trên cơ sở thống kê và lịch sử. Khrusov tuyên bố rằng các nhà sử học Ucraina có quan điểm khác và tôi đã nêu đề xuất của mình về biên giới. Tôi đáp lại: “Thật khó cho các nhà khoa học phải xác định ra đường biên giới mâu thuẫn với hiểu biết về sắc tộc, thống kê và lịch sử”.

Khrusov nổi đóa và gằn giọng với vẻ độc ác: “Thì ra anh không tin các nhà khoa học, anh biết nhiều hơn những người khác? Mà anh biết gì chứ? Thế anh có biết được rằng từ thời Trung cổ, trên vùng lãnh thổ mà các anh muốn nó thuộc vào thành phần của Belorussia đã và hiện đang có người Ucraina sinh sống, như Nalivaiko, Bogdan Khmelnitxki và nhiều người khác đã lấy dân chúng ở các vùng lãnh thổ này lập quân đội của mình, rằng có nhiều sách lịch sử hoàn toàn không dả động gì về mối liên hệ giữa vùng này với Belorussia, v.v...”.

Tôi trả lời ông ta: “Đồng chí Khrusov, hiện giờ tôi không quan tâm tới giọng nói và thái độ thô tục của đồng chí đối với tôi. Đây không phải là vấn đề của cá nhân. Thậm chí nếu bất chấp đề nghị của chúng tôi, những vùng này vẫn được đưa vào thành phần của Ucraina, thì cũng chẳng có một thảm họa nào xảy ra. Chúng ta là một nước, mà Ucraina cũng thuộc về Xô Viết. Nhưng tôi có trách nhiệm bảo vệ quyền lợi của Belorussia và tôi có cơ sở về những lời đề nghị của mình”

Đúng lúc đó Xtalin cho gọi chúng tôi. Ông ngồi một mình trong Văn phòng. Sau lời chào của chúng tôi, ông nói: “Chào những người German, sao, có chuyện gì về biên giới? Các anh chưa đề nghị à? Chưa bắt đầu một cuộc chiến tranh về biên giới đấy chứ? Các anh đã tập trung quân chưa? Hay đã thỏa thuận hòa bình được rồi?”. Sau đó Xtalin mời chúng tôi ngồi để báo cáo phương án của mình. Khrusov và tôi lấy các văn bản và sơ đồ biên giới ra. Nikita Xergeievich báo cáo trước. Ông ta trải bản sơ đồ lên bàn và trình bày nội dung phương án của mình.

Xtalin lắng nghe, đứng lên đưa ra tấm bản đồ của mình và đề nghị Khrusov chỉ trên sơ đồ tuyến biên giới.

Sau phần báo cáo của tôi và phần trả lời hàng loạt câu hỏi, Xtalin tuyên bố dứt khoát: “Biên giới mà đồng chí Khrusov đề xuất hoàn toàn không chấp nhận được. Nó không hề có cơ sở nào hết. Nó không phù hợp với công luận. Không thể nói là Brext và vùng rừng Belovezsk là những vùng của Ucraina. Nếu thông qua đường biên này thì những phần phía Tây của Belorussia thực sự biến mất. Đây là một chính sách dân tộc tồi tệ”.

Sau đó, quay về phía Khrusov, để làm dịu bớt lời tuyên bố của mình, Xtalin nhận xét: “Anh nói thật xem, khi đưa ra đề nghị này, có lẽ, anh định có được vùng rừng này do rừng của các anh ít quá?”.

Khrusov trả lời: “Vâng, thưa đồng chí Xtalin, tất cả chỉ vì rừng chúng tôi ít quá”

“Đấy là chuyện khác, – Xtalin nói, – có thể tính đến điều đó. Belorussia đề nghị đúng về đường biên giới cơ sở. Phương án đó thể hiện tính khách quan và họ đã tự đề nghị vùng Kamen – Kasirsk thuộc về Ucraina. Chúng tôi khẳng định đường biên giới, về cơ bản, trùng với dự thảo của đồng chí Ponomarenko, nhưng có chỉnh lại một số vị trí theo nguyện vọng của Ucraina muốn có một ít rừng”. Ông lấy tấm bản đồ và vạch ra một tuyến biên giới hầu như trùng hoàn toàn với đề nghị của chúng tôi. Chỉ ở vị trí tạo nên một quần thể màu xanh trên bản đồ là hơi uốn về phía Bắc và ông nói: “Hãy để vùng này cho Ucraina”.

Tôi muốn đưa ra ví dụ này, khi những âm mưu và manh tâm của những nhân vật lịch sử đã bị phát giác tới từng chi tiết, để thấy diễn biến và quyết định cuối cùng của nó giống như một chiến dịch. Gieo rắc lòng thù địch giữa các dân tộc, dường như, khá đơn giản – chỉ cần ban lãnh đạo cao nhất thông qua một quyết định gây phương hại tới một bên.

Trong những năm cầm quyền N. X. Khrusov toàn bộ sách lược dưới dạng những sự kiện, thoạt nhìn vô hại, nhưng là một chính sách dân tộc rất thâm độc được che đậy trên thực tế, ẩn chứa trong đó hàng loạt nguy cơ. Việc này và việc chuyển giao Krym (cả Sevastopol) cho nước Cộng hòa Ucraina trong năm 1954, vào thời gian đó được đề cập rất nhiều ở Nga – vì đây là nguyên nhân của cuộc tranh luận pháp lý nổi tiếng vào đầu những năm 1990 với phía Ucraina. Ngày 9 tháng 1 năm 1957, Khu tự trị Checheno-Ingusxk được khôi phục, trong đó có 3 vùng thuộc Nga: Narurxk, Kargalinxk và Senkovxk vì một phần của vùng Prigorxk vẫn nằm trong thành phần của khu tự trị Severo-Oxetinxk...

D. A. Kunaiev, ủy viên Bộ Chính trị BCHTW ĐCS Liên Xô, Bí thư thứ nhất BCHTW ĐCS Kazakhxtn nhớ lại: “Tôi từng làm việc chừng 10 năm dưới sự lãnh đạo của Khrusov... Một trong số những va chạm đầu tiên giữa chúng tôi là khi ông ta đề nghị tôi chuyển một số vùng trồng bông cho Uzbekixtan. Tôi đã kiên quyết phản đối. Đúng lúc đó, Iuxupov Ixmail – Bí thư thứ nhất Đảng bộ vùng Nam Kazakhxtn đã viết thư cho Nikita Xergeievich để bày tỏ đề nghị tương tự. Bất chấp sự phản đối của tôi, Khrusov buộc tôi chấp hành kỷ luật Đảng mà chuyển giao các vùng Zetixaixk, Kirovxxk và Pakhtaaralxxk cho nước Cộng hòa Uzbekixtan. Sau này tất cả những vùng này đã được trả lại.

Ngoài ra, Khrusov cũng từng đề nghị về việc tổ chức Txelino, sau là vùng Tây Kazakhxtn và Nam Kazakhxtn. Tôi lại không nhất trí. Thời gian cho thấy tôi đã đúng – sau đó các vùng này đã tổ chức ăn mừng.

Các ý kiến của chúng tôi về tương lai của Mangyslak cũng không thống nhất, khi bỗng dưng Khrusov đặt vấn đề: “Mangyslak là một bán đảo vô cùng giàu có. Chỉ dân Thổ (Turkmen) mới có thể khai thác dầu mỏ ở đó.

Nên chuyển cho họ”. Ông ta bỏ ngoài tai mọi lời phản đối của tôi bởi tôi đòi ông ta đàm phán với Bộ trưởng địa chất Xidorenko. Xidorenko đã ủng hộ tôi. Khrusov đã buộc phải để lại Mangyslak cho Kazakhstan”.

Sự trì trệ được gọi là “trì trệ” bởi những quyết định cơ bản luôn bị gác lại “để sau”. Cựu Chủ tịch KGB là V. E. Xemichatxnyi nhớ lại, rằng “Mọi người đã nhiều lần khuyên Breznev: Hãy thiết lập ra dưới thời ĐCS Liên Xô định chế về các vấn đề dân tộc thay cho định chế chủ nghĩa Mác – Lênin. Chúng ta có đủ những trường đại học, viện nghiên cứu, cơ quan khoa học mác xít, vậy mà không có một ai nghiên cứu hay soạn thảo các vấn đề dân tộc cho ra đầu ra đũa, cho nên các vị lãnh đạo từ trung ương đến địa phương thường sáng tạo dẫn chứng sai lầm”. Còn theo bằng chứng của một vị từng lãnh đạo KGB rất thạo tin khác thì “Mỹ và NATO rất quan tâm tới vấn đề dân tộc ở Liên Xô”.

Cần phải chỉ ra rằng các nhà lãnh đạo khác cũng từng hành động theo đúng cách này. I. V. Xtalin cũng đã từng mở rộng biên giới Ba Lan vì nước Đức. Người Đức đã di cư khỏi Cộng hòa Liên bang Đức. Chỉ khi nào mối quan hệ hợp tác còn tồn tại thì còn chưa và không thể xảy ra xung đột. Nhưng khi tình hình đó bị phá vỡ, người Đức đã lập tức công bố chủ quyền của họ.

## **Sự điều hành ở Liên Xô. 1953-1985**

Trong những năm trì trệ lớn, việc điều hành ở Liên Xô đã trải qua nhiều chặng đường: kế hoạch xây dựng chủ nghĩa cộng sản có thời hạn cụ thể (Cương lĩnh thứ 3 của ĐCS Liên Xô); các cuộc thử nghiệm thời Khrusov; sự lạc hậu kinh tế so với thế giới và đặc biệt là so với các chỉ số của phương Tây dẫn tới tình trạng tiền khủng hoảng. Ban lãnh đạo cao cấp của đất nước là những người trước hết phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về điều đó. Làm sao lại có thể xảy ra việc một đám những kẻ vô tình ngự trên đỉnh cao điều hành Liên Xô và một nửa thế giới xã hội chủ nghĩa như vậy? Hệ thống cần loại lãnh đạo – robot thừa hành bằng mọi giá những kế hoạch không do mình vạch ra mà do trên ép xuống. Từ kế hoạch đó hắt ta nhận các nguồn vốn và vật lực mà không cần tìm người cung ứng. Từ kế hoạch



đó hẳn nhận bàn giao các xí nghiệp có thứ sản phẩm chỉ bỏ vào kho. Hẳn ta không cần tìm kiếm thị trường. Người ta quyết định thay cho hẳn việc cái gì cần cho nhu cầu... còn nếu muốn khích lệ ai đó thì hẳn cũng chẳng thể làm được bởi hẳn bị hạn chế bởi mọi thứ. Mọi sáng kiến ngoài kế hoạch đều không được chấp nhận. Chủ nghĩa xã hội (cùng với đặc tính điều hành kinh tế quan trọng nhất – Kế hoạch) so với chủ nghĩa tư bản (Thị trường) đã vi phạm những nguyên lý điều hành cơ bản nhất. Do thiếu định chế liên hệ ngược đáng tin cậy giữa chủ thể với khách thể điều hành nên rốt cuộc đã rơi vào thảm họa. Mối liên hệ ngược đáng tin cậy của chính phủ với quần chúng là sự bảo đảm cho việc thông tin sẽ được chuyển tới đúng địa chỉ, sẽ có sự điều chỉnh và mọi vấn đề sẽ được giải quyết. Không có một chính phủ nào có thể tự mình ôm đồm cả một biển thông tin vô tận. Chỉ có người dân trong đám quần chúng mới có thể đưa ra lời giải thích khoáng đạt, thật sự tự do về những quá trình đang diễn ra. Không phải vô tình, trong tâm trí của chính nhân dân Nga chúng ta tìm thấy được những luận giải thông tuệ tới mức vượt trên mọi lý luận. Hoàn toàn có thể rút ngắn một phần công tác thông tin: trao quyền cho địa phương; lắng nghe ý kiến của cấp dưới; kịp thời điều chỉnh linh hoạt – sửa mọi lỗi lầm của mình và của những người tiền nhiệm; giải phóng ý chí từng bị trói buộc (do thiếu công cụ mà lại quá thừa quan liêu. Tất cả đều lệ thuộc vào khuôn khổ luật pháp hay tư tưởng đã từng tuyên bố) của quần chúng để lao động của họ thực sự sáng tạo để rồi chính phủ nhận được một kết quả – chi phí cho bộ máy sẽ giảm nhiều. Thiếu một cơ chế như thế, rốt cục, sẽ dẫn tới thất bại.

Mọi người đều biết, sự chậm trễ của tín hiệu trong hoạt động thần kinh cao cấp của loài thằn lằn thời tiền sử đã dẫn tới việc thông tin từ đuôi lên tới não bộ mất 8 phút. Với thời gian đó một con thú ăn thịt có thể xơi chính nó từ đuôi lên mà không hay biết gì. Người ta đã biến đất nước chúng ta thành con thằn lằn đó một cách có ý thức. Chỉ có điều các con thú ăn thịt đã xơi nó không phải chỉ trong tám phút mà lâu dài hơn.

Trong việc điều hành đất nước người ta đã không tuân thủ nguyên tắc về tính thích ứng trong sự đa dạng của chủ thể và khách thể điều hành. Điều

này trước hết có ý nghĩa gì? Những quyết định quan trọng nhất đã được bộ máy BCHTW ĐCS Liên Xô thông qua. Và mặc dù trong cơ cấu của nó, mọi mặt đời sống của quốc gia đã được phản ánh song việc điều hành đã không tương thích ở mức độ cần thiết.

Điểm không tương thích trước hết là vị trí (quan điểm) giữa khách thể điều hành với số lượng người điều hành: Trong bộ máy BCHTW ĐCS Liên Xô đã có tất cả chừng hai nghìn cán bộ chức năng. Còn ở quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), chỉ trong một tòa nhà có tám nghìn nhân viên. Trong bộ máy nhà nước Mỹ, người ta thuê từ 17 đến 20% dân số, còn ở Liên Xô chúng ta, số người điều hành chỉ có vồn vẹn 12% (Trong BCHTW có 1940 cán sự và 1275 cán bộ kỹ thuật).

Trong những năm sau chiến tranh, số lượng xí nghiệp, cơ quan, tổ chức đã tăng lên gấp 10 lần, sự phức tạp về xã hội đã diễn ra với quy mô và tốc độ mà trước đó chưa từng có trong lịch sử nhân loại để thống nhất được một bộ máy khổng lồ như Liên Xô. Bản chất của khủng hoảng này là ở chỗ: hệ thống quyền lực và điều hành xã hội Xô Viết được hình thành và đang hoạt động bình thường trước đó đã trở nên không thích ứng với những điều kiện mới; cần phải tăng bộ máy quyền lực và điều hành, đặc biệt là bộ máy của Đảng; cần phải tăng cường hệ thống độc lập kế hoạch và đưa vào kiểm soát nghiêm ngặt việc hoàn thành các kế hoạch; cần phải nâng cao chuyên môn cho các cán bộ trong hệ thống quyền lực và điều hành, cụ thể là cho các cán bộ thuộc hệ thống đảng cộng sản; tăng cường tập trung hóa nền kinh tế và việc điều hành chúng. Việc này đã và đang được làm ở phương Tây “thối rữa” thế nào? Họ có những văn phòng tư vấn mà đôi khi đưa ra những lời chỉ bảo có thể gây sốc vì chính sự đơn giản của chúng: “Hoạt động của nhiều văn phòng tư vấn ở Mỹ về vấn đề tổ chức và điều hành rất đa dạng. Khi ta đưa yêu cầu cho họ, ví dụ nhà máy chế tạo thiết bị chính xác, và bảo rằng: “Chúng tôi không hiểu mình sai lầm ở khâu nào. Chúng tôi đang sử dụng những kỹ thuật tốt nhất, kỹ sư của chúng tôi có kiến thức, giá thành sản phẩm thấp hơn của đối thủ cạnh tranh, thành phẩm của chúng tôi có giá trị cao hơn, song lợi nhuận lại thấp”. Nhân viên tư vấn

sau khi có mặt tại nhà máy trong vài tuần, đôi khi tới vài tháng. Anh ta chẳng hề quan tâm tới các chi tiết của thiết bị (mà anh ta cũng chẳng biết gì về chúng). Anh ta ngồi theo dõi diễn biến của công việc, hỏi han các công nhân, im lặng tham dự những cuộc họp của giám đốc, xem các sổ sách của thủ quỹ, đọc các báo cáo. Thời gian trôi đi. Người tư vấn nộp bản báo cáo và khuyến nghị. Giám đốc thì chờ nghe được những lời khuyên đặc sắc nào đó, còn nhân viên tư vấn lại nói với ông ta rằng: “Hãy tổ chức lại bộ phận thông tin và báo cáo. Người của ông thường xuyên nhận được số lượng giấy tờ như thế, dẫu có đọc cả ngày cũng không xuể. Các văn bản nằm cả tuần lễ và chúng không đồng hành với công việc”. Giám đốc có tức giận, bi quan thì vẫn phải cố áp dụng các khuyến nghị, vì lợi nhuận là trên hết”.

Chính Liên Xô cần có một văn phòng tư vấn như thế và không thể nói rằng nó chưa có. Một số quan chức nhà nước có liên quan trực tiếp tới lĩnh vực thông tin, đặc biệt là tình báo, những người có quan hệ với các tổ chức của các nước phương Tây đã nảy sinh ý định thành lập tại đất nước chúng ta một cơ quan nhà nước có chức năng tư vấn để chấn chỉnh công việc của các bộ và giúp soạn thảo các báo cáo thông tin cho nguyên thủ quốc gia. Tuy dự án đó chưa được triển khai, song đã có nhiều rào cản được dựng lên để ngăn chặn những con người có ý định chơi trội đó. Không một ai chịu nghe ý kiến của họ!

Tuy nhiên sự lạc hậu, tính theo các chỉ số chất lượng của phương Tây, đã được mọi người biết đến – và nó hiện diện ngay trong một nước giàu tài nguyên có tiềm năng lên chủ nghĩa xã hội, trong một chế độ có thể tập trung tài lực và thông tin vào những hướng đã định – lại có một cách hiểu khác về chất lượng. Thành tố chất lượng còn có thể thay đổi, song tồn tại thì đã ẩn sâu vào trong hệ thống và được thận trọng khóa lấp đi. Chính những kẻ phá hoại đã cho ta thấy điều đó dưới đây. Rồi bản thân chúng ta sẽ có sẵn một câu trả lời cho câu hỏi: “Liệu chủ nghĩa xã hội có thể tồn tại không, nếu chính ta mình, ví dụ như thế này: “Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Xôxygin lo lắng vì những lời than phiền về chất lượng giấy rất tồi tệ. Ông

tới thăm một xí nghiệp ở thủ đô và trách cứ thậm tệ tay giám đốc vì việc đó. Nhưng tay giám đốc láu cá đã trả lời:

- Aleksei Nicolaevich, anh hãy nhớ rằng chúng tôi đã có được dây chuyền sản xuất nhập khẩu này nhờ sự giúp đỡ của anh 15 năm trước đây. Nó có công suất 1 triệu đôi/ năm và bao gồm 100 thao tác. Nhưng sau đó cấp trên tăng kế hoạch lên 1,5 triệu đôi/ năm. Để đẩy nhanh quy trình sản xuất chúng tôi buộc phải cắt giảm đi 25 thao tác. Rồi kế hoạch bị đẩy lên tới 2 triệu đôi/ năm vậy thì toàn dây chuyền chỉ còn lại 50 thao tác. Liệu chất lượng sẽ ra sao nếu thay vì phải thực hiện 100 thao tác, chúng ta chỉ làm có một nửa?”.

Câu chuyện tiểu lâm này rất điển hình. Thêm vào đó, tư tưởng ngại phê phán những cơ quan tài chính và kế hoạch của BCHTW đã thực sự đẩy nền kinh tế của đất nước vào con đường sai lầm.

“Thái độ duy ý chí” của N. X. Khrusov, “Trì trệ” của Breznev, “Chủ nghĩa Xtalin mới” của Iu.V. Audropov và “Sự suy đồi hoàn toàn” (dường như trước đó là “chưa hoàn toàn”) của K. U. Chernenko – tất thảy chỉ là những dấu ấn về tư tưởng chưa phản ánh được bản chất của những sai lầm. “Những đồng chí” leo được lên cao (có được danh phận) là những kẻ gian hùng khôn khéo, chứ không phải là những nhà lãnh đạo giỏi giang. Quyền lực ngầm “đã hình thành, đã vận động và phát triển thuận lợi trong đất nước”. Trong lĩnh vực điều hành luôn tồn tại quyền lực chính thức và quyền lực đen. Thậm chí, việc quyết định những vấn đề then chốt lại phụ thuộc vào quyền lực đen. Một thanh niên đại diện của một tổng công ty lớn ở Leningrad, thường xuyên đi công cán lên Matxcơva nhớ lại. Anh ta đã tạo dựng rất thành công danh tiếng của công ty trong các cơ quan các bộ là do đã sử dụng một danh sách mật về các nhân vật của từng bộ – những người thực sự quyết định mọi vấn đề. Chỉ cần thỏa thuận với những người này về mọi yêu cầu và vấn đề. Trong bản danh sách này hoàn toàn không có các nhân vật cao cấp. Thành công của chàng trai đó được lý giải rằng anh ta có quan hệ với quyền lực đen thực sự trong tầng lớp trung gian. Chính cơ cấu bí mật đó thực thi quyền lực cao nhất. ở Liên Xô, sự bất lực

của các Tổng bí thư như L. Breznev và K. Chernenko – những người có quyền lực to lớn về mặt hình thức, thực sự không được phản ánh trong công việc hàng ngày. Chính cơ cấu bí mật bao gồm một nhóm rất ít người đã thực thi quyền lực thực tế. Các mối quan hệ và sự ràng buộc lẫn nhau của nó chỉ tồn tại trong bóng tối.

Do những nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau mà trong nước không có nền văn hoá thông tin – điều hành. Phương Tây khi đó đã trải qua “bùng nổ nghiên cứu” và “cuộc cách mạng của những người quản lý”, còn chúng ta vẫn lê bước phía sau. Khi phải sống mãi trong một hệ thống thì người ta không tưởng tượng được rằng dường như vẫn còn có thể sống khác. Nó giống như một kẻ quen nhìn cái thiếu cận và cái mâu thuẫn. Chúng tôi dẫn ra đây ý kiến của một chuyên gia trong lĩnh vực điều hành từ Mỹ sang Liên Xô làm việc: “...ở nước chúng tôi văn hoá giao tiếp công việc rất kém, thậm chí công việc văn phòng hủ lậu. ở đó xử sự rất thô bỉ, toàn những trò thô tục tầm thường như không trả lời thư công vụ, điều mà người nước ngoài thường xuyên phàn nàn...”

Rồi ông ta viết: “Sau khi đã sống ở Mỹ 30 năm, tôi thấy ở đó có những nhà máy, xí nghiệp được trang bị tuyệt hảo, tôi đã làm việc tại những cơ quan được trang bị nhất hạng. Còn ở nước này tôi thấy các phương pháp tổ chức và điều hành là tuyệt vời nhất.

Anh gọi điện thoại về xí nghiệp:

- Tôi cần nói chuyện với đồng chí Ivanov.

- Anh ta không có. Và máy bị gác.

Anh nghi ngờ – thế nào là “Anh ta không có”: ốm, bỏ ra ngoài hút thuốc, đi họp hay đi công tác? Đành phải gọi lần nữa.

- Tôi đã nói là anh ta không có! – Giọng trả lời đã gắt hơn.

- Xin lỗi, chị tên là gì?

- Tên gì mà chẳng được. Tôi nhắc lại, không có Ivanov!

Và máy lại bị gác. Anh bắt đầu căng thẳng, gọi thêm lần nữa:

- Chị ơi, xin chị đừng bỏ máy. Tôi cần Ivanov có việc khẩn cấp.

Từ đầu dây bên kia vọng lại:

- Đồng chí đang làm phiền tôi đấy. Tôi nói với anh cả hai lần rồi rằng không có Ivanov! Anh ta đang nghỉ phép, sau 3 tuần nữa mới về.

Ở Mỹ những cuộc trao đổi như thế xảy ra khác hẳn. Ví dụ, anh gọi tới hãng “General Electric”.:

- Hãng G.E, tôi là John. – Một giọng nói đã được huấn luyện trả lời.

- Cho phép nói chuyện với ngài Smith.

- Ngài Smith đang đi công cán. Người thay thế ông ta là ngài Corni, số máy của ông ấy là (...). Tôi nối máy cho ngài?”.

Người đưa ra so sánh trên là Tiến sỹ kinh tế học V. I. Teresenko – trước 1955 đã sống tại Mỹ. Nhiều điều trông thấy đã làm ông ta đau đớn nhận ra rằng “ưu thế chủ nghĩa xã hội” đã được sử dụng ra sao: “ở Liên xô chúng ta có cả núi vật cản do con người tạo ra. Nó kéo theo những chi phí thời gian phi sản xuất. Những trở ngại liên quan đủ loại. Ngại trách nhiệm. Còn vô trách nhiệm là hiện tượng rất phổ biến? Vì tất cả những cái đó mà hàng chục, thậm chí hàng trăm ngàn cơ hội cải thiện cuộc sống bị bỏ lỡ. Tôi chỉ làm được 1/3 hiệu suất mà tôi có thể làm ở Mỹ. Thật xấu hổ! Thời gian không trở lại...”

Sai lầm chủ yếu dẫn đến thảm họa sau này là việc tuân theo một cách tuyệt đối mù quáng cách hiểu chủ nghĩa Mác mà người tổng chỉ huy đã từng sai lầm. Không đơn giản chỉ là thiếu một cơ chế phê bình đủ tin cậy từ dưới lên, mà ngược lại là sự bùng phát lời phê bình; không tổng hợp, mà ngược lại là phê bình thận trọng, gọi là phê bình kiểu “Trong thời gian qua, có những khuyết điểm...” (M. X. Gorbachov là người đã mở đập ngăn nước (tháo cống), làm thay đổi dòng chảy, và kết quả là không có xã hội chủ nghĩa như mong đợi, mà mất luôn cả Liên Xô). Thế giới trở nên phức tạp hơn. Thực tế xây dựng “chủ nghĩa xã hội” trở nên tầm thường hơn. Việc phản ánh những quá trình hiện thực trở nên nhàm chán, hời hợt, giáo điều. “Chủ nghĩa duy ý chí” trong Cương lĩnh thứ 3 của ĐCS Liên Xô có một giá

trị rằng: vào những năm 1980, nếu không lên được xã hội cộng sản, nhân dân Xô Viết đành phải từ bỏ mục tiêu này.

## **Tài liệu N°1.**

Những trung ương thần kinh của Liên Xô. 1953-1985.

Thuật ngữ “Trung ương thần kinh” không được sử dụng rộng rãi, cho dù ngày nay định chế điều hành này đã được đề cập tới nhiều, song chưa đến mức công luận rộng rãi ngay lập tức chú ý và nhớ mãi.

Bởi vậy cần lời giải thích rõ đó là cái gì. “Trung ương thần kinh” – là tên gọi của hội đồng (có tổ chức về hình thức) những chuyên viên và chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế, chính trị và những lĩnh vực kiến thức trực thuộc ban lãnh đạo cao cấp của đất nước hoặc nguyên thủ quốc gia (Tổng thống). Hội đồng còn gồm những cố vấn, trí thức ở các bộ, cơ quan nhà nước. Khái niệm, “Trung ương thần kinh” được sử dụng vào những năm sau chiến tranh (như “Trung ương thần kinh Kennedy”). Khi vai trò của khoa học đột ngột tăng lên đối với chính trị, còn chính các ngành khoa học khác đã phát triển tới mức đủ sức trợ giúp đáng kể cho các cơ quan chính quyền trong việc thông qua những quyết định quan trọng. “Trung ương thần kinh” có khả năng tập hợp rất nhiều chuyên gia – vài trăm, thậm chí cả nghìn người. Số lượng này không ổn định và được hình thành nên tùy thuộc vào nhu cầu ở thời điểm đó và tùy thuộc cả vào những phẩm chất cá nhân của người lãnh đạo, thái độ quan tâm, coi trọng của người đó đối với kiến thức khoa học.

Các nhận định của họ về tình hình chính trị, chính trị – quân sự, chiến lược – quân sự, ... góp phần nâng cao đáng kể tính chuyên nghiệp của chính trị.

Cũng cần phải chỉ ra rằng “Trung ương thần kinh” không phải là những cơ quan khoa học hay tổ chức hoạch định bình thường, chúng rất đa dạng và có những đặc điểm riêng. Khác với các tập thể và cơ quan khoa học thông thường, các trung tâm giám định này có đặc điểm chủ yếu là: tổng số người của nó chừng vài trăm (trong khi các cơ quan khoa học thông thường

có tới hàng chục nghìn nhân viên); Trung tâm luôn có ảnh hưởng nhất định tới quá trình thông qua các quyết định ở cấp lãnh đạo cao nhất, ở cấp chiến lược; các nhu cầu thông tin thấp nhất được nhằm vào cấp ngành, cấp quốc gia và cao nhất – cấp quốc tế; cấp độ đề tài và nước nghiên cứu chuyên sâu cùng các nhóm giải pháp kiến nghị của nó là nhằm tích cực xác định những phương hướng mới, thông tin của nó làm cho các hoạch định trở nên chính xác; tiến hành hợp tác thường xuyên với các loại chuyên gia để tìm kiếm và phân tích thông tin; quá trình xử lý thông tin được chia thành nhiều giai đoạn phân tích; tiến hành phân loại tài liệu nghiên cứu theo chuyên ngành; lập danh mục tài liệu, xác định thông tin mới và mức độ tin cậy của nguồn tin; thường xuyên tiến hành tìm kiếm, xây dựng cơ sở dữ liệu dưới dạng: tiểu sử, thư mục, tóm tắt thuyết minh, ảnh tư liệu, chủ đề, toàn văn...; thường xuyên và tự giác tiến hành, chuẩn bị những nghiên cứu, tra cứu và phân tích; sản phẩm trí tuệ của nó luôn được những người sử dụng tin cậy, đánh giá cao.

Có thể diễn đạt ý thức hệ của các trung tâm giám định như sau:

1. Chúng được trao một vai trò then chốt trong những cuộc trao đổi công việc và khoa học, lưu trữ và cung cấp thông tin cho việc thông qua các quyết định.

1. Là một bộ phận hợp thành của các tổ chức nghiên cứu thông tin. Các giám định viên đồng thời làm việc trong môi trường của các tổ chức thông tin và duy trì quan hệ chặt chẽ với những đồng nghiệp ở từng lĩnh vực cụ thể.

1. Các hệ thống giám định xác lập (biên soạn) cơ sở của công nghệ thông tin.

Các trung tâm thông tin giám định, về thực chất là các tổ chức nghiên cứu làm việc trên quan điểm thông tin.



*Viện nghiên cứu kinh tế thế giới và chính trị thế giới* được coi là “Trung ương thần kinh” đầu tiên thuộc loại này của Liên xô. Nó tồn tại từ năm 1924 đến cuối năm 1947, ban đầu nằm trong tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội chủ nghĩa, rồi theo đà phát triển tới “tương lai tươi sáng” nó thuộc về Viện Hàn lâm Khoa học Cộng Sản chủ nghĩa. Vào đầu những năm 1930 nó được chuyển thành Viện Hàn lâm Khoa học do Viện sĩ E. X. Varga lãnh đạo. Trước khi giải thể nó có 120 nhân viên chuyên nghiên cứu về cục diện kinh tế, lịch sử và lý thuyết các chu kỳ, các cuộc khủng hoảng kinh tế, sau đó đồng thời nghiên cứu quan hệ quốc tế và nguy cơ chiến tranh.

Còn một “Trung ương thần kinh” danh tiếng nữa là *Viện nghiên cứu toàn liên bang những vấn đề hệ thống của ủy ban nhà nước về khoa học và kỹ thuật trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô*. Từ khi thành lập, Giám đốc của viện là Dzermen Mikhailovich Gvisiani – ủy viên thường trực Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô, Phó chủ tịch ủy ban quốc gia về Khoa học và Kỹ thuật Liên Xô, Chủ tịch Hội đồng của Hiệp hội hỗ trợ dân tộc Câu lạc bộ Rima, ủy viên Viện Hàn lâm khoa học công trình Thụy Điển, ủy viên Viện Hàn lâm Khoa học điều hành Mỹ và quốc tế, Chủ tịch Hội đồng Viện phân tích hệ thống ứng dụng quốc tế. Thân sinh của ông ta là tướng của Bộ dân ủy Nội vụ, người đã tiến cử L. I. Beria. Chính tên mà ông đặt cho con mình có nghĩa là: DZERzinxki-MENZinxki. Vợ là Liudmila, Alekxeievna Koxygina-Gvisiani, con gái duy nhất của Thủ tướng chúng ta. Bà ta là Giám đốc Thư viện Văn học nước ngoài. Người chồng của em gái ông ta là E. M. Primacov. Trước khi thành lập viện, D. M. Gvisiani là người đứng đầu Vụ Quốc tế của ủy ban Quốc gia về Khoa học và Kỹ thuật. Trong số thuộc cấp của ông ta có đại tá O. Penkovxki – điệp viên của Anh và Mỹ. Sau khi điệp vụ bị phanh phui, tất cả những ai từng che chở cho hắn đều gặp họa, trừ có D. M. Gvisiani. Khoảng những năm 1980, D. M. Gvisiani đã từng công tác tại Viện E. T. Gaidar. Sau này, hồi tưởng lại cương vị công tác này của mình, ông ta viết: “Viện được thành lập vào năm 1967, với cương vị là Phó chủ tịch ủy ban Quốc gia về Khoa học và Kỹ thuật, tôi là

Giám đốc Viện. Theo ý tưởng, viện này phải là một viện kiểu “RAND corporation” của Liên Xô: tập hợp các chuyên gia về tổ chức, những người nghiên cứu hệ thống, nghiên cứu triết học, toán học, kinh tế để triển khai các nghiên cứu lý thuyết và giải quyết những nhiệm vụ phức tạp nhất của quốc gia”. Vị trí của Dzermen Gvisiani, con rể của Koxigin, với đẳng cấp vô hình và hữu hình trong xã hội Xô Viết thời bấy giờ đã bảo đảm cho viện những mối quan hệ tốt, đồng thời cả quyền độc lập tương đối về tư tưởng.

Lãnh đạo phòng thí nghiệm của viện là giáo sư Vadim Pavlinchenko. Làm việc tại đây có: Vladimir Garximovich, Olek Ananhin, Piotr Aven, Viachexlav Sironin, Marina Odixova. Lĩnh vực nghiên cứu chính là quy luật phát triển cơ cấu kinh tế xã hội chủ nghĩa và so sánh đối chiếu các cải cách kinh tế ở các nước xã hội chủ nghĩa. Trong viện có một quy định rõ ràng là có thể thảo luận công khai bất cứ điều gì, song không bao giờ được phép công bố chính thức tại hội thảo khoa học.

Ngoài ra còn *Những nhóm tư vấn trực thuộc BCHTW ĐCS Liên Xô*. Vào đầu những năm 1960 ở Vụ Quốc tế và Vụ Quan hệ các đảng công nhân và cộng sản các nước xã hội chủ nghĩa của BCHTW ĐCS Liên Xô có biên chế chức danh chuyên viên tư vấn và được tổ chức thành các ban tư vấn. Đến năm 1965 các ban này đổi tên thành nhóm tư vấn trực thuộc Vụ. Chức danh chuyên viên tư vấn tương đương với trưởng ban và những người lãnh đạo nhóm tư vấn tương đương với phó vụ trưởng. Sau này tổ chức viện tư vấn có cả trong vụ tư tưởng và các vụ khác của BCHTW ĐCS Liên Xô. Vào tháng 9 năm 1966 trong Vụ Tuyên truyền đã thành lập nhóm tư vấn theo quyết định của BCHTW với nhiệm vụ soạn thảo các tài liệu lý luận và chính trị. Các tiêu chuẩn chọn chuyên viên tư vấn là: hiểu biết rộng, có năng lực tư duy sáng tạo và khoa học, biết trình bày tư duy một cách sinh động và rõ ràng trên giấy.

Những người đã từng làm chuyên viên tư vấn ở đây là: V. A. Alekxandrov, G. A. Arbatov, A. A. Beliacov, N. B. Bikkenin, A. E. Bovin, O. T. Bogomolov, F. M. Burlatxki, G. I. Geraximov, V. V. Zagadin, N. P. Kolicov, R. I. Koxolapov, E. Kuxcov, I. D. Lapchev, F. F. Petrenko, V.

Provatorov, N. V. Sylin, P. N. Fedorov, A. I. Cherniaev, G. Kh. Sakhnazarov... Và giờ đây họ được đánh giá là “...nhóm tay sai giả trí thức, một bộ não rơm của ban lãnh đạo Breznev đã làm cho đất nước mất khả năng sử dụng tiềm năng khổng lồ”.

*Văn phòng chính thức trực thuộc L.I. Breznev. Chỉ có một nguồn khẳng định sự tồn tại, hoạt động và thành phần của nó khi gọi nó là “văn phòng hẹp” hay “văn phòng đen”. Thành viên của nó gồm Bộ trưởng Bộ Nội vụ Liên Xô N. A. Selokov, Chánh văn phòng BCHTW ĐCS Liên Xô G. X. Pavlov, Phó vụ trưởng thứ nhất Vụ Công tác tổ chức – Đảng N. A. Petrovichev, Vụ trưởng Vụ Khoa giáo X. P. Trapeznicov.*

*Viện các quan hệ quốc tế và kinh tế thế giới. Giám đốc đầu tiên của nó là A. A. Arzumanian, có vợ là em vợ của A. I. Mikoian (lúc đó là ủy viên Bộ chính trị BCHTW ĐCS Liên Xô, Phó chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô). Số lượng cán bộ của viện là gần 300 người.*

Quan hệ giữa những người nghiên cứu với các phản biện của họ không hề đơn giản. Trong hồi ký của mình, viện sĩ G. A. Arbatov viết: “Chuyện xảy ra nhân việc có một tờ trình phê phán hình thức giúp đỡ của chúng ta đối với các nước đang phát triển. Arzumanian đã gửi tờ trình này với số lượng 50 bản tới “các cấp hữu quan”, trong đó có ủy ban quốc gia của Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô về quan hệ kinh tế đối ngoại – nơi có nhiệm vụ chủ yếu là nghiên cứu vấn đề giúp đỡ “Thế giới thứ ba”. Ban lãnh đạo của tổ chức này đã phàn nàn với M. A. Xuxlov. Xuxlov đã đưa việc này ra cuộc họp đảng bộ của viện: “Arzumanian, tôi và anh là những đảng viên lão thành, anh hiểu và biết cách bên phản biện hoạt động là viết ra các chương trình hành động và gửi chúng đi kèm theo kiến giải riêng của mình. Cách đó không hợp. Nếu anh soạn tờ trình thì hãy gửi cho chúng tôi một bản, còn chúng tôi sẽ quyết định chuyển nó cho những ai”. arzumanian đủ gan (và muốn “chơi trội” do có họ hàng với Mikoian và có khả năng xử lý xuất sắc các mối quan hệ, kể cả với cấp rất cao) dự báo lời chỉ trích ấy – ông ta vẫn tiếp tục soạn thảo và phân phát các tờ trình mang kiến giải riêng của mình đi các nơi.

Rồi *Viện Mỹ và Canada* với tư duy ban đầu là một viện hàn lâm khoa học. Trong hồi ký mang tiêu đề rất đặc biệt “Những giải thích cho bạn đọc ham hiểu biết. Về Viện Mỹ và Canada của Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô”, Giám đốc viện là G. A. Arbatov viết rằng “Dự kiến khi thành lập viện là xây dựng một trung tâm nghiên cứu cơ bản không chỉ xuất bản sách và tạp chí của viện hàn lâm khoa học mà còn đưa ra các kết quả nghiên cứu thành những kết luận và kiến nghị thực tế, trước hết là trong lĩnh vực quan hệ Xô – Mỹ trên cơ sở luật quốc tế cho các nhà kinh tế học, chính trị học, sử học, xã hội học và những chuyên gia về vấn đề chiến tranh. Tôi cho rằng, ở mức độ nào đó, bản thân ý tưởng thành lập viện đã được gợi ra từ việc công bố (đôi lúc là quảng cáo) về công việc của Viện “RAND Corporation” Mỹ, của Viện Hudson của German Kan và những trung tâm nghiên cứu tương tự khác, cũng như đã được gợi ý ra từ những tin tức về những cái gì mà “họ”, tức ở Mỹ “và ở hàng chục viện nghiên cứu về Liên Xô ở Mỹ có”.

Những cơ quan này và nhiều cơ quan nghiên cứu nước ngoài khác, rút cuộc đã rơi vào vòng ảnh hưởng phương Tây và trở thành những phát ngôn viên cho Mỹ. Ngay trong những năm trì trệ, các trung tâm, viện nghiên cứu này đã phát triển đến cuối cùng biến tướng thành cầu nối các phân viện phân tích – thông tin của những nghiệp đoàn liên quốc gia.

## **Tài liệu N°2.**

Cơ quan KGB của Liên Xô. 1953-1985.

Trong quá khứ ủy ban An ninh quốc gia (KGB) Liên Xô đã có niềm vinh quang thực sự xứng đáng. Đặc điểm công tác của ngành an ninh là không chỉ hoàn thành điệp vụ mà còn không để lại bất cứ dấu vết nào kể cả trên mặt trận trong hay ngoài nước. Nhưng đặc điểm này cũng để lại mảng tối không tránh khỏi. Tiến hành phân tích trong lĩnh vực này cực kỳ khó khăn. Tính chất kín đáo của “Văn phòng mũi khoan xanh”, tính chất bí mật và những khái niệm như: “danh dự hiệp sĩ”, lời tuyên thệ, tình anh em, luôn buộc những con người làm công việc này trong công sở cũng như khi đã nghỉ hưu im hơi lặng tiếng về những gì họ được nghe, được thấy, được biết.

ấn phẩm về cơ quan an ninh có rất nhiều, nhưng những gì ta muốn biết, như: trong KGB có sự phản bội; vì sao chúng ta đã thua trong “chiến tranh lạnh”; về áp lực trên toàn bộ đất nước hay hệ thống yêu nước Nga, ... lại quá ít. Điều này cũng dễ hiểu. Người ta đã từng ghê tởm, còn bây giờ, để tránh cơn phẫn nộ của nhân dân, đành thoát hiểm bằng luật bí mật.

Để hiểu mâu thuẫn bên trong bất cứ cơ cấu nào, luôn cần một thái độ phân biệt tối thiểu. Trong tổ chức chính trị thì còn cần tới sự hiểu biết biện chứng bởi cuộc đấu tranh ở đó có tính chất cực kỳ căng thẳng; đồng thời, cần tính tới việc hoạt động của nó chắc chắn còn được tiến hành ở cả môi trường bên ngoài. Trong nghiên cứu của mình chúng tôi đã tiếp cận tới những mặt đó theo quan điểm lịch sử.

Giống như việc những nhân viên của Bộ Nội vụ được chia một cách đơn giản nhất thành “những kẻ phản bội” và những triệu phú danh dự, thì các nhân viên của Chêka (*ủy ban đặc biệt toàn Nga về chống phản cách mạng và phá hoại ngầm. Từ năm 1917 đến năm 1922. Tháng 2/1922 được đổi thành Cục Chính trị thuộc Bộ dân ủy Nội vụ. ND*) – KGB – FSB (Cơ quan An ninh Liên bang Nga) được phân loại thành “những nhân viên Chêka” và những nhân viên tình báo – phản gián. Một hệ thống là “những nhân viên Chêka” độc quyền vào những năm 1920. Một hệ thống khác – đó là những nhân viên tình báo và phản gián. Những người Nhà nước này, như chúng ta ngày nay gọi thế, không xuất phát từ nhận thức rằng bất cứ quốc gia nào cũng cần có biên giới vững chắc, được bảo vệ trước sự can thiệp từ bên ngoài, có tình báo ở bên ngoài, thì làm sao họ có thể củng cố “mặt trận bí mật”. Nếu như hệ thống thứ nhất tự cho mình được thành lập từ thời điểm xây dựng Chêka (20/11/1917), mà thậm chí còn từ trước đó – từ những thanh tra đầu tiên của phòng 75 trong Cung điện Xmolnyi, thì hệ thống thứ hai được tính kể từ khi có báo cáo về chiến công đầu tiên của mình – đã bắt giam và xử bắn Ia. G. Bliumkin vào năm 1929 (do có những cuộc tiếp xúc không được cấp trên phê chuẩn với L. D. Trôtkit đã bị trục xuất khỏi Liên Xô). Chiến công lớn nhất mà những nhân viên phản gián của chúng ta thực hiện vào năm 1937 là lần lượt trừ khử, tùy theo khả năng, những kẻ cạnh

tranh với mình ngay trong “Văn phòng”. Cuộc đấu đá của họ chưa bao giờ chấm dứt và kéo dài “toàn bộ 70 năm” với những chiến công như vậy. Hệ thống “những nhân viên Chêka” đã dần dần thay đổi hẳn, giờ đây họ thực hiện vai trò tay sai cho tư sản mại bản. Họ đang thu xếp những thị trường thuận lợi nhất để đón tư bản nước ngoài, họ bảo vệ những lĩnh vực sinh lợi nhất tại chính nước Nga, trong đó có việc bảo vệ chống lại sự can thiệp của những kẻ cạnh tranh từ phương Tây, bảo vệ những lợi ích của giới thượng lưu ở Nga và ở các nước thuộc Liên Xô cũ.

Hệ thống thứ hai đã thất bại trong việc thực hiện chức năng bảo vệ Tổ quốc và để nền an ninh quốc gia rơi vào yếu kém.

Vì những nguyên nhân khác nhau mà chúng ta không hiểu rằng hệ thống này hay hệ thống khác cũng phải là công cụ sắc bén. Điều quan trọng nhất là công cụ đó đang nằm trong tay ai. Tên gọi phải được bồi đắp bằng nội dung, song đôi khi tên gọi không đi kèm với nội dung. Và cái mà chúng ta cảm nhận là của mình chẳng qua chỉ là vì nó nằm trên lãnh thổ của chúng ta, còn trong thực tế nó lại thuộc về kẻ khác. Rốt cuộc, nhờ sự lãnh đạo của đảng mình mà KGB có mặt trong văn phòng điều hành cơ cấu phân tích – thông tin của những hãng tài chính – công nghiệp xuyên quốc gia.

Chúng tôi xin cung cấp tư liệu liên quan tới nhân viên ngành an ninh chủ yếu của Liên Xô. Tính chất tiêu biểu của nó, không loại trừ một ai, đã được ghi: “Trung thành vô hạn với sự nghiệp của ĐCS Liên Xô”. Và rất nhiều người trong số họ đã tỏ rõ lòng trung thành với sự nghiệp đó ngay cả khi sự nghiệp này đã đảo ngược 180°. Vì sao vậy?

Những tân binh của ngành an ninh ở thời trước kia cũng như bây giờ đều chỉ có hai dạng: những kẻ lãng mạng ngây thơ từ nhỏ đã say mê tiểu thuyết và những kẻ vô cùng thực dụng đã chọn cho mình một chỗ đứng chân đặc biệt trong hệ thống Xô Viết. Vậy, về mặt nguyên tắc, họ đã trở thành “người của ủy ban” như thế nào? Con đường dành cho một nhân viên trung cấp đã được chuẩn hóa: tốt nghiệp bất kỳ một trường cao đẳng hay đại học nào đó; trong thời gian đang học đã được các cán bộ của ngành an ninh quan tâm và tiến cử. Họ đã gia nhập ủy ban theo giấy giới thiệu của bên

đảng – đoàn hoặc được tuyển mộ lúc đầu làm người cung cấp tin. Sau đó qua các trường lớp chuyên môn của KGB: như ở Leningrad và Minxk (hiện nay là Học viện KGB); ở Mátxcơva và Novoxibirxk (hiện nay là Viện Tái đào tạo và nâng cao chuyên môn cho cán bộ của FSB Liên bang Nga); ở Orion, Xverdlov, Tbilixi. Sau đợt thực tập và thực tế người ta sẽ “phân hướng” cho từng trung úy. Gebist (thuật ngữ đồng nghĩa với “người của ủy ban”) hoàn thành những nhiệm vụ độc lập; thăng quân hàm; cố gắng được thăng chức để hoặc về công tác tại một cơ quan trung ương hoặc về hưu với hàm đại tá, mà chưa chừng ma xui quỷ khiến lại có hàm tướng cũng nên. Để được như vậy thì hoặc là tỏ ra miễn cán với công tác đảng hoặc là bí mật uống rượu vodka với thủ trưởng hay với những người từ Mátxcơva đến.

Những người của ủy ban không dính líu sâu với xã hội Xô Viết, họ được tôi luyện theo cách riêng. Rõ ràng là rất kín đáo. Đây là một vài ví dụ:

Kẻ đảo ngũ vào những năm 1990: “Mikhain Butkov đã luôn luôn cố gắng trong mọi lúc mọi nơi là người đứng đầu. Sinh ra trong một gia đình sĩ quan thuộc Cục Tình báo quốc gia...

Đại tá KGB Trưởng Văn phòng Tổng cục I KGB (Tình báo ngoại biên) O. A. Gordievxki ở Anh, đã làm việc cho người Anh và người Mỹ, đảo ngũ năm 1985. “... Có cha khi đó là đại tá Cục Huấn luyện Bộ Nội vụ...”, có người em đang phục vụ trong KGB.

Chỉ huy Cục “K” của Tổng cục I KGB (Phản gián ngoại biên), thiếu tướng O. D. Kalugin – hiện đang sống tại Mỹ – bố của ông ta “vào năm 1955 bị sa thải khỏi Bộ An ninh quốc gia, nơi mà ông ta có chức trách bảo vệ ban lãnh đạo Leningrad”.

Chỉ huy trưởng Vụ Phân tích – Thông tin (Tổng cục I KGB) đại tá, phó tiến sĩ sử học M. P. Liumov: “Bố (...) cán bộ cơ quan an ninh, vào năm 1937 bị trấn áp, sau được thả tự do và bị đuổi khỏi ngành. Suốt chiến tranh đã ở mặt trận, được cử vào cơ quan phản gián quân sự, làm việc ở đó tới năm 1950”.

Chủ tịch thứ nhất Ngân hàng Trung ương Nga, trung tá Georgi Matiukhin: “Tôi thực sự lớn lên trong gia đình Chêka. Bố tôi ban đầu là lái xe, sau phụ trách đội xe của Bộ dân ủy Nội vụ. Một người con khác của ông – Matiukhin Vladimir Geogievich – làm Phó tổng giám đốc FAPSI.

Hiệu trưởng một trường của KGB thiếu tướng X. A. Orlov – con rể của đại tướng N. P. Emokhonov Phó chủ tịch thứ nhất KGB Liên Xô.

Rốt cuộc, hiện tượng này đã trở thành hệ thống tới mức có tác dụng ngược: “Mọi người lảng tránh họ: anh sẽ không thấy người của “tổ chức” trong bất cứ nhóm bạn bè nào tụ tập tại buổi liên hoan, thậm chí trong nhóm quý tộc của bộ máy tổ chức đảng hay của các nhà ngoại giao; chỉ có những nhóm đồng nghiệp với họ trong các cơ quan cảnh vệ của Bộ Ngoại giao, Viện Kiểm sát, Tòa án là không tránh mặt các gerbist”.

“Trong KGB luôn tồn tại một mối tương trợ và liên kết bền chặt. Ở đây người ta kết thành gia đình và không muốn bất cứ người ngoài nào nhập hội; còn con cháu họ thường được bố trí vào làm ngại trong hệ thống đó”.

Như các nhà khoa học nhận xét hiện tượng đặc biệt này rằng “... loại hình hệ thống vững chắc sinh ra tính chất biệt lập và cản trở sự phát triển của chính nó. Khi đẩy sự vững chắc đó đến tận cùng logic cũng có nghĩa là vào ngõ cụt của tiến hóa, là cái chết và là cái được khẳng định bằng quá trình suy đồi đang diễn ra trong cộng đồng như thế”.

Cũng có dăm ba người từ đám tầm thường đó leo được lên tầng lớp tinh hoa, trở thành nhân vật đáng kể:

*Andropov Iuri Vladimirovich* – đại tướng Chủ tịch KGB Liên Xô: “Ông ta là loại người hai phải, ba phải và thậm chí là bốn phải trong quan điểm của mình. Ông ta đã phát ra những tín hiệu khác nhau cho các tầng lớp dân chúng khác nhau: đã từng bảo kê Liubimov và nhà hát của ông này trên phố Tagan và đồng thời rất tàn ác với những người chống đối (dissident), đã từng cho qua vụ rượu vodka rẻ tiền và kêu gọi đấu tranh với những kẻ lang thang, những kẻ say rượu, đã từng đấu tranh với những kẻ ăn hối lộ ở Taskent và Mátxcova, nhưng lại làm ngơ bọn ăn hối lộ ở Azerbaidzan, nơi



có người của ông ta điều hành – tướng KGB Geida Aliev, là người quan tâm tới những cải cách thị trường và từng kêu gọi để “những sáng kiến thời Xtalín đưa nở”.

Để khẳng định điều này, những nhân chứng khác nói rằng: “Một số người coi Andropov là người Do Thái và theo chủ nghĩa tự do kín đáo. Những người khác – là người yêu nước và kín tiếng. Một số người tin rằng việc ông ta lên nắm quyền thì trong nước sẽ có những cải cách. Những người khác thì họ chờ đợi sự lặp lại của những năm 1937. Một người kín kẽ nhất trong số các Tổng Bí thư. Một nhà hoạt động sâu sát nhất với nhân dân. Một chủ tịch đáng kính nhất của KGB”; “Hơn nữa, nếu có đi tới đánh giá tính cách của Andropov với tư cách là chủ tịch KGB theo quan điểm của chuyên ngành hẹp, (...) thì trong trường hợp này thái độ đặc biệt tôn kính từ phía bảo vệ chính trị của quốc gia tư sản đối với ông ta vẫn chưa thật rõ ràng. Một số quyết định từng được Andropov thông qua nhằm bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, theo quan điểm nghề nghiệp là chưa đủ tầm, bởi trong thực tế chúng đưa đến kết quả ngược với những dự định. Ví dụ, như dưới thời Andropov việc trục xuất những kẻ được gọi là chống đối đã trở thành mốt, (...) Tuy nhiên, khi ra tới nước ngoài những người này ngay lập tức tập hợp thành những trung tâm tuyên truyền chống Xô Viết và tham gia tích cực những hoạt động chống Liên Xô bằng sức mạnh của toàn bộ những phương tiện kỹ thuật của những ông chủ mới. Lẽ nào đó là sự chuyên nghiệp?”

Hoặc ví dụ, để củng cố nền pháp chế xã hội chủ nghĩa, Andropov đã thông qua Bộ Chính trị BCHTW một quyết định, theo đó việc kiểm tra qua các kênh chuyên môn của KGB đối với các nhân vật vào làm việc trong những tổ chức đảng được hủy bỏ. Nền pháp chế đã được củng cố, nhưng cũng vì thế mà bất cứ kẻ hám danh, trục lợi..., những kẻ có vết đen trong tiểu sử nào cũng có thể thâm nhập được vào cơ cấu chính trị. Theo thời gian, thậm chí ngay trong Bộ Chính trị cũng có những hoạt động do thám về ảnh hưởng của các đối thủ chính trị của Liên Xô được tiến hành một cách công khai.

Ngày 20 tháng 12 năm 1999, tại Mátxcơva, ở tiền cảnh của tòa nhà Lubianka (Trụ sở của KGB) đã dựng lên một tấm bảng danh dự dành cho Iu. V. Andropov (đã bị dỡ bỏ trong “cơn cuồng nộ” của sự kiện Tháng Tám).

*Bobkov Filipp Denisovich* – Đại tướng, Phó chủ tịch thứ nhất KGB Liên Xô. Nhà sử học N. N. Iakovlev, người đã từng ngồi trong Lubianka năm 1952 và từng tiếp xúc với F. D. Bobkov, nhận xét: “Theo quan sát của tôi, từ cuối những năm 1960 đến đầu những năm 1980 ông ta đã lên tới đại tướng và trở thành Phó chủ tịch thứ nhất KGB. Tôi đã từng đọc ở đâu đó, rằng trong suốt những năm tháng ấy ông là người lãnh đạo chân chính của cơ quan”.

Vị giáo sư có thể đã đọc những dòng này trong tạp chí “Ogoniok”: “Vị Phó chủ tịch thứ nhất KGB hiện nay Filipp Denisovich Bobkov từng nhiều năm lãnh đạo Cục 5 KGB – điều đó có nghĩa ông đã là một “nhân viên phản gián” chủ chốt nhất. (...) Chính ông ta có trách nhiệm rất lớn về những cuộc trấn áp đối với các nhà thơ, nhà văn, họa sĩ, các nhà khoa học, các nhà hoạt động tôn giáo và trách nhiệm về việc hình thành, phát triển những vấn đề của “những người từ bỏ”, “những người chống đối (...).

Trở thành vị Phó chủ tịch thứ nhất sau khi Iu. V. Andropov rời KGB vào BCHTW, Bobkov từ đó đến nay đang là người lãnh đạo thực sự của KGB Liên Xô. Những người của Chebricov và Kriuchkov đến rồi ra đi, song những người của Bobkov vẫn tồn tại. Theo số liệu của năm 1987, đại đa số nhân viên KGB là những thuộc hạ trực tiếp của Bobkov. Dưới thời của mình ông ta đã phân họ đi khắp đất nước giữ vai trò thủ trưởng của các Cục 5 của KGB tại các nước cộng hòa và Vụ 5 ở các địa phương, sau đó những người này còn được ông ta giúp đỡ để giành những vị trí lãnh đạo cao hơn”.

“Sau cuộc chính biến năm 1991, Bobkov đã làm cho nhiều người phải ngạc nhiên, khi ông ta mang hàm đại tướng và với kinh nghiệm công tác của Phó chủ tịch thứ nhất KGB Liên Xô bất ngờ chuyển một phần quân của mình sang che chắn cho một kẻ nguyên là dân cờ bạc bịp Guxinxki – kẻ đã

trong nháy mắt giàu phát lên từ đồng gành vụn Liên Xô. Vậy đấy, ngay cả những cây lớn cũng gục ngã trong cuồng phong của lịch sử! Mà cũng có thể ông ta trước đó đã là “kẻ chống đối bên trong” giống như gương Primakov”.

*Voronikov Valeri Pavlovich – trung tướng, Chỉ huy trưởng KGB ở vùng Kraxnoiarxk, là một trong những người kế nhiệm (sau các tướng Abramov và Ivanov) của D. F. Bobkov vào cương vị chỉ huy trưởng Cục 5 (Cục Tư tưởng, từ năm 1990 là Cục “Z” với chức năng bảo vệ chế độ hiến pháp). Trong thời gian Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại D. F. Bobkov phục vụ trong Sư đoàn Cận vệ 65 được thành lập tại Kraxnoiarxk, và thường xuyên gặp mặt đồng đội vào Ngày Chiến thắng và rồi ông ta cũng cố gắng gặp họ vào những năm 1990. Tại đây ông ta đã “xem xét” người thay thế mình. Tuy nhiên, Voronikov đã không hề làm gì khi ông ta làm lung lay chế độ. Sau khi Liên Xô tan rã viên tướng này đã sát cánh với D. F. Bobkov trong nhóm “Cây cầu”, tiếp đó chuyển sang “con đường làm chính trị”. Là đại biểu của phái KPRF tại Viện Duma quốc gia Nga hai nhiệm kỳ. Luôn vận động hành lang cho lợi ích của nhóm “Cây cầu”.*

*Txvigun Xemen Kuzmich – đại tướng, Phó chủ tịch thứ nhất KGB Liên Xô (Vợ Veta Petrovna Goldberg (Denixova) là chị của vợ L. I. Breznev, cháu của L. Z. Mekhlix)*

Như trong bất cứ cộng đồng nào, trong KGB cũng có những kẻ phản bội của mình. Chỉ những kẻ đã lộ mặt bỏ Liên Xô chạy sang phương Tây, còn những kẻ chưa bị lộ vẫn ở lại và tiếp tục phá hoại đất nước. Rất nhiều kẻ “phá hoại từ bên trong”, những kẻ chống cộng tuy không liên hệ với kẻ thù bên ngoài, song các quyền lợi ích kỷ cá nhân của chúng đã trở nên đối lập với lợi ích của đất nước. Những người này chỉ ủng hộ lợi ích của đất nước bằng lời nói, còn trên thực tế họ khéo léo thu xếp chuyện cá nhân và là những kẻ thờ ơ với chức trách của mình.

Chỉ từ quan điểm thờ ơ như vậy mới có thể lý giải nổi điều không thể giải thích – sự thù địch của ngành phản gián đối với những người bảo vệ quả cảm nhất của đất nước, đối với những người yêu nước. Tại sao vậy?

Vấn đề này thuộc vào giai đoạn 15 năm Iu. V. Andropov lãnh đạo KGB Liên Xô; thuộc về cuộc đấu tranh chống “những người theo chủ nghĩa Nga”; thuộc về F. D. Bobkov – người đã không nhận thấy hoạt động của “những kẻ chống đối ở trên cao”, mà chỉ lo vật lộn với những kẻ có tư tưởng xa lạ, tầm thường, vô tổ chức từ bên ngoài và chỉ thành công với việc đấu tranh chống chủ nghĩa yêu nước Nga cùng hệ tư tưởng của nó là chủ nghĩa Nga: “Chủ nghĩa dân tộc Nga hiện nay là kẻ thù chủ yếu. Chúng tôi sẽ nắm được những kẻ chống đối, chỉ một đêm là chúng tôi bắt hết bọn chúng”, – Fedochuk đã từng tuyên bố thể vào những năm 1980 của KGB. Đường lối của cơ quan ông ta và của toàn bộ bộ máy đảng – nhà nước đã khẳng định đó là phương hướng không chỉ trong một ngày hay một năm. “Chủ nghĩa dân tộc Nga” luôn là kẻ thù của họ.

Đó mới chỉ là một ví dụ trong lĩnh vực mà bàn tay sắt của chính quyền đã hành động một cách thô bạo, công khai. Vụ án hình sự đối với Vladimir Oxipov chủ bút của tạp chí yêu nước “Veche”. Ngày 30 tháng 4 năm 1974, sếp của ngành an ninh quốc gia khi đó là Iu. Andropov đã ra lệnh tiến hành điều tra “sự kiện xuất bản cuốn tạp chí “Veche” chống Xô Viết. Không ủy nhiệm hồ sơ có tầm quan trọng quốc gia đặc biệt này cho bất cứ ai trong số hàng chục nghìn nhân viên, cũng không đợi cho đến khi mở cuộc điều tra, bản thân ông ta đã lập bản kết tội. Rồi sau đó đích thân ông ta giám sát sao cho mức hình phạt phải cao nhất. Mầm sống mỏng manh gắn với nền tảng dân tộc, với nhận thức Nga này đã làm cho Andropov sợ hãi đến như vậy.

Vladimir Oxipov đã trở thành tù nhân chính trị đầu tiên bị xét xử sau Biên bản Henxinhki. Thật thiếu cận khi nghĩ rằng dường như trong KGB và BCHTW ở cấp cao nhất không tính đến tình hình. Họ muốn kiểm tra thái độ của phương Tây đối với Biên bản đó. Các gebist rõ ràng đã dự kiến kiến rằng việc kết án một kẻ theo chủ nghĩa dân tộc Nga sẽ không gây nên phản ứng sâu sắc như trong trường hợp xét xử những kẻ chống đối mang khuynh hướng thân phương Tây. Đánh giá này tỏ ra hoàn toàn chính xác. “Quyền con người” không thể nảy nở trong cư dân gốc Nga. Cả các chính khách

phương Tây lẫn ban lãnh đạo cộng sản đương quyền đều không muốn điều đó xảy ra.

Sau đó, đương nhiên các cuộc thanh trừng đã động tới cả những kẻ chống đối. Vì điều này mà họ phải cảm ơn rất nhiều việc phương Tây đã im lặng trong vụ án Oxipov. Cũng thật ngây thơ nghĩ rằng khi guồng máy khủng bố đã quay tít thì nó sẽ phẫu thuật chính xác một số kẻ này mà không động chạm tới những người khác.

Và dù sao – theo phương châm của Fedorchuk (và của cả những kẻ đã từng nắm quyền lực trước và sau ông ta) – những kẻ thù số một và những đối thủ ít nguy hiểm hơn đã được giám sát theo những phương thức khác nhau. Trong 2 năm trước, khi có phiên tòa xử chủ bút “Veche” đã có một tòa án khác dành cho những kẻ chống đối khá nổi tiếng, như P. Iakir và V. Kraxin – những kẻ đã cho xuất bản cuốn “Biên niên những sự kiện đã diễn ra”. Dường như Biên bản Henxinhki không trói được tay của những kẻ thanh trừng. Hơn nữa, lời lẽ trong bản án cũng nhẹ hẫng so với trường hợp của Oxipov: lưu đày ngắn hạn tại Riazan và Tver.

Những hành động chống những người yêu nước đã được bắt đầu không phải mới chiều qua và cũng chưa bao giờ chấm dứt. Như trong một tài liệu thu được từ BCHTW ĐCS Liên Xô thể hiện: “Thời gian gần đây ở Matxcơva và tại một loạt thành phố khác của đất nước đã xuất hiện khuynh hướng của một vài bộ phận trong giới trí thức tự nhận mình là “Những nhà Nga học”. Dưới khẩu hiệu bảo vệ những truyền thống dân tộc Nga, họ, về thực chất, đang tích cực hoạt động chống Xô Viết. Sự phát triển của khuynh hướng này đang được các trung tâm tư tưởng nước ngoài, các tổ chức kiều dân chống Xô Viết và các phương tiện thông tin đại chúng tư sản xúi giục và cổ vũ. Các cơ quan tình báo đối phương đang coi đây là một khả năng để thâm nhập phá hoại chế độ Xô Viết.

Các đại diện chính thức của các quốc gia tư bản tại Liên Xô đang quan tâm sâu sắc tới môi trường này. Riêng đại sứ quán Mỹ, Italia, Cộng hòa Liên bang Đức, Canada đang đặc biệt quan tâm. Các nhân viên của họ đang cố gắng tiếp xúc với những kẻ được gọi là “Những nhà Nga học” nhằm

mục đích thu thập thông tin và xác định rõ những nhân vật mà họ cho là có khả năng sử dụng vào những hoạt động thù địch.

Theo tài liệu này, đối phương đánh giá những nhân vật này như một sức mạnh có thể làm hồi sinh hoạt động chống xã hội ở Liên Xô trên cơ sở mới. Bên cạnh đó, cần nhận thấy rằng hoạt động này còn diễn ra trong một môi trường khác quan trọng hơn: những kẻ đã từng chịu thất bại và bị mất uy tín trong dư luận xã hội được gọi là “Những người bảo vệ pháp luật”.

Nghiên cứu thi trong “Những nhà Nga học” cho thấy quy mô của những người ủng hộ họ đang được mở rộng, cho dù không cùng dân tộc và mang tính có tổ chức.

Mỗi nguy hiểm được biểu hiện trước hết ở việc những kẻ thù công khai của chế độ Xô Viết đang che đậy hoạt động phá hoại của mình bằng “chủ nghĩa dân tộc Nga” và tư tưởng mị dân về sự cần thiết phải đấu tranh để giữ gìn nền văn hóa Nga, những tượng đài cổ, để “cứu dân tộc Nga”.

Vì những gì được trình bày ở trên, cần phải chấm dứt các biểu hiện thù địch đó.

KGB Liên Xô không chấp nhận những người yêu nước và giới cầm quyền thượng lưu bởi đã từ lâu họ đã từng làm vấy bẩn trong tất cả những chuyện không tốt đẹp của các thời kỳ Xô Viết. Nó bổ sung không hẳn chỉ là tư tưởng tự do, thân phương Tây, mà nhiều hơn là tư tưởng Nga “của mình”.

Song trong một quốc gia không chỉ có lớp “tiện dân” và có thể trấn áp họ mà không sợ bị trừng phạt. Đối với giới cầm quyền, các “chêka” lại có thái độ hoàn toàn khác.

Trước năm 1953, mối quan hệ của dân an ninh và tầng lớp thượng lưu có quyền lực được hình thành rất phức tạp: dân an ninh giám sát tầng lớp thượng lưu và những thông tin về họ được báo cáo đơn tuyến lên cho Xtalin: “Những kẻ hầu người hạ không biết viết tên của chính mình (...), song dân giàu có, bề trên, có quyền thế không được một phút lãng quên việc: ai tuyển chọn những người hầu, ai trả lương cho họ, thế lực tàn nhẫn

nào mà trong lịch sử Nga chỉ được viết ra bằng 3 hoặc 4 chữ cái đang nắm giữ linh hồn của kẻ hầu bàn, cô người ở kia – đó là đặc tính của vẻ kiêu diễm cộng sản – thế lực đó có thể bất ngờ bước lên phía trước và có thể bắt bất cứ vị khách mời nào cho kiểm tra túi kèm theo một giọng nói khê: “Bình tĩnh, tôi đang thi hành công vụ” – và cho dù bạn là ai, bạn đành phải quay lại, bỏ đi...”.

“Các tổ chức Bộ dân ủy Nội vụ có tiếng nói quyết định trong mọi đề bạt hay thuyên chuyển những cán bộ bên kinh tế, chính phủ, đảng”.

Tầng lớp cao cấp không hài lòng với tình trạng này và họ đã ủng hộ quan điểm của N. X. Khrusov chống Xtalin. Khrusov đã triển khai thuận lợi mọi chiến dịch theo hướng này.

Trong các giai đoạn sau Xtalin, những kẻ họ “cao” này (*Nguyên bản là Clann – những người cùng huyết thống*) đã soạn ra các quy tắc xử phạt kẻ phạm lỗi. Sau khi phân tích phản ứng của ban lãnh đạo cao cấp và của tổ chức thanh trừng về những kẻ phản bội và gián điệp đã bị phanh phui có thể cung cấp cho ta những điều bất ngờ. Chỉ riêng trong số kẻ phạm tội và phản bội đã có nhân vật thuộc “quân số” (establishment) cao cấp, thì phương án trừng phạt đã trở nên mềm mại hơn: ví dụ, ngày 5 tháng 5 năm 1960, trong buổi tiếp ngoại giao Thứ trưởng Bộ Ngoại giao là Ia. A. Malik trong tình trạng say rượu đã kể cho Đại sứ Thụy Điển Rolf Sunman[2] về việc viên phi công F. G. Pauers lái chiếc máy bay trinh sát U-2 của Mỹ, bị bắn hạ ngày 1 tháng 5 năm 1960 vẫn còn sống và sẽ phải bị xét xử. Trong khi thông báo chính thức khẳng định viên phi công đó đã chết. Còn chính N. X. Khrusov muốn im lặng về việc đó cho tới khi đưa ra xử tại tòa án. Tuy nhiên, Ia. A. Malik chỉ bị khiển trách nghiêm khắc theo quyết định của BCHTW ĐCS Liên Xô.

Cả với V. Belenko cũng vậy. Vốn là phi công quân sự đảo ngũ cùng chiếc máy bay Mig-25 sang Nhật Bản, về nguyên tắc, anh ta có thể không phải lo gì đến cuộc sống và lợi ích của gia đình, bởi “bố mẹ anh ta là những người có rất nhiều ảnh hưởng để chuyện đó không xảy ra”. A. Sevchenko – nguyên Phó tổng thư ký của Liên Xô tại Liên Hợp Quốc, từng học cùng với

con trai Bộ trưởng Ngoại giao A. A. Gromyko, thường hay lui tới thăm gia đình này và đã được bổ nhiệm vào cương vị cao nhờ “ô dù”. Nếu “thường dân” mà thực hiện hành động sai lầm như thế thì hình phạt sẽ khắc nghiệt hơn. Rõ ràng là những yếu tố chủ quan đã đóng vai trò rất lớn trong trường hợp này. Quốc gia (với đại diện là KGB và bộ đội biên phòng) có sự bảo vệ rất nghiêm ngặt chống lại bất cứ tên do thám, gián điệp nào, những đã không thể liếc mắt vào những kẻ phản bội có cương vị cao. KGB trong khuôn khổ quyền lực của mình đã tỏ ra bất lực với những người thuộc giới cao cấp và nó cũng không muốn vượt ra ngoài khuôn phép – mọi sáng kiến sẽ bị trừng phạt...

Trong những năm “công khai” (Glasnost) thời điểm này đã trở thành một trong những bằng chứng đáng kể nhất về sự tha hóa của tầng lớp thượng lưu và là một trong những nguyên nhân của cuộc đấu tranh chống “những đặc quyền bất hợp pháp” – đặc quyền về việc không can thiệp đời tư: “... Chủ tịch KGB có những mệnh lệnh cấm tiến hành bất cứ một cuộc điều tra nào đối với giới thượng lưu Xô Viết và các thành viên gia đình họ. Nếu nhân viên KGB nào có được thông tin gây tổn hại thanh danh cho những con người này, anh ta phải lập tức thủ tiêu ngay thông tin đó (...) Cơ quan chỉ tìm kiếm bọn gián điệp trong đám công nhân, nông dân và trí thức “không nguồn gốc”. Tuy nhiên, trong một số mệnh lệnh khác của các vị chủ tịch cũng luôn thể hiện kiểu đạo đức giả như các cơ quan tình báo nước ngoài đang cố gắng tuyển mộ gián điệp, trước hết, trong các tổ chức lãnh đạo đảng và Xô Viết, cũng như ngay trong các nhân viên KGB và Bộ Nội vụ”. “...Mọi sự giám sát (kể cả của KGB) đối với các nhân vật cao cấp – các ủy viên BCHTW, các bí thư khu ủy đã được giải tỏa. Có cả hướng dẫn đối với các cơ quan an ninh quốc gia, theo đó cấm tiến hành các tác vụ (bao gồm nghe trộm và giám sát) đối với các đại biểu, các cán bộ cao cấp của công đoàn, đoàn thanh niên, của đảng. Thậm chí nếu nếu trong các hồ sơ chuyên án của KGB có mối quan hệ nào đó dẫn tới các đại diện trên thì nó cũng bị cắt đứt và cuộc điều tra sẽ bị đình chỉ.



Bất cứ tư liệu nào về các đảng viên cao cấp (có thể do tình cờ phát hiện ra qua những vụ việc khác) đều bị hủy. Có thể nói rằng giới cao cấp có được đặc quyền phản bội Tổ quốc mà không bị trừng phạt. Giới cao cấp bên đảng chỉ chịu sự kiểm soát của các nhà tư tưởng của ĐCS Liên Xô và nó “củng cố” KGB thông qua các cựu cán bộ đảng – đoàn (trong số cán bộ này có khá nhiều người không còn cơ hội để thăng tiến bên đảng đã vào được những cương vị thích hợp trong KGB)”. Vậy là, trong những năm N. X. Khrusov lãnh đạo đất nước có nhiều lãnh đạo cao cấp đã thoát tội để rồi giờ đây họ có thể làm gì tùy thích. Nhiều đại diện của giới thượng lưu còn được cử sang để bảo đảm cho sự lãnh đạo bên KGB “... Nhằm củng cố các cơ quan an ninh bằng những cán bộ dày dặn kinh nghiệm, người ta đã bố trí vào các cương vị lãnh đạo những nhân vật thuộc ngành công tác đảng, công tác hành chính, thậm chí là những nhân vật trong số người thân cận của họ.

Trong những năm Iu. V. Andropov lãnh đạo KGB đã có nhiều người sang làm công tác lãnh đạo bên an ninh như: V. M. Chebrikov và V. A. Kriuchkov – các chủ tịch tương lai của KGB; G. E. Ageiev và V. P. Emokhonov – sau này trở thành các phó chủ tịch thứ nhất; V. P. Pirozkov, M. I. Ermakov, V. A. Ponomariev – các phó chủ tịch tương lai và nhiều người khác. Nhiều người trong đám nhân vật kiệt xuất được tiến cử này đã trở thành thủ trưởng các tổng cục và các cục độc lập, các cơ quan ở địa phương. Chỉ có một phần rất nhỏ của ban lãnh đạo KGB thực sự là những người dày dặn kinh nghiệm trưởng thành từ dưới lên, đó là: Phó chủ tịch thứ nhất G. K. Txinaiev, F. D. Bobkov, Phó chủ tịch – Thủ trưởng Tổng cục Phản gián G. F. Grigorenko, Phó chủ tịch – Thủ trưởng Tổng cục V. A. Matroxov và một số người khác. Theo thực chất, nguyên tắc ưu tiên cán bộ đảng cao cấp trong việc tiến cử vào cương vị lãnh đạo không chỉ được duy trì mà còn được phát triển với mức độ cao hơn khi Iuri Vladimirovich trở thành Tổng bí thư”; “KGB thời sau Xtalin đã được đặt dưới sự kiểm soát chặt chẽ của ĐCS Liên Xô. (...) Có nhiều cán bộ cao cấp bên đảng – đoàn đã lần lượt được cử vào các cơ quan an ninh quốc gia. Đảng trong KGB đã thực hiện “sự lãnh đạo chính trị” bằng cách tạo khả năng can thiệp vào

chuyên án, thậm chí từ quy mô bí thư khu ủy”. Rõ ràng, ở đây tác giả bài báo đã đưa ra ví dụ được mọi người biết đến qua một cuốn sách của thời kỳ cải tổ: “... Phó chủ tịch thứ nhất KGB V. P. Pirozkov tới Xverdlov. (...) Chúng tôi – tôi, Pirozkov Kornilov – ngồi bên nhau. Câu chuyện diễn ra bình thường và Kornilov nói xen vào rằng cục của KGB có quan hệ rất thân thiện với Ban Chấp hành khu ủy. Pirozkov bỗng gắt lên: “Tướng Kornilov, đứng lên!”. Kornilov đứng nghiêm, còn tôi đang ngơ ngác. Pirozkov nói gằn từng từ: “Ông nhớ cho kỹ, trong mọi hoạt động của mình ông không được phép thân thiết với các tổ chức đảng, mà phải làm việc dưới sự lãnh đạo của họ và chỉ vậy thôi”. Cũng cần phải nói rõ là thượng tướng V. P. Pirozkov xuất thân từ giới cao cấp bên đảng – trước năm 1968 đã từng là Bí thư thứ hai Khu ủy Altai của ĐCS Liên Xô.

Vượt ra ngoài khuôn khổ thời gian, chúng tôi phát hiện ra rằng lời phê phán đó là dấu hiệu đầu tiên khi người ta bắt đầu chơi con bài KGB trong thời kỳ cải tổ và điều đó được thực hiện một cách rất khiêu khích chính từ phía KGB: một cựu binh đã viết bài báo mang tên “Im lặng đáng xấu hổ” và gửi cho mục “Người phát ngôn của lực lượng cải tổ” trên tạp chí “Ogoniok”. Từ đó cả nước có thể biết về “sự bất công” được đề cập trong bài báo: “Theo tôi, những thay đổi cán bộ đã ảnh hưởng rất lớn tới việc nền an ninh quốc gia từ giữa những năm 1950 đến thập kỷ 1980 (Thậm chí, cho đến tận ngày nay), thực thi những chức năng và sự vụ không phải của mình. Các chuyên gia bị tống ra được thay bằng những cán bộ bên đảng và đoàn thanh niên – những người đã phổ biến một cung cách làm việc thiếu tính chuyên nghiệp, thói dựa dẫm và hám danh vào nền nếp sinh hoạt của các cơ quan. Ai cũng thấy, điều đó đã làm cho mọi việc trở nên rệu rã.

### **Nhiệm vụ của Xuxlov**

Một nửa sự thật không chỉ là sự giả dối, mà thậm chí còn tệ hơn cả sự giả dối.

*F. M. Doxtoievski*

Chúng ta hiểu rằng một thời gian dài người thư ký phụ trách những vấn đề tư tưởng của Ban Bí thư BCHTW ĐCS Liên Xô là M. A. Xuxlov đã là

nhân vật chủ yếu của bộ máy tư tưởng ĐCS Liên Xô và “các đảng cộng sản anh em”. Những người kiểu như Xuxlov không chỉ có một triệu mà còn hơn thế nhiều. Trong việc nghiên cứu các môn khoa học chân chính, khoa học biện chứng họ chỉ say mê hồi đang còn học ở phổ thông – ở những lớp cuối cấp họ buộc phải trao đổi với nhau các câu trích dẫn từ các công trình kinh điển. Trong khi đó, tại một số bang ở Mỹ đã thực thi một kiểu xử phạt hành chính là sau khi bắt được kẻ vi phạm lệ giao thông, theo phán quyết của tòa án, kẻ vi phạm sẽ phải viết đi viết lại hàng trăm lần câu: “Tôi sẽ không bao giờ sang đường khi có đèn đỏ”. Vậy mà người ta đã trừng phạt tất cả chúng ta, ít nhất là những người đã tốt nghiệp phổ thông trước năm 1990 theo kiểu đó.

Xuxlov đã làm cho cuộc sống trở nên nặng nề bởi những giáo lý, ông ta bóp nghẹt cuộc sống và làm biến đổi hiện thực. Hơn bất cứ ai khác, ông ta đã đầu độc nhân dân bằng ý nguyện xây dựng “tương lai tươi sáng”. Bởi những hoạt động của ông ta mà nhân dân đã phải sống với sự giác ngộ vay mượn – cuộc sống không được tiếp nhận những gì nó có trong thực tế, mà nó bị khúc xạ qua lăng kính những quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin chân chính với những thuật ngữ, những câu trích dẫn câu thả...

Nghị quyết BCHTW ĐCS Liên Xô ngày 21 tháng 10 năm 1959 về việc tiêu hủy các cuốn sách của I. V. Xtalin... đã có vai trò đặc biệt xấu trong việc truyền tải bầu dưỡng khí thông tin. Theo nghị quyết này, các cuốn sách đó tại mọi thư viện trong nước đều bị đưa vào diện quản lý đặc biệt, không được cung cấp công khai: “Sách thuộc diện quản lý đặc biệt và chỉ được cung cấp cho những người đã xác định chắc chắn là có giấy giới thiệu thích hợp”. Còn tại các cơ quan đảng chúng bị tịch thu và tiêu hủy. Vào cuối thập kỷ 1960, người ta dự định xuất bản tuyển tập Xtalin, song do điều đó hiển nhiên không có lợi cho những người đương cầm quyền nên bộ tuyển tập lại bị hủy bỏ. Trong khi đó, các tác phẩm của Xtalin lại được Trường đại học Stanford (Mỹ) cho in thành ba tập vào năm 1967.[3] Liên Xô đã mua ấn phẩm này với một số lượng rất hạn chế và đóng dấu không phổ biến. Chỉ

đến năm 1997 những tác phẩm của I. V. Xtalin do R. I. Koxolapov chủ biên mới được công bố.

Những hành vi trong lĩnh vực xuất bản, điện ảnh và báo chí mới thực nghiệt ngã: “Bằng phương pháp duy ý chí – “không vì bất cứ lý do nào” – Xuxlov đã đọc đoán ra quyết định đình bản tờ tạp chí “Xlavian” (Người Xlavơ) rất nổi tiếng trong thập kỷ 1950.

Tất cả bắt đầu, – nguyên Tổng biên tập của tạp chí là Xergei Pilichuk kể, – từ ý định chú giải bản luận văn về các nước trong hệ Xlavơ. Chúng tôi đã đưa ra một số thông tin và rồi có một cú điện thoại rất gay gắt: “Ai đã cho phép?”.

- Vậy điều này cũng phải có phép sao? Tôi hỏi.

- “Anh đã đọc luận văn đó chưa?”.

- Tôi đã đọc bản tóm tắt.

Khi đó, người gọi điện cho tôi đã giải thích rằng có một vị lãnh đạo của PORP đã đề nghị M. A. Xuxlov cung cấp bản luận văn mà tạp chí chúng tôi đã đưa tin.

M. A. Xuxlov, sau khi trò chuyện với vị khách, đã nói: “Ai biết được họ viết những gì trong đó” và ra lệnh ngừng đăng thông tin về bản luận văn này.

Sau đòn tấn công này, sự tồn tại của cuốn tạp chí luôn bị đe dọa.

“Để không còn chủ nghĩa Đại Xlavơ”, M. A. Xuxlov khẳng định và ông ta đưa vấn đề “Xlavian” ra ủy ban Tư tưởng BCHTW ĐCS Liên Xô. Vậy là người Xlavơ không còn “Xlavian” nữa.

Khi nói tới việc M. A. Xuxlov chỉ là đỉnh tháp của cả tòa tháp khổng lồ, có thể chỉ ra rằng cách đây không lâu đã từng có một định nghĩa chính xác: “Kẻ tư tế” của tòa tháp này: “Nếu nói về nội dung hoạt động tư tưởng thì có thể nói về sự hình thành một đảng cấp mới của những kẻ tư tế. Ngay trong thập kỷ 1930 các nhà tư tưởng, sau khi trở thành những người diễn giải chủ nghĩa Mác, họ đã dần dần thay sửa bản chất của chủ nghĩa đó, họ tước bỏ nội dung thực và biến nó thành một mớ giáo lý liên quan tới quá khứ.

Những lời nói của Mác và Lênin được tuyệt đối hóa thành những lời đặc biệt thiêng liêng.

Dần dần các nhà tư tưởng, như những kẻ phụng sự tôn thờ một tôn giáo mới, đã chiếm được vị trí đặc biệt trong xã hội. Rồi họ có được quyền lực thực tế: chính họ phán xét và trả lời về việc lời nói hay bài viết của nhân vật này hay nhân vật kia cho giáo luật. Họ dựng nên một hệ thống những điều cấm kỵ, bày tỏ lòng trung thành tuyệt đối với chủ nghĩa Mác – Lênin, tung hô “hoan nghênh” và “muôn năm” quyền lực. Thêm vào đó, khác với công việc của bất kỳ lĩnh vực khoa học hay sản xuất nào, họ chẳng phải chịu một trách nhiệm gì, họ an toàn đứng ngoài mọi sự phê phán, kiểm soát. Tất cả những điều này đã thúc đẩy sự phản lựa chọn của các nhà tư tưởng hay “trò nguy tư tế”.

Nhiệm vụ của các Xuxlov gồm:

- Làm tầm thường hóa thế giới quan của những hạt nhân lãnh đạo: “Chủ nghĩa Mác bị đơn giản hóa và sơ lược hóa xuất phát từ việc cho rằng tất cả các nền văn minh đều đi chung một con đường, đã trở thành nền tảng quan niệm của tất cả những người gánh vác quyền lực trong 10 năm cuối ở dạng tiềm ẩn.

Sự thật, những con người này đã từ bỏ lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, nhưng đó mới chỉ xảy ra ở tầng lớp trên, còn dưới nó là quan niệm nền tảng về sự thống nhất phát triển kinh tế, xã hội thế giới...”

- Thiết lập giả tưởng trù tượng về xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

- Kìm hãm cái mới: “Trong (...) các sách giáo khoa của tất cả các trường đại học, mà nội dung của chúng là một bộ phận cấu thành học vấn đại học, toàn trình bày những kết quả của 50-100 năm trước. Các kết luận của Mác, Ăngghen và Lênin thì được diễn đạt bằng những câu loanh quanh, rườm rà. Cao giọng khi nói về những quyết định của các kỳ đại hội ĐCS Liên Xô. Lời phê phán các triết gia, các nhà kinh tế học, xã hội học tư sản được đưa ra bằng cách trích dẫn tùy tiện từ những diễn đạt không rõ ràng, không

phản ánh bản chất quan điểm của các tác giả. Toàn bộ tính hiện đại, tất cả những cái mới đều bị bỏ qua. Thế giới dường như đã dừng lại ở tầm phát triển đã đạt được.

- Sản xuất các huyền thoại.

Sự im lặng, thiếu kiến thức về quá khứ, tùy tiện trong nghiên cứu – ngoại trừ việc dựa vào chủ nghĩa Mác – Lênin – vào thời đại “Glaxnost” (Công khai) đã dẫn tới những chuyện hoang đường, nhạo báng quá khứ một cách quỷ quyệt, khuynh hướng bội nhọ. Báo chí, lịch sử Xô Viết đã phải chịu toàn bộ ảnh hưởng của họ – những xuxlov.

- Đặt ra những cấm đoán đối với tất cả những gì có thể làm nảy mầm tư duy lành mạnh.

Một trong những nguyên nhân của việc Liên Xô tan rã sau này theo kịch bản đã soạn sẵn là có sự *chủ tâm*, tôi nhấn mạnh, ở nửa thứ hai của giai đoạn các nhà cộng sản cầm quyền đã có một chiến dịch ngu dân được tiến hành nhằm mục đích ngăn chặn sự phê phán và vạch trần thói quan liêu trong đảng và của những người quản lý tư tưởng của đảng – những kẻ nguy tư tế của chủ nghĩa Lenin, những ông quan phì nộn. Không có nền chính trị học chân chính. Từ đó có thể kết luận: phương pháp ngu dân của giới thượng lưu thông qua các kẻ tư tế làm trung gian là *có tính phổ biến* và đặc trưng cho mọi hình thái cầm quyền, nó có cả trong chế độ xã hội chủ nghĩa.

Những kẻ giáo điều đã không cho phép nghiên cứu những mâu thuẫn đang phát triển trong lòng hệ thống, đặc biệt là nguy cơ tiềm ẩn to lớn từ mối quan hệ thù hận đang được hình thành giữa các quan chức (Clann) suy thoái với quần chúng nhân dân.

Nhân dân thậm chí không biết đến từ “chính trị học”. Họ không biết những sự kiện đang diễn ra trong các hệ thống xã hội như thế là ly tâm hay hướng tâm. Không có phần cho họ – kẻ thứ ba. Và nói riêng, vấn đề chính của bất kỳ một chính khách nào – đó là họ sẽ thúc đẩy khuynh hướng nào và ngăn chặn khuynh hướng nào trong số đó. Đến khi họ có thể đánh giá được rõ ràng và chính xác ai là người đang đứng trong họ. Quan điểm như

thế – ngay trong khuôn khổ những đánh giá hệ thống của chúng ta – là tương đối khách quan và vì thế nó mang tính tổng hợp cho mọi thời đại, mọi quốc gia, mọi dân tộc; cũng chính vì thế nó cho phép chỉ ra vị trí của người nghiên cứu trong hệ thống các tọa độ; cũng chính vì thế nó cho phép sử dụng con người như một khách thể trong các mảnh khé của mình vào lúc mà họ đặt mình làm phần tử của hệ thống đối lập.

Thay vì phải khai sáng nhân dân, các viên tư tế đã dựng nên những huyền thoại. Các viên tư tế luôn đối xử với khách thể trong mảnh khé của mình – với quần chúng – nhờ sự trợ giúp của các huyền thoại, kể cả trong hiện tại, cả trong quá khứ lịch sử và cả trong tương lai.

Các huyền thoại đã tạo dựng nên một cơ chế nào đó, chúng bám rễ vào nhau, bám vào khoa học, nghệ thuật. Chúng che chắn cho mình sao cho một cái trong chúng có thể bị cắt bỏ, bị vạch trần trước mọi người, song những cái còn lại vẫn vững bền bởi chúng được toàn bộ hệ thống bảo hộ.

Chúng tôi chọn ra đây một vài huyền thoại đã từng được “sử dụng” trong cơ cấu này trước cải tổ.

### **Những huyền thoại của kẻ phụng sự “Trì trệ lớn”**

*Huyền thoại về tính đúng đắn của hệ tư tưởng mác xít.* Trong thời đại Xô Viết, chủ nghĩa Mác – Lênin luôn được coi là học thuyết tiên tiến nhất về mọi phương diện và không bao giờ có một học thuyết nào khác có thể hoàn thiện hơn thế. Và trên thế giới không thể có một lý luận hay phương pháp khoa học nào hơn được nó. Vậy mà thế giới đã dần dần trở nên phức tạp hơn, không chỉ đã hình thành nên cái mới mà thậm chí nghiên cứu nó bằng học thuyết Mác – Lênin, về nguyên tắc, đang trở nên bất cập. Học thuyết mác xít đã không thể: “nhận thức xã hội Xô Viết một cách khoa học mà theo đó tình hình diễn ra được đánh giá là tiền khủng hoảng và đơn giản là người ta không nhận thấy khủng hoảng đang đến gần. Họ không nhận thấy hay là không muốn nhận thấy.

Chúng ta còn nhận thấy rằng nếu trước khi chúng ta thất bại trong quá trình “cải tổ”, những lời nói khẳng định về tính ưu việt của chủ nghĩa Mác

còn mang một tư duy lành mạnh nào đó thì đến lúc này những lời khẳng định tương tự như vậy đã hoàn toàn để mất tư duy đó.

Những người cộng sản chính thống vẫn tiếp tục lặp đi lặp lại về tính ưu việt trong phương pháp của chủ nghĩa Mác, song đó chỉ là sự tiếp tục bảo lưu những cái cũ. Đơn giản là họ đã không thể công nhận (cho dù thất bại trong “chiến tranh lạnh”) điều vô cùng hiển nhiên – sự lỗi thời trên nhiều khía cạnh của phương pháp luận mác xít trong một thế giới đang thay đổi nhanh chóng, mà thành tố thông tin đang trở thành nhân tố tác động chính. Tuy nhiên, chúng ta sẽ nhớ rằng, những công nghệ mới của người chiến thắng thường hoàn hảo hơn, thậm chí nếu đó là công nghệ của kẻ thù.

*Huyền thoại về tính chất thiêng liêng của sự lãnh đạo của ĐCS Liên Xô. Ban lãnh đạo cao nhất của ĐCS Liên Xô ngày càng mất đi sự trong sáng bởi những kẻ thù đến nay còn giấu mặt, bởi những kẻ cơ hội – những người được ai đó che chở và bởi cả những trí thức rác rưởi nằm trong bộ máy nhà nước và trong nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, tiến trình đó càng trở nên trầm trọng khi các nỗ lực tuyên truyền được tăng cường theo kiểu tung hô “... cá nhân Leonid Ilich (Breznev)...” dân chúng và giới quan chức xa cách nhau. Người ta đã từng quả quyết với nhân dân rằng xây dựng chủ nghĩa cộng sản không thành vấn đề, mà vấn đề chính – đó là vật liệu con người. ĐCS Liên Xô đã gánh vác việc tạo ra vật liệu đó và vì tương lai của chủ nghĩa cộng sản, ĐCS Liên Xô đã đưa tất cả con em mình vào giới lãnh đạo. Rõ ràng, huyền thoại này không thể tồn tại được lâu và những sự kiện sau này đã chỉ ra điều đó.*

*Huyền thoại về tính không thể thất bại của Liên Xô. I. V. Xtalin đã không chỉ một hay hai lần kêu gọi cảnh giác khi nói về quá trình đang diễn ra trong thực tế ở Liên Xô – chỉ có cuộc đấu tranh nhằm xây dựng chủ nghĩa cộng sản và nhắc nhở về sức mạnh của thù trong, giặc ngoài, về việc trong chủ nghĩa xã hội vẫn còn những mặt trái – mà thuật ngữ của ông là “những mặt tối của các thành tựu kinh tế”. Các nhà lãnh đạo sau đó cũng từng tuyên bố rằng, sự phục hồi trật tự tư bản và chiến thắng của phương Tây trong “chiến tranh lạnh”, về nguyên tắc, là không thể xảy ra. Cũng tương tự*



như vậy, các tuyên truyền viên trước Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại đã chẳng cần biết đến chiến thuật của quân đội Đức (Wehrmacht), còn báo chí của ta chỉ viết về sự yếu kém của nền chính trị Mỹ. Còn bây giờ ta lại phải dùng tới số lùi để đi đến kết luận đáng buồn: do không hiểu rõ những mặt mạnh của nền chính trị Mỹ (còn những yếu kém của nó thì đã được viết quá đủ rồi), do giảm sút tinh thần cảnh giác, do đã quá tin tưởng một cách thiếu cơ sở đối với giới thượng lưu: "...50 năm vừa qua chúng ta đã sống trong ảo tưởng được an toàn, trong một nền an ninh không có thực. Thêm vào đó, bản thân hệ tư tưởng đã buộc chúng ta củng cố một tư duy rằng chiến thắng của chúng ta là không thể đảo ngược được và nền an ninh của chúng ta được bảo đảm. Có hai thế hệ người Nga đã sống trong cảm nhận hoàn toàn sai lầm về một nền an ninh hoàn hảo. Chúng ta, toàn thể nhân dân Nga, dường như đã về hưu với sự bảo vệ của nền an ninh riêng...

Những nhà tư tế ba hoa và kẻ thù của chúng ta đã đạt được cùng một mục tiêu: Khi bão nổi, nhân dân (đặc biệt là bộ phận dân chúng có nhiều suy tư) đã không thể so sánh điều đang xảy ra với lời cảnh báo hiểm hoai về "thảm họa đe dọa" và càng không thể biết "phải đấu tranh với nó ra sao".

*Huyền thoại về sức mạnh tên lửa – hạt nhân.* Liên Xô đã dựa vào những yếu tố quân sự và kỹ thuật quân sự trong việc đối đầu của trục Tây – Đông. Điều này đã được hàng loạt sự kiện minh chứng. Song trong khi đó, hoặc do lãng trí hoặc do cố tình lờ đi việc một quyết định đối đầu thuần túy về quân sự, nhất là ở hình thái tổng lực trong kỷ nguyên của công nghệ tên lửa – hạt nhân sẽ là quyết định tự sát cho cả hai phía. Và chúng ta đã đạt được – bằng một giá to lớn – nguyên tắc đồng đẳng chiến lược quân sự với Mỹ. Tuy nhiên, đúng lúc đó chúng ta đã tụt hậu trong các lĩnh vực thông tin – phân tích, chính trị học, thông tin – tâm lý, tổ chức...

Cũng cần thấy rõ hơn sự kiện là tất cả những năm tháng đó, bắt đầu từ năm 1988, lượng thông tin về sự đối đầu công khai, rõ ràng giữa Mỹ và Liên Xô đã giảm dần và biến mất trên các phương tiện thông tin đại chúng, kể cả trên những tờ "yêu nước" lớn như "Sự thật" (Pravda), "Nước Nga Xô Viết" (Xovietxkai Rossia), ...

Vấn đề đối đầu Mỹ – Xô đôi khi vẫn xuất hiện trên các trang báo, song nó chỉ là đề tài thứ yếu, không bắt buộc phải có. Điều này chỉ có nghĩa là nguy cơ xuất hiện Chiến tranh thế giới III từ giai đoạn “lạnh” sang “nóng” dường như không còn nữa. Trên thực tế, thành tố sức mạnh vẫn giữ nguyên ưu thế như trước đây. Dư luận xã hội đã được định hướng có chủ đích để lãng quên đề tài này. Tuy nhiên ở Mỹ, sự lãnh đạo việc thực thi bắt buộc Chỉ lệnh NSDD-119 (năm 1984) vẫn được tiếp tục nhằm giành ưu thế hạt nhân đối với Nga. Trong vấn đề này, Nam Tư đã có thể dạy cho chúng ta một bài học lớn...

*Huyền thoại về KGB có khả năng biết hết mọi việc.* Trước hết, chúng ta sẽ nhận thấy rằng huyền thoại này có hai ý nghĩa. Một mặt, KGB “biết hết” về sự tham nhũng của các quan chức cao cấp, nhưng chẳng thể làm gì được. Còn mặt khác, KGB dường như lại cũng biết tất về từng đối tượng trong nước nếu kẻ đó rơi vào “vòng ngắm”. Mỗi con người có tư duy lành mạnh đều hiểu rằng đến một lúc nào đó “con mắt quốc gia” không còn quan tâm đến họ chỉ vì nó không đủ khả năng thực thi một điệp vụ tổng lực, khi có những công việc khác quan trọng hơn và chính những công việc đó mới cần được chú trọng. Nhưng chí ít, một cơ hội nào đó đã cho phép tạo ra những cơn điên cuồng trong các cuộc mít tinh hay trên báo chí về sự kiểm soát toàn bộ đối với “những kẻ khó bảo”.

Do đặc điểm của mình, KGB, như mọi cơ quan mật vụ của mọi thời đại, của mọi quốc gia, mọi dân tộc, luôn là kẻ có quyền lực độc đoán với dòng chảy các thông tin diễn ra trong thực tế. Trong lĩnh vực này, đương nhiên, cũng có những thứ bậc của nó bởi những gì mà một nhân viên an ninh bình thường biết được thực sự khác với cấp độ thông tin của “cấp tối cao”: “Andropov, do có lượng thông tin đặc biệt phong phú, luôn biết được tình hình thực tế trong quốc gia một cách vô cùng sâu sắc và toàn diện hơn bất cứ ai khác cùng trong Bộ Chính trị”.

Song điều chủ yếu lại nằm trong một khía cạnh khác. Để đối trọng với tính chất tiêu cực của huyền thoại về “khả năng biết tuốt” của KGB, các tổ chức của nó phải nhào nặn ra một hình ảnh đẹp nhất về chính mình trong

con mắt của dân chúng. Nhà văn Iu. X. Xemenov đã có cố gắng đặc biệt hơn cả. Viên thiếu tá Pronin đã không thể nâng uy tín của cảnh sát lên cao bằng với những gì mà Stirlit hay Makxim Makximovich Ixaev đã làm cho ủy ban An ninh. Cho đến nay, công lao đó vẫn còn nguyên vẹn giá trị, trong những hoàn cảnh khác nhau, thậm chí ngay trong cuộc bầu cử tổng thống của đất nước, nhân dân vẫn tin cậy các nhân viên tình báo.

Tất cả những huyền thoại kể trên, cũng như vô số huyền thoại khác, cần được đặt vào một hệ thống liên tục và chỉnh thể – một hệ thống, tuy xấu xa, nhưng có hiệu quả cao theo cách của nó. Kết cục của những nỗ lực này – rất đáng buồn – là hệ thống này đã quay trở lại chống chính những thần dân của nó – những con người đã tin tưởng mù quáng vào chủ nghĩa cộng sản, vào những người lãnh đạo cộng sản đã trở nên thoái hóa cả về trí tuệ, cả về tinh thần vào những năm của Trì trệ Lớn. Những huyền thoại như thế đã không để cho các lý luận chân chính còn đất phát triển, trong đó có lý luận về lĩnh vực an ninh quốc gia và dân tộc, đặc biệt là lý luận mang tính chất cảnh báo. ảnh hưởng bởi những ngôn từ về đảng – bị các nhà tư tưởng làm cho nó vấy bẩn và trở nên thù địch với nhân dân – đã giữ một vai trò quyết định trong những năm “cải tổ”.

Nhiệm vụ cuối cùng của M. A. Xuxlov là: tạo ra từ những huyền thoại được tô hồng một hệ thống hoàn chỉnh để tước đoạt, đồng thời lợi dụng nhận thức của nhân dân.

### **Nhiệm vụ của Breznev**

Việc giành được quyền lực vào tháng 10 năm 1964 là một ngoại lệ trong tiểu sử chính trị của L. I. Breznev. Thậm chí, chỉ với một phân tích không cần sâu sắc lắm cũng cho ta thấy, để đạt tới những cương vị cao nhất về đảng và nhà nước, để trở thành ủy viên Bộ Chính trị BCHTW ĐCS Liên Xô, L. I. Breznev chưa từng “chơi khăm” hay “lật đổ” bất cứ một ai trong số những người đã từng là thủ trưởng của ông ta. Cả trong thời gian công tác tại Ukraina, trong đó có những năm tháng vô cùng phức tạp, như những năm 1937-1938, trên mặt trận, và sau đó trong thập kỷ của Khrusov, L. I. Breznev chưa bao giờ được giữ những cương vị cao hơn người khác. Trong

năm 1953, ngay sau khi I. V. Xtalin qua đời, theo quyết định của Đoàn Chủ tịch Xô Viết tối cao, ông ta (lần duy nhất trong suốt con đường danh vọng) nhận một cương vị thấp – đang từ ủy viên dự khuyết Đoàn chủ tịch và Bí thư BCHTW ĐCS Liên Xô bị thuyên chuyển sang Tổng cục Chính trị Quân đội và Hải quân Xô Viết – với một thái độ tương đối an phận. Thật ra, số phận đã mỉm cười với ông ta – được thăng hàm trung tướng và làm việc tại Matxcơva. Trong mọi công việc được giao, ông luôn tỏ ra xốc vác và liên tục được điều chuyển, trong đó đôi khi chỉ là “chuyển ngang”. Việc thuyên chuyển của N. X. Khrusov ra khỏi những cương vị cao về nhà nước đã có lợi cho ông ta – đây là ngoại lệ đầu tiên và là cuối cùng trong quá trình tiến cử thận trọng theo bậc thang công vụ. Tất nhiên, chính ông ta cũng nắm rất vững mọi phương pháp của trò chơi tổ chức phức tạp một cách rất chuyên nghiệp và sau này ông ta đã vận dụng rất thành công những phương pháp đó để thuyên chuyển các đối thủ của mình, đồng thời thay người của họ bằng những cán bộ thân cận với mình, song ông ta dùng họ cũng chỉ duy nhất một lần. Mọi động cơ loại bỏ N. X. Khrusov chỉ có thể là một: giới thượng lưu cầm quyền đã bị Khrusov đẩy đến điểm “sôi”, nên buộc phải có những quyết định kiên quyết nhất.

Nói riêng, Hội nghị toàn thể Tháng Mười của BCHTW ĐCS Liên Xô là một cuộc đảo chính quốc gia nhẹ nhàng nhất trong lịch sử những thập kỷ XX của Nga. Tuy điều này đã được mô tả nhiều trong văn chương, song vẫn có cái gì đó thoát khỏi tầm ngắm của các nhà nghiên cứu. Trong quá trình nghiên cứu tình hình lúc bấy giờ và những gì đã xảy ra, mãi sau này chúng tôi mới chú ý tới hai sự kiện mà chúng tôi gọi một cách ước lệ là những bí ẩn. Chúng ta cùng bàn tới đề tài này từ tính cách của L. I. Breznev.

Nguyên chủ tịch KGB trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng Xô Viết thời bấy giờ là V. E. Xemichaxtnyi, trong cuốn hồi ký “Trái tim không yên tĩnh” của mình, khi bàn luận với đạo diễn điện ảnh Goxtev về “Những con sói xám”, đã khẳng định rằng “... khi đó, trên thực tế không một ai bị chết” nhằm ám

chỉ chính Hội nghị toàn thể tháng 10 năm 1964. Khi đó thì như thế, vậy còn sau Hội nghị toàn thể?

Ngay sau Hội nghị toàn thể, được tổ chức với sự tham gia của N. X. Khrusov và A. M. Mikoian ngày 14 tháng 10, đã xảy ra một sự kiện như sau: Đoàn đại biểu Xô Viết do Tổng tham mưu trưởng Lực lượng vũ trang Liên Xô, nguyên soái Liên Xô X. X. Biriuzov và Phó vụ trưởng các cơ quan hành chính BCHTW ĐCS Liên Xô N. P. Mironov bay tới Belgrad để kỷ niệm 20 năm ngày thành phố này được giải phóng khỏi quân chiếm đóng Đức. Máy bay chở họ đã nổ tung trên đường bay tới thành phố.

Mironov Nikolaievich Romanovich, sinh năm 1913 tại thành phố Dnepropetrovsk, đã tham gia Chiến tranh vệ quốc vĩ đại từ tháng 8 năm 1941 cho đến ngày cuối cùng. Ông đã từng công tác tại khu ủy với cương vị Bí thư thứ nhất Huyện ủy Oktiabrski, sau phục vụ trong bộ máy Trung ương và là thiếu tướng Chỉ huy trưởng vùng Leningrad. Từ năm 1959 là Phó vụ trưởng các cơ quan hành chính BCHTW ĐCS Liên Xô. Có thể nói, việc bổ nhiệm N. P. Mironov vào cương vị này là một sai lầm lớn nhất về sử dụng cán bộ của N. X. Khrusov, bởi Vụ các cơ quan hành chính BCHTW ĐCS Liên Xô (Nó tương đương với Hội đồng An ninh quốc gia sau này) chi phối KGB trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng Xô Viết, Tổng cục Tình báo và Bộ Ngoại giao. Trên cương vị lãnh đạo cơ quan này, N. P. Mironov là một người mà về con đường hoạn lộ của mình đã phải chịu ơn L. I. Breznev nhiều nhất, hơn bất kỳ ai khác. Chính người lãnh đạo cơ quan này phải theo chức trách hoạt động của mình mà theo dõi các nhà lãnh đạo của cơ quan an ninh; để rồi đã có lần phải từ chối trách nhiệm báo cáo trực tiếp cho nhân vật đứng đầu về những nghi ngờ của mình. Trên thực tế là về chuyện gì? Ông ta có biết gì về âm mưu không? Đến đây thì đã rõ là N. P. Mironov chính là người tích cực tham gia vào việc gạt bỏ N. X. Khrusov, N. N. Mexiatxav. Phó vụ trưởng Vụ quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa của BCHTW ĐCS Liên Xô Iu. V. Andropov, còn từ thời điểm bắt đầu Hội nghị toàn thể – là Chủ tịch ủy ban quốc gia về Phát thanh và Truyền hình, cho biết rằng việc bổ nhiệm mới đối với ông có mối quan hệ trực tiếp tới sự

ủng hộ việc bãi chức N. X. Khrusov và do chính N. P. Mironov đề xuất một tuần trước khi tiến hành hội nghị.

Chiếc máy bay IL-18 đã nổ tan tành trên núi Avala khi đang bay tới thành phố Belgrad vào ngày 19 tháng 10 năm 1964. Nếu như đó là một hành động khủng bố thì về mặt kỹ thuật có dễ dàng thực hiện đến như vậy không? Chắc là quá dễ. Bay trên vùng núi, trong khi tiếp cận sân bay đã thiết lập điện đàm với tần số mà ngay tại sân bay thì rất mạnh song không thể truyền đi xa... Với loại máy bay quân sự thì sẽ không có điều gì xảy ra, bởi nó còn kịp vòng tránh, nhưng với máy bay chở khách thì không thể thực hiện được cơ động như vậy, tuy đã cố bay lượn vòng song mọi sự đã quá muộn... đã có một kịch bản giống hệt thế vào đầu những năm 1980 làm chết Tổng thống Pkixtan M. Ziia-ul-Hak và Tổng thống Mozambich Z. E. dus Xantus (cùng toàn bộ phi hành đoàn Liên Xô).

Ngày 21 tháng 10 năm 1964, một đoàn đại biểu Xô Viết đã có mặt tại nơi máy bay tử nạn để tìm kiếm dấu vết của các nạn nhân do A. A. Episevym cầm đầu – khi đó là ủy viên dự khuyết BCHTW ĐCS Liên Xô, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội và Hải quân Liên Xô (trước đó ông ta là phó thứ nhất trong cơ quan an ninh quốc gia). Ngày 23 tháng 10, A. A. Episevym cũng tham gia tang lễ tại Nghĩa trang Novodevichi.

Vậy là N. P. Mironov, X. X. Biriuzov và những nhân vật đi cùng đã chết. Tôi không hề có ý định gây hoang tưởng cho bạn đọc để từ sự kiện đặc biệt này kết luận thêm “một bí ẩn về cái chết”. Không một ai, kể cả người đã từng theo dấu vết sự kiện này là A. A. Episevym nhìn nhận nó là một âm mưu độc ác. Trong hồi ký của mình, ông cũng chỉ ghi nhận đó là một sự kiện đáng buồn.

Nếu đó là một vụ giết người thì động cơ của nó không rõ ràng. Trong trường hợp này thì nó nhằm chống ai đây? – Theo danh sách thì có thể là tất cả – những người đi cùng và toàn bộ phi hành đoàn.

Vậy có nhất thiết phải bay tới Belgrad để kỷ niệm 20 năm ngày giải phóng không? Có! Nhất là những quân nhân – bởi đó là ngày lễ của chính họ. N. P. Mironov, tuy không phải là nhà ngoại giao và cũng không phải là

“cầu nối” giữa các dân tộc của BCHTW. Ông ta được cử đi với tư cách là một nhân vật rất gần gũi với L. I. Breznev – Bí thư thứ nhất BCHTW vừa được bầu, và khi cử hành lễ, ông ta có trách nhiệm làm cho mọi người rõ thực chất của vấn đề về Ioxif Broz Tito.

Khi cho rằng chính N. P. Mironov, theo chức trách của mình, phải ngăn chặn âm mưu chống N. X. Khrusov trong BCHTW, song ông ta lại tham gia vào âm mưu đó, thì cái chết của ông ta có thể là một cuộc báo thù hay phục thù để cho phép N. X. Khrusov trở lại cái ghế của mình. Tuy nhiên, vì sao sau thành công thứ nhất này, “những kẻ phục thù” lại không thực hiện những bước tiếp theo?

Còn một giả thuyết khác: động cơ sát hại ông ta có thể là của những người sau đó nắm giữ cương vị cao, như: Tổng tham mưu trưởng Lực lượng vũ trang Liên Xô; Phó vụ trưởng các cơ quan hành chính BCHTW ĐCS Liên Xô – người kế vị của X. X. Biriuzov, nguyên soái Liên Xô M. V. Zakharov. Hai năm sau (do L. I. Breznev nghi ngờ rất lâu ứng cử viên này của mình), người lên giữ cương vị của N. P. Mironov là N. I. Xavinkin (1913-1993) – người trước đó được coi là phó của Mironov. Thật khó tin là những người này đã hoàn tất được một vụ khủng bố này với quy mô thời gian như vậy.

Điều khó tin nhất là vụ này có thể do I. B. Tito trả thù vì việc N. X. Khrusov bị huyền chức, bởi giữa hai người này có những mối quan hệ rất mật thiết.

Nếu vụ việc đã xảy ra có tác giả thì mục tiêu của chúng chỉ có thể là tung hỏa mù với ban lãnh đạo (trước hết là với chính L. I. Breznev) để che đậy những hành động khác. Nếu vậy thì, nói một cách hình ảnh, phải kiểm tra lại tư duy chính trị: Xtalin, trong trường hợp tương tự, để đáp lại vụ sát hại Kirov, đã khởi động một cuộc hủy diệt thật sự đối với những kẻ thù của mình, còn Breznev thì đã không làm gì cả.

Nếu trong trường hợp đoàn đại biểu bị tử nạn chúng ta chỉ đưa ra toàn những giả thuyết, thì trong điều bí ẩn sau đây mọi sự tỏ ra rõ ràng hơn rất nhiều. Hẳn chúng ta còn nhớ rằng trong các tiêu đề về “những bí ẩn” chúng

tôi đã nói và sẽ nói về những nhân vật mà cuộc sống hay cái chết của họ lại mang tính chất then chốt đối với số phận của đất nước. (Như, khi quay trở lại với N. P. Mironov, có thể, cố gắng phân tích theo hướng: sự phát triển của đất nước có thể thay đổi chẳng nếu ông ta còn sống, nếu ta tính đến việc những người hứa hẹn dành cho ông cương vị bí thư BCHTW và thành viên Bộ Chính trị đã chuyển sang ủng hộ cựu chủ tịch KGB A. N. Selepin).

Nhân vật chúng ta sẽ nghiên cứu sau đây không hề có những phẩm chất kể trên. Từ tháng 10 năm 1964, chỉ có cái chết đến sớm mới cản bước của ông ta, như các sự kiện sau đây cho thấy. Tiểu sử văn tắt của ông ta:

Nikolai Grigorevich Ignatov.

Sinh năm 1901.

Những năm 1918-1932 đã từng phục vụ trong quân đội và Chêka..., sau đó làm cán bộ đảng.

Những năm 1957-1961 là ủy viên Đoàn chủ tịch BCHTW, sau vì ông ta không thích ứng được nên trong khoảng thời gian những năm 1962-1966 đã bị đưa ra khỏi Đoàn chủ tịch BCHTW, nhận một cương vị thấp hơn – Chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô Viết tối cao Liên bang Nga.

Đây là động cơ để ông ta hợp tác với những người mưu phản – những kẻ đã kích động thái độ phật ý của ông. Và cũng cần nói, N. G. Ignatov là người thực sự tích cực trong việc hạ bệ N. X. Khrusov vì tin rằng sẽ được trở lại Đoàn chủ tịch BCHTW. Trong vụ này ông ta thậm chí kẻ lĩnh ấn tiên phong, tích cực hơn tất cả những người khác. Cho dù chưa tỏ tường hết vấn đề, song trong hồi ký của V. E Xemichaxtnyi có viết: “... theo tôi nghĩ, (Ignatov) đã cố gắng trên cả hai mặt trận bảo đảm “Cống tây” để dự phòng trong trường hợp âm mưu chống N. X. Khrusov thành công hay thất bại vẫn quay trở lại Bộ Chính trị. Một mặt, ông ta tiến hành thỏa thuận với L. I. Breznev, còn mặt khác, – ông ta lại chuyển qua người cận vệ của mình những tin hiệu cảnh báo cho Xergei Khrusov, và thông qua người con này để báo cho người cha là Nikita Khrusov”.



Con trai của N. X. Khrusov, trong hồi ký của mình, đã quả quyết không chỉ về việc thủ trưởng cơ quan cảnh vệ của N. G. Ignatov là Galiukov đã tới bấm chuông cửa nhà mình, mà cả về những trường hợp tương tự – vào mùa hè năm 1964, một phụ nữ không quen biết đã gọi điện cho con gái ông là Pada; Devid Xturua – Bí thư BCHTW ĐCS Gruzia – người đã tới nhà con rể ông (chồng của Pada) là A. I. Adzubeiu Tổng biên tập báo “Izvestia” (Tin tức) thông qua người phóng viên Melor Xturua là em ruột của ông ta để nói rằng V. Mzavanadze đã thăm dò ông và tích cực vận động các thành viên BCHTW ở Kavkaz.

Như vậy, vấn đề tỏ ra tương đối dễ bị phanh phui. Người sĩ quan cảnh vệ Galiukov được nhắc tới ở trên vẫn đang công tác. Tuy nhiên, sau Hội nghị toàn thể không hề có một ai đứng ra đưa N. G. Ignatov trở lại Đoàn Chủ tịch và ông ta vẫn giữ nguyên cương vị của mình. Nhưng trong tư tưởng, ông ta rõ ràng không hài lòng với các giải quyết như vậy. Thêm vào đó, A. N. Selepin (người không hề có chút thâm niên nào cho chức danh dự khuyết) và P. E. Selext đã được bầu vào làm thành viên của Đoàn Chủ tịch.

N. G. Ignatov trở nên nghiện rượu và có lối sống hiếu danh, bất nhã. Cay đắng vì sai lầm của mình, ông ta ba hoa với mọi người về những tình tiết trong việc hạ bệ N. X. Khrusov và sống ngày càng buông thả. Mọi người có thể tha thứ cho trò đòn xóc hai đầu của ông ta, nhưng không một ai có thể biết được ông ta sẽ còn nói ra những điều gì, thậm chí tệ hại hơn là sẽ làm điều gì. Người ta không quy định phải canh chừng khi ông ta còn ở Matxcơva, nhưng mỗi lần ông đi công cán ở nước ngoài người ta buộc phải canh chừng vì N. G. Ignatov là người có cương vị bí thư phải cách ly ông ta khỏi những trò khiêu khích có thể xảy ra. Trong buổi phỏng vấn nhân dịp kỷ niệm 100 tuổi của nhà hoạt động của đảng này, người con trai của ông đã kể lại tình trạng lúc ông qua đời: “... Ông đột ngột qua đời sau một chuyến đi công tác ở nước ngoài. (...) Ông dẫn đầu đoàn đại biểu đảng – chính phủ sang thăm Chile và bất ngờ lâm bệnh. Người ta giải thích cho gia đình rằng ông bị bọ chét độc cắn. Sự việc xảy ra vào ngày 14 tháng 11 năm

1966. Theo quy định của hồi đó, ông được mai táng bên tường Điện Kremli cùng với những người danh tiếng khác “.

Đó là một vài chi tiết về cuộc đảo chính không đổ máu trong tháng 10 năm 1964.

Phải nói rằng, mọi người có những nhận định khác nhau về những gì liên quan tới chính L. I. Breznev – nhẹ nhàng có mà buộc tội trực tiếp cũng có tuy không có bằng chứng gì cụ thể, như: “Leonid Ilich Breznev được khẳng định ngay là Thủ lĩnh của “cải tổ”, người đã làm cho Liên Xô tan rã nhiều hơn so với Mikhain Xergeievich Gorbachov”.

Người ta nói rằng chính L. I. Breznev khi đánh giá về tính cách của mình đã có xác định tương đối khách quan về tâm của mình: bí thư thứ nhất khu ủy. Trong vấn đề này ông ta đã đúng hơn bao giờ hết. Vị trí người lãnh đạo số một của đất nước như đất nước Liên Xô đương nhiên đã không phù hợp với năng lực của ông ta. Ông không có những tài năng, đương nhiên không phải là nguyên soái, không phải nhà ngoại giao và không phải nhà lý luận của chủ nghĩa Mác. Tốt nhất là nên đánh giá về ông như “một người kế tục trung thành sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa cộng sản” Ông ta không đưa ra được những sáng kiến chiến lược mới mà chỉ tiếp tục những gì người ta đã bắt đầu từ trước ông. Ông ta đủ khéo để chơi được trò tổ chức bằng cách bổ nhiệm người của mình, đồng thời đẩy những kẻ khác ra. Nếu có thể đánh giá trực tiếp những thời điểm sai lầm (dưới ánh sáng của những quá trình “cải tổ” sau này) của N. X. Khrusov, M. A. Xuxlov và Iu. V. Andropov khi phân tích những gì họ đã làm, thì cách đánh giá của chúng ta đối với L. I. Breznev sẽ có đôi chỗ khác biệt: Breznev không phải là một chính khách đặc biệt sắc sảo, ông ta không hề dự cảm được những hậu quả của nhiều mưu mô chính trị. Ông ta đã từng cho phép mình tiếp nhận các dự án của phương Tây – những dự án có tính chất độc ác đối với toàn bộ hệ thống Xô Viết – như: giải trừ quân bị, bán dầu mỏ, trào lưu chống đối. Cũng vì do không phải là một chính trị gia nhạy cảm mà ông ta đã không tiến hành thanh tra kỹ các hành vi phạm tội của N. X. Khrusov, các sự kiện ở Hung Ga Ri (năm 1956) và ở Tiệp Khắc (năm 1968). Nếu như ông ta tiếp cận một

cách nghiêm túc hơn với vấn đề đó khi được giao tiến hành xem xét cơ bản diễn biến có thể xảy ra của những sự kiện này, thì Liên Xô đã có thể sẵn sàng đối phó với vụ lộn xộn ở Ba Lan. Chính ông ta đã có sẵn trong tay mình mọi khả năng. Thông qua người trung thành với mình là K. U. Chernenko ông ta đủ khả năng tiếp cận mọi tài liệu lưu trữ. Ông ta có thể hiểu được bản chất của những mâu thuẫn bên trong, thậm chí còn hơn cả I. V. Xtalin (Vào những năm 1937-1938, không thể có những khả năng phân tích và tổng hợp như thời của Breznev). Xtalin chỉ biết hành động để tồn tại. Dưới thời L. I. Breznev, thông tin được cung cấp liên tục. Đương nhiên, chúng ta cũng hiểu rằng những thông tin được gửi đến cho L. I. Breznev còn thiếu tính hệ thống với hàng trăm tín hiệu khác nhau, như cuốn rất giá trị là “Ghi chép của KGB Liên Xô trong BCHTW ĐCS Liên Xô “Về những kế hoạch của CIA nắm những điệp viên có ảnh hưởng trong các công dân Xô Viết”, đồng thời để phân tích được vô số tín hiệu khác nhau đó là rất khó khăn, chưa kể tới việc các kết luận được báo cáo lên cho ông ta không đúng. Nhưng bên cạnh đó, ông ta đã tiếp nhận tất cả thông tin một cách phiến diện, tựa như một nhà lãnh đạo được đào tạo theo một dòng tư tưởng nhất định, chỉ quan tâm tới nguy cơ đang bị cố tình thổi phồng về khuynh hướng sai lệch trong chủ nghĩa yêu nước Nga trong xã hội và trong đảng như KGB báo cáo trong ghi chép của họ.

Dưới ánh sáng của chính thời kỳ cải tổ vừa qua, theo tôi, mặt trái trong hoạt động của nó là ekip (clann) được hình thành bởi Breznev và những người của ông ta đã có quan điểm sai lầm để cho các clann khác hình thành. Chí ít, trong tình hình đó ông ta có đủ khả năng duy trì quyền lực trong tay mình: “... Ở những vị trí hàng đầu chính là clann Ucraina, Dnepropetrovsk. Họ tiến cử người kế nhiệm Breznev của mình. Đồng thời, “những người Dnepropetrovsk” đã thực sự nhận được toàn bộ Ucraina sau khi Liên Xô tan rã. Kể từ đó, một cuộc đấu tranh dai dẳng liên tục cho tới ngày nay cũng được bắt đầu. Cho đến nay, trong nước Nga còn lại 4 nhóm clann (không kể những nhóm thứ yếu, những nhóm sắc tộc. Đó là clann Xtavropol do Gorbachov cầm đầu; clann Leningradski do Romanov cầm

đầu (hiện nay không rõ ai đứng đầu); clann Ural hùng mạnh do Eltxin cầm đầu; và cuối cùng, clann Matxcova về danh nghĩa do Luzkov cầm đầu, song ở đây phần tảng băng chìm dưới nước thì hoàn toàn khác, còn Luzkov chỉ là một đầu lĩnh do clann Matxcova thuê mượn mà thôi”.

Khi clann của Breznev đã củng cố được quyền lực và cơ hội kiểm soát trong toàn liên bang, tự tin vào sức mạnh của mình, thì ông ta có thể tuyên bố về mình như một sức mạnh có khả năng tồn tại tương đối lâu dài. “... Trong cái gọi là Chương trình Leningrad được công bố tại Frankfurt năm 1970, có nói: “Tầng lớp cán bộ trung ương không xa lạ, cũng như chúng ta không xa lạ tư bản trong xã hội của “tầng lớp trung lưu”. Đó chính là nền tảng hợp pháp của xã hội ta, cũng như quyền sở hữu tư nhân trong chủ nghĩa tư bản. (...) Chính dưới thời Breznev đã xuất hiện mối quan hệ hữu cơ giữa các chính trị gia và những kẻ tội phạm. Tầng lớp cán bộ trung ương đã là cái máy ấp trứng sản sinh ra maphia – một thế lực đã củng cố và tăng cường ảnh hưởng của mình đối với xã hội sau khi Liên Xô tan rã” Các clann, sau khi thâm nhập được vào quyền lực vô hạn ở Liên Xô, cả ở cấp trung ương lẫn ở địa phương, đã dần dần cố gắng biến chính quyền thành sở hữu của chúng. Người ta đã từng nhận rõ khuynh hướng này ở các nước phương Tây, nơi mọi sự vật đã được gọi bằng tên của mình. “Nước Nga đang trở thành một xã hội có giai cấp. Khoảng ba nghìn gia đình kết thành tầng lớp thượng lưu và họ luôn luôn tham vọng mãi mãi là thượng lưu”. Những quyết định về việc xẻ bán Tổ quốc ra từng miếng to, nhỏ đã được thông qua trong hoàn cảnh như vậy.

*Về việc bán dầu mỏ: “Dưới thời Breznev, giá dầu mỏ luôn giữ được ở mức cao. Chúng ta đã xây dựng đường ống dẫn dầu sang phương Tây, và nước Nga từ việc tiếp liệu của clann Breznev đã được rao bán như một đất nước giàu nguyên liệu... Nhóm clann Breznev không phải làm gì cả đã thu lợi từ việc bán nguyên liệu: dầu mỏ, khí gaz và thu siêu lợi nhuận. Nước Nga bắt đầu tụt hậu từ đó. Chúng ta vào năm 1964 đã tụt hậu tương đối, tuy chưa phải về mặt chất lượng, so với Mỹ, song vẫn là nước đang ở giai đoạn thứ ba của phát triển công nghiệp hóa. Chúng ta đã để mất tiềm năng*

đó từ việc buôn bán của Breznev và chủ yếu trông chờ vào nguyên liệu. 17 năm của “Trì trệ” đã gặm sạch những đồng đô la dầu mỏ, năng lực sản xuất không được đổi mới. (...) Hàng trăm nghìn đô la chỉ biến thành những đôi giày, thuốc đánh răng, các sản phẩm dinh dưỡng và bị biến thủ, cho dù quy mô biến thủ khi đó không lớn, bởi các clann chỉ lo củng cố quyền lực.

Về việc mua ngũ cốc: “Các nhà độc tài lúa mì trong Bộ Kinh tế nông nghiệp Liên Xô đã làm tất cả để tiếp tục mua cho được một vật có giá trị không ngờ – lúa mì của nước ngoài. Giá trị trong đó bao gồm một số biệt thự do hoạt động đặc biệt nỗ lực của họ và không đơn thuần chỉ là sự trao đổi không tương xứng mà ở cả sự phá hoại sản xuất trong nước”.

Trong vấn đề này nổi bật lên một điều là hiện nay các quan chức có thể quan tâm tới việc hiện thực hóa một dự án nào đó chỉ vì một lý do là trong đó, không gì khác, có phần làm giàu cho cá nhân, cũng như “dưới thời chính quyền Xô Viết” có rất nhiều dự án, ngắn hạn hay dài hạn, được xây dựng chỉ vì lợi ích của lớp thượng lưu. “Vào đầu những năm 1970, các clann của tầng lớp thượng lưu đổ bắt đầu chỉ chăm lo tới bản thân, còn mọi dự án bắt đầu được chia chác tùy theo khả năng của giới thượng lưu. Clann thống trị toàn bộ đế chế”.

Dần dần trong nước hình thành nên một đế chế song song tồn tại – đế chế của những mưu mô thực sự bản thủ nhằm bóc lột một nửa thế giới xã hội chủ nghĩa, “vắt” làm sao cho kiệt từ việc ủy quyền điều hành khu vực, làm sao đột nhập được vào khâu phần béo bở ở thủ đô. Những clann hiện nay thỏa thuận trong sự đổ nát của đất nước chỉ để giữ mối của mình, để tồn tại đế chế đen. Đế chế này khi mới hình thành còn như một bóng ma, nó gợi nhớ tới cơn ác mộng đẫm máu của năm 1937, từ đó hồi sinh thành con chim huyền thoại Fenikx. Mỗi khi nó xuất hiện từ trong bóng tối, nó trở nên rõ hình hài, người ta truyền tin nhau về sự xuất hiện của nó, đuổi nó trở về với bóng tối. “Hình ảnh của “hội viên” dùng sự tháo vát của mình để điều chỉnh tính chất phi lý của nền kinh tế Xô Viết và che chắn cho ông chủ (boss) đảng Xô Viết cũng chỉ là giới hạn hiểu biết của người công dân Xô Viết bình thường đã tiếp thu được trong giáo dục cải tổ. Đảng sau đó vẫn

tồn tại một câu hỏi cũ về tư bản đen tài chính; về sự kiểm soát của nó với nền sản xuất ngầm; về “những gương mặt đen” của các khu vực; về mối quan hệ và mâu thuẫn giữa chúng; về sự tích lũy của cải ở từng khu vực của Liên Xô; về chính trị, tư tưởng và tôn giáo ngầm; về các cơ quan (các bộ)... Nói tóm lại, là về sự hiện diện của hệ thống chính quyền thứ hai, một thứ “quốc gia trong quốc gia” có khả năng điều hành một mô hình cực quyền trong nước. Chính quyền thứ hai đó, về thực chất, là hình thái cực quyền với một dấu hiệu khác”.

Khi vượt ra một chút ra ngoài khuôn khổ lịch sử đang được chúng ta nghiên cứu, chúng ta có thể thấy một biến thể mới về chất của những clann trong giới thượng lưu mà ngày nay được cải tên gọi là “hệ thống”. “Hệ thống – đó là sự cố kết đặc biệt của các cơ quan thương mại, các nhóm tài chính, ngành kinh doanh bạo lực và của các băng nhóm tội phạm – “những huynh đệ”, đại diện cho cơ cấu quyền lực, hành chính thống nhất với nhau bởi những lợi ích chung và cùng chung sống dưới một mái nhà”. Theo thời gian, biến thể đó ngày càng trở nên rõ nét hơn.

Tôi cho rằng, dù sao những năm cuối thời Xtalin bộ máy đã trở nên lành mạnh nhất đối với nước Nga cuối thế kỷ XX, trở nên đơn giản nhất, mọi lời nói đều phù hợp với thực tế. Vậy mà sau đó đã có quá nhiều hành động vô bổ nhằm che đậy lợi ích của kẻ nào đó. Người ta đã nghĩ ra được bước tiến thiên tài để phát triển quá trình đó. Giữa những kẻ hoạt động ngầm với các lực lượng phục vụ họ để có một thỏa thuận kín đáo nhằm xúc tiến việc tạo ra những điều phi lý như là thành tố hiển nhiên không thể tách rời của chế độ xã hội chủ nghĩa Xô Viết. Điều này đã được cả nước biết, tuy chưa thật đầy đủ và toàn diện. Từng người chỉ nhận thức được điều đó ở cương vị công tác của mình hoặc chỉ mới đánh giá bằng cách châm biếm, đả kích nhẹ nhàng.

Câu hỏi đặt ra là: “Thực chất vấn đề là gì?”. Để trả lời được câu hỏi này, chúng tôi muốn nêu lên một giả thuyết. Chúng ta đã nhận thức ra sao ngay từ trong lịch sử của toàn nhân loại, trong bất kể chế độ nào, kể cả trong chế độ xã hội chủ nghĩa, luôn luôn đã và vẫn có giới thượng lưu cầm quyền

cùng kẻ đối lập với nó. Giả thuyết lô gíc vẫn là một bộ phận chủ yếu của giới thượng lưu trong những năm đó đã được xác lập theo hướng thân cộng sản. Khi đó, vẫn rất lôgic, phe đối lập sẽ đối lập với nó theo hướng thân tư bản. Mục tiêu của bất cứ phe đối lập nào cũng là cố chèo lái nền chính trị theo hướng “Càng xấu – càng tốt”, cố tiến hành những hoạt động làm mất uy tín của chính quyền hiện hành, để đến thời cơ thích hợp sẽ giành lấy toàn bộ chính quyền, có được “nhất hô – vạn ứng”. Những kẻ phá hoại ngầm uy tín của Liên Xô vào giai đoạn cuối thực sự đã là phe đối lập hoạt động sau bình phong thống nhất giả tạo với ĐCS Liên Xô.

Mọi việc đã được thực hiện rất khéo léo. Các quá trình diễn ra theo hướng một cuộc khủng hoảng có tính chất báo trước của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đã diễn ra vừa tự phát, vừa tự giác: “... ngày càng cảm nhận rõ ràng hơn trong xã hội và trong quốc gia những khuynh hướng và vấn đề tiêu cực đang gia tăng.

Trong xã hội, sự phân tầng xã hội đã diễn ra đằng sau những lời nói hoa mỹ công khai về chủ nghĩa xã hội phát triển. Lực lượng chủ yếu của quần chúng công nhân, nông trang viên, cán bộ kỹ thuật, nhân viên, giáo viên, bác sĩ, các quân nhân đã dồn tâm sức, trí tuệ, tình cảm, nhiệt tình và tay nghề của mình vào sản xuất, gieo trồng, giáo dục, khoa học và văn hóa... Điều đó được thể hiện ở số lượng sản phẩm được sản xuất ra ngày càng nhiều, ở sản lượng thép, điện năng, những vụ mùa, các sản phẩm kỹ thuật mới, ở số học sinh và sinh viên được giáo dục và đào tạo... Song cuộc sống riêng tư của những con người làm ra những sản phẩm đó vẫn không được cải thiện tốt hơn, họ thiếu cả thời gian, thiếu cả phương tiện để thỏa mãn nhu cầu sinh hoạt riêng của mình, nhu cầu phát triển cho con cháu họ...

Trong khi đó, được quốc gia toàn dân này che chở, có những nhóm, những tầng lớp xã hội đã hình thành, những kẻ đại diện cho chúng mặc sức lựa chọn mọi lợi ích và khả năng để thỏa mãn nhu cầu và sở thích của chúng. Chúng trở nên giàu có tiền của và vật chất, ra sức cướp bóc từ sở hữu toàn dân. Gặp thời, những tên chủ xí nghiệp lấu cá, những kẻ đầu cơ trục lợi, lũ bịp bợm và đám thợ vụng đã hút máu nhân dân lao động. Đặc

biệt phê phỡn là những kẻ đã được lãnh đạo việc phát triển nhu cầu và dịch vụ qua các kênh của nhà nước”.

Với danh nghĩa lương bổng, đám cán bộ cao cấp của Xô Viết và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã sở hữu toàn bộ tiềm lực quốc gia, toàn bộ nền kinh tế, tất cả tài nguyên – vật liệu, toàn bộ đất đai và dân chúng để vơ vét, bóc lột và chuyển ra nước ngoài. Trong những năm gần đây, clann thẳng thẽ đã thâu tóm mọi tiềm năng lao động và thiên nhiên. Những kẻ không thể đoạt được quyền lực ấy bằng những phương pháp chính trị, cán bộ và vận động ngầm nơi hậu trường thì phát động một cuộc chiến công khai.

Một nhà báo, Phó tổng biên tập báo “Zavtra” (Ngày mai) N. M. Anixin, thực sự đau đớn vì đất nước của mình, đã viết: “Đội quân thứ 5 không chỉ đã cướp bóc đất nước, khoảng sạch các cửa hàng, mà chúng còn rất xuất sắc trong trò “Thọc gậy bánh xe” đối với nền kinh tế đất nước. Hàng năm, ở Liên Xô có gần 30% ngũ cốc và 40% khoai tây vị thối hỏng do thiếu kho bảo quản. Vậy mà “Đội quân thứ 5” lại lén lấy chữ ký của những thành viên già nua trong Bộ Chính trị để ra quyết định về cải tạo đất – ôm lấy một mớ tiền, chúng cũng cải tạo đất để rồi sản lượng nông sản tăng cao và thối hỏng nhiều hơn. Tiền của còn bị ném vào xây dựng vô số công trình vô bổ. Tiền của bị ném vào việc thiết lập hệ thống lưu thông theo kiểu “chở củi về rừng” (Gỗ được chuyển từ Vologda đi Kraxnoiarxk, để rồi từ đó lại chở về Vologda; Than từ Ucraina đi Xibir rồi quay về Ucraina...). “Đội quân thứ 5” đã làm cho các tập thể lao động giảm sút nhiệt tình sản xuất của họ bằng những hướng dẫn, đầu tư ồ ạt vào những lĩnh vực mù mờ nhất, gây quá tải cho những xí nghiệp tốt nhất bằng cách đặt hàng làm ra những thiết bị quân sự lạc hậu không có giá trị đối với quốc phòng.

Gorbachov đã tiếp nhận một đất nước có nền kinh tế phát triển cao, hùng mạnh. Song nền kinh tế đó, một mặt đã làm rất nhiều điều có lợi cho phương Tây, mặt khác là ném tiền vào gió. Sự khan hiếm hàng hóa ở Liên Xô gây nên những điều tồi tệ cho chính nền kinh tế, là những trò nhiễu nhương cố ý (nhân tạo) trong hoạt động của chế độ.



L. I. Breznev đã hoàn toàn có đủ lực để thiết lập nên trong nước một hệ thống tin cậy để chuyển giao quyền lực từ người này sang những người khác trên cơ sở pháp luật và đưa cơ chế đó vào hiến pháp của Liên Xô. Tuy nhiên, cũng như bao điều khác, điều này đã không được bàn tính để thực hiện. Chính vì vậy, cái chết của Breznev lại là một điều bí ẩn nữa.

Toàn bộ cuộc đời và hoạt động của L. I. Breznev được dẫn ra trong cuốn sách “Breznev đã chết ra sao?”, xuất bản nhân 20 năm ngày mất của ông, theo tôi, là khách quan và đầy đủ nhất. Tác giả cuốn sách – X. N. Xemanov – là một người đặc biệt thạo tin, đồng thời là người đã tham gia tích cực vào những sự kiện thời gian đó. Rốt cuộc, chỉ vì quan điểm yêu nước của mình mà tác giả đã bị gạt khỏi cương vị tổng biên tập của tạp chí “Con người và pháp luật”. Tuy nhiên, cho đến nay, dù tuổi đã cao, ông vẫn hoạt động chống lại quá trình phá hoại trên mặt trận thông tin. Ông không hề tức giận vì hình phạt bất công mà người ta đã dành cho mình. Ông đã đưa ra những nhận định chính xác về L. I. Breznev và thời kỳ đó.

Để kết luận, cần chú ý rằng cho dù có những hiện tượng tiêu cực của giai đoạn được gọi là “Trì trệ”, thì việc so sánh “người lãnh đạo của thế kỷ vàng” với những người lãnh đạo sau này, rõ ràng là bất lợi cho những người kế tục sau.

## **Bí ẩn cái chết của Maserov, Xuxlov và những người khác**

### *Maserov*

Hầu như mọi người đều biết rõ hoàn cảnh qua đời của ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị BCHTW ĐCS Liên Xô, Bí thư thứ nhất BCHTW ĐCS Belorusia, Anh hùng Liên Xô, Anh hùng Lao động xã hội chủ nghĩa Pietr Mironovich Maserov. Cái chết của ông được mô tả nhiều trong văn chương, từng là đề tài của chương trình truyền hình. Mọi người thường để ý tới sự trùng lặp đáng sợ của cương vị chủ tịch KGB Liên Xô ngay sát trước thảm họa. Vị chủ tịch trước đó là Nikylin Iakov Prokopievich (1913-1983) nắm giữ cương vị này từ ngày 23 tháng 6 năm 1970 đến hết ngày 4 tháng 8 năm 1980. Từ ngày 17 tháng 11 năm 1980 – nghỉ hưu. Người chủ

tịch mới – Baluev Veniamin Geogievich (sinh năm 1927) – được điều chuyển từ chức vụ Phó chỉ huy trưởng Cục Thanh tra KGB Liên Xô từ 4 tháng 8 năm 1980 đến hết ngày 24 tháng 11 năm 1990. Bên cạnh đó: “Trước khi xảy ra thảm họa không lâu, người ta đã thay viên Đại tá Xazonkin chỉ huy đội cận vệ của Maserov”.

Thảm họa đã xảy ra vào hồi 15 giờ 04 phút ngày 4 tháng 10 năm 1980. Như mọi người đã biết, người lái xe riêng của Maserov là E. F. Zaitsev, sinh năm 1919, vào đêm hôm trước bị một cơn bạo bệnh. Chiếc ô tô thì không được trang bị kỹ thuật để đưa rước các nhân vật cần bảo vệ, vi phạm Chỉ thị số 0747 năm 1974 của Bộ Nội vụ Liên Xô.

Cần lưu ý rằng Ignatovich Nikolai Ivanovich, sinh năm 1940, điều tra viên các vụ đặc biệt quan trọng của viện công tố nước cộng hòa – người trực tiếp điều tra vụ này – sau khi trở thành đại biểu nhân dân Liên Xô và Tổng thanh tra đầu tiên của Belarus, đã chết trong một hoàn cảnh không rõ ràng vào năm 1992.

Người con gái của P. M. Maserov – Natalia Petrovna Maserova – đã trở thành nghị sĩ Quốc hội nước Cộng hòa Belarus vì bà cho rằng điều này sẽ giúp bà vạch trần đến cùng vụ thảm họa đã xảy ra với cha mình. Tạm thời bà đã giải thích sự kiện này như sau: “Cha tôi đã chết trước kỳ hội nghị toàn thể BCHTW ĐCS Liên Xô khoảng hai tuần. Tất cả đã được ấn định. Ông sẽ thay vị trí của Koxygin. Tôi biết cha mình đã làm nhiều người khó chịu. Nhất là khi, vào tháng 10 năm 1980, “ngôi sao” Gorbachov đang lên.

Tôi nghĩ rằng, giả như cha tôi còn sống, lịch sử Liên Xô đã biến chuyển theo hướng khác”.

Chúng tôi hoàn toàn nhất trí với nhận xét này.

*Xuxlov*

Mikhain Andreievich Xuxlov là một chính trị gia lão luyện, kinh nghiệm nhất trong số thành viên của BCHTW ĐCS Liên Xô giai đoạn những năm 1970-1980. Ông đã may mắn sống sót qua vụ thanh lọc cuối những năm 1930, khi đang công tác tại bộ máy Trung ương. Ông vẫn nhớ “những bí

ấn” lớn, nhỏ và do đó “thái độ của M. A. Xuxlov với y tế là rất đặc biệt. Ông không tin tưởng các bác sĩ và hạn chế tiếp xúc với họ. Vào đầu năm 1982, các cán bộ y tế cố gắng thuyết phục M. A. Xuxlov vào bệnh viện của Điện Kremli để theo dõi sức khỏe định kỳ. Chuyển viếng thăm bệnh viện lần đó của ông vô cùng xấu: trong quá trình điều trị, ông đã đột ngột (đối với nhiều người) qua đời. (...) Cái chết của M. A. Xuxlov trở thành vụ đầu tiên trong cả một danh sách dài dài của nhiều cái chết phi tự nhiên khác, giống như cái chết gây bán tín bán nghi trong một thời gian ngắn của ba tổng bí thư BCHTW ĐCS Liên Xô và của hàng loạt ủy viên Bộ Chính trị và rốt cuộc dẫn đến sự tan rã vật lý của cơ cấu quyền lực cao nhất ở Liên Xô”.

Và đây chỉ là một trong những bằng chứng quan trọng nhất: “Một bệnh nhân cao tuổi kể với tôi:

“Tôi phục vụ ở quầy thuốc của Cục 4. Đó là quầy thuốc của điện Kremli. Có một người thường xuyên đến chỗ tôi. Anh ta là người của KGB. Thái độ rất khiêm nhường. Tôi chỉ là một trong rất nhiều người cấp thuốc cho bệnh viện của Điện Kremli và chỉ chuyên cấp cho nơi đó.

Con người này, sau khi xem xét các đơn thuốc đã nói: “Hãy cấp bổ sung cho bệnh nhân này thuốc...” – rồi đưa cho tôi một gói đã ghi sẵn liều dùng.

Ý đồ của việc bổ sung là: thay vì phải giãn mạch khẩn cấp, thì thuốc sẽ gây nên nghẽn mạch và một phần những loại thuốc tương tự bắt đầu phát tác chừng nửa năm hoặc 8-9 tháng sau đó.

Tôi thường tự hỏi mình: “Nếu là một người có ý chí mạnh mẽ thì liệu tôi có thực hiện những mệnh lệnh kiểu đó không?”. Tôi không biết nữa. Có thể, khi có ý chí mạnh mẽ, tôi sẽ làm. Mà lần trốn đi đâu được cơ chứ... Vậy, liệu M. A. Xuxlov, người vốn sợ bác sĩ, có biết gì về những chuyện như thế. Chắc chắn, ông ta phải biết vì sao lại sợ bác sĩ, bởi ông ta đâu phải là con trẻ. Nếu đã như vậy thì có gì phải lý giải những bằng chứng đã nêu ra về cái gọi là “Hồ sơ các bác sĩ Kremli”?

Trong khoảng những năm 1978 và những năm 1980, giới thượng lưu Xô Viết đã mất đi một loạt những đại diện trong thế đội hai của chính quyền trong những hoàn cảnh không mấy rõ ràng. Đó là:

*Geidarov – Bộ trưởng Nội vụ của Azerbaizan.*

*Ibragimov – Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xô Viết Kirgizi. Bị bắn chết ngày 04 tháng 12 năm 1980 – hai tháng sau cái chết của P. M. Maserov – trong thời gian nghỉ tại nhà an dưỡng Cholpon-Atinxk.*

*Kiazimov – Thứ trưởng Bộ Nội vụ Azerbaizan.*

*Muxin – Bí thư thứ nhất ĐCS Liên Xô tại Tatar.*

*Pataridze – Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Gruzia.*

*Platonov – Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa tự trị Iakutsk. Trước đó, Stepan Platonov đã là Bí thư thứ nhất ĐCS Liên Xô tại Thành ủy Iakutsk. Ông bị bắn chết lúc đi săn (một cách tình cờ?). Theo những giả thuyết của các báo, Platonov cần có một cuộc gặp mặt với Chủ tịch KGB Liên Xô là Iu. V. Andropov để báo cáo về tình hình trong ngành công nghiệp khai thác kim cương.*

*Raxulov – Bí thư thứ nhất BCHTW ĐCS Tadzikixtan.*

*Xokolov – Bí thư thứ hai BCHTW ĐCS Ucraina.*

*Xuxlov (Trùng tên với M. A. Xuxlov) Bí thư thứ hai Tỉnh ủy Leningrad.*

## **Nhiệm vụ của Andropov**

Nhiệm vụ đầu tiên của Iu. V. Andropov là nhằm giành được vị trí quyền lực cao nhất, chí ít thì cũng là Chủ tịch KGB trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô. Chuyện đó có được sau một mảnh lưới chính trị rất thành công. Bí thư thứ nhất BCHTW ĐCS Ucraina, ủy viên Bộ Chính trị BCHTW ĐCS Liên Xô P. E. Selext chứng nhận rằng: “Ngày 18 tháng 5 năm 1967, tôi tới Matxcơva dự phiên họp của Bộ Chính trị. Trong chương trình nghị sự có rất nhiều vấn đề khác nhau được nêu ra. Vài giờ trong cuộc họp Breznev mời tôi vào Văn phòng của mình. Người ta nói qua về những

sự việc vừa diễn ra, sau đó ông ta nói với tôi: “Hôm nay Bộ Chính trị sẽ quyết định vấn đề về đồng chí Xemichaxtnyi thôi giữ chức Chủ tịch KGB”. Đối với tôi, đó là một bất ngờ lớn và là tin khá bất lợi. Tôi rất rõ vai trò đặc biệt của V. E. Xemichaxtnyi trong giai đoạn chuẩn bị và tiến hành “những biện pháp trên cơ sở dân chủ của đảng” đối với N. X. Khrusov. Đương nhiên, Breznev đã chịu trách nhiệm rất lớn với cá nhân Xemichaxtnyi. Do không nhận thấy có một chút nguyên nhân nào đối với đệ trình ra Bộ Chính trị về việc để Xemichaxtnyi thôi giữ chức vụ đó, tôi đã đặt câu hỏi: “Nguyên nhân cho thôi chức là gì?”. Breznev lảng tránh câu trả lời, song vẫn nói: “Có nhiều lý do để tiến hành việc này, sau đây anh sẽ biết cả”.

Vào thời gian đó đã xuất hiện những tin đầu tiên về Xvetlana Allieva (Con gái của I. V. Xtalin), mọi sự cứ “tối mò” đến mức chính chúng tôi là ủy viên Bộ Chính trị cũng không hiểu rõ được hết, rằng đã có chuyện gì đó xảy ra với người phụ nữ đó. Sau này mọi sự mới rõ là theo quyết định của A. I. Mikoian, Xvetlana được phép tạm thời sang ấn Độ...

Phiên họp của Bộ Chính trị kết thúc, tất cả những vấn đề “cơ bản” đã được xem xét, Breznev, với vẻ bần gãi và vội vã, nói: “Cho gọi Xemichaxtnyi!” Khi người đó bước vào phòng họp, chúng tôi cảm thấy ông ta có vẻ căng thẳng và lúng túng, sau đó người ta mời ông ngồi dự họp Bộ Chính trị. Ông ấy đã xử sự rất đúng mực. Khá bất ngờ với nhiều ủy viên Bộ Chính trị, Breznev tuyên bố: “Chúng ta cần thảo luận vấn đề về V. E. Xemichaxtnyi”. Các ủy viên Bộ Chính trị nhìn nhau ngạc nhiên. Xemichaxtnyi hỏi: “Thảo luận chuyện gì?”. Breznev trả lời: “Có đề nghị để đồng chí thôi giữ chức vụ được giao”. Xemichaxtnyi lại lên tiếng: “Vì sao thôi chức? Tôi không rõ nguyên nhân, không một ai nói với tôi về lý do này”. Nhưng câu hỏi của Xemichaxtnyi không được trả lời. Tất cả im lặng, rất những thành viên Bộ Chính trị đã hoàn toàn không hề chuẩn bị đối với việc quyết định một vấn đề như thế, nhất là quyết định nó theo kiểu này. Tôi thực sự đã bị chấn động bởi việc trước khi họp không hề có một ai nói với Xemichaxtnyi, rồi ông lại bị bất ngờ gọi đến để không hiểu gì hết. Xemichaxtnyi lại hỏi: “Tôi muốn được biết vì sao tôi bị thôi chức?”

Breznev nói ngay: “Có nhiều sai sót trong công tác của các cơ quan KGB, công tác tình báo và phản gián thực hiện rất tệ, mà vụ Allieva cũng nói lên nhiều rồi”. Xemichaxtnyi phản đối: “Vấn đề về hoạt động của KGB, tình trạng của tình báo và công tác phản gián không hề được thảo luận ở đâu cả. Chuyển đi của Allieva sang ấn Độ không phải do các cơ quan KGB phê chuẩn. Chuyển đi ấy đã được tổ chức bất chấp mọi sự phản đối của chúng tôi”. Nhưng đến lúc này giọng nói của Xemichaxtnyi đã rơi vào im lặng.

Tóm lại, quyết định: “Đồng chí Xemichaxtnyi V. E. thôi giữ vụ để chuyển sang công tác khác”... được “nhất trí” thông qua.

Ngay lập tức Breznev đã đưa ra đề nghị: bổ nhiệm đồng chí Andropov Iu. V. làm Chủ tịch KGB.

Xemichaxtnyi đi Kiep vào ngày 23 tháng 5...”.

Có thể quả quyết rằng Iu. V. Andropov vào KGB không hề tình cờ, mà còn biết từ trước rằng sẽ có được sự bổ nhiệm đó. Ông ta ngay từ đầu đã có một chương trình hành động chính xác. Điều đầu tiên ông ta đã làm ở cương vị này là xác lập lại vị trí của Cục số 5 (về tư tưởng) danh tiếng trong mọi mối quan hệ. (Trước đó từng tồn tại Cục 4 của KGB (đấu tranh với hoạt động ngầm, các hình thái dân tộc và các phần tử thù địch chống Xô Viết). Từ ngày 15 tháng 3 năm 1957, người đứng đầu tổ chức này là Thiếu tướng E. P. Pitoranov. Từ 5 tháng 2 năm 1960, chức năng của cục này được chuyển qua cho Tổng cục 2. Ngày 3 tháng 7, Iu. V. Andropov gửi tờ trình cho BCHTW. Ngày 17 tháng 7 được coi là ngày “sinh” của Cục 5. Mệnh lệnh được gửi cho toàn KGB vào ngày 25 tháng 7. Ngày 4 tháng 8, từ cương vị Bí thư Khu ủy Xtavropolxk, A. F. Kadasev được bổ nhiệm làm Cục trưởng Cục 5. Thôi giữ chức này vào tháng 12 năm 1968. Ngày 23 tháng 5 năm 1969, F. D. Bokov – người sau này đã có một hoạn lộ đến chóng mặt – làm Cục trưởng Cục 5.

Một trong những nhiệm vụ của Iu. V. Andropov là củng cố và mở rộng các chức vụ về đảng cho bản thân, cũng như cho những kẻ theo ông ta: “Andropov nhanh chóng trở thành ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị. Vào thời của mình, tại một phiên họp toàn thể của BCHTW đảng (...), Khrusov

đã từng nói: “Chúng ta đã từng khẳng định không chỉ một lần về việc trong thành phần của Bộ Chính trị không nên đưa vào bộ trưởng quốc phòng và chủ tịch KGB”. (...) Vấn đề là khi người lãnh đạo trở thành ủy viên Bộ Chính trị, thì bộ máy sau lưng anh ta lập tức thoát ra khỏi sự kiểm soát của Đảng và của Nhà nước. Bởi thiếu nó sẽ không một ai có quyền đung vào bộ máy đó”.

Nói chung, dưới sự lãnh đạo của ông ta, KGB Liên Xô đã trở thành một tổ chức đối lập: “Không thể nói rằng công tác của KGB là không thể trách cứ trong thời gian Iuri Vladimirovich lãnh đạo cơ quan này. Đã có rất nhiều sai lầm nghiêm trọng trong hoạt động đối với bên ngoài cũng như trong nội bộ chính trị. (...)”

Hoạt động của Iu. V. Andropov luôn thể hiện rất rõ sự thu lợi tối đa cho cá nhân, giành được nhiều vị trí có ảnh hưởng lớn hơn. Ông ta đã có thể kết hợp khéo léo đến mức ngạc nhiên trong mình chủ nghĩa tự do bề ngoài và sự tàn ác bên trong. Những người Do Thái đã bắt đầu bộc lộ những động thái tích cực chưa từng thấy tại Liên Xô, thiết lập nên những trào lưu bảo vệ pháp luật và những tổ chức khác nhau. KGB tùy theo mức độ, mặc dù đã phanh phui, nhưng đã làm điều này một cách thô thiển và không được khéo léo bằng cách đã tuyên truyền quá nhiều cho những phong trào đó hơn là lần tìm ra những cội rễ của chúng trên thực tế. Trong hoàn cảnh đó, chỉ có phong trào tự nhận thức dân tộc Nga là bị đàn áp không thương tiếc. Nhiều tổ chức thanh niên Nga của trào lưu dân tộc đã bị giải thể, còn những người tham gia đã bị xử tới 10-15 năm...

Những nhóm mong manh muốn tôn thờ tư tưởng Nga này chủ yếu được tập hợp xung quanh các hội sử học, các tạp chí văn học như “Matxcova”, “Người đương thời chúng ta”, “Cận vệ thanh niên” dưới con mắt canh chừng của “sếp cảnh sát mật”. Hẳn không chấm dứt hoàn toàn hoạt động của họ, cũng không để cho họ hoạt động mạnh mẽ, thỉnh thoảng lại xuýt lỗ chó sẵn tư tưởng của mình dựa vào những quan điểm Mác – Lênin giáo điều nhằm vào các nhà hoạt động nghệ thuật Nga mà nguyên rủa là “những kẻ xô vanh nước lớn”. Hoàn toàn rõ là những mục tiêu của phương Tây

nhằm phá hoại Liên Xô đã không thể thực hiện được cho tới khi nào KGB Liên Xô theo mô hình Xtalin vẫn đứng vững. Đó là một công việc lâu dài nhằm hạn chế những năng lực của KGB, hủy hoại những phương pháp công tác có hiệu quả, làm giảm sút tinh thần canh giác, làm chệch hướng các mục tiêu, nhằm tung tin giả và ly gián cán bộ, sử dụng những kẻ đại diện bí mật và được đào tạo tốt trong đội quân thứ 5, ngăn chặn các kênh thông tin, làm thay đổi cơ cấu của bộ máy ở trung ương cũng như ở các địa phương.

Một nhiệm vụ khác của Iu. V. Andropov là xây dựng hạt nhân trí thức dần dần trở thành “Trung ương thần kinh” chủ chốt cho những những thâm kích trong tương lai ngay “bên trong” hệ thống. Chính ông ta có thể lựa chọn những nhân vật cần thiết, trung thành trong số những kẻ hoạt động ngầm; huấn luyện, hỗ trợ chúng thăng tiến và củng cố những cương vị then chốt... Trong cơ cấu cán bộ của Andropov, hàng loạt cán bộ “trung lập” và những người yêu nước đều bị gạt ra ngoài, còn chính “Iu. V.” là người chủ xướng – Đó là lời thú nhận trong hồi ký của kẻ từng được coi là nguồn cán bộ của ông ta.

Một nhiệm vụ mà Iu. V. Andropov từng thực hiện mang tính phương pháp luận. Tại Hội nghị toàn thể của BCHTW ĐCS Liên Xô hồi tháng 6 năm 1983, ông ta đã nói một câu khá bí ẩn: “... Nếu nói một cách công khai, cho đến nay chúng ta chưa nghiên cứu đầy đủ xã hội mà chúng ta đang sống và lao động, chưa phát hiện được hoàn toàn những quy luật vốn có của nó, đặc biệt là về kinh tế. Vì vậy, đã đến lúc chúng ta phải hành động theo kinh nghiệm, bằng phương pháp “Thử và Sai” rất bất hợp lý”.

Mỗi người nghiên cứu lý giải câu này theo cách khác nhau. nhiều người cố đi tìm ẩn ý đằng sau nó. Song về mặt nguyên tắc, không thể không đồng tình với A. A. Zinoviev về lời đánh giá sau: “... Chế độ xã hội cộng sản chủ nghĩa đã trường tồn trong Liên bang Xô Viết hơn 70 năm, vậy mà trong nước không hề có được một dòng chữ xứng danh khoa học về nó. Điều đó có thể được giải thích bởi việc các nhà cầm quyền và các nhà tư tưởng Xô Viết đã ngăn cấm sự thật về một chế độ xã hội hiện thực của đất nước”.



Trên cương vị Tổng bí thư BCHTW ĐCS, Iu. V. Andropov đã tiến hành rất nhiều chính sách xưa cũ nhằm đưa mọi thứ đến sự hoàn toàn phi lý. Một số kẻ từng mặc “Gile Pike” đang hồi tưởng với niềm hân hoan và nỗi buồn cố hương về việc “dưới thời Andropov họ từng rượt đuổi những kẻ lang thang” như thế nào. Những kẻ đó vẫn không thể hiểu nổi những điều sơ đẳng nhất của lý thuyết hệ thống tổng thể trong phụ trương của lý trí xã hội. Trong đó nói rằng, mọi hệ thống cần phải sinh động tối đa, không “mở” như là cái đích để những người trí thức phục vụ theo phương pháp luận của G. Sorox hướng tới, và không đóng như nó từng xảy ra dưới thời của những người cộng sản. Chính nó phải linh hoạt, phản ứng thích hợp với những thay đổi. Khi đó và chỉ khi đó nó mới bảo đảm được sức sống lâu bền tối đa.

*Nhiệm vụ cuối cùng của Iu. V. Andropov là đã chết đúng lúc. Người ta đã giúp ông quyết định cái chết. Và điều này thì không thuộc vào lĩnh vực “Những điều bí ẩn”.*

### **Bí ẩn cái chết của Andropov**

Phương pháp áp dụng đối với Iu. V. Andropov, về thực chất, cần xác định là “cái chết được điều khiển”. Thực chất của việc xảy ra với ông ta chính là đưa cái chết đến vào thời điểm cần thiết: không chậm hơn, cũng không sớm hơn: “... Sự kiện luôn là sự kiện: Andropov đã ít nhiều đã chung sống hòa bình với những bệnh tật của mình trong 20 năm, nhưng chỉ vừa đạt tới mục tiêu mà cả đời ông ta hướng đến – có quyền lực cao nhất – cái chết đã tóm lấy ông ta”. Bạn đọc còn nhớ bằng chứng chúng tôi đã đưa ra liên quan đến cái chết của M. A. Xuxlov về việc con người đó từ KGB đi lên ra sao và đã thúc đẩy cái chết của giới thượng lưu cầm quyền thế nào? Sự kiện này cũng giống như vậy về nguyên tắc. Rõ ràng là vẫn một phương pháp đó, người ta đã đưa Iu. V. Andropov tới nhà mồ. (Vẫn còn một câu hỏi liên quan tới những trường hợp này: Trong thực tế, ai là người đã lãnh đạo đất nước và những mối ảnh hưởng: Breznev, Andropov hay là một kẻ chuyên ra lệnh “từ KGB”? Mà từ KGB thì liệu có phải là từ CIA?... Đừng như câu hỏi này có vẻ khoa trương, song thực sự lại có tính then chốt)

Iu. V. Andropov có thể đã tự ký án tử hình cho mình bởi những lời nói thiếu thận trọng. Tại Hội nghị toàn thể của BCHTW ĐCS Liên Xô hồi tháng 6 năm 1983, sau khi ngắt lời K. U. Chernenko, ông ta bất ngờ nói: “Vâng, tiện đây, tôi biết rằng trong phòng họp này có những người cho phép mình thỏa thuận với những kẻ ngoại bang phát triển thông tin không cần thiết và bất lợi đối với chúng ta. Hiện giờ tôi sẽ không nêu tên họ, tự các đồng chí biết tôi nói về người nào. Và cứ để cho họ ghi nhớ rằng đây là lời cảnh báo cuối cùng cho họ”.

“Lời cảnh báo cuối cùng” đã thực sự là cuối cùng, chỉ có điều nó dành cho chính Iu. V. Andropov.

Nhân đây bạn đọc nên lưu ý vào thời điểm sau: Liệu Andropov có thể trù tính rằng người ta đã tránh ông ta như tránh một người không cần thiết để vào cương vị tổng bí thư không? Chắc là có. Một con người như ông, theo nhiều đánh giá và mô tả của những người từng chứng kiến, theo những quyết định và thành tựu của ông, thì đó còn lâu mới là kẻ ngốc. Trong trường hợp như vậy, ông có thể trù tính được rằng người ta tránh ông để có lợi cho M. X. Gorbachov. Khi đó logic là mối quan hệ giữa họ bị xấu đi: “Gorbachov, sau cái chết của Breznev và việc bầu Andropov làm Tổng bí thư, đã bắt đầu rêu rao khắp nơi rằng ông ta với họ là những người bạn lớn của nhau, các gia đình họ thân thiết với nhau, v.v... Khi biết được tình huống uẩn khúc đó, tôi có thể nói rằng ông ta (Gorbachov) là kẻ đại bịp (Nguyên văn – *Bluff kẻ bịa chuyện đề cao mình trước những người khác*). Nếu như thời gian đầu, sau chuyển Gorbachov đến Matxcơva, Andropov đã có thái độ xử sự rất đúng mực với ông ta, thì sau đó mối quan hệ giữa họ đã thay đổi đến mức ông không tiếp Gorbachov nữa”.

Những ngày tháng cuối cùng, Andropov đã mời nhiều thành viên khác trong Bộ Chính trị tới bệnh viện, mà không mời Gorbachov. Chỉ trước khi qua đời ông ta mới tiếp Gorbachov (Từ tháng 12 năm 1983 đến cuối tháng 7 năm 1990 là Bí thư BCHTW ĐCS Liên Xô, ban đầu phụ trách công tác cán bộ, sau là phụ trách những vấn đề tư tưởng, tiếp nữa là phụ trách về nông nghiệp) và Ligachov”.

Iu. V. Andropov có quan hệ với những kẻ vô liêm sỉ, những kẻ sau khi tiêu diệt ông đã lợi dụng cái chết của ông để thu lợi cho chúng: “Một cán bộ của KGB ở Leningrad trở về Matxcova sau khi Andropov mất và thông báo: “Trong đám nhân viên của Trường đại học y số 1 có liên quan với Tổng cục 4 của Bộ y tế Liên Xô đang lan truyền những câu chuyện về cái chết bí ẩn của Tổng bí thư BCHTW ĐCS Liên Xô. Theo ý kiến của các chuyên gia, trong trường y có những người ở thời kỳ đầu chữa bệnh cho Andropov đã cố tình dùng phác đồ điều trị sai, hậu quả là đã dẫn tới cái chết đột ngột của ông. Trong giai đoạn điều trị sau này, các chuyên gia đầu ngành của cả nước, mặc dù đã tận tình cứu chữa, song vẫn không thể làm gì hơn được. Những người “từng chữa bệnh” cho Andropov có mối quan hệ với một nhóm (tên gọi bằng mật danh) của một bộ phận cán bộ trong bộ máy của đảng ở Matxcova – những kẻ đã không vừa ý với những thay đổi và cải cách tích cực do Andropov khởi xướng...”.

### **Bí ẩn cái chết của Uxtinov và những người khác**

Khi đề cập tới hoàn cảnh qua đời của ủy viên Bộ Chính trị BCHTW ĐCS Liên Xô, Bộ trưởng Quốc phòng BCHTW ĐCS Liên Xô, Nguyên soái Liên Xô D. F. Uxtinov, cần mô tả cả hoàn cảnh ông đã phải công tác trong những năm tháng cuối cùng của mình. Những ai đã từng có điều kiện quan sát ông trong thời gian đó đều có nhận xét rằng ông đã dồn toàn bộ tâm trí và sức lực, nhiều giờ mỗi ngày, để gánh vác toàn bộ khối lượng công việc được giao. Có rất nhiều vấn đề và cũng là trong phạm vi đã quen thuộc, như: chế tạo những mẫu mới vũ khí và thiết bị quân sự; xây dựng các công trình quốc phòng; duy trì khả năng sẵn sàng chiến đấu và kỷ luật của bộ đội, trong đội ngũ quân nhân vào những năm 1970-1980 đã xuất hiện hai vấn đề đặc biệt cấp bách cần kịp thời giải quyết: Afghanistan và Ba Lan. Hoàn cảnh này đã liên quan trực tiếp tới cái chết của D. F. Uxtinov cùng của nguyên thủ khác trong khối nước xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta bắt đầu phân tích từ sự lừa dối, tuy không lớn nhưng rất đặc trưng mà hiện nay đang bất ngờ lan truyền về những người đã khuất. Cách đây chưa lâu có một bài đăng về họ “Tuyên thệ và bị giết”: Các tướng lĩnh

bị tiêu diệt ở Afghanistan, nơi quân đội của một siêu cường dù đang đổ máu vẫn không thể chiến thắng những kẻ sơn cước, dường như đã nhận thấy cách thoát hiểm: thực hiện tình trạng quân quản theo mô hình Ba Lan ở tất cả các nước thuộc Khối Varsava, kể cả Liên Xô. Chuyện này đối với quân đội thì phải cẩn thận, song không phải giữ kẽ quá. Bàn tay sắt của các cơ quan đặc biệt thuộc quyền Andropov luôn theo dõi nhất cử nhất động của các chỉ huy quân đội. Trong một chút nghi ngờ – “ông đột ngột qua đời”. Vậy là hết.

Có rất nhiều bằng chứng về việc đám tướng lĩnh quân đội cao cấp đã từng nghĩ tới vấn đề đảo chính quân sự trong hệ thống xã hội chủ nghĩa (ở hình thức này hay hình thức khác). Tiếp thu kinh nghiệm của các nước, khi trên con đường chuyển hóa từ chế độ cực quyền sang nền dân chủ, sẽ thiết lập chính thể chuyên chế quân sự lâm thời. Âm mưu khi đó đã không thành...” A. N. Iakovlev, theo thói quen của mình, đã mềm mỏng nói khi vu khống những người đã khuất. Lời buộc tội tỏ ra phi lý và phi lôgic: trong lịch sử thế giới chưa có một thủ lĩnh quân sự nào chịu trách nhiệm về thất bại quân sự lại đi lật đổ chính phủ của mình – chắc là họ đã tăng cường sự hiện diện quân sự tại Afghanistan. Vào năm 1984, ai trong số quân nhân cao cấp biết đến việc người ta đã dẫn chúng tôi theo con đường từ “cực quyền” sang “dân chủ”? Tuy nhiên, những kẻ phản biện của chúng tôi đang làm khó cho mình... Với họ, vu khống những người ngay thẳng là quan trọng.

Lời buộc tội là phi lý và liên quan tới hàng loạt chiến dịch xóa dấu vết trong quá khứ, bôi nhọ thanh danh của các nạn nhân. Nếu tìm ra được một ai đó tin điều này thì sự lừa dối to lớn đó đã gặt hái được thành công.

Hiển nhiên là bản hiệp ước đã thống nhất các bộ trưởng của 4 nước đưa quân đội vào Ba Lan. Điều này hoàn toàn dễ hiểu bởi những sự kiện diễn ra ở Ba Lan đã nằm ngoài tầm kiểm soát, cho dù đã thực hiện chế độ quân quản và được phép “bắt giữ bất cứ ai nếu cần thiết”. Trong quá khứ, những trường hợp như vậy đều cần “sự giúp đỡ quốc tế hữu nghị”. Chính L. I. Breznev cũng từng tuyên bố rằng về mặt nguyên tắc điều đó là chấp thuận

được. Tôi không có những lời khẳng định từ các nguồn công khai, song vẫn có thể bày tỏ giả thuyết của mình.

Do đâu mà CIA có thể nhận được thông tin chính xác về việc các nước thành viên của Tổ chức Hiệp ước Varsava sẽ đưa quân đội vào Ba Lan? Trong Bộ tổng tham mưu quân đội Ba Lan có viên đại tá Richard Kukhlinxki đã làm việc cho CIA: “Một trong những nhân viên tình báo Mỹ, sĩ quan Bộ tổng tham mưu quân đội Ba Lan Kukhlinxki nằm ngay trong vị trí cao nhất của Liên minh Xô Viết. Anh ta rất giỏi thu thập thông tin về những kế hoạch hành động của Xô Viết tại Ba Lan. Những nguồn tin khác khẳng định rằng anh ta đã hoàn thành công việc phân tích cho CIA. Tuy nhiên người ta đã thay thế “con chuột chũi” giá trị bằng một con khác, một điệp viên mới của CIA có cấp quân hàm cao hơn.

Cựu nhân viên tình báo CIA Peter Swester thông báo rằng CIA đã tuyển mộ được một vị thứ trưởng quốc phòng Ba Lan[4]. Điều này có vẻ không phù hợp với thực tế. Song nhà báo Anh Nigell West, trong một cuốn sách của mình đã dẫn ra tên vị thứ trưởng quốc phòng của Ba Lan là Thiếu tướng Tadeusa Tuchanxki, kẻ thừa kế sáng giá của Kukhlinxki. Viên tướng này còn sống, và cho dù hiện nay Mỹ đã trở thành đồng minh với Ba Lan, ông ta vẫn phủ nhận vai trò của mình đối với CIA. Tuy nhiên, một đoạn trích dẫn từ bức thư của Văn phòng Varsava gửi trung tâm được nêu ra, trong đó ông ta từng viết rằng “đã nắm được một điệp viên tài năng đang giữ chức thứ trưởng quốc phòng có thể tiếp cận với “các cuộc thảo luận trong chính phủ về đề tài an ninh nội bộ (*Tin tức Tình báo và Phản gián, số 11-12/2001*).

Lời khẳng định về việc ở Ba Lan có một nhóm khá đông những nhân vật được tiếp xúc với kế hoạch can thiệp là bằng chứng từ nguồn mới nhất: “Bộ tổng tham mưu quân đội Ba Lan đã tiến hành phân tích độc lập những kế hoạch được soạn thảo tại Liên Xô và nhận định rằng những kế hoạch đó dựa trên “sự hiểu biết không đầy đủ về tình hình phát sinh ở Ba Lan, sự coi thường tình cảm chân chính của xã hội (Ba Lan) và sự đánh giá sai lệch về sức mạnh của Phong trào “Đoàn kết”(*Những vụ khủng hoảng trong quan hệ*

của Liên Xô với các nước Đông Âu, 1948-1981: Sử dụng những tài liệu mới. Chiến tranh lạnh. Những quan điểm mới, những tài liệu mới. Kramer M, Nxb. Matxcova, 1995). Hơn nữa, họ có thể sử dụng cả những phương tiện kỹ thuật bởi có một nhóm 4 người của “Special Collection Element” cùng các thiết bị nghe trộm đã có mặt trong đại sứ quán Mỹ tại Ba Lan.

Vậy là, để tiếp tục cuộc cách mạng “Bàn tay nhung” của Ba Lan cần loại bỏ 4 vị bộ trưởng quốc phòng của các nước thuộc khối xã hội chủ nghĩa, chí ít là họ đã quyết định như vậy và đã thành công. Chiến dịch “Hành động giáo hình” (tiếng lóng của CIA) được triển khai...

“... Trong một mức độ nhất định, chính cái chết của Uxtinov là không rõ ràng và để lại nhiều nghi vấn liên quan tới những nguyên nhân và tính chất của căn bệnh. Vào mùa thu năm 1984 có một cuộc tập trận chung giữa quân đội hai nước Liên Xô và Tiệp Khắc được tiến hành trên lãnh thổ Tiệp Khắc. Tham dự có Uxtinov và Tướng Dzur Bộ trưởng Quốc phòng Tiệp Khắc. Sau khi trở về nước Uxtinov cảm thấy khó ở, sốt cao và xuất hiện những thay đổi trong phổi. (...) điều trùng hợp đáng ngạc nhiên – tướng Dzur cũng với căn bệnh tương tự vào khoảng thời gian đó.

Chiến dịch này đã gây nên hiệu quả phụ mà người ta mong đợi – trò tố cáo cầu lợi: Viên bác sĩ chữa bệnh cho L. I. Breznev, chỉ huy Tổng cục 4 trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô “...Viện sĩ Chazov khi tới Stavropol đã chia sẻ nhiều điều với Gorbachov, trong đó thường xuyên thông tin về lối sống của những người trú ngụ ở Kremli. (...)

Là người nắm vững tình trạng sức khỏe của ban lãnh đạo Kremli, người viện sĩ này đã cho Gorbachov biết rằng cái chết sẽ lần lượt tiến đưa các vị lãnh đạo từng người một khi quan hệ với Mỹ trở nên căng thẳng. Họ sẽ mắc bệnh và chết bất ngờ, không rõ nguyên nhân. Như Breznev có sức khỏe khá xuất sắc, bỗng nhiên mắc chứng suy kiệt. (...)

Chứng viêm tấy cũng phát triển nhanh đến không ngờ đối với Chernenko. Rồi Andropov cũng đột ngột lâm trọng bệnh. Cả hai nhà lãnh đạo quân sự của Nga và Tiệp Khắc sau cuộc tập trận chung đều cùng mắc một căn bệnh giống nhau dẫn tới tử vong. Nếu có thể tranh luận về những

cái chết của các tổng bí thư là hoàn toàn tình cờ, thì việc Uxtinov và Dzur qua đời là bằng chứng hiển nhiên là hành động có chủ đích đã được thực hiện.

Để làm sáng tỏ, chúng tôi sẽ dẫn ra những sự kiện trùng hợp sau:

*Ngày 7 tháng 12 năm 1984. Istvan Olakh được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Quốc phòng Hung Ga Ri. Trước đó là Đại tướng L. Txinege đã được bổ nhiệm làm Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa nhân dân Hung Ga Ri.*

*Ngày 20 tháng 12 năm 1984. Do “một cơn đau tim nặng” ủy viên Bộ Chính trị BCHTW ĐCS Liên Xô, Bộ trưởng Quốc phòng, Nguyên soái Liên Xô D. F. Uxtinov đã từ trần.*

*Ngày 12 tháng 1 năm 1985. Milan Batxlavich được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Quốc phòng Tiệp Khắc.*

*Ngày 15 tháng 1 năm 1985. Do “một cơn đau tim nặng”, ủy viên BCHTW ĐCS Tiệp Khắc, Bộ trưởng Quốc phòng, Đại tướng Dzur qua đời ở tuổi 66.*

*Ngày 20-24 tháng 3 năm 1985. Bộ trưởng Quốc phòng Tiệp Khắc Milan Batxlavich thăm Liên Xô.*

*Ngày 26 tháng 4 năm 1985. Varsava tổ chức đón tiếp các nhà hoạt động cao cấp của đảng và chính phủ các nước thành viên Hiệp ước Varsava. Hiệp ước về hữu nghị, hợp tác và tương trợ lẫn nhau được ký kết ngày 14 tháng 5 năm 1955 có hiệu lực trong 20 năm kể từ lần gia hạn cuối cùng được kéo dài thêm 10 năm nữa.*

*Ngày 20-23 tháng 5 năm 1985. Hội đồng Quân sự Các lực lượng vũ trang thống nhất của các quốc gia thành viên Hiệp ước Varsava họp tại Budapest (Thủ đô của Hung Ga Ri).*

*Ngày 25-31 tháng 5 năm 1985. Phương diện quân Trung tâm và Quân đội nhân dân Tiệp Khắc tiến hành tập trận chung trên lãnh thổ Tiệp Khắc với sự tham gia của 25 nghìn người.*

*Ngày 11-15 tháng 6 năm 1985. Bộ trưởng Quốc phòng Hung Ga Ri và I. Olakh thăm Liên Xô.*

*Ngày 22-23 tháng 10 năm 1985. Hội nghị ủy ban Tư vấn – Chính trị của các quốc gia thành viên Hiệp ước Varsava nhóm họp.*

*Ngày 21 tháng 11 năm 1985. Tại Praha tổ chức gặp mặt các nhà lãnh đạo cao cấp các quốc gia thành viên Hiệp ước Varsava.*

*Ngày 28 tháng 11 năm 1985. Kỷ niệm Bộ trưởng Quốc phòng Cộng hòa dân chủ Đức G. Hofman 75 tuổi, nhân dịp này ông được tặng Huân chương Karl Mars, huân chương cao quý nhất của Cộng hòa dân chủ Đức.*

*Ngày 2 tháng 12 năm 1985. Do “một cơn đau tim nặng”, ủy viên BCHTW Đảng Thống nhất xã hội chủ nghĩa Đức, Bộ trưởng Quốc phòng Cộng hòa Dân chủ Đức, Đại tướng Geintx Hofman.*

*Ngày 2-5 tháng 12 năm 1985. Tại Berlin tổ chức phiên họp thường kỳ ủy ban các Bộ trưởng Quốc phòng quốc gia thành viên Hiệp ước Varsava.*

*Ngày 3 tháng 12 năm 1985. Thượng tướng Geintx Kessler được thăng hàm đại tướng và bổ nhiệm làm Bộ trưởng Quốc phòng Cộng Hòa Dân chủ Đức.*

*Ngày 15 tháng 12 năm 1985. Do “một cơn đau tim nặng”, ủy viên BCHTW Đảng Công nhân xã hội chủ nghĩa Hung Ga Ri, Bộ trưởng Quốc phòng nước Cộng hòa nhân dân Hung Ga Ri, Đại tướng I. Olakh đột ngột qua đời ở tuổi 59.*

Tất nhiên, thông tin chưa đầy đủ, do hạn chế bởi tầm nhìn thiển cận của chúng tôi nên vẫn còn những biện pháp để phá hoại việc đưa quân đội vào Ba Lan mà chúng tôi chưa biết. Chúng tôi chỉ có thể trình bày một giả thuyết về việc cụ thể ai đã có thể thực hiện chiến dịch này. Theo tôi, chiến dịch này có thể được đánh giá loại “xuất sắc”, nên chiến dịch “cải tổ” sau này so với nó chỉ là trò con trẻ. Chỉ một chút trong âm mưu này – đó là D. F. Uxtinov, rõ ràng là người ủng hộ sự thăng tiến của M. X. Gorbachov, và kẻ thù của chúng ta đã buộc phải để mất đi một tiếng nói có trọng lượng. Nhưng cũng đáng đồng tiền bát gạo.



## CHƯƠNG III

### BỘ MÔN NGA TRONG CHÍNH TRỊ HỌC MỸ

*Nếu tôi có tài tiên đoán, và tôi biết mọi bí mật, và tôi có đủ tri thức cùng toàn bộ niềm tin thì tôi có thể chuyển dịch những quả núi, còn tôi không có tình yêu – tôi không là gì cả.*

*Thông điệp đầu tiên của Thánh Apostol Pavel gửi Korinfiana.*

Cả một hệ thống phức tạp và to lớn đã giết chết Liên Xô. Hệ thống thù địch này bao gồm cả giới lãnh đạo phương Tây, các cơ quan mật vụ của chúng, những tổ chức kiểu hội tam điểm của cả phương Đông và phương Tây, “đội quân thứ 5” ở Liên Xô và ở các nước Đông Âu. Tất cả những thành phần đó đã theo lệnh từ Washington lật đổ chúng ta. Phân hệ “những trung ương thần kinh Mỹ” là một thành tố quan trọng của hệ thống đó. Chúng có nhiệm vụ soạn thảo ra các phương thức và thông tin nhằm bóp nghẹt nước Nga, “loại bỏ chủ nghĩa cộng sản”. Vai trò của phân hệ này lớn đến mức không sao đánh giá hết được. Đồng thời hoạt động của nó cũng bí mật tới mức, về thực chất và do nhiều nguyên nhân khác nhau, cho đến nay vẫn chưa thể phát giác ra được mối liên hệ giữa hoạt động của các tổ chức ở bên kia đại dương với công cuộc cải tổ “của chúng ta”.

#### **“Những trung ương thần kinh” và các tổ chức Xô viết học Mỹ**

Những tổ chức này đang được nói tới rất nhiều trong giai đoạn hiện nay. Chúng ta hãy nêu ra đặc điểm đáng chú ý sau.

Chúng tôi lưu ý tới những tổ chức quốc gia cũng như phi quốc gia đã tham gia soạn thảo các kế hoạch phá hoại Liên Xô và hiện thực hóa chúng trong cuộc sống. Vì vậy, chúng tôi không nhắc lại những gì đã từng được viết trong thời kỳ Xô Viết. Còn trong thời kỳ hậu Xô Viết thì nhiều người đã lãng quên, song vô ích...

Tổ chức Xô Viết học, hay theo cách gọi khác là Nga học, đầu tiên là “Hội Nghiên cứu Nga” được thành lập từ năm 1913 tại Đức trực thuộc Cơ quan thuộc địa Bộ Ngoại giao. Tổ chức tiếp theo – “Trường phái những

ngiên cứu Xlavơ” được thành lập tại Trường đại học tổng hợp Lodon vào năm 1915 và tồn tại cho tới ngày nay. “Phòng thí nghiệm” đầu tiên nghiên cứu về Nga tại Mỹ là “trường phái Rizk” thông qua nhóm các nhà ngoại giao của phòng Lãnh sự tại Latvia trong những năm 1920. Nó được thành lập chủ yếu là nhờ R. Kelli – người đứng đầu Viện Đông Âu của Thượng viện Mỹ. Chính những nhà ngoại giao này tạo nên nòng cốt cho đại sứ quán đầu tiên tại Matxcơva. Vào cuối những năm 1940 những người này có một ảnh hưởng đáng kể trong Thượng viện. Đặc biệt nổi bật là J. Kennan và Ch. Bollen. Người đầu tiên trong họ từng là đại sứ tại Liên Xô, đã có một cái gọi là bức điện báo “dài” nổi tiếng (gần 8.000 từ), trong đó buộc tội Liên Xô bành trướng chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới (*Phụ lục số 1*). Trên cơ sở tài liệu này ông ta đã viết bài đăng trên báo “Forin Affis” với bút danh “Mister X”. Trò đùa tên của ông ta đã bị phanh phui, và phía Liên Xô, thấy mình bị xúc phạm, đã từ chối ủy nhiệm (ngoại giao) của J. Kennan. Lúc đó, phía Mỹ không chỉ bị thiếu hụt trầm trọng các chuyên gia phân tích về Liên Xô, thiếu những người có khả năng khái quát tình hình ở Liên Xô và sự tiếp cận của Mỹ với Liên Xô, mà thiếu cả những người giỏi tiếng Nga và có khả năng dịch các tư liệu từ các báo chí của Xô Viết về Mỹ.

Về sau, số lượng các trung tâm này đã phát triển lên tới vài trăm. Tất cả các trung tâm phân tích đã được dẫn ra trong *Phụ lục số 2*. Qua những năm “cải tổ” các trung tâm này đã bổ sung đội ngũ của chúng khi Ba Lan rơi vào vòng ảnh hưởng của Mỹ: “Tại Gdanxk (Ba Lan) đã thành lập một trung tâm nghiên cứu có tới 200 người Mỹ trong số 400 nhân viên. Tại trung tâm này, sử dụng kinh nghiệm của Ba Lan, họ đã soạn ra một mô hình “hòa bình” phá hoại hệ thống xã hội chủ nghĩa. (...) Tại Ba Lan họ từng tiến hành thử nghiệm tất cả các phương pháp mà sau này đã làm lung lay Liên Xô: các cuộc bãi công của thợ mỏ, mạng lưới nợ nần phương Tây, liệu pháp sốc, vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng. Tất cả những phương pháp đó đã được thử nghiệm tại Ba Lan. Ngay kể hiện nay rất nổi tiếng với chúng ta là Jeffri Saks cũng đã từng tu nghiệp ở trung tâm

Gdanxk”. Sau này hẳn luôn kề cận bên thủ tướng Ba Lan Balltxerovich. Tiếp sau đó hẳn lại chuyển sang Liên Xô làm sư phụ của Gaidar”.

Tuy nhiên còn một trung tâm rất đặc biệt, rất đáng chú ý – *RAND Coporation (Reseach And Development – Nghiệp đoàn Nghiên cứu và Phát triển)*.

## **RAND Coporation**

Địa chỉ: RAND Coporation 1700, Main Street, Santa Monica, CA 90406, USA.

Về thực chất, nghiệp đoàn này là thủy tổ (kẻ sáng lập) của những trung tâm nghiên cứu khoa học khác. Nó nổi bật về năng lực trí tuệ của các nhân viên và mức độ ảnh hưởng trong việc soạn thảo phương pháp luận những giải pháp được sử dụng. Ngoài ra, RAND Coporation còn là một tổ chức nổi tiếng, có ảnh hưởng lớn nhất trong nhóm tinh hoa của những tổ chức nghiên cứu khoa học được coi là những “trung ương thần kinh” của Mỹ. Vào thời gian sau chiến tranh, các tổ chức xứng đáng với tên gọi này đã từng tồn tại trong quá khứ, tuy nhiên chỉ từ khi có mặt RAND Coporation, sự phát triển theo hướng nghiên cứu này mới mang tính chất hiện thực. RAND trở thành hình mẫu cơ bản cho hàng chục tổ chức chuyên nghiên cứu chính trị hiện đại và xây dựng những công nghệ chính trị mới.

Lịch sử thành lập RAND Coporation như sau. Ngay trong những năm chiến tranh thế giới II, trong Lực lượng Không quân Mỹ có một nhóm những nhà khoa học chuyên nghiên cứu các chiến dịch quân sự. Sau chiến tranh, người ta quyết định duy trì nhằm tiếp tục các công việc thuộc lĩnh vực đã triển khai nghiên cứu và nghiên cứu những công nghệ quân sự cho những năm tiếp theo. Chính vì mục tiêu này mà Đại tướng Henry Arnold (1886-1950, nhà nghiên cứu lý luận quân sự. Năm 1940-1941 là Tham mưu trưởng Quân đội Mỹ về không quân; năm 1942-1946 là Tư lệnh Không quân Mỹ. Có những công trình nghiên cứu về tác chiến và chiến dịch đường không được ứng dụng trong Quân đội Mỹ. ND) đã đệ trình lên cấp trên kiến nghị về ký kết hợp tác giữa Lực lượng Không quân và Hãng sản

xuất máy bay “Duglas”. Kiến nghị đó được ủng hộ và một tổ chức thử nghiệm mang tên “Dự án RAND” đã được thành lập với tư cách là một phân viện của Hãng “Duglas”. Giá trị hợp đồng là 10 triệu USD. Tổ chức bắt đầu hoạt động vào năm 1946 với mục tiêu chính thức là thực hiện “chương trình nghiên cứu khoa học về những khía cạnh trong chiến tranh liên lục địa, ngoại trừ các hoạt động quân sự trên bộ”. Trong nhiệm vụ của nó bao gồm cả việc cung cấp cho Lực lượng Không quân những khuyến nghị về “các phương tiện và phương pháp thích hợp”.

Vào năm 1948 mọi người đồng loạt đặt vấn đề tách RAND Coporation ra khỏi Hãng “Duglas”. Theo J. R. Goldstan, – một người trong số sáng lập viên của “Dự án RAND”, trong những năm cuối cùng là Phó chủ tịch của nghiệp đoàn – cho biết, đã nảy sinh một loạt “nguyên nhân để chia tay”. Nhiều hãng đang thực hiện các hợp đồng quân sự đã phản đối chống lại việc tổ chức thực hiện kế hoạch cho Lực lượng Không quân lại là phân viện của một hãng cạnh tranh. Về phía mình, Hãng “Duglas” cho rằng chính vì mối quan hệ của nó với RAND Coporation mà Lực lượng Không quân Mỹ đã khước từ mọi ưu tiên cho Hãng, gây cho Hãng tổn thất rất lớn vì mất hợp đồng. Thêm vào đó, đã xuất hiện một số xích mích giữa Hãng “Duglas” với chính những đối tác của nó thuộc biên chế của “Dự án RAND”. Mặc dù tổ chức “RAND”, vì lý do an ninh, đã thực sự được cách ly khỏi hãng mẹ, không phải thực hiện những nguyên tắc và quy định điều chỉnh của hãng (thậm chí có cả quy định về việc được uống cà phê vào khi nào, ở đâu). Những nguyên tắc này luôn là nguyên nhân thường xuyên gây nên phản ứng bức tức cho những người “có tư duy” trong “RAND”. Thật may, Lực lượng Không quân đã thỏa mãn với hợp đồng 2 năm của dự án này, họ sẵn sàng tạo điều kiện để những đứa con của dự án tự đứng vững trên đôi chân của chúng. Nguồn vốn lập nghiệp ban đầu đã có được 100 nghìn USD (một phần lớn trong số đó được lấy từ số tiền bù đắp thiệt hại của Quỹ “Ford”. Như vậy, vào năm 1948, với tư cách là một xí nghiệp độc lập phi thương mại – RAND Coporation đã được chuẩn y. Nó được thành lập “để hỗ trợ cho những mục tiêu trong lĩnh vực khoa học, giáo dục và từ

thiện vì lợi ích xã hội và an ninh của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ”. Cùng cần nói thêm rằng phía Liên Xô không có một lời nào về sự kiện này. Song chúng ta sẽ còn phải nhớ mãi một điều là khái niệm an ninh của Mỹ bao hàm rất rộng...

Căn cứ vào mức độ phát triển của RAND Coporation thì việc thành lập thử nghiệm của nó đã rất thành công. Vấn đề không chỉ là đã giữ được một tập thể khoa học tài năng góp mặt từ những năm trong chiến tranh, ngoài ra giới quân sự đã có được một bộ máy sáng tạo với quy mô và những năng lực mà không thể có được bằng những con đường khác. RAND Coporation đã cung cấp những phát hiện lý thuyết trong nhiều lĩnh vực rất khác nhau cho một tương lai lâu dài. Những lời khuyến nghị đó không thể có được từ những văn phòng của cơ quan chính phủ – nơi chỉ có những cộng tác viên chỉ thích hợp với việc giải quyết các nhu cầu thường nhật, những nhiệm vụ hạn hẹp. Rõ ràng là những tổ chức kiểu RAND Coporation là những trung tâm năng động có hiệu quả hơn so với bất kỳ trung tâm của các trường đại học tổng hợp nào khác – những nơi tập trung được nhiều tập thể khoa học lớn nhưng luôn nảy sinh rất nhiều vấn đề để xác định ranh giới các nguyên tắc và vấn đề nghiên cứu giữa các khoa.

RAND Coporation có cơ cấu như sau:

Ban lãnh đạo gồm *giám đốc*, *Hội đồng Lý luận* với 10 giáo sư – chuyên gia thuộc các lĩnh vực rất khác nhau (Mỗi năm họp hai lần để bàn về đề tài nghiên cứu khoa học trong thời gian tới), *Hội đồng Bảo trợ* với có thành viên là những chủ tịch của các hãng và các ngân hàng lớn, các giáo sư danh tiếng của các trường đại học. Nhiệm kỳ làm thành viên của *Hội đồng Bảo trợ* là 10 năm. Ngoài ra còn có *Hội đồng Tư vấn* có chức năng chủ yếu về những vấn đề tổ chức – kế hoạch đào tạo, tuyển sinh và ngân sách của nghiệp đoàn.

Biên chế của RAND Coporation được chia ra:

- *Vụ các vấn đề nội bộ*. *Chuyên tiến hành nghiên cứu các vấn đề nhân khẩu học của Mỹ, Liên Xô và các nước khác; những vấn đề về thiếu hụt nguyên liệu năng lượng; sự suy giảm năng suất lao động; sự lão hóa nguồn*

vốn tư bản chủ yếu của các xí nghiệp; sự phát triển tội phạm; chủ nghĩa khủng bố; các xung đột sắc tộc và quốc tế. Ngân sách của nó trong năm tài chính 1983 của vụ này là 13,5 tỷ USD.

- Vụ các vấn đề an ninh quốc gia. Chuyên thực hiện các đơn đặt hàng của Bộ Quốc phòng Mỹ. Công tác nghiên cứu chủ yếu được tiến hành trên cơ sở các dự án với số lượng dự án rất khác nhau. Lĩnh vực thực hiện bao gồm: nguồn nhân lực đối với nhu cầu chiến tranh; công nghệ và công nghiệp quốc phòng; hệ thống “con người – máy móc”; phân tích mang tính chiến lược về các lực lượng quốc tế; vũ trụ; tình hình ở Đông Âu và Cận Đông; thông qua những quyết định có nguy cơ cao. Trong khuôn khổ các dự án liên quan tới Liên Xô, nơi đây thường nghiên cứu các vấn đề như: mối tương quan lực lượng giữa Liên Xô – Mỹ; chiến lược và đường lối quân sự Xô Viết; phản ứng của Liên Xô đối với chính sách của Rigan trong lĩnh vực quân bị. Trong năm 1981, Lầu Năm góc (Pentagon) đã trao cho RAND Coporation nghiên cứu “chiến lược sử dụng các trung gian thân phương Tây để hành động tại các nước thuộc thế giới thứ ba”. Đây là nơi đã đề nghị xây dựng lực lượng phản ứng nhanh có sự tham gia của lực lượng cảnh sát Israel, Hàn Quốc, Đài Loan, Hondurad, và của nhiều nước khác.

- Vụ Không lực. Theo truyền thống, tư lệnh Lực lượng Không quân Mỹ thường là người có đơn đặt hàng lớn nhất của RAND Coporation. Phạm vi các đơn đặt hàng như thế rất rộng – từ các vấn đề chung về chiến lược và chính trị đến những nhiệm vụ cụ thể về áp dụng công nghệ vũ trụ và không quân, về tiến hành các chiến dịch quân sự và điều hành bộ đội, trong đó liên quan trực tiếp tới các chiến dịch tại Iraq và Nam Tư trên cơ sở nghiên cứu của nó về kinh nghiệm quân sự.

Ngoài ra còn có:

- Vụ Những vấn đề điều hành;
- Vụ Phân tích nguồn lực;
- Vụ Công trình;

- *Vụ Nghiên cứu hệ thống;*
- *Vụ Kinh tế;*
- *Vụ Kỹ thuật ứng dụng;*
- *Vụ Thông tin;*
- *Vụ Khoa học xã hội*

*Viện Nghiên cứu sinh* được thành lập vào năm 1969. Nếu như các trung tâm khác hoạt động bên ngoài các trường đại học được đào tạo nghiên cứu sinh để bảo vệ học vị tiến sĩ triết học, thì RAND Coporation cũng có quyền bảo vệ học vị này. Nó nhận vào làm nghiên cứu sinh gồm các nhân vật đã tốt nghiệp các trường đại học có danh tiếng. Tại đây nghiên cứu sinh không chỉ học tập mà còn tham gia thực hiện những công việc của nghiệp đoàn, tham dự các hội thảo và hội nghị khoa học. Đề tài làm luận văn tốt nghiệp là các chuyên ngành nghiên cứu của nghiệp đoàn. Việc học tập của nghiên cứu sinh hoàn toàn miễn phí. Sau khi bảo vệ thành công luận án, các tiến sĩ sẽ được tuyển vào làm việc tại các cơ quan của chính phủ, trong đó có một bộ phận được giữ lại làm việc tại RAND Coporation.

Ngoài ra, còn có những *khóa 3 năm* về chu kỳ kinh tế học, lý thuyết các trò chơi toán học, thống kê học. Kết hợp với Trường đại học tổng hợp California, nó còn thực hiện *Chương trình đào tạo các chuyên gia về chính trị đối ngoại Xô Viết* với học vị tiến sĩ triết học.

Thư viện của RAND Coporation có khoảng 70 000 đầu sách và 225 000 bản báo cáo khoa học.

Các cán bộ khoa học hàng đầu của nghiệp đoàn qua nhiều năm là những người như: Alecxandr Alecxeiev; V. Aspaturian – tư vấn; Ronn Batista – Bí thư báo chí, cựu phát ngôn viên từ Las-Vegas; A. Berson – Tư vấn; Edward Bruner; Robert Beker – trước đó từng là Giám đốc Vụ Chính trị của Đài phát thanh “Châu Âu Tự do”; Charlz Wolf; Thomas Wulf; de Wird; R. L. Garthof – chuyên viên khoa học về các vấn đề Liên Xô, tác giả cuốn sách “Chiến lược quân sự Xô Viết”...; Thomas Gordon; A. Jordg – chuyên viên vụ các khoa học xã hội. Ông ta đã từng nghiên cứu vấn đề “Chiến lược tìm

hâm”, sau đó chuyển sang làm việc tại Trường đại học Stanford, là đồng tác giả với D. Holld và W. Samons viết cuốn “Những giới hạn ngoại giao bắt buộc. Lào-Cuba-Việt Nam”, cũng là đồng tác giả với R. Smoyk cuốn “Sự kiểm chế trong đường lối đối ngoại Mỹ: lý luận và thực tiễn”; Jams Digby – người lãnh đạo những chương trình nghiên cứu quốc tế; N. Dolky, German Kann, Thomas Robinson, Win Wiilkoks – là những người nghiên cứu phương pháp luận tích hợp dự báo các quan hệ quốc tế; Fred Ch. Ikle – Vụ trưởng những nghiên cứu xã hội, rất nổi tiếng với nghiên cứu mang tính dự báo của mình, từ năm 1973 ông ta làm Chủ tịch ủy ban Kiểm soát vũ khí và trang bị; B. Lambet – tác giả cuốn “Người chiến binh muốn điều hành nước Nga: chuyên môn của Alekxandr Lebed; Conxtantin Melnik – xuất thân là người Nga, sau làm sếp phản gián Pháp; R. Mollander – tác giả các kịch bản về chiến tranh thông tin-tâm lý; Jonathan Pollak; Gans Spier; John Thomson; Senders Winboos; Albert Wolstetter; Fransis Fukuiama – Trưởng nhóm nghiên cứu, tác giả của học thuyết về “Kết thúc lịch sử”; Olaf Helmer – nhà toán học đầu đàn của những năm 1946-1968, tác giả cuốn “Công nghệ xã hội” (năm 1966); Poll Hants; Thomas Selling, Jams Slesinger – Vụ trưởng, sau đó rời khỏi hãng làm Giám đốc CIA, Bộ trưởng Quốc phòng, Bộ trưởng Năng lượng; Charls Hitts – Chủ tịch Hội đồng Nghiên cứu khoa học RAND Coporation, những năm 1961-1965 là Trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng, từ năm 1965 là Phó tổng thống, từ năm 1968 là Chủ tịch Trường đại học tổng hợp California, và nhiều người khác.

RAND Coporation chiếm giữ một vị trí rõ rệt trong hệ thống xã hội phương Tây đến mức một loạt các thành viên của nó được mời làm đại diện của chính phủ ngầm của thế giới. Theo những số liệu sau đây, hiện nay thành viên của chính phủ này là: Tổng thống Jams K. Thomson – ủy viên Hội đồng Quan hệ quốc tế; Phó tổng thống George Thenhem – ủy viên Hội đồng Quan hệ quốc tế; Phó tổng thống Michael Rish – ủy viên Hội đồng Quan hệ quốc tế; lãnh đạo nhóm nghiên cứu Liên Xô và các nước Đông Âu của RAND Coporation, Giám đốc trung tâm Nghiên cứu hành vi của Liên Xô ở nước ngoài của RAND Coporation và của Trường đại học California



Arnold Horelik – ủy viên Hội đồng Quan hệ quốc tế; ủy viên Hội đồng RAND Coporation Gustave Subert – ủy viên Hội đồng Quan hệ quốc tế.

Nhiều nhân vật của RAND Coporation chuyển sang làm phân tích kế hoạch của các cơ quan chính sách đối ngoại, đã lãnh đạo các lĩnh vực quan trọng nhất của công việc này. Các thành viên của RAND Coporation liên tục được bổ nhiệm vào những cương vị lãnh đạo của Bộ Quốc phòng, vào cuối thập kỷ 1960 – đầu thập kỷ 1970 họ đã giữ những vị trí quan trọng của Cục Điều hành Hành chính – Ngân sách trực thuộc Tổng thống Mỹ, trong bộ máy của Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ (NSC).

RAND Coporation đã đào tạo ra nhiều chuyên gia nòng cốt cho các trung tâm mới. German Kann (1922-1983, nhà tương lai học, từ 1961 làm giám đốc Viện Nghiên cứu Hudson. ND) và M. Singer vào năm 1961 đã sáng lập ra Viện Nghiên cứu Hudson; một nhóm thành viên của RAND Coporation vào năm 1957 đã thành lập ra Trung tâm nghiên cứu “TEMPO” của hãng “General Electric”; O. Hellmer vào năm 1968 đã thành lập ra Viện Nghiên cứu tương lai; T. Gordon vào năm 1970 mở Trung tâm Nghiên cứu “Nhóm tương lai”, v.v... Có hàng chục chuyên gia về dự báo đã vào các trung tâm khác được mở ra ở Mỹ nhờ vào các phương pháp, lý luận và kinh nghiệm mà họ đã tích lũy được ở RAND Coporation.

Những sản phẩm do RAND Coporation tạo ra trong quá trình nghiên cứu của mình là hàng nghìn bản báo cáo, những tư vấn, khuyến nghị, chỉ dẫn...

Sau khi thành lập biên chế của riêng Dự án, chứ không phải của cả RAND Coporation, đã lập tức nhận được nhiệm vụ xem xét những khả năng mới và chưa được nghiên cứu có thể phục vụ cho quân đội. Nhiệm vụ đầu tiên lớn nhất của nó là một nghiên cứu có tựa đề “*Dự án sơ bộ của tàu vũ trụ thử nghiệm quay trở về trái đất*”. Cho dù vệ tinh nhân tạo vào thời gian đó được coi là thành tựu vĩ đại của điều hoang tưởng khoa học, trong tài liệu do 50 nhà khoa học chuẩn bị vào năm 1946 đã cung cấp một đánh giá chi tiết viễn cảnh sử dụng các vệ tinh khoa học và nghiên cứu vũ trụ. Kết quả nghiên cứu dù chỉ có tính chất phán đoán, song nó đã góp phần to lớn vào việc củng cố uy tín của hãng. Những nghiên cứu ban đầu khác của

RAND Coporation đã bao trùm rất nhiều lĩnh vực mới, như: cách sử dụng động cơ tên lửa cho vũ khí chiến lược; tổ máy động lực hạt nhân; lý thuyết các trò chơi trong ứng dụng đối với quân sự; đầu đạn tên lửa hạt nhân cassette; tính chất mới của các kim loại; bức xạ năng lượng cao... Một trong số những phân tích đầu tiên là đưa ra phương pháp nghiên cứu chiến dịch nhằm tăng cường bán kính hoạt động của không quân. Kết quả của phân tích này là ứng dụng quy trình tiếp liệu trong khi bay đối với các máy bay quân sự. Theo khuyến nghị của RAND Coporation người ta đã áp dụng sơ đồ định vị địa hình các căn cứ Không quân Mỹ và các bộ phóng tên lửa hạt nhân chiến lược bao quanh khối của Tổ chức Hiệp ước Varsava. Một nghiên cứu khác của RAND Coporation đã cho phép sản xuất kim loại titan với số lượng đáng kể, nhờ đó mà thứ kim loại này được ứng dụng rộng rãi trong chế tạo máy bay và các tàu vũ trụ, tạo nên cả một ngành luyện kim mới. Ngay trong năm đầu tồn tại của mình, RAND Coporation đã phải bổ sung vào biên chế của mình những chuyên gia về các vấn đề chính trị, các nhà kinh tế học và tâm lý học nhằm tìm kiếm về lý thuyết mà không bị giới hạn bởi các ngành khoa học chính xác.

Một công việc khác ở thừa ban đầu của RAND Coporation có tiêu đề “Học thuyết quân sự Xô Viết” đã trở thành sách chuyên khảo được đăng tải ở phương Tây; còn trong một luận án khác do Margaret Mid viết là một công trình nghiên cứu về tính cách dân tộc Liên Xô.

Những sản phẩm mới của hãng này có lúc đã gây sốc bởi chi phí cho chúng lên tới 60 triệu USD mỗi năm. Số sản phẩm mỗi năm tạo thành một chồng cao. Một nhà báo đầu tiên viết về hãng, P. Dikson, sau khi được German Kann cho thăm quan “những trung ương thần kinh” khác của Mỹ, đã đặt tựa đề cho cuốn sách của mình là “Những nhà máy tư duy” – giá của mỗi trang nghiên cứu lên tới 3 triệu USD.

Trong phạm vi nghiên cứu của RAND Coporation có đề cập tới cả những vấn đề về môi trường xung quanh, đồng thời đề xuất ra một loạt các dịch vụ trong lĩnh vực nghiên cứu chất thải, như: quy hoạch chất lượng không khí trong những vùng dân cư; những thiết bị làm sạch nước; bức xạ của các

phản ứng hóa học; dự báo mức độ nhiễm bẩn; mô hình hóa khí tượng; đánh giá kinh tế các vấn đề về nhiễm bẩn và các phương pháp giải quyết nhiễm bẩn; tư vấn về vấn đề nhiễm bẩn; quy hoạch các thành phố; đấu tranh với nhiễm bẩn; những thành phố kiểu mới; quy hoạch vùng; bảo vệ thiên nhiên; sửa chữa quỹ nhà ở và quy hoạch di dân.

Ngoài ra, trung tâm chú ý của nó còn là các kế hoạch dự phòng chiến tranh hạt nhân; những con đường phát triển và xuất hiện các quốc gia; những ý tưởng mới trong việc ngăn chặn tội phạm và đấu tranh phòng chống tội phạm; kế hoạch cải cách các trường phổ thông Mỹ; cơ sở mới của vũ khí chiến lược và các biện pháp ngăn chặn tấn công hạt nhân.

RAND Coporation còn quan tâm nghiên cứu nhiều vấn đề thường nhật rất khác nhau, như: đầu lọc thuốc lá “Like”; thị phần của công việc quy hoạch tại triển lãm toàn thế giới “Expo-67”; danh mục dự kiến vị trí tương đối cho công viên Disneyland; các chất có mùi hương và gia vị; các thực phẩm được sấy khô bằng phương pháp thăng hoa; các chữ số và chữ cái được “đọc” bằng máy điện toán... Tất tât những đề tài như vậy đều được RAND Coporation tiến hành nghiên cứu.

Một thời gian dài RAND Coporation đã ký kết được hàng loạt hợp đồng với bang California. Cũng thời gian đó, thành phố New-York đã hợp tác với RAND Coporation để thành lập nên “những nhà máy tư duy” với tên gọi là “Viện RAND của New-York”. Viện này đi vào hoạt động từ tháng 4 năm 1969. Sau đó hàng loạt các bang và các thành phố khác đã xem xét về việc tổ chức những cơ quan kiểu này để nghiên cứu các vấn đề riêng của mình.

Vào thời của mình nhóm tư vấn về các vấn đề chính trị khoa học trực thuộc nghị viện Mỹ cùng với hàng loạt khuyến nghị khác đối với Thư viện Quốc hội trong bản báo cáo của mình “thông tin kỹ thuật đối với Quốc hội” đã đề nghị xây dựng một tổ chức tư vấn khoa học có chức năng cảnh báo sớm cho Quốc hội về những hậu quả tiêu cực tiềm năng từ việc ứng dụng công nghệ mới và làm rõ những lĩnh vực có triển vọng hơn cần tập trung sự quan tâm của Quốc hội. Đây là một trong những lĩnh vực nghiên cứu mới

nhất trong số rất nhiều khuyến nghị và đề nghị chính thức nhằm xây dựng “nhà máy tư duy” về những vấn đề chính trị khoa học phục vụ Quốc hội.

Trong suốt phần lớn của giai đoạn ban đầu hoạt động nghiên cứu nền kinh tế Liên Xô, RAND Coporation đã gặp nhiều khó khăn to lớn. Rất ít thông tin về nền kinh tế từ phía Liên Xô. Hãng đã buộc phải lập ra biên chế các nhà phân tích kinh tế để bắt tay vào xây dựng các tư liệu thống kê và đánh giá có độ tin cậy. Họ đã lập ra một tổ chức nghiên cứu các chỉ số về kinh tế của Liên Xô, như giá cả, các tiêu chí giá trị đời sống và tiền lương, sức mua của đồng rúp. RAND Coporation đã tiến hành nghiên cứu kỹ về Liên Xô. Kết quả của những nghiên cứu đó được đăng tải trên tạp chí của RAND “Soviet Cybernetics Review”, hai tháng một số, trong đó gồm thông tin và phân tích thông tin về những thành tựu của Liên Xô trong lĩnh vực điện tử và kỹ thuật toán; các bài viết của tác giả Mỹ về lĩnh vực này và tin tức về các hội nghị khoa học ở Liên Xô. Trong tạp chí này chúng ta có thể tìm thấy những ví dụ rất cụ thể về cả cách thức tiến hành thu thập tin tình báo khoa học. Điển hình như việc trong tạp chí có thông tin về máy tính điện tử của Liên Xô với những số liệu được lấy từ một cuốn sách xuất bản vào năm 1968 rất ít người biết đến, về việc máy tính điện tử sử dụng trong vận tải biển được thu thập từ báo chí công khai của Liên Xô.

Cũng bằng cách thức tương tự, RAND Coporation là một trong những trung tâm quan trọng nhất nhằm thu thập và phân tích thông tin về Trung Quốc. Công việc này được bắt đầu từ năm 1955 và tiến hành bằng một cách thức phân tích rất tinh tế các tài liệu, báo cáo, tin thường kỳ như đối với Liên Xô. Một ví dụ điển hình liên quan tới Trung Quốc là việc nghiên cứu chuyên sâu nhằm đánh giá Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc, những tiềm năng công nghiệp của Trung Quốc. Trong bản báo cáo được công bố vào năm 1969 đã thể hiện kết quả phân tích sâu sắc về nền kinh tế Trung Quốc. Điểm gây ấn tượng chủ yếu là rất nhiều lời khẳng định mới đây của phía Trung Quốc về thành tựu kinh tế của mình đã chứa đựng những tin tức bị thổi phồng; còn theo RAND, nhịp độ tăng trưởng kinh tế trên thực tế chỉ có gần 3% chứ không thể là 9%.

Hoàn toàn không phải tất cả các nghiên cứu của RAND Coporation chỉ mang tính chất văn phòng. Cần phải nói rằng, Mỹ đã rất sợ hoạt động của các đội du kích Liên Xô trong những năm Chiến tranh vệ quốc vĩ đại, nên ở RAND Coporation đã triển khai nghiên cứu các biện pháp phòng chống những hoạt động kiểu đó. Tại Việt Nam, RAND Coporation đã tiến hành gần 2 400 cuộc thẩm vấn các tù binh. Như trong một bản báo cáo của “RAND” cho thấy, những cuộc thẩm vấn như thế “đã cung cấp cho những người hoạch định chính sách của Mỹ rất nhiều thông tin quan trọng và chi tiết, về nguyên nhân và quan điểm của việt cộng”. Các tư liệu có được từ nỗ lực tìm hiểu việt cộng gồm: đạo đức, quan điểm, chiến thuật và động cơ... được xếp vào dạng tài liệu mật. Mỗi quan tâm của RAND Coporation đối với khu vực Đông Nam á cũng rất rộng lớn. Kể từ thời điểm Mỹ bắt đầu tham gia vào những hoạt động quân sự tại khu vực này, các chuyên gia của RAND Coporation cũng bắt đầu nghiên cứu dân cư, các phương pháp tiến hành chiến tranh và những loại vũ khí được đưa vào sử dụng... Nội dung nghiên cứu của họ bao trùm nhiều vấn đề: từ phân tích thuật toán hiệu quả của các trận ném bom đến nghiên cứu dân cư vùng rừng núi ở khu vực biên giới Việt Nam. Kết quả hoạt động tập thể này đã tạo ra một số lượng lớn các tư liệu làm cơ sở bao biện cho cuộc chiến ở các giai đoạn khác nhau. Trên thực tế, RAND Coporation đã hoạt động tích cực tới mức được mọi người coi là kẻ tham gia chiến tranh chứ không chỉ là những nhà nghiên cứu kinh viện.

Trên thực tế, hầu hết mọi phương pháp và hệ phương pháp đã được RAND Coporation trực tiếp soạn thảo hoặc được rất nhiều thành viên của nó sử dụng làm phương pháp luận nghiên cứu.

Bắt đầu từ năm 1963, RAND Coporation thường xuyên đăng tải thành những bài viết chuyên khảo, tuyển văn trong “Selected RAND Abstracts” dành cho các quan chức chính phủ, các nhà lãnh đạo của hãng và các trường đại học. Hàng năm, số lượng sách như thế được xuất bản là 30-40, có đề tài rộng khắp, như: những nghiên cứu của Liên Xô trong lĩnh vực năng lượng hạt nhân; các vấn đề về hạn chế vũ khí chiến lược, tình hình ở

Ba Lan; chủ nghĩa khủng bố quốc tế; nền chính trị Trung Quốc; khả năng cất cánh thẳng đứng của máy bay; các mục tiêu chiến lược của Liên Xô...

Các ấn phẩm xuất bản kết quả nghiên cứu của RAND Coporation còn có: Research Reports (báo cáo nghiên cứu) 1966-1970; RAND Coporation. Annual Reports (báo cáo thường niên của RAND) – Santa Monica (Califofnia) 1977, 1978, 1979, và nhiều năm tiếp theo.

Trong giai đoạn trước cải tổ, họ đã cho đăng nhiều công trình nghiên cứu Xô Viết học như:

- Nước Nga ở ngã ba đường: Đại hội XXVI ĐCS Liên Xô. Chủ biên X. Bialer và T. Gustafson. 1981, 223 trang.

- Perrot B. Sự phát triển thông tin trong khoa học và kỹ thuật Xô Viết. Việc nghiên cứu các kênh phát triển văn bản. 1981, 265 trang.

- Johnson A. Ấn tượng về chuyến đến Nam Tư “sau Titov”. 1981, 325 trang.

- Bennigsen A. Liên Xô và cuộc chiến tranh du kích hồi giáo trong những năm 1920-1981. 1981, 220 trang.

- Johnson A. Khủng hoảng ở Ba Lan. 1982, 186 trang.

- Leytes N. Phương thức tiến hành chiến tranh Xô Viết. 1982, 346 trang.

- Gosmer S. Đường lối Xô Viết và thực tế đối với các vụ xung đột ở “thế giới thứ ba”. 1983, 318 trang.

- Kurran S., Ponomorioff D. Yếu tố sắc tộc trong Lực lượng vũ trang Nga và Xô Viết. 1983, 204 trang.

- Winboos S. Những người lính Xô Viết đi từ Trung á tới Afghanistan. 1983, 204 trang.

- Bruner E. Những khuynh hướng hiện đại của nhân khẩu học và thành phần sắc tộc của những người được gọi nhập ngũ trong những năm 1980-1985. 1984, 338 trang.

- Winboos S, Alekxiev A. Yếu tố sắc tộc trong Lực lượng vũ trang Nga và Xô Viết. 1984, 186 trang.

Những công trình nghiên cứu không thuộc loại mật được phát hành rộng rãi tại 100 thư viện ở Mỹ và 50 thư viện nước ngoài.

RAND Coporation thường xuyên tổ chức các hội thảo, hội nghị với sự tham gia của nhiều quan chức chính phủ, các giáo sư, nhà báo, ... để thảo luận những vấn đề cấp thiết.

Nó còn có hai phân viện; thứ nhất là Centrer for Study Soviet international behaviour, RAND – University of California, Los Angeles (Trung tâm nghiên cứu hành vi của Liên Xô ở nước ngoài của RAND Coporation và Trường đại học tổng hợp California, Los Angeles).

Trước hết, chúng tôi dẫn ra một số thông tin về trung tâm này cho phép giải thích tư duy của chính những thành viên RAND. Và chỉ có thể giải thích từ quan điểm hiểu biết hệ thống. Vấn đề là một hệ thống xã hội phức tạp như một quốc gia hiện đại như thế này thì không thể chỉ dừng lại trong khuôn khổ quốc gia của nó, mà còn được phản ánh vào trong bản đồ chính trị thế giới. Và Liên Xô không phải là ngoại lệ. Tại nhiều nước – tại Đông Nam á và trong “thế giới thứ ba” – “sự hiện diện Xô Viết” đã có một vị thế to lớn tới mức người ta không thể hình dung ra sự phát triển của các nước đó nếu thiếu Liên Xô của chúng ta. Và ngược lại, không thể hình dung về Liên Xô mà lại bỏ qua các quốc gia này. “Sự hiện diện Xô Viết” tựa như là bộ rễ của cái cây có tên gọi là “Liên Xô”. Nếu chặt bỏ được những cái rễ này, thì không cần đốn cái cây. Tất nhiên, tự thân những biện pháp này không bảo đảm cho thành công, song chúng có ý nghĩa to lớn là sẽ tác động tới toàn bộ hệ thống xã hội chủ nghĩa. Tôi cho rằng chính hình ảnh này đã được trung tâm này xây dựng nên vào năm 1983, mặc dù, theo quan điểm chính thức của Donald Ris – Chủ tịch của RAND Coporation, – tiết lộ, đã có từ trước đó. Theo ông ta, do không đủ chuyên gia về đường lối đối ngoại và đường lối quân sự Xô Viết nên trung tâm buộc phải đào tạo họ. Ngoài ra, tâm điểm chú ý của các chuyên gia trong trung tâm là các mối quan hệ hữu cơ giữa những yếu tố bên trong và bên ngoài của chiến lược Xô Viết.

Giám đốc trung tâm là Arnold Horelic, trước đó từng làm lãnh đạo Nhóm nghiên cứu Liên Xô và Đông Âu của RAND Coporation. Đồng

Giám đốc là Andge Kobonxki.

Hướng nghiên cứu chính của trung tâm là đào tạo các chuyên gia cao cấp cho bộ máy chính phủ và các phương tiện thông tin đại chúng; đào tạo tiến sĩ nghiên cứu về vai trò của Liên Xô trong nền chính trị thế giới; quan hệ giữa Liên Xô và các nước Đông Âu; nền chính trị – kinh tế đối ngoại Xô Viết; quan hệ Mỹ – Liên Xô; những nhân tố bên trong của nền chính trị đối ngoại Xô Viết; đường lối Xô Viết trong lĩnh vực quốc phòng. Ngoài ra, họ còn nghiên cứu về mối quan hệ giữa đường lối đối nội và đối ngoại Xô Viết. Ngoài ra, trung tâm còn đặc biệt quan tâm tới hoạt động của các Bộ trưởng Ngoại giao, Bộ Ngoại thương, ủy ban quốc gia về quan hệ kinh tế đối ngoại của Liên Xô.

Phân viện thứ hai – thủ phủ: RAND Coporation, Washington office.

Trong phân viện có khoảng 40 chuyên gia khoa học và 40 chuyên gia khoa học – kỹ thuật, được chia thành 4 ban: những vấn đề đối nội; chế tạo tàu thuyền dân sự; an ninh quốc gia (theo kế hoạch của nghị viện); an ninh quốc gia (theo kế hoạch của RAND Coporation)

Những vấn đề được nghiên cứu ở đây là: bảo đảm hậu cần cho hoạt động của Lực lượng Không quân Mỹ; khoa học ứng dụng và công nghệ; phòng thủ chiến lược và lực lượng vũ trang; nguồn nhân lực; hệ thống thông tin và v.v... Hàng năm phân viện gửi đi hàng trăm báo cáo các loại, văn bản ghi nhớ tới các cơ quan quân sự, các hãng hoặc tới 300 thư viện.

Ngoài ra, phân viện này còn có một bộ phận khác tại thành phố Dowton (bang Ohio), gần Căn cứ Không quân Right-Patterson.

---

Trong những năm cải tổ mọi người không thể quên RAND Coporation khi mọi sự được bắt đầu từ việc Giám đốc CIA Wiliams Casy “buộc phải thỏa thuận với cựu chủ tịch của RAND Coporation là Henry Rouen lãnh đạo Hội đồng quốc gia về vấn đề tình báo để tuyển Gerb Maier Tổng biên tập tạp chí “Fortun” làm trợ lý chuyên môn. Còn ông ta, bằng mối quan hệ với Nhà Trắng, thì tuyển nhà kinh tế học Davis Wight, người đã lập ra hệ thống kiểm soát mức ngoại hối cố định vào Liên Xô và qua xuất khẩu. Đó



là những chuyên gia phân tích về kinh tế Liên Xô. Tay nghề chuyên môn của những người được Casy tập hợp quanh mình đã nói lên mối quan tâm của ông ta”.

## **Các nhà Xô viết học**

Các nhà Xô Viết học hàng đầu của Mỹ được chúng tôi dẫn ra trong Phụ lục số 3. Chúng tôi điểm danh những nhà phân tích, Xô Viết học và những người lãnh đạo họ cùng những người khác chỉ để có thể trả lời chính xác cho câu hỏi: “Ai trong số họ là người chiến thắng chủ yếu trong “thế giới thứ ba”.

Nếu từ phía lãnh đạo Xô Viết, thắng lợi trong chiến tranh vệ quốc vĩ đại được dựa trên mối liên hệ *Xtalin* (động viên mọi nguồn lực toàn quốc gia, mối quan hệ đối nội và đối ngoại, đào tạo cán bộ, lãnh đạo khối chính trị, hiệp đồng các hoạt động lớn trên mặt trận) – *Zukov* (các trận đánh và chiến dịch chiến lược thành công nhất), thì về phía Mỹ, kẻ “chủ chốt” trong “chiến tranh lạnh” không được xác định rõ.

Trong suốt những thập kỷ 1950-1980 các nhà Xô Viết học của kế hoạch tuyên truyền đã làm việc trong suốt thời gian đó, còn các nhà Xô Viết học nghiên cứu làm việc vì tương lai. Nói về nhóm thứ hai, ta có thể thấy rằng một nhà nghiên cứu bình thường chỉ có thể tiến hành những hành động riêng lẻ nhằm phá hoại Liên Xô. Ví dụ, một nhà kinh tế học chỉ có thể đưa ra những khuyến nghị trong khuôn khổ một chiến dịch chống Liên Xô, chứ không phải cho toàn cục. Thất bại tổng thể chỉ có thể từ những công nghệ mang tính hệ thống.

Trong cách nhận định này, thành công trong việc phá hoại Liên Xô không chỉ thuộc về kẻ gián điệp có ảnh hưởng và sự bảo đảm về tri thức của nó, mà có một phần lớn đáng kể thuộc về sự phân tích của các bộ tham mưu “cải tổ” từ bên kia đại dương.

Giữ một vai trò đặc biệt là những người xuất thân từ Liên Xô với những tin tức “tươi sống” khi họ vừa rời bỏ đất nước và hoàn toàn tự nguyện giúp đỡ Mỹ.

Trong vấn đề này chúng tôi hiểu được rằng trong số các nhà Xô Viết học không thể thiếu những người xuất thân từ Nga, không chỉ bởi họ hiểu biết về đất nước này hơn bất cứ ai khác, mà còn bởi uy tín của những nhà nghiên cứu Nga luôn rất cao. Trong số những người này, có rất nhiều nguyên nhân khác nhau để rời bỏ đất nước, song đặc biệt cũng có kẻ ra đi theo “làn sóng thứ ba”, bị các cơ quan tình báo lập kế hoạch đưa họ rời Liên Xô, hay nói theo một thuật ngữ thời thượng là “Chảy nảo” (các chuyên gia bỏ ra nước ngoài).

Chúng tôi xin dẫn ra dưới đây một số nhà Xô Viết như vậy.

*Avtorkhanov Abdurkhan Ginazovich, 1908-1909?, người Chêchen, giáo viên, sau vào khu ủy. Năm 1937 tốt nghiệp Viện Giáo học. Từng làm việc tại BCHTW ĐCS, hai lần bị bắt giam, vào tháng 1 năm 1943 bỏ trốn ra nước ngoài. Đã từng giảng dạy tại Học viện Nga của Quân đội Mỹ. Sau sống tại ngoại ô Munchen (Cộng hòa Liên bang Đức). Thành viên ngoại quốc của Viện Hàn lâm khoa học các khoa học tự nhiên Liên bang Nga. Các tác phẩm: “Đế chế Kremli”, “Xtalin đương quyền”, “Công nghệ quyền lực”, “Bí ẩn của cái chết Xtalin. Âm mưu của Beria”, “Sức mạnh và sự bất lực của Breznev”, ...*

*Birman Igor Iakovlevich, sinh năm 1928, người Do Thái. Đã từng làm lãnh đạo Ban phương pháp toán – kinh tế của một viện hàn lâm ở Matxcova. Năm 1974 di cư sang Mỹ. Tác phẩm có “Chương trình hóa tối ưu”.*

*Voslenxki Mikhain Iakovlevich, sinh năm 1920. Tốt nghiệp khoa lịch sử Trường đại học tổng hợp Matxcova (MGU), từng học cùng với con gái của I. V. Xtalin là X. I. Alliulueva. Từng làm phiên dịch tại Tòa án quốc tế Newremberg và tại Hội đồng Kiểm soát đồng minh ở Đức. Từ năm 1950 là cộng tác viên của Văn phòng Thông tin Xô Viết trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô. Sau đó công tác tại Hội đồng Hòa bình thế giới, tại Viện Kinh tế thế giới và Các quan hệ quốc tế của Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô. Năm 1972 đi giảng bài tại Trường đại học tổng hợp Munchen (Đức), từ tháng 4 năm 1974 – tại Viện do Vaitzeker lãnh đạo. Năm 1976 bị tước*

quyền công dân Liên Xô. Là Giám đốc Viện Nghiên cứu các vấn đề thực tiễn Xô Viết. Tác phẩm: “Giới thượng lưu”.

Zemtxov Ilia Grigorevich, sinh năm 1941, người Do Thái. Từng làm việc tại Ban Thông tin trực thuộc BCHTW ĐCS Azerbaidzan. Bỏ sang Israel. Đã từng là một trong số các nhân vật thiết lập những cuộc tiếp xúc bí mật đầu tiên giữa Israel với Gorbachov vào năm 1990. Tác phẩm: “Đảng hay Maphia? Một nền cộng hòa bị đánh cắp”, “Tan rã một thời đại” (hai tập).

Zinoviev Alecxandr Alecxandrovich, sinh năm 1922, người Nga. Theo lời ông, năm 1938 đã từng bị bắt giam vì hoạt động chống Xô Viết. Từng tham gia Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại. Tốt nghiệp MGU, tiến sĩ triết học, giáo sư. Năm 1976 bị buộc nghỉ việc, bị KGB theo dõi vì đưa in tác phẩm “Những đỉnh cao rạn nứt” ở phương Tây. Đã từng sống tại Munchen. Tác giả của rất nhiều cuốn sách. Có nhiều bằng chứng và lý luận về sự thất bại của Liên Xô.

Kalmykov Igor Borixovich, sinh năm 1918, người Nga. Tốt nghiệp Trường đại học Bách khoa Novocherkaxk, dự thính tại Trường đại học Ngoại ngữ quân sự. Sau chiến tranh làm phiên dịch và kỹ sư Trưởng Ban Công nghiệp điện Cục Hành chính quân sự Liên Xô tại Đức. Đảo ngũ sang vùng do phương Tây chiếm đóng vào tháng 1 năm 1947. Cộng tác viên của Dự án Harward, giảng bài trong Trường Tình báo, làm việc tại Đài phát thanh “Tự do”. Tác giả của nhiều cuốn sách làm mất uy tín các tổ chức an ninh Xô Viết. Nổi tiếng dưới tên gọi là Klimov Grigori Petrovich.

Sevchenko Arkadi Xemenovich, sinh năm 1930, người Ucraina. Tốt nghiệp Học viện Ngoại giao bằng ưu và được chuyển tiếp làm nghiên cứu sinh. Là một nhà ngoại giao đầy hứa hẹn, cương vị sau cùng – Phó tổng thư ký Liên Hợp Quốc. Từ năm 1971 thực hiện các nhiệm vụ của CIA, vào tháng 4 năm 1978 trở thành kẻ không thể hối cải. Giảng môn đường lối đối ngoại Xô Viết tại Trường đại học tổng hợp Harward. Sách: “Nổ tung cùng Matxcơva”.

Sliapentokh Vladimir Emmanuilovich, người Do Thái, chuyên gia Xã hội học, từng công tác tại Viện Xã hội học và viết bài cho báo “Sự thật”

(Pravda). Di tản năm 1976. Làm giáo sư tại Trường đại học tổng hợp Michigan. Sách: “Những vấn đề về độ tin cậy của thông tin thông kê trong các nghiên cứu xã hội học” (1973), “Làm sao hôm nay nghiên cứu ngày mai” (1975), “Những vấn đề lựa chọn cố tình và vô tình thông tin trong xã hội học”(1976).

Thật vô cùng dễ hiểu là phương Tây không chỉ quan tâm tới các công dân Liên Xô mà cả các nhà khoa học khác ở các nước Đông Âu. Sau năm 1991, số “các nhà Xô Viết học” được tăng lên và có thêm những nhân vật rất đặc biệt.

*Kalugin O. D. “Có thời gian tôi đã giảng bài tại Trường đại học tổng hợp Thần học ở Washington, chuyên về đường lối đối ngoại Xô Viết. Hợp đồng kết thúc, tôi tổ chức ra một hãng tư vấn. Hàng ngày chúng tôi xuất bản tờ tin về tình hình ở Nga trên cơ sở phân tích chi tiết báo chí Nga và báo chí nước ngoài. Số người đặt mua rất nhiều, doanh số hàng năm lên tới 900 USD. Tên tôi khá nổi tiếng ở Mỹ và có nhiều doanh nhân Mỹ tìm kiếm các thông tin ở chỗ chúng tôi, khi họ muốn đầu tư vào nền kinh tế Nga. Thực chất, đó là một công việc có lợi cho nước Nga... Mới đây chúng tôi bắt đầu mở rộng sang tất cả các nước SNG, kể cả Gruzia và Moldova”.*

*Khrusov X. N. Dưới thời xa xưa của Xô Viết đã từng làm chuyên gia chế tạo tên lửa. Từ đầu năm 1992 làm việc tại Trung tâm Nghiên cứu chính trị đối ngoại của trường đại học Tổng hợp Braun (thành phố Providens, bang Rod-Island) với tư cách là một nhân viên khoa học trong Dự án “Con đường duy nhất phát triển các quốc gia hậu Xô Viết”.*

## **Sản phẩm của “Những trung ương thần kinh”: các học thuyết và công nghệ trí lực**

Vậy thì “Những trung ương thần kinh” được thành lập ra để làm gì? Hay nói theo ngôn ngữ của điều khiển học: Chúng có “đầu ra” như thế nào?

Ngay từ những năm 1950, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ đã soạn thảo những kế hoạch áp dụng vào phạm vi điều hành của Liên Xô nhằm mục tiêu làm thay đổi chế độ này, hoạch định ra mối quan hệ quốc tế cho phép thực hiện

việc can thiệp vào công việc nội bộ của Liên Xô và của các nước xã hội chủ nghĩa. Những học thuyết vạch ra những cơ sở cho hành động trong tương lai của Mỹ nhằm vào hệ thống Xô Viết... Trong số đó, có hiệu lực lớn nhất là Chỉ lệnh N°20/1 của Hội đồng An ninh quốc gia (NSC) được dẫn ra trong Phụ lục 4.

Các học thuyết ở giai đoạn hành động của Mỹ đối với Liên Xô được gọi là “Kiềm chế chủ nghĩa cộng sản”[5].

Mỹ là một đất nước kỳ lạ. Chỉ nó là có nhiều hành động hợp pháp liên quan tới các nước khác, thậm chí liên quan tới vấn đề sống hay chết của các quốc gia này. Chúng ta thường chú ý nhiều tới cái gọi là “Đạo luật về các dân tộc bị áp bức” (P.L. 86-90 được thông qua ngày 9 tháng 7 năm 1959). Văn bản này được Phó giáo sư Lev Dobrianxki Trường đại học tổng hợp Georgetown (Washington) soạn thảo: “Vì bắt đầu từ năm 1918, đường lối xâm lược và đế quốc của chủ nghĩa cộng sản đã dẫn tới việc kết nên một đế chế rộng lớn, gây nên mối đe dọa đặc biệt ác độc đối với nền an ninh của Hoa Kỳ và của tất cả các dân tộc tự do trên thế giới, và...”

Vì đường lối đế quốc của nước Nga cộng sản, bằng con đường xâm lược trực tiếp hay gián tiếp, đều dẫn tới sự bóc lột và tước đi nền độc lập dân tộc của Ba Lan Hungari, Litva, Ucraina, Látvi, Estoni, Belarus, Rumani, Đông Đức, Bungari, Trung Hoa đại lục, Armeni, Azerbaizan, Gruzia, Iden-Uran (vùng Volzxxk- Uranxxk), Tibeta, Kazaktan, Turkestan, Bắc Việt Nam và của nhiều nước khác, ...

Vì vậy, những dân tộc bị áp bức này trông chờ vào Hoa Kỳ như một thành trì của tự do nhân loại, họ tìm kiếm người chèo lái cho sự nghiệp giải phóng của mình... Chính chúng ta phải bằng con đường chính thức chỉ rõ cho các dân tộc này thấy một sự kiện lịch sử rằng nhân dân Hoa Kỳ đang chia sẻ ý nguyện giành lại tự do và độc lập của họ.

Tổng thống Hoa Kỳ có toàn quyền và được mọi người đòi hỏi ban hành bản thông báo tuyên bố tuần thứ 3 của tháng 7 năm 1959 là “Tuần lễ của Các dân tộc bị áp bức” và hiệu triệu nhân dân Hoa Kỳ tổ chức kỷ niệm tuần lễ này bằng những lễ nghi và những bài phát biểu, Tổng thống được mọi

người yêu cầu hàng năm phải ban hành bản thông báo tương tự như thế cho tới khi nào chưa giành được tự do và độc lập cho tất cả các dân tộc đang bị áp bức trên thế giới... Việc chấp thuận cuộc cách mạng này – một bộ phận của chiến dịch nhằm chống lại chủ nghĩa cộng sản và có mục tiêu giáng một đòn vào những vị trí dễ tổn thương của chủ nghĩa cộng sản – kiểm soát các nhóm dân tộc khác nhau”.

Sau khi phân tích bài phát biểu của những kẻ theo khuynh hướng phân liệt diễn ra vào giai đoạn tích cực phá tan Liên xô, có thể nhận thấy rằng hầu hết bọn chúng đã hành động dựa trên chính cơ sở “Đạo luật” của một đất nước thù địch với chúng ta này.

“Học thuyết Giải phóng” hiện thực hay còn gọi là Học thuyết Reagan trực tiếp nhằm đánh bại Liên xô này được các chuyên gia trong các trung ương thần kinh và các tổ chức Xô Viết học có nhiều kinh nghiệm soạn thảo vào đầu thập kỷ 1980. Các nghiên cứu của “Các trung ương thần kinh” “được dựa trên nền tảng của kế hoạch gây mất ổn định cho đối thủ của mình (Liên Xô) do Chính quyền Reagan soạn ra vào đầu thập kỷ 1980 dưới tên gọi “Cho mọi phương hướng của chúng ta”.

Các động cơ của nó “... được bắt nguồn từ việc Liên Xô, đối với Mỹ, là kẻ cạnh tranh địa chính trị, là vật cản duy nhất trong sự nghiệp thiết lập một trật tự thế giới theo kiểu Mỹ. “Học thuyết” này bào gồm một danh sách dài những tài liệu mật mang một tên gọi chung là “Quyền uỷ trị” và từng được điều chỉnh 4 năm một lần trước khi bắt đầu nhiệm kỳ tổng thống mới tiếp theo. Vào năm 1980 và năm 1984 nó được chuẩn bị cho Tổng thống Reagan; vào năm 1989 – cho Tổng thống Bush, và sau đó là cho Tổng thống B. Clinton. Reagan – kẻ tuyên bố “cuộc thập tự chinh” chống Liên Xô – đã coi “Quyền uỷ trị” là sách gối đầu giường của mình bởi trong tài liệu này, từ thời đó, các nguồn tài nguyên thiên nhiên khổng lồ của Liên Xô đã được các nhà chiến lược Mỹ đánh giá là nguồn tiềm năng bảo đảm sự sống còn cho Mỹ trong tương lai của thế kỷ XXI. Không phải ngẫu nhiên trong các tài liệu hiện nay có dùng phạm trù “Quyền uỷ trị”, và nước Nga đã rơi vào danh mục “Nước có khả năng xuất khẩu tài nguyên đặc biệt”.

Những kiểm chế liên quan trực tiếp tới Liên Xô và các nước Đông Âu được đề cập trong “Quyền uỷ trị-3”, chúng tôi dẫn ra trong Phụ Lục số 5.

Những gì liên quan tới kế hoạch này, theo R. Pips công nhận, rằng Reagan đã ký một loạt tài liệu chính trị mật xác định hướng chủ yếu của đường lối Mỹ trong quan hệ với Liên Xô: đẩy đất nước này theo hướng tự do hóa nội bộ. Lời thú nhận này rõ ràng nói tới Chỉ lệnh NSDD-32 (tháng 3 năm 1982) là nhằm “trung lập hoá” ảnh hưởng của Liên Xô tại các nước Đông Âu và trước hết là ở Ba Lan; NSDD-66 (tháng 10 năm 1982) là phá hoại nền kinh tế, trong đó thông qua việc hạ giá nguyên liệu, trước hết là đối với dầu mỏ (thông qua sự ép buộc tương ứng đối với các nước Cận Đông), rút cuộc điều này đã dẫn tới sự giảm sút đáng kể việc chuyển ngoại tệ vào Liên Xô. Trong Chỉ lệnh NSDD-75 (tháng 1 năm 1983) tiếp theo đã được bổ sung là nhằm phá hoại những nền tảng cơ bản của hệ thống Xô Viết; Chỉ lệnh NSDD-166 (tháng 3 năm 1985) đã định hình ra những mục tiêu chủ yếu của cuộc chiến tranh Afghanistan trong bối cảnh chiến lược chung, tăng cường những yếu tố Islam (Hồi giáo), sự phân hoá ở Trung Á, “chế áp” các đơn vị quân đội Xô Viết ở Afghanistan. Những văn bản này không có trong các nguồn công khai, nên chúng tôi chỉ dẫn ra bằng chứng của các nhân vật thạo tin.

*NSDD (Chỉ lệnh về bảo vệ an ninh quốc gia) N°32, tháng 3 năm 1982.*

“... Tổng thống đã ký NSDD Chỉ lệnh về bảo vệ an ninh quốc gia N°32, phê chuẩn một loạt các biện pháp bí mật về đối ngoại và kinh tế nhằm “trung lập hóa những nỗ lực của Liên Xô để nắm giữ trong tay họ các nước Đông Âu. Trên bình diện thực tế, tại Ba Lan đã tiến hành những chiến dịch nghiêm túc nhất trong số các chiến dịch bí mật được thông qua. Những mục tiêu chủ yếu của Chỉ lệnh số 32 là: gây mất ổn định trong Chính phủ Ba Lan bằng cách thực hiện các chiến dịch bí mật bao gồm tuyên truyền và tổ chức hỗ trợ Công đoàn “Đoàn kết”; thổi phồng vấn đề về nhân quyền, đặc biệt cần liên hệ với tình hình của công nhân và thiên chúa giáo; gây áp lực kinh tế; tiến hành cách ly ngoại giao của chế độ cộng sản. Trong tài liệu nhấn mạnh cần thiết bảo vệ những nỗ lực nhằm thực hiện các cải cách dân

chủ trên toàn bộ đế chế Xô Viết, cùng như ra lệnh tăng cường tuyên truyền và các buổi phát thanh bí mật ở Đông Âu. Điều này, theo trợ lý của Reagan và của những kẻ chống đối ở Đông Âu, là đặc biệt có lợi để phá tan quan niệm về khả năng không bị tổn thương của Xô Viết”.

Chỉ lệnh “đã khuyến nghị “trung lập hóa ảnh hưởng Xô Viết ở Đông Âu và áp dụng các biện pháp bí mật, các phương pháp vững chắc hỗ trợ cho những tổ chức chống Xô Viết. (...) Sau đó vài tuần đã xuất hiện thêm một tài liệu mới do Richard Pips và người được ủy quyền là W. Klarc soạn thảo. Tài liệu này tỏ ra rất cương quyết: “Mục tiêu của Hoa Kỳ – “trung lập hóa những nỗ lực nhằm duy trì quyền lực của Liên Xô tại Đông Âu. (...) – được xem là quan điểm tích cực và đã cắt đứt với quá khứ (nghĩa là, một mặt nó đã hủy bỏ cả Hiệp ước Ialta và Hiệp ước Helsinki). Ronald Reagan đã thể hiện rõ quan điểm của Hoa Kỳ không chấp nhận ưu thế của Xô Viết ở Đông Âu. Chúng ta cố tạo ra một chiến lược quy mô lớn với mục tiêu làm suy yếu ảnh hưởng Xô Viết, cũng như nhằm củng cố các lực lượng bản địa đang đấu tranh vì tự do ở khu vực này. So với các quốc gia như Bungari, Rumani và Tiệp Khắc, thì Ba Lan đã tạo nên một cơ hội to lớn chống đối chế độ. Điều đó có nghĩa rằng tại các nước còn lại chúng ta cũng tìm được những khả năng để công khai hoặc ngấm ngầm làm suy yếu ảnh hưởng của Matxcơva. (...) “NSDD-32” đã đặt ra một số mục tiêu nguyên tắc như sau:

- Hỗ trợ bí mật cho hoạt động ngầm nhằm lật đổ chính quyền cộng sản tại khu vực này;
- Tăng cường chiến tranh tâm lý, trước hết là với sự hỗ trợ của đài phát thanh “Tiếng nói Hoa Kỳ” và “Châu Âu tự do”;
- Tìm kiếm những phương thức về ngoại giao và thương mại làm suy giảm sự lệ thuộc của Chính phủ Ba Lan đối với Matxcơva”.

*NSDD (Chỉ lệnh về bảo vệ an ninh quốc gia) N°66, tháng 10 năm 1982.*

“Chỉ lệnh NSC-66 (...) đề xuất các biện pháp phá hoại nền kinh tế Xô Viết. Phương thức chủ yếu ở đây là cấm vận công nghệ, sử dụng cơ chế



COCOM để không cho Liên Xô tiếp cận với công nghệ cao mới nhất trong tất cả những phạm vi phụ thuộc Washington và thế giới phương Tây. Làm Liên Xô suy giảm nguồn nguyên liệu, làm mất khả năng phát triển nền công nghiệp chế tạo”; “Ngày 13 tháng 11 (...) Reagan đã ký một tài liệu mật quan trọng nhất trong lịch sử Mỹ có liên quan tới nền kinh tế Liên Xô mang hình thức của chỉ lệnh. “NSDD-66” do Rodger Robinson soạn thảo đã phản ánh một bước ngoặt trong chiến lược của Hoa Kỳ: nó có nghĩa là bác bỏ mọi chế tài cho các phương tiện khác, đồng nghĩa với việc tuyên bố một cuộc chiến tranh kinh tế với Liên Xô. (...). Tài liệu này, khi đi kèm với việc phát triển vũ trang ở Hoa Kỳ, cũng như cùng với sáng kiến phòng thủ chiến lược (SDI) đã đẩy Liên Xô vào chỗ chết. (...)

“NSDD-66” bao gồm ba vấn đề chính:

- Mỹ phải đạt được sự đồng ý của các đồng minh châu Âu chỉ dành cho Matxcơva các tín dụng theo định hướng thị trường;
- Mỹ sẽ không cho phép quân đội và kinh tế Liên Xô tiếp cận với công nghệ phương Tây hiện đại. Hoạt động của COCOM sẽ được mở rộng;
- Mỹ và các đồng minh sẽ tìm kiếm những nguồn năng lượng để giảm thiểu sự phụ thuộc của châu Âu vào việc cung cấp khí ga thiên nhiên của Liên Xô. Lưu tâm tới giai đoạn quá độ. Việc cung cấp khí ga của Liên Xô vào châu Âu không thể vượt quá 30% nhu cầu (trên thực tế, điều này có nghĩa là tuyến đường ống dẫn khí thứ hai sẽ không được xây dựng và sẽ không ký kết thêm những hợp đồng mới”.

*NSDD (Chỉ lệnh về bảo vệ an ninh quốc gia) N°75, tháng 1 năm 1983.*

Chỉ lệnh NSDD-75, được thông qua vào tháng 1 năm 1983, đã đi xa hơn nữa. Nó đã xem xét tới việc tài trợ bổ sung cho những phong trào đối lập ở các nước phí Đông một khoản 108 triệu USD. Theo lời P. Pips, một tác giả của chỉ lệnh này, “Chỉ lệnh đã định rõ rằng mục tiêu cuối cùng của chúng ta không cùng tồn tại với Liên Xô, mà là thay đổi hệ thống Xô Viết. Về cơ bản, chỉ lệnh khẳng định rằng việc thay đổi hệ thống Xô Viết cùng với sự hỗ trợ của sức ép từ bên ngoài là nằm trong khả năng của chúng ta”. Chỉ

lệnh đã định rõ rằng “Mỹ sẽ không tham gia vào việc cải thiện tình hình kinh tế Xô Viết và đồng thời sẽ làm tất cả để ngăn chặn mọi con đường hướng đến mục tiêu đó...”. Sự hỗ trợ trực tiếp của Mỹ đối với nền kinh tế Xô Viết sau khi tan rã đã không có trong chương trình nghị sự, song việc nhấn mạnh “họ sẽ làm tất cả để ngăn chặn mọi con đường” đã có nghĩa là một cuộc chiến tranh kinh tế bí mật. Chủ định là ở việc trông chờ vào sức mạnh của chúng ta và sự yếu đuối của họ. Mà điều đó có nghĩa là trông chờ vào kinh tế và công nghệ” Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ C. Wintberger nhớ lại.

“Nó đặt mục tiêu – đạt được “những thay đổi cơ bản trong các quốc gia Đông Âu và các nước khác theo khuynh hướng xã hội chủ nghĩa. Các phương tiện để đạt được những nhiệm vụ đặt ra được mang chiêu bài “ngoại giao công khai” và “dân chủ”. Những câu nói bóng bẩy không hề gây chút nghi ngờ: về việc tách các nước thuộc hiệp ước Varsava ra khỏi Liên Xô, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Cuba, làm mất ổn định tình hình trong các nước cộng hòa Xô Viết vùng Ban Tích, phá hoại chế độ ở Angola, Mozambik, Nam Iemen, Việt Nam, Etiopia, Lào, Cam-pu-chia, Nicaragua và các nước đang phát triển khác đang mang ảnh hưởng của Kremli. Nhưng đặc biệt chú ý là Ba Lan và Afghanistan. Đó là “những điểm yếu” của Liên Xô như Nhà Trắng tính toán. Chiến thắng của Công đoàn “Đoàn kết” – đó là Cộng hòa nhân dân Ba Lan tách ra khỏi Liên Xô, giáng một đòn mạnh vào Hiệp ước Varsava”.

“Mỹ đang có một sức mạnh đủ để phá tan Liên Xô. (...) đương nhiên, Mỹ cần phải tập trung tất cả sức lực vào việc làm tan rã Liên Xô. Điều đó có thể dẫn tới việc cải tạo thế giới bằng sức mạnh, cũng như dẫn tới việc toàn cầu hóa phạm vi ảnh hưởng của Mỹ và thiết lập nên sự thống trị của Mỹ đối với thế giới. Định đề chủ yếu của chỉ lệnh là phủ nhận nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình với Liên Xô – nền tảng và nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế hiện hành. Mục tiêu chính trị chủ yếu là gây mất ổn định, rút cuộc, tiêu diệt Liên Xô bằng sự hỗ trợ của các chiến dịch phá hoại tập trung và bằng việc tài trợ tiền bạc to lớn cho “đội quân thứ năm”; Theo lời của

tác giả R. Pips, “Chỉ lệnh NSDD-75 có nghĩa là đoạn tuyệt với quá khứ. (...) Đây là tài liệu đầu tiên khẳng định rằng vấn đề không chỉ đơn thuần là hệ thống Xô Viết. Chỉ lệnh đã định rõ rằng mục tiêu cuối cùng của chúng ta là không cùng tồn tại với Liên Xô, mà là thay đổi hệ thống Xô Viết hoàn toàn trong khả năng của chúng ta. Mục tiêu chiến lược của Hoa Kỳ là làm tan rã hệ thống Xô Viết thông qua việc tận dụng những yếu điểm bên trong của nó. Những trụ cột cho nền chính trị của hệ thống Xô Viết đã rất yếu và phải chống đỡ nhiều thử thách, nên có thể tin rằng đó là nguyên nhân loại bỏ ảnh hưởng Xô Viết trên trái đất này. (...) Tài liệu mới đã tỏ ra rất toàn diện, nó định ra những phương thuốc chính trị và mục tiêu của nền chính trị Mỹ theo nhiều hướng. “Chúng ta dồn mọi nỗ lực để vạch ra trong “NSDD-75” kế hoạch chính trị liên kết bao trùm hành động trên mọi mặt trận, – John Poindexter, người tham gia soạn thảo tài liệu, nói. – Tôi nghĩ rằng chính đó là một trong những khía cạnh thành công nhất của chính sách này”.

Tài liệu rất mạch lạc và theo “nguyên tắc công việc”:

- Mỹ không tán thành những phạm vi ảnh hưởng hiện hành của Liên Xô vượt ra ngoài biên giới quốc gia và sẽ cố gắng giảm thiểu nó;
- Mỹ sẽ không tham gia vào việc cải thiện tình hình nền kinh tế Xô Viết và đồng thời sẽ làm tất cả để ngăn chặn những con đường hướng tới mục tiêu này (ở phần này tài liệu gọi ra trước hết là công nghệ, tín dụng và ngoại hối có được từ xuất khẩu năng lượng);
- Mỹ sẽ tìm kiếm mọi khả năng cho phép làm suy giảm mức độ ảnh hưởng của Xô Viết ở nước ngoài.

Tài liệu này khẳng định rằng chiến lược của Mỹ dựa trên việc tận dụng những điểm yếu của Xô Viết. “NSDD-75” không đặt ra việc chúng ta đối đầu với Liên Xô trong mọi mặt. Nó chỉ dự tính rằng chúng ta sẽ lợi dụng những điểm yếu và tận dụng chúng”.

*NSDD (Chỉ lệnh về bảo vệ an ninh quốc gia) N°166, tháng 3 năm 1985.*

“Cùng với các cộng sự của Hội đồng An ninh quốc gia là Vinesent Kannistraro, Donald Farte và... biên soạn ra tài liệu làm thay đổi về mặt nguyên tắc những mục tiêu của Mỹ trong cuộc chiến tranh này (ở Afghanistan). Chỉ lệnh “NSDD-166” được Tổng thống Reagan ký vào tháng 3 năm 1985 lần đầu tiên đã định ra những mục tiêu chính cho cuộc chiến tranh ở Afghanistan trong bối cảnh chiến lược chung”. (...)

Chỉ lệnh mới chứa đựng một số thời điểm then chốt.

*Một là, cần phân bổ và cung cấp vũ khí có chất lượng tốt hơn cho Lực lượng Mudzahad. Tăng cường những loại vũ khí mới về công nghệ.*

*Hai là, tình báo Mỹ đã nhận được nhiệm vụ thu thập nhiều hơn thông tin về các dự định quân sự của Liên Xô. Đặc biệt chú ý vào các mệnh lệnh quân sự, chiến thuật và cơ cấu quân đội của Liên Xô. Các kế hoạch quân sự và chính trị của ban lãnh đạo cao cấp Xô Viết phải được phân tích và kiểm tra.*

*Ba là, đề cao mục tiêu chính trị của cuộc chiến tranh trên trường quốc tế. Với sự hỗ trợ của những tổ chức như Liên Hợp Quốc, Mỹ sẽ tăng cường sức ép tối đa để bóp nghẹt Xô Viết. Cũng để cho họ hiểu rằng việc cải thiện quan hệ với Mỹ có liên quan trực tiếp với việc Liên Xô chiếm đóng Afghanistan.*

Nhưng mục tiêu thực chất của “NSDD-166” là giành chiến thắng, đánh bại hoàn toàn Lực lượng Vũ trang Liên Xô tại Afghanistan (Xem Phụ lục).

Trước khi nói đến các phương thức được bộ phận chính trị đối ngoại của nghị viện Mỹ sử dụng trong quan hệ đối với Liên Xô vào nửa sau những năm 1980, cần chú ý tới việc chính những quan điểm của chúng ta trong lĩnh vực tư duy và giáo dục thực sự có những khác biệt. Ở Liên Xô, trong quá khứ cũng như hiện nay, trường phái chính trị học thiên về hướng phát hiện sự kiện, mối quan hệ nhân – quả, mặt tích cực và tiêu cực và tính chất kết cấu của chúng. Điều này liên quan đến toàn bộ lĩnh vực giáo dục nhân văn. Ở Anh và Mỹ có phong cách tư duy khác. Họ mạnh hơn trong phân tích và đặc biệt toàn diện. Họ mạnh hơn trong tổng hợp. Thêm vào đó, nếu

ở Nga tư duy được thiết lập trong khuôn khổ của toàn bộ hệ thống, thì ở Mỹ họ sẽ xem xét từng hiện tượng, trường hợp riêng lẻ một cách cụ thể hơn. Vì vậy, ví dụ, khi trên báo chí Xô Viết đề cập tới việc lớp người mới lớn và học sinh phổ thông không hề biết tới những sự kiện đơn giản nhất trong Chiến tranh thế giới II (Khi nào? ở đâu? Ai chống ai?...) thì điều đó không có gì là đáng ngạc nhiên: những người này lại biết những thứ khác mà không cần hiểu về bề ngoài, họ có thể nêu ra kết luận ngược với trình tự các sự kiện. Đến khi đó chính anh buộc phải ngạc nhiên: dưới góc độ như vậy thì một hiện tượng đã biết rõ không cần phải xem xét.

Bây giờ chúng ta chuyển đề tài. Trong khái niệm chung, công nghệ tri thức (Intellectual Technology -IT) là một tổ hợp các phương thức để thu thập, kiểm chứng, gia công, thay đổi trạng thái, tạo ra khả năng sẵn sàng ứng dụng sản phẩm thông tin. IT được phân biệt theo những phương tiện mà người nghiên cứu dự tính sử dụng. IT thường mang tính chất khoa học và phương pháp luận. IT trước hết là công tác nhằm tập hợp thông tin. Sau đó là kiểm chứng các tin tức đã nhận được, thường là so sánh với thông tin đã có (bằng phương pháp khái quát hoặc nghiên cứu thử nghiệm). Tiếp đến là thiết lập nên mô hình của những hệ thống cùng hướng và chính sự thiết lập có hiệu quả sẽ minh chứng cho tính chất đúng đắn của các quan điểm trước có đó.

Giai đoạn tiếp theo là phân tích thông tin nhận được. Phân định ra những kết quả cuối cùng và bổ sung phần còn thiếu của thông tin. Sau đó, thông qua những kết quả đã có từ trước, tiến hành thu thập và hợp nhất lần cuối toàn bộ hệ thống thông tin đã có, nghiên cứu môi trường xung quanh. Đây còn gọi là giai đoạn tổng hợp. Trước trường hợp, nếu mọi cách tiến hành trước đó đã được thực hiện đúng, tin cậy thì sẽ xuất hiện khả năng đưa ra dự báo cho tương lai tới. Trong giai đoạn này, mọi thông tin thừa đều bị loại bỏ. Chỉ để lại những thông tin thỏa mãn được cả ba yêu cầu: “Tính hạn chế – Tính chính xác – Tính cục bộ”.

Thông thường, từ toàn bộ khối lượng thông tin thu nhận và được gia công rút ra thông tin trung hoà về ý nghĩa – thông tin theo yêu cầu. Chính

thông tin này được xử lý thích hợp, nghĩa là được phân theo các chủ đề theo tâm lý tiếp nhận của con người, được khẳng định và được trình bày với tư liệu rõ ràng dành cho nhu cầu sử dụng của sau này. Bên cạnh đó, nó tương đối linh hoạt khi cần sử dụng. Đó là một bức tranh khái quát và mỗi IT đều có những sai lệch nhất định so với bức tranh đó.

IT – trước hết, đó là công việc của con người, công việc của trí óc. Bởi vậy, ngay cả khi có được kết quả tốt nhất, nó vẫn bị hạn chế bởi giới hạn năng lực. Để tránh những hạn chế đó, thông thường có hai cách: *Một là*, sử dụng kỹ thuật máy tính; *Hai là*, thông qua sáng tạo tập thể. Điều này làm cho công việc trở nên dễ dàng hơn, phát huy được năng lực của từng cá thể, xoá bỏ được giới hạn về năng lực của từng người và đạt tới được mức cốt lõi của vấn đề cần giải quyết. Trong công việc của một tập thể lâm thời được lập ra để soạn thảo một tài liệu hay một đề tài, người ta có thể vận dụng những phương pháp sau đây.

*Hệ thống phân tích “Faksens”*. “hệ thống này được các chuyên gia của Cục Tình báo Trung ương Mỹ CIA soạn thảo và đưa vào sử dụng năm 1984. Mục đích chủ yếu của nó là thiết lập với sự hỗ trợ của các chương trình máy tính hệ dự báo sự phát triển năng động của lĩnh vực kinh tế và chính trị của các nước khác. Các nhà nghiên cứu trong khuôn khổ của hệ thống này tuyên bố rằng trên cơ sở kinh nghiệm đã nhiều năm sử dụng có thể nói một cách chắc chắn về độ chính xác cao của các dự báo. Cũng theo lời họ, nhờ phương pháp “Faksens” này, từ tháng 5 năm 1991 họ đã dự đoán được cuộc biến loạn tháng 8 (1991, tại Liên Xô). Trong một thời gian dài, hệ thống phương pháp này đã được coi là tuyệt mật.

Cần nhận thấy rằng tính chuyên nghiệp của các chuyên gia CIA và của nhiều cơ quan khác ở Mỹ là rất cao: trong quá trình giao tiếp họ đã thể hiện rõ sự hiểu biết tinh tế về nền chính trị Nga, điều mà không phải bất cứ nhà báo chuyên phân tích chính trị trong nước cũng có được. Tất nhiên, khi dẫn ra lời mô tả này, chúng tôi cũng đặt nó vào bối cảnh sinh hoạt trước đây của đất nước – hệ thống này được sử dụng vào những năm “cải tổ”.

“Chính việc này đã gọi chúng ta nhớ tới cái mà giới quan chức và khoa học của chúng ta gọi là “tẩy não”. Trong một diễn đàn, ban đầu mỗi người tham gia đều trình bày lý lẽ của mình về vấn đề đang được đề cập đến, có thể viện dẫn bao nhiêu tùy thích, song rốt cuộc quyết định cuối cùng được thông qua bằng biểu quyết nhất trí (Consensus). Phương pháp nghiên cứu, thoát nhìn không phức tạp lắm: trước hết là xác định đối tượng nghiên cứu. Rốt cục đối tượng đó thường là: Những con đường phát triển nền kinh tế Nga; mối quan hệ giữa trung ương với các địa phương; chính sách của Nga trong quan hệ với Mỹ. Sau đó là lập đội “tuyển cầu thủ” – gồm những người hoặc nhóm người có uy tín trong lĩnh vực cần nghiên cứu. Có khoảng 1/3 trường hợp là thành phần được thay đổi một chút. Điều đương nhiên, “đội trưởng” trong hầu hết các trường hợp là *những chính khách hàng đầu*. Mỗi cầu thủ được nhận một thang điểm phân loại (từ 1 đến 100) về mức độ ảnh hưởng đối với vấn đề và mức độ am hiểu trong lĩnh vực đó. Sau đó, các cầu thủ được chia theo thang điểm và phân thành 100 đơn vị quan điểm. Đây mới chỉ là sự mô tả ngắn gọn về công nghệ tạo ra bán thành phẩm của chính trị học mà chúng tôi đã từng tham gia. Sau cùng, nhờ máy tính, thành phẩm là những đánh giá thử nghiệm và các biểu đồ chỉ ra vị trí và ảnh hưởng của những cầu thủ trụ cột nhất.

Phương pháp “Faksens” mang tính chất khép kín, nhưng nền tảng ban đầu của nó cũng tỏ ra khá thô sơ ở chỗ các nhà báo phương Tây thường trú tại Mátxcơva và các nhà Kremli học thường lo đi tìm kiếm sự phân bố lực lượng trong “đội tuyển chính trị Xô Viết”: “hàng chục năm liền, báo chí nước ngoài thường viết về “những sự bí ẩn của Kremli” là ngụ ý nói về quá trình thông qua các quyết định ở cấp lãnh đạo chính trị Xô Viết cao nhất, cũng như về cuộc đấu tranh giữa các bên khác nhau trong quan điểm phát triển, giữa các nhà lãnh đạo chủ chốt có khả năng lên nắm quyền. Nói chung, không có và không thể có điều gì đáng ngạc nhiên trong những bí mật này – trong cả nước, ban lãnh đạo buộc phải phong tỏa hoạt động của mình để tránh sự tò mò, tọc mạch của báo giới và tránh sự chú ý của đám tình báo chính trị nước ngoài. Hơn nữa, khi cho rằng một nhà báo bình

thường không được phép tiếp xúc với thông tin nào đó thì các phương pháp thu thập tin đương nhiên rất sơ lược và chỉ có được bằng con đường gián tiếp: “Các chuyên gia về Liên Xô thường dựa vào quan niệm và dự đoán của mình về Liên Xô thông qua việc bố trí chỗ ngồi của các uỷ viên Bộ Chính trị trên Lăng Lênin”.

Trong nhiều trường hợp, họ buộc phải sử dụng thông tin không chính thức từ các nguồn không thật thạo tin, thông qua kiểu gián điệp nhị trùng CIA – KGB như Viktor Lui. Xuất phát từ “cuộc đấu tranh giữa các bên khác nhau trong quan điểm phát triển” mà họ đưa ra kết luận về việc Liên Xô sẽ tiếp tục đi theo con đường nào. Liên Xô đi vào bế tắc... Rằng Phương Tây đang trong thời điểm quyết định hỗ trợ cho những người có năng lực trí tuệ nhưng đang thấp kém hơn những người khác... Về điều này chúng tôi sẽ đề cập sau.

Ba tuần, sau khi báo “Tin tức” (Ivestia) đăng bức thư phản đối bài báo của chúng tôi. Thư ký tên là Iuri Baturin, người được chúng tôi coi là một nhà phân tích, vào thời điểm đó đang giữ cương vị Trợ lý Tổng thống Liên bang Nga về an ninh quốc gia. “Faksens” đã được đánh giá rất cao: “Thậm chí thông qua những dấu hiệu gián tiếp chứa đựng trong bài đăng trên báo, có thể đánh giá các phẩm chất của “Faksens”.

Khía cạnh quan trọng đầu tiên của mô hình này được chứa trong các ẩn ý của nó, theo đó hình thức hóa tương ứng sự năng động của các quá trình chính trị được coi là có thể về mặt nguyên tắc. (...)

Phương pháp “Faksens” thực sự là một phương pháp trình bày, trong đó các thông số tình hình xã hội phản ánh chế độ xã hội, hệ thống chính trị – xã hội được tán xạ qua lăng kính đặc biệt – bằng trí tuệ của các nhà nghiên cứu.

Cách tiếp cận này, rõ ràng là vô cùng khoa học. Một vấn đề thực tiễn cơ bản trong cách mô tả này là mức độ rộng mở của sự tán xạ bảo đảm điều kiện cần và đủ để xây dựng những dự báo tin cậy. (...)



Chúng tôi đánh giá cao những phẩm chất của “Faksens”. Trước hết là cách tính toán các quá trình theo 3 nhóm: lĩnh vực kinh tế chủ đạo, khu vực và đường lối. Mỗi nhóm trong lực lượng hoạt động phát triển xã hội đó có khuynh hướng và “sức nặng” của mình.

Thật dễ hiểu là phương pháp “Faksens” có được môi trường áp dụng rất rộng lớn khi ta xem tới phần được đề cập dưới đây.

*Chỉ số tình cảm của người tiêu dùng (CSI – Consumer Sentiment Index).* Chúng ta bắt đầu từ một trích dẫn: “Sau Chiến tranh thế giới II, doanh nghiệp và Chính phủ Mỹ đã quan tâm tới những vấn đề như: dân chúng sẽ làm gì với số tiền của rất lớn đã từng tích lũy được trong thời gian chiến tranh? Họ sẽ dùng cho chi tiêu? Nếu vậy thì họ chi vào việc gì?. Biết được điều này rất quan trọng, bởi trong nền kinh tế thị trường thì mỗi một người tiêu dùng đều là nhân vật chính. Chi phí của người tiêu dùng, ví dụ, ở Mỹ, theo những tính toán khác nhau, luôn chiếm từ 2/3 đến 3/4 GDP. Vì vậy, hành vi tiêu dùng là một nhân tố quan trọng chủ yếu của nền kinh tế. Đây là lý do dẫn đến việc Trường đại học tổng hợp bang Michigan (tại thành phố Ann Arbor) suy tính tới việc nghiên cứu chỉ số có tên gọi là *Consumer Sentiment Index (CSI)*.(...)

Trên cơ sở phỏng vấn 2 400 người tại 101 điểm của đất nước, được lựa chọn theo vị trí xã hội, giới tính, lứa tuổi sao cho họ đại diện chính xác nhất ý kiến của toàn bộ dân chúng cả nước”

CSI ở Mỹ được Trung tâm Nghiên cứu các quy luật phản ứng của người tiêu dùng do Ralf Nader sáng lập tiến hành nghiên cứu. Đây có thể được coi là “nhà máy tư duy” đầu tiên phản ánh quyền lợi của người tiêu dùng. Song trên thực tế, nó không phản ánh quyền lợi của người tiêu dùng, mà nói một cách công khai, nó biến những người tiêu dùng thành những con vật có thể điều khiển được. Trong suốt một thời gian dài chúng ta chỉ có một nhà phân tích nổi tiếng là X. E. Kurginian (chúng tôi sẽ nói tới ở phần sau) và ông cũng chỉ có một lần duy nhất đề cập về mối quan hệ giữa mức sống và sự thay đổi chế độ. Nghiên cứu của ông cũng chỉ dưới dạng tư liệu không công khai, sau có đăng một lần và im lặng luôn.

Cần phải nói rằng bản thân CSI là phương pháp xử lý thông tin, song nói chung, nhờ có hiệu quả dự báo rất đáng kể mà nó đã được ứng dụng vào công nghệ điều khiển học xã hội. Như hiện nay ở Mỹ “... lý thuyết về thảm họa xã hội của dòng luân chuyển ngoại tệ đã xuất hiện và bắt đầu được phân tích kỹ lưỡng. Hầu như ngay lập tức tất cả các công trình về chủ đề này ở phương Tây đã được “đóng kín”, và không mở” đối với chúng ta. Vậy là, để biết về khuynh hướng phát triển của xã hội, thì không cần phỏng vấn nhiều, mà chỉ cần phỏng vấn một số đại diện của dân chúng. Tất nhiên, với điều kiện phải biết ai là người xử lý các số liệu về Liên Xô. Trong khi họ tự thấy là vô cùng thiếu thông tin mà kết quả công việc nghiên cứu của họ vẫn rất cao. Các nhà công nghệ phương Tây đã không đơn độc bởi họ có nguồn cung cấp thông tin về đất nước đang được nghiên cứu.

Giả sử, “việc giúp đỡ” phương Tây thu thập thông tin về xã hội Xô Viết – xã hội mà “chúng tôi, theo lời của Iu. V. Andropov, cho tới nay còn chưa nghiên cứu được đầy đủ” – từ “phía chúng ta” rõ ràng là có và rất chất lượng. Như chúng ta biết, nơi có thể cung cấp thông tin là: Trung tâm Nghiên cứu dư luận xã hội trực thuộc BCHTW ĐCS Gruzia, Ban Xã hội học hoạt động dưới quyền của Khu ủy Stavropol và Tỉnh ủy Sverdlov. Cũng cần phải nhận thức rằng những cơ quan này thuộc quyền kiểm soát và sự che chắn của những bí thư thứ nhất mà chúng tôi đã từng khắc họa là gián điệp có tầm ảnh hưởng. Cũng cần đặc biệt chú ý tới hành vi của lớp thị dân Matxcơva và Leningrad – chính những nơi này đã diễn ra rất nhiều sự kiện “cải tổ”. Chính những nơi đây đã tiến hành theo nguyên tắc: các vụ nổi loạn là ở địa phương, còn cách mạng diễn ra tại thủ đô. Chính vì vậy, cả hai thủ đô này cần phải được xem như những hệ thống xã hội riêng và cần có những nhận định riêng. Vào thời điểm đặc biệt, ngay sát trước khi phá hoại, đã có nhiều cuộc thăm dò dư luận được tiến hành thông qua báo chí ở trung ương.

*CASE-TECHNOLOGY. Công nghệ (CASE – Computer Aided Software Engeneering: Hỗ trợ soạn thảo bảo đảm chương trình máy tính hay còn gọi là Computer Aided System Engeneering: Hỗ trợ soạn thảo hệ thống máy*

tính). Thị trường hiện nay có khoảng 100 sản phẩm CASE. Công nghệ CASE nổi bật bởi khuynh hướng khai thác sau lo gic các quá trình mà nhận thức thông thường chỉ nhìn thấy những phần rời rạc không có gì liên quan với nhau của các hiện tượng. Khi các nhà khoa học chỉ nhận thức được các thành tố, thì, về mặt nguyên tắc, không thể đưa ra kết luận ở dạng một tổng thể thống nhất. Các chuyên gia sử dụng Công nghệ CASE không chỉ nhận thức được các quá trình khác nhau theo mẫu chuẩn, mà còn có khả năng đi tới mẫu số chung.

Ví dụ, một trong những hệ thống phương pháp đơn giản nhất và thông dụng nhất là IDEFO – hệ thống phương pháp thiết lập mô hình chức năng (hoạt động) của hệ thống và môi trường sản xuất. Nó được dựa trên cơ sở của phương pháp lập kế hoạch chức năng SADT do các nhà khoa học Nga tìm ra vào giữa những năm 1970. Từ đó đến nay, các nhà phân tích hệ thống của toàn thế giới luôn sử dụng các tiếp cận này để soạn thảo các chương trình máy tính kế hoạch chiến lược, soạn thảo chương trình bảo đảm hệ thống phòng thủ, điều hành các nguồn lực. Trong khuôn khổ chương trình chuyên dụng, các phương pháp SADT đã được chuẩn hóa, và sau này được gọi là hệ thống phương pháp IDEFO. Từ năm 1981 Lực lượng Không quân Mỹ đã yêu cầu tất cả các hãng cạnh tranh để ký các hợp đồng phải thể hiện và lập cơ sở đề nghị của mình bằng thuật ngữ IDEFO. Điều đó dẫn tới việc, nhờ sự hỗ trợ của hệ thống phương pháp này người ta dễ dàng mô tả sự điều hành, mối liên hệ ngược và cơ chế thi hành. Kết cấu cơ bản của mô hình IDEFO là khối (Blok) chức năng. Trong cơ sở của hệ thống phương pháp có những nguyên tắc như: *Khối chức năng* chuyển đổi các đầu vào thành các đầu ra; sự điều khiển xác định khi có thể có các chuyển đổi đó hoặc khi chuyển đổi đó xảy ra; cơ chế thực hiện trực tiếp sự chuyển đổi đó. Tóm lại, mô hình IDEFO không chỉ là một biểu đồ thuần túy. Đó là biểu đồ được định sẵn thể hiện đầu vào – ra của chuyển đổi, đồng thời cho biết nguyên tắc của các chuyển đổi đó.

*Hệ phương pháp IDEF1X – một trong những quan điểm mô hình hóa ngữ nghĩa các số liệu dựa trên công thức Entity Relationship (ER – quan*

hệ giữa những bản chất hoặc là các đặc tính của những bản chất). Một trong những thành tố quan trọng nhất là mối quan hệ “nhiều yếu tố với nhiều yếu tố” khắc họa mối quan hệ giữa hai nội dung cơ bản, trong đó mỗi thành tố của bản chất thứ nhất được liên hệ với số lượng bất kỳ của những thành tố thuộc bản chất thứ hai, đồng thời mỗi thành tố của bản chất thứ hai lại có liên hệ với số lượng bất kỳ của những thành tố thuộc bản chất thứ nhất. Cách tiếp cận như thế cho phép chi tiết hóa mọi phân tích đến mức tất cả những hình thái quan hệ phức tạp vô cùng kiểu “nhiều yếu tố với nhiều yếu tố” đều được phát hiện ra và được thay thế bằng vô số các quan hệ đơn giản tương ứng.

*Quan điểm lịch sử ngược.* Trong cuốn Kinh thánh Ekkleziat có nói: “Cái gì đã có thì sẽ có; và cái gì đã được làm thì sẽ được làm, mà không có gì mới dưới mặt trời. Chẳng là gì điều người ta thường nói: “Nhìn kìa, đó là cái mới”; song ngay cả cái mới đó đã từng có từ xa xưa, có trước cả chúng ta”. Phương pháp mới của chúng ta dựa trên chính những lời hàm chứa tính chu kỳ và tính lặp của các quá trình này.

Một bộ phận lịch sử của ngành Xô Viết học đã có được vị trí đặc biệt của nó không đơn giản vì Richard Pips – nhà Xô Viết học của Reagan – là chuyên gia về lịch sử Nga và chuyên gia thực sự về lịch sử cách mạng. Tờ Post Factum đã nhận xét rằng “...những nghiên cứu nghiêm túc nhất của nhân dân Nga đã được chính những kẻ thù của Liên Xô thực hiện, trong đó có R. Pips – cố vấn của Reagan về Nga. Điều này thật dễ hiểu, bởi để quật ngã đối thủ cần hiểu rõ tính cách thực sự của nó, chứ không phải tính cách được bịa đặt. Không nên đánh giá quá cao cũng như quá thấp kẻ thù”. Nếu phương pháp được đưa ra thực sự có vai trò trong chất lượng “xác định thứ tự của các sự kiện lịch sử”, thì khi đó nhân tố của Pips sẽ có được ý nghĩa quyết định, hoặc đánh giá không đầy đủ phương pháp này, nhắm mắt làm ngơ đối với nó thì cũng có nghĩa là đã không tiếp thu đầy đủ toàn bộ tính hệ thống của các quá trình nói chung.

Cần phải nói rằng các quá trình lịch sử cụ thể luôn là sự kết hợp (trộn lẫn) hai mặt của quá trình: *Một là*, tự phát, nghĩa là không được lập thành

kế hoạch và không điều khiển được; *Hai là*, tự giác – có ý thức, nghĩa là có kế hoạch và có khả năng điều khiển được.

Trong mô tả khoa học các dạng quá trình được đề cập đến đòi hỏi phải có những hệ thống khái niệm và khẳng định khác nhau của phương pháp luận khoa học. Những quá trình tự phát (lịch sử tự nhiên) được mô tả bằng những khái niệm và khẳng định của biện chứng. Để mô tả khoa học những quá trình tự giác – có ý thức lại cần một bộ máy phương pháp luận khác. Ở đây cần biết thế nào là những kế hoạch (dự án) xã hội; chúng được hình thành vì sao và như thế nào; cách hiện thực hóa thế nào; thế nào là điều khiển xã hội đối với con người; nó được thực hiện bằng những phương tiện nào và theo những nguyên tắc nào”.

Không có được thông tin cụ thể từ những kẻ đã suy tính và đã thực thi “cải tổ” ở bất cứ hình thức nào và với sự hỗ trợ của bất cứ phương tiện nào, thì những kiến giải của chúng ta vẫn chủ yếu là “nghĩ ngờ”. Vậy chúng tôi có quyền “nghĩ ngờ” không? Điều đó do bạn đọc đánh giá, chúng tôi chỉ nêu lại trình tự các sự kiện đã được biết.

### *Quá khứ xa xưa*

1. Đầu thế kỷ. Có một cuộc chiến tranh lớn (so với thời đó) về quy mô và tổn thất. Một cuộc chiến tranh xuyên lục địa, cuộc chiến tranh đầu tiên của động cơ, cuộc chiến tranh của hàng triệu con người. Sau này người đời gọi nó là Chiến tranh đế quốc, *Chiến tranh thế giới I*, nhưng ở Nga vào năm 1914 người ta gọi nó là *Chiến tranh vệ quốc*.

1. Cuộc chiến tranh đó chưa kịp kết thúc, thì đã xảy ra một sự kiện lớn – Cuộc Cách mạng Tháng Hai và *việc lật đổ Nga hoàng*.

1. Sau *Cuộc Cách mạng Tháng Hai* đã diễn ra một sự kiện có ý nghĩa nhất của năm 1917 – đó là *cuộc bạo động tháng bảy* của những người Bôn-xe-vich. Thất bại của những người cực tả, đảng do Lênin lãnh đạo lùi vào bí mật, đồng thời Chính phủ của Quận vương Liev về vườn – đó là những sự kiện của thời điểm này. Sự khủng hoảng chính quyền

đã dẫn tới việc Chính phủ của A. F. Kerenxki lên nắm quyền, và con lặc đã dao động từ nguy cơ của nhóm cánh tả Bônxevich sang một cực khác – quân phiệt cực hữu. Tiếp theo là một khủng hoảng mới trong chính phủ.

1. Trường hợp tiếp theo trong chuỗi bất tận của những lộn xộn thường xuyên của năm đó, khác với những sự kiện khác, đã ghi lại dấu ấn rất mờ nhạt trong sử sách. Nó không có ý nghĩa gì thật sự lớn cho ngày hôm nay. Song vào thời điểm đó, nó đã từng có một ảnh hưởng nổi danh: cái gọi là “Hội đồng 5 vị” (*Direktoria – một tổ chức điều hành quốc gia gồm 5 bộ trưởng do A. F. Kerenxki cầm đầu từ 1 đến 25 tháng 9 năm 1917. ND*). Công việc đầu tiên của họ đã làm thay đổi định chế của nước Nga (*ngày 1 tháng 9 đã tuyên bố Nga là nước cộng hòa... ND*).

1. Nên gọi thế nào về việc diễn ra sau đây trong năm đó: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại, hay là cuộc đảo chính của Bônxevich*, hay là gì khác. Song sự kiện vẫn là sự kiện: nhờ sự kiện này mà những người Bônxevich đã lên nắm chính quyền trong suốt thời gian dài.

1. *Giải tán Quốc hội lập hiến*. Sát hại hai đại biểu của tổ chức này và bắn vào cuộc điều hành hòa bình.

1. Đáp lại, trong nước bùng lên *nội chiến*, thêm vào đó là *sự can thiệp của nước ngoài*. Dưới thời Xô Viết, nhiều nhà nghiên cứu đã khẳng định một chiều rằng cuộc nội chiến này là do bọn bóc lột cũ, do không chịu chấp nhận việc chúng bị mất ruộng đất và nhà máy, gây ra. Nhiều nhà nghiên cứu mới đây cũng khẳng định điều tương tự, nhưng theo hướng ngược lại: chiến tranh nổ ra là do chính phủ tam hoàng của Xô Viết dân ủy. Thật khó tin là một chính phủ, để giành được chính quyền, lại tự đặt bom vào chính quyền lực đó và phải gây nên chiến tranh. V. I. Lênin không làm như thế.

1. Sau khi chiến tranh kết thúc, *Chính sách kinh tế mới (NEP)* được công bố.

1. *Cái chết* của nhà lãnh đạo cộng sản đầu tiên V. I. Lênin – đó là trang cuối trong biên niên sự kiện đầu thế kỷ của chúng tôi.

---

Cái chết của Iosif Vissarionovich Xtalin, mà chúng tôi đã viết như một sự kiện bước ngoặt ở Liên Xô, đã lật lại toàn bộ lịch sử phát triển của hệ thống quốc gia. Đường xoáy ốc của lịch sử đã hết tầm và bắt đầu quay theo chiều ngược lại. Các sự kiện diễn ra theo khuynh hướng ly tâm, tàn phá – đây là vấn đề hiện nay chúng ta đang nghiên cứu. Các sự kiện đang diễn ra vào cuối thế kỷ này hết như những gì ở đầu thế kỷ, song theo một trình tự ngược lại. Những gì mà đầu thế kỷ là sáng tạo, thì vào cuối thế kỷ đang được phá tán. Mười năm đầu của thế kỷ XX đã được chúng tôi cố gắng nghiên cứu một cách chi tiết trong phần đầu, còn bây giờ là sự phản ánh về mười năm cuối của thế kỷ XX. Tôi không biết bản chất của nó phải chăng là phá hoại hệ thống cần phải theo trình tự ngược lại những gì mà nó được xây nên không, hay tự thân tính chất của các sự kiện chỉ tình cờ là như vậy. Để làm rõ nghiên cứu của mình, chúng tôi dẫn ra “cách tính ngược” các sự kiện đó.

### *Quá khứ gần*

1. Bắt đầu từ việc thủ lĩnh cộng sản cuối cùng *lên năm quyền* – Mikhailin. X. Gorbachov. Có điều gì đó thần bí và không hoàn toàn tốt ngay từ khi bắt đầu sự kiện này. Vấn đề là, người đầu tiên và cũng là người cuối cùng của dòng họ Romanov (Nga hoàng) có tên gọi là Mikhailin. Nicolai II, người đã từng nắm quyền lực của đế chế trong suốt 23 năm cuối cùng, chưa phải là hoàng đế cuối cùng. Vào tháng 2, ông ta đã trao toàn quyền của mình cho người em trai là Mikhailin. Song người này đã nhất định từ chối nên không được coi là người kế vị. Xét về phạm trù hình thức, có thể khẳng định rằng đó là vị nga hoàng hợp pháp cuối cùng – Romanov Mikhain Elecxandrovich. Ba ngày sau khi

ông ta từ chối, chính quyền đã thuộc về tay của ủy ban lâm thời. Ông ta được xếp vào số những đại biểu cấp tiến nhất trong Duma quốc gia thứ tư. Vị chủ tịch của hai tổ chức là Rodzianko cũng có tên gọi Mikhail. Điều kỳ lạ là vào năm V. I. Ulianov (Lênin) mất, ông ta tròn tuổi 54. Sau 13 ngày, khi Mikhail. X. Gorbachov cũng tròn tuổi 54, người tiền nhiệm của ông ta chết. Vậy là, trong cách tính ngược của chúng tôi, cái chết của người lãnh đạo cộng sản đầu tiên đã đặt nấc thang lên nắm quyền lực của Mikhail. X. Gorbachov, kẻ lãnh đạo cuối cùng trong khuôn khổ của hình thái cộng sản.

1. Một trong những hành động đầu tiên của ông ta là ban hành Đạo luật về Hoạt động lao động cá thể (19 tháng 11 năm 1986) và Đạo luật về Phong trào hợp tác (26 tháng 5 năm 1988) – trong một cách nhận thức khác về quá khứ, nó trùng hợp cả về tính chất và phương hướng hoạt động với việc thông qua NEP.

1. Mùa hè năm 1988, trong đất nước không còn to lớn của chúng ta đã nổ ra cảnh nổi da xáo thịt tại Kavkaz. Khởi nguồn xung đột của điểm nóng đầu tiên này là do quyết định của Xô Viết tối cao của vùng tự trị Nagorny – Karabakh về việc sáp nhập nó vào Armeni. Đây cũng là một sự trùng hợp với lịch sử của chúng ta.

1. “Cải cách” chính trị của Gorbachov với sự kiện chủ yếu là *triệu tập Đại hội dân biểu* – đây là bước cuối được mô tả rất trùng hợp với cuộc họp duy nhất của Quốc hội lập hiến.

1. Vỡ kịch mang tên “*Bạo loạn*” – đây là sự bắt chước đáng thương của cuộc cách mạng này. Rất có thể sẽ có lúc nó cũng được gọi là vĩ đại.

1. *Thất bại của Liên Xô*, đỉnh cao của nó là âm mưu Belovezsk

1. *Những sự kiện trong tháng 10 năm 1993* – được phản ánh ở vụ bắn vào đoàn biểu tình của những người Bônxevich. Dù sao, đây cũng là



một âm mưu đảo chính yếu đuối, không chuyên nghiệp.

1. Sau tháng 10 năm 1993, các Xô Viết bị giải tán, kể cả những Xô Viết có thái độ trung lập đối với vụ va chạm ở Matxcơva. *Hiến pháp mới* được công bố, về mặt pháp lý đã đưa tổng thống đất nước thành một Nga hoàng mới – Nga hoàng Boris (Eltxin).

1. Một năm sau – *cuộc chiến ở Chesnia mở màn* (tháng 12 năm 1994) và kéo dài không dứt. Mọi sự ở đó vẫn như trước đây.

Cuộc chiến tranh Liên Xô – Afghanistan 1979-1989. Đây là một cuộc can thiệp vũ trang của Liên Xô vào một đất nước thường xuyên xảy ra nội chiến. Ngay từ đầu, ý định khuất phục đất nước này rõ ràng là một điều ngu xuẩn, trước hết được dựa trên sự thiếu hiểu biết về lịch sử. Cần phải nói rằng, Afghanistan – đó là một đất nước duy nhất trên thế giới thường xuyên diễn ra cảnh huynh đệ tương tàn. Trong giai đoạn lịch sử đang được đề cập tới, trong nước này chỉ có một tỉnh luôn không chịu tuân phục chính quyền Kabul. Song cuộc chiến tranh đã nổ ra không còn đơn thuần là xung đột giữa một lực lượng quân đội Xô Viết hạn chế với phe chống đối. Nó còn là sự đối đầu giữa những tín đồ Thiên chúa giáo với người Hồi giáo. Không thể không tính tới điều này.

Kể cả khi quân đội Xô Viết đã rút khỏi Afghanistan, cuộc chiến vẫn không chấm dứt vì một nguyên nhân rất hạn chế: do yếu tố địa lý, nên ưu tiên hàng đầu trong đường lối là sáp nhập vào lãnh thổ Tadzikistan. Tại đó, người Nga còn rất ít, nếu tiếp tục chiến tranh thì con số nạn nhân sẽ rất lớn. Hiện nay, nơi đó chỉ xảy ra xung đột liên quan tới biên phòng Nga và những kẻ đối lập, những người theo Thiên chúa giáo và Hồi giáo. Hướng chiến lược này đã trở thành sườn trái của một mặt trận tương lai chia cắt toàn bộ đại lục.

Hướng trung tâm của chiến trường đại lục Âu – Á là Kavkaz. Tại đây, ngọn lửa xung đột sắc tộc đã bùng lên trên lãnh thổ Liên Xô, lan rộng trên một vùng rộng lớn và cuốn theo rất đông dân chúng, nền kinh tế và hạ tầng

cơ sở. Cho dù sau này các bên tham chiến có ý định thỏa hiệp, song sự khác biệt về tôn giáo sẽ không cho phép chấm dứt hoàn toàn các cuộc xung đột. ưu tiên tín ngưỡng đang chia rẽ mọi người: giữa người Armeni với Azerbaidzan, Gruzia – Abkhaza, Nga – Chesnia.

Chiến trường cuối cùng, tuy nằm ngoài ranh giới của Liên Xô cũ, nhưng vẫn nằm trong lòng của hệ thống xã hội chủ nghĩa cũ – trên lãnh thổ Nam Tư. Đó là nhà nước liên bang thứ hai trên thế giới có nhiều vùng tự trị và có đông tín đồ Thiên chúa giáo, Hồi giáo. một trên những nguyên nhân chủ yếu dẫn tới chia cắt Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết, cũng như Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa Nam Tư – đó chính là hai đức tin (confess) không thể dung hòa trong cùng một hệ thống. Sự đối kháng không thể dập tắt tại Bankan cũng xuất phát từ dấu hiệu tương tự. Cũng cần nhận thấy rằng, các cuộc xung đột “không tự thân”, mà thường có vai trò của phe thứ ba – kẻ biết cách kích động sự miệt thị trên cơ sở tín ngưỡng.

Như vậy, chúng ta đã thấy rằng các mặt trận giữa những bên tham chiến đã được hình thành ở khắp nơi, hoặc do những yếu tố mâu thuẫn địa lý sẵn có giữa người Thiên chúa giáo và người Hồi giáo, hoặc do những nguyên nhân khác như sự khác biệt ngay trong cùng đức tin (những cuộc nội chiến ở Afghanistan và ở Tadzikistan giữa những người Hồi giáo), kể cả cuộc xung đột kéo dài đã nhiều năm ở Cận Đông giữa những người Arap và người Hindu.

Chúng ta cũng thấy rằng tất cả những sự kiện có ý nghĩa to lớn nhất trong những năm gần đây đã diễn ra hết như những gì đã xảy ra vào đầu thế kỷ XX, chỉ có điều theo một trình tự và những dấu hiệu ngược lại.

Những vấn đề đặt ra: đó là trò chơi vô tình của những thế lực thần bí mà chúng ta chưa biết tới hay chỉ là trường hợp hãn hữu của lịch sử? Vì sao lại xảy ra như vậy? “Tự thân” là tình cờ? Hay là những kẻ gây nên “thảm họa” cho chúng ta cũng đã tính tới những yếu tố mà chúng ta vừa phân tích như một sự cần thiết để phá tan một hệ thống theo kịch bản dựng sẵn?!!

Những phương pháp khác thường được sử dụng là:

Phương pháp ghi chép. Thường được sử dụng để đối chiếu giữa các tư liệu, các bài viết khác nhau. Mỗi người tham gia sẽ viết sẵn những gì có trong suy nghĩ liên quan tới vấn đề đặt ra. Sau đó, các thành viên lập ra tài liệu kết luận riêng. Tất cả những gì được viết ra sẽ được sàng lọc bởi không phải mọi ghi chép đều cần thiết. Phương pháp cũng có thể do một người sử dụng. Để có được một cuốn sách thực sự rất cần có sự hỗ trợ của IT này.

Phân tích giá trị. Điều chủ yếu của công nghệ này là hạn chế về chi phí. Một cá nhân cũng như một tổ chức đều có thể rơi vào hoàn cảnh “Tôi đã có thể làm việc này, thế này, nếu có chùng này tiền, ...”

“Những mơ ước về điều không thể”. Nếu không áp dụng công nghệ này, hoàn toàn không thể hình dung được khả năng thực hiện một công việc phức tạp như việc làm tan rã Liên Xô. Công nghệ này có một nền tảng rất đặc biệt, nó xác định chính khả năng thu nhận kết quả. Trong đó, những ý tưởng kết cấu được trình bày ở các IT khác, không được công nghệ này chấp nhận. mà hoàn toàn ngược lại, chúng được thay thế bằng những đề nghị kiểu: “Nếu có cái này, chúng tôi đã có thể làm việc này, thế này”. Công nghệ này được khắc họa bởi những điều vô lý và không tưởng. Nếu trong công việc này có mặt một kẻ ngoài cuộc thì anh ta có thể bị các thành viên khác nghi ngờ về sức khỏe tâm thần. Có thể nói, nguyên tắc cơ bản trong việc giải quyết những nhiệm vụ này là: không bao giờ được nói “không bao giờ”.

Công việc soạn thảo – “... sử dụng có hệ thống những nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu cơ bản để thiết lập và sản xuất ra các đối tượng cụ thể, các hệ thống, phương pháp và vật liệu”.

Tấn công não. Nó còn có những tên gọi khác như: “Đột kích não”, “Trí nhớ tập thể hay nhóm”, “Brainstorming” (Brain – não, trí tuệ, máy tính điện tử; Storm – đột kích, tấn công như vũ bão), hay phương pháp kích thích ý tưởng tập thể. Để giải quyết công việc này cần xác định số lượng và thành phần người tham gia – trong thảo luận thường cần không quá 5 hay không quá 12 người. Xác định và hình thành một nhiệm vụ vô cùng phức

tạp, quan trọng cần giải quyết. Tất cả thành viên tham gia bình đẳng, cùng ngồi quanh bàn tròn, không nên ngồi theo dãy và không cần có chủ tọa, cần tránh tâm lý “thủ trưởng – nhân viên”. Người cầm trịch không giữ vai trò chủ tọa mà chỉ là một thành viên. Xác định chính xác thời gian thảo luận. Thời gian tối ưu là khoảng 30 phút, chính sự thiếu hụt về thời gian sẽ gây nên stress kích thích hoạt động của não. Không một ai được phép phê phán ý tưởng của người khác. Tuyệt đối tránh những câu như “Không...”, “Không thể...”. Có tới 95% số người không thể sáng tạo trong trường hợp “bị ép não”. Trong những phút đầu tiên, có thể có những ý tưởng sơ khai hoặc lạc đề. Hãy chọn lọc các ý tưởng và không định danh ý tưởng đó theo tác giả. Những ý tưởng tốt nhất là thuộc về tập thể. Khi đã có được ý tưởng tốt nhất, hãy chia các thành viên thành nhóm “ủng hộ” và nhóm “phản biện”. Cố gắng phát hiện ra những yếu điểm trong quyết định và tiến hành “kiểm tra”. Trong căn phòng được chọn làm nơi thảo luận như thế này có thể bố trí các biểu đồ, sách tra cứu, máy ghi âm...

Phương pháp xemina khoa học và phương pháp phân tích thông tin không khác nhau nhiều. Sự khác biệt duy nhất của chúng chỉ là: phương pháp thứ nhất đôi khi được tiến hành như một giờ học, trong đó các chuyên gia phân tích thường đưa ra nguyên tắc này hay nguyên tắc kia, đưa ra những số liệu được thực tế do các cơ quan tình báo thu thập được, tin tức của các nhân vật cao cấp, chính thức. Thí dụ, người ta đã tiến hành tư vấn cho Bush (cha) trước khi ông ta bay sang Matxcơva gặp các thủ lĩnh mới của Liên Xô vào tháng 11 năm 1982; vào tháng 2 năm 1984; vào tháng 3 năm 1985 cũng như dịp ông ta phát biểu nhậm chức tổng thống Mỹ.

Phân tích nội dung. Trong xã hội học cũng như trong việc các cơ quan tình báo phân tích thông tin, khai thác thông tin từ những nguồn công khai luôn có một nguyên tắc. chúng tôi dẫn ra đây một bằng chứng: “... các mũi tình báo Mỹ và các nước phương Tây khác trước hết đều nhắm vào Nga – nước có rất nhiều thành tựu khoa học trong lĩnh vực công nghệ quân sự. Có nhiều điều thực sự được công khai, song cũng còn rất nhiều điều được giữ kín. Một bài đăng trên tờ báo Mỹ “Washinhton Post” viết:

“Tính công khai của dân Xô Viết trong những vấn đề kỹ thuật chỉ là trò tiểu lâm. tuy nhiên đó không chỉ đơn giản là hiện tượng của cải tổ. Một kỹ sư người Armeni, trong những năm đầu 1960 đã từng công tác tại Cục Vũ khí hạt nhân, đã kể về một nhà khoa học của “RAND Coporation” – người được yêu cầu thu thập các bài đăng công khai trên sách báo Xô Viết toàn bộ thông tin về hậu quả sử dụng vũ khí hạt nhân trong vũ trụ. Sau 6 tháng, bản báo cáo do ông ta mang về được những người Mỹ xếp vào loại tin mật”.

Bài viết trên “Washinhton Post” này đề cập về những phương thức thu thập, tiếp cận đối với những công trình mới của Nga. Theo tác giả, nghệ thuật vay mượn ý tưởng chủ yếu là ở việc đọc các ấn phẩm được xuất bản tại Nga. Một phương thức khác là theo cách tiếp xúc trực tiếp với các công trình nghiên cứu”

*Phương pháp logic – trực giác dựa trên việc vận dụng kiến thức và linh cảm của người phân tích về các vấn đề khác nhau trong quan hệ quốc tế. Người chuyên gia theo phương pháp này thường biết và sẵn sàng nói ra về tương lai nhiều hơn những gì anh ta có trong tay.*

*Phương pháp Delfi* được các nhà phân tích sử dụng để thăm dò liên tục một cá nhân và đưa ra một chuỗi tin liên tục về một vấn đề duy nhất. Phương pháp này được coi là tương đối có ích, song cũng có nhiều yếu tố thiếu đầy đủ, như: tính chất phức tạp của thủ tục, thiếu tính toán đến mối tương quan giữa các sự kiện và tình hình quốc tế, khó làm rõ những yếu tố phân biệt đâu là ý kiến của chuyên gia...

Hiện nay, ở Mỹ đang phát triển một biến thể của *phương pháp Delfi* – *phương pháp hiệu chỉnh chéo* cho phép tính đến ảnh hưởng tương quan giữa những sự kiện có thể xảy ra trong tương lai, và vì vậy, nó cho phép nâng cao độ tin cậy của các dự báo. Về mặt nguyên tắc, ý tưởng sử dụng phương pháp hiệu chỉnh chéo các sự kiện để dự báo rất đơn giản. Tất cả các sự kiện được viết thành thuật toán ma trận và có mối liên hệ giữa các sự kiện, sau đó các mối liên hệ chéo được đánh giá về số lượng. Trong đó, càng đưa nhiều sự kiện vào thuật toán thì độ tin cậy của dự báo càng cao. Khi đưa máy tính điện tử vào xử lý, bộ nhớ của nó có thể ghi nhận tới 1

000 000 trường hợp hiệu chỉnh chéo. Nhờ có máy tính, số lượng kịch bản càng nhiều độ chính xác của chúng càng lớn. Khi áp dụng phương pháp này người ta có thể xác định trực tiếp một chiến lược chính trị – đối ngoại, đồng thời có thể thúc đẩy những sự kiện có lợi và kiềm chế sự phát triển của những hiện tượng ngoài mong muốn.

*Hoạch định kịch bản – là một trong những phương pháp thông dụng nhất được Mỹ sử dụng để dự báo các quan hệ quốc tế. Kịch bản chưa hẳn là dự báo, bởi dự báo được xây dựng trên những kết luận rút ra từ quá trình hoạch định cả một loạt kịch bản. Trong quá trình hoạch định này, mọi phương kế của mục tiêu chính trị – đối ngoại, các tiền đề và những yếu tố khác nhau xác định sự phát triển của các sự kiện quốc tế sẽ được kiểm chứng, kể cả việc nảy sinh các tình huống giả thiết. Theo lời của Giáo sư Ch. Makkleland Trường đại học tổng hợp Nam California, phương pháp này là “một mô hình kinh tế nhất”, và nó mới chỉ là bước đi đầu tiên trong quá trình phát triển các phương pháp và phương pháp luận chuyên dùng cho dự báo.*

Trò chơi mô phỏng là một phương pháp dự báo quan hệ quốc tế được sử dụng để hoạch định các phương án có thể của tình hình quốc tế trong tương lai (trước hết là tình hình khủng hoảng) bằng cách mô phỏng sự phát triển của các sự kiện. Cho dù đã có lúc thăng trầm vào cuối thập kỷ 1960, song tính thông dụng của phương pháp hiện rất rộng lớn. Nó được sử dụng trong hàng chục trung tâm nghiên cứu và các trường đại học, cao đẳng ở Mỹ.

Điều chủ yếu của IT này đối với việc nghiên cứu của chúng ta là những xung đột trong lý thuyết của các trò chơi được chia thành hai cấp – cạnh tranh khốc liệt và cạnh tranh không khốc liệt. Trong trường hợp thứ nhất, lợi ích của các bên trực tiếp đối nghịch nhau và không dung hòa. Chiến thắng của một bên cũng đồng nghĩa là sự thất bại của phía bên kia. Vì vậy, có thể gọi chúng là những trò chơi có giá trị không. Trong trò chơi, cạnh tranh không khốc liệt, quyền lợi hai phe vẫn xung đột nhau, nhưng không được xem là mâu thuẫn trực tiếp, bởi vậy nó tồn tại một khoảng rộng cho những thỏa hiệp, thoái bộ hoặc cạnh tranh. Những người nghiên cứu lý

thuyết trò chơi đã dành cho Liên Xô một cuộc đấu cạnh tranh khốc liệt, họ đã làm điều đó và giành “Victory” (chiến thắng).

### **Phụ lục chương III.**

*Thông điệp của J. F. Dalles ngày 6/3/1953.*

“Mục tiêu chủ yếu của chúng ta vẫn là gieo rắc thái độ nghi ngờ, bối rối, thiếu tin tưởng đối với chế độ mới trong những quan chức cầm quyền, trong dân chúng ở Liên Xô và ở các nước vệ tinh, trong số các đảng cộng sản nằm ngoài biên giới Liên Xô”.

*Tài liệu “Tấn công tâm lý chống Liên Xô. Những mục tiêu và nhiệm vụ”,* đề ngày 10/4/1951, được giải mật vào năm 1976.

“Khi xác định những mục tiêu và nhiệm vụ này, đương nhiên, cần chỉ ra cho nhân dân Liên Xô rằng chỉ có một con đường duy nhất đối với chế độ hiện hành. Hoa Kỳ không có nghĩa vụ chỉ ra một cách cụ thể. Do đó, chúng ta sẽ không đưa ra những khuyến nghị cụ thể về các vấn đề như: tập thể hóa, bầu cử dân chủ, v.v... mà không có được những chỉ dẫn chính trị đặc biệt đối với điều này. Tuy nhiên, trong toàn bộ sự tuyên truyền của chúng ta, cần ngụ ý rằng cách giải quyết nằm trong việc khôi phục quyền con người vốn đã từng là di sản của dân tộc Nga...”

Cần khoét sâu sự ngăn cách vốn có giữa nhân dân Xô Viết với Chính phủ của họ...

Cảnh báo là nhiệm vụ dễ thực hiện nhất. Song đừng quá nhiệt thành. Điều đó có nghĩa là nên gợi lên cảm nhận về sự bạo ngược ở những người vốn từng quen bị ngược đãi và chưa bao giờ nhìn thấy được điều gì xa hơn cái mũi của mình.

Nhiệm vụ số 1. Phát hiện và phát triển những giá trị tinh thần, những quan điểm thẩm mỹ và đạo đức của nhân dân Liên Xô, đặc biệt là của nhân dân Nga, đồng thời tạo ra sự đồng nhất những giá trị đó với những giá trị của thế giới tự do. Chủ đề dự kiến là:

a/ Tính chân thành, sự đồng cảm, lòng nhân hậu, tình cảm đối với gia đình, thái độ mến khách – đó là một số giá trị đáng quý của nhân dân Nga.

Tất cả những giá trị đó phát sinh từ đời sống tinh thần của họ. Đó là tài sản chung với các dân tộc của thế giới tự do, nhưng lại đang bị Chính phủ Liên Xô khinh miệt.

b/ Những đóng góp lịch sử của nhân dân Nga trong các lĩnh vực sáng tạo khác nhau của thế giới tự do, như: triết học, nghệ thuật và khoa học – luôn được công nhận và tôn trọng.

c/ Việc nghiên cứu văn học Nga cổ điển, triết học chính trị và thẩm mỹ học cho thấy: nước Nga đã tách xa và đang chịu ảnh hưởng của những lực lượng văn hóa, xã hội sáng tạo mà phương Tây đã phát triển. Những lý tưởng thẩm mỹ và chính trị của nhân dân Nga, về cơ bản, cũng như của phương Tây, hoặc chúng cũng xuất hiện từ cùng những cội nguồn tinh thần như vậy, tuy đã bị biến đổi dưới chế độ quốc gia cộng sản, nhưng chưa bị diệt vong. Cảnh báo. Chúng ta không cần phải thái quá khi nói về ảnh hưởng phương Tây và đừng tạo ra ấn tượng cách biệt.

d/ Gia đình Nga dựa trên nền tảng của tình yêu, thái độ tin cậy, giúp đỡ lẫn nhau và sự tôn trọng lợi ích của những thành viên khác. Đó cũng là những giá trị chung với thế giới tự do.

e/ Những mục tiêu để người Xô Viết chiến đấu trong những năm cách mạng – hòa bình, tự do và cuộc sống tốt đẹp cho tất cả mọi người – cũng là quan điểm cơ bản chung với thế giới tự do. Những quan điểm đó đang hàng ngày hàng giờ được thực hiện trong đời sống chính trị của thế giới tự do.

g/ Làm cho nhân dân Nga tin rằng thế giới tự do không hề ấp úy bất kỳ một âm mưu nào chống lại họ hay chống lại đất nước họ; rằng thế giới tự do chỉ dành cho họ những tự do và thịnh vượng trong một thế giới hợp tác và hữu nghị.

- Mỹ yêu chuộng hòa bình, tôn trọng chủ quyền và nền độc lập của các dân tộc và các quốc gia;
- Người Mỹ đang chỉ ra sự khác biệt giữa nhân dân Liên Xô với Chính phủ của họ;



- Mỹ không bao giờ gây chiến tranh với Nga;
- Mỹ từng giúp nhân dân Liên Xô trong chiến tranh thế giới II, ngay từ trước khi Mỹ bước vào cuộc chiến chống Đức;
- Mỹ đã tiếp tục giúp nhân dân Liên Xô cả khi chiến tranh thế giới II đã kết thúc (Chương trình ARA – American Relief Administration – Hỗ trợ của chính quyền Mỹ nhằm khôi phục đời sống những năm 1919-1923);
- Người Mỹ đã cung cấp kiến thức và kinh nghiệm của mình cho việc xây dựng ngành công nghiệp ở Liên Xô;
- Tình yêu đối với kỹ thuật và khoa học trong đời sống hàng ngày là điểm chung của các dân tộc ở Liên Xô và ở Mỹ;
- Cả hai đất nước đều vĩ đại và chúng ta đang xây dựng những kế hoạch vĩ đại;
- Chúng ta có tinh thần chung của những người đi tiên phong;
- Ở Mỹ có hàng nghìn người gốc Nga và Ucraina đang sinh sống. Họ đang thực sự có ảnh hưởng đối với sinh hoạt ở Mỹ;
- Âm nhạc dân tộc Nga và Ucraina rất phổ biến ở Mỹ và trong thế giới tự do; tất cả các trường đại học lớn đều nghiên cứu văn học Nga;
- Các dân tộc của Mỹ và của thế giới tự do đều biết đến lòng quả cảm, nhiệt tình và những khát vọng của những người Xô Viết; nhiều người Mỹ đã công khai bày tỏ sự ngưỡng mộ những phẩm chất đó;
- Mỹ đang giúp mọi dân tộc ở bất kỳ đâu nếu có thể, không phụ thuộc vào việc các dân tộc đó có đồng tình với đường lối của Mỹ hay không;

- Trong nhà hát Mỹ, mọi người luôn học tập hệ thống của Stanislavski (Nhạc sĩ Nga thời Xô Viết) và không hề làm bất cứ điều gì để che dấu nguồn gốc Nga của nó;
- Văn học Mỹ và văn học phương Tây khác hẳn có mặt ở Liên Xô đang tạo ra quan niệm về bản chất Mỹ và thế giới tự do, về những lý tưởng cơ bản mà chúng ta chia sẻ với nhân dân Liên Xô, thông qua các nhà văn Mỹ, như: John Ernest Steinbeck (1902-1968), Epton Bill Sinclair (1878-1968), Mark Twain (1835-1910), J. London (1876-1916), Charls Dickens, v.v... Cho dù một số sách trong đó đi theo khuynh hướng “chống đối xã hội”, chúng vẫn cho thấy niềm tin dân chủ vào tiến bộ xã hội trong thực tiễn;

Trong “Những khuyến nghị cấp bách do Cục “Chiến tranh tâm lý” CIA soạn thảo từ năm 1953, ngay sau khi I. V. Xtalin qua đời, có đoạn: “Nếu như mục tiêu của Mỹ là hành động sao cho trong các thành tựu giành được có những thay đổi trong nội bộ Liên Xô có lợi cho Mỹ, để Mỹ không cần thiết phải áp dụng những hành động đe dọa”.

*Chỉ lệnh N°5412/2 của Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ.*

“Thiết lập và tận dụng những tình huống xung đột đối với chủ nghĩa cộng sản quốc tế, làm suy yếu mối quan hệ giữa Liên Xô và nước Trung Hoa cộng sản, giữa hai nước đó với các nước chư hầu của chúng... Chống lại mọi đe dọa từ phía đảng hoặc từ nhóm các nhân vật đang trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát của những kẻ cộng sản, nếu họ bắt đầu giữ vai trò chính trị quyết định ở bất kỳ nước nào trong thế giới tự do, ở những khu vực đang bị kiểm soát hoặc đang bị đe dọa từ phía chủ nghĩa cộng sản quốc tế. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến bí mật, hỗ trợ cho những phong trào khởi nghĩa và phong trào bí mật”.

(N. V. Zagladin. *Lịch sử những thành công và thất bại của nền ngoại giao Xô Viết*, Nxb. Quan hệ quốc tế, Matxcova, 1990, tr. 185-186.)

*Chỉ lệnh N°68 của Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ.* Được trình lên Tổng thống Truman ngày 7/4/1950 và được phê chuẩn ngày 30/9/1950: “Chúng ta (Mỹ) cần tiến hành cuộc chiến tranh tâm lý công khai nhằm mục đích khơi nên cuộc tạo phản của quần chúng đối với Xô Viết... Gieo rắc những hạt giống phá hoại từ trong lòng hệ thống Xô Viết để buộc Kremli... thay đổi đường lối của nó... Song nếu thiếu sự hỗ trợ quân sự vượt quá mức hiện có và dễ dàng được huy động thì Chính sách “Kiềm chế” – về bản chất, là chính sách cưỡng bức từ từ, có tính toán – chỉ còn là lời nói suông (Blah). Chúng ta cần tiến hành một cuộc chiến tranh tâm lý công khai với mục đích khơi dậy sự tạo phản của quần chúng đối với Xô Viết và phá tan những âm mưu khác của Kremli. Tăng cường những biện pháp và chiến dịch cấp bách, tích cực bằng những phương thức bí mật trong lĩnh vực chiến tranh tâm lý, chính trị và kinh tế với mục đích phát động và hỗ trợ những cuộc đình công và nổi dậy tại những nước chư hầu được coi là chiến lược.

Mục tiêu của xã hội tự do được xác định bởi những giá trị cơ bản của nó và sự cần thiết duy trì môi trường vật chất để thịnh vượng...

1. Chúng ta cần tỏ ra mạnh mẽ trong việc khẳng định những giá trị của chúng ta trong đời sống dân tộc của chúng ta và trong sự phát triển tiềm lực kinh tế, quân sự của chúng ta.
1. Chúng ta cần lãnh đạo việc xây dựng một hệ thống kinh tế và chính trị của thế giới tự do hoạt động có hiệu quả...
1. Nhưng, thông qua việc khẳng định những giá trị của chúng ta, chính sách và hành động của chúng ta phải như thế nào để khích lệ những thay đổi cơ bản trong tính chất của hệ thống Xô Viết, phá tan các âm mưu của Kremli – đó là bước tiến hàng đầu quan trọng nhất đi tới những thay đổi đó. Rõ ràng rằng nó kinh tế nhất, song cũng hiệu quả nhất nếu những thay đổi đó xuất hiện ở mức độ tối đa do kết quả hành động của các lực lượng bên trong xã hội Xô Viết...

Việc phá tan những âm mưu của Kremli bằng cách tăng dần sức mạnh vật chất và tinh thần của thế giới tự do và bằng cách đưa nó vào thế giới Xô Viết sẽ luôn bảo đảm cho thắng lợi. Bằng cách đó, thực hiện những thay đổi trong nội bộ hệ thống Xô Viết”.

*Kế hoạch “Barbarossa” của Mỹ.*

“Khả năng dễ tổn thương lớn nhất của Kremli nằm ngay trong tính chất các quan hệ đối với nhân dân Xô Viết. Các quan hệ đó được biểu hiện bởi thái độ nghi ngờ tất cả, sợ hãi và những cuộc trấn áp... Quan hệ của Kremli với mọi nước chư hầu của mình và với các dân tộc của những nước đó là một chỗ dễ tổn thương khác.

Đối với chúng ta, đường lối đang được thực hiện trong thực tế là hỗ trợ trào lưu tà giáo chia rẽ các nước chư hầu. Dẫu các nước đó chưa thể bị suy yếu, song các tiền đề để chia rẽ vẫn tồn tại. Chúng ta có thể tạo điều kiện khoét sâu những vết nứt đó, mà không phải nhận lãnh bất kỳ trách nhiệm nào về việc này. Còn khi sự tan rã diễn ra, chúng ta sẽ không phải trực tiếp can dự vào việc thách thức uy tín Xô Viết, việc tranh chấp sẽ xảy ra giữa Kremli với biến thái của cộng sản.

1. Cần chấm dứt sự bành trướng tiếp theo của sức mạnh Xô Viết.

1. Cần vạch trần sự dối trá trong những ảo tưởng của Xô Viết.

1. Cần thu hẹp vùng kiểm soát và ảnh hưởng của Kremli.

1. Nói chung, cần gieo rắc những hạt giống phá hoại từ bên trong hệ thống Xô Viết, qua đó buộc Kremli, ít nhất, phải thay đổi đường lối của mình cho phù hợp với chuẩn mực đã được thế giới công nhận”.

# CHƯƠNG IV “LỜI CỦA ALLEN DALLES. NHẠC CỦA RAISA VÀ MIKHAIN GORBACHOV. “CẢI TỐ”. NGƯỜI BIỂU DIỄN ĐẦU TIÊN”

- Ai đã nghĩ ra cải tổ: các nhà khoa học hay một kẻ nào khác?

- Không, không phải các nhà khoa học. Những người này thường thử nghiệm trước tiên trên những con khi.

*Tiểu lâm thời nay.*

“Không, đây không phải là cuộc thử nghiệm liều lĩnh. Đây là một đường lối có cơ sở khoa học”.

B. N. Eltxin

## Mật ước của “những nhà cách mạng cộng đồng”

*Hai đàn chim kền kền, của ta và của người, lượn vòng trên thân thể suy mòn của Tổ quốc. Những đàn chim này không bay riêng lẻ, mà chúng tụ tập thành một đàn.*

*Nikolai Leonid*

Trước khi chúng ta đề cập tới khía cạnh này hay khía cạnh khác trong hoạt động chung của người Mỹ và của một bộ phận lãnh đạo cao cấp nước ta, cần nhớ tới việc hình thành những clann khác nhau ở Liên Xô. Ngoài những nhiệm vụ chung mang tính chất nội bộ hoàn toàn dễ hiểu mà giới lãnh đạo cao cấp đặt ra cho mình, họ còn lo tới vấn đề ban đầu là thiết lập mối quan hệ, sau là những việc đôi bên cùng có lợi đối với các đối tác bên ngoài. Lúc đầu, như bao trường hợp khác đã xảy ra, các lợi ích có thể trùng hợp nhau một cách tình cờ trên một số quan điểm, nhưng sau khi phạm vi các lợi ích mở rộng thì các đối tác chỉ còn mưu lợi riêng.

Nhân đây, vấn đề đặt ra là: Liệu âm mưu chống Liên Xô có phải là chiến dịch đầu tiên của liên doanh Xô – Mỹ “Kremlin – Nhà Trắng” hay không? Cho đến nay và chắc chắn trong tương lai gần không hề có một lời xác

nhận nào từ phía những kẻ chủ mưu. Có những bằng chứng rõ ràng, được nhiều nhà nghiên cứu ủng hộ, cho thấy “cải tổ” không phải là âm mưu đầu tiên của “liên doanh” có thực giữa các thế lực đen tối ở Liên Xô và phương Tây. Theo quan điểm lợi ích chung, ta có thể xem xét những vấn đề như: cuộc khủng hoảng ở Vịnh Caribe, hoạt động đen tối của Bộ Ngoại thương, cuộc chiến Afghanistan, việc bảo đảm tài chính của “các đảng công nhân và cộng sản anh em”, sự giúp đỡ cho “các dân tộc giải phóng”. đặc biệt là trong số những kẻ hiện nay chịu sự bảo trợ của Mỹ.

“Giải tỏa căng thẳng”, “Học thuyết Breznev”, ... chỉ làm giảm bớt mức độ xung đột một cách hình thức. Trên thực tế, bắt đầu có sự nhượng bộ của phương Tây trong những lĩnh vực nguy hiểm nhất. Do mất cảnh giác, dân Liên Xô không hiểu rõ khuynh hướng của sự nhượng bộ này. Đây thực chất là trận chiến đầu tiên có lợi cho các chính trị gia Mỹ. Ngay sau đó, họ tuyên bố tẩy chay Thế vận hội Olympic ở Matxcơva do Liên Xô đưa quân đội vào Afghanistan, đồng thời tuyên bố Liên Xô là “Đế chế độc ác” (Trước đây, những người sáng lập ra chủ nghĩa Mác đã từng gọi đế quốc Nga là “Nhà tù của các dân tộc”). Sau những bước tiến công khai, họ lại mang mặt nạ yêu chuộng hòa bình để tiếp tục những cuộc chiến “ngầm”.

Động cơ của người Mỹ rất rõ ràng. – các quan điểm trước đây đòi hỏi một sự hoàn tất lôgic. Hơn nữa, phương Tây đang đứng trước một cuộc khủng hoảng toàn cầu: “chạy đua vũ trang... đã trở thành trò ngu xuẩn đối với chính Mỹ. Các nhà nghiên cứu chủ đạo của Mỹ đã đi đến kết luận rằng họ không thể giành được chiến thắng trong cuộc chạy đua vũ trang đối với Liên Xô”.

Theo những dự đoán của họ, nếu đến giữa thập kỷ 1990 không xảy ra những thay đổi căn bản, thì ở Mỹ sẽ có một sự bùng nổ lớn về chính trị và xã hội. Lối thoát duy nhất đối với các nhà cầm quyền Mỹ là phá hoại Liên Xô từ bên trong, tìm cho được những đòn bẩy cần thiết tác động vào đó”.

Các nhà nghiên cứu đã không sai lầm: sự phá sản của Liên Xô đã cứu nước Mỹ thoát khỏi một cuộc khủng hoảng và mở ra một kỷ nguyên thịnh vượng mà trước đó họ chưa từng biết đến. Chính vào giữa thập kỷ 1980,

khi Liên Xô rơi vào tình trạng lúng túng trong điều hành quốc gia Xô Viết và nền kinh tế quốc dân, phương Tây đã bắt đầu giải quyết thành công các vấn đề về cải cách cơ cấu kinh tế, giảm được tỷ lệ thất nghiệp xuống mức thấp nhất, nâng cao rõ rệt mức sống cho dân chúng mà không bị lạm phát. Đây là điều mà phương Tây chưa bao giờ giải quyết được thành công đến thế. Phương Tây đã giải quyết được các vấn đề nội bộ của mình mà không bị bất kỳ một chấn động xã hội nào, không phải sử dụng tới nguồn lực hỗ trợ của tầng lớp giàu có trong xã hội. Điều này diễn ra tựa như những ngày khởi đầu của “Điều thần kỳ kinh tế Nhật Bản”. Tóm lại, phương Tây đã giải quyết được các vấn đề của mình nhờ sự sa sút của Liên Xô.

Vậy mối liên hệ giữa lãnh đạo cao cấp hai nước đã được thiết lập như thế nào? Việc thiết lập mối quan hệ chỉ là công việc bình thường của ngành tình báo. Đối với giới lãnh đạo chính thức, mối liên hệ được thiết lập trên cơ sở phụ thuộc vào mức độ cần thiết, không chính thức thông qua việc nối hệ thống liên lạc điện thoại từ văn phòng. Các kênh liên lạc này thường hoạt động tích cực nhất khi bắt đầu những hành động mang tính quyết định.

Những gì liên quan tới một trong số nhân vật được chúng ta chú ý – M. X. Gorbachov, là mối liên hệ không chính thức như vậy là rất rộng. Trên tờ báo “Den” (Ngày) số 22 năm 1993 đã đăng tải 4 bức ảnh với nội dung:

“Những bức hình này của Hãng thông tấn “Gama” (Pháp) do Efimov Abramovich, theo lời họ khẳng định, là nhân viên tình báo KGB đã chụp vào đầu thập kỷ 1970 tại Siciliana. Trong ảnh là Raisa Gorbachova (Phu nhân của Gorbachov). Trong thời gian này, tại Siciliana đang diễn ra cuộc gặp mặt “Những chính khách trẻ”. M. X. Gorbachov lúc đó đang là cán bộ đoàn, thủ lĩnh Đảng của Stavropol. Chính vào thời điểm này, mối liên lạc của “người cải tổ số 1” trong tương lai với giới lãnh đạo chính trị phương Tây được thiết lập, khắc ghi mối quan hệ đặc biệt “Gorbachov – Thatcher[6]“. Như nhiều cuộc tiếp xúc khác, mọi người biết rất ít về cuộc gặp tại Siciliana này. Tuy nhiên, những cuộc tiếp xúc này đã khởi đầu một đường lối “Tư duy mới” và điểm kết thúc là sự biến mất hoàn toàn của Liên Xô”. M. X. Gorbachov, khi là Bí thư phụ trách nông nghiệp, đã có thể công

khai tiếp xúc với người Mỹ. Như, ngày 4 tháng 11 năm 1981, ông ta đã tiếp J. Cristal, theo thông báo chính thức, là chuyên gia về nông nghiệp và nhà hoạt động xã hội. Vào giữa tháng 11 năm 1983, cuộc gặp mặt như vậy lại được tổ chức. Lần gặp này, theo lời mời, còn có Phó vụ trưởng Vụ Quốc tế BCHTW ĐCS Liên Xô A. X. Chernaiev.

Thông qua con đường công khai và không công khai, M. X. Gorbachov đã từng tiếp xúc với người của RAND Coporation. ít nhất có một lần được ghi nhận: ngày 4 tháng 2 năm 1987, Đoàn đại biểu của Hội đồng Quan hệ quốc tế sang thăm Matxcơva. Trong số họ có John Brown Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ trong những năm 1977-1981 (Dưới thời Tổng thống Jimmy Carter), còn vào thời điểm đó đang là thành viên của Hội đồng Bảo trợ thuộc RAND Coporation.

Trong sử sách của chúng ta từng lưu ý tới việc phía Mỹ đã có ý định thiết lập mối liên hệ với M. X. Gorbachov trước khi khởi động công cuộc “cải tổ” không lâu. Năm 1984, – khoảng một năm trước khi M. X. Gorbachov lên nắm chính quyền -tại Geneve, trong quá trình diễn ra Hội nghị về giải trừ quân bị, lãnh đạo phía Xô Viết có Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Liên Xô V. Israelian đã nhận lời mời của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Mỹ (Tại Hội nghị Geneve) Lewis Fields tới gặp mặt “trên cơ sở thông thường”. Theo chính V. Israelian thông báo lại, cuộc gặp đã diễn ra “...tại một nhà hàng ngoại ô thành phố. Trong khi ăn, người Mỹ không thông báo cho tôi điều gì đặc biệt. (...)

Khi tôi chuẩn bị chia tay với Fields, ông ta đã đề nghị tôi cùng đi thả bộ sau bữa ăn.

- Washinhton muốn thiết lập mối tiếp xúc công việc nghiêm túc với ban lãnh đạo Kremli, – Fields mở đầu. – Và Phó tổng thống Bush luôn sẵn sàng gặp một lãnh tụ Xô Viết trong thời gian công cán tại Geneve. Cuộc gặp cần phải mang tính chất riêng, kín đáo nhất. Trả lời câu hỏi của tôi, liệu phía Mỹ định gặp một ai cụ thể trong giới lãnh đạo Xô Viết, Fields đã nói thẳng rằng Phó tổng thống muốn được gặp M. X. Gorbachov với tư cách là một lãnh tụ chắc chắn trong tương lai của Liên Xô.



Tôi lập tức hỏi, tại sao lời đề nghị quan trọng như thế lại thông qua tôi, mà không theo những kênh ngoại giao thông thường – như qua Đại sứ quán của chúng tôi tại Washinhton hay qua Đại sứ quán của các ngài tại Matxcơva. Fields không trả lời trực tiếp vào câu hỏi, ông ta nói rằng mình chỉ thực hiện ủy nhiệm được giao. (...)

Vào đúng thời gian đó Bush đã có mặt tại Geneve. Bài phát biểu tại Hội nghị giải trừ quân bị được ghi nhận vào ngày 18 tháng 4, còn trước hôm đó Xadrudin Aga Han[7] đã gọi điện thoại tới phòng tôi và bí mật thông báo rằng vào chiều ngày 17 ông ta muốn cùng tôi gặp “một người bạn chung của chúng ta”. Vốn là một nhà hoạt động có danh tiếng, suốt nhiều năm liên tục từng hoàn thành nhiều ủy nhiệm tế nhị và trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, Aga Han đã nhiều năm gần gũi với Bush.

Chúng tôi bắt đầu cuộc trò chuyện chỉ với hai người. Bush đề cập ngắn gọn mục đích chủ yếu chuyến đi sang Geneve của mình là đưa ra bản dự thảo hiệp ước về cấm vũ khí hóa học. Khi chúng tôi chuyển sang những vấn đề khác, Aga Han bỏ đi, chỉ còn lại tôi với Bush. Ông ta lập tức chuyển cuộc nói chuyện sang khả năng tiến hành cuộc gặp Xô – Mỹ không chính thức. Bush tái khẳng định ủy nhiệm của mình trao cho Fields và nói thêm rằng địa điểm và thời gian cuộc gặp có thể sẽ được xác định trên cơ sở nguyện vọng và khả năng của hai bên. Những gì liên quan tới nội dung cuộc nói chuyện, nếu tính tới tính chất không chính thức của cuộc gặp theo đề nghị, thì mỗi bên tham gia có thể tùy ý đề cập tới bất cứ đề tài nào. với tư cách của người cùng nói chuyện với mình là lãnh tụ Xô Viết tương lai, ông ta chỉ nêu tên một người. “lãnh tụ sau đây của các ngài sẽ là Gorbachov”, – ông ta tuyên bố một cách tin tưởng. Những lời này đã khắc rất sâu trong trí nhớ của tôi. (...)

Tôi đã hứa với Bush báo cho Matxcơva về lời đề nghị của ông ta.

Một tuần sau, tại Matxcơva, ngay trong cuộc gặp đầu tiên với bộ trưởng, tôi đã báo cáo về lời đề nghị của Bush. Gromyko chăm chú nghe, không ngắt lời cũng không hỏi câu nào. Khi tôi kết thúc bản báo cáo, bầu không khí trong phòng trở nên nặng nề. Vị bộ trưởng nhìn đi đâu đó và suy nghĩ

căng thẳng. Sau đó, ông ta quay về phía tôi, nói: “Thế công việc của anh tại Hội nghị giải trừ quân bị thế nào?”. Tôi hiểu là cuộc gặp đã kết thúc.

Các nhà viết sử của chúng ta đã lưu ý tới “cuộc gặp không tổ chức” này như một “dấu hiệu” của cải tổ. Chuyến viếng thăm “nổi tiếng” tại London, nơi M. X. Gorbachov và phu nhân đã có thể thiết lập mối quan hệ và “làm hài lòng” phương Tây thông qua trung gian M. Thatcher – một nét đặc sắc trong mối quan hệ này... sau đó, sau cái chết của K. U. Chernenko, “Thatcher đã chấp thuận chuyến thăm với một mục đích duy nhất – bày tỏ thái độ kính trọng của mình đối với M. X. Gorbachov. Họ đã có thể ngồi với nhau cả giờ liền, song cùng với họ còn có Chernenko, Andrei Gromyko và phu nhân Andrei Alecxandrov-Agentova, Cố vấn của Leonid Breznev về đường lối đối ngoại. Chẳng làm được gì nhiều”.

Theo thời gian, M. X. Gorbachov đã có nhiều cơ hội hơn. Năm 1991, trong chuyến thăm của Tổng thống Mỹ, “M. X. Gorbachov đã kéo theo mình một số người tin cậy cùng nói chuyện với Bush. Tuy nhiên, trong toàn bộ cuộc nói chuyện họ mắt nhìn mắt, cố xa lánh mọi người ngay khi có cơ hội đầu tiên. Như một lần, sau bữa ăn, khi người phục vụ bàn đang chuyển cà phê cho mọi người, Mikhain Xergeievich đứng dậy, nói:

- Georger (Bush), đề nghị ngài cùng tôi đi dạo.

Họ rời bàn ăn, ra theo lối cửa sau cùng người phiên dịch, bỏ lại đoàn đại biểu của Kremli, bước ra Quảng trường Ivannov. Hai người đã thiết lập được mối quan hệ tin cậy và lúc này đang nói chuyện công khai”.

Người phiên dịch của M. X. Gorbachov là Pavel Palaxenko, – theo trách nhiệm buộc phải im lặng và không nghe – sau này đã được tưởng thưởng bằng cách trở thành thành viên của Quỹ M. X. Gorbachov và thành viên của Hội nghị Hòa bình.

Cuộc gặp mặt trực tiếp với Giáo hoàng Roma John Paul II[8], một người rất thạo tiếng Nga; và cuộc gặp tay đôi với Bush cha trên khoang chỉ huy trên một tàu chiến Mỹ tại Malta đã được mọi người biết đến.

Năm 1991, ngày 24 tháng 1, Đại sứ Mỹ Matlook đề nghị gặp M. X. Gorbachov. Ông ta mang ủy nhiệm thư của Tổng thống Mỹ... về vấn đề Litva và về cuộc chiến chống lại Saddam Husein đã bắt đầu. Cuộc gặp đã được tiến hành không có phiên dịch”. Cần phải nói rằng I. Matlook, như mọi đại sứ Mỹ khác, rất thạo tiếng Nga. Hãng thông tấn TASS đã ra thông báo về cuộc gặp này như mọi cuộc gặp chống Xô Viết công khai khác: “Ngày 3 tháng 1 năm 1991, Chủ tịch ủy ban An ninh quốc gia V. A. Kriuchkov đã tiếp Đại sứ Mỹ tại Liên Xô J. Matlook và đã có cuộc trao đổi với ông ta về rất nhiều vấn đề được hai bên quan tâm”; đã có những cuộc gặp của ba người, V. X. Pavlov đã thông báo về cuộc tiếp xúc với “rabb (ông thầy của mình) là Snaer, Chủ tịch Quỹ “Lời hiệu triệu của lương tâm”, đã từng được cấp cao Liên Xô tiếp, người sau này đã hoàn tất hàng loạt sứ mệnh, trong đó có liên quan tới đường lối kinh tế: “điều làm tôi ngạc nhiên là trong lịch sử Bộ Ngoại giao đã hoàn toàn bác bỏ việc này. Giữa M. X. Gorbachov – Iakovlev và một nhóm người Mỹ đã tồn tại một mối liên hệ độc lập đối với Quảng trường Smolenxk”.

Và đã có cả những cuộc gặp kín: “Theo tin tình báo, KGB có được những thông tin rằng có một nhân viên giàu kinh nghiệm của CIA đã vào Liên Xô với tiểu sử đã được thay đổi để gặp người đưa tin có thể lực trong số công dân Xô Viết. Cuộc gặp đó đã được tiến hành tại Leningrad, những Văn phòng đại sứ Mỹ ở Matxcơva phải chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh cho cuộc gặp này. Tất nhiên, cá nhân viên tình báo CIA đã được theo dõi từ sân bay quốc tế Seremechevo rất chặt chẽ. Mọi điều cần thiết đều đã được thực hiện để phát hiện điệp viên này và định vị ra địa điểm gặp. Tại Leningrad, để hoạch định các biện pháp tìm kiếm, người ta đã cử một trùm phản gián phối hợp với các Chêka địa phương, thiếu tướng V. sau này đã kể với tôi rằng ông ta đã mắc một sai lầm không thể tha thứ được khi nói cho Kalugin biết mục đích chuyến công tác của mình.

- Tôi thật không thể ngờ rằng chính kalugin là một tình báo có nhiều công lao... thiếu tướng, Phó chỉ huy trưởng Cục Leningrad, – ông ta cay đắng. – Tôi hoàn toàn không thể nghi ngờ anh ta...

Tuy nhiên, V. đã không phát hiện được hết mọi tình tiết của chiến dịch. Toán theo dõi Kalugin từ Matxcova tới đã để mất dấu tay điệp viên người Mỹ. Hắn đã bí mật, nhanh chóng chuẩn về Matxcova và sau đó trở về Washinhton.

- Chuyện xảy ra vào hôm thứ tư, – Viên thiếu tướng V. kể. – theo kiểu tình báo truyền thống của CIA, điều đó có nghĩa là cứ thứ tư hàng tuần sau đó Kalugin phải tái khẳng định “tín hiệu nguy hiểm” để thông báo từ bỏ cuộc hẹn.

Kết hợp với nhóm điều tra theo dõi kalugin ở Matxcova, vào thứ tư tuần sau đó, tại một nhà hát đã được người ta đặt dấu hiệu “một cuộc hẹn gặp ảo” với tay tình báo Mỹ đang làm việc dưới bình phong Tổng lãnh sự tại Leningrad.

- Tôi có thể khẳng định 100% rằng tại nhà hát Kalugin sẽ sử dụng tín hiệu quy ước hoặc một vật nhất định trên trang phục để phát “tín hiệu nguy hiểm” nhằm thông báo cuộc gặp có thể rơi vào tầm ngắm của cơ quan phản gián. – Viên thiếu tướng V. kể lại.

Kalugin cũng hiểu được thế “dưới nơm” của mình. Chính “sơ xuất” của Tướng V. đã làm cho Kalugin hoảng sợ tới mức buộc phải thú nhận với KGB rằng tay điệp viên người Mỹ ở Leningrad cần gặp chính mình, mà không ngờ chính tay điệp viên đó cũng đã phát tín hiệu nguy hiểm theo quy ước cho mình.

Ngay sau đó, Matxcova đã ghi nhận được cuộc gặp giữa Kalugin với bạn cùng khóa tại Trường đại học tổng hợp Columbia (Mỹ), ủy viên Bộ Chính trị BCHTW ĐCS Liên Xô A. N. Iakovlev. Theo lời của Tướng V., KGB cũng đã biết Iakovlev là điệp viên của CIA, song giả thiết này buộc phải loại bỏ vì cương vị quá cao của ông ta ở Quảng trường Xtaryi. Hơn nữa, kết quả cuộc gặp giữa hai “người Columbia” cũng khá bất ngờ.

Kalugin trở về Leningrad và lập tức gửi thư tới hai địa chỉ (BCHTW ĐCS Liên Xô và KGB Liên Xô) buộc tội ban lãnh đạo Cục tình báo vượt thẩm quyền và cản trở công việc... Sau đó nộp đơn xin chuyển khỏi KGB.

Như vậy, hành động buộc phải diễn ra vào tháng 6 năm 1991, khi đáp lại lời phát biểu tại phiên họp thường kỳ của Xô Viết tối cao Liên Xô, Thủ tướng V. P. Pavlov có yêu cầu trao cho mình toàn quyền “... Thị trưởng Matxcơva Popov (...) đã yêu cầu người Mỹ nhanh chóng hỗ trợ để Xô Viết tối cao Liên Xô bác bỏ yêu cầu đối với Thủ tướng trao khả năng để ổn định trong nước. Để làm được điều này ông ta đã ngay lập tức một mình tới gặp Đại sứ Mỹ là Mr. Matlook. Như vậy có nghĩa là ông ta hiểu rằng mình phải có đồng hành cần thiết. Tôi nghĩ rằng Popov đã có khá đủ thông tin về mức độ ảnh hưởng đối với khối đại biểu và đối với một số nhà hoạt động chính trị uy tín khác của Liên Xô. Lời khẳng định hiện nay của ông ta là ông ta đến đây chỉ để thông báo kịp thời cho Eltxin lúc đó đang ở Mỹ... Popov rất có ý thức khi trao thông tin này cho phía Mỹ bởi, với ông ta, nó tạo ra một sức ép cần thiết đối với những người nắm trong cơ cấu quyền lực của Liên Xô. Những toan tính của Popov cho thấy rằng người Mỹ rất cần tới cá nhân Gorbachov... Gorbachov xuất hiện, nói đủ điều như mọi khi, bằng những lời rục rủa mà chẳng về cái gì cả, rồi phán xét các vấn đề như kiểu ở trên trời. Điều đáng ngạc nhiên, nhưng là sự thật – Xô Viết tối cao Liên Xô không “gật” mà cũng chẳng “lắc”. Hội chứng – nói chung không thông qua quyết định nào hết, còn thảo luận”. M. X. Gorbachov, như chúng ta thấy, luôn xử sự phù hợp với thực tế điều hành những quyết định nửa vời, hết như “chiếc xe cứu hỏa”, xuất hiện chỉ để dập tắt những âm mưu nhỏ nhất hòng loại bỏ ông ta ra khỏi quyền lực.

Một mối quan hệ khác: E. A. Sevardnadze – G. Baker. “Baker đã từng đề nghị thiết lập một kênh chính thức để “trao đổi” thông tin và những dữ liệu phân tích về các sự kiện nội bộ trong hai nước ở cấp bộ trưởng. Trên thực tế, bằng cách này Baker đã đề nghị một phương thức, để Xô Viết có thể sử dụng mà không bị mất mặt, là nhận từ Hoa Kỳ những khuyến nghị về tiến hành cải cách kinh tế. Một thái độ cởi mở hiếm có trong tư cách vô liêm sỉ của chú Sam.

Sau khi Liên Xô tan rã, những cuộc gặp chưa được phê chuẩn hoặc gặp mặt không có người chứng kiến dường như đã trở thành chuẩn mực. Bản

thân Eltxin đi gặp có mặt cả người phiên dịch, nhưng người phiên dịch lại được người ta bố trí đứng ngoài cửa để đề phòng anh ta phải nghe thấy những điều thừa. Những cuộc gặp như thế cũng không phải hiếm trong quan hệ quốc tế.

“... Nguyên Thủ tướng Egor Gaida thường xuyên tới thăm đại sứ quán Mỹ tại Matxcơva và trò chuyện với ngài Đại sứ Matlook như một người bạn lớn của chính Gaida và của toàn thể nhân dân Nga. Về những chuyện gì thì không ai giải thích cho biết. Những thông tin trong các cuộc tiếp xúc như thế không được đăng tải trên báo chí. Nhưng vào thời điểm đó Gaida đã là một nhân vật chính thức.

Trung tướng an ninh N. X. Leonov đã lý giải “hiện tượng” này khi thông báo: “Trên toàn thế giới người ta chấp nhận kiểu trò chuyện này, nếu như anh có đủ tư cách là người chính thức hay là quan chức chính phủ. Hai bên đưa ra những vấn đề gì, chúng ta có trách nhiệm gì – những điều đó không còn là của cá nhân. Những người đầu tiên vi phạm điều này là Gorbachov và Sevardnadze. Họ thường xuyên tiến hành các cuộc đàm phán mà nội dung không được ghi vào biên bản. Họ thường không sử dụng phiên dịch người mình. Không một ai trong nước chúng ta biết được nội dung các cuộc trò chuyện của họ. Trong quá trình những cuộc trò chuyện như thế họ luôn tự do sử dụng trách nhiệm của quốc gia, nhưng lại không cho ai biết về nội dung của chúng.

Tuy việc đăng tải những tin tức như thế bị cấm, nhưng vẫn có một vài tư liệu đã được làm rõ, cho dù không có lợi cho những nhân vật cao cấp: “... Trong thời gian Gorbachov ở Đại sứ quán Mỹ thường có một số trí thức theo khuynh hướng tự do, những cốt cán tương lai của cải cách cũng được mời dự”, “Theo thông tin thu được của Washinhton từ một nguồn gần gũi với CIA, Thủ tướng Liên bang Nga Xtepasin, thông qua chương trình chính thức, đã có hai cuộc gặp bí mật không có phiên dịch tại một Vila (biệt thự) ở ngoại ô với (Tổng thống) Clinton...”.

Liệu có cần nhắc tới việc N. X. Khrusov, vào thời của mình, cũng đã có những kênh giao lưu “không chính thức” với phương Tây thông qua chàng

rẽ A. I. Adzubei không?

Cũng có đôi khi, do áp lực tâm lý, chính họ đã nói ra sự thật. “vào tháng 5 năm 1993, Gorbachov trong một chuyến thăm Pháp đã trả lời các câu hỏi về khả năng “hỗ trợ bên ngoài” trong việc xóa sổ Liên Xô. Ngay từ đầu ông ta đã khẳng định rằng những ảnh hưởng bên ngoài có vị trí của nó nhưng chỉ như một yếu tố khách quan. Tuy nhiên, điều này cũng đủ để báo “Le Figaro” giật tít bài phỏng vấn Gorbachov rất kinh: “Cần đánh giá xứng đáng Ronald Reagan”.

Trong bài phỏng vấn này, – theo tuyên bố của phóng viên “Le Figaro”, – Gorbachov lần đầu tiên công nhận rằng trong cuộc gặp với Reagan tại Reykjavik ông ta trao Liên Xô vào tay Hoa Kỳ. Nguyên văn của ông ta là: *“Reykjavik thực sự là một vở kịch, vở kịch lớn. Bạn sẽ nhanh chóng hiểu tại sao. Tôi cho rằng không có một cá tính mạnh mẽ như Ronald Reagan, tiến trình sẽ không thay đổi... trong cuộc gặp này ở cấp cao chúng tôi, các bạn có biết chẳng, đã tiến xa tới mức không thể quay trở lại...”*. Người đầu tiên “soi sáng” thời điểm ấy là Ronald Reagan, đã kể lại trong hồi ký của mình rằng ông ta đã thực sự bị sốc vì vui mừng – thực ra ông ta đến cuộc gặp ấy mà không tin rằng tại Reykjavik Gorbachov đã trao sự đồng tình của một bộ phận chống Xô Viết của giới thượng lưu Matxcơva về việc phá tan Liên Xô.

Bên cạnh đó, vào tháng 6 năm 1983, có mặt tại lễ tang Tổng bí thư Enriko Berlinguer của BCHTW ĐCS Italia, M. X. Gorbachov, trong bài phát biểu của mình, đã từng nói: “Enriko thân mến, chúng tôi sẽ không bao giờ quên những lời khuyên của anh về sự cần thiết dân chủ hóa đất nước chúng ta”.

## **Quan điểm hệ thống về thất bại của Liên Xô**

Về nhiều mặt, điểm này là hòn đá tảng trong mặt bằng phương pháp luận về những sự kiện đã diễn ra cũng như trong mặt bằng viết cuốn sách này. Trong khuôn khổ của nghiên cứu này nó soi sáng những khái niệm về hệ thống, quan điểm hệ thống nói chung, quan điểm hệ thống đối với hệ thống

xã hội nói riêng. Chúng tôi coi những đặc tính của Liên Xô như của một hệ thống xã hội nhằm làm rõ khả năng tan rã của hệ thống như thế nào sau khi đã mô tả tính liên tục của những hành động đã từng áp dụng nhằm làm rã hệ thống của đất nước.

Hệ thống là gì? Hiện có tới hàng chục định nghĩa khái niệm “hệ thống” – thuộc chuyên ngành hẹp hoặc triết học. Trong hàng loạt định nghĩa gần phạm trù này với các chuẩn triết học, có những định nghĩa cơ bản, khởi đầu như:

1. “Hệ thống là tổ hợp các thành tố tương tác” (*Liudvik phon Bertalanfly, 1901-1972, người đưa ra học thuyết chung các hệ thống đầu tiên vào khoa học hiện đại*).

1. Rất nhiều thành tố được sắp xếp theo một cách nhất định có quan hệ tương tác với nhau và tạo thành một số khối thống nhất toàn vẹn” (*V. N. Xadovxki*).

1. “Hệ thống là rất nhiều thành tố tương tác hạn chế” (*A. N. Avierniakov*).

Trong tất cả những định nghĩa này cùng chung những khái niệm “thành tố” và “tương tác” (“mối liên hệ”). Chất lượng của hệ thống được bao gồm bởi số lượng và bản chất các thành tố và đặc tính các mối liên hệ giữa các thành tố. Các chuyên gia theo quan điểm hệ thống thường coi hệ thống như một toàn thể. Như một đám đông tụ tập trên phố, mặc dù không có “những thành tố” được biểu hiện rõ, song vẫn có thể được phân tích dưới góc độ của quan điểm này để tách ra một yếu tố nào đó cấu thành hệ thống. Ngoài ra, còn có những định nghĩa khác của thuật ngữ “hệ thống” nữa.

Bất cứ một hệ thống xã hội – nếu tính đến sản phẩm do con người sản xuất ra, ta có thể gọi nó là “kỹ thuật – xã hội” hay “kinh tế – xã hội”, – cũng cấu thành gồm: *trung tâm* điều khiển – thông tin; *các phân hệ*, còn ở cấp độ thấp nhất của thang bậc (theo quan điểm này, không thể chia nhỏ hơn nữa các thành tố); *tới lượt* mình, phạm vi điều khiển bao gồm trong nó



*khách thể* và *chủ thể* điều khiển (Chủ thể điều khiển còn được gọi là trung tâm điều khiển – thông tin), cũng như *các kênh liên lạc* và *kho tàng ý niệm* (thesaurus); *những thành tố vùng biên* – theo quan điểm hệ thống, được coi không chỉ là những định chế quốc gia đặc biệt – bộ đội biên phòng, hải quan, đại sứ quán, v.v..., mà còn là bất cứ thành tố nào vào thời điểm tiếp xúc với đại diện môi trường bên trong; *các mối quan hệ bên trong* và *bên ngoài*, cũng như *cơ chế quan hệ* giữa các thành tố; *việc phân phối các nguồn* thông tin, tài chính, vật chất, ... lợi cho nhóm này và hại cho nhóm khác, làm cho các mâu thuẫn bên trong tất yếu nảy sinh.

Những dấu hiệu cơ bản của một hệ thống xã hội là: tính phức tạp của hệ thống, sự hiện diện của việc sắp xếp mục tiêu của các phân hệ được lựa chọn tùy ý, của các thuộc tính; để sức sống cao hơn cần có tính linh hoạt của hệ thống trong quan hệ đối với các hệ thống như vậy từ bên ngoài, trong sự phát triển các hệ thống luôn có các quá trình và chu kỳ, các khuynh hướng hướng tâm và ly tâm đối với trung tâm, phương thức áp dụng những thành tố khác và thông tin từ môi trường bên ngoài cùng phương thức Entropi[9].

Hệ thống Liên Xô cũng như vậy. Trung tâm của nó là bộ máy BCHTW ĐCS Liên Xô, nơi đưa ra toàn bộ thông tin và thông qua những quyết định về đường lối đối nội và đối ngoại, kinh tế, tư tưởng, quốc phòng và an ninh, cũng như một phần hạn chế về công việc của các nước Đông Âu, châu Á, châu Phi và châu Mỹ La tinh. Phạm vi điều khiển này được hình thành từ thời I. V. Xtalin và được duy trì một cách hình thức.

Giữa môi trường hệ thống và môi trường bên ngoài tồn tại những mối quan hệ thương mại và chính trị. Phương Tây và Liên Xô đã tiến hành một sự trao đổi hàng hóa không bình đẳng, còn Mỹ thì đã đẩy “chiến tranh lạnh” tới ranh giới của nhất cuộc chiến tranh thông thường. Liên Xô vào lúc đó là một phân hệ của: 1- hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới (theo quan điểm chính trị); 2- Hội đồng Tương trợ kinh tế (theo quan điểm kinh tế); 3- Tổ chức Hiệp ước Varsava (theo quan điểm quân sự). Ở đây, cần lưu ý tới

việc vào đầu những năm 1989-1990, các siêu hệ thống này đã bị phá vỡ, để rồi sau đó đến chính Liên Xô cũng tan rã.

Ở thang bậc thứ hai, dưới Liên Xô có 15 nước cộng hòa liên bang. Những phân hệ này khác biệt nhau cơ bản bởi truyền thống dân tộc. Trong đó, đến năm 1991 có tới 25 triệu người Nga đang sinh sống ngoài ranh giới nước cộng hòa của mình.

Đương nhiên, trong các mối quan hệ luôn tồn tại khuynh hướng lý tâm và hướng tâm, song xung đột rõ rệt trên nền tảng này là ít, không đáng kể. Từ năm 1922 đến cuối năm 1985, xu hướng hướng tâm đã diễn ra rất rõ rệt, còn mọi khuynh hướng ly tâm thì đã bị chính quyền trong giai đoạn 1922-1953 trừng phạt rất khốc liệt. Trong khi đó, một bộ phận trong các nước cộng hòa lại luôn chịu những ảnh hưởng khác nhau từ bên ngoài: ba nước cộng hòa vùng Ban Tích và vùng Kalinigrad của Cộng hòa liên bang Nga hình thành nên một phân hệ; Moldova thì chịu ảnh hưởng của nền cận văn minh phương Tây rất mạnh; vùng Trung Á, Kazakstan và Azerbaidzan lại chịu ảnh hưởng của nền cận văn minh phương Đông và Hồi giáo. nhiều clann quyền lực cũng được hình thành theo hướng phi trung tâm hóa như: Dnepropetrovsk (Kiev) – Ucraina; Xverdlovsk – Ural; Xtavropol – Bắc Kavkaz; Leningrad; Matxcova.

Liên Xô vốn là một hệ thống hướng tâm. Tuy nhiên, với mục tiêu tuyên bố là xây dựng chủ nghĩa cộng sản, nó đã mắc sai lầm vì tính trừu tượng.

Sự phân ly hệ thống đã diễn ra theo cách sau:

*Giai đoạn “nhập vào – Liên Xô, năm 1985”*, nó là một trung tâm mạnh, thống nhất. các phân hệ chỉ có mối quan hệ với mình nó. Các mối quan hệ bên ngoài là chung. Tồn tại đường biên giới thống nhất.

Để lật đổ hệ thống xã hội này cần phải chiếm được trung tâm điều khiển – thông tin. Kích thích những mâu thuẫn nội bộ, tăng cường khuynh hướng ly tâm – làm suy yếu khung hướng hướng tâm. Làm suy yếu trung tâm cũ – tăng cường những trung tâm mới, kích động những khuynh hướng ly tâm mới xung quanh các trung tâm mới. Tiến hành phá hoại các mối quan hệ

của các dòng thông tin, tài chính, vật chất từ trung tâm cũ. Hình thành nên những mối quan hệ mới: ban đầu chỉ cần ở mức không chính thức – không hợp pháp; sau đó, gấn cho chúng một hình thức hợp pháp. Cần nhận thức rằng, khi hệ thống ở trong tình trạng ổn định (các chỉ số của khuynh hướng hướng tâm luôn chiếm ưu thế đối với khuynh hướng ly tâm), thì xung đột với bên ngoài thường được duy trì ở mức cao nhất. Trong tình trạng xuất hiện khuynh hướng tan rã, xáo trộn (khuynh hướng ly tâm thống trị khuynh hướng hướng tâm) thì sẽ xuất hiện những hiện tượng độc lập: các xung đột giữa các phân hệ bị khoét sâu, nếu không ngăn chặn được, chúng sẽ tiến xa tới mức tan rã thành những thành tố riêng lẻ (Nguyên tắc “tất cả chống tất cả”). Đó là một “khuynh hướng xung đột hệ thống” đặc biệt. Thực hiện hiện tượng cộng hưởng để đưa đến phá tan hoàn toàn các mối quan hệ cũ. Phá tan hoàn toàn những mối quan hệ bên trong, lập ra các trung tâm mới mang hình thức hợp pháp, thiết lập những biên giới mới – tạo dựng ra các vụ xung đột với số lượng tối đa có thể, thiết lập mới những mối quan hệ độc lập với bên ngoài.

*Giai đoạn “Tách ra – các nước SNG (Cộng đồng các quốc gia độc lập), năm 1991”.* Mỗi trung tâm trong số các trung tâm đều có những mối quan hệ của mình với bên ngoài. Những biên giới mới với định chế biên giới cũ và mới vẫn giữ nguyên. Cần chú ý tới sự phân chia hệ thống sẽ dẫn nó tới tình trạng “số không hoàn toàn” – tình trạng “một tập hợp những hệ thống mới” mà một số trong đó không còn nguyên vẹn, nghĩa là những thông số bền vững nhất chỉ bình đẳng với hệ thống trước đó về tổng số hình thức.

Để làm rõ hơn tính chất hệ thống của sự phân chia Liên Xô, chúng ta cần thấy rằng, *thứ nhất*, nghiên cứu này của chúng tôi chính là nhằm hình dung ra việc một hệ thống như Liên Xô đã bị chia xẻ như thế nào; còn *thứ hai*, chúng tôi khắc họa tất cả đặc điểm của thảm họa như của tính chất hệ thống.

Đặc điểm thất bại của Liên Xô là nhân tố các nước cộng hòa đã đóng một vai trò rất to lớn so với các nhân tố khác. Các nước cộng hòa vốn đã có tất cả những đặc tính mang tính chất quốc gia từ trước khi chúng thành lập

ra bộ ngoại giao của mình. Bên cạnh đó, các nước cộng hòa Liên bang Nga, Ucraina, Belarus đã có đại diện của mình tại Liên Hợp Quốc. Sức mạnh hỗ trợ cho sự tan rã của Liên Xô (cấp 1) thành 15 nước cộng hòa liên bang độc lập (cấp 2) là khuynh hướng ly khai trong nội bộ các nước cộng hòa tự trị (cấp 3) và khuynh hướng hình thành lãnh thổ khác trong từng nước cộng hòa. Để làm được điều này, người ta đã thực hiện nhiều biện pháp khác nhau, trong đó có cả những biện pháp “hợp pháp”: vào tháng 4 năm 1990, Xô Viết tối cao Liên Xô đã thông qua quyết định về tăng cường định chế thành tổ tự trị lên mức cộng hòa.

Chúng ta còn nhận thấy rằng đối với Liên Xô còn có thể có theo những cách duy nhất khác như: bị các nước nuốt dần (tám gương lịch sử đã từng diễn ra vào cuối thế kỷ XVIII); phương án quân sự – trong trường hợp nếu giới cao cấp quân sự có một vai trò rõ rệt hơn (như ở Trung Quốc vào đầu thế kỷ XX); phương án thuần túy sắc tộc với những thành tố phân chia theo các tín ngưỡng tôn giáo (như Ấn Độ và Pakistan), khi đó sự phân chia sẽ diễn ra theo đường biên giới: vùng Ban Tích (gồm Latvia, Litva, Estoni), Đại Nga (gồm Nga, Ucraina, Belarus), ngoại Kavkaz (gồm Azerbaidzan, Armeni, Gruzia) và “Đại Tirana” (Kazakstan, Kirgizi, Tadzikistan, Turkmeni, Uzbekistan). Azerbaidzan hồi giáo có thể thuộc số này. Trong trường hợp này, vấn đề đối với Moldavi còn để mở. Liệu các bộ tham mưu của cải tổ bên kia đại dương có từng xem xét tới những phương án như thế không?.

Trung tâm điều khiển – thông tin đã bị đánh chiếm hoàn toàn. Các chuyên gia điều khiển dễ dàng nhất trí với sự thật này: trung tâm đã ngừng phản ứng đối với các đòi hỏi từ bên dưới hoặc toàn đưa ra những thông tin không phù hợp với tình hình thực tế.

Những khuynh hướng ly tâm đã xảy ra, những khuynh hướng hướng tâm bị suy thoái. Lần đầu tiên những khuynh hướng ly tâm được biểu hiện ra ở cấp độ các nước cộng hòa liên bang (Kazakstan, tháng 12 năm 1986).

Trong những năm 1988-1991, trong các nước cộng hòa liên bang đã diễn ra những quá trình hình thành của những tầng lớp thượng lưu mới về mặt

chất lượng. Nhiều tầng lớp thượng lưu có sức mạnh hành chính khu vực, kinh tế (và cả tài chính thông qua các ngân hàng) đã hình thành. Nhiều nhóm đại biểu và quân nhân đã chuyển sang tuyên thệ với chính quyền mới. Tại Litva thậm chí đã xuất hiện cái gọi là Nghị viện Bảo vệ khu vực trước khi nó tuyên bố “độc lập”. Điều này cho ta liên tưởng tới sự hình thành các cơ cấu quốc gia của Israel – cơ quan tình báo MOSSAD được coi là “cao niên” hơn chính quốc gia này.

Chính tại Matxcơva cũng đã hình thành một trung tâm điều khiển độc lập từng thu tóm cả những chức năng toàn liên bang – nó tồn tại như một trung tâm quyền lực song hành. giới thượng lưu ở các nước cộng hòa đã ngừng cung cấp nguồn lực, kể cả về tài chính vào ngân sách toàn liên bang. Vùng Ban Tích đầu tiên thiết lập hải quan của mình, và sau đó, để tránh không gây ra một vụ scandal không cần thiết, căn cứ vào “những cơ sở pháp luật”, theo Quyết nghị của Đại hội đại biểu nhân dân lần thứ nhất về thử nghiệm kinh tế, nó đã thực hiện cả những phương thức khác. Nó ra sức thu nhận mọi nguồn lực từ ngân sách liên bang và giang tay trả lời Matxcơva rằng “không có nguồn lực”. Bởi giờ đây, những vấn đề mà trước kia bí thư thứ nhất khu ủy đã giải quyết ở Matxcơva, đã bắt đầu được giải quyết ở cấp thấp hơn.

Do tính chất trong cơ cấu nội bộ của Liên Xô, không hẳn sự ly khai của lý trí xã hội, mà chủ yếu sự thất bại của cốt lõi tạo nên hệ thống thống nhất là ĐCS Liên Xô[10] chính bằng con đường phê chuẩn sự đa đảng và để mất đi tính chính thống (ở Nga, tính chính thống được hình thành nên không phải thông qua những thủ tục pháp luật, mà thông qua quyền lực lịch sử đối với chính quyền; và ĐCS Liên Xô đã có quyền lực đó bằng lịch sử do thông qua cuộc đấu tranh chống chế độ nga hoàng trong thời kỳ bí mật, thông qua cách mạng, thông qua cuộc nội chiến, thanh lọc, những thành tựu trong công cuộc công nghiệp hóa và tập thể hóa, thông qua những nạn nhân của những năm chiến tranh vệ quốc, qua phục hồi kinh tế, thành tựu vũ trụ và lá chắn hạt nhân).

Trong 1988 và vào nửa đầu năm 1991, trước hết là hệ thống vững chắc thông qua sự tụt hậu dần dần (còn gọi là cơ chế trượt dốc) đã dẫn đến tình trạng cân bằng không bền. Đến nay, tuy không có gì được coi là yếu, song chỉ bằng một đòn tấn công có tính toán chính xác vào hệ thống phức tạp này đã đủ loại nó ra khỏi tình trạng ấy. Để thực hiện được một hành động cần giải quyết một số nhiệm vụ, trong đó có việc thu xếp vị trí cho giới thượng lưu của trung tâm đang chống lại sự sụp đổ – đó là loại họ khỏi cuộc chơi, chấm dứt khả năng hành động của họ. Cần phải chuyển toàn bộ quyền lực sang trung tâm khác. Điều đó đã được hoàn thành vào tháng 8 năm 1991.

Vấn đề còn lại chỉ mang tính hình thức – “chia tay Xô Viết”, bắt đầu từ những phân hệ cộng hòa phía Tây, kết thúc những mối quan hệ còn lại, hoàn thành việc lập nên những trung tâm mới, khoác cho chúng một hình thức hợp pháp và cuối cùng là báo cáo với “kẻ làm thuê” – Mỹ.

Sự cân bằng của những khuynh hướng hướng tâm và ly tâm được xây dựng nên sao cho những hệ thống kém mạnh, sau khi tách ra khỏi trung tâm trước đó đang suy yếu, sẽ rơi vào phạm vi ảnh hưởng của những trung tâm khác mạnh hơn. Trong trường hợp này, khi rời bỏ ảnh hưởng hướng tâm của Matxcơva, những quốc gia mới hình thành tất yếu sẽ rơi vào sự lệ thuộc thực dân của thế giới bên ngoài: những nước cộng hòa thuộc Ban Tích, Ucraina và Moldavi “nằm dưới” Berlin; những nước cộng hòa ở ngoại Kavkaz, Trung Á và Kazakstan – dưới Ankara (Thổ Nhĩ Kỳ) và Er-Riad (Ả rập xêud); còn tất cả và Nga – dưới Washinhton. Tuy nhiên, khuynh hướng hướng tâm, do mối quan hệ lịch sử lâu đời mạnh mẽ, đã “không chết hẳn” và thậm chí cho đến nay trong các phân hệ “bảo thủ” như: Pridnestrovie, Abkhaza, Nam Oseti, Belarus vẫn thể hiện sức mạnh hướng tâm về phía Matxcơva (dẫu nó đã thay đổi).

Vì sao điều đó lại thành công vào những năm 1985-1991? Chính bởi trước đó, từ những năm 1953-1985, đám kẻ thù giấu mặt đã chiếm lĩnh được những vị trí then chốt trong trung tâm điều khiển – thông tin, làm thay đổi những chức năng đã thành nền nếp theo hướng có lợi cho chúng, chiếm

lĩnh lĩnh vực bảo hiểm, ngăn chặn các kênh thông tin và cung cấp nguồn lực vật chất, làm thay đổi cơ chế điều hành, kiểm soát, không cho phép các trung tâm yêu nước hình thành song song, trong khi chúng ra sức thiết lập các trung tâm của chúng.

Chính sự hiện diện của “yếu tố bên ngoài” có tính hệ thống sâu sắc cũng giữ một vai trò đặc biệt trong sự thất bại của Liên Xô. “Tính nội tại” của một hệ thống trong một hệ thống khác (ở đây chúng tôi chỉ phân tích theo kiểu “một chọi một” – đó là phương Tây – Liên Xô) chiếm tới một nửa trọng lượng trong mọi sự kiện, từ những sự kiện rõ ràng nhất cho đến những sự kiện chưa được biết tới, mà chính những tác giả “thâm nhập sâu” cũng không thể hình dung hết. Những người này không thể hình dung được hết vì họ không tiến hành âm mưu đó từ đầu mà chỉ tham gia vào m công đoạn nào đó, sau khi thực hiện các kế hoạch, họ có thể coi đó là hiệu quả tự nhiên. Những cuộc tiếp xúc bí mật trong khuôn khổ những cuộc gặp chính thức của M. X. Gorbachov với các thủ lĩnh phương Tây chính là những hiện tượng thuộc loại này vào giai đoạn 1985-1991: “Ông ta đã có những cuộc gặp cá nhân “dưới những ngọn cờ khác nhau”, những không một ai được biết về điều đó”. Những cuộc tiếp xúc như thế đã dẫn đến việc trong báo chí Xô Viết đã bắt đầu xuất hiện ngày càng nhiều những tư liệu về những kẻ thù hiển nhiên trước đây đang trở thành “những người bạn”, và điều đó lại hoàn toàn hợp pháp – không được phép bôi nhọ những người vẫn thường xuyên lui tới “làm khách” của chúng ta. những kẻ này, chắc chắn là không có ý định từ bỏ các học thuyết chính trị – quân sự trước đây của chúng, và những sự thay đổi trong mối quan hệ tương quan chỉ diễn ra ở phía khác. Sự mềm hóa chế độ đã diễn ra thông qua việc cho phép tiếp xúc với những thông tin mật của chúng ta chỉ bằng một giả thiết rằng “những cái đó họ đã công khai hết cả rồi!”. Một thí dụ hùng hồn khác là sự tấn công vào mặt trận văn học, văn hóa, du lịch (đối với một số người), truyền hình (tới tất cả mọi người), trong đó kể cả việc cho phép phát cầu truyền hình.

Rốt cuộc, trên sân khấu cũng xuất hiện cả những nhân vật trực tiếp làm việc cho CIA để điều tiết các tác động từ bên ngoài. Dần dần, “các thông tin tác động” đã thực sự chiếm được toàn bộ không gian thông tin, trong những điểm then chốt cần thiết nhất. Có một điều rất đặc sắc là chúng đã trình độ thăm dò dư luận xã hội về biểu hiện phản ứng của dân chúng đối với những khuynh hướng căng thẳng đang gia tăng. Để rồi, có điều gì vượt ra ngoài tầm kiểm soát, chúng lại đưa ra những lời cam đoan về tính đúng đắn của đường lối đã được lựa chọn nhằm xoa dịu. Trong số những thủ thuật thăm dò đó, có thể dẫn ra những bài phát biểu định kỳ trên truyền hình về thảm họa sắp tới, như bài phát biểu của Chủ tịch KGB Liên Xô, Đại tướng V. A. Kriuchkov vào tháng 12 năm 1990; hay lời hiệu triệu của nhóm những người hoạt động văn hóa “Lời gửi nhân dân”. Đáp lại – chỉ là sự thờ ơ của một bộ phận dân chúng đã cam chịu với sự tước đoạt và đã quen với suy nghĩ rằng “nội tình” đó dường như chỉ là kinh tế, địa lý, nhu cầu tiêu dùng. Trong xã hội đã xuất hiện những biểu tượng thù địch của chủ nghĩa xiônit, chủ nghĩa phát xít, Mỹ, hội tam điểm. Rốt cuộc, thay vì phải phản ứng, phần nộ – dân chúng đã tỏ ra cam chịu (tolerant).

Sự phân ly của hệ thống khác đã diễn ra thông qua các phân hệ bí mật đã tách ra khỏi hệ thống vật chất cơ bản cùng như các phân hệ khác ẩn sâu trong nó: thông qua giới lãnh đạo đảng – lớp thượng lưu quyền lực thường đưa ra các quyết định vụ lợi và tiếp xúc với bên ngoài nhiều hơn với chính nhân dân mình); thông qua KGB Liên Xô (những kẻ thực sự có những thông tin mật); qua những cán bộ khoa học (những kẻ có thông tin phương pháp mật); qua những kẻ có liên hệ mật thiết với israel; qua các nước vùng Ban tích (một phân hệ của văn minh phương Tây còn nằm dưới quyền tài phán Xô Viết), những kẻ dấu mặt trong xã hội Xô Viết và giới trí thức dân tộc. Tất cả những phân hệ đó là các chất xúc tác cho tiến trình, chúng kéo bộ phận dân chúng tích cực nhất vào quỹ đạo của mình thông qua giới báo chí.

Nhiều chuyên gia hệ thống đã đề cập tới những đối tượng “... có khả năng hoạch định những hành động khác nhau đang diễn ra trong hệ thống.



Các đối tượng hoạch định của nhóm này có thể là đối tượng từ những nhóm khác nhau. (...) Trong thế giới động vật, trong xã hội con người, các đối tượng hoạch định và bị hoạch định đang được hình thành nên từ cùng một nhóm. Tuy nhiên, vẫn có những ngoại lệ. Trong đàn cừu, con đầu đàn có thể là con dê. Như mọi người vẫn nói mà không cần giải thích thêm.

Nhân vấn đề này, chúng tôi cần nêu ra một tra cứu khách quan về mtg bên ngoài và về mức độ chấp nhận sự thâm nhập của các thành tố bên ngoài vào hệ thống. áp dụng vào trong hệ thống xã hội phức tạp, về mặt nguyên tắc, không chỉ là có thể mà còn là cần thiết. Hơn nữa, sự thâm nhập của những thành tố bên ngoài không phải bao giờ cũng là có ý đồ độc ác nào đó (phương pháp luận biện chứng và xung đột học cũng xây dựng trên nền tảng này), đôi khi những thâm nhập ấy không với ý đồ độc ác mà thậm chí còn được một hệ thống đang phát triển thành công chủ động thu hút phần hữu ích của nó.

Hệ thống không thể đóng tuyệt đối, tách ra khỏi mọi hệ thống khác, nếu không nó sẽ chấm dứt khả năng sinh tồn, tự bóp chết mình. Một hệ thống hoạt động lý tưởng – đó là một hệ thống linh hoạt, và phải có cả một tập hợp các chỉ thị[11], không chỉ có thể làm rõ mức độ nguy hiểm từ sự thâm nhập của những thành tố lạ, mà còn có được ảnh hưởng đủ để buộc trung tâm điều khiển – thông tin có phản ứng thích hợp để loại bỏ những phần tử thù địch từ môi trường bên ngoài.

Vậy mà hệ thống “Liên Xô” đã không kiềm chế được sự thâm nhập đó, để rồi trở thành phụ bản (một phân hệ) của hệ thống “Mỹ” (Nói cách khác, trở thành bang thứ 51 của Mỹ). Người ta cần tới điều này để làm gì? Rất đơn giản, thông qua sự sáp nhập đó, thông qua kết quả trong các cuộc chiến tổ chức, thông tin, tài chính và những cuộc chiến khác, hệ thống “Mỹ” bắt đầu được hệ thống “Liên Xô” phụng sự.

Nói riêng, thì những gì chúng ta đã xem xét trên đây vẫn còn lâu mới là một bức tranh toàn cảnh về điều đã xảy ra, bởi chúng ta chỉ mới khai phá chủ yếu *khía cạnh cơ cấu*. Còn *khía cạnh lịch sử*: trên lãnh thổ Liên Xô đã từng có những quá trình mà sự phát triển của chúng bị ngăn chậm lại, bị đổi

hướng – đã diễn ra điều mà phương Tây gọi là “sự rời bỏ chủ nghĩa cộng sản”. Còn về *khía cạnh chức năng (hoạt động)*: bộ máy quốc gia mới hậu Xô Viết đã chấm dứt thực thi một số chức năng: trước hết, đó là chức năng an ninh, phát triển bền vững và tái sản xuất.

Như trong một phương ngôn nổi tiếng, “những gì được xây hàng thế kỷ – bị phá tán trong một giây, những gì được xây suốt nhiều năm – bị phá tán trong một giờ”. Thời điểm cơ bản của cuộc thử nghiệm “cải tổ” được cố định vào tính không thể đảo ngược của quá trình phá hoại. Nói một cách khách quan, cho đến hôm nay không phải chúng ta, không phải kẻ thù có khả năng tính toán ra được thời điểm bước ngoặt đó, để đúng thời điểm đó có thể chỉ ra, cũng như có thể chứng minh một cách thuyết phục rằng “quá trình đã đi” quá xa tới mức không còn đường nào khác cho sự thất bại của Liên Xô. Ở Mỹ, người ta cũng rất lúng túng về vấn đề này và đã cố giải thích nó trong những cuộc hội thảo (xemina) bí mật, trong các cuộc họp của giới lãnh đạo chính trị, hoặc công khai trong giới báo chí. Như: ngày 12 tháng 5 năm 1989, thành viên của cái gọi là Chính phủ thế giới – bao gồm trong nó 3 tổ chức tam điểm có ảnh hưởng nhất – một người trong ban lãnh đạo Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ là Đô đốc Scowcroft đã trả lời phỏng vấn:

“Còn quá sớm để vui mừng: Liên Xô, liệu các bạn có biết không, vẫn còn là một cường quốc quân sự như trước đây. Chúng ta còn nhiều vấn đề lớn với họ, hơn nữa, trong giai đoạn này, những cải cách vẫn chưa đạt tới mức độ không thể đảo ngược được”.

Nếu sử dụng quan điểm cá nhân, thì chúng ta chỉ còn cách đưa ra một giả thiết cơ bản rằng điều này có thể được xem như sự chuyển chính quyền từ M. X. Gorbachov ở mức quy mô toàn Liên Xô sang cho Tổng thống Cộng hoà Liên bang Nga B. N. Enxil ở Nga, cho Tổng thống Ucraina L. M. Kravchuk ở Ucraina, và v.v... (“Vào dịp hè năm 1990, Bush và Baker đã quyết định tìm hiểu nghiêm túc về những thủ lĩnh Xô Viết có tiềm năng nhất định khác thông qua Gorbachov”). Nếu điều này là chính xác, thì có thể nói rằng đó là sự sụt giảm uy tín lớn nhất của chính M. X. Gorbachov:

“Lần đầu tiên sự sụt giảm uy tín của M. Gorbachov được ghi nhận vào tháng 7 năm 1989”. Trên mặt bằng đó có thể nhận thấy không chỉ những cuộc tiếp xúc riêng của Enxil với những người này ở Mỹ, mà cả việc những dòng thông tin và tài chính từ bên ngoài trở nên bằng với việc hướng vào Gorbachov và bộ sậu của ông ta (& K°). Thời điểm lịch sử cho thất bại không thể đảo ngược của Liên Xô trong trường hợp này có thể được chia ra cho các tuyến nhân vật. Tại những cuộc hội thảo có sự tham dự của tổng thống, người ta thường tranh luận về thời điểm mang tính không thể đảo ngược của các quá trình “cải tổ” và ngay hồi tháng 1 năm 1989, họ đã đưa ra kết luận cuối cùng rằng “Gorbachov đã bắt đầu quá trình mà chính ông ta không thể quay lại”. Bằng cách này bản án đối với ông ta như một tử thi chính trị đã được tuyên, đủ để gạt ông ta ra khỏi chính trường.

Nếu xem xét đề tài này theo quan điểm công nghệ tình thế, thì vào lúc đó không thể không công nhận rằng đó là thời điểm Liên Xô đã thực sự rơi vào *vòng luẩn quẩn*. Thời điểm đó vào khoảng những năm 1988-1989.

Khi nói về điều này theo *quan điểm hệ thống*, chúng tôi trước hết sẽ chỉ ra rằng tính chất không thể đảo ngược của các quá trình tan rã đã đạt được vào đúng thời điểm khi mà hệ thống đã bộc lộ *tính chất tự huỷ về mặt tổ chức*. Vào thời điểm đó sự phá huỷ mãnh liệt các mối quan hệ trực tiếp và quan hệ ngược giữa những phân hệ đã diễn ra. Trước thời điểm đó – điểm bước ngoặt – hệ thống vẫn còn có thể phục hồi tương đối dễ dàng để trở lại “con đường chân lý, còn sau đó – về mặt nguyên tắc là không thể, hoặc phải gánh chịu những tổn thất với cái giá thà buông trôi còn hơn là khắc phục, giống như nội chiến vậy.

Nhà nghiên cứu nổi tiếng X. G. Kara-Murza, khi nghiên cứu tỉ mỉ diễn biến của những quá trình cải tổ, cũng không thể bỏ qua vấn đề này và đã trả lời rằng: “Vật liệu gắn kết đã từng liên kết các dân tộc ở Liên Xô thành một quốc gia thống nhất là liên minh với nhân dân Nga. Chính sự hiện diện của hạt nhân (“Người anh cả”) có sức mạnh và uy tín này đã làm cân bằng hệ thống phức tạp đa dân tộc gồm một trăm năm mươi triệu dân này.

Bước đi chủ yếu mà giới cầm quyền cao cấp quốc tế chống Xô Viết đã làm được vào năm 1991 là chuẩn bị và triển khai “Tuyên bố về chủ quyền”. Những nhà dân chủ của Liên bang cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô Viết Nga tập hợp xung quanh Enxil đã có vai trò chủ yếu trong vấn đề này. Các nhà tư tưởng của văn bản này tiếp tục tán tụng và kỷ niệm ồn ào ngày “độc lập” nhân việc thông qua bản tuyên ngôn tiền định này.

Các quan điểm nguyên tắc của Tuyên ngôn là xóa bỏ những mối ràng buộc chủ yếu của Liên bang, đòi chia phần các thành tựu chung toàn dân, xóa bỏ tính toàn vẹn về trí tuệ, kinh tế và nguồn lực. Đó là một cuộc đảo chính “nhung lụa” mà phần lớn các đại biểu đã không kịp hiểu rằng người ta đã đưa cho họ thông qua văn bản gì. Các nhà tư tưởng chống Xô Viết đã phải lao động cật lực hàng chục năm để không cho họ hiểu”.

Như đã nói, *thành tố kiến tạo hệ thống quan trọng nhất là sự hiện diện của một công cụ chính trị như ĐCS Liên Xô. Việc từ bỏ vai trò lãnh đạo của nó được hình thành hợp pháp thông qua sự thay đổi Điều 6 trong Hiến pháp Liên Xô đã kéo theo nó việc gạt bỏ ĐCS Liên Xô ra khỏi nền tảng quốc gia, để sau đó không lâu chính ngôi nhà cũng sụp...*

Đó là những cách nhìn về thời điểm bước ngoặt. Cần nhắc lại một lần nữa rằng khi đã bước qua thời điểm đó, hệ thống, về thực chất, đã mất khả năng quay trở lại.

## **Sự hỗ trợ trí lực của phương Tây trong việc hủy diệt Liên Xô**

Chúng ta đã xem xét và sẽ còn đề cập tới các cuộc tiếp xúc trong mối liên hệ: “giới thượng lưu Xô Viết mang nền tảng chống Xô Viết” – “những giới chính trị phương Tây”. Nhưng trong khuôn khổ nghiên cứu của chúng tôi, kênh giao lưu thông tin – phân tích, hệ thống và phương pháp luận nhằm chống Xô Viết (theo nguyên tắc, Mỹ “thăm vấn” – Liên Xô “trả lời”) là quan trọng nhất. Kênh giao lưu đó như sau.

Về phía “chúng ta” có D. M. Gvisiani mà chúng tôi đã nói tới, còn về phía Mỹ có Rodger E. Levian – Giám đốc Viện Phân tích hệ thống ứng

dụng quốc tế (IIASA). Địa chỉ – International Institute for Applied Analysis, A-2361, Laxenburg, Austria.

Rodger E. Levian – sinh ngày 16 tháng 4 năm 1935. Học vấn – tú tài kỹ thuật cao đẳng hàng hải năm 1956; Trưởng môn toán ứng dụng Trường đại học tổng hợp Haward năm 1958; Tiến sĩ toán ứng dụng Trường đại học tổng hợp Haward năm 1962.

Hoạt động nghề nghiệp:

- Năm 1956-1960 là Cố vấn Vụ hệ thống chức năng của RAND Coporation;

- Năm 1962-1967 là giảng viên đại số tuyến tính, chương trình hóa tuyến tính và lý thuyết trò chơi nghề nghiệp tại Trường đại học tổng hợp California;

- Năm 1969-1970 là giảng viên chính tại Trường đại học tổng hợp California;

- Năm 1970-1975 là phó giáo sư môn phân tích hệ thống tại Trường đại học tổng hợp California;

- Năm 1960-1967 là nhân viên Vụ hệ thống chức năng của RAND Coporation;

- Năm 1967-1970 là Vụ trưởng Vụ Khoa học về hệ thống của RAND Coporation;

- Năm 1970-1975 là Vụ trưởng Vụ Các chương trình nội bộ thuộc Phân viện RAND Coporation ở Washington;

- Từ 1975 là Giám đốc Viện Phân tích hệ thống ứng dụng quốc tế (IIASA).

- Tác giả của nhiều cuốn sách được RAND Coporation xuất bản.

Ở cấp “ngoài hệ thống”, các cuộc tiếp xúc này đã diễn ra khá thường xuyên. Ví dụ như, ngày 10 tháng 5 năm 1989, tại Mátxcơva, Bộ trưởng Ngoại giao Liên Xô E. A. Sevardnadze đã có một cuộc trao đổi trong đó

“Baker đã khẳng định với Sevardnadze sự cần thiết đạt được thoả thuận với các đồng nghiệp về “tính công khai trong giới quân nhân”:

- Hãy công bố ngân sách quốc phòng của mình, đến khi đó, nếu các ngài tuyên bố cắt giảm 14 hay 19 phần trăm, chúng tôi sẽ biết các anh giảm đến mức nào.

- Ngài thấy đấy, bản thân chúng tôi cũng muốn biết thông tin này, – Sevardnadze nói. – và tôi nghĩ chúng ta sẽ nhận có được để công bố, chúng tôi phải nói cho được về vấn đề này trên đại hội đại biểu nhân dân.”

Nếu như trước năm 1985, các cuộc tiếp xúc với nước ngoài, kể cả của cấp cao, cũng rất hạn chế, thì trong quá trình “cải tổ” các cuộc gặp giữa hai bên của “những nhà cách mạng cộng đồng” trở nên đặc biệt thường xuyên hơn, bởi “các nhà cải tổ” liên tục cần tới sự trợ giúp có chất lượng chuyên môn cao. “Tháng 5 năm 1990, trong thời gian diễn ra cuộc hội thảo “Đối thoại Xô – Mỹ” tại Miami (Mỹ), CIA đã đưa M. Kanow – một thủ lĩnh của nhóm chống Cuba thuộc ủy ban Bảo vệ hoà bình- đến gặp đoàn đại biểu Xô Viết tham gia hội thảo và giúp đỡ thiết lập mối liên hệ chặt chẽ với các nhà lãnh đạo của nó là G. Borovik và F. Burlatxki.

Sự giúp đỡ là từ hai phía. Trong tháng 4 năm 1990, tại thành phố Worrenton (bang Virginia) đã diễn ra hội nghị về vấn đề so sánh những chỉ số kinh tế của Liên Xô và Mỹ. Phía Liên Xô có Viện sĩ O. Bogomolov và V. Tikhonov; phía Mỹ có đại diện của các trung tâm nghiên cứu và các nhà phân tích CIA. Trong những bài phát biểu của mình, các đại biểu Liên Xô đã trình bày những thông tin chi tiết về tình hình công việc trong đất nước chúng ta. Người Mỹ đã được ban cho lời khuyên: tăng cường áp lực với Gorbachov, người mà theo ý kiến của Viện sĩ Bogomolov, nhân dịp tình hình công việc căng thẳng trong nước có thể có những nhân nhượng lớn cho Washinhton. Phía Mỹ đánh giá lời khuyên này là rất giá trị, Họ đánh giá rất cao thông tin nhiều mặt về sự phát triển tình hình kinh tế – xã hội và chính trị ở Liên Xô.

Sau khi tiến hành thử nghiệm một loạt công nghệ tại Ba Lan – thành tố được coi là yếu nhất của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Trung

Âu, là đích ngắm đầu tiên đối với phương Tây – giờ đây họ đã quyết định chuyển những công nghệ đó vào Liên Xô. “Những gì liên quan tới mục tiêu chiến lược thì Iu. Afanaxiev từ năm 1990 đã xác định nó như là sự lặp lại “kế hoạch Beltxerovich” ở Ba Lan. Iu. Afanaxiev đã không hề che dấu rằng trên thực tế kế hoạch này đã được Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) soạn thảo. Ông ta cũng nhận xét rằng kế hoạch chuyển đổi quan hệ thị trường như thế của IMF rất thường được tiến hành ở những nước kém phát triển nhằm củng cố dòng tiền tệ khép kín trong hu vực và phi quốc hữu hoá nền kinh tế. Khi sinh ra ý tưởng này, chính xác hơn, là ý tưởng này được Tổ chức “Bni-Brit” đưa vào nước ta, tuyên bố phong trào dân tộc Nga là phát xít cả về nhiệm vụ cũng như hệ tư tưởng”.

Các viện nghiên cứu phương Tây đã phát hành không chỉ những tài liệu sử dụng nội bộ cho các nhà lãnh đạo cao cấp bí mật cũng như công khai của mình, mà nguy hiểm hơn, là cả những tài liệu và công nghệ chuyên dành cho các công dân Xô Viết. (*Xem Phụ lục số 6*). Đó là những khuyến nghị trực tiếp, những bài phát biểu của những nhân vật được uỷ quyền cho một số lượng người nghe hạn chế, những cuộc hội thảo khoa học, các biên bản pháp luật, những tài liệu hạn chế dành cho lãnh đạo... Chúng được phát tán khi bí mật, lúc công khai, thậm chí được trích dẫn đăng tải trên các báo...

Trong số những tài liệu kiểu này có cái gọi là Hiến pháp Xakharov (“Đến nay, mọi người đã biết rằng nhà vật lý nguyên tử này có hai tuần đi Mỹ và ở đó viết ra bản hiến pháp này”); Chương trình “500 ngày” do “Một thằng nhóc con mặc quần đùi màu hồng” ở Haward – phó tiến sĩ khoa học kinh tế Grigori Alekxeievich Iavlinxki và đồng bọn (& K<sup>o</sup>) soạn thảo.

Sự trợ giúp còn tiếp tục cả sau “Victory”, như những người sáng lập ra Trung tâm tư nhân hoá Nga là: Viện Nghiên cứu phát triển quốc tế; Viện Nghiên cứu kinh tế Đông Âu ở Stokgolm; Trung tâm Kinh tế thuộc trường phái khoa học kinh tế Lodon. Hãng “Deloitte Touch Toh Matsu International” trong quảng cáo về mình cũng thổ lộ ra rằng nó là một trong những nhà soạn thảo các chương trình về tư nhân hoá. Sự giúp đỡ đó của

phương Tây không hề giảm sút trong suốt những năm 1990, thậm chí cho tới cuối thiên niên kỷ qua: “Theo báo cáo của Tổng cục thống kê CIA được đăng trên báo “Ell Pais” ngày 22 tháng 1 năm 1997, Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế Haward do nhà kinh tế học Jeffri Sachson lãnh đạo, từ giữa năm 1994 đến cuối giữa năm 1996 người ta đã biên tập hàng trăm sắc lệnh của Tổng thống Enxil. Điều đó có nghĩa là các sắc lệnh của tổng thống đã được viết dưới sự chỉ bảo từ Mỹ...”. Chúng ta cũng còn nhớ rằng Quỹ Di sản thế giới (Heritage Foundation) trong những năm 1993-1994 đã soạn thảo và triển khai thực hiện một chương trình dành cho Nghị viện Nga”. Cuốn sách “Thay đổi” do Quỹ Phát triển chủ nghĩa trung phái chính trị xuất bản chủ yếu là dành cho giai đoạn những năm 1990 và cho sự “bảo trợ” trí thức hiện đại đối với các chính khách Nga.

Bản chất của mối quan hệ thông tin như vậy và sự trợ giúp cả bằng sức mạnh khác có thể dễ dàng xác định như một cách giải quyết nhiệm vụ hai mặt bằng cách sử dụng nguyên tắc “đẩy – kéo”. Có thể mô tả những hiệu quả của nó trong cơ khí: một vật nặng sẽ dễ dàng dịch chuyển khỏi vị trí và di chuyển tiếp nếu ta đồng thời đẩy và kéo nó. Các nhà nghiên cứu đã từ lâu nhận ra nguyên tắc này trong những hoạt động chung: “... Vấn đề này đã trở nên phức tạp và cấp bách tới mức giới tình báo phương Tây không thể đơn độc gánh vác. Rất cần có một sự xác định nào đó cho các hoạt động cùng với giới lãnh đạo Matxcơva. Nó giống như trong môn bóng chày: một người tung bóng, còn người khác đập nó văng đi”. Còn một ví dụ khác về đế tài này mà mọi người đã biết. Trong những năm gần đây xuất hiện rất nhiều sản phẩm kẹo bánh, kem... được đóng trong những gói mà chỉ có thể mở ra bằng cách kéo từ bên trong, còn mọi cố gắng dùng sức kéo từ bên ngoài đều không đạt kết quả. Cũng hết như vậy trong nhiều môn thể thao mang tính đồng đội: có kẻ tung, người hứng, còn cầu thủ đã bị mua chuộc thì bắt trượt để rồi giơ tay thanh minh vô tội “không được...”. Trong việc sử dụng “đội quân thứ năm” cũng vậy: sự kết hợp trong – ngoài sẽ làm dịch chuyển được vật nặng mà không quá tốn công.



Những kẻ phá hoại bên ngoài từ Mỹ luôn hình dung được mối nguy hiểm đe dọa sự tồn tại của quốc gia chúng ta và sự sống còn của dân chúng. Song, như trong lịch sử thế giới đã diễn ra, mối nguy hiểm đó sẽ tăng lên bội phần khi chúng kết hợp được với những kẻ phá hoại từ bên trong theo nguyên tắc “một cộng một luôn lớn hơn hai”.

Liên Xô chưa phải là quốc gia đầu tiên chịu sự can thiệp nguy hiểm của Mỹ từ bên ngoài vào những công việc nội bộ. Khuynh hướng can thiệp này đã được hỗ trợ của cái gọi là *Chương trình nghiên cứu khu vực*. “Nó được bắt đầu soạn thảo ngay trong thời gian chiến tranh để đào tạo các chuyên gia cho các khu vực khác nhau của châu Âu, châu Á và Mỹ Latinh biết tiếng địa phương, nền nếp và tập tục và khả năng hoàn thành những chức năng hành chính tại những khu vực đó. Thực chất đó là Mỹ chuẩn bị cho vai trò điều hành toàn thế giới! Bản chất của chương trình này là xây dựng tại các trường đại học lớn nhất của Mỹ các phân viện chuyên ngành đào tạo các chuyên gia về các khu vực trên thế giới cho các tổ chức chính phủ Mỹ ở Mỹ, cũng như ở nước ngoài tiến hành những nghiên cứu khoa học về từng khu vực và cung cấp thông tin cho chính phủ khi cần thiết. Như vậy, các trường đại học như thế chủ yếu mang tính ứng dụng chứ không phải tính hàn lâm.

Cái mới và tính chất phức tạp của chương trình nghiên cứu khu vực là tính luật pháp quốc tế của nó đòi hỏi sự hoạch định hoạt động của nhiều khoa khác nhau. Điều này đã tạo ra thêm những khó khăn nhất định đối với nghiên cứu sinh tại các trường là trong thời gian hai năm phải thành thạo các khoá khác nhau (đào tạo ngôn ngữ nâng cao, địa lý khu vực, lịch sử, kinh tế, những định chế xã hội và chính trị, tâm lý học và nhân chủng học...). Ngoài ra, mỗi chuyên gia tương lai còn phải được đào tạo về một chuyên ngành cụ thể, bởi các nhà tổ chức chương trình lo ngại rằng người tốt nghiệp sẽ không mang tính chuyên nghiệp, không có nghề nghiệp cụ thể, cái gì cũng biết một chút. Tất cả những người tham gia chương trình đều phải qua tối thiểu một năm thực tập tại khu vực được nghiên cứu. Tuy nhiên, việc tổ chức những khoá thực tập như vậy không thể tiến hành tại

Liên Xô nên các nghiên cứu sinh chỉ có những giờ lên lớp lý thuyết. Ngoài ra, cũng vì lý do bí mật, nên các cuộc thực tập đó chỉ tiến hành tại Viện Nghiên cứu Kribl rất nổi tiếng.

Viện Nghiên cứu Kribl – một phân hiệu của Quỹ Nghị viện tự do hay còn gọi là Viện Nghiên cứu những vấn đề dân chủ và tự do Nga.

Viện Nghiên cứu Kribl – (mang tên người lãnh đạo viện – một người đã “nguyện hiến dâng toàn bộ nhiệt huyết của mình cho sự nghiệp xoá bỏ đế chế Xô Viết” – đã thiết lập nên cả một mạng lưới các đại diện của mình tại các nước cộng hoà thuộc Liên Xô cũ. Với sự giúp đỡ của các đại diện này, từ tháng 11 năm 1989 đến cuối tháng 3 năm 1992, đã có gần 150 “hội nghị tập huấn” tại nhiều vùng khác nhau trên lãnh thổ Liên Xô: Matxcơva, Lêningrad, Xverdlovsk, Voronez, Tallin, Vinius, Riga, Kiev, Minxk, Lvov, Odessa, Erevan, Nizni Novgorod, Irkutsk, Tomsk. Chỉ tính riêng ở Matxcơva đã có tới 6 hội nghị hướng dẫn.

Về tính chất (còn tôi thì muốn nói tới mặt chất lượng) của công tác hướng dẫn của các đại diện Viện Nghiên cứu Kribl, G. Burbulisa – một tuyên truyền viên của đảng, trước năm 1988 đã từng khẳng định kiên quyết khi nhắc tới cương lĩnh về vai trò lãnh đạo của ĐCS Liên Xô rằng “vai trò đoàn kết của đảng trong quá trình cải tổ” của nó. Sau khi qua khoá hướng dẫn của Viện Nghiên cứu Kribl, ông ta lại thường xuyên khẳng định rằng “đế chế (Liên Xô) phải bị phá sản”. “Ngài Kribl đã sáng lập viện nghiên cứu của mình vào năm 1986 với một mục tiêu duy nhất là đánh bại “đế chế Xô Viết”. Ông không che giấu những mục tiêu của mình, mà còn thẳng thắn tuyên bố: toàn bộ sức lực, nhiệt huyết và tiền của được dành để đánh bại Liên Xô. ngay lập tức sau đó ông đã bắt đầu xây dựng mạng lưới các đại diện ở Liên Xô và các nước Đông Âu (hiện nay chúng có chừng 20, ông còn dự định đến giữa năm 1993 tăng gấp đôi số lượng này) và tuyển mộ các điệp viên. Việc đào tạo các điệp viên được bắt đầu từ việc học những gì có trong các tài liệu do chúng tôi phân phát, “Ngài tiến sĩ Kribl ngay lập tức hiểu rằng học tập là chiếc chìa khoá giúp mọi người của “đế chế Xô Viết” thực hiện bước chuyển đổi sang nền dân chủ. (...)

Từ tháng 10 năm 1989, Viện Nghiên cứu Kribl đã tiến hành hơn 40 hội nghị (tương tự như các xemina phương pháp) tại “đế chế Liên Xô cũ”. Các cuộc hội nghị đã diễn ra tại nhiều thành phố khác nhau từ Matxcova và Leningrad đến Tomsk và Irkutsk, cũng như ở Tbilisi, Riga, Xverlovsk, v.v...; “Từ đầu thập kỷ 1990 trong nước chúng ta đã phát triển mạnh mẽ “hệ tư tưởng tự do – dân chủ”. Chính vào thời gian này, ở Nga đã thành lập Phân viện của Viện Nghiên cứu Kribl (ngày nay là Viện Nghiên cứu các vấn đề về dân chủ và tự do) với một số lượng đông đảo thành viên. Viện này có liên quan chặt chẽ với Quỹ Di sản – một trong số những tổ chức nghiên cứu có uy tín của Mỹ, theo sáng kiến của nó, người ta đã thông qua Đạo luật “về giúp đỡ những người đấu tranh cho tự do ở Liên Xô”. Viện Nghiên cứu Kribl do tiến sĩ triết học R. Kribl lãnh đạo (đồng thời cũng là thành viên Hội đồng giám đốc “Quỹ Di sản”) chính là nơi hiện thực hoá sự giúp đỡ cho các phong trào này. Phương thức công tác ưu tiên của Viện là tổ chức hội nghị, hội thảo về những vấn đề chính trị, kinh tế và văn hoá. Trong đó, người ta chú ý tới việc chuẩn bị thông tin cho các cơ quan chính quyền Mỹ và cho các cơ quan, giới chức khác, cũng như việc hình thành trên lãnh thổ Liên bang Nga những cơ cấu quyền lực có khuynh hướng “dân chủ” (thân phương Tây). Hiện nay, “Viện Kribl ở Nga do A. Murasov – người đứng đầu Trung tâm chính trị công đảng tự do và Phân viện Matxcova của Viện Nghiên cứu những vấn đề dân chủ và tự do Nga – lãnh đạo từ năm 1996.

Khi hoạt động trên lãnh thổ Liên bang Nga từ năm 1990, Viện Nghiên cứu Kribl – do bị buộc tội là vào năm 1993 có liên hệ với những cơ quan tình báo Mỹ, phải chấm dứt sự tồn tại mang tư cách pháp nhân của một tổ chức Mỹ – đã đăng ký lại dưới tên gọi Viện Nghiên cứu những vấn đề dân chủ và tự do Nga, còn trên thực tế nó vẫn giữ nguyên cơ cấu của mình. Như trước đây, “mạng lưới các đại diện khu vực được hình thành từ đầu những năm 1990 vẫn là “người cung cấp chính thức” các thông tin”.

## **Những cuộc chiến tranh của thế hệ thứ sáu**

Nếu đây không phải là chiến tranh, thì là gì?...  
Đó là chiến tranh không có chiến tranh.

Andrei Novikov.

Tiêu đề này có thể liên quan tới toàn bộ cuốn sách, chứ không chỉ liên quan tới một phần của nó. ý nghĩa của phần này là một trong những điểm rất then chốt.

Cho đến nay, trong khuôn khổ các cuộc đối đầu vũ trang giữa các bên xung đột của nền văn minh trái đất đã diễn ra một số cuộc cách mạng trong lĩnh vực quân sự. Những cuộc cách mạng mà chúng ta đề cập ở đây được hiểu là những thời điểm bắt đầu sử dụng loại vũ khí mới về mặt chất lượng để một thế hệ các cuộc chiến tranh được thay bằng một thế hệ tiếp theo. Để bạn đọc có thể hiểu ngay đề tài này, tôi dẫn ra đây cách phân loại các thế hệ chiến tranh của một nhóm những nhà nghiên cứu lý luận quân sự Nga (Chủ biên là Thiếu tướng V. I. Xlipchenko) cho đến nay vẫn được coi là khách quan nhất:

#### *Thế hệ thứ nhất*

Vũ khí lạnh, binh giáp. Chiến đấu trực tiếp tiếp xúc (giáp la cà). Những cuộc chiến tranh của các đơn vị, phân đội bộ binh và kỵ binh.

Mục tiêu chủ yếu – tiêu diệt đối phương, làm chủ vũ khí và các tài sản của đối phương.

#### *Thế hệ thứ hai*

Thuốc súng, vũ khí nòng nhẵn. các cuộc chiến tranh có công sự, tiếp xúc (có khoảng cách) của các đơn vị, phân đội, liên quân bộ binh. Tác chiến của lực lượng hải quân và các đơn vị ven biển.

Mục tiêu chủ yếu – tiêu diệt đối phương, chiếm lãnh thổ và tài sản của đối phương.

#### *Thế hệ thứ ba*

Vũ khí có khương tuyến, tiếp đạn nhiều lần; tốc độ bắn, độ chính xác và tầm xa được nâng cao. Các cuộc chiến tranh có công sự, hào giao thông,

tiếp xúc (có khoảng cách) của các quân chủng và binh chủng hợp thành. Tác chiến trên biển và đại dương.

Mục tiêu chủ yếu – đánh tan lực lượng vũ trang của đối phương, phá hoại kinh tế và lật đổ chế độ chính trị của đối phương.

#### *Thế hệ thứ tư*

Vũ khí tự động và phản lực, các đơn vị bộ binh, xe tăng, không quân, hải quân, các phương tiện vận tải và thông tin liên lạc. Các cuộc chiến tranh có công sự, hào giao thông, tiếp xúc (có khoảng cách) trên mặt đất, tiến công đường không, các cuộc chiến tranh trên biển và trên đại dương.

Mục tiêu chủ yếu – đánh tan lực lượng vũ trang của đối phương, phá hoại tiềm năng kinh tế và lật đổ chế độ chính trị của đối phương.

#### *Thế hệ thứ năm*

Chiến tranh hạt nhân không tiếp xúc quyết định đạt quy mô chiến lược

Không đạt được một mục tiêu nào – bên sử dụng vũ khí hạt nhân đầu tiên sẽ chết sau đối phương một chút.

#### *Thế hệ thứ sáu*

Vũ khí phòng thủ và vũ khí tiến công có độ chính xác cao được thiết lập trên cơ sở loại vũ khí thông thường; vũ khí dựa trên những nguyên tắc mới về vật lý; vũ khí thông tin, lực lượng và phương tiện tác chiến điện tử.

Mục tiêu chủ yếu của chiến tranh – đánh tan tiềm năng kinh tế của bất cứ quốc gia nào, ở bất cứ khoảng cách nào bằng phương thức không tiếp xúc”

Chúng ta nhận thấy rằng “những cuộc chiến tranh” được chúng ta nghiên cứu đều không có mối quan hệ trực tiếp thông thường, các phương thức tiến hành chúng có tính tổng hợp và được sử dụng trong bất cứ thời đại nào, mặc dù theo cách phân loại trên đây, có thể chúng thuộc loại chiến tranh thế hệ thứ sáu khi chúng sử dụng chiến tranh thông tin – tâm lý cùng như những vũ khí dựa trên những nguyên tắc mới về vật lý (trong khuôn khổ nghiên cứu của chúng ta, đó là vũ khí tâm lý, di truyền...). Trong thời đại hiện nay, những cuộc chiến tranh như vậy đã hoàn hảo tới mức chúng trở

thành phương thức thống trị. Trong các cuộc chiến tranh đó người ta sử dụng vũ khí tác động tới tâm lý của con người, kích thích được khả năng tự sát của con người, làm cho cơ cấu xã hội mất ổn định, làm suy giảm sự bền vững của các hệ thống chính trị, kinh tế và tài chính.

Trong vấn đề này, những gì được chúng tôi dẫn ra, thì cũng được nhiều nhà nghiên cứu “chiến tranh” khác sử dụng như những bộ phận hợp thành của cuộc “chiến tranh chung”. Các cuộc chiến tranh chỉ thay đổi về hình thức, bản chất và quy mô thì vẫn như trước đây.

### **Chiến tranh thông tin – tâm lý**

Đây là một cuộc chiến tranh, một mặt – dễ cảm nhận nhất, mặt khác – cũng mơ hồ nhất, được nhiều người chú tâm nghiên cứu. Chúng tôi không truyền đạt lại nội dung của nó, mà tập trung sự chú ý của mình vào phân tích và vào việc xã hội Liên Xô không phải là nạn nhân duy nhất của nó. Tác động tấn công tập trung, chất lượng cao và không hề sai lầm của nó được dành cho giới thượng lưu cầm quyền ở Liên Xô. Các *đạo luật tiến hành thông tin* trong môi trường xã hội không đồng nhất (bền vững và không bền vững) về tâm lý, phát triển năng động và phức tạp đã được soạn thảo, chuẩn y và triển khai. Mục tiêu của cuộc chiến tranh thông tin – tâm lý là thông qua *sự đánh tráo các khái niệm* (một mặt công khai từ bộ máy tuyên truyền của Mỹ. Mặt khác, từ một bộ phận giấu mặt của các phương tiện thông tin đại chúng Liên Xô) dẫn đến thay đổi nhận thức, thu hẹp nền tảng trí thức và thiết lập nên phạm vi điều khiển của mình.

Nói chung, “chiến tranh tâm lý” – theo nghĩa rộng, là việc sử dụng có định hướng và có kế hoạch các thành tố chính trị của tuyên truyền và của các phương tiện khác (ngoại giao, chính trị – quân sự, kinh tế, ...) để tác động trực tiếp hoặc gián tiếp vào chính kiến, tình cảm, thái độ, và cuối cùng là vào hành vi của đối phương nhằm mục đích buộc đối phương hoạt động theo hướng cần thiết. Trên thực tế, thuật ngữ “chiến tranh tâm lý” thường được dùng theo nghĩa hẹp hơn: gần đây nhất, nó được luận giải như một tập hợp những sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc về mặt tư tưởng chống lại các nước xã hội chủ nghĩa, như một sự tuyên truyền phá hoại

chống Xô Viết và chống cộng sản, như một phương pháp đấu tranh tư tưởng chống chủ nghĩa xã hội. Một cách tương tự, khái niệm “chiến tranh tâm lý” được sử dụng cả trong khuôn khổ tư duy xung đột ở phương Tây như một tập hợp các biện pháp được “khối phương Đông” dùng để phá hoại sự thống nhất tâm lý – tinh thần của những người ủng hộ nền dân chủ phương Tây”.

Người Mỹ đã có những nghiên cứu rất chất lượng trong lĩnh vực này – từ thời chiến tranh thế giới thứ hai: “Vào năm 1943, khái niệm “chiến tranh tâm lý” lần đầu tiên được xuất hiện trong điều lệnh M33-5 của Quân đội Mỹ”. Có thể hiểu nó như sau: “tiến hành tuyên truyền có kế hoạch mà mục tiêu chủ yếu là tác động lên quan điểm, thái độ, định hướng của quân đội và dân chúng đối phương, của dân chúng các nước đồng minh và trung lập sao cho phù hợp với những mục tiêu và nhiệm vụ quốc gia”. Và lẽ tự nhiên là việc triển khai hướng nghiên cứu khoa học này sau chiến tranh không cần quá vội vã. Thực ra hoàn toàn ngược lại: “Tại Hoa Kỳ, “chiến tranh tâm lý” chống Liên Xô, như trong các tài liệu này thể hiện, đã được triển khai ở cấp đường lối quốc gia. Năm 1948, Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ (NSC) đã khuyến nghị áp dụng “những nỗ lực tuyên truyền to lớn” chống Liên Xô. Có một cơ quan chuyên môn bắt đầu nghiên cứu kế hoạch tuyên truyền ở nước ngoài – đó là “Bộ máy liên lạc với cộng đồng ở nước ngoài”. Trong năm 1949, ngân sách nhà nước đã dành cho nó tới 31,2 triệu USD, trong những năm 1950 là 47,3 triệu USD. Một số tiền lớn nhất vào thời điểm bấy giờ”.

Đồng thời, Mỹ đã vạch ra những công nghệ áp dụng vào thực tiễn trong quan hệ đối với Liên Xô, còn chúng ta đã tiến hành đơn phương việc giải trừ quân bị mà ví dụ cụ thể trong lĩnh vực quân sự là đóng cửa Trường đại học Ngoại ngữ quân sự của Lực lượng vũ trang Liên Xô, nơi có khoa thứ tư về giải trừ quân bị của quân đội và dân chúng đối phương. Co dù ý muốn chủ quan, đây vẫn là khoa quan trọng theo lời nhận định của học viên khoa này Iu. I. Drozdov – người sau này trở thành thủ trưởng của cơ quan tình báo bí mật là Cục “X” của Tổng cục Tình báo quốc gia KGB Liên Xô.

Hoàn toàn có thể hiểu được rằng đối với nghiên cứu của chúng ta, trong hoàn cảnh của những sự kiện sau này, việc đóng cửa trường này đã trở thành vấn đề quan trọng. Việc sau này thay đổi toàn bộ hướng hoạt động tuyên truyền theo kiểu sổ tay của Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội và Hải quân Liên Xô, Tiến sĩ triết học, Thượng tướng D. Volkogonov là có ý nghĩa vô cùng lớn – trong nước đã chấm dứt hoạt động của một tập thể các chuyên gia nghiên cứu về chiến tranh thông tin. Về khuynh hướng khoa học khép kín ở Liên Xô sẽ được chúng tôi đề cập trong cuốn sách khác. Dưới đây chúng ta cùng xem qua những công nghệ phá hoại của “những người bạn Mỹ”.

*Chương trình hoá ngôn ngữ – thần kinh (NLP).* Dường như cú đột phá thành công nhất đã diễn ra trong lĩnh vực tác động trực tiếp vào tiềm thức của đối tượng. Một con người, khi rơi vào tác động như vậy sẽ bị thôi miên ở thể nhẹ, người đó hoạt động hoàn toàn vô thức, song vẫn cứ cho mình là đang làm theo ý thức của mình.

Để buộc con người tiếp nhận một quyết định tùy ý, cần phải lừa dối người đó. đây chính là bài học của chuyên gia có kinh nghiệm D. Carnegi và được phương Tây từng sử dụng và hoàn thiện từ rất lâu. Nếu các cuốn sách của D. Carnegi trong cái gọi là “thế giới tự do” đã được tái bản nhiều lần, thì ở Liên Xô cuốn sách “Tìm bạn và tác động lên mọi người” lần đầu tiên xuất hiện vào năm 1978 chỉ với số lượng 600 bản. Cho dù kể từ khi D. Carnegi viết những cuốn sách đó, và ông ta chết vào năm 1955, khoa học đã có những bước tiến rất xa. Những công nghệ khác chống chúng ta có thể được đánh giá chính xác qua tên gọi. Một trong số đó là NLP. NLP được sử dụng rộng rãi trong ngành tình báo khi đề cập tới “*Nhân tố con người*”.

Bản chất của NHP là các nhà khoa học khai sáng đầu tiên (kể cả những người đã từng biện hộ cho NLP như Grinder và Bandler) đã phát hiện ra mối tương quan trực tiếp nghiệt ngã giữa ám hiệu, điệu bộ của con người và cấu trúc ngôn ngữ của nó. Phát hiện mối quan hệ này giá trị ở chỗ nó có thể sẽ được sử dụng làm mã hiệu bí mật điều khiển hành vi của con người. Các cơ quan tình báo Mỹ là những kẻ đầu tiên sử dụng NLP. Tại Liên Xô,



trong một phòng thí nghiệm của KGB cùng từng tiến hành nghiên cứu theo hướng này, song mọi kết quả của nó cho đến nay vẫn còn bí mật. Tác động có thể là trực tiếp – trong giao tiếp thông thường của con người, cũng có thể gián tiếp – thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền các quan niệm của mình, gián tiếp gắn tư duy vào tiềm thức. Con người, khi nằm trong một trường thông tin như vậy có thể sẽ sống trong thế giới ảo và tiếp nhận hiện thực một cách sai lệch. Dù thế nào, tác động đối với đối tượng vẫn diễn ra dưới hình thức không công khai – con người sẽ không nhận thức được rằng họ đang bị lừa dối.

Một trong những phương thức được sử dụng rộng rãi được gọi là *đánh tráo những khái niệm*: “Vào giữa thế kỷ XX trong các câu hỏi tác động lên đối phương đã có sự thay đổi về chất lượng. Người ta đã soạn thảo ra được chiến lược của chiến tranh thông tin – tâm lý dùng trong tương lai lâu dài và các hành động đã được xác định thành những kịch bản có sẵn. Chiến lược đó được dựa trên một phát minh khoa học của các nhân viên nghiên cứu CIA do Allen Dalles lãnh đạo (1893-1966). Bản chất của phát minh này là vận dụng những quy luật khách quan của các quá trình xã hội, gắn chặt với các quá trình đó, nhào nặn chúng để đạt được những mục tiêu của mình. Để biến đổi diễn tiến của các quá trình xã hội trong khi vẫn duy trì được hướng tổng thể chung của chúng chỉ cần đầu tư những nỗ lực và chi phí tài chính rất nhỏ. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân bằng con đường cải biến nhất định và thay đổi khái niệm bị biến thành cuộc đấu tranh nhằm ly gián các quốc gia đối thủ của Mỹ. Quá trình dường như vẫn được bảo lưu, song đã bị biến thành công cụ phá hoại các cường quốc lớn. Cuộc đấu tranh vì dân chủ (chính quyền thuộc về nhân dân) ở Nga vào những năm 1990 đã bị biến thành việc thiết lập chế độ cực quyền, khi tổng thống của đất nước có những quyền lực của một kẻ chuyên quyền”. Trong thực tế, các phương pháp đánh tráo những khái niệm tự thân rất độc đáo và rất có chất lượng: theo “lo gic” của chúng, vào tháng 12 năm 1991 đã không đánh bại Liên Xô, mà nghiệt ngã hơn – tạo ra Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG).

Nguồn gốc của tất cả công nghệ thông tin – tâm lý là hàng loạt dự án, một trong những dự án nổi tiếng nhất có tên gọi là *Dự án Harward*. “Một trong số những dự án chuyên ngành bí mật nhất mang tên “Harward”. Giáo sư X. P. Novikov của Trường đại học tổng hợp Stratford đã mô tả nó khá cụ thể:

*“Về Dự án Harward này, người ta biết rằng trong đó là một nghiên cứu tâm lý rất rộng về lớp kiều dân mới từ Liên Xô thường được gọi là homo sovietikus mà các nhà Xô Viết học Mỹ đã cùng họ nghiên cứu. Chi phí cho dự án đã lên tới hàng triệu USD và đã được soạn thảo chủ yếu tại Munich (Đức) vào những năm 1949-1951. Trong quá trình nghiên cứu dự án này đã có hàng trăm dân tỵ nạn Xô Viết phải trải nghiệm qua những lần nghiên cứu tâm lý đặc biệt, thậm chí là những buổi phỏng vấn tể nhị về đề tài tình dục và từng lời của họ được ghi âm. Cũng có những văn bản được các nhà phân tích tâm lý phân thành các khối tâm lý khác nhau. Một trong những khối tâm lý đó có “khối tâm lý Lênin”.*

Trong Dự án Harward có trình bày các kế hoạch khoa học và nội dung đào tạo cán bộ thích hợp cho một cuộc chiến tranh tâm lý đang triển khai thời đó giữa phương Tây và phương Đông.

Vào thời kỳ đầu, đó là chương trình tối thiểu của Dự án Harward nhằm phi ý thức hệ. Trong thực tế, chẳng có gì là phi ý thức hệ, mà những gì diễn ra đằng sau khẩu hiệu đó là *“thay đổi một hệ tư tưởng bằng một hệ tư tưởng khác”*.

Đối tượng của sự xâm lăng tâm lý không chỉ là những người dân “thường”, mà cả những đại diện của giới thượng lưu cầm quyền: “Có những cơ sở để cho rằng “sự biến” tháng tám đã diễn ra theo kịch bản soạn sẵn của NLP và chính những kẻ sáng tạo ra nó đã phải chịu những tác động tâm lý”. Chúng ta còn nhớ bản chất của mọi công nghệ cho cuộc chiến tranh này là ngay chính đối tượng cũng không thể đoán ra rằng nó không phải là cá thể tự trị, được độc lập quyết định, mà chỉ là một đối tượng của điều khiển. Bởi vậy, đã qua nửa năm kể từ sau “sự biến” chúng ta mới có thể đọc được những lời thú nhận chân thành: “Về điều này người ta đã viết

rất nhiều, chỉ đáng tiếc là do không biết sự thật nên người ta đã đưa ra những giả thuyết của mình về những bí ẩn có thể. Trong đó có giả thuyết về một âm mưu có tổ chức nhằm đánh bại Liên Xô và ĐCS Liên Xô như một âm mưu được hoạch định ở phương Tây và có sự tham gia của CIA cùng như các điệp viên khác của nó. Tất cả những giả thuyết đó là sai lầm trầm trọng nhất”.

Bằng cách này, mục tiêu chủ yếu của chiến tranh thông tin – tâm lý là đưa các đối tượng tác động đến mức độ nguy hiểm mà họ không có khả năng mô tả lại hoàn cảnh bằng những thuật ngữ có hệ thống và không thể phát hiện ra độc chất đã thành công.

### **“... Các nhà Xô Viết học đã đạt được điều gì”**

Bằng cách gây mất ổn định trong nhận thức và hấp dẫn mọi người bằng một vở kịch chính trị lớn họ đã thực hiện được “giáo dục đám đông” đối với dân chúng Liên Xô – tạm thời biến các nhân cách và những tập thể có tổ chức thành một đám đông lớn hay nhiều đám đông có quy mô quốc gia. Trong tình trạng đó mọi người đã để mất đi thái độ trách nhiệm vốn có của cá nhân đối với những thay đổi cơ cấu cuộc sống đang căng lên bởi sự bất định và nguy cơ to lớn. Không tranh luận, không nghi ngờ, không tính trước lợi hay hại, phần lớn dân chúng đã thuận theo cuộc cách mạng mà không thấy bất cứ sự cần thiết nào trong đó – đồng tình với một cuộc cách mạng trong một xã hội đang ổn định. Điều này không phù hợp với tư duy lành mạnh.

Những con người bình thường không bị cuốn vào đám đông đã có tư duy bảo thủ tỉnh táo được đúc rút từ kinh nghiệm lịch sử và từ khả năng nhìn thấy trước những hậu quả không mong đợi của những thay đổi. Những phẩm chất đó nằm sâu trong tiềm thức và được vận hành tự động ở mức độ linh cảm. Sự kiểm soát tiềm thức đó ở Liên Xô đã bị loại bỏ ra khỏi nhận thức xã hội trong quá trình của cải tổ.

Trong giai đoạn cải tổ, nhận thức của những người dân Xô Viết đã phải tiếp nhận rất nhiều hình tượng đẹp đẽ nhưng mơ hồ – *dân chủ, xã hội công*

*dân, quốc gia lập pháp, và v.v...* Không một nhà chính khách nào từng nguyện dâng hiến lòng trung thành của mình cho những điều ngu xuẩn ấy hiểu rõ bản chất của khái niệm... Tiếp nhận ngôn ngữ của kẻ thù – điều đó có nghĩa là vô tình trở thành tù binh của nó. Thậm chí nếu anh hiểu ngôn ngữ khác với cách hiểu của người cùng trò chuyện là anh đã không hiểu được ý nghĩa ẩn trong đó thường rất đa nghĩa và có thể có cả điều bí mật. Đó thật sự là đã thua cuộc trong mọi cuộc tranh luận.

Tình thế của người Xô Viết trở nên nặng nề – khi chuyển sang ngôn ngữ của những khái niệm không xác định, con người đó đã đánh mất khả năng giao tiếp và đối thoại với “người của mình” và thậm chí với chính mình. Logic bị phá vỡ, thậm chí con người đó bắt đầu thiếu khả năng hình thành và suy xét đến tận cùng một vấn đề tương đối đơn giản. Tư duy của số đông và của những nhà chính khách đại diện cho quyền lợi của họ trở nên mơ hồ, làm cho con người ấy không thể liên hệ được đầu với cuối, không thể đưa ra được kế hoạch kháng cự, hay dự án thoát khỏi khủng hoảng. Thậm chí con người đó không thể trình bày một cách mạch lạc điều mình muốn”.

Mà tất cả vấn đề là ở chỗ chính “trong hoạt động của các cơ quan tình báo nước ngoài vẫn được coi là hiệu quả như trước, thông qua các điệp vụ, sự tác động bí mật lên đường lối chính trị, lên quá trình soạn thảo và thông qua quyết định. Khác với những phương thức thông dụng (mua chuộc, do thám, đe dọa), khi đối tượng tác động giác ngộ được rằng họ đang hành động gây tổn thất cho quốc gia mình và vì lợi ích của bên đối địch, thời gian gần đây kẻ thù thường hay sử dụng mảnh khóc điều khiển – một loại hình an toàn trong các chiến dịch bí mật. Trong tác động có điều khiển đối với con người, thông qua ý chí của đối tượng, chúng đặt ra những khuôn khổ kiểm soát chặt chẽ hành vi và phương thức hoạt động để đối tượng tin rằng họ đang độc lập quyết định mọi vấn đề mà không chịu bất kỳ áp lực nào từ bên ngoài”. “Trong trường hợp chiến tranh thông tin, mọi việc không hẳn như vậy. Ở đây, đôi lúc chính nạn nhân cũng không biết và thậm chí không bao giờ biết mình là nạn nhân. Điều này giải thích sự khác biệt về mặt nguyên tắc của lĩnh vực sử dụng vũ khí thông tin. Vũ khí thông

thường được sử dụng nhằm vào sinh lực và kỹ thuật, còn vũ khí thông tin chủ yếu nhằm vào hệ thống điều khiển”.

Khi tập trung chú ý vào đại diện nào đó của giới thượng lưu, bằng những công nghệ mới nhất có thể tìm hiểu được rất nhiều điều về con người đó – thậm chí hiểu nhiều hơn chính đối tượng tự hiểu về mình, có nghĩa là các phòng thí nghiệm của cơ quan tình báo đã nghiên cứu “... những vấn đề chân dung tâm lý của kẻ phản bội. *Những nhân vật dễ bị mua chuộc là những kẻ thiếu hiểu biết về Tổ quốc, không có nguồn gốc xã hội, văn hóa, tình cảm với đất nước nơi họ được sinh ra và lớn lên.* Sau khi phát hiện ra nhân vật đó, thì khi gặp môi trường thuận lợi, có thể là trong tương lai, vạch cho kẻ đó một con đường từ một con tốt biến thành hoàng hậu. Chúng ta sẽ nói về điều này ở phần sau.

## **Chiến tranh tổ chức**

Trong phần trước chúng ta đã nói tới việc áp dụng một hệ thống vào một hệ thống khác. Bây giờ chúng ta sẽ nói về việc áp dụng của kẻ thù vào lĩnh vực điều hành. Khởi đầu của một chiến dịch gồm nhiều bước này là những nghiên cứu có tính ứng dụng cao của phương Tây về giới lãnh đạo cao cấp ở Matxcơva:

“1. Phương Tây đã xây dựng nên cả một ngành khoa học để nghiên cứu những đặc điểm cá nhân và những khả năng tiềm ẩn của “những thành tố chủ chốt” ở Liên Xô – đó là Kremli học.

2. Các nhà nghiên cứu Kremli học đã nghiên cứu bộ máy BCHTW ĐCS Liên Xô một cách kỹ lưỡng nhất. Họ không chỉ đã nghiên cứu mà còn đã tác động lên các nhà lãnh đạo đảng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua đội ngũ trợ lý và cố vấn, thông qua các nhà ngoại giao, nhà báo, nhân viên tình báo KGB. Có thể công nhận một sự thật rằng phương Tây trong những năm tám mươi đã bắt đầu tăng cường mọi nỗ lực điều khiển ban lãnh đạo cao nhất.

3. Các nhà nghiên cứu Kremli học đã nghiên cứu tình hình dưới thời Breznev. Andropov và Chernenko đã ốm yếu không thể gượng dậy nổi.

Vậy thì vai trò chính sẽ dành cho một trong hai người – Romanov hoặc là Gorbachov. Sau khi đã nghiên cứu kỹ những phẩm chất của hai người này, các cơ quan nghiên cứu của phương Tây đã quyết định loại bỏ Romanov và dọn đường cho Gorbachov.

4. Họ đã sáng tạo và tung ra những lời vu khống đối với Romanov trên các phương tiện thông tin đại chúng (rằng hình như ông ta đã ra lệnh đem những món đồ đắt giá trong Cung điện Mùa Đông tặng cho đám cưới của con gái mình), và mọi lời miệt thị khác dành cho ông ta. Những kẻ sáng chế ra lời vu khống tin rằng “các chiến hữu” của Romanov sẽ không bảo vệ được ông ta. Chuyện đó đã xảy ra. Thậm chí Andropov, người đã từng coi Romanov là bạn, cũng không sử dụng một biện pháp nào để bác bỏ sự vu khống. Có lẽ là không đáng phải phản ứng với trò vặt như vậy. Song điều đó không hề là vặt vãnh. Nó chính là sự khởi đầu của một chiến dịch có quy mô to lớn với những hậu quả khôn lường.

5. Chúng ta lấy chính việc bầu tổng bí thư làm thí dụ! Thì đó rõ là một phần chiến dịch của các cơ quan tình báo Mỹ, thậm chí rất nhiều người phương Tây hiểu rõ. Tất cả đã được sắp xếp một cách có ý đồ để lựa chọn ra 8 người. Theo lời đề nghị của ai đó, họ đã làm chậm chuyến bay từ Mỹ trở về của ủy viên Bộ Chính trị Xerbitxk – người biểu quyết loại bỏ Gorbachov. Họ không thông báo về việc bầu cử cho một ủy viên Bộ Chính trị khác đang đi nghỉ dưỡng. Người đó chính là Romanov – người sẽ mãi mãi chống lại Gorbachov. Nếu thêm hai phiếu này, Gorbachov đã không thể trở thành tổng bí thư – ông ta đã đạt do hơn đúng một lá phiếu!”.

Nếu như mọi người đã nghe được, dẫu không phải là tất cả thì cũng là phần lớn, về ngành Kremli học như một lĩnh vực nghiên cứu chính trị của Mỹ, còn việc sử dụng vũ khí tổ chức – thông tin đối với nền văn học của chúng ta vẫn là đề tài cực mới. “Dấu hiệu đầu tiên” là bài báo mang tiêu đề “Liệu có tồn tại loại “vũ khí có tổ chức”?”. Cho dù tính chất mới là của đề tài, đối với quảng đại quần chúng đó vẫn chỉ là điều thường nhật: chẳng lẽ các phương pháp “bí mật” của cơ quan tình báo mà báo chí “tự do” Nga thường phanh phui là còn quá ít hay sao. Song, với ban lãnh đạo, lại là ở

cấp liên bang, trước những sự kiện mang bản chất đảo lộn to lớn như thế lại dường như nằm ngoài dòng chảy thông tin này. Đây chính là điều hoàn toàn không bình thường và đã trở thành thảm kịch.

Một bộ phận lãnh đạo đảng, mà thực ra là toàn bộ ban lãnh đạo Liên Xô, đã không hình dung nổi rằng mình đã bị sai khiến và bị điều khiển, để rồi sau đó họ vẫn khẳng định với một lương tâm trong sạch rằng mình đã hành động hoàn toàn độc lập. “Cải tổ” còn có một đặc tính mà không ai để ý. Đó là sự gia tăng tốc độ thông qua các quyết định đến mức kinh hoàng. Các cơ chế chuẩn mực của chúng ta không cho phép làm điều đó. Nghĩa là, tốc độ của những thay đổi đã đến mức buộc hệ thống trở nên phi tập trung.”

Phương thức nguy hiểm nhất trong tổ chức – đó là các điệp viên và kẻ thù giấu mặt, hoặc những kẻ cơ hội thâm nhập được vào cơ cấu quyền lực. Cho dù đây là phương thức tương đối khó, song phần thưởng trong trường hợp thành công sẽ là một chiến thắng trọn vẹn. Điều khó khăn ở đây không thuộc về phương pháp, mà tùy thuộc ở tính cách cá nhân đối tượng. Những kẻ dễ thay đổi (cơ hội) luôn cần được dè chừng, bởi chúng có khả năng hành động bất thỉu, ti tiện nhất. Cho đến nay chúng ta chưa biết các nhà phân tích phương Tây đã sử dụng phương pháp (hay một loạt các phương pháp) nào để “lôi” M. X. Gorbachov lên ngai. Chúng ta chỉ nhận thấy được rằng không có các cơ quan mật vụ nước ngoài thì điều này đã không xảy ra: “Cho đến khi thâm nhập được vào chuyện bếp núc chính trị, tôi đã nhận thấy những sự thật mới, tôi ngày càng hiểu rõ trò chơi bí mật lớn đằng sau những vị trí quyền uy trong ban lãnh đạo đất nước chúng ta và trước hết là vì chiếc ghế tổng bí thư. Vào giữa những năm 1980 có nhiều thế lực khác nhau đã hành động để cố giành lấy những vị trí then chốt. Và trong cuộc đấu tranh đó không có một nguyên tắc nào hết. Kể cả việc không chỉ có cơ quan mật vụ trong nước hoạt động trong việc sắp xếp các nhân vật then chốt trong Olimpia, trong việc loại bỏ những ứng cử viên có khả năng.

Các trung tâm khoa học, các cơ quan tình báo và những cơ quan khác của NATO đã phân tích cả việc phân bố lực lượng trong Bộ Chính trị BCHTW ĐCS Liên Xô. Họ đã chăm chú theo dõi tình hình ở Nga thay đổi

ra sao khi thay tổng bí thư để rồi đi tới kết luận rằng thủ lĩnh đất nước chắc chắn trong tương lai là Gorbachov. Margaret Thatcher đã bắt thân với ông ta vào năm 1984 tại lễ tang Andropov. Phía Anh đã yêu cầu để Mikhail Gorbachov dẫn đầu đoàn đại biểu Xô Viết tối cao Liên Xô được mời sang thăm London. Cuộc trò chuyện giữa ông ta với Thủ tướng Anh đã diễn ra “mắt trong mắt”. Cùng tham gia chỉ có Iakovlev.

Những báo cáo của ông ta gửi Bộ Chính trị BCHTW ĐCS Liên Xô đã có cái gì đó không rõ ràng. Ông ta không thể viết thẳng ra những gì “bà đầm thép” đã nói, đã khuyên mình. Bên cạnh đó, mối quan hệ bất bình thường giữa Thatcher và Gorbachov đã trở nên bền chặt. Bà ta tuyên bố: “Có thể làm việc với con người này”. Mikhail Xergeievich Gorbachov được họ gọi là “ngôi sao mới” và họ bắt tay vào thiết lập địa vị chính trị cho ông ta. “Chúng tôi đã làm cho Gorbachov thành tổng bí thư”, – đã có một lần Thatcher nhận xét như vậy. Và điều đó đúng là một sự thật”.

Nếu mục tiêu trong một cuộc chiến tranh thông thường – đó hoặc là người chiến binh của phía đối phương, hoặc là một đơn vị kỹ thuật chiến đấu, thì trong một cuộc chiến tranh tổ chức – đó là chiếc ghế cao dành cho “người của mình” hoặc là những khả năng nào đó rộng mở ra trước mặt. *“Những nhân vật then chốt trong ban lãnh đạo Liên Xô, nhiều người trong số họ trước đây đã từng được học hành ở các trường của nước ngoài (...) được bố trí vào những vị trí đã dành sẵn cho họ trong hệ thống điều hành, chỉ bởi những tác động thông tin có định hướng không nhằm được vào các mục tiêu khác”*.

Người ta mới chỉ biết được cụ thể và chắc chắn về một chiến dịch nhiều bước của cơ quan tình báo Anh: “Việc cất nhắc (...) đã diễn ra không thể thiếu được sự trợ giúp ngấm ngầm của những người Anh, những người đã cấp visa (giấy thông hành) cho cán bộ của ta sang thăm London... Gordievski mới chỉ bắt đầu học tiếng Anh và hoàn toàn chưa biết gì về nước Anh, song anh ta vẫn “thử kiếm visa” mà không cần biết kết quả. Chính Gordievski kể với tôi (đó là lần duy nhất anh ta cho tôi thấy rõ tính



chất lấu cá và cách sống hai mặt của mình) rằng anh ta hoàn toàn không ngờ lại có kết quả – anh ta được cấp visa!

Bản thân tôi và các đồng nghiệp của mình đã giải thích điều đó rằng anh ta không biết tiếng Anh và cũng chẳng tiếp xúc với người Anh hay người Mỹ nào ở Đan Mạch. Ngoài ra, chúng tôi cũng không nghĩ Gordievski là người được tuyển mộ hay một cán bộ của chiến dịch có thể “viết tin”, đặc biệt là sử dụng báo chí. Trong cơ quan, chúng tôi giải thích việc anh ta có được visa là vì người Anh không thể lúc nào cũng từ chối cấp visa, rõ ràng là họ cho rằng Gordievski rất kém tiếng Anh nên sẽ không gây tác hại gì cho họ... Vào thời gian này, chúng tôi luôn phong tỏa việc cấp visa cho các nhà ngoại giao Anh có ý định đến Matxcơva...

Chúng tôi nhận thấy rằng tình báo Anh đã bảo đảm cho Gordievski được tiếp xúc với một phổ rộng thông tin mật, họ đã bắt đầu thận trọng trải thảm cho con đường thăng tiến của anh ta, họ đuổi dần các thủ trưởng của anh ta về nước, để cuối cùng Matxcơva rơi vào thế tiến thoái lưỡng nan: hoặc là tiếp tục cuộc chiến visa với người Anh và bỏ trống các vị trí cán bộ tại văn phòng ở Anh; hoặc buộc phải chấp nhận để Gordievski vào vị trí đó. Rút cuộc, anh ta đã được đẩy lên cao”. Đây là trường hợp cho dù là duy nhất (Có thể dẫn thêm ra đây một trường hợp tương tự về sự thăng tiến của tướng D. Poliakov ở Tổng cục Tình báo), song rất có ý nghĩa.

Trong vấn đề này, cần phải nhớ rằng các nhà phân tích phương Tây không chỉ không quên về sự tồn tại quyền lực đen trong các cơ cấu, mà ngược lại, khi nhận thấy sự tồn tại của nó họ lập tức bắt tay vào nghiên cứu ngay thành tố đó. “ở Liên Xô, việc thiếu năng lực hành vi của các tổng bí thư L. Breznev và K. Chernenko – về hình thức là những người có quyền lực to lớn – trên thực tế không được phản ánh trong những công việc thường nhật. Điều hành thực sự lại là một cơ cấu mạng lưới vô hình với một thành phần rất hạn chế. Toàn bộ mối quan hệ và sự tùy thuộc lẫn nhau của nó hoàn toàn nằm trong bóng tối. Mỹ, để giành được chiến thắng đối với Liên Xô, đã bỏ ra rất nhiều nỗ lực nhằm nghiên cứu và phá bỏ tổ chức hệ thống điều hành mạng lưới cao nhất của nó. Những hoạt động của tổ

chức các nhà Kremli học do Allen Dalles lập ra đã sử dụng rất nhiều câu chuyện tiểu lâm. Tuy nhiên, những sự kiện, dấu nhỏ nhặt, được họ tập hợp và phân tích một cách có hệ thống đã tạo ra một bức tranh toàn cảnh về những việc đang diễn ra ở nông dân lớp trên, vai trò của từng nhân vật tham gia cơ cấu điều hành, đồng thời mở ra những khả năng tác động vào môi trường đó. Vào thời gian đó, chính quyền cao nhất ở Liên Xô đã bộc lộ tính chất yếu kém”.

Tuy nhiên, chiến dịch đông đảo nhất trên “mặt trận” của cuộc chiến tranh này là cuộc “bầu cử thực sự độc lập” năm 1988-1990 với kết quả: đã có một số lượng đáng kể “các nhà dân chủ” tham gia vào chính quyền trong khuôn khổ hợp pháp, để từ đây họ có thể can thiệp từng phần vào cơ cấu thừa hành.

Sự hiện diện và sử dụng các phương thức tương tự nhằm đưa những thành tố thù địch vào phạm vi điều hành cơ cấu quốc gia, sự xuyên tạc những quá trình điều hành trong từng giai đoạn đã nói lên rằng việc tách an ninh điều hành – một lĩnh vực mới về mặt nguyên tắc ra khỏi an ninh thông tin chung – đã trở nên cực kỳ cần thiết.

### **Chiến tranh tài chính – kinh tế**

Cho dù công nghệ tài chính – kinh tế nhằm gây thiệt hại cho kẻ thù đã được sử dụng từ rất lâu, song chính thuật ngữ này đối với đông đảo bạn đọc dường như vẫn mới. Mục tiêu của cuộc chiến tranh có quy mô lớn này từ phía Mỹ chống Liên Xô, các nước Đông Âu và chống lại mọi đối thủ cạnh tranh khác chỉ là một – khai thác càng được nhiều tài nguyên càng tốt, làm mất khả năng linh hoạt của Liên Xô trong việc điều hành các nguồn tài chính và vật chất, không cho phép Liên Xô tiếp cận với cuộc cách mạng thông tin và khoa học – kỹ thuật; thu hút được lợi nhuận tối đa nhờ “chiến tranh”.

Đề tài mới này cần có một định nghĩa: “Chiến tranh tài chính – đó là bộ phận cấu thành của chiến tranh kinh tế. Về phần mình, chiến tranh kinh tế là thành tố của cái gọi là chiến lược gây căng thẳng. Các cuộc chiến tài

chính có thể được tiến hành bằng bất kỳ lực lượng nào có đủ tiềm lực tài chính, có cơ cấu và mối quan hệ phù hợp. Ngày nay, như thực tiễn chỉ ra, không chỉ có những quốc gia đang cạnh tranh với chúng ta mới sử dụng tổ hợp những phương tiện này. Hơn nữa, bản thân các quốc gia đều có thể trở thành nạn nhân của các nhóm tài chính hùng mạnh có những lợi ích clann của nó. Không loại trừ việc những lợi ích nhóm có thể không trùng hợp với những lợi ích của chính đất nước “thân yêu” của mình. Chỉ những người được giáo dục tinh thần mác xít ngay thơ mới có thể tin vào việc không thể có những cuộc chiến tranh không tuyên bố diễn ra giữa quốc gia và nhóm tài phiệt “nào đó”. Chính đồng bào ta cũng khó tin vào một sự thật: có kẻ nào đó trong nước đang tính kế chống lại quốc gia. Con ngáo ộp quốc gia độc quyền của chúng ta đã ngăn trở mọi người hiểu ra bản chất phân bố lực lượng trong thế giới hiện đại”.

Chỉ trong một khoảng thời gian rất ngắn, hàng loạt những biện pháp chiến dịch đã được tiến hành nhằm vào những hướng phát triển kinh tế then chốt ở Liên Xô.

*Giảm giá dầu mỏ.* Vào tháng 4 năm 1981, Giám đốc CIA là W. Casy đã tới thăm Ảrập Xêud để gặp đồng sự của mình là Sếp an ninh Tiurki al Fasal của Ảrập Xêud và nhà vua al Saud. Ông ta, sau khi thông báo nguy cơ chiếm đoạt sự giàu có của Ảrập Xêud từ phía các nước láng giềng thân Liên Xô, đã đàm phán về “mối quan hệ” giữa Ảrập Xêud với Mỹ đối với những vấn đề của Liên Xô. Cần thấy rằng tình hình của Ảrập Xêud lúc đó đang thực sự bất ổn. Đất nước này đang bị các nước có khuynh hướng thân Liên Xô vây quanh. Những nước này đều có những cố vấn quân sự Liên Xô trong lực lượng vũ trang của họ: ở Bắc Iemen là 500 người; ở Xiry – 2500; ở Etiopia – 1000; ở Irắc – 1000. Sự tách biệt địa chính trị vì thế đã trở thành yếu điểm trong triển khai hoạt động đối ngoại chính trị của Ảrập Xêud.

Ảrập Xêud sẵn sàng chìa tay ra với bất kỳ đồng minh nào – những sự kiện sau đó ở Vịnh Perxich đã khẳng định cơ sở của quan điểm này. Ảrập Xêud là nước chủ yếu cung cấp dầu mỏ cho thị trường thế giới, vào thời

điểm đó nó chiếm 40% tổng sản lượng của OPEC. Trên thực tế, nó là nước định đoạt giá dầu mỏ, do phần lớn các nước OPEC trao quyền cho nó nhằm buộc Ả-rập Xê-ud giảm sản lượng xuất khẩu và nâng giá từ 32 USD/thùng lên 36 USD. Liên Xô và “những bạn bè của mình” đã có được một nguồn ngân sách chủ yếu từ việc xuất khẩu dầu mỏ. Cứ mỗi lần nâng giá thêm 1 USD/thùng thì trong ngân khố quốc gia Liên Xô có thêm 1 tỷ USD. Mỹ không bao giờ bỏ qua chuyện này.

Đến nay, theo các đánh giá của các nhà phân tích Mỹ về vấn đề này được giải mật và được dẫn ra: “Liên Xô, nếu họ muốn tăng hay giữ ở mức độ hiện nay việc sản xuất các loại nguyên liệu thô, cần phải đầu tư vốn và công nghệ từ phương Tây. Để khắc phục sự thiếu hụt hiện nay, cũng như trong việc phát triển tiến bộ công nghệ thì nhập khẩu đều đóng một vai trò quan trọng. Liên Xô có rất nhiều nguồn nguyên liệu năng lượng có thể xuất khẩu. Nhưng giá khai thác chúng tăng lên, nền kinh tế Liên Xô kém thích ứng với việc nâng cao khả năng sản xuất và tiến bộ công nghệ. Sản xuất dầu mỏ đang tăng lên, song rất chậm. Thậm chí mức tăng trưởng trong những năm gần đây không cao. Sử dụng công nghệ của phương Tây là yếu tố cơ bản để duy trì lĩnh vực có khả năng đem lại thu nhập ngoại hối cho nền kinh tế.

Liên Xô sẽ buộc phải nhập khẩu thiết bị của phương Tây trong khai thác dầu mỏ và khí đốt để duy trì việc khai thác tại những mỏ có tiềm năng lớn... Chỉ có phương Tây sản xuất được thiết bị lắp đặt đường ống kích thước lớn. Theo đánh giá của chúng tôi, tại các công trình lắp đặt đường ống dẫn khi đốt, đến cuối những năm 1980, Liên Xô sẽ cần ít nhất 15-20 triệu tấn ống nhập khẩu. Họ cũng cần tới thiết bị hiện đại để khai thác – đó là máy nén khí và turbin công suất lớn.

Tuy nhiên, đối với Liên Xô hiện nay, khả năng trích ra một khoản ngoại tệ cần thiết để nhập khẩu thiết bị của phương Tây là rất khó khăn, mà trong tương lai có thể còn khó khăn hơn. Nguyên nhân chủ yếu của vấn đề này là do việc sản xuất dầu mỏ bị ngừng trệ và có khả năng giảm sút. Theo những dự đoán của chúng tôi, việc có được một nguồn ngoại tệ tăng lên nhờ tăng

khí đốt chỉ đáp ứng được một phần sự suy giảm từ xuất khẩu dầu mỏ. Về cơ bản, do sụt giá nhiên liệu nên các thỏa thuận giữa Liên Xô và phương Tây trong những năm 1980 ít có lợi hơn so với những năm 1970, khi diễn biến giá cả của dầu mỏ và vàng cho phép Liên Xô có được lợi nhuận to lớn. Các nước OPEC sẽ có ít khả năng để trả ngoại tệ cho vũ khí của Liên Xô”.

Về điều này, các nhà nghiên cứu của chúng ta cũng nói: “nhiên liệu và nguyên liệu luôn có mặt trong xuất khẩu của Liên Xô, nhưng “sự bùng nổ dầu mỏ” của thập kỷ 1970 đã đẩy hướng xuất khẩu tài nguyên của chúng ta đến chân tường. Nếu trong những năm 1960, xuất khẩu dầu nguyên liệu của Liên Xô là 17,8 triệu tấn, thì những năm 1980 đã đạt 119 triệu tấn. Thật đáng xấu hổ, nhưng vào đầu những năm 1980, nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm bán thành khí chiếm hơn 4/5 toàn bộ hàng hóa xuất khẩu – cao hơn tất cả các nước khác. Khi không nhận ra việc tăng cường xuất khẩu các tài nguyên thiên nhiên là “quả mìn nổ chậm” trong xã hội mình, chúng ta vẫn hồn nhiên viết hàng loạt sách vạch trần cơ chế bóc lột của chủ nghĩa đế quốc đối với tài nguyên thiên nhiên của các nước thuộc “thế giới thứ ba”, tính chất nguy hiểm của khuynh hướng xuất khẩu nguyên liệu đối với những nước đó”.

Những sự kiện gần đây liên quan tới sự đột biến giá dầu rõ ràng bất lợi cho Nga đã cho thấy rằng Mỹ đã giành được thắng lợi trong vấn đề này khi áp đặt được quyền kiểm soát của mình đối với giá dầu mỏ.

*Vấn đề lương thực.* Một phương pháp nhân tạo khác trong chiến tranh kinh tế là việc Liên Xô mua ngũ cốc của nước ngoài, một phần trong đó không có người nhận và để hư hỏng. Vì sao ngũ cốc trong nước thường xuyên hàng năm “không đủ” theo tính toán của các nhà phân tích rất giỏi giang. “Việc tìm kiếm nguồn vốn để mua ngũ cốc ở Mỹ, Canada, Ôtxtralia vẫn diễn ra như trước đây. Trong cả nước đã dấy lên một làn sóng phản nộ: nước Nga đang ăn thịt những người thực sự cần lúa mì. Tuy nhiên sự việc vẫn được tiếp tục: đắt gấp ba lần vẫn mua. Theo truyền thống đã hình thành, vì những chiến dịch như vậy mà cán bộ của các tổ chức thương mại

nhận đầy những phần thưởng cao quý, kể cả việc được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động xã hội chủ nghĩa...

Nhưng khi đó người ta không tiếc tiền, các phần thưởng nhận được đã buộc mọi người im tiếng về những trường hợp những lô hàng ngũ cốc đắt tiền bị hư hỏng. Các cơ quan hữu trách thường xuyên báo cáo cho lãnh đạo: song nói thì sợ, im lặng lại có lợi, không thì có khi phải ngồi vào ghế bị cáo. Còn những kẻ phạm tội thì bình an vô sự (*nguyên văn* – vẫn khô ráo khi ra khỏi nước).

Mùa xuân năm 1982. Các báo cáo cho thấy ngũ cốc trong nước lại thiếu.

N. X. Leonov (trung tướng, Cục trưởng Cục Phân tích KGB Liên Xô, về hưu năm 1991): “(...) trong năm 1984, chúng ta đã phải mua ngũ cốc của nước ngoài với số lượng kỷ lục – 54 triệu tấn. Một kỷ lục tuyệt vời! Còn kế hoạch mua trong năm 1985 là 40 triệu tấn”. Vấn đề đặc biệt là không chỉ nhà nước mất đi trong túi mình một lượng ngoại tệ lớn, mà đó còn là sự phụ thuộc hoàn toàn vào phương Tây trong lĩnh vực an ninh lương thực, thậm chí tới mức cực kỳ nguy hiểm. Đó chính là thời kỳ mà theo lời Iu. V. Andropov nói tại Hội nghị toàn thể (tháng 6-1983) của BCHTW ĐCS Liên Xô – “Một đất nước có gần một nửa diện tích đất màu mỡ của thế giới lại đi nhập khẩu hàng chục triệu tấn ngũ cốc – một sự bất hạnh và nhục nhã vĩ đại nhất”.

*Bán vàng.* Nguyên liệu giá trị nhất đã bị các quan chức Liên Xô bán tống bán táng đi là vàng và các tài sản khác. Nếu như trước năm 1980 đã có tới 90 tấn vàng bị bán đi, thì từ tháng 1 đến cuối tháng 11 năm 1981 đã bán tới 240 tấn, sau đó việc bán vàng còn đẩy mạnh hơn. giá vàng đã sụt xuống tương ứng, cho dù Liên Xô đã áp dụng các biện pháp để tiến hành việc bán vàng có lợi nhất: “Trong những những năm hoàng hôn của trì trệ ngành tình báo còn phải gánh chịu một bất hạnh nữa. “Cấp trên” bắt đầu giao cho tình báo những nhiệm vụ không đúng nghiệp vụ công tác. Nó bị người ta biến thành “kẻ lấp chỗ trống”. Phạm vi hoạt động của nó được mở rộng đến mức nguy hiểm. Ví dụ, một lần chúng tôi nhận được nhiệm vụ soạn dự báo biến động giá trên thị trường vàng thế giới. Nhiệm vụ rất tế nhị, để hoàn

thành nó chúng tôi buộc phải sử dụng một số lượng cán bộ nhất định. Người ta cũng báo trước rằng phải hoàn thành nhiệm vụ trước khi Liên Xô xuất một lô lớn vàng ra thị trường vàng thế giới. Chỉ một lỗi trong dự báo cũng có nghĩa là bị mất hàng chục, thậm chí hàng trăm triệu USD. Trong khi tôi giao nhiệm vụ, thì đã có người nói với vẻ không thoải mái: “Thế chúng ta không có ngân hàng nhà nước sao? Còn Bộ Ngoại thương họ làm gì? Các ông trùm ngân hàng Xô Viết đâu cả rồi, những kẻ vẫn thường xuyên làm việc ở nước ngoài và chuyên ra lệnh cho các ngân hàng Xô Viết ấy?”. Tôi không thể trả lời được câu hỏi này, nên đành giải thích rằng chúng ta được cấp trên tín nhiệm thực hiện công việc này hơn cả những chuyên gia khác... vấn đề lớn lúc này là làm sao hoàn thành nhiệm vụ được giao, bởi dân tình báo chưa từng làm việc như thế này bao giờ nên không hề có khái niệm về quy trình công nghệ ra sao, hơn nữa thời hạn đặt ra rất gấp – chỉ một tuần.

Bắt tay vào công việc. Một số được giao nhiệm vụ vẽ biểu đồ biến động giá vàng trong 3 năm gần đây; nhóm khác thì nghiên cứu tình hình dự trữ thứ kim loại này trên thế giới, diễn biến của việc xây dựng các mỏ khai thác mới và trữ lượng; nhóm thứ ba đánh giá công nghệ và tiến bộ khoa học – kỹ thuật trong lĩnh vực khai thác và ảnh hưởng của chúng tới giá vàng; nhóm thứ tư thì nghiên cứu phong trào đình công, bãi công tại các khu mỏ; nhóm năm – nhu cầu công nghiệp và thương mại đối với vàng. Chúng tôi lảng lảng tìm hiểu ở các chuyên gia, những người có liên quan đến vàng. Đến cuối tuần, chúng tôi tụ tập nhau cùng thảo luận và đưa ra kết luận rằng giá vàng trong vòng 3-4 tuần tới sẽ giữ ở mức ổn định. Báo cáo đã được gửi cho Chủ tịch KGB, tuy nhiên chúng tôi cũng vẫn căng thẳng thần kinh theo dõi biến động và đột biến giá cả của thứ vàng đáng ghét đó trên thị trường giao dịch.

Chúng tôi không được đào tạo để thực hiện những nhiệm vụ kiểu đó, song vẫn cố gắng hoàn thành nhiệm vụ được giao với tư duy lành mạnh và có cơ sở khoa học. Thật may được chúa trời thương xót, giá vàng trong thời gian đó ngày càng tăng cao, chúng tôi như những đứa trẻ vui mừng vì đã

đoán đúng, song trong thâm tâm vẫn lo lắng về việc quốc gia giao cho chúng tôi những nhiệm vụ không thích hợp.

Nếu trong vấn đề dầu mỏ, cạnh tranh ở cấp quốc gia với Liên Xô là Arập Xeut, thì trong thị trường vàng là Nam Phi. Matxcơva đã thiết lập được những mối quan hệ bí mật với các hãng ở đó. Trong năm 1978, tại Thụy Điển đã diễn ra một cuộc gặp gỡ bí mật. Trong suốt những năm 1970, khi giá vàng đang ở mức cao, hai bên đã hợp tác cùng nhau không tồi. Tuy nhiên sau này, do Liên Xô tung ra một lượng lớn vàng ra thị trường thế giới, giá đã sụt giảm. Điều này làm cho Hãng “De Birs” và nhiều hãng khác không hài lòng. Phía Mỹ đã thổi phồng sự việc này cùng một số chuyện khác: “ở Mỹ và vào những năm Liên Xô cải tổ cũng như hiện nay luôn có những báo cáo tình báo về tình hình dự trữ vàng của Liên Xô. Đây chính là một quan điểm tình báo vô cùng quan trọng cho phép đánh giá khuynh hướng trong phát triển kinh tế.

Một trong những bản báo cáo đó cho biết: “Liên Xô từ năm 1981 đã tăng số lượng vàng bán ra. Trong năm 1980 họ đã bán 90 tấn, xấp xỉ như trước đây. Nhưng đến tháng 11 năm 1981 họ đã quy đổi 240 tấn thành tiền và vẫn tiếp tục tăng bán ra”. Bản báo cáo có kết luận: “Liên Xô đang có những khó khăn lớn. Chúng ta cần phải tiếp tục kiên trì đường lối của mình”.

Đằng sau những lời khuyến nghị này là những hoạt động phá hoại ngầm của chính quyền Reagan nhằm đánh bại Liên Xô. Từ thời thượng cổ, vàng trong ngân khố thường được dùng để phá hoại nền độc lập của quốc gia thù địch. Hàng loạt sự kiện đã tạo nên những cơ sở để khẳng định rằng Mỹ cùng đã dùng thứ vũ khí bí mật này để chống Nga. “Dưới sự yểm trợ” của lạm phát Gaida, phương Tây đã áp dụng vào nền kinh tế Nga một cơ chế phá hủy mạnh nhất để phá hoại và làm mất ổn định – cơ chế không thanh toán, để từ đó nhanh chóng dẫn dự trữ vàng của Nga tới sụt giảm ở mức nguy hiểm và cùng với điều này là sự suy yếu chung của cả nước.

Cách thức này không mới. Cơ chế tương tự đã từng được áp dụng thành công từ thời hoàng hôn của Roma đệ nhị – Đế quốc Vizanti. Đồng thời với sự tấn công của các lực lượng bên ngoài với mục tiêu là chia cắt dân chúng



và phá hoại nền văn hoá vĩ đại của quốc gia Vizanti, bên cạnh đó là sử dụng áp lực kinh tế nhằm gây nên thảm kịch: để chế hết sạch vàng! toàn bộ vàng bị những nhân vật ẩn danh vét hết để tuồn ra nước ngoài. Ngày nay chúng ta gọi thảm kịch này là “khủng hoảng không thanh toán”. Khi thiếu hụt vàng trầm trọng, thương mại sẽ rối loạn, trao đổi hàng hóa bình thường sẽ bị ngưng trệ, toàn bộ nền kinh tế của Vizanti đã tê liệt”.

Bằng cách tương tự, để bóp nghẹt Liên Xô trong thị trường vàng, CIA đã ký kết nhiều thỏa thuận bí mật với Nam Phi và các nước có liên quan khác. Và cả hai bên thỏa thuận đã thực hiện đúng hợp đồng.

*Chạy đua vũ trang.* Bộ phận này của chiến tranh kinh tế đã kéo Liên Xô vào vòng quay những chi phí to lớn cho lĩnh vực vũ trang, gây ra những tổn thất khổng lồ – sau khi chuyển hướng nền kinh tế sang tổ hợp công nghiệp quân sự, Liên Xô đã không thể phát triển như họ mong muốn nếu như không có mối đe dọa thường xuyên từ bên ngoài. Cuộc tranh đua trong lĩnh vực vũ trang được bắt đầu ngay sau khi kết thúc chiến tranh thế giới thứ hai đã có “cơ sở trí thức” của mình: “... Học thuyết “làm kiệt quệ” Liên Xô không chỉ bằng con đường “những cuộc chiến tranh địa phương” mà cả bằng cuộc chạy đua vũ trang không thể kiềm chế. Như thông báo của tạp chí “News Week” ngày 2 tháng 10 năm 1961, “Washington tin tưởng ngày càng tăng rằng việc để những chi tiêu quốc gia, trước hết là cho lĩnh vực quân sự đạt tới những con số “kỷ lục” trở nên cần thiết, “nếu Hoa Kỳ” phải sử dụng tiềm năng kinh tế hùng mạnh của mình trong “chiến tranh lạnh”.

Với tư cách là một tác giả có ảnh hưởng của học thuyết này, Henry Rowen – nhân viên của RAND Coporation, từng là Thứ trưởng Bộ Quốc phòng trong Chính phủ D. Kennedy – trong nghiên cứu của mình về “An ninh quốc gia và kinh tế những năm 1960” đã đưa ra phương châm rằng trong mức tăng hàng năm tối thiểu của tổng sản phẩm quốc nội Mỹ là gần 15 tỷ USD, thì chi phí quân sự có thể tăng lên thêm 10 tỷ USD. Những lý lẽ của Rowen, – “News Week” viết, – là hình thái mới của chiến lược địa chính trị”. Chiến tranh kinh tế – tài chính chiếm một phần rất lớn trong “chiến tranh lạnh”. Chiến tranh kinh tế – tài chính chống lại Nga đã nhận

được sự ủng hộ từ phía “Xô Viết”. “Ngay từ thời “trì trệ” người ta đã lần lượt chuyển ra nước ngoài 100 tỷ USD (chủ yếu từ việc bán dầu mỏ). Trong những năm 1985-1991, người ta đã bù thêm một khoản tương đương từ việc bán dự trữ vàng của Liên Xô”. Nếu vào những năm Liên Xô còn tồn tại, điều này được coi là sự phá hoại, song không còn bị trừng phạt nghiêm khắc sau khi Xtalin mất, thì sau năm 1985 trở đi – sự bất lương của đám tư sản mại bản được hỗ trợ bằng cơ sở pháp luật này đã trở thành chuẩn mực.

Phương thức đáng kể đầu tiên của “thời kỳ Gorbachov” – đó là “chiến dịch chống rượu” nổi tiếng đã gây ra tổn thất, theo đánh giá của V. X. Pavlov, 40 tỷ rúp ngân sách. Đòn tấn công tiếp theo trên mặt trận kinh tế được triển khai dưới sự chỉ đạo của đám maphia “kinh tế đối ngoại” Liên Xô. Theo đó, Quyết nghị của BCHTW ĐCS Liên Xô và Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô “về các biện pháp hoàn thiện sự điều hành của các quan hệ kinh tế đối ngoại” đã được công bố vào ngày 19 tháng 8 năm 1986. Quyết nghị này đã trao quyền tiến hành độc lập hoạt động kinh tế đối ngoại cho 20 bộ và 60 xí nghiệp lớn. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1987, Nhà nước chấm dứt độc quyền buôn bán đối với các nguyên liệu chiến lược. Phương Tây đặc biệt phấn khởi về sự chuyển quyền này.

Ngày 13 tháng 1 năm 1987, Sắc lệnh của Đoàn chủ tịch Xô Viết tối cao Liên Xô “Về những vấn đề liên quan tới việc xây dựng trên lãnh thổ Liên Xô và hoạt động của các xí nghiệp Xô Viết, của các tổ chức và liên doanh quốc tế với sự tham gia của các hãng, tổ chức, cơ quan điều hành Xô Viết và nước ngoài” và Quyết nghị của hội đồng Bộ trưởng Liên Xô “Về hoạt động xí nghiệp chung và các liên doanh kinh tế chung” đã được ban bố. Thêm vào đó còn có Đạo luật về xí nghiệp quốc doanh ngày 30 tháng 6 năm 1987 đã trao quyền ưu tiên cho những sản phẩm sản xuất để bán ra nước ngoài. Chúng ta còn nhớ rằng Đạo luật về hoạt động lao động tư nhân xuất hiện ngày 19 tháng 11 năm 1986, còn Đạo luật về hợp tác xã – ngày 26 tháng 5 năm 1988. Trong vấn đề này, bộ máy của đảng đã trở nên vội vàng – sẽ là lô gíc hơn khi thành lập các xí nghiệp tư nhân sau chu kỳ cải tạo kinh tế. Họ cần nhanh chóng dựng nên các xí nghiệp tư nhân để phá tán

sự giàu có của đất nước và nhân dân. Ví dụ, tổng giám đốc một xí nghiệp dầu mỏ tư nhân là ngài Bộ trưởng Công nghiệp dầu mỏ đương chức Nikolai Lemaiev. Tổng giám đốc nhà hàng “McDonal’s -Matxcova” là thủ trưởng của ngành “thực phẩm Matxcova” Iuri Malyskov”.

Chiến tranh kinh tế đã có một khía cạnh đặc biệt của nó trong điều kiện Liên Xô bị phân tán. Khi đó, như là được ra lệnh, tất cả các nước cộng hòa đã ngừng cấp mọi nguồn lực, kể cả tài chính, về cho Trung ương. Những yêu sách của các nước cộng hòa đã khoét sâu thêm sự đổ vỡ giữa chúng cũng như trong quan hệ với Trung ương: “Năm 1989, vấn đề đã đi đến chỗ tất cả các nước cộng hòa từng gia nhập vào Liên Xô đã đưa ra những tình toán “không thể bác bỏ” rằng không một nước cộng hòa nào nhận được sự giúp đỡ và hỗ trợ từ những nước cộng hòa khác. Ví dụ, Gruzia đã xuất siêu tới 4 tỷ rúp; ủy ban nghiên cứu và xác định mức độ bồi thường của Liên Xô cho Cộng hòa Litva và nhân dân Litva cho rằng toàn Liên Xô nợ họ 462.121.854.500 USD.

Nền kinh tế Liên Xô vốn đã phát triển không thật tốt nhất khi chưa có tác động tiêu cực của bên ngoài. Tình hình đó, cho đến khi Mỹ thực hiện Chỉ lệnh của Hội đồng An ninh quốc gia (NSC) NSDD số 66 (ngày 13 tháng 11 năm 1982), áp dụng bổ sung các phương thức phá hoại có chủ ý trong lĩnh vực tài chính và kinh tế thì hệ thống đã bị phá vỡ hoàn toàn. “Chiến dịch chống rượu” tất nhiên đã có vai trò đặc biệt trong vấn đề này; những sự chuyển hướng của các nguồn tài chính, trước hết là cho đầu tư và lĩnh vực phi sản xuất; việc chấm dứt hoạt động của các xí nghiệp “bần” về sinh thái sau hội chứng Chernobyl – như nhà máy điện nguyên tử ở Armenia vào năm 1988-1989); những cuộc bãi công ở vùng ngoại Kavkaz, cũng như của những người thợ mỏ Kuzbass[12]; âm mưu chuyển 130 tỷ rúp thành 7 tỷ USD (do G. I. Philsin, Chủ nhiệm Phòng Nghiên cứu của Viện kinh tế và tổ chức sản xuất công nghiệp tiến hành, nhờ kết quả bầu cử đã trở thành đại biểu nhân dân Liên Xô, sau đó giữ cương vị Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô).

Bức tranh toàn cảnh cơ bản như sau: “Theo đánh giá của các nhóm tài chính phương Tây, dự trữ ngoại tệ của Liên Xô vào khoảng 25-30 tỷ USD. Để phái hoại được nền kinh tế Liên Xô, Mỹ cần gây ra những tổn thất “ngoài kế hoạch” cho nền kinh tế Liên Xô một khoản tương đương như thế. Do các “khó khăn tạm thời” liên quan tới chiến tranh kinh tế sẽ được bù đắp bằng các nguồn ngoại tệ nên cần phải tiến hành nhanh chóng vào khoảng những năm cuối 1980. Liên Xô đã phải nhận các nguồn bù đắp bổ sung từ đường ống dẫn khí gaz Urenga – Tây Âu.

Đồng thời Mỹ còn tiếp tục xiết chặt cấm vận công nghệ đối với Liên Xô để ngăn cản việc khai thác tài nguyên năng lượng tại các mỏ và gây ra những tổn thất cho các lĩnh vực khác của nền kinh tế Liên Xô. Thậm chí Mỹ đã tung ra những thông tin sai lệch về công nghệ và các chi tiết phế phẩm. Điều này đã dẫn đến việc nhiều xí nghiệp phải ngừng hoạt động vì những kiểu “phá hoại kinh tế” như vậy.

Trong năm 1975 có 32,7% danh mục nhập khẩu từ Mỹ vào Liên Xô thuộc loại công nghệ cao (tổng giá trị 219 triệu USD). Năm 1983, chỉ số đó đã giảm xuống còn 5,4% và 39. Cũng trong năm 1983, hải quan các nước phương Tây đã thu giữ gần 1500 lô hàng công nghệ với tổng giá trị là 200 triệu USD”.

Sau khi phá giá được đồng rúp, việc chấp thuận lưu hành đồng đô la trong nước Nga nhằm thực hiện chương trình “Liệu pháp sốc” của Gaidar chính là biểu hiện rõ rệt nhất trên mặt trận chiến tranh tài chính của giai đoạn cuối. Vũ khí “cuối cùng” của cuộc chiến tranh này là sự gia nhập của Nga vào Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

## **Chiến tranh công nghệ**

Người Mỹ đã bắt đầu cuộc chiến tranh trong lĩnh vực này đồng thời với cuộc “chiến tranh lạnh”, chúng trùng khớp về thời gian: “Vào năm 1947 và 1948, Bộ Thương mại Mỹ đã thông qua bản ghi nhớ, theo đó tất cả việc cung ứng hàng hoá cho các nước Đông Âu và Liên Xô, trên thực tế, tùy thuộc vào giấy phép (Lisenzi).

Theo Đạo luật về kiểm soát xuất khẩu (tháng 1 năm 1949), việc cung ứng hàng hoá cho các khu vực khác cũng phải có giấy phép nhằm kiểm soát việc tái xuất sang Liên Xô và Đông Âu. Đây chính là một trong những thành tố quan trọng nhất của “chiến tranh lạnh” – “chiến tranh kinh tế” của phương Tây chống phương Đông”.

Đối với Liên Xô, việc cung cấp khí gaz theo thoả thuận “đường ống trao đổi khí gaz” nổi tiếng có một ý nghĩa bậc nhất. Báo chí thời hậu Xô Viết gọi đó là “Hợp đồng thế kỷ” và đã từ lâu đánh giá đánh giá đó như một hợp đồng gây thiệt hại về nhiều phương diện. Mỹ đã cố gắng khoét sâu thêm tổn thất này. Đáp lại việc Liên Xô đưa quân sang Ba Lan, Mỹ đã tiến hành cấm vận (Embargo) việc nhập khẩu công nghệ cao vào Liên Xô và buộc các nước cam kết cùng thực hiện.

Chương trình phản thông tin trong lĩnh vực công nghệ cũng có ý nghĩa rất lớn: “Khi biết rằng ở Kremli vào những năm 1980 đã tiếp nhận những sai lầm của phương Tây, Hoa Kỳ đã tung vào Liên Xô những dự án công nghệ bị đánh tráo hoặc bịa đặt. Vậy là chúng ta (Liên Xô) đã chi ra hàng tỷ rúp một cách vô ích. Trong số bị đặt đó có việc xây dựng đường ống dẫn khí, công nghệ khoan dầu mỏ, hệ thống máy tính và các thành phần hoá chất. Việc buôn bán các chi tiết điện tử không thích hợp vào Liên Xô thông qua các trung gian đã dẫn tới việc phá hoại hoạt động của nhiều nhà máy và xí nghiệp”.

“Chương trình này đã thu được thành công đáng kể. Nhà máy hoá chất ở Omxk đã sử dụng thông tin không chính xác trong kế hoạch mở rộng sản xuất... Điều này đã buộc nhà máy tốn gần 8-10 triệu USD vô ích.

Nhà máy sản xuất máy kéo ở Ucraina đã tiến hành chế tạo thử các thiết bị trên cơ sở của những dự án do CIA soạn ra. Trong suốt 16 tháng liền nhà máy chỉ hoạt động với một nửa công suất...

Thành phần của tuabin khí đồng hành đã được chuyển giao cho Liên Xô vào đầu năm 1984. Một số tuabin đó lắp đặt để dẫn khí gaz đã không thể hoạt động được. Kết quả là việc sản xuất khí gaz phải trì hoãn.

Những chi tiết máy tính kém chất lượng được nhập qua khâu trung gian để lắp vào thiết bị quân sự và dân sự đã bị hư hỏng sau vài tháng sử dụng mà không phát hiện được nguyên nhân, làm các dây chuyền bị đình trệ liên tục.

Matxcova hàng năm đã tiết kiệm được nhiều tiền của, thời gian và công sức nghiên cứu khi mua những công nghệ quân sự của phương Tây để áp dụng vào công nghệ quân sự của mình. Hoạt động phản thông tin của Mỹ đã tác động tới 6 hoặc 7 dự án bí mật về công nghệ quân sự mà Liên Xô đã chấp thuận theo đề nghị của phía Mỹ. Những công nghệ có liên quan tới việc giảm khả năng bị phát hiện của các thiết bị bay bởi rada và khí tài định vị nhiệt, SDI (sáng kiến phòng thủ chiến lược), máy bay chiến thuật hiện đại. Hoạt động phản thông tin đã bao trùm toàn bộ quá trình chiến dịch, kể cả những gì được nói trong các cuộc họp báo trước phóng viên nước ngoài. Các kế hoạch nghiên cứu, kết quả kiểm định, biểu đồ sản phẩm và thử nghiệm vận hành đều bị cung cấp bằng số liệu giả tạo.

Vào đầu năm 1984, Casay đã nhận được bản báo cáo về thành công to lớn của chương trình phản thông tin. Bản báo cáo đã nêu lên những vấn đề hiển nhiên mà việc hiện thực hóa chương trình này đã gây ra cho Liên Xô, đồng thời cũng nêu lên hậu quả ký sinh từ việc Liên Xô cố gắng khai thác công nghệ phương Tây. “Việc thiếu khả năng phân biệt sự thật với không sự thật đã dẫn tới việc khả năng của Liên Xô nắm vững và sử dụng công nghệ phương Tây bị giảm sút đáng kể” (Báo cáo tiến hành tình báo năm 1984).

Chúng ta nhận thấy rằng, cuộc chiến tranh trên mặt trận công nghệ đã được tiến hành từ rất lâu, song việc sử dụng phương thức phá hoại công nghệ vào những năm cuối 1980 đã thực sự làm cho nền kinh tế Liên Xô rơi vào rối loạn. Trong “chiến công” của các đạo diễn phương Tây có cả việc triển khai dự án tưới tiêu đất nông nghiệp vùng Trung Á, được mọi người biết tới dưới khái niệm “Nấm các sông miền Bắc”. Nó đã gây nên không chỉ cuộc di dân rất nổi tiếng ở vùng Trung Á, Kazakstan, mà cả một thảm họa sinh thái cho vùng Priaralia (năm 1987) cùng với việc cấm sản xuất tủ lạnh

sử dụng khí freon (năm 1990). Đối tượng của cuộc tấn công này là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô những năm 1985-1991 N. I. Ryzkov, bởi trong cả hai trường hợp này chính ông là người đặt ra phương hướng cho các dự án.

## **Chiến tranh máy tính**

Những phương thức tiến hành chiến tranh phi truyền thống cũng được sử dụng trong chiến tranh máy tính. Cuộc chiến tranh này được tiến hành vào những năm 1985-1991, với quy mô rất hạn chế, bởi chính vì số lượng máy tính ở Liên Xô cũng không nhiều, song cũng là một sự kiện không thể bỏ qua.

Trong lĩnh vực này, chiến thắng đã đạt được ngay từ trước khi trận chiến cơ bản diễn ra. Liên Xô đã phải ngừng một hướng phát triển rất có triển vọng – thiết kế máy tính sử dụng 3 chữ số – để sử dụng loại máy tính hệ nhị phân.

Trong suốt thời gian cải tổ, việc sử dụng máy tính ở cấp độ toàn liên bang chỉ diễn ra có một lần – truyền đạt sắc lệnh của B. N. Enxil khi diễn ra sự biến tháng Tám năm 1991 thông qua bưu điện điện tử. (Chúng ta cũng biết rằng, việc truyền đạt những sắc lệnh tương tự thường thông qua con đường điện báo của Ngân hàng quốc gia Liên Xô do con trai vị Thứ trưởng ngành in M. Poltoaranin là Rodinov hỗ trợ).

Vào đầu thế kỷ XXI, người ta đã ghi nhận nhiều sự kiện sử dụng cái gọi là virus máy tính chiến đấu được các tổ chức khác nhau soạn thảo để đưa vào trong hệ thống phòng thủ và công nghệ của đối phương.

Cũng cần nói rõ rằng có nhiều cuộc cách mạng xã hội đã được thiết lập nên một cách kỳ diệu trên cơ sở của cách mạng khoa học – kỹ thuật và có những mối quan hệ trực tiếp trong lĩnh vực liên lạc và các loại hình hoạt động của phương tiện thông tin đại chúng: cuộc Cách mạng tư sản Pháp – với cơ chế điện báo; Cách mạng 1905 – với điện báo điện tử; Cách mạng 1917 – với radio; “cải tổ” – với vô tuyến truyền hình, bưu điện điện tử, máy fax...

Sự đa dạng này của “chiến tranh” có một tương lai rất to lớn, tuy nhiên mọi vấn đề phụ thuộc vào việc vũ khí của cuộc chiến tranh đó nằm trong tay ai.

Ngoài những dạng thức được sử dụng đối với “chiến tranh thế giới thứ ba” hay trong “chiến tranh lạnh” vẫn còn:

- *Chiến tranh văn hoá: do áp đặt các chuẩn mực Mỹ vào nền nghệ thuật có khuynh hướng dân tộc của các nước khác;*

- *Chiến tranh lịch sử: bằng cách kích lệ khuynh hướng tìm kiếm bằng chứng về việc “ai đã từng sống ở đây sớm hơn, “ai đã từng cam kết những gì” nhằm phủ nhận quyền lợi của dân tộc này hay dân tộc khác đối với lịch sử, ngôn ngữ, văn hoá của họ và cuối cùng là chính quyền được tồn tại trên mảnh đất đó, để rồi từ đó phá hoại những ký ức lịch sử của các dân tộc;*

- *Cuộc chiến tranh sắc tộc: tiến hành đồng hoá nhân tạo các dân tộc, phá hoại có kế hoạch tình hữu nghị của các dân tộc, chia rẽ khối thống nhất và gây hấn thù. đây chính là những điều kiện để tạo ra thảm hoạ nhân khẩu – dân tộc.*

---

Trong dĩ vãng, khi kết thúc chiến tranh, theo các điều khoản của hiệp ước hoặc những điều kiện của việc đầu hàng, phe bại trận luôn bị phá nát mọi nền tảng sức mạnh của mình. Trong thế kỷ XX, nước đức hai lần bại trận đã phải giải giáp quân đội của mình, không được quyền có hạm đội, v.v... Chúng ta, kẻ bại trận trong “chiến tranh lạnh” đã bị người ta tước đi vô điều kiện quyền có “lá chắn hạt nhân”, phải phá huỷ các trạm vũ trụ, thủ tiêu hạm đội và quân đội, trong khi đó Mỹ đơn phương huỷ bỏ hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược. Đương nhiên là, khi ở thế một chọi một chống lại cơ chế thống nhất hùng mạnh được hỗ trợ bằng những công nghệ mới nhất, thì người dân Xô Viết không còn có thể đương đầu với một cuộc xâm lược như thế.

## **Nhiệm vụ của gia đình Gorbachov**



Khi điểm một số sách đề cập tới những nhiệm vụ đặt ra cho những nhà hoạt động chính trị của đất nước, chúng ta lập tức lưu ý tới hai nhân vật. Điều này đòi hỏi cần có những lý giải ngay từ đầu. Tại sao chúng tôi không chỉ đưa ra sự kiện của “đệ nhất phu nhân” mà còn định chứng minh rằng Raisa Makximovna Gorbachova – người đã tham gia một cách bình đẳng vào việc thông qua các quyết định ở cấp cao nhất? Có hàng loạt bằng chứng của những người từng nghiên cứu trực tiếp và cả những người đã tích cực tham gia các sự kiện khẳng định điều này. Họ đã lưu ý trực tiếp vào việc R. M. Gorbachova trong những năm 1985-1991 đã đóng một vai trò to lớn trong chính trị: “R. M. Gorbachova ngày càng tham gia nhiều hơn vào các công việc quốc gia. Gorbachov đã không thể từ chối vợ và bà đã tận dụng điều này. Theo những đề nghị của bà, người ta đã hạ bệ nhiều quan chức cao cấp, nhiều chuyên gia giỏi để dành những vị trí đó cho những kẻ không hề hình dung nổi nhiệm vụ được giao phó. Tuy nhiên, những kẻ này lại có mã ngoài đẹp đẽ, thái độ dễ chịu và rất ga lăng. Raisa Makximova biết quý trọng những người đàn ông điển trai. Những người không hợp với bà ta đều bị trừng trị nhanh chóng và không một chút bận tâm. Sự trả thù của bà không hề có giới hạn”.

“Thất khó mà nói tương lai của Mikhail Xergeievich (Gorbachov) sẽ ra sao nếu như R. M. Gorbachova không xuất hiện trong cuộc đời của ông ta. Có thể là điều đáng ngạc nhiên, song quan điểm, tính cách của bà vợ đã đóng một vai trò nhất định trong số phận ông Gorbachov, thậm chí là cả trong số phận của đảng, của toàn bộ đất nước.

R. M. Gorbachova – một người cứng rắn, nghiệt ngã và có tính quyết đoán – biết khuất phục ý chí của những người khác, biết cách đạt được điều mong muốn bằng mọi sức lực và phương tiện. Bà ta nhanh chóng trở thành đệ nhất phu nhân của đất nước, trong mọi trường hợp bà ta luôn nhanh hơn cả việc Gorbachov cảm nhận được mình thực sự là thủ lĩnh của đảng và của quốc gia. Không hề e ngại, bà ta đã gọi điện và giao việc cho các trợ lý tổng bí thư và một số thành viên lãnh đạo đất nước, đặc biệt là cho những người bà ta từng biết đến.

Tôi đã vô tình trở thành nhân chứng khi Raisa Makximova hết ngày này sang ngày khác kiên trì nhắc đi nhắc lại ý tưởng của mình để cuối cùng đạt được điều đó từ đức ông chồng của bà. Do tính cách khá nhu nhược và không có khả năng bảo vệ quan điểm của mình, Gorbachov thường xuyên nằm dưới ảnh hưởng quyết định của vợ... Nói chung, suốt nhiều năm liền Raisa Makximova đã quản lý không chỉ công việc nội trợ, mà cả vũ hội cải tổ. Bà ta đã tham gia vào việc hình thành đường lối, thậm chí nếu có thể, vào việc bố trí cán bộ. Nhưng điều chủ yếu nhất – đó là bà ta đã định hình nên tính cách của vị tổng bí thư – tổng thống, đã giúp chồng tìm kiếm đường đi trong biển bão của những dòng chảy chính trị...”

Sự kiện quá quắt nhất là chuyến tới thăm Ucraina. Có một nữ quan chức của đảng được giao nhiệm vụ đi cùng Raisa Makximova suốt thời gian thăm quan. “V. Sevchenko đã giới thiệu với khách về kế hoạch thăm quan, bà ta liền hỏi:

- Còn Mikhail Xergeievich làm gì?

Sevchenko nói rằng ông ấy sẽ tới Bộ Chính trị. Và Raisa Makximova nói luôn:

- Tôi phải đi cùng Mikhail Xergeievich ở mọi nơi. Như thế có nghĩa là tôi cũng sẽ tới Bộ Chính trị.

“Lấy danh dự mà nói, – V. Sevchenko nhớ lại, – tôi không biết phải phản ứng ra sao. Bởi trước đó chưa từng có trường hợp nào cho phép vợ một ai đó được tham gia vào công việc của Bộ Chính trị. Đã có những quy định đạo đức của đảng không thể vi phạm. Bộ Chính trị thường thảo luận những vấn đề có tầm quan trọng quốc gia, không thể tiết lộ được. Đó không phải là nhà bếp, nơi người vợ có thể cảm nhận mình là chủ nhân”. Có thể toàn bộ chuyện này V. Sevchenko chỉ suy tư và đã quyết định là để bản thân Mikhail Xergeievich sẽ phân tích với vợ mình. “Trong sâu thẳm tâm hồn, tôi đã không cho phép mình nghĩ rằng ông ấy lại để cho vợ có mặt trong Bộ Chính trị” – V. Sevchenko nói.

Nhưng sau đó một thời gian, cùng với Mikhail Gorbachov và V. Xerbitxki (ủy viên Bộ Chính trị BCHTW ĐCS Liên Xô, Bí thư thứ nhất của BCHTW ĐCS Ucraina) cùng những người khác trở lại thảo luận về chi tiết chương trình, Raisa Makximova đã nhắc lại bằng một thái độ không nhân nhượng vốn có của bà ta:

- Tôi đi cùng Mikhail Xergeievich đến Bộ Chính trị!

Sắc mặt của V. Xerbitxki có thay đổi... Tuy nhiên ông ta vẫn giữ im lặng, chỉ có vẻ căng thẳng khi rút thuốc lá ra châm lửa và nhìn vào tôi như muốn hỏi rằng thế chị không thể giải thích gì sao?...

Tôi nhìn sang Mikhail Xergeievich. Còn Mikhail Xergeievich hết như bị sặc nước. Raisa Makximova nắm lấy tay ông ta và họ cùng đi vào Bộ Chính trị.

Khi cặp vợ chồng cấp quốc gia đó đã đi khỏi, V. Xerbitxki mới bộc lộ thái độ... Sau đó ông quay sang vợ mình hỏi với một vẻ cay đắng vô cùng:

- Có lẽ mình cùng tiễn tôi tới Bộ Chính trị chứ?”

L. I. Breznev đã từng có lần nói: “Chúng ta đã cho các bà vợ của một quyền lực to lớn. để giờ đây họ ngồi trên cổ chúng ta và xoay chúng ta theo ý họ muốn”.[13]

Chính kết cục lịch sử của cặp vợ chồng cùng khẳng định giả thuyết của chúng tôi: Theo thông báo của giới phương tiện thông tin đại chúng, người ta đã mai táng Raisa Makximova vào ngày 23 tháng 9 năm 1999 tại nghĩa trang Novodivichi với tất cả những nghi lễ mà người ta có thể dành cho một nhà hoạt động quốc gia. Vào năm 1970, người ta cùng từng mai táng P. X. Zemchuzina – vợ của V. M. Molotov – tại nghĩa trang Novodivichi và có cử hành quốc ca Liên Xô. Bản thân V. M. Molotov – nguyên Chủ tịch Hội đồng dân ủy Liên Xô và nhiều, rất nhiều người khác đã được mai táng mà không cử hành quốc ca!.

Phạm vi ảnh hưởng to lớn của Raisa Makximova đối với đường lối quốc gia rất rõ ràng. Bây giờ chúng ta nói về việc tại sao tác giả lại quyết định kết nối chúng vào làm một? trước hết là bởi sau cuộc trao đổi ý kiến với

nhau họ đã tiến hành duy nhất một đường lối. Và điều này có liên quan tới cao trào hoạt động của họ trong những năm 1985-1991.

Nhiệm vụ đầu tiên của gia đình Gorbachov là nhanh chóng che đậy quá khứ của mình. Đến nay mọi người đã có thể biết rõ gốc rễ gia đình Gorbachov: “Dưới thời Xtalin, ông ngoại – Panteley Efimovich – đã từng ngồi tù, còn ông nội – Andrey Moixeievich – đã từng bị lưu đày ít năm lên Xibiri trồng cây, như ngày nay xác định, hoàn toàn không phải vì những lý do chính trị. Người ông đăng vợ đã bị xử bắn năm 1937 như một kẻ trotxkit chính hiệu; bố của Raisa Makximova cũng đã bị ngồi tù 4 năm vì chống Xtalin”.

Nhiệm vụ thứ hai của gia đình Gorbachov là hoàn thành việc chui sâu luồn cao vào hàng ngũ lãnh đạo cao cấp của đảng và nhà nước... Hiện có rất nhiều văn bản nói về vấn đề này. Tất nhiên, trong khuôn khổ nghiên cứu của chúng tôi, vấn đề này không quan trọng lắm bởi chúng tôi chỉ thuần túy nhắc lại. Nhưng, trước khi đặt câu hỏi vì sao Gorbachov (và gia đình Gorbachov?) đã có thể lên nắm quyền, chúng ta cần nhớ tới tại sao những người như L. I. Breznev, Iu. V. Andropov, K. U. Chernenko đã có thể lên nắm quyền lực ở Liên Xô? Khi đó chúng ta sẽ hiểu M. X. Gorbachov đã trở thành vụ trưởng, bí thư khu ủy, bí thư thứ nhất tỉnh ủy, ... như thế nào. Bằng cách gì mà Mikhail Gorbachov chỉ sau một chiến dịch thu hoạch vụ mùa đã nhận được không phải là Huân chương “Lao động xuất sắc” mà là Huân chương Cờ đỏ lao động? Thắc mắc thì có nhiều. Sự thật, cho đến hiện nay mới rõ Gorbachov đã “giành được” sự tiến cử từ ủy viên dự khuyết thành ủy viên toàn quyền của Bộ Chính trị BCHTW ĐCS Liên Xô như thế nào: “Kim Ir Xen không muốn tiếp đoàn đại biểu ĐCS Liên Xô do M. X. Gorbachov ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị BCHTW ĐCS Liên Xô cầm đầu sang tham dự đại hội Đảng Lao động Triều Tiên năm 1980. Ông ta cho rằng đoàn đại biểu của chúng ta phải do một ủy viên Bộ Chính trị BCHTW ĐCS Liên Xô cầm đầu”. ủy viên Bộ Chính trị BCHTW ĐCS Liên Xô, Bí thư thứ nhất Khu ủy Matxcova V. V. Grisin, sau khi đi thay chỗ của Gorbachov từ Triều Tiên trở về đã đề nghị chuyển M. X. Gorbachov làm ủy viên Bộ

Chính trị – do trên thực tế, anh ấy còn trẻ, sẽ dễ dàng đi lại bằng máy bay – cứ để cho anh ấy đi. Đã nói là làm: Hội nghị toàn thể lần thứ nhất BCHTW đảng đã thông qua.

Cùng hàng loạt yếu tố khách quan, các nguyên tắc tiến cử cán bộ cao cấp của đảng, những âm mưu... đã đóng một vai trò to lớn. Sau khi nghiên cứu về điều đó đã diễn ra như thế nào trong cuộc tranh tài (*Nguyễn Văn – Olimpis*) ở Kremli, các nhà Kremli học đã có thể đưa ra lời khuyên nên đi nước cờ “tốt thành hoàng hậu”. *Bộ môn Kremli học* và *quan điểm tình huống* đã từng được áp dụng không chỉ với riêng Gorbachov mà với nhiều ủy viên Bộ Chính trị khác khi tính tới những ảnh hưởng bên ngoài và những yếu tố thay đổi.

Đối với những “Trung ương thần kinh”, điều đặc biệt quan trọng là lợi dụng được tình hình của hệ thống, tức là mục tiêu lên nắm quyền của M. X. Gorbachov và ý định được điều hành từ nước ngoài. Công việc nghiên cứu căng thẳng đã diễn ra theo cách xác định những vị trí sáng giá nhất trong cơ cấu cao nhất của quyền lực. Người ta đã phân định mức độ ảnh hưởng đối với những thành viên khác của Bộ Chính trị trong vấn đề cực kỳ nhạy cảm như thế này – bầu lãnh tụ mới ra sao, gồm ý kiến riêng của chính ủy viên Bộ Chính trị, các quan hệ cá nhân, công vụ, gia đình ra sao. Thiếu tác động của bên ngoài thì điều này không thể xảy ra, và phương Tây đã tiến hành âm mưu tạo dựng vị thế xấu đối với người này (G. V. Romanov) và thuận lợi cho người khác (M. X. Gorbachov). Âm mưu có tổ chức và rất trí tuệ từ bên ngoài đã cho phép M. X. Gorbachov cùng ekip của ông ta khai thác thông tin định hướng, biết trước về vị thế nội bộ của các ủy viên khác, cho thấy đâu là những lợi ích trùng hợp với người khác, trước hết là với những ủy viên già và ủy viên có uy tín của Bộ Chính trị BCHTW ĐCS Liên Xô.

Và toàn bộ phiên họp Bộ Chính trị và Hội nghị toàn thể BCHTW, dường như đã diễn ra êm ả và “nhất trí”, luôn là một cuộc giao chiến vô cùng căng thẳng với diễn biến không thể xác định. Cho dù chiến thắng có được định khuôn từ trước trận đánh, song diễn biến luôn không thể xác định cho tới thời điểm cuối cùng. Thậm chí việc – một nhân vật tương đối mới như M.

X. Gorbachov đã chứng minh sự khả ái của mình bằng những lời hứa hẹn nhất định, cho đến thời điểm đó tuy chưa kịp làm mất uy tín của mình – cũng không bảo đảm được 100%.

Nhiều nhà nghiên cứu khác đã đặc biệt chú ý tới sự kiện này rằng nếu cuộc biểu quyết vào tháng 3 năm 1985 đã diễn ra theo một hướng khác thì đất nước cũng đã đi theo một con đường khác. Điều đó chứng tỏ những nhà nghiên cứu này chưa hiểu gì hết. Rõ ràng, bất kỳ một dự báo nào, cho dù là sơ lược nhất, về sự phân bố lực lượng trong Bộ Chính trị vào năm 1985 và tình hình chính trị nội bộ đều phải tính tới khả năng một cuộc biểu quyết cần được lựa chọn. Người ta có thể bầu chọn kẻ khác, đây là điều hoàn toàn có thể (thậm chí với trình độ văn hoá điều hành trong Kremli có thấp thì vẫn chỉ ra được những khuyết điểm còn tồn tại và sự thiếu vắng những khả năng đặc biệt của M. X. Gorbachov – nói chung, sự phân bố lực lượng đã được xác định. Một sự sát hại thuần tuý chính trị đang chờ đợi bất cứ thủ lĩnh nào khác (G. V. Romanov hay V. V. Grisin), và dù sao thì chỉ sau 13 tháng thôi, chiếc ghế đầu bàn trong gian phòng của Bộ Chính trị đã dành sẵn cho M. X. Gorbachov – thực ra không phải là vào tháng 3 năm 1985, mà là vào tháng 5 năm 1986. Việc đăng quang của Gorbachov đã được chuẩn bị từ lâu và rất thận trọng. Có thể là đảng, đất nước và phần châu Âu của hệ thống xã hội chủ nghĩa đã tránh được thảm kịch nhờ việc khước từ M. X. Gorbachov lên ngôi. Tuy nhiên đó vẫn là trò giả định, và vào thời đó còn có cả B. N. Eltxin.

Trong quá trình leo lên ngai cao, họ đã giải quyết được nhiều vấn đề mang tính chiến thuật – đó là loại bỏ ai, khi nào và bằng cách nào, như: với D. F. Uxtinov là vì một lý do khác; với V. V. Serbitxki – cách ly tạm thời. Một loạt các nhân vật chính trị khác được sử dụng vào việc giải quyết những nhiệm vụ này cũng như là đã ký một thoả thuận chết người đặc biệt. Điều này có liên quan ở mức độ khác nhau với những đánh giá hiện nay về Iu. V. Andropov, D. F. Uxtinov, K. U. Chernenko: “Chính Uxtinov, sau khi kiên trì trải qua một cuộc kháng cự bền bỉ với các thành viên khác của Bộ Chính trị đã phải lùi xuống vị trí thứ hai trong đảng sau Chernenko. Điều

này có một mục tiêu duy nhất – chặn đứng con đường phát triển chính trị đối với Romanov”.

Trong những năm cuối – từ từ lời thú nhận của Anatoli Andreievich Gromyko, con trai của vị Bộ trưởng Ngoại giao Andrei Andreievich Gromyko và là cựu giám đốc Viện nghiên cứu châu Phi thuộc Viện hàn lâm khoa học Liên Xô – đã nảy sinh ra một giả thuyết có thể tin cậy về việc người cha của ông ta – Bộ trưởng Ngoại giao, ủy viên Bộ Chính trị BCHTW ĐCS Liên Xô A. A. Gromyko đã quyết định tiến cử M. X. Gorbachov vào vị trí cao nhất của đảng và đất nước để đổi lại một sự tiến cử cho mình vào cương vị Chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô Viết tối cao Liên Xô. Riêng cá nhân tôi không thật tin rằng mọi chuyện lại đã được giải quyết trong lần gặp gỡ giữa Gromyko con với A. N. Iakovlev. Còn A. N. Iakovlev lại khẳng định điều đó và cho biết thêm rằng người môi giới là E. M. Primakov. Vậy một vấn đề có lý sẽ nảy sinh là tại sao Gromyko cha đã quyết định dựa vào chính M. X. Gorbachov để đổi lấy cương vị Chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô Viết tối cao Liên Xô? Không lẽ ông ta cũng đã có một âm mưu như thế với G. M. Romanov, nhưng đã bị khước từ. Điều làm tôi nghi ngờ là có thể G. M. Romanov đã có một ứng cử viên khác cho cương vị Chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô Viết tối cao Liên Xô, hoặc là chính ông ta đã ấp ủ hoài bão nhất định phải giành được đồng thời cả hai cương vị cao nhất – cả về đảng, cả về nhà nước.

Và trên thực tế, vào ngày 2 tháng 7 năm 1985 A. A. Gromyko đã được bầu làm Chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô Viết tối cao Liên Xô, tuy nhiên đó vẫn chưa hẳn là lý do. Chẳng bao sau, sự ủng hộ của ông đối với Gorbachov lại có những nguồn gốc hoàn toàn khác mà chúng ta sẽ bàn đến sau này. Đương nhiên, không nên coi Gromyko là chuẩn mực của sự trong sáng trong đời sống “khổ hạnh” của giới chính khách. Cần nói một cách công bằng, rằng Gromyko đã có tỳ vết khó xóa về nhân cách cũng như trong mối quan hệ quen biết: “Gromyko cũng không thiếu những khuyết tật. Là người yêu hội họa, ông ta đã không hề bỏ qua cơ hội lợi dụng các đại sứ quán Xô Viết để sưu tầm tranh của những họa sĩ Nga và châu Âu nổi tiếng còn sót

lại từ thời Nga hoàng”; “Ngài Bộ trưởng Ngoại giao Liên Xô A. A. Gromyko là ... một công dân vĩ đại của Israel”. Người con trai Gehadi của một kẻ tỵ nạn là A. Sevchenko, qua phỏng vấn cho biết: “KGB đã có nghi ngờ rằng sự rò rỉ thông tin mật có thể từ ba nhân vật ngoại giao Xô Viết cao cấp đã từng công tác tại Mỹ, trong số đó có cha tôi. Nhưng khi người ta đề nghị ông giải thích, Gromyko đã lập tức nói: “Sevchenko đứng ngoài mọi sự nghi ngờ”. Gromyko đã nhờ qua Breznev thu xếp một cương vị đặc biệt cho cha mình – Thứ trưởng Ngoại giao phụ trách vấn đề giải trừ quân bị. Gromyko vốn có mối quan hệ tốt đẹp với Iu. V. Andropov do ông đã nhận con trai của Andropov vào làm tại Bộ Ngoại giao và “đã không gây không dễ” khi người con này được trao ngay hàm đại sứ. Điều này đã cho phép Gromyko vẫn yên vị trên ghế của mình, bất chấp “sự vô ơn” của kẻ đã được mình tiến cử là Sevchenko. Ông bố đã từng tốt nghiệp đại học với bằng “đỏ”, sau đó làm nghiên cứu sinh và bảo vệ luận án. Chính tình bạn của ông ta với Anatoli – con của Gromyko – từ thời sinh viên đã tạo điều kiện cho ông ngay bước đi đầu tiên trên con đường hoạn lộ, giúp cho cha mình làm quen với Andrey Andreievich”. Trong BCHTW ĐCS Liên Xô, A. A. Gromyko được mọi người coi là thành viên hội tam điểm. Rút cuộc, “do mối quan hệ đan díu này mà Gromyko bị kéo về phe ủng hộ Gorbachov”.

Cũng cần tính đến cả yếu tố “bên ngoài” từng tác động mạnh đến việc thông qua các quyết định về Gorbachov. Khi đó chắc chắn rằng giải quyết điều này có thể thông qua Bộ trưởng Ngoại giao – ủy viên Bộ Chính trị BCHTW ĐCS Liên Xô. Căn cứ theo bằng chứng của V. Israelian, chúng ta biết rằng A. A. Gromyko đã biết trước về mong muốn của ngài cựu Giám đốc CIA G. Bush được nhìn thấy M. X. Gorbachov trên cương vị tổng bí thư và chí ít đã đề cử ông ta vào danh sách ứng cử viên. Người ta có thể tác động tới ông ta cả trong thời gian gặp mặt với Ngoại trưởng Mỹ G. Sults hồi tháng 1 năm 1985. Vì vậy, chúng ta đi tới kết luận rằng A. A. Gromyko đã bị kéo vào “trò chơi” từ rất lâu, trước khi ông ta tới dự phiên họp của Bộ Chính trị và đã từng tuyên bố về việc ủng hộ ứng cử viên M. X. Gorbachov.



Bằng chứng của việc này là “A. A. Gromyko phải hộ tống Serbitxki dẫn đầu đoàn đại biểu quốc hội sang Mỹ”.

Bằng chứng để khẳng định rằng phương Tây đã sớm biết về việc M. X. Gorbachov sẵn sàng lên nắm chính quyền là sự kiện: “Tiểu sử của M. X. Gorbachov “đã xuất hiện” ở New-York vào đúng ngày ông ta được bầu làm Tổng bí thư BCHTW ĐCS Liên Xô”. Mỹ đã vội vã tạo dựng uy tín cho “Gorby” mà không muốn để chậm trễ một phút nào khi cho xuất bản cuốn sách đó. Hơn nữa, trong con mắt của phương Tây, ông ta đã ngay lập tức thực sự trở thành “người bạn tốt nhất”: “Như phép thần thông biến hoá, mọi tổ chức chống Xô Viết, đặc biệt là Liên minh Bảo vệ người Do Thái, lập tức ngừng mọi lời phát biểu chống lại ông ta”.

Đến nay, hoàn toàn có thể khẳng định một cách tin chắc rằng A. A. Gromyko đã thực hiện hành vi phản bội dân tộc khi ông ta biết rõ ý nguyện của phương Tây. Xuất phát từ hàng loạt sự kiện trực tiếp và gián tiếp, chúng ta có thể hiểu rằng Gromyko không thể đi cùng G. Romanov, còn M. X. Gorbachov và A. N. Iakovlev có thể điều khiển được ý chí của ông ta.

Trở lại với “nhân vật” của chúng ta. Đối với bất cứ cán bộ cao cấp nào, khi còn một thời gian ngắn giữ cương vị thì đều phải cố giữ, cho dù không được lâu dài thì chí ít cũng phải được tới khi hoàn thành xong những nhiệm vụ cơ bản. Bởi vậy, nhiệm vụ cuối cùng của người đó là ngồi vững trên “yên ngựa” cho đến khi hoàn thành được nhiệm vụ do cấp trên và do cả phương Tây giao phó. Để làm được điều đó cần làm trọn vẹn vai của mình sao cho không để một ai nghi ngờ mình trước khi xảy ra thời điểm quyết định. Con người đó đã sử dụng hết khả năng nghệ sỹ của mình: ông ta đã thể hiện cùng một lúc vài vai diễn trước mọi tầng lớp dân chúng và trước một số người cần thiết. Cho tới khi đến thời điểm cuối cùng, không một ai có thể phê phán ông ta, ngược lại, sẽ có nhiều người – những người trước đó đã từng phê phán anh ta – giúp ông ta hạ thấp uy tín của những người khác: “Ông ta càng bị “những người dân chủ” phê phán mạnh bao nhiêu, thì các thủ lĩnh cộng sản lại càng lúng túng bấy nhiêu, thậm chí khi bảo vệ

Gorbachov họ cảm thấy Gorbachov đang cùng họ bảo vệ đất nước. Đây chính là thảm kịch của những người cộng sản và của nhân dân Xô Viết”.

Vào thời gian đó, Gorbachov luồn lách như lươn, tiếp tục đường lối phản bội của mình, phá hoại ĐCS Liên Xô song lại làm ra vẻ mình phải nhượng bộ do áp lực mạnh mẽ của “những người dân chủ”. Gorbachov đã vừa tiến hành những hành động đánh lạc hướng, vừa đưa ra những quyết định mang tính chất hai mặt, thậm chí là phi lý.

Trong khi đó, ông ta còn phải thủ tiêu những dấu vết sai lầm trước đó của mình, như việc mua sắm quần áo, đồ kim hoàn trong chuyến cùng vợ sang thăm London. Raisa Makximova đã mua đôi khuyên tai kim cương của Hãng Cartie với giá 1780 USD, huỷ bỏ chuyến viếng mộ C. Mác theo kế hoạch để đi ngắm các đồ trang sức của vua chúa trưng bày tại Tháp London. Sau sự kiện này, để các phương tiện thông tin đại chúng không nhận thấy, “Gorbachov đã thay hoàn toàn đội bảo vệ – những người đã phục vụ ông ta trung thành và tin cậy từ năm 1978, tức là đã 7 năm”. “Những chàng thanh niên đã từng chăm lo cho gia đình đến tận ngày M. X. Gorbachov được chọn làm Tổng Bí thư đã bị đuổi chỉ trong một ngày vì không còn thích hợp. Hoặc vì họ là những người đã biết quá nhiều, hoặc vì họ đã có khuyết điểm, song Tổng Bí thư lại nói với tôi:

- Họ đã trở nên lười biếng, vất vả lắm mới theo kịp tôi trong những chuyến đi dạo, vả lại họ đã quen với những trật tự cũ. Tôi đã ra lệnh cho Iu. X. Plekhanov thay hết. Nhân thế, thay cả bác sĩ nữa.

Do biết rõ về những chàng trai mạnh mẽ, hết lòng vì công vụ đó nên tôi không thể nhất trí với lời giải thích như thế”.

Chắc chắn rằng những người bảo vệ đó sẽ nói lời cảm ơn vì người ta đã loại họ mà không gây phiền phức gì. Chính M. X. Gorbachov cũng nói về thái độ của mình đối với KGB: “Tôi đã buộc phải hành động. Tôi có lo sợ KGB không à? Không, tôi không sợ. Nếu như tôi sợ hò thì tôi chẳng thể làm được gì. Nhưng tôi biết sức mạnh của họ. Và bây giờ tôi đã có thể nói những gì mà trước đây tôi không thể nói ra. Tôi phải chơi trên cơ họ”.

Liệu giới lãnh đạo cao cấp của đảng, về mặt nguyên tắc, có biết gì về những nguy cơ của những bước đi quá độ trong “thời kỳ Gorbachov” không? Những người trực tiếp làm việc với ban lãnh đạo cao cấp khẳng định là có biết: “Trong các bài viết của K. U. Chernenko đăng trên tạp chí “Người cộng sản” những năm 1981-1983 đã từng ít một, song rất kiên trì đề cập tới suy nghĩ về việc cần thiết phân định các chức năng của các tổ chức đảng và tổ chức kinh tế quốc dân, về việc không cho phép hiện tượng lạm quyền, lồng các chức năng của tổ chức kinh tế vào chức năng của tổ chức đảng. Tư duy này có được từ bài học liên quan tới khủng hoảng chính trị ở Ba lan” M. X. Gorbachov thì không mấy thích thú với tư duy này. Chúng ta hẳn còn nhớ thời kỳ 1984 – đầu năm 1985: “Vào thời của mình, Iu. V. Andropov đã dự định đưa vấn đề này vào bình diện thực tiễn và đã phải tranh luận với nó. “Bởi chúng ta, thừa các đồng chí, – ông ta nói với chúng ta, – chưa có cơ chế bảo đảm cho sự phát triển của nền kinh tế. Trong điều kiện, nếu các bí thư thứ nhất trao cho các nhà kinh tế quyền làm gì thì làm – thì mọi thứ của chúng ta sẽ tan nát hết. Trong trường hợp đó thì phương án Ba Lan sẽ dành cho chúng ta”.

Rõ ràng là không hề tình cờ khi những nhà cải tổ chính trị ở Liên Xô đã tiến hành việc tách ra và gạt bỏ ĐCS Liên Xô khỏi vai trò lãnh đạo – chỉ huy đời sống kinh tế – quốc gia của đất nước”.

Hậu quả của thái độ đạo đức giả đã có ảnh hưởng lâu dài và sâu sắc đến mức nhiều nhà “phê bình” cho rằng vợ chồng Gorbachov không hề có ác ý, mà dự tính của họ “bị hỏng” chỉ vì những nguyên nhân không xác định được. Nhờ tài năng nghệ sĩ tuyệt vời và cách biết thực hiện hiện kiểu “dậu đổ bìm leo” mà chúng ta đến nay cũng chỉ đoán rằng Gorbachov đã có ý đồ phá hoại Liên Xô từ lâu. Đồng thời chỉ có thể đoán rằng đến một thời điểm nhất định M. X. Gorbachov đã hành động theo những kế hoạch được xuất phát trước hết từ ngay trong nội bộ đất nước, đã được vạch ra từ trước. Điều này dường như lo gíc hơn bởi trong lòng “Bức màn sắt” vốn sẵn những yếu kém và có thể hành động có hiệu quả hơn. Chỉ đến sau này, vào giai đoạn cuối, các kế hoạch đó mới bám rễ vào các kế hoạch của phương

Tây – khi các lãnh tụ công khai hướng ra nước ngoài và từ bên ngoài đã kê sẵn đơn thuốc đưa vào.

Sau khi giành được vị trí cao nhất trong bộ tham mưu của đảng, M. X. Gorbachov đã dốc sức lao về phí trước. “Thời kỳ đầu, tính cách của M. X. Gorbachov đã thu nhận được sự khâm phục. Làm việc tới 1-2 giờ sáng và thức dậy lúc 7-8 giờ. Làm vệ sinh, bơi, ăn sáng. Khoảng chừng 9h15-9h30 tới làm việc tại Kremli. Đi xe “ZIL”, ngồi phí sau, bên phải – ông bắt đầu một ngày làm việc. Ngay khi còn trong xe ông đã đọc, viết, ghi nhận xét. M. X. Gorbachov yêu cầu tôi nối liên lạc với một ai đó rồi cầm máy nói. Trong một đoạn đường ngắn tới văn phòng, ông ta đã kịp trao đổi với 3-4 người. Vừa ngồi vào phòng làm việc là ông ta lập tức ra lệnh, khuyến bảo, hứa hẹn – không ngừng một giây nào”.

Thực sự là không ngừng một giây nào. Gorbachov quả là khó khăn hơn bất cứ ai khác bởi ông ta phải thực hiện vai trò hai mặt tế nhị và không được phép sai lầm – là tổng bí thư nhưng cũng là một kẻ phản đảng, mặt khác lại là lãnh tụ của của hành động ngầm đang hình thành. Những gì mà những kẻ ủng hộ và tham gia trực tiếp nhìn thấy chỉ mới là phần tồi tệ nhất của trò chơi quyền lực (âm mưu, xỏ xiên, thí mạng người “mình” cho “kẻ khác”...), trên thực tế cuối cùng đã thành sự phản bội. Về hình thức, nếu bị phanh phui ngay lập tức thì vẫn có cách giải thích rằng đó là những hành động thích hợp với hoàn cảnh tồi tệ. Nhưng về thực chất đó là những hành động được thực hiện theo một kế hoạch phá hoại mang quy mô toàn cầu. Mọi nhiệm vụ của chúng đã thường xuyên gắn với việc thăm dò dư luận theo kiểu “Hỏi – Đáp”. Các cải cách mang tính chất phá hoại đã trở thành quá trình không thể đảo ngược bởi mục tiêu chiến lược trong tương lai là quá trình phá hoại vẫn được bảo đảm ngay cả khi Gorbachov đã bị gạt ra khỏi vị trí lãnh đạo.

Một nhiệm vụ khác quan trọng nhất của Gorbachov là giúp đỡ những kẻ dân chủ có nguy cơ bị phát giác. Chúng ta tạm gọi đây là “nhiệm vụ cứu hỏa” và phương pháp sử dụng là *điều hành không can thiệp trực tiếp*. Bản thân Gorbachov đang là tâm điểm của báo giới và công chúng nên hoạt

động đặc biệt của ông ta trong lĩnh vực này có tác dụng rất mạnh. Những kẻ cùng hội cùng thuyền với ông ta có thể bị phát giác, có thể phải lĩnh án, thì đây chính là lúc Gorbachov xuất hiện để cứu “người mình”, đồng thời giáng cho đối thủ một đòn (nhắm bắn vào bộ tham mưu), và ông ta đã bảo vệ được nhiều kẻ rất có ảnh hưởng trong “Trung ương thần kinh”.

Khi có dự định thay tổng biên tập báo “Sự thật” V. G. Afanaxiev bằng I. T. Frolov, bọn chúng thậm chí đã tổ chức để “nhân vật chủ chốt” tới nói chuyện với ban biên tập. Sự việc đã diễn ra vào ngày 23 tháng 10 năm 1989. Chuyện xảy ra trước đó như sau: “Vào một ngày thứ sáu tháng 9 năm 1989, thư ký tòa soạn báo “Lao động” có nhận được một bưu kiện gửi nhanh. Bên trong đó là bản dịch từ bài báo của Italia viết về chuyến thăm Mỹ của Enxil.

Người gửi bưu kiện này L. P. Kravchenko – sếp của TASS lúc đó. Bản dịch được cấp thời công bố. Vụ trưởng Vụ Tư tưởng BCHTW ĐCS Liên Xô A. X. Kaptô đã gọi điện cho khắp “Kremlin” khẳng định sự cần thiết chính trị của biện pháp này. Tổng biên tập báo “Lao động” do bị áp lực khác nhau đã buộc phải lùi việc thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên. Rõ ràng là bài báo này là một trò khiêu khích và có sự phản ứng của cấp cao hơn cả Kravchenko và Kaptô. Nhưng khi báo “Lao động” chần chừ, thì có lệnh gửi bản dịch đó về báo “Sự thật”. Bưu kiện tới tòa báo vào chiều ngày chủ nhật. Không rõ người ta đã thỏa thuận với V. G. Afanaxiev thế nào, song vào ngày thứ hai báo “Sự thật” đã cho đăng tải tư liệu này.

Rút cuộc, đổ vỡ đã xảy ra, tờ báo đã gây nên lòng căm thù và phẫn nộ của những kẻ ủng hộ Enxil và vào tháng 10 năm đó V. G. Afanaxiev đã bị bãi nhiệm”.

Song, theo những người biết rõ sự việc, toàn bộ sự thật này là một số người của Cục 7 KGB đã chuyển cho V. G. Afanaxiev cuộn băng ghi âm cuộc trao đổi giữa G. Kh. Popov và một người không rõ danh tính đang bị “vòng ngoài” theo dõi. Từ đây, bí mật của cái gọi là “Cuộc khủng hoảng thuốc lá” vào mùa hè năm đó tại Matxcơva bị phanh phui – một số kẻ của Toà thị chính thành phố đã tổ chức vụ này với ý đồ gây sự bất bình với

chính quyền và tranh thủ kiểm soát: đồng tâm hiệp lực còn có Xô Viết tối cao và Hội đồng Bộ trưởng ra lệnh nhập khẩu 34 tỷ liều thuốc lá của Hãng “Philipp Moris”. V. G. Afanaxiev đã đề nghị với M. X. Gorbachov công bố sự việc này. Kết cục đã xảy ra như đã kể ở trên.

Nhiệm vụ của “Gorby” trong lĩnh vực điều hành là tỏ ra đang hành động theo đường lối “cải tổ” đã được lựa chọn đúng đắn, song nếu khái quát tất cả những lời biện minh của M. X. Gorbachov, thì ta có thể đưa ra lời tuyên bố đặc biệt: “Đã xuất hiện những sự thái quá, những lệch lạc, nhưng tôi đâu có liên quan gì, còn các hiện tượng thứ yếu đó sẽ tự thân qua đi nhanh chóng, các bạn hãy cố gắng chờ xem”.

Sức sáng tạo đặc biệt của M. X. Gorbachov còn được thể hiện trong việc thông qua những quyết định nước đôi, thường là có lợi cho những kẻ phá hoại. Bản thân ông ta, trong những tình huống căng thẳng, bị dồn ép, lại rất biết cách phòng thủ và lảng tránh: “Phó chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng Gruzia G. D. Mgeladze xác nhận rằng vào một buổi tối muộn tại văn phòng của Bí thư thứ nhất BCHTW đảng D. I. Patiasvili đã có một cuộc thảo luận về tình hình chính trị tại Tbilixi. Tham dự có Bí thư thứ hai BCHTW đảng B. V. Nikolxki “Ông ta nói rằng Matxcơva vẫn chưa cho phép bắt giữ các thủ lĩnh cực đoan, cho dù chúng ta đã nhiều lần đề nghị, họ còn nói rằng sắp có luật rồi”. Vào chiều ngày 7 tháng 4, trong bức điện báo gửi về Matxcơva do Patiasvili ký có đề nghị áp dụng những giải pháp khác nhau: “Cần khẩn cấp truy tố trách nhiệm hình sự và hành chính đối với những kẻ cực đoan đã đưa ra các khẩu hiệu và những lời kêu gọi chống Xô Viết, chống chủ nghĩa xã hội và chống đảng. Chúng ta có đủ cơ sở pháp luật để làm điều này”.

Thật khó tin, song đó là sự thật: ban lãnh đạo Gruzia đang bị lửa đốt dưới chân, vậy mà Trung ương vẫn yêu cầu họ chờ đợi luật ra đời. Chắc chắn là có kẻ ở Matxcơva muốn cuộc khủng hoảng chính trị ở Tbilixi tiếp tục và thêm căng thẳng. Nếu như có thể cô lập tạm thời các thủ lĩnh của phong trào đối lập (đã có quá đủ cơ sở để bắt giữ vì hoạt động của những kẻ tham gia biểu tình đã bộc lộ rất rõ tính chất chống nhà nước) thì diễn biến của

các sự kiện đã thay đổi và có thể ngăn chặn được một kết cục đẫm máu”. Khi ở vùng Ban Tích xảy ra tình hình tương tự, họ đã yêu cầu Matxcova giúp đỡ, thì lại chỉ nhận được toàn những lời “an ủi”: “Phản ứng của BCHTW dưới thời Gorbachov luôn nhất quán: “Không để bị khiêu khích. Không được can thiệp. Đó chỉ là đám bèo bọt trên làn sóng đổi mới lành mạnh. Chính chúng sẽ bị cuốn trôi”.

Chúng ta còn nhận thấy điều tương tự đã diễn ra ở “quy mô thế giới”. Như trong thời kỳ diễn ra “cuộc cách mạng Nhung” ở Tiệp Khắc, tiếp sau những trò khiêu khích là những cuộc bãi công và hành động phản ứng của những người vô tội, “Matxcova đã vài lần gọi điện cho Thủ tướng Adamets và yêu cầu ông ta “không được áp dụng những biện pháp trấn áp”. Nhờ đó mà có các cuộc đàm phán với phe đối lập để rồi kết thúc bằng sự đầu hàng vô điều kiện của những người cộng sản”. sau đó Adamets đã bị về vườn.

Sau này người Mỹ đã nhận xét rằng “Không ai nghi ngờ việc Matxcova biết được điều gì đang diễn ra. Theo tôi (John Poindexter), thật ngu xuẩn khi cho rằng Matxcova không biết được gì nhiều về việc chúng ta đang làm. Họ có những thông tin của mình. Ngay khi hoạch định chiến dịch, chúng ta đã bảo đảm rằng Matxcova nói chung đã đoán ra việc chúng ta đang làm. Hồ đã từng phản đối, đe dọa, nhưng chưa đủ để buộc chúng ta phải thay đổi chính sách của mình”.

Khoảng giữa tháng 8 và tháng 9 năm 1991, M. X. Gorbachov đã giải quyết một nhiệm vụ nữa – tiến hành thăm dò các quân nhân về việc không thể chấp nhận một cuộc phục thù. Chỉ có thể là một cuộc bạo loạn sẽ diễn ra. Ngay trên báo chí công khai, phương án này cũng được khẳng định dựa trên cơ sở phân tích của KGB và ý kiến độc lập của các nhà dân chủ. Phác thảo của đề tài này là “Làm cách nào chiếm “Nhà Trắng” mà không có xe tăng, quân đổ bộ đường không và đội đặc nhiệm “Alfa”. Về các vấn đề chính trị – tổ chức nảy sinh vào những tháng đầu tiên hoạt động của chính quyền tổng thống ở Liên bang Nga. Ngày 21 tháng 9 năm 1991” đã được đăng tải. Các nhà dân chủ “đang dọa” chính mình. Một kế hoạch khiêu khích các quân nhân đã được tiến hành – trước hết là của Nguyên soái E. I.

Saposnikov: “Các bạn, những quân nhân, hãy nắm lấy chính quyền vào tay mình, hãy thiết lập một chính phủ thích hợp với các bạn, hãy làm ổn định tình hình, hãy nhập cuộc”.

Nếu như sử dụng *quan điểm điều khiển học – hệ thống* để đánh giá cách thức cầm quyền của M. X. Gorbachov và phỏng theo những lời nói nổi tiếng của W. Churchill về I. V. Xtalin, thì có thể nhận ra rằng, M. X. Gorbachov đã tiếp nhận Liên Xô cùng vũ khí hạt nhân rồi bàn giao lại nó cùng chiếc cày chìa vôi: “Đó là một kiểu thủ lĩnh tàn nhẫn, thậm chí độc ác, đã dẫm đạp lên số phận và cuộc sống của hàng ngũ cán bộ cao cấp. Sau hơn 6 năm hiện diện trên cương vị tổng bí thư ông ta đã làm thay đổi hoàn toàn Bộ Chính trị và bộ phận chủ yếu của BCHTW – đó là những cuộc thanh lọc tương xứng với thời Xtalin! Về bản chất, ông ta là Xtalin, song chỉ khác Xtalin là ông ta đã không thiết lập nên mà là huỷ diệt một đế chế”.

Trong điều khiển học có một khái niệm – *liên hệ ngược*, nghĩa là sau khi hoàn thành nhiệm vụ được giao, đối tượng điều hành phải báo cáo về nhiệm vụ. M. X. Gorbachov cũng đã thực hiện đúng như vậy, ông ta báo cáo ngay lập tức:

“Kính gửi ngài *Georger Bush*,  
Tổng thống Hợp chủng quốc Hoa Kỳ  
Và bà *Bush*  
Ngài *Georger* thân mến!

Tôi và ngài đã không ít lần phải hành động một cách kiên quyết và có trách nhiệm trong những tình huống khó khăn để giữ vững sự phát triển các sự kiện theo đúng hướng. Trong tương lai có thể có những bước ngoặt lớn và tôi suy tính rằng sự cân nhắc, lựa chọn lý trí sẽ không phản lại ngài trong bất kỳ tình huống nào. Tôi sẽ giúp những người giờ đây đang gánh vác trách nhiệm của sự nghiệp cải cách, sự nghiệp đổi mới. Nhưng trước hết, giờ đây nước Nga đang cần sự ủng hộ và giúp đỡ. Chính những Nga đang trong tình hình kinh tế nặng nề nhất”.



“Phát biểu tại Nghị viện Israel, tháng 2 năm 1992, M. X. Gorbachov đã tuyên bố: “Tất cả những gì tôi đã làm với Liên Xô, tôi đã làm vì Thánh Moisei của chúng ta”. Cúng trong năm đó ông ta báo cáo tại Quốc hội Mỹ: “Thế giới có thể hít thở bình yên. Thần tượng của chủ nghĩa cộng sản từng gây nên sự căng thẳng xã hội, thái độ thù địch và sự tàn ác không gì so sánh được ở khắp mọi nơi, từng gieo rắc nỗi sợ hãi cho nhân loại đã sụp đổ”. Sau này, tại trường đại học Mỹ ở Thổ Nhĩ Kỳ, năm 1999, ông ta đã tự gán cho mình giá trị: “Mục tiêu của toàn bộ cuộc đời tôi là tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản. Chính vì để đạt được mục tiêu này tôi đã sử dụng địa vị của mình trong đảng và trong nước. Khi tôi trực tiếp làm quen với phương Tây, tôi đã hiểu rằng tôi không thể từ bỏ mục tiêu đã đặt ra. Và để đạt được nó tôi đã phải thay đổi toàn bộ ban lãnh đạo ĐCS Liên Xô và Liên Xô, cũng như ban lãnh đạo ở tất cả các nước cộng sản. Con đường của các nước xã hội – dân chủ là lý tưởng khi đó của tôi. Nền kinh tế kế hoạch đã không cho phép hiện thực hoá tiềm năng của các dân tộc trong hệ thống xã hội chủ nghĩa. Tôi buộc phải tìm kiếm những người ủng hộ để hiện thực hoá những mục tiêu đó. Trong số này đặc biệt có A. Iakovlev và E. Sevardnadze, công lao của họ trong sự nghiệp của chúng ta không thể đánh giá hết được”. (Báo “Usvit” – Bình minh. Slovakia).

Còn nhiệm vụ cuối cùng của M. X. Gorbachov – đó là tiếp tục giúp phương Tây trong việc phá hoại nước Nga với tư cách hiện nay là Chủ tịch Quỹ Nghiên cứu chính trị và Kinh tế – xã hội quốc tế (Quỹ Gorbachov). Trong công việc này còn có cả kinh nghiệm của những “Trung ương thần kinh” nước ngoài. Theo nguyện vọng của chúng, chúng muốn có một phân viện tin cậy nhất ngay trong lòng Matxcơva để tập hợp những năng lực trí tuệ hỗ trợ chúng trong mọi vấn đề.

### **Sự điều hành ở Liên Xô. 1985-1991**

Cần phải nói rằng toàn bộ bản chất của cả hệ thống xã hội chủ nghĩa trong thế kỷ XX, cả của chính nước Nga Xô Viết không hẳn chỉ trong những mục tiêu mờ ảo đã được tuyên bố, mà chủ yếu là trong chính đời sống thường ngày với xung động của nó đều có thể cảm nhận được. Trong

sự thiếu vắng thất nghiệp, trong những thành tựu hào hùng, trong cuộc tấn công vào vũ trụ, trong tính cách lao động Nga, trong những gì đã làm được chẳng có một điều gì thể hiện: "... Cần biết một cách chính xác tổ chức xã hội cộng sản của xã hội Xô Viết là thế nào. Biết một cách có cơ sở khoa học, một cách khách quan.

Tổ chức hệ thống quyền lực và điều hành (chứ không phải là kinh tế) và cả vị trí của nó trong tổ chức xã hội nói chung đã tạo ra nền tảng xã hội Xô Viết".

Trong vấn đề này, những năng lực trí tuệ của những người điều hành, theo năm tháng, đã có khuyết tật thực sự. Nếu như I. X. Xtalin thường xuyên phải điều hành hệ thống trong một môi trường đầy biến động phức tạp với nhiều tác động tiêu cực bên trong và từ bên ngoài, thì những người kế tục ông, khi rơi vào những điều kiện tương tự, lại làm ra vẻ như môi trường bên ngoài không có gì là thù địch, còn trong thực tế trên trường quốc tế đã rút bỏ dần hết vị trí này đến vị trí khác cho đến khi phải rút nốt vị trí cuối cùng. Những người điều hành trong những năm 1950 đến nửa đầu những năm 1980 đã để mất đi những kinh nghiệm xử thế trong một môi trường năng động đang biến chuyển. Thật ra, những kẻ cạnh tranh trong cuộc đấu tranh giành chiếc ghế lãnh đạo cũng tỏ ra có vài lo lắng về những kẻ kế cận và những điều khác. Nhưng tất cả những điều đó cũng không thể sánh với những tác động khắc nghiệt nhất được bộc lộ ra trong quá trình cải tổ.

Chúng ta còn nhớ rằng bộ máy của đảng đã có một đặc tính cơ bản (được hình thành từ thời Xtalin) trong Trung ương cũng như ở địa phương, nó là nền tảng của những chủ thể điều hành, tuy nhiên trong mối quan hệ với các cơ quan cấp cao nó lại trở thành khách thể: "ĐCS Liên Xô đã từ lâu không phải là đảng như khái niệm người châu Âu vẫn thường dùng. Họ có những đảng có thể giải tán, thành lập rồi lại giải tán. Điều đó ít ảnh hưởng tới quốc gia. Còn ở chúng ta, trong đất nước bao la và rất phong phú về vấn đề dân tộc, lịch sử đã được hình thành theo cách khác: ĐCS Liên Xô đã trở thành cơ cấu chính trị cơ bản nhất cho toàn bộ toà nhà quốc gia to lớn. Điều này

có nghĩa là bất kỳ một âm mưu nào xảy ra với đảng thì nhất định sẽ ảnh hưởng tới tình trạng của toàn bộ quốc gia. Còn việc phá hoại ĐCS Liên Xô sẽ tất yếu dẫn tới hậu quả phá hoại chính quốc gia. Liệu Gorbachov, rồi Iakovlev và toàn bộ chiến hữu của họ có nghĩ tới điều đó khi chúng phá hoại ĐCS Liên Xô từ bên trong? Chúng không hề nghĩ, mà chúng biết chính xác điều đó”.

Vào đầu cải tổ, khi cần đẩy hệ thống điều hành vào tình trạng mất ổn định, ban lãnh đạo đất nước chỉ việc đi những bước đầu tiên về hướng có những hậu quả khôn lường. “Ví dụ thích hợp nhất ở đây là số phận đáng buồn của “cú đột phá” trong lĩnh vực chế tạo máy do Gorbachov và vị thủ tướng của ông ta là Ryzkov đã đề xướng một cách hết sức hào nhoáng vào năm 1985. Với sự khởi đầu này người ta khi đó đã đưa ra một núi những nghị quyết của BCHTW và Hội đồng Bộ trưởng. Người ta đã bỏ ra hơn 60 tỷ rúp đầu tư tư bản, vì điều này mà các lĩnh vực kinh tế quốc dân khác đã bị suy thoái. Còn kết cục là hoàn toàn trắng tay. Bộ chế tạo máy bị phá tán. 10 tỷ rúp bị vứt vào quan tài chôn sống. Và họ như đứa trẻ còn nhỏ ham chơi, bỏ đó vội vàng đi tìm thú chơi khác”. Điều tương tự cũng đã xảy ra với tổ hợp công nghiệp canh nông – một thứ quái vật mới sinh trên cơ sở của 6 bộ khác nhau, – nơi vào ngày 1 tháng 11 năm 1985 người ta đã bổ nhiệm V. X. Murakhovski với cương vị Phó chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô điều hành.

Tất thảy những gì đã được tuyên bố trong giai đoạn đầu cải tổ đều không gợi nên một sự nghi ngờ nào. Hệ thống điều hành, xã hội nền kinh tế đều đã bị các nhà tiền nhiệm đẩy vào tình trạng cực kỳ hoang tàn. Lời phê phán từ miệng Iu. V. Andropov, rồi từ miệng M. X. Gorbachov vẫn rất khách quan và thật sự rất cần những biện pháp cơ bản nhất để thay đổi nhịp độ phát triển. Điều này đã được mọi người nhất trí tiếp nhận.

Bởi vậy, những bước đi đầu tiên của M. X. Gorbachov có vẻ bề ngoài hoàn toàn là nhằm chấn chỉnh tình hình. Người ta tuyên bố về các bước tiến hành, về cuộc đấu tranh nhằm cải tiến chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh vấn đề xây dựng nhà ở, thay đổi chính sách đầu tư, làm rõ những mục tiêu xây

dựng xã hội – tất cả đều được phản ánh văn kiện mới của Chương trình thứ ba ĐCS Liên Xô.

Trong nước khi đó, tệ nạn tiêu cực đã được tích lũy với một loạt thành tố, về mặt nguyên tắc không thể xếp chung với mục tiêu xây dựng chủ nghĩa cộng sản: tệ say xỉn ở tầng lớp thấp; tệ tham nhũng ở tầng lớp cao; tệ nạn tội phạm diễn ra dưới mọi hình thức; chất lượng làm việc thấp, nhiều phế phẩm; bệnh phong trào (đầu năm thông thả, cuối năm tất tả ngược xuôi); mất mùa sau thu hoạch; tệ lão làng trong quân đội và hải quân. Tất nhiên, những sự khác biệt vùng miền vẫn tồn tại trong quá trình này, song bức tranh toàn cảnh đã mang màu u tối nhất. Khoa học – kỹ thuật đã trở nên lạc hậu, hướng phát triển của xã hội bị đình trệ, những lợi thế so với phương Tây không còn nữa. Về mặt nguyên tắc, với tiềm năng vốn có của mình Liên Xô hoàn toàn có thể vươn tới những chuẩn mực quốc tế cao nhất. Chính M. X. Gorbachov cũng phải công nhận điều này.

Nhưng trong khi đó, trong những tiếng trống điều hành, tiêu cực ngày càng tăng cao. Điều này lý giải cho cho những chi tiêu không thể tránh khỏi thường rất cần thiết cho bất kỳ công cuộc cải tổ tổ chức. M. X. Gorbachov đã thực sự thuận lợi để làm phức tạp tình hình điều hành bằng cách thông qua những quyết định nửa vời, dễ dàng giải thích ngược xuôi. Trong lĩnh vực điều hành đất nước, các nhà nghiên cứu đã chỉ ra những sai lầm rõ rệt của các bậc tiền nhiệm cùng như những biểu hiện mới có tính tổ chức: “Chúng ta đã bắt đầu nhận ra khuynh hướng nguy hiểm của việc các nhà lãnh đạo chính trị thiếu quan tâm tới công tác tình báo. Những nhiệm vụ chính trị trở nên ít hơn, mối quan hệ ngược đã hoàn toàn bị cắt đứt”.

Tổng biên tập “Tạp chí Lịch sử quân sự”, Thiếu tướng V. I. Filatov đã mô tả về phong cách của Kremli: “Tôi đã may mắn có mặt tại văn phòng của Falina (Bí thư BCHTW ĐCS Liên Xô) (...) được ghe ông ta nói chuyện qua điện thoại với Tổng bí thư Gorbachov – Tôi có thể làm nhân chứng về việc Falin mới thực sự là người chủ trì”. Vậy, V. M. Falin là người như thế nào? Là người lãnh đạo thực sự của Liên Xô chăng?

Sự điều hành mất cân đối đó cũng được “bên dưới” nhận thấy và nó gây nên những vấn đề Liên Xô, sau những lần tiếp xúc với các bí thư BCHTU, các cán bộ của bộ máy BCHTW đều có những thắc mắc của mình.

- Có chuyện gì ở chỗ các anh? – họ thắc mắc. – Tại sao bộ máy lại ngừng hoạt động? Chúng tôi thường xuyên mất liên hệ với Trung ương. Gorbachov luôn tránh gặp chúng tôi, lảng tránh những vấn đề về tương lai của đảng, mà điều chủ yếu là ông ta không giải quyết các vấn đề do cuộc sống đặt ra”. Một bộ phận của bộ máy nằm ngoài ảnh hưởng của khuynh hướng phá hoại cũng đã có lúc định chống lại đường lối của Gorbachov, và cũng đã từng hành động để sửa chữa những khuyết điểm, song đã quá muộn nên những nỗ lực của họ đã không còn thích hợp. Sự phối hợp các mối quan hệ thông tin đang diễn ra theo chiều hướng bất lợi đã dẫn tới ý định như việc thông qua Quyết nghị của Ban bí thư BCHTW ĐCS Liên Xô ngày 28 tháng 5 năm 1991 “Về cải thiện các mối quan hệ thông tin trong ĐCS Liên Xô”. Tuy nhiên, những thay đổi đã từng có thể được chấp thuận trong những hoàn cảnh khác thì giờ đây đã không đạt được kết quả nào. Giữa việc thông qua những quyết nghị, cho dù chúng có đúng đắn sâu sắc về bản chất và rất đúng lúc, với sự tồn tại trong thực tế đã có một hố sâu ngăn cách. Sự ngăn cách đó là không một ai chịu trách nhiệm thực hiện. Trước đây, nếu quyết định không được chấp hành, cho dù vì có những lý do khách quan, đều bị trừng phạt rất nghiêm khắc: trước năm 1956 là bị tước đi mạng sống, còn những năm sau đó là chỉ bị tước thẻ đảng – điều này cũng đồng nghĩa với việc chấm dứt con đường hoạn lộ và danh dự cá nhân. Còn bây giờ người ta không đếm xỉa đến biện pháp trừng phạt “Thẻ đảng ở trên bàn. Xin mời, bản thân tôi cũng nghĩ là anh đã giúp tôi đấy”.

Một khi đã tuyên bố ở cấp độ hiến pháp rằng toàn bộ quyền lực trong đất nước thuộc về Đại hội đại biểu nhân dân Liên Xô, thì điều đó cũng có phần đúng đắn về mặt luật pháp, song xét theo quan điểm lãnh đạo thì điều đó vô cùng phi lý. Một Đại hội do vị quan chức đầy kinh nghiệm như A. I. Lukianov lãnh đạo chỉ toàn quan tâm tới việc thiết lập những đặc quyền cho mình.

Tất nhiên, tình hình của năm 1985 đã khởi đầu một cách nặng nề, song điều đó không là gì khi so với những vấn đề thường xuyên đưa đến tình trạng sai lầm, không hoàn thành các nhiệm vụ xuất hiện vào cuối năm 1991. Về những điều này M. X. Gorbachov đã có lần bày tỏ một cách lấp lửng với các phóng viên truyền hình vào hồi tháng 3 năm 1991: “Tình hình càng phức tạp thì tôi lại càng thích làm việc hơn”. Thật tuyệt vời!

### **Tài liệu N°3. “Những trung ương thần kinh” của Liên Xô.**

#### **1985-1991**

Thật sự thiếu công bằng khi nói rằng toàn bộ “cải tổ” là sự ngẫu hứng không có cơ sở của phía “Xô Viết” và được tiến hành đúng theo thời khoá biểu của phía Mỹ. Những ý định hoạch định kế hoạch của phí “Xô Viết” là rất rõ ràng và được thể hiện trong những cuộc hội thảo, hội nghị, xemina khoa học khác nhau. Công việc phân tích đã được tiến hành từ rất lâu trước khi có cải tổ. “Tập hợp các vấn đề lý luận về cải tổ đã dần dần được hình thành. Ngay trước Hội nghị toàn thể tháng 4, một nhóm các nhà hoạt động đảng và nhà nước đã tiến hành phân tích toàn bộ tình hình của nền kinh tế. Phân tích này sau đó trở thành cơ sở cho các tài liệu của cải tổ. Chúng ta đã áp dụng các khuyến nghị của các nhà khoa học, chuyên gia có tiềm năng, tất cả những gì là tốt nhất mà tư duy xã hội có được và chúng ta đã chuẩn bị những tư tưởng cơ bản cho đường lối mà sau này bắt đầu thực hiện”.

“...Ngay hơn hai năm trước khi diễn ra Hội nghị toàn thể BCHTW ĐCS Liên Xô... Iu. Andropov đã đi đến kết luận về sự cần thiết triển khai chương trình cải tổ việc điều hành ngành công nghiệp, còn sau đó là nền kinh tế quốc dân Khi đó quan tâm tới vấn đề này có M. X. Gorbachov, N. Ryzkov, V. Dongikh (Bí thư BCHTW ĐCS Liên Xô phụ trách vấn đề xây dựng) cùng một loạt các đại diện của giới khoa học, sản xuất. (...) Sự phân tích do Andropov nêu ra rất có tính thuyết phục”.

“... Công việc phân tích nghiêm túc nhất đã được khởi xướng theo sáng kiến và dưới sự chỉ đạo của Gorbachov, trước hết là liên quan tới sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước. Về thực chất, đây là giai đoạn thai

nghe của cải tổ – làm chín muồi những quan điểm mới và một số tư tưởng cơ bản.

Rất nhiều nhà khoa học có uy tín nhất đã tham gia công việc phân tích, như: A. G. Aganbegian, E. M. Primakov, O. T. Bogomolov, G. A. Arbatov, L. I. Abalkin, X. A. Xitarian, R. A. Belousov, T. I. Zaxlavskaja, I. I. Lukinov, A. A. Nikonov và nhiều người khác”.

Những người nghiên cứu có thiện tâm đã trực tiếp tập trung mỗi quan tâm của mình vào việc nghiên cứu tất cả những gì liên quan việc hoạch định, phân tích: “Có cần tới một học thuyết về cải tổ không? Nên hiểu thế nào về những sự kiện bất thường luôn thay đổi trong các công trình lý luận của Gorbachov “bài báo được viết tại Foros”, bài được đăng trong cuốn sách của ông ta “Biến loạn tháng tám – nguyên nhân và hậu quả”. Song thật vô ích, trong bài viết này đã trả lời cho những vấn đề cho những người có quan tâm “*Cải tổ có cần cho xã hội không, hay đây là một sai lầm? Mục tiêu thực sự của nó là thế nào? Thế nào là đổi mới quốc gia? Liệu đã cần bắt đầu những cải biến nguy hiểm như vậy không?*”.

“Vai trò của “đội quân thứ năm” trong việc hoạch định học thuyết cải tổ là vô cùng tệ hại. Học thuyết cải tổ đó, xét theo diễn biến và những kết quả của nó, dường như về thực chất là hiện thực hóa chiến lược “kiềm chế” trong Chỉ lệnh SNB-68 của Mỹ. Giáo sư V. K. Dolgov đã đứng khi phát biểu tại Hội nghị toàn thể của BCHTW ĐCS Liên bang Nga rằng: “ý kiến cho rằng sau khi bắt tay vào công cuộc cải tổ, các nhà tổ chức cải tổ vẫn chưa có được lý luận về những biến đổi đã diễn ra, là không đúng. Tính chất liên tục của các sự kiện cho thấy tính lôgic chặt chẽ và tính định hướng rõ ràng của những người ủng hộ khuynh hướng tư duy “mới”. Mặt khác, lý luận đó, mà cả kế hoạch cụ thể, tất nhiên, chưa phải là của toàn dân. Đương nhiên, chúng đã được soạn ra sau lưng đảng”.

Tất nhiên, không nói tới nhân dân. Song các nhân tố của một học thuyết chính trị – “Tư duy chính trị mới” đã trở thành nền tảng của đường lối quân sự và đối ngoại cho “cải tổ”, – mặc dù trong phương án tuyên truyền, chúng đã được công bố tất cả. Học thuyết đó còn được đưa thành tên gọi

cho một cuốn sách của M. X. Gorbachov là “Cải tổ và tư duy mới đối với đất nước chúng ta và toàn thế giới”, được phương Tây chào đón rất nhiệt thành. Cũng có thể thấy rõ từ cuốn sách này rằng trong “tư duy mới” đã bao hàm những nguồn gốc phá hoại nền quốc phòng và nền an ninh đối ngoại của chúng ta về chính trị và tư tưởng.

Như phần lớn các kế hoạch, chương trình và sáng kiến “thời đại” của chúng ta trong quá khứ, “tư duy chính trị mới” cũng được quảng bá rộng rãi, thực chất chỉ là ẩn danh (không phải một mình Gorbachov chấp bút cho chúng). Song không quá khó để phát giác ra những dấu vết “sáng tạo” của “những cố vấn bí mật cho các lãnh tụ” của chúng ta – những kẻ đã hàng chục năm ròng được nuôi dưỡng bằng thứ rác thải trí thức từ nhà bếp chính trị học của phương Tây, đặc biệt là của Mỹ. Sản phẩm chủ yếu của nó chỉ cung cấp cho một nơi duy nhất đặt hàng – Lầu Năm Góc, CIA và những quỹ hùng mạnh (kiểu như Quỹ Di sản), được những chủ nhân thực sự từ Mỹ tài trợ.

Các nhà chính trị học Mỹ, tất nhiên, quá rõ ai là kẻ sở hữu, lý luận và hiện thực hóa “tư duy mới” vào cuộc sống và họ có thể gọi tên ra một loạt những kẻ đó: A. Iakolev, E. Sevardnadze, E. Primakov, G. Arbatov, F. Burlatxki và G. Sakhnadarov cùng các viện phó của Arbatov là V. Zurkin tại Viện Nghiên cứu Mỹ và Canada thuộc Viện hàn lâm khoa học Liên Xô (hiện nay là Giám đốc Viện Nghiên cứu châu Âu thuộc Viện hàn lâm khoa học Liên Xô), A. Kokosin và những kẻ khác”.

Chúng tôi cố gắng phác nên bức tranh toàn cảnh của tất cả các “Trung ương thần kinh” tuyệt vời của chúng ta, thành phần cán bộ của chúng cùng các lời khuyến nghị mà họ đã đưa ra. Hiện nay đang có cả một cuộc tranh tài về việc xác định ai là kẻ ngu xuẩn đầu tiên đã nghĩ ra “cải tổ”. Những người đó đều được kiểm chứng và đều được khẳng định họ là những kẻ đầu têu.

*Nhóm thuộc Hội đồng liên bộ về nghiên cứu kinh nghiệm các nước xã hội chủ nghĩa. “Trong kho lưu trữ của BCHTW ĐCS Liên Xô có những nhân viên lưu trữ đã phát hiện được những báo cáo thuộc loại mật do các*



*nhà kinh tế học lập ra theo mệnh lệnh của Iu. Andropov. Nhóm này, được hình thành trực thuộc Hội đồng liên bộ về nghiên cứu kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa, đã tiến hành phân tích các cải cách kinh tế ở Trung Quốc, Nam Tư, Hungari và trên cơ sở đó đã họ đưa ra những tiếp thu của mình về tự do hóa kinh tế ở Liên Xô. Khi Andropov qua đời, nhóm này đã bị giải thể”. Tác giả đã được trò chuyện với nhà kinh tế học nổi tiếng là T. I. Koriagina.*

*Ủy ban An ninh quốc gia Liên Xô. “Vào đầu những năm 1980, chính trong KGB đã xuất hiện một nhóm chuyên gia trẻ đã đề cập tới vấn đề cải cách. Và chính trong KGB cũng đã nhận thấy tính chất cần thiết của chúng”; “Các báo cáo mật của KGB về cuộc khủng hoảng kinh tế đã trở thành sự kích thích cho cải tổ”.*

*Viện Nghiên cứu kinh tế và các quan hệ quốc tế. “Ngay khi có cơ hội đầu tiên Gorbachov đã lập tức đưa Iakovlev về Matxcơva làm Giám đốc Viện Nghiên cứu kinh tế và các quan hệ quốc tế. Theo ý kiến của ông ta, viện phải trở thành “Tổ hợp thần kinh”, trường tư duy kiểu Mỹ, vì điều này mà nó cần một giám đốc mới. Cơ sở khoa học này đã cho ra lò những cố vấn quan trọng nhất cho Kremli...”*

*Ủy ban trực thuộc BCHTW ĐCS Liên Xô. Trong ủy ban có hai tổ chức: Nhóm Công tác với những người tham gia là các phó chủ chốt của ủy ban Kế hoạch quốc gia, Bộ tài chính, Bộ Lao động, ủy ban quốc gia về khoa học và kỹ thuật, ủy ban Vật giá quốc gia, ủy ban Thống kê quốc gia và Ban Khoa học hợp nhất giám đốc các viện nghiên cứu kinh tế chủ chốt do viện sĩ Giám đốc D. Gvisiani lãnh đạo.*

*Sau này Gorbachov đã nhiều lần nhắc tới hàng chục tài liệu từng soạn thảo vào thời điểm ông ta được bổ nhiệm làm Tổng Bí thư. Công việc của ủy ban Bộ Chính trị về hoàn thiện sự điều hành cũng là một trong những hướng hình thành của nó.*

*Vì lãnh đạo Ban Khoa học là Dzermen Gvisiani, nên chức năng của ban được chia cho các vụ do Boris Milner, Xtanixlav Satalin lãnh đạo và cho phòng thí nghiệm của viện.*

Có lẽ, tài liệu nghiêm túc nhất do Ban Khoa học này soạn thảo là “Lý luận hoàn thiện cơ chế kinh tế xí nghiệp” theo lệnh của Ryzkov, dày tới 120 trang đề cập tới những phương hướng chủ yếu của cải cách kinh tế có thể xảy ra ở quy mô liên bang. Tham gia soạn thảo, ngoài cán bộ của phòng thí nghiệm chúng tôi, còn có các nhà kinh tế học trẻ tuổi của Leningrad như Anatoli Chubais, Xergei Vaxiliev, Xergei Ignatiev, Iuri Iarmagaiev và nhiều người khác”.

“*Trung ương thần kinh*” không chính thức trực thuộc Gorbachov. “Khi lãnh đạo Trung ương thần kinh của M. X. Gorbachov, A. N. Iakovlev đã tập hợp được rất nhiều chuyên gia và rất nhiều tài liệu, hình thành nên được một hệ thống các khái niệm về cải tổ xã hội, cũng như đề ra những biện pháp thực tế cần được áp dụng để đạt được những thay đổi hiện thực trong nước. Ông ta thực sự là người khởi xướng ra các bản báo cáo và bài phát biểu của tổng bí thư. Cùng với ông ta, tham gia vào hoạt động của Trung ương thần kinh này còn có nhiều nhà khoa học xã hội nổi tiếng như V. A. Medvedev, L. I. Abankin, A. G. Aganbekian, A. N. Anchiskin, X. A. Xitarian, N. B. Bikkenin, X. X. Xatalin, N. Ia. Petrekov, V. P. Mozyn. Ngoài ra còn nhiều chuyên gia của các viện nghiên cứu khoa học khác nhau về kinh tế, quan hệ quốc tế, của Bộ Ngoại giao, BCHTW ĐCS Liên Xô, Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô cùng các bộ và nhiều cơ quan cộng tác”; “cần có một trung tâm trí tuệ. Ngay từ năm 1981 Gorbachov đã tập hợp các nhà khoa học và chuyên gia của nhiều cơ quan khác nhau để hỏi ý kiến của họ về nhiều vấn đề khác nhau, chứ không chỉ đơn thuần về lĩnh vực nông nghiệp. Gorbachov và Ryzkov thường xuyên tổ chức những cuộc họp tại BCHTW để thảo luận về mô hình cải cách kinh tế tương lai. Trong đội ngũ những nhà kinh tế học thường xuyên tham gia các cuộc thảo luận này có cả những trí thức thuộc “thế hệ những năm 60” – Viện sĩ A. Aganbekian, G. Arbatov, V. Tikhonov, O. Bogomolov, T. Zaslavxkaia, Tiến sĩ khoa học L. Abankin, X. Xitarian P. Belouxov, N. Petracov và nhiều người khác.

“Công ty thần kinh” do Gorbachov và Ryzkov lập nên đã đưa ra những phương hướng cơ bản cho cải cách kinh tế. “Tôi cho rằng, – vài năm trước

đây N. Ryzkov khẳng định, – cội nguồn cải tổ có từ đầu năm 1983, vào thời điểm mà Andropov giao cho chúng tôi – một nhóm cán bộ có trách nhiệm trong BCHTW ĐCS Liên Xô, trong đó có tôi và Gorbachov, chuẩn bị những quan điểm mang tính nguyên tắc cho cải tổ kinh tế”.

Chỉ cho tới khi công cuộc cải tổ đã bắt đầu vòng quay của mình và “quá trình đã diễn ra” thì mới bộc lộ rõ ra rất nhiều mặt tiêu cực của nó, quần chúng bắt đầu có những biểu hiện nghi ngờ về đường lối đã được lựa chọn và các thông tin như thế đều được báo cáo lên tới người khởi xướng chủ yếu của nó. M. X. Gorbachov đã buộc phải đưa ra những lời giải thích. Như khi phát biểu tại cuộc gặp trong BCHTW ĐCS Liên Xô với những nhà hoạt động khoa học và văn hoá vào ngày 6 tháng 1 năm 1989, ông ta đã phải nói: “Tôi muốn phản đối một trong những định kiến hiện rất phổ biến hiện nay mà tôi cho là sai lầm – tôi muốn nói tới khẳng định của một số đồng chí rằng dường như chúng ta đang dẫn dắt sự nghiệp cải tổ trong nước mà không hề có một chương trình được hoạch định sẵn, rằng chúng ta không biết mình đang tiến đi đâu và muốn gì.

Chính việc hoạch định lý luận và đường lối cải tổ đã chứa đựng nội dung cơ bản trong giai đoạn đầu của nó. Nhân đây tôi muốn nhắc lại một vài yếu tố.

Chúng ta đã có một sự phân tích sâu sắc và đánh giá về nguyên tắc, trong đó đề cập tới xã hội chúng ta vào giữa những năm 1980, tại Hội nghị toàn thể tháng 4 của BCHTW năm 1985. Khi đó chúng ta đã đề ra nhiệm vụ phát triển xã hội để phá bỏ sự trì trệ. Song tôi muốn nói rõ hơn, bản thân hội nghị toàn thể tháng 4 chỉ có thể đã được tổ chức trên cơ sở có một sự chuẩn bị công phu từ những năm trước đó.

Đã có cả một giai đoạn tư duy có phân tích và đánh giá về tinh thần diễn ra trước khi công cuộc cải tổ xuất hiện trong xã hội. Tất cả những điều đó đã được chuẩn bị và đã chín muồi trong đảng, trong lĩnh vực khoa học, văn hoá và trong các nhóm xã hội rộng rãi.

Cần nói thẳng ra rằng, một tiềm năng vững chắc của những tư tưởng mới đã được hình thành. Tất cả chúng ta đều đã nhận thấy rằng không thể sống

như trước nữa.

Và thực sự là cá nhân tôi không phải chỉ một lần gặp gỡ và phát biểu với rất nhiều người trong số các bạn về những vấn đề như thế này từ rất lâu trước khi có Hội nghị toàn thể tháng tư của BCHTW. Mà không chỉ có mình tôi. Nikolai Ivanovich (ông ta hướng tới N. I. Ryzkov), đã phải soạn thảo biết bao tài liệu làm cơ sở cho những bài phát biểu này?

N. I. Ryzkov: Một trăm mười.

M. X. Gorbachov: Một trăm mười tài liệu có ở chỗ tôi và ở chỗ Nikolai Ivanovich. Tất cả tài liệu này liên quan tới một giai đoạn rất xa trước khi có Hội nghị toàn thể tháng tư. Đó là những kết luận của các viện sĩ, các nhà văn, các chuyên gia lớn và của các nhà hoạt động xã hội”. Vậy là, chỉ với chừng 110 tài liệu, họ đã bào chữa được cho việc cần thiết đổi hướng phát triển trước đây sang “cải tổ”.

Đây chính là thời gian đáng lưu ý tới việc nhân dân, nói chung, cần có những giải thích về cải tổ. Một kẻ khởi xướng ra bất kỳ cuộc cải cách nào cùng đầu phải trình ra nhất chương trình, trong đó có sự mô tả chính xác và phải được toàn dân chấp thuận, kể cả những chỉ tiêu cơ bản trong tình trạng lý tưởng đạt được mà nó cần nhắm tới. Kẻ đó phải giải thích rõ ràng về những biện pháp thích hợp sẽ lấy từ đâu ra và điều chỉnh chúng ra sao; Cơ chế nào là thích hợp cho nó – có thể phải cần có một tổ chức điều hành đặc biệt với toàn quyền đặc biệt, ai sẽ là người lãnh đạo nó (rất mong là do một người tổ chức có nhiều kinh nghiệm); những phương thức nào sẽ được sử dụng, đồng thời chống chọi với những nguy cơ trong và ngoài ra sao khi hệ thống bị rơi vào tình trạng phát triển không bền vững. Đã chẳng có một điều gì như thế được nói tới và chúng ta còn nhận thấy đến tận bây giờ chúng vẫn không được nói tới. Thay vào đó, Gorbachov đã huyền thuyên đủ điều ngon ngọt, nhưng hoàn toàn chẳng có gì ăn nhập với đề tài.

Từ những bằng chứng được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau này có thể kết luận thế nào: Trong vấn đề này ai đúng, còn ai đã sai lầm? Tôi cho rằng không có ai định lừa dối chúng ta cả. Tất cả đều nói sự thật. Tất cả những người đã nhận lệnh “trên” – với lòng thành kính của mình – đã lập

ra kế hoạch. Sau đó, để có được một kế hoạch toàn diện và thống nhất, các bộ phận đã họp lại với nhau và gia công cho phù hợp. Mà chỉ có những chuyên gia tốt, giàu kinh nghiệm, nắm vững quan điểm hệ thống mới đủ sức làm được điều này. Ví dụ như Viện Nghiên cứu hệ thống thuộc Viện Nghiên cứu khoa học toàn liên bang.

Trong thời kỳ “cải tổ” số lượng những tổ chức như thế thực sự tăng cao. Và ở Liên Xô đã có những “Trung ương thần kinh” sau đây hoạt động:

*Hội đồng Hoạch định – Tư vấn cao cấp trực thuộc Tổng thống Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết Nga. “... Các cựu nhân viên tư vấn của Tổng thống (M. X. Gorbachov), những “người đội trưởng của công trình cải tổ” năng động này là: Arbatov, Zaxlavxkaia, Bunich, Smelev, Tikhonov và nhiều đại diện sáng giá trong giới viện sĩ. Lớp người kế tục họ là: Popov, Xovchak, Xtarovoitov và những người đại loại như vậy. Cho đến tận bây giờ họ vẫn vây quanh lãnh tụ Nga với cương vị là những ủy viên của Hội đồng Hoạch định – Tư vấn cao cấp, cái được mọi người gọi là đường lối phá hoại Tổ quốc của chúng ta.*

*Viện Mỹ và Canada. Về thực chất, viện này đã biến thành một sự tiếp tục của các “Trung ương thần kinh” và CIA của Mỹ từ rất lâu trước khi cải tổ. Trong những năm tháng mà chúng ta quan tâm, nó đã trở thành không chỉ là “Trung ương thần kinh” mà còn là “Trò lừa dối của hội tam điểm” bởi nó không chỉ phụ thuộc về mặt hình thức, mà còn là công cụ tác động của ma phía để chống lại quốc gia Xô Viết và nhân dân Liên Xô. Trên cơ sở của nó người ta đã thành lập nên một xí nghiệp liên doanh Xô – Mỹ là dự án Nghiên cứu Xô – Mỹ về các vấn đề ổn định. Đồng Giám đốc của nó là viện sĩ G. A. Arbatov và cựu Phó giám đốc CIA A. Coks.*

*Nhóm Phân tích thông tin thuộc bộ máy Tổng thống Liên Xô. Đầu năm 1991, N. A. Zenkovich thuộc Văn phòng báo chí BCHTW ĐCS Liên Xô, nay là phóng viên chính luận rất nổi tiếng, được điều sang làm việc tại “Bộ máy Tổng thống Liên Xô, vào một nhóm phân tích thông tin mới vừa thành lập.*

Chức năng của nhóm là chuẩn bị các tư liệu trực tiếp cho M. X. Gorbachov trên cơ sở những thông báo hàng ngày của KGB, Bộ Tổng tham mưu, Bộ Nội vụ và điện báo của các đại sứ quán”. Tuy nhiên, N. A. Zenkovich đã từ chối đề nghị này với lý do là tổ chức này của Tổng thống Liên Xô – cơ quan duy nhất không có tổ chức đảng.

*Ủy ban An ninh quốc gia Liên Xô. “Đã có bao nhiêu viện nghiên cứu xã hội học bị giải thể... Các nhân viên của chúng đi đâu? Phần nhiều họ đã vào các viện nghiên cứu của KGB. Những nghiên cứu xã hội trong khuôn khổ của KGB vẫn được tiến hành thường xuyên ở mức độ rất cao. Liệu ai đã có được số liệu chính xác về những gì đang diễn ra trong nước? Chỉ có ở KGB”. Các nhà xã hội học đã thu nhận được nhiều điều lĩnh vực điều khiển học xã hội dưới cái tên gọi là “Mô hình hóa các quá trình kinh tế và chính trị toàn cầu”. Vào “thời điểm có trách nhiệm”, như vụ Tháng tám năm 1991, “Dường như, trước khi có vụ biến loạn không lâu, Trung tá Valeri Komkov, chỉ huy một phòng nghiên cứu xã hội học của KGB Liên Xô đã có cảnh báo về việc đại đa số thành viên chiến dịch sẽ không chấp hành các mệnh lệnh của các tổ chức dưới đây, 18-21 /8 / 1991”.*

*Cuộc hội thảo tại Núi Rắn (zmeinyi). “Vào cuối tháng 8 năm 1986, một nhóm các nhà kinh tế trẻ tiến hành hội thảo tại Núi Rắn ở ngoại ô Leningrad. Tại đó có tôi, Anatoli Chubais, Xergei Vaxiliev, Pietr Aven, Xergei Ignachiev, Viachexlav Sironin, Konxtantin Kagalovxki, Georgi Trofimov, Iuri Iarmangaiev. Tất cả có khoảng 30 nhà kinh tế thị trường. Trong phạm vi hạn chế, chúng tôi thảo luận những vấn đề nguy hại nhất về mặt tư tưởng, như: các con đường hình thành kinh tế tư bản; việc bảo đảm quyền tư hữu.*

Tất cả chúng tôi đều cảm nhận rõ sự tự do rộng mở, một khoảng không cho những nghiên cứu khoa học, cho những nghiên cứu thực sự các quá trình đang diễn ra trong nền kinh tế.

*Cuộc Hội thảo của phòng 38. Vào tháng 7 năm 1988, tại Viện Nghiên cứu những vấn đề kinh tế – xã hội ở Leningrad đã diễn ra cái gọi là “Cuộc Hội thảo của phòng 38”. Phát biểu tại hội thảo, nhà “nữ dân chủ” nổi tiếng*

Xtarovoitova đã đăth vấn đề về quan hệ dân tộc, theo bà, là của nhóm cấp tiến cải tổ do A. Iakovlev đại diện trong Bộ Chính trị BCHTW ĐCS Liên Xô, “Phương án cấp tiến” giải quyết vấn đề dân tộc đã xuất hiện trên cơ sở những cuộc hội đàm riêng của Iakovlev tại Estoni với một số nhà lãnh đạo bộ máy Đảng của nước cộng hòa này.

Phương án này được coi là một phương châm có ý thức nhằm làm suy yếu mối quan hệ giữa các dân tộc để phát triển nhận thức dân tộc độc lập. Mục tiêu của nó là: làm suy yếu, phân hóa các mối quan hệ giữa các dân tộc để các cơ quan hành chính dân tộc có khả năng tiến hành các cuộc đàm phán ngoại giao bình đẳng với cơ quan Trung ương.

Xtarovoitova đã nhận xét rằng Estoni cần trở thành trường bắn thử nghiệm các ý tưởng của Iakovlev về việc phân hóa với Trung ương...

Trong cuộc hội thảo này, Xtarovoitova cũng đã chỉ ra một trường bắn được dùng để đấu tranh nhằm phân hóa mối quan hệ giữa các dân tộc với Trung ương là Armeni thông qua việc làm phức tạp tình hình tại Nagorny Karabakh. Theo bà, tình hình phức tạp tại khu vực này đã được nhận diện từ 2 năm trước. Theo tuyên bố của Xtarovoitova, điều quan trọng nhất là người Armeni chiến thắng người Azerbaidzan, bởi điều đó có ý nghĩa như một chiến thắng đầu tiên, chủ yếu và quyết định đối với chính sách dân tộc của Lênin và Xtalin.

Ngoài ra còn một nhóm khác, tạm gọi là *Nhóm ủng hộ các quyết định của Đại hội Đảng và Hội nghị toàn thể*. Tất cả mọi mảnh khóe diễn ra với các ủy viên Trung ương Đảng và các đại biểu do nhân dân bầu ra, đồng thời cũng diễn ra trước mắt những khán giả truyền hình, khi mà hầu hết các bài phát biểu tại cuộc họp đều kêu gọi đi tới một quyết định và tất cả những người dự họp đều nhất trí, thì lại có người biểu quyết chống lại. Để rồi sau đó ngoài hành lang, khi nhớ lại hành vi của mình, các đại biểu đã phải tỏ ra ngạc nhiên rằng “tại sao chúng ta có đủ trí tuệ đến thế, lại có thể “đớp” một con mồi rẻ rúng đến như vậy?”. Tuy nhiên, tất cả đều đã muộn – quyết định đã được biểu quyết.

Rõ ràng, trong trường hợp này người ta đã sử dụng tới công nghệ gây ảnh hưởng tác động tới một nhóm dự họp, song mang quy mô cả nước. Công nghệ này đã từng được nhóm nghiên cứu của Viện Nghiên cứu xã hội do Giáo sư V. E. Boikov lãnh đạo đề xuất từ thập kỷ 1970-1980. Cơ sở của phương pháp tác động này là tập họp và phân tích thông tin bằng cách trưng cầu ý kiến số đông trong cuộc họp – thông thường vào khoảng 300 đến 500 người. Dữ liệu được xử lý bằng cách biểu quyết giơ tay.

Công nghệ dự báo – thông tin “RISC-1” cũng từng được nhóm nghiên cứu của V. B. Tikhomirov lập ra và nó tỏ ra khá điển hình đối với những người luôn thể hiện mình là có kỹ luật. Với tư cách là một nhà vật lý nguyên tử, ông đã viết hàng loạt cuốn sách về vấn đề kế hoạch hóa và phân tích các thí nghiệm khoa học. Sau này, ông đã chuyển sang lĩnh vực nghiên cứu hệ thống trong chính trị. Ông đã từng là Chủ nhiệm Khoa Phân tích hệ thống các quan hệ quốc tế của Trường đại học Quan hệ quốc tế; đã từng sang Mỹ công tác; đã từng là đồng lãnh đạo tại UNITAR (United Nations Institute for Training and Research – Viện Nghiên cứu Khoa học và Giáo dục trực thuộc Liên Hợp Quốc): “Những người Mỹ đã đánh giá cao kinh nghiệm phân tích chính trị của tôi: họ đã nhiều lần giúp tôi được lưu lại làm việc tại Liên Hợp Quốc vì cho rằng họ có lợi trong việc giữ tôi ở lại nước ngoài hơn là để tôi giảng dạy những kinh nghiệm và kiến thức thu được cho đất nước”. Sau khi từ Mỹ trở về tôi được chuyển sang Trường Đảng cao cấp Matxcơva, nơi V. N. Soxtakovski là Hiệu trưởng. Đó là người đã biến nhà trường thành một trong những “Trung ương thần kinh”, còn sau năm 1991, ông ta đã chuyển sang làm Giám đốc Quỹ Gorbachov của Trung tâm kiến thức xã hội. Bản thân V. B. Tikhomirov đã đưa ra một loạt công nghệ dự báo và phân tích thông tin mà “việc áp dụng chúng đã cho phép giải quyết nhiều vấn đề liên quan tới việc mô hình hóa tình hình chính trị phức tạp, đồng thời đã dự báo khá chính xác những kết quả biểu quyết trong các đại hội Đảng, đặc biệt là trong Đại hội XXVIII của ĐCS Liên Xô và trong phân tích tình hình ở Litva, Mondavi và Ucraina.



Những công nghệ này đã cho phép dự báo về tư cách (hành vi) của các đại biểu và cho người làm chủ thông tin một dự báo sớm về tiến trình cuộc họp. Điển hình nhất là việc những nguyên tắc này đã được tiến hành trên một quy mô lớn từ đầu tháng 7 năm 1990 trước Đại hội XXVIII của ĐCS Liên Xô. Người quan tâm theo dõi vấn đề này là Trợ lý Bí thư BCHTW ĐCS Liên Xô V. M. Legoxtaiev, ông ta nói: “Đối với tôi, ... việc nhóm Gorbachov sử dụng kỹ thuật mảnh khóc này với đội quân gần 5 nghìn đại biểu không còn là bí mật.

Ngay từ hồi còn là sinh viên tôi đã biết tới câu nói của Norbert Wiener[14] rằng một người lính đơn độc còn thông minh hơn cả một đội quân. Sau này, khi đã rơi vào guồng quay của bộ máy đảng, đặc biệt là dưới thời Gorbachov, tôi đã vận dụng nó làm nguyên tắc hành động của mình. Trong việc sử dụng kỹ thuật mảnh khóc với một đám đông, nguyên tắc này đã có thể được hiểu rằng: “một người lính đơn độc (trong đoàn chủ tịch đại hội) luôn luôn thông minh hơn cả một đội quân (đang huyên náo đối lập anh ta trong cuộc họp)”. Trong vấn đề này, xuất hiện một quy luật: “đội quân” càng đông, càng nhiều loại người cùng chen chúc trong một căn phòng, thì hình ảnh “người lính” trên ghế chủ tịch đoàn càng sáng giá hơn. Điều này cũng có nghĩa là khả năng thành công của mảnh khóc áp dụng với “đám đông” trong những lợi ích nhất định càng đáng kể hơn.

Lịch sử nước Nga gần đây nhất cũng cho thấy không ít ví dụ khẳng định cái mà tôi gọi là “nguyên tắc dân chủ của Wiener”. Tư duy sâu sắc của “nguyên tắc Wiener” cho phép chúng ta hiểu rõ hơn bản chất của nền dân chủ là mảnh khóc lừa dối đại đa số dân chúng càng tin cậy bao nhiêu thì những quyền lợi kinh tế và chính trị (nhiều khi chúng chỉ là một) của thiểu số càng lớn bấy nhiêu. Giá trị đặc biệt của nền dân chủ là ở chỗ đám đông bị lừa dối không thể trách cứ cụ thể một người nào bởi chính họ đã biểu quyết”.

Trong thời gian tiến hành đại hội đã xảy ra một tình tiết thú vị. Do Gorbachov sơ ý, mọi người trong phòng họp đã nghe được lời phát biểu của người thợ mỏ Bludov của tỉnh Magadan, ông ta đề nghị: “Để BCHTW

ĐCS Liên Xô do Bộ Chính trị đứng đầu nghỉ hưu và không bầu lại họ vào thành viên các cơ quan lãnh đạo đại hội do đã thất bại trong công tác hoàn thành Chương trình lương thực và các nghị quyết của Đại hội ĐCS Liên Xô, nghị quyết của Hội nghị XIX. Tôi đề nghị biểu quyết”. Gorbachov đã lúng túng một lúc, để mất đi khả năng hùng biện của mình, đứng bất động trước một đồng micro, dường như đang bị ghen. Sau đó, ông ta nói với một vẻ thiếu tự tin: “Tôi nghĩ rằng vấn đề này... ta sẽ quay lại sau, các đồng chí nhỉ?”. Trong phòng họp có một ai đó nói lớn: “đồng ý”. Vậy là vấn đề nêu ra được dừng lại ở đó.

Đại biểu Boldyrev đề nghị đưa vào chương trình nghị sự vấn đề: “về trách nhiệm chính trị của BCHTW ĐCS Liên Xô trước nhân dân”. Một vấn đề thực sự rất quan trọng! Gorbachov cho biểu quyết: 1022 phiếu thuận. Vấn đề đã không được thông qua, song rõ ràng là có tới 3/4 tổng số đại biểu là theo cánh cấp tiến, là kẻ thù điên cuồng của Đảng và cũng là chỗ dựa của Gorbachov tại đại hội này”.

Cần phải thấy rằng con số này không thật chính xác. Kết quả thăm dò của nhóm đại biểu Nga, khi so sánh với đại đa số các đại biểu của đại hội, được đưa ra trước khi tiến hành đại hội – ngày 17 và 18 tháng 6 năm 1990, đã cho ta thấy một bức tranh như sau: Trong nhiều vấn đề có tính nguyên tắc, các nhóm thường được chia thành 3/4 và 1/4. Ví dụ:

*Vấn đề: đồng chí ủng hộ cho một tương lai nào của Liên Xô? Trả lời: liên minh (federation) các nước cộng hòa liên bang – 73%; hiệp thương (conferention) – 13%; kết hợp cả hai hình thức – 8%; khó trả lời – 6%.*

*Vấn đề: đồng chí ủng hộ nguyên tắc nào trong xây dựng đảng? Trả lời: theo kinh tế lãnh thổ – 72%; để những người cộng sản quyết định – 21%; theo lãnh thổ – 7%; vì lợi ích của những người cộng sản (thành lập những câu lạc bộ đảng – 4%; khó trả lời – 1%.*

*Vấn đề: đồng chí có đồng ý với những ý tưởng được phát biểu tại đại hội không?... “trên các phương tiện thông tin đại chúng đang tuyên truyền những tư tưởng phi chủ nghĩa xã hội?” Trả lời: đồng ý – 75%; không đồng ý – 18%; khó trả lời – 7%.*

Trước khi bắt đầu đại hội, người ta đã đưa ra *vấn đề*: thái độ của bạn thế nào đối với ý tưởng xóa bỏ các tổ chức đảng trong quân đội, trong các cơ quan Bộ Nội vụ, trong Viện Kiểm sát và trong KGB? *Trả lời*: phản đối – 63%; ủng hộ – 26%; khó trả lời – 11%. Cũng vấn đề đó, kết quả trả lời sau đại hội là: phản đối – 34%; ủng hộ – 24%; khó trả lời 42%. Trung tâm Nghiên cứu xã hội học đã đưa ra đánh giá khái quát: “Theo kết luận của chúng tôi, quan điểm của các đại biểu đại hội giống như của những kẻ đang đứng giữa ngã ba đường”.

Các nhà khoa học của Viện Xã hội học trực thuộc BCHTW ĐCS Liên Xô đã kiến nghị: “mức độ phổ cập thông tin của Đảng về mặt tư tưởng phải ngang tầm với mức độ phổ cập thông tin của toàn xã hội, thậm chí của quốc tế; mức độ phổ cập thông tin cho Đảng cần phải cao hơn mức độ phổ cập thông tin của các lực lượng chính trị khác trong xã hội”. Họ đã đưa ra lời dự báo trên cơ sở so sánh với tình hình ở Ba Lan mà Đảng Công nhân thống nhất Ba Lan đã bị thất bại vào năm 1989 trong cuộc bầu cử trước Công đoàn “Đoàn kết”...

Ngoài những tổ chức phục vụ “các nhà dân chủ” đã nêu trên, còn có cả chục tổ chức nghiên cứu khác, như: *Trung tâm Phân tích và Dự báo của Xô Viết Tối cao Liên Xô* do V. P. Lykin đứng đầu; *Văn phòng Phân tích tình hình trực thuộc Chủ tịch Đoàn Xô Viết Tối cao Liên Xô* (được thành lập dưới thời Eltxin để dành cho những ứng cử viên đại biểu nhân dân nước Cộng hòa liên bang Nga vào tháng 3 năm 1990; từ năm 1991 chuyển sang trực thuộc Chủ tịch đoàn Xô Viết Tối cao Cộng hòa Liên bang Nga cũng do V. P. Lykin đứng đầu); *Viện Phổ cập thông tin xã hội và Phát triển khoa học* do A. I. Pakitov làm Tổng giám đốc, từ tháng 7 năm 1992 ông ta lãnh đạo Trung tâm Phân tích thông tin của Văn phòng Tổng thống Liên bang Nga;...

Sau thắng lợi của các nhà dân chủ vào tháng 8 năm 1991, G. E. Kughinhian đã giải thích sự xuất hiện của Hãng Thông tấn phân tích thông tin của Quỹ “Trung tâm sáng tạo thử nghiệm” với tư cách hàng đầu của một trung tâm độc lập: “Đất nước cần có một trung tâm thông tin chính trị độc

lập kiểu RAND Coporation của Mỹ hoặc như các trung tâm tương tự khác trên thế giới, có thể phân tích khách quan tình hình diễn ra. Vấn đề là các trung tâm chính thức ở các bộ thường phản ánh tình hình theo hướng có lợi cho bộ của mình bởi chúng bị phụ thuộc. Tình hình đất nước đang trở nên rất khó khăn cho việc điều hành, và ý tưởng này được coi là thích hợp...

Cũng cần phải nói rằng, chỉ trong vòng vài năm, Trung tâm này đã đưa ra 10-12 dự báo chiến lược lớn có độ chính xác cao. Một trong những huyền thoại chính trị đó là:

Để giải đáp sự kiện tháng 8 năm 1991, một bài báo với tựa đề “Tôi – nhà tư tưởng của tình trạng khẩn cấp” ký tên X. E. Kughinhian. Theo chúng tôi, bài báo thể hiện ông ta là một nhà quan sát tinh tế, nhất là vào những ngày này có quá nhiều tư liệu, đó là một bức tranh rất có ích và khách quan. Tùy bạn đánh giá về nội dung cơ bản của nó là: “Cái gọi là đảo chính do ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp đã áp dụng là một điều phi lý và chỉ là suy đoán”

Tôi không thể chấp nhận giả thuyết về tính không chuyên nghiệp của các nhà tổ chức bạo động, khi mà quyền lực thực sự đã nằm trong tay họ. Họ đủ khả năng để nhấn nút khởi động hệ thống. Chỉ đơn giản là họ đã không ra lệnh. Hiện vẫn chưa đủ thông tin để giải đáp vấn đề này, song có thể nêu ra 3 giả thuyết sau:

*Giả thuyết thứ nhất. Có sự thỏa thuận với M. X. Gorbachov. Không phải tất cả các thành viên tổ chức bạo động mà chỉ vài người trong số họ đã thỏa thuận với Gorbachov. Khi đó thì việc tự tử của Pugo sẽ trở nên dễ hiểu hơn vì ông ta là người hiểu ra sự thật muộn nhất. Giả thuyết này hiện nay đang được các nhà Xô Viết học, tâm lý học và các chuyên gia nghiên cứu của Lengli (CIA) và RAND Coporation tích cực tung lên các phương tiện thông tin đại chúng. Tôi chỉ nêu ra để bác bỏ nó. Gorbachov có thể theo đuổi mục tiêu gì khi thực hiện một nước cờ nguy hiểm đến như vậy? kẻ chơi trò đòn xóc hai đầu, để lộ mọi quân bài cho Eltxin biết chỉ có thể là sếp KGB.*

*Giả thuyết thứ hai. Cuộc bạo động nguy tạo này là một hành động phô trương (demars) của cánh “hữu” hùng mạnh, muốn đẩy nhóm trung gian, tay sai của các quan chức cao cấp lên phía trước, hy sinh chúng cho thành công đại cục của mình. Tôi cho rằng trong môi trường của các sĩ quan quân đội, KGB, Bộ Nội vụ có “một đảng Nga” bí mật, thậm chí theo chế độ quân chủ. Vậy vấn đề đặt ra là đám cánh hữu đó được lợi lộc gì trong chuyện này? Bởi điều này chỉ gây ra thiệt hại riêng cho họ. Liệu đó có thể là thắng lợi của nền dân chủ? Theo tôi, trong một bàn cờ chính trị nghiêm túc, những người “cánh hữu” có cả một loạt chiến thắng chiến lược.*

*Một là, ĐCS Liên Xô tan rã. Những kẻ thực sự “hữu” luôn luôn căm thù ĐCS Liên Xô.*

*Hai là, Liên Xô tan rã. Những kẻ thực sự “hữu” luôn coi việc phục hồi đế chế Nga là cần thiết, ban đầu là bằng mọi giá, còn sau này là có thể khoét sâu vào những sai lầm.*

*Ba là, hạ bệ M. X. Gorbachov và củng cố địa vị cho B. N. Eltxin. Eltxin lúc đó đang được “cánh hữu” phò tá.*

*Bốn là, tiến hành đánh thăm dò.*

*Năm là, đó là giao nộp cho “cánh tả” những phần trách nhiệm mà họ đã giành được cho mình, song chưa thể làm được điều gì cả.*

*Giả thuyết thứ ba. Đó là trò chống Gorbachov của phái “đổi mới” Lukianov (một quan chức trong bộ máy của đảng, từ năm 1987 là Bí thư BCHTW ĐCS Liên Xô, đồng thời là Vụ trưởng Các cơ quan hành chính (mật vụ, cảnh sát); từ năm 1988 là Phó chủ tịch thứ nhất Đoàn chủ tịch Xô Viết Tối cao Liên Xô; từ năm 1989 là đại biểu nhân dân Liên Xô, Phó chủ tịch thứ nhất Đoàn chủ tịch Xô Viết Tối cao Liên Xô; từ tháng 3 năm 1990 đến cuối tháng 9 năm 1991 là Chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô Viết Tối cao Liên Xô; bị bắt giam vì đã tham gia ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp; hiện nay là đại biểu Viện Duma quốc gia) và của Ianaiev nhằm giành chính quyền, đi theo chủ nghĩa tư bản.*

Trong trường hợp này, nạn nhân đầu tiên là Gorbachov, nạn nhân thứ hai là Eltxin.

#### **Tài liệu N°4. Cơ quan KGB của Liên Xô. 1985-1991**

Hiện nay chúng ta nói về KGB Liên Xô như nói về một người đã quá cố – hoặc tốt, hoặc chẳng có gì. Trên thực tế, nó đáng nhận được những đánh giá trái ngược nhau. Dường như khi thất bại, KGB đã thắng lớn. Thua vì “đất nước bị người ta làm cho sụp đổ và ly tán, còn hệ thống của “các Chêca” lại thu hoạch được rất nhiều”. Như trước đây, họ vẫn có tiền, có quyền. Có thể kể ra những cái tên, như: Aliev Geida Alievich – Tổng thống Azerbaidzan; Kazegeldin Akezan Magzanovich – Thủ tướng Kazakstan; Putin Vladimir Vladimirovich – Tổng thống Liên bang Nga; Sevardnadze Eduard Amvroxievich – Tổng thống Gruzia. Vì vậy, đánh giá sai lạc về vai trò của KGB Liên Xô trong cải tổ hiện nay – khi mà đứng đầu các nước cộng hoà là những cựu tướng lĩnh và đại tá KGB – là đặc biệt nguy hiểm.

Có nhiều nguyên nhân để KGB bất lực trong việc hoàn thành chức năng “bảo vệ chế độ hiến pháp”. Thứ nhất, ủy ban đã phải chịu sự giám sát chặt chẽ và chịu tác động của sự phân ly. Thứ hai, những kẻ tiểu thị dân thường nhìn KGB một cách thiếu phân tích, chứ không như một tổ chức đắt giá và thống nhất, trong đó các thành viên đều giống nhau (về mục tiêu và nhiệm vụ), còn những người hoạt động bí mật và những kẻ âm mưu có môi trường tương tự thì nhìn KGB một cách biện chứng và tách bạch như một cơ thể đang biến đổi mà trong đó mọi người làm theo những chức năng khác nhau.

Công việc trong “cơ quan” đã tạo ra khả năng để họ trở thành những người thạo tin trong xã hội, tuy nhiên, phẩm chất đó không phải bao giờ cũng được sử dụng vì quyền lợi của Tổ quốc. Tôi cho rằng, nói chung, những người làm công tác phản gián đã có thể gánh vác được công việc phát hiện và ngăn chặn hoạt động của các thế lực thù địch, cho dù họ cũng có những nguyên nhân khách quan và chủ quan. Tuy nhiên, điều đó cũng đã không cứu chúng ta thoát khỏi một sự Đổ vỡ Vĩ đại. Những gì mà “bề trên” đã thực sự sáng tạo đều vẫn còn được lưu giữ “trong các ấn phẩm” đối với những Getbis thạo tin nhất.

Những người của ủy ban đã biết rất rõ sự kiện trong chuyên môn mà họ được giao phó, nhưng không phải bao giờ họ cũng nắm được thông tin “tổng thể”, đặc biệt là khi làm công việc ngoại biên, hơn nữa, không ai dạy họ về công việc chuyên trách về thông tin. Vì vậy, họ luôn luôn nằm dưới ngưỡng của tư duy hệ thống về những hiện tượng phức tạp trong môi trường xã hội và các biện pháp thực sự biện chứng trong công việc cũng đã không được áp dụng. Các nhân viên chiến dịch biết cách vô hiệu hóa sự chống phá của đối phương. Song họ làm sao vô hiệu hóa được “sự chống phá” do “bề trên” (không phải cấp trên trực tiếp của họ, mà từ cấp cao nhất) thực hiện?

Mỗi quan tâm tới tài liệu lưu trữ và kiến thức về “đối phương” không được cấp lãnh đạo ủng hộ: thiếu những thông tin như thế thì các getbis cũng thừa hiểu, còn cấp chỉ huy thì không cố gắng mở rộng nguồn tin. “Các hình thức và phương pháp công tác của KGB chỉ bí mật với chính những công dân Xô Viết. Còn toàn bộ “bí mật” của chúng ta thì bất kỳ đối thủ tình báo nước ngoài nào của chúng ta, bất kể người nước ngoài nào thực sự quan tâm tới tình hình nội bộ ở Liên Xô hoặc chỉ cần chịu khó đọc báo đều biết rõ. Đôi khi những người đó còn biết rõ những sự kiện cụ thể nhiều hơn chính những gì các nhân viên KGB biết”.

Xét về “tuyến trong nước” thì KGB chưa hẳn đã là lý tưởng. Nếu như CIA Mỹ đã từng có một số thay đổi lớn trong việc thay đổi tổ chức cho phù hợp với những đòi hỏi của tình hình thì chúng ta đừng quên rằng chúng luôn nhận được những nhận xét mang tính điều chỉnh từ các nghị sĩ Quốc hội. Còn KGB, trong suốt cả quá trình tồn tại của mình, chỉ được chỉ đạo bằng Quy chế về KGB từ ngày 9 tháng 1 năm 1959 cho tới tận ngày 16 tháng 5 năm 1991 khi có một Đạo luật thích hợp ra đời. Hiện thực của “cải tổ” và những sự kiện tiếp theo đó đã làm nó- giống như một kẻ qua đường – bị bất ngờ. Tựa như một người cộng sản chính thống từng noi theo V. I. Lênin, không muốn chia tay với lý tưởng của mình cũng như những người của ủy ban, từng coi F. E. Dzerzhinski là thần tượng của mình, họ không

muốn chia tay với những phương pháp công tác đã lạc hậu. Tuy nhiên, đó chưa phải là điều tồi tệ nhất.

Sai lầm chủ yếu của những người trong ủy ban là họ đã cho phép mình xóa bỏ tinh thần yêu nước. Thay vào đó là thói mưu cầu danh lợi, tâng bốc cấp trên. Không một ai biết tới bức tranh chân thực của những sự kiện trong quá khứ xa xưa cũng như mới đây. Mọi người đều tràn đầy niềm tin vào sức mạnh của mình, không chịu tin vào khả năng đổ vỡ. Những người của ủy ban không biết đến những công nghệ chính trị. Họ chỉ còn là một bộ phận ngu muội được vũ trang của các chính khách. Nếu như còn tình báo đối ngoại (PGU KGB Liên Xô) ở bất cứ khu vực nào trên thế giới đều có nhiệm vụ trước hết là chống lại kẻ thù chủ yếu – Mỹ, thì “tuyển trong nước” không hề được giao nhiệm vụ theo dõi các lực lượng phá hoại trên thế giới, trong đó có chủ nghĩa Xionit. Tuy nhiên cũng đã từng có ngoại lệ: “vào tháng 1 năm 1985 Phó vụ trưởng Vụ Thông tin tình báo L. P. Zamoixki – một người nổi tiếng là vô cùng thông minh và có năng lực đánh giá chính xác, – đã khẳng định chắc chắn với nhân viên KGB rằng ở London có một hội kín, theo ông ta, có nguồn gốc Do Thái là một bộ phận của âm mưu đại xionit”.

Nhiều ấn phẩm bài báo và cả sách trình thám đã từng đề cập tới khái niệm sai lầm mù quáng của pháp luật. Nhưng điều chủ yếu lại là việc thực thi luật pháp không hề mù quáng của chính những kẻ từ lâu không thèm đếm xỉa gì đạo luật tư pháp và tinh thần. Kẻ thù luôn vi phạm mọi luật pháp, cưỡng bức thế giới còn lại vào một khuôn khổ chật hẹp, còn bản thân chúng tùy ý sử dụng mọi phương tiện.

Khi những kẻ đó lên nắm quyền, chúng lập tức giũ bỏ mọi luật pháp để thay thế nó vì “lợi ích cách mạng”. Điều mà chúng ta thường thấy hiện nay. Buộc kẻ địch vào một khuôn khổ pháp luật chật hẹp, tự cho chính mình vi phạm pháp luật – đó là một phương pháp tuyệt vời đã từng được biết tới qua nhiều thế kỷ. Đặc biệt là khi nói về việc bảo vệ và cứu nguy cho Tổ quốc, chúng tuyên bố rằng “Tổ quốc cần được bảo vệ cách thức lương thiện, thậm chí cả không lương thiện. Mọi biện pháp đều tốt, miễn là tính



toàn vẹn của nó được duy trì” (Machiavelli Nikkolo, 1469-1527, nhà tư tưởng chính trị Italia. ND).

Phương pháp luận của giai đoạn đã bị thất bại được dựa trên cơ sở của chủ nghĩa Mác – Lênin. Nó không thể bị thất bại một cách đơn giản. Tôi đã từng may mắn được biết tới một chỉ dẫn bí mật về việc tuyển mộ điệp viên của Bộ Nội vụ ban hành năm 1984. Tuy không còn nhớ được nguyên văn, nhưng có một câu tôi nhớ rất rõ là: ở trang đầu chỉ dẫn việc thực hiện tuyển mộ trong số những người tích cực của phong trào sản xuất xã hội chủ nghĩa. Liệu có thể gọi đây là sự nhạo báng tư duy lành mạnh hay là một sự phá hoại có chủ ý trong lĩnh vực trí tuệ của an ninh quốc gia?

“... Nỗ lực thâm nhập của KGB khi đó vào mọi kẽ hở, vết nứt của quốc gia đã dẫn tới việc làm cho quốc gia bị hoại tử và rốt cuộc đi đến tan rã. Nó làm mất đi sự uyển chuyển, sâu sắc của tư duy, khả năng phản ứng chính xác và nhanh chóng. Thay vào đó, hàng nghìn nhân viên chỉ lo mỗi việc tìm kiếm, tỏ ra bần bệ và thể hiện với cấp trên về sự cần thiết của mình. Rồi cấp trên đó lại cũng làm những điều tương tự đối với cấp cao hơn. Tôi cho rằng, trong phạm vi của Liên Xô, có thể khoảng 1/3 số người tình nguyện trong biên chế của ủy ban là những kẻ vô dụng như vậy. Những kẻ này, vào thời điểm đất nước có biến động, thì đã chết cứng từ bao giờ, đã thoái hóa và không còn một khả năng kháng cự nào nữa”.

Từng người có thể thất bại, nhưng quan trọng là sau đó biết gượng dậy sống tốt hơn. Nhưng cả điều này cũng không có nốt. Thậm chí thiên tài I. V. Xtalin cũng đôi lần bất lực như chính ông thú nhận. Khi nói tới bè lũ Trôtkít, ông chỉ ra: “... chúng ta không thể giả định rằng những con người này có thể thoái hóa đến như vậy. Song đó không phải là lời giải thích và càng không phải là lời bào chữa, bởi sự thật của sai lầm vẫn là sự thật. Giải thích sai lầm như thế sao đây? Sai lầm đó được giải thích bằng sự đánh giá không đầy đủ lực lượng và ý nghĩa của cơ chế của các quốc gia tư sản đang bao vây chúng ta và của các cơ tình báo của chúng đang cố gắng lợi dụng sự yếu đuối của mọi người, thói hiếu danh của họ, thái độ nhu nhược của họ để lôi kéo họ vào các mạng lưới gián điệp của chúng và sử dụng họ để

bao vây các cơ quan quốc gia Xô Viết. Nó được giải thích bằng sự đánh giá không đầy đủ vai trò và ý nghĩa của cơ chế quốc gia xã hội chủ nghĩa chúng ta và của ngành tình báo chúng ta, bằng sự đánh giá không đầy đủ cơ quan tình báo này... Đánh giá không đầy đủ đã có thể nảy sinh trên cơ sở nào?

Nó nảy sinh trên cơ sở của sự chưa hoàn hảo và yếu kém của một số quan điểm chung trong học thuyết của chủ nghĩa Mác về quốc gia”.

Đây là lời thú nhận chân thành của một người có tư duy biện chứng sâu sắc nhất, chứ không phải của một kẻ giáo điều. Vì vậy, những người từng xem xét một cách khách quan công việc của cơ quan tình báo chúng ta đã đúng: “Trước đây tôi nghĩ rằng dù sao KGB cũng là một tổ chức mạnh. Khi còn ở phương Tây, tôi đã nhìn thấy rất nhiều điệp viên của họ vô cùng cầu thả. Tôi chỉ cần 5 người thật sự tài năng, thì tôi với họ đã làm được nhiều hơn cả 50 nghìn điệp viên Xô Viết. Họ không chú tâm vào công việc, không nhìn thấy những gì cần phải thấy”.

Cần công nhận rằng những sai lầm của quá khứ đã được tiếp thu. Ngày nay người ta đã có những chỉ dẫn trong công việc xuất phát từ những quan niệm về sự cần thiết của “thiết kế có tổ chức” đối với công tác tình báo trong điều kiện hiện nay. “Công tác chuyên môn cần có tính chất của một hệ thống “công khai”, trong đó các mục tiêu điều hành được thay đổi phù hợp với những thay đổi của môi trường bên ngoài, còn chiến lược là sự mô phỏng đối với những thay đổi của môi trường, phát hiện kịp thời sự đe dọa đối với phát triển không chỉ từ những đối tượng thù địch mà cả từ chính hệ thống này. Các cơ cấu tổ chức phải linh hoạt, tùy theo những yếu tố bên ngoài, phải thay đổi chiến lược, những biện pháp sử dụng, những tiêu chí về chất lượng đội ngũ cán bộ. Cơ chế kiểm soát ưu việt trong hoạt động điều hành của các cơ quan tình báo phải nhường chỗ cho những cơ chế phát hiện những vấn đề mới và quyết định theo tình huống. Ngày nay, trong giới hạn của lý trí, cần áp dụng những cơ cấu điều hành mới – phi tập trung hóa. Yêu cầu cơ bản là kích thích sự phát triển những phẩm chất mới của các

cán bộ tình báo, cụ thể là hướng vào trách nhiệm cá nhân, sự cách tân (innovation), nỗ lực nâng cao chuyên môn, ...”

Như chúng ta đã nói ở trên, những kẻ chủ yếu làm Liên Xô thất bại là “những Trung ương thần kinh” của Mỹ, mà trước hết là RAND Coporation. Từ đây, tất yếu sẽ nảy sinh một vấn đề gần như là tập trung để hiểu rõ thảm họa đã xảy ra với chúng ta: Liệu “những Trung ương thần kinh” của Mỹ nói chung, RAND Coporation nói riêng có nằm “trong số những đối tượng quan tâm của KGB hay không? Những gì viết về KGB Liên Xô cho đến nay cũng đã khá nhiều, song chỉ có hai lần tôi tìm ra được câu trả lời trực tiếp. Trong một trường hợp, vấn đề có liên quan tới một chương trình chung về tình báo khoa học – kỹ thuật chống Liên Xô của CIA và Trường đại học tổng hợp Columbia. KGB đã nắm được mọi tài liệu sau một chiến dịch thành công. Còn trường hợp thứ hai – liên quan tới hai tình báo viên công khai của KGB: Liudek Zemenek, người Tiệp Khắc, được tung sang phương Tây vào tháng 1 năm 1957, sinh sống tại Mỹ và con ông ta theo nghề của bố, được đào tạo công tác tình báo tại Matxcova, tới năm 1976 được giao nhiệm vụ; tại Trường đại học tổng hợp Geordtown, nơi anh ta vừa được tiếp nhận làm giảng viên tại Trung tâm Nghiên cứu chiến lược. Ngày 2 tháng 5 năm 1977, L. Zemenek đã bị FBI bắt giữ và buộc tội làm gián điệp.

Phế phẩm trong ngành hàng không – đó là máy bay bị rơi, phế phẩm trong đào tạo sĩ quan – thua trận, phế phẩm trong một công việc tinh tế nhất của ngành an ninh – đó là một đất nước bị phản bội và tan nát.

Cải tổ và giai đoạn cuối cùng không phải là trận đánh đầu tiên mà KGB thất bại. Trong những năm 1953-1956, một bộ phận đáng kể của ngành tình báo đã phải chịu sự thanh lọc. Những cuộc truy sát các cán bộ của ngành tình báo, làm tổn hại thanh danh của họ đã được khởi động rất lâu từ trước những năm “cải tổ. Để thay thế cho những chuyên gia, người ta đã tuyển lựa những tân binh từ quân đội và các tổ chức đảng, đoàn thanh niên.

Biện pháp này lại được lặp lại vào những năm cải tổ. Vào giai đoạn những năm 1982-1983, hàng loạt nhân viên (khoảng 150 người) bị điều

chuyển từ KGB sang Bộ nội vụ dường như là để tăng cường cho cơ quan này. Trong năm 1981, cục 4 và các vụ có chức năng tương đương chuyên trách thông tin được tái thành lập trong biên chế KGB Liên Xô và ở các địa phương. Ngoài ra, vào năm 1985, người ta còn đề ra nguyên tắc mới: nếu trước đây, một cán bộ được phép tiếp cận với những thông tin chiến dịch có thể yêu cầu và nhận được tin tức về bất kể công dân nào, thì bây giờ điều đó chỉ có thể được thực hiện thông qua Matxcơva. Điều này nói lên rằng trước khi xảy ra những sự kiện rất quan trọng, thì đã có ít nhất 150 người cán bộ có năng lực bị điều khỏi cơ quan KGB Trung ương; rằng nhiều kẻ tân binh thiếu kinh nghiệm được bổ sung và đồng thời, thời điểm thuận lợi cho những kẻ hám danh cũng xuất hiện; rằng việc tiếp cận với hồ sơ của những âm mưu đã trở nên khó khăn.

Đối diện với hiện thực mới trong những năm “cải tổ”, nhiều nhân vật đại diện của ngành tình báo đã có những cách xử sự khác nhau. Một mặt, họ tung hỏa mù qua các phương tiện thông tin đại chúng. Mặt khác, một số quan chức cao cấp chơi trò “cải tổ”. Trên báo chí, họ chữa rửa ủy ban là hung bạo. Phải có ai đó ra lệnh đứng ra bảo vệ thanh danh của nó, bảo vệ “những biện pháp tích cực” của nó đối với đất nước chứ? Thay vào đó, họ chơi trò “im lặng là vàng”. Thay vì những câu trả lời cụ thể cho những vấn đề đặt ra, họ tiến hành trò phản tuyên truyền lơ lớ, vô nghĩa. Hệ thống kiểm duyệt cấp trên đối với bất kỳ sáng kiến nào đã trở nên chặt chẽ tới mức không một nhân viên phản gián nào, cho dù ở cấp Trung ương hay ở cơ quan địa phương, cho dù sử dụng bút danh, được viết các bài bào chữa về Chêca (ủy ban đặc biệt toàn Nga) hay KGB. Còn những người dân bình thường thì coi đó như là sự mâu thuẫn của cơ quan tình báo và báo chí.

Người ta đã tiến hành việc chuyển hướng bộ máy sang một công việc không theo lĩnh vực hoạt động chủ yếu. Ủy ban vướng vào một quá trình phục hồi danh cho đông đảo cán bộ của mình. Đó là một việc làm không thể chấp nhận đối với ngành tình báo. Cán bộ không phải là miếng cao su, hơn nữa, những người của ủy ban đã đấu tranh chống chọi với sự đổ vỡ của đất nước, sự sa sút của nền kinh tế quốc dân. Việc phục hồi danh dự đã

đánh thẳng vào uy tín của họ. Điều này có thể làm được thông qua hệ thống tàng thư – nhiều hồ sơ đã quá lâu đến mức chỉ còn những người thân của cán bộ và những nhà sử học mới quan tâm đến. Nhưng, người được giao làm công việc này lại là tướng I. P. Abramov – trước đó đã từng là một kẻ chống đối (disident), sau này lại được bổ nhiệm làm Phó Tổng công tố Liên Xô. Bằng cách này, từ mọi phương diện, KGB trở nên xấu xa vì đã làm việc cho giặc. Năm 1989-1990, trong cuộc bầu cử đại biểu các cấp, người ta đã công bố công khai về việc theo dõi từ phía KGB hay về những vụ thanh trừng từ xa xưa. KGB đã không kiểm soát được tình hình và sau đó đã bị cuốn theo các sự kiện. Người ta ra lệnh cho nó dùng dầu để dập tắt đám cháy. “Các chuyên gia KGB đã bị đặt vào tình thế bị trói tay trong cuộc chiến thông tin này”.

Vị Chủ tịch cuối cùng của KGB, V. V. Bakatin, viết về một hướng khác mà người ta buộc các nhân viên tình báo phải thực thi: “Dưới thời Kriuchkov, KGB đã tích cực tham gia cuộc đấu tranh gọi là “phá hoại ngầm trong kinh tế”. Cuối cùng, sự kiện dẫn tới việc theo dõi hoạt động của các hợp tác xã và tìm kiếm những đồ hộp giấu trong các quầy hàng. Hàng nghìn nhân viên được tung vào để tìm kiếm các kho chứa hàng. Những “chiến dịch” này được tiến hành một cách phô trương trong các báo. Người ta cho rằng, các sản phẩm thịt và những đồ hộp được tịch thu từ các quầy hàng và được chiếu lên truyền hình sẽ làm cho những người tiêu dùng, vốn quen với cảnh những quầy hàng trống rỗng, tôn trọng hơn đối với KGB. Trong khi đó người ta không thèm đếm xỉa tới việc đi lòng sục các cửa hàng nói chung không phải là chức năng của nhân viên tình báo, còn cảnh sát cũng tiến hành những biện pháp tương tự với quy mô không lớn bằng, nhưng không coi quảng cáo rầm rộ công việc hủ lậu đó của mình là cần thiết. Hơn nữa, các nhân viên của ủy ban nói chung cũng chẳng sung sướng gì khi họ phải sử dụng chuyên môn của mình vào công việc của những thanh tra thương nghiệp”.

Dường như nói tới sai phạm của các cơ quan vào những năm 1918-1956 đã quá đủ. Những sai phạm chủ yếu trong những năm 1985-1991 chủ yếu

là thiếu tích cực, khi ban lãnh đạo phản bội đã trói cả tay lẫn chân của các nhân viên: “Cảm giác của tôi vào những ngày này có thể được diễn đạt bằng những từ: thất vọng, bế tắc. KGB không chỉ không còn khả năng để trở thành trung tâm trí tuệ và động lực của ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp, mà còn đơn giản là không sẵn sàng trước những sự kiện đang diễn ra.

... Nhóm sẵn sàng bắt giữ Eltxin ngay khi ông ta bước ra khỏi nhà, đã nhận được lệnh “Tạm thời chưa hành động!”.

... Họ đã nhận được thông tin rằng OMON (cảnh sát đặc nhiệm) Matxcova sẵn sàng hành động hỗ trợ cho Eltxin. Khả năng điều một bộ phận lớn từ căn cứ đã bị hủy bỏ. Mệnh lệnh “Dừng lại! Tiếp tục theo dõi! Báo cáo về diễn biến tình hình!”.

... Bên phản gián quân sự đã báo cáo về việc Tư lệnh Bộ đội Liên lạc, Tướng Kobetx trao cho Eltxin những tài liệu tuyệt mật và đặc biệt quan trọng, trên thực tế là đã mở ra khả năng cho người Mỹ tiếp cận với thông tin mật. Mọi người đề nghị phê chuẩn nhanh chóng việc bắt giữ, nhưng không có một phản ứng nào xảy ra.

... Thông tin – trực ban tác chiến của sân bay quân sự “Chkalov” báo cáo qua đường điện thoại của thành phố cho viên Đại tá Xamoilov thuộc ban Tham mưu của Eltxin về hướng đến và số lượng của quân đổ bộ, vậy mà không một ai tổng cổ anh ta ra khỏi vị trí trực ban.

... Một chiếc “Volga” mang biển số quốc gia nhằm hướng sân bay “Vnukovo”... chuyển những bản copy sắc lệnh của Tổng thống Nga và Xô Viết Tối cao. Tại sân bay, chúng được phân phát cho các phi công để chuyển cho các Xô Viết thành phố trong vùng. Những người tham gia chiến dịch đã đề nghị cho phép chặn giữ chiếc “Volga”. Vẫn không có hồi âm. Các máy bay đã cất cánh. Sang ngày hôm sau, hàng loạt các Xô Viết trong vùng bày tỏ thái độ ủng hộ Eltxin.

Đó là toàn bộ sự bi hài của thảm kịch trong những ngày đó”.

“Những Chêca chuyên bới lông tìm vết”, như cách giới báo chí dân chủ gọi họ, thông báo rằng vào những thời điểm quyết định nhất “từ Lubianka (Tổng hành dinh KGB) thường để rò rỉ những thông tin quan trọng, trong đó có những tin đến “Nhà Trắng”... về việc có lệnh bắt giữ Eltxin”.

Vậy KGB đã đấu tranh vì cái gì khi nó chuyển hình thái sang FSB (Cơ quan An ninh liên bang Nga) và những cơ quan tình báo của các quốc gia “độc lập”?

Ngày nay, áp lực từ phía ban lãnh đạo Mỹ, từ phía CIA và từ những cơ quan khác của cộng đồng tình báo Mỹ, cũng như của các viện, trung tâm nghiên cứu khác thông qua khâu trung gian là Liên Xô và Liên bang Nga đang đè nặng lên FSB (loại cơ quan mà trước đây các nhà dân chủ luôn e ngại). Những ai ngày hôm qua không nhận ra việc người ta đã biến thủ tiên của để xây nhà nghỉ, thì hôm nay cũng đang che mắt (cả bịt tai, ngậm miệng) trước việc người ta đang cướp bóc toàn bộ các ngành công nghiệp ra sao, người ta đang chuyển cả tỷ đồng ngoại tệ ra nước ngoài thế nào.

“Cái gì tôi đang giữ tức là tôi đang có”- đây là nguyên tắc chung ở mọi nơi. Một nhóm tình báo được cử đi hộ tống “vàng của đảng”, tìm kiếm các bạn hàng ở nước ngoài, bảo đảm độ tin cậy của thương vụ, cung cấp thông tin tình báo cho ban lãnh đạo cao cấp của đất nước, song họ đã thường xuyên lợi dụng công việc này vì quyền lợi của một số nhân vật cao cấp. Những kẻ bảo trợ (curator) dự trữ quốc gia lo việc tiêu thụ vàng ở nước ngoài đã để lộ thông tin về những mỏ tài nguyên chiến lược. Một cục trước đây chuyên lo việc tuyển mộ người nước ngoài bằng việc sử dụng số gái điếm (thuật ngữ gián điệp gọi là “chim én”) đã chuyển sang tuyển mộ những đại biểu, công tố viên ngang bướng khó trị. Cục Lưu trữ thì trở nên phóng khoáng khi sẵn sàng cung cấp các tài liệu lưu trữ vì tiền. Cơ quan phát ngôn không chỉ là nơi “béo bở” mà còn được dùng để che chắn pháp luật – có thể nhận được nhuận bút cho những bài báo của mình.

Không chỉ có vậy. Tất cả đều cùng nhau lợi dụng cơ quan để làm việc cá nhân. Hoặ họ về hưu và đến thẳng trung tâm phân tích thông tin, các “Trung ương thần kinh làm việc, hoặ họ có thể giúp các tổ chức kiểu như

“Quy chế chính trị hiệu quả” của G. O. Pavlovski đối chiếu các tài liệu phổ biến hạn chế khác nhau, trên cơ sở của những tài liệu này các nhà báo thường dùng để viết phóng sự điều tra. Mỗi một chính khách lớn đều có một ê kíp điệp viên: từ người đưa tin đến những trợ lý thân tín. Tại các địa phương, các cơ quan thường tỏ ra thiếu tích cực khi va chạm với những lợi ích của dân địa phương và của “những nhân vật dân tộc chủ nghĩa Kavkaz”, họ không bảo vệ dân cư người Nga do chính họ cảm thấy lo sợ hoặc do họ đã bị mua chuộc.

Cũng tương tự như KGB Liên Xô lúc sinh thời đã từng nằm trong chuỗi điều hành cơ cấu phân tích thông tin của các hãng công nghiệp – tài chính xuyên quốc gia, các cơ quan như FSB, ủy ban công sản quốc gia, cảnh sát thuế vụ, tòa án, tòa án trọng tài giờ đây thường tiếp tục làm công việc tư pháp cho các nhóm công nghiệp – tài chính đang chống đối với nhau.

Ngày nay, an ninh quốc gia đã là một quyền lực mở ra một khả năng hiện thực đối với việc điều hành con người và các nguồn lực, chứ không chỉ ghi nhận những sự kiện đã diễn ra. Cùng từ đây, một hình thái sở hữu đã xuất hiện. Trước đây đã từng có việc có nhân viên tình báo không hề nghĩ tới cách cứu quốc gia mà chỉ nghĩ tới danh vọng cá nhân, tìm cách “leo cao”. Hoàn cảnh hiện nay đã hoàn toàn không ngăn cản gì tới những suy tính kiểu đó mà còn mở ra cơ hội cho họ “khá lên”, trong sâu thẳm tâm hồn họ tự coi mình là một bộ phận thuộc tầng lớp cao, có một vị trí “ấm cúng”.

“Khác với các nhân viên tiếp liệu và các ngài tỉnh trưởng, phần lớn dân tình báo vẫn bị đói. Hơn nữa, họ lại nằm trong những tổ chức quân sự được tổ chức nghiêm ngặt. Trong hai năm gần đây, các đại diện của phe tình báo đã thực sự chiếm đóng các bộ máy của Kremli và Nhà Trắng, nghĩa là họ đã mở rộng được quyền kiểm soát của mình đối với bộ máy quốc gia. Trong một hình thái vật lý và những khả năng tổ chức như vậy, các nhân viên tình báo trở tự nhiên trở thành những người được hâm mộ trong cuộc đấu tranh với Eltxin”.

Đó là cái đích mà KGB nhắm đến và cái mà mà họ đã đạt được.



Những lĩnh vực an ninh của đất nước về: chính trị, điều hành, kinh tế, tài chính, khoa học, sản xuất, thông tin, tâm lý, sinh thái đều bị sa sút tới tối thiểu – vừa đủ để trả lương. Nhiều hồ sơ được giải mật cho thấy những vụ việc nghiêm trọng: những cuộc tiếp xúc trái phép (không được phê chuẩn) với người nước ngoài và những kẻ thù trong nước; những vụ giám đốc nhà máy (thậm chí trong ngành công nghiệp quốc phòng) quyết định “làm khánh kiệt” xí nghiệp nhằm mục đích tư nhân hóa (mà những vụ như thế hoàn toàn có thể bị truy tố trách nhiệm về phá hoại)...

KGB, như bất kỳ cơ quan tình báo khác, đó là nơi có rất nhiều vấn đề thú vị, đáng quan tâm được quy thành bí mật quốc gia. KGB và cả Bộ Nội vụ luôn có những tư liệu về thông tin cá nhân của mọi công dân – những số liệu đó do chính các công dân cung cấp khi làm hộ chiếu (paspor), về những người họ hàng thân thích của họ, về tiền án, tiền sự...

Nói chung, giống như thực tế của bất kỳ cơ quan tình báo nào trên thế giới, bức tranh toàn cảnh của nó là không có gì xấu, cũng như chẳng có gì tốt. Mỗi một quốc gia đều không chỉ có quyền tiến hành những hoạt động như vậy, mà nó còn được pháp luật bảo vệ.

Rõ ràng là những hệ thống phân tích thông tin của ủy ban được thành lập đầu tiên tại Matxcơva. *Thứ nhất*, vì tính chất cần thiết của nó là rất to lớn – tạo mối liên kết chặt chẽ với một số lượng rất đông dân chúng, một số lượng rất nhiều công trình phục vụ chiến dịch và sự hiện diện của cơ quan Trung ương tại đây tất yếu đòi hỏi phải nâng cao sự quan tâm và mức độ thông tin hóa: “Người ta lập nên một trung tâm phân tích thông tin với một ngân hàng số liệu cần thiết. Lúc đầu có hai máy tính điện tử được đưa vào hoạt động. Ngay trong giai đoạn đầu tiên, cách thức mới này đã cho ra được những kết quả đáng kể. Nhờ có máy tính điện tử, khả năng giải quyết những nhiệm vụ phức tạp đã tăng lên. Các ấn phẩm khoa học của Trường Tình báo KGB với những khuyến nghị về việc áp dụng những hệ thống tương tự đã được sử dụng trong các tổ chức chống khủng bố ở địa phương.

Hệ thống này có thể được phát triển và mang lại lợi ích thiết thực nếu hành động với một tư duy sáng tạo của các nhà phân tích và của những cán

bộ có tay nghề chiến dịch cao”. Thứ hai, ở đó vốn sẵn có những chuyên gia có thể làm tốt công việc được giao. Một người trong số họ làm tới Phó chỉ huy Cục KGB của Matxcơva và vùng Matxcơva: “Thiếu tướng Aleksandr Borixovich Korsak. Là kỹ sư điều khiển học, từng làm Bí thư thứ hai Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên cộng sản Matxcơva. Được điều động về Cục KGB Matxcơva. Là một kỹ sư có tay nghề giỏi, anh ta phụ trách các phân đội kỹ thuật, hệ thống phân tích thông tin và một phân đội chiến dịch. Với một kiến thức tốt về công việc của ngành, có uy tín với tập thể nên anh ta đã trở thành một lãnh đạo giỏi”. Ngay sau vụ “bạo động” tháng 9 năm 1991, A. B. Korsak đã tự nguyện cung cấp những thông tin chi tiết về hoạt động của Cục KGB Matxcơva nhằm giữ “ghế” của mình. Loại người như thế không thể bị mua chuộc, và theo kết luận của ủy ban theo dõi hoạt động nội bộ thuộc ủy ban An ninh quốc gia về âm mưu đảo chính quốc gia (lãnh đạo ủy ban này từ ngày 22 tháng 8 đến ngày 1 tháng 9 năm 1991 là G. F. Titov, từ 1 tháng 9 đến ngày 25 tháng 9 năm 1991 là A. A. Oleinikov), Thiếu tướng A. B. Korsak đã bị sa thải khỏi ngành theo quyết định của Chủ tịch KGB V. V. Bakatin.

Có thể thấy “với những khuyến nghị về việc áp dụng những hệ thống tương tự trong các tổ chức chống khủng bố ở địa phương” đã được thực hiện và các tổ chức địa phương của KGB cũng đã có những hệ thống dữ liệu tương tự. Vào cuối năm 1990, trả lời câu hỏi của báo “Nhân chứng và sự kiện”: “Liệu có đúng là vào những năm cuối thập kỷ 60 – đầu thập kỷ 70, KGB đã vạch ra kế hoạch “Tuyết” và “Mùa xuân” bằng chương trình máy tính nhằm lưu trữ hồ sơ của đại bộ phận công dân trong nước không?”, vị Phó chủ tịch KGB Liên Xô, Chỉ huy trưởng Tổng cục 2 KGB Liên Xô, Trung tướng (từ tháng 1 năm 1991 lên đại tướng, làm Phó chủ tịch thứ nhất KGB Liên Xô) V. F. Grusko đã nói: “Tên gọi đó là của hai thế hệ máy tính điện tử được ra đời vào giữa thập kỷ 60 do nhà máy X. Ordzonikidze ở Minxk sản xuất và được sử dụng ở mọi bộ, ngành, trong đó có KGB. Chúng rất hạn chế về số lượng cùng như chức năng nên không thể lập hồ sơ cho cả hàng chục triệu công dân. Chúng tôi chưa bao giờ có hệ thống đó.

Đương nhiên KGB luôn tích cóp thông tin, trong đó có sử dụng hệ thống tự động, nhưng chỉ về những công dân Xô Viết và nước ngoài đã từng có hoạt động tội phạm. Vì vậy, họ có những tin tức về hàng nghìn nhân viên, điệp viên của các cơ quan tình báo nước ngoài, những kẻ khủng bố, phản động, v.v... Cho đến nay cũng chưa được một triệu hồ sơ”. Số lượng những nhân vật được đưa vào các chuyên án và theo dõi trên thực tế không lớn đến như vậy. Chủ tịch KGB Liên Xô là V. A. Kriuchkov từng báo cáo với Gorbachov rằng: “... Có 130 công dân Liên Xô bị theo dõi vì có âm mưu khủng bố, 140 công dân khác bị giám sát hành vi vì dự định cướp máy bay”. “Những kiểu cởi mở” như vậy của cơ quan an ninh cho thấy lập luận của chúng ta là đáng tin cậy: biết (hoặc có khái niệm) về một người, nhưng có thể biết tất cả về những nhân vật đáng quan tâm nhất.

Hệ thống những số liệu cho phép rút ngắn quá trình điều tra được áp dụng trong phạm vi hẹp (trong sản xuất hạt nhân và quân sự, trong nghiên cứu thiết kế – thử nghiệm và trong lĩnh vực chính trị). Hiện nay, do chế độ bảo mật bí mật nên những tổn thất thông tin là rất lớn.

KGB luôn quan tâm nghiên cứu tới môi trường bên trong “bức màn sắt” và ở nước ngoài, nhưng lại không nghiên cứu về chính mình. Theo lời của Iu. V. Andropov, có thể nói rằng KGB không biết rõ chính KGB. Riêng trong năm 1991, trong ủy ban có tới 5000 hướng dẫn có hiệu lực do Hội đồng Bộ trưởng hoặc chính Chủ tịch KGB phê chuẩn, song không một nhân viên nào của ủy ban được thấy những hướng dẫn như thế. Thông tin chỉ đến với từng người “trong phần việc có liên quan” và chính điều này đã gây nên một sự hỗn loạn.

Đối với từng người, thậm chí với cả kẻ đã lên được tới đỉnh cao nhất của quyền lực, điều đó rõ ràng là: “Trước khi vào KGB tôi (V. V. Bakatin) đã rất tin vào những khả năng phân tích rất to lớn của tổ chức này. Song tôi đã thất vọng. Cục phân tích thông tin chỉ mới được thành lập hơn một năm nay. Hoạt động của các đơn vị phân tích thông tin trong các cục và tại hàng loạt viện nghiên cứu không được ai quan tâm hoạch định. Vô vàn thông tin

không được xử lý cứ đệ trình lên bàn làm việc của Chủ tịch, và ông ta chỉ chọn lấy một số thông tin mà cấp lãnh đạo quốc gia đang quan tâm mà thôi.

Ngay từ những ngày đầu tiên tại KGB, tôi đã nhanh chóng nhận ra rằng có rất nhiều dự báo trùng lặp nhau và giống y hệt những gì đang được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng, và tôi đã hiểu ra cách xử sự (trước đây, với tôi là vô cùng bí ẩn) của những người tiền nhiệm. Bất cứ nơi nào có mặt Kriuchkov (tại hội nghị, đại hội, phiên họp của Hội đồng An ninh) người ta mang cho ông ta cả một va ly giấy tờ, rồi ông ta bình thản ngồi xem, phê vào đó. Đến bây giờ, tôi đã biết cách xử lý việc đó theo cách hợp lý hơn của mình.

Chỉ tại Quảng trường Cũ (xtaryi) mới cần tới tư duy chính trị sau rộng, còn vai trò của KGB chỉ là cung cấp những thông tin cấp 1 và hiện thực hóa những gì đã được thể hiện bằng quyết định”.

Với cung cách làm ăn như vậy thì việc cứu cho hệ thống tránh khỏi mọi sự đe dọa chỉ là điều không thể.

Còn thái độ của phương Tây đối với vấn đề này ra sao? Vladimir Arxenhevich Rubanov, người đã từng là chuyên viên phân tích tại một viện nghiên cứu của KGB (những năm 1988-1990 đã từng dưới quyền của V. V. Bakatin khi ông ta còn là Bộ trưởng Nội vụ. Vào mùa thu năm 1991 là Thủ trưởng Cục Phân tích KHENG Bã, sau đó là Phó thư ký Hội đồng An ninh Liên bang Nga) đã khẳng định rằng: “Người ta đã vạch ra những kế hoạch đưa nước Mỹ thành một quốc gia kiểu mới. Cái gọi là sáng kiến của ngài Gor bao gồm việc giải quyết những vấn đề phòng ngừa “những căn bệnh” của quốc gia. Đó là những căn bệnh liên quan tới quá trình thông tin của quốc gia như: chứng suy nhược về tổ chức, xơ cứng về thông tin và ách tắc về tài chính”.

Vào thời kỳ đó RAND Coporation rất quan tâm tới KGB. Như những nhân vật được phép tiếp xúc với chuyện bếp núc, nơi người ta chế ra thời tiết chính trị, đã từng tuyên bố: “Điều đầu tiên chúng tôi nhìn thấy – đó là những nghiên cứu của RAND về KGB”.

KGB quan tâm tới thông tin theo tiêu chí số lượng mà để mất đi chất lượng. Rất nhiều tín hiệu cho thấy một bức tranh toàn cảnh về những nguy cơ an ninh đã không được lưu ý. Rốt cuộc, các chuyên gia ở Lubianka (Tổng hành dinh KGB) đã không sâu sắc bằng chính những kẻ bị họ cho là chống đối. Các phóng viên Pháp đã từng viết ngay từ khi bắt đầu công cuộc cải tổ rằng lò lửa phản cách mạng ở Liên Xô chính là bộ tham mưu của chủ nghĩa cộng sản, là BCHTW ĐCS Liên Xô.

Cơ cấu của Cục Tư tưởng KGB Liên Xô, đến năm 1989 đổi tên thành Cục “Z” (Cục Bảo vệ chế độ hiến pháp) như sau:

Vụ 1 – về trí thức và báo chí (từ năm 1989 đổi thành Vụ Công tác chống những tổ chức phản Xô Viết ở nước ngoài);

Vụ 2 – về quan hệ dân tộc;

Vụ 3 – từ năm 1989 là về các tổ chức chính thức. Trước đó không rõ.

Vụ 4 – về nhà thờ và các giáo phái;

Vụ 5 – về các tổ chức tội phạm và những vụ lộn xộn có tổ chức;

Vụ 6 – về đấu tranh chống khủng bố;

Vụ 7 – chuyên xem xét những đơn thư nặc danh;

Vụ 8 – kiểm soát các kênh Do thái trong quan hệ quốc tế;

Vụ 9 – từ năm 1989 là Vụ Thanh niên. Trước đó không rõ.

Vụ 10 – từ năm 1989 là Vụ Phân tích. Trước đó không rõ.

Vụ 11 – Vụ Thể thao.

Dường như, về mặt hình thức, tất cả đều đúng: mọi hướng cơ bản đều được che chắn và không một điều gì có thể gây ra nguy hiểm. Trên thực tế, mọi sự đã vượt quá ngưỡng an ninh và không một cuộc cải cách cơ cấu nào còn có thể cứu nổi đất nước cũng như chính ủy ban khỏi một thất bại toàn cầu.

Khác với các tổ chức và cơ quan nhà nước khác, những dòng thông tin của tình báo trong suốt quá trình lịch sử thế giới của chúng chưa bao giờ bị

hạn chế bởi giới hạn của bộ máy. Bộ phận phản gián luôn quan tâm tới ý kiến của quần chúng.

KGB Liên Xô, giống như các cơ quan tình báo khác trên thế giới, công tác điệp báo luôn có vị trí hàng đầu cơ bản. Từ đó có được những thông tin cấp 1, rồi sau đó mới tới công việc của các đơn vị khác trong KGB. Trong thuật ngữ của Iu. V. Andropov, đó là “tử đối phương”. Điệp báo nội tuyến, về mặt tin tức nhận được từ những người đưa tin, luôn có một tỷ lệ lớn “những điệp viên có ảnh hưởng”. Trong trường hợp này, chúng tôi hiểu rằng cái gọi là “những chủ xưởng” tự nguyện trở thành điệp viên có một phần là do nhiệm vụ, còn những người được tuyển mộ rất có thể là điệp viên đúp. Chỉ có một bộ phận rất nhỏ (không đáng kể) trong số họ là những người chân chính, thực sự muốn giúp đỡ đất nước mình. Những người đưa tin của KGB đã từng làm việc trong môi trường của những kẻ thực sự chống đối, sau đó họ dần dần lên đến vị trí chủ chốt và tuyên bố mình là nhà dân chủ.

Danh sách các điệp viên của KGB và đồng thời là những người tích cực nhất của “cải tổ” có khoảng 2200 người. Trong các tài liệu đưa tin họ thường mang bí danh. Điệp viên đúp KGB – CIA được coi là hiện tượng mang tính quy luật đối với lịch sử tình báo thế giới: “Hoạt động chống đối không hề cản trở họ đồng thời hợp tác cả với CIA, cả với KGB.

Hoạt động của giới trí thức “Dân tộc nhỏ”, của những kẻ chống đối, của những điệp viên Xô Viết và của những cơ quan tình báo nước ngoài gần quỵện lấy nhau thành những tập hợp không thể có được: nữ điệp viên Do Thái, vợ của A. Xakharov là E. Bonner và nhà thơ E. Evtusenko đã hợp tác với KGB và cả với những kẻ chống Xô Viết tai tiếng nhất”.

trong mọi trường hợp, việc hợp tác đó luôn được củng cố bằng những văn tự theo kiểu như sau:

*Biên bản đối với KGB Liên Xô:*

“Tôi (họ, tên) bày tỏ sự nhất trí tự nguyện giúp cơ quan KGB. Những vấn đề tôi được biết từ công việc được giao của mình, tôi cam đoan giữ bí

mật, những thông báo bằng văn bản tôi sẽ ký biệt danh là “Imiarek. Ngày – tháng – năm. Ký tên”.

“Tôi, Ivanov Ivan Ivanovich, tuyên bố tự nguyện hợp tác với các cơ quan an ninh quốc gia. Tôi đã được cảnh báo về trách nhiệm do tiết lộ sự kiện hợp tác này. Những tài liệu tôi gửi đi sẽ ký bằng biệt danh “Vesnin”. Ngày – tháng – năm. Ký tên”.

*Biên bản đối với CIA Mỹ:*

“Hợp đồng tuyển mộ.

1. Tôi (họ, tên, chức vụ hoặc cấp bậc,) chính thức phụng sự Chính phủ Mỹ từ nay về sau, kể từ ngày... năm... Tôi cam đoan phục vụ Chính phủ này thực sự trung thành, và đem toàn bộ sức lực để hoàn thành các mệnh lệnh do Chính phủ này trao cho tôi.

1. Tôi cam đoan làm việc cho Chính phủ Mỹ và thay mặt họ ở Liên Xô cho tới khi nào công việc của tôi là cần thiết. Sau đó, tôi sẽ đề nghị với Chính phủ Mỹ tạo cho tôi và các thành viên gia đình tôi cư trú chính trị và trở thành công dân của nước Mỹ, cũng như các điều kiện phù hợp với cương vị và công lao của tôi.

1. Từ nay tôi coi mình là người lính của thế giới tự do, đấu tranh vì sự nghiệp của nhân loại nói chung và để giải phóng nhân dân Nga, Tổ quốc tôi khỏi chế độ độc tài.

1. Tôi chính thức tuyên bố rằng tôi ký biên bản này khi nhận thức được toàn bộ tính chất quan trọng của nó và theo ý nguyện cá nhân”.

Đúng là cuộc sống của nhiều người trong số này đã “gắn quện lấy nhau thành những tập hợp không thể có được”.

“Rõ ràng, vụ đấu tranh chống chủ nghĩa sionist đã trở thành rò rên những cán bộ cải tổ trong KGB. Đi sâu vào vấn đề này, người sĩ quan nghiên cứu của KGB, không thể không hiểu rằng bản thân anh ta đang nằm trong cơ

cầu đó. Khi mong chờ Andropov một lời giải thích, anh ta đã gặp phải cái nhìn miệt thị của ông ta qua cặp kính và đành phải chấp nhận một sự lựa chọn sống còn. Những ai chống đối thì bị người ta đẩy đi, những ai đã quy thuận thì được người ta đưa lên.

Đó chính là lý do để Andropov trở thành một nhân vật mà báo chí cánh hữu không thể động tới.

Đó cũng chính là lý do để một kẻ phát biểu rằng: “đừng vội đánh giá Andropov. Vai trò đích thực của ông ta còn lâu mới bị phanh phui”.

... Phản bội Liên Xô, nhưng Kalugin không bao giờ phản bội KGB...

Liệu có thể đấu tranh và giành được chiến thắng trong kết cục của trò chơi hai (thậm chí ba) mặt như vậy ở Liên Xô và các nước Đông Âu? Kinh nghiệm từ những năm đầu của tình báo Liên Xô khẳng định là có thể. Thời đó, trong quá trình tiến hành chiến dịch “Trest” ở Liên Xô đã hình thành một tổ chức ngụy tạo bao gồm những tên bạch vệ thực sự có ý định chống đối và những nhân viên phản gián. Tổ chức này, về thực chất, là chiếc cột thu lôi chống lại những điệp viên tiềm năng, những kẻ khủng bố và chống đối có thực.

Mọi cơ quan tình báo trên thế giới đều có những mối quan hệ đặc biệt với nhau. Những mối quan hệ đó, có trường hợp được ban lãnh đạo chính trị cao nhất đất nước phê chuẩn, có trường hợp thì không. CIA và KGB cũng không phải là ngoại lệ và mối quan hệ đó đôi khi hết sức kỳ cục.

Cho đến nay, hoàn cảnh mất tích của viên đại tá KGB đồng thời cũng là điệp viên của cơ quan tình báo Anh, O. A. Gordievskiy vẫn còn là điều bí ẩn. Do bị nghi ngờ là đã làm việc cho đối phương, anh ta đã được triệu hồi về Liên Xô. Là một tình báo viên giàu kinh nghiệm, Gordievskiy lập tức cảm nhận được nguy cơ bị bại lộ. Tại Matxcơva, người ta đã thiết lập việc giám sát Gordievskiy và anh ta cũng nhanh chóng phát hiện ra điều đó.

Những người Anh tại Văn phòng tình báo ở Matxcơva đã để Gordievskiy nằm trong khoang chứa hàng của ô tô để đưa anh ta sang Phần Lan. Không một ai trong Ban lãnh đạo của an ninh quốc gia nhận được tin của bên phản



gián về việc hai chiếc xe hơi mang biển ngoại giao của Đại sứ quán Anh vội vã rời Matxcơva đi về hướng Leningrad.

Ban lãnh đạo cao cấp của KGB cũng đã từng hợp tác công vụ với bên ngoài. Điều này cũng khá phổ biến trên thế giới, chỉ có điều phải được sự phê chuẩn của ban lãnh đạo cấp cao nhất. Tuy nhiên, cũng vẫn có trường hợp không tuân thủ nguyên tắc đó...

Những cuộc gặp giữa V. A. Kriuchkov với một đồng nghiệp Mỹ, ngài Robert Gats có một tính chất đặc biệt. Theo hồi ký “Từ bóng tối” của Gats, cuộc gặp đầu tiên của họ được tổ chức tại nhà hàng sang trọng Maison Blanche vào khoảng tháng 12 năm 1987 với sự hiện diện của người môi giới là C. Pauwell, Cố vấn của Tổng thống về an ninh quốc gia. Khi đó, V. A. Kriuchkov là Thủ trưởng Tổng cục 1 (Tình báo đối ngoại), còn Robert Gats là Phó giám đốc CIA.

Khoảng gần một năm sau, vào tháng 10 năm 1988, V. A. Kriuchkov lên làm Chủ tịch KGB Liên Xô. Chúng ta cũng nhận thấy việc thay đổi nhân sự này vào lúc đó không có gì là đặc biệt. Trách nhiệm này có thể được hoàn thành bởi V. I. Chebrikov: ông ta có một năm giữ cương vị Bí thư BCHTW ĐCS Liên Xô, Chủ tịch ủy ban về vấn đề pháp luật của BCHTW; hoặc bởi những ứng cử viên khác từ các cơ quan của đảng, từ chính trong ủy ban, trong đó không hẳn phải là từ Matxcơva mà từ địa phương lên. Tuy nhiên, cuối cùng vẫn là V. A. Kriuchkov. Điều này đã gây ngạc nhiên hơn trong bối cảnh: sau khi G. Bush (cha) được bầu làm Tổng thống, chính R. Gats trở thành Giám đốc CIA và lãnh đạo toàn bộ khối tình báo Mỹ. Liệu có thể đặt giả thiết rằng những rendez-vous (cuộc gặp mặt) đó đã làm cho họ trở thành những nhân vật số một của các cơ quan tình báo? Mà tại sao lại không – để có thể có được sự tương đồng sau này thì sự tin cậy lẫn nhau đã trở thành điều kiện tiên quyết nhất.

Báo chí không hề nói gì tới cuộc gặp lần hai vào tháng 2 năm 1991. Tại đây, họ đã có được tiếng nói chung về tương lai của ủy quốc gia về tình trạng khẩn cấp.

Còn một cuộc gặp nữa của V. A. Kriuchkov với người lãnh đạo đương quyền của cơ quan tình báo quân đội Italia là Đô đốc Fulvio Martini được tổ chức vào tuần đầu tiên của tháng 7 năm 1991. Ngay sau cuộc gặp này, vị đô đốc đã cùng với phu nhân bay tới Roma. Theo thông cáo báo chí, cuộc tiếp xúc giữa họ được tiến hành vào tháng 5 năm 1990. Lý do cuộc gặp được thông báo là bộ khung bố đã dự định tiến hành một loạt hành động nhằm chống lại đội tuyển Liên Xô trong thời gian diễn ra giải vô địch bóng đá thời gian vì ban lãnh đạo Xô Viết có quan điểm thân Ixrael. Tác giả cuốn sách “Những trận chiến bí mật của thế kỷ XX”, trong đó đề cập tới hoạt động của hội tam điểm trên lãnh thổ Liên Xô, đã coi cuộc gặp mặt này mang một ý nghĩa then chốt.

Cho dù giữa các cơ quan tình báo không hề diễn ra một cuộc chiến tranh công khai, song ý tưởng dung hòa của họ mang tinh thần “tư duy mới” với “ngoại giao nhân dân” không phải là một nhiệm vụ đơn giản. Nhiệm vụ của những cuộc tiếp xúc và nhằm thống nhất vấn đề gì đó giữa KGB và CIA, cho dù dự trên một nền tảng lỏng lẻo, vẫn luôn được coi là hoàn toàn cần thiết. Hơn nữa, nếu thiếu chúng thì toàn bộ công cuộc “cải tổ” sẽ được coi như chưa đầy đủ. Nhiệm vụ khó khăn nhưng cần phải giải quyết này cũng được đặt ra đối với RAND Coporation và người ta đã giải quyết được. Nhiệm vụ được giải quyết một cách thành công, tất nhiên, cũng cần có sự hỗ trợ tích cực từ phía Liên Xô.

Điều này đã được làm theo cách như sau: *Thứ nhất*, RAND Coporation đã trở thành khâu trung gian tích cực nhất trong việc thống nhất giữa KGB với CIA. Ngoài ra, còn một tổ chức khác cũng tích cực không kém – đó là một tổ chức xã hội Mỹ “Tìm kiếm con đường chung” do John D. Marx đứng đầu. *Thứ hai*, phía Liên Xô cũng đã chọn người tổ chức cho các cuộc gặp của mình là “Bào Văn học”, chứ không phải là một cơ quan tình báo hay một tổ chức nhà nước nào khác. ủy ban bảo vệ hòa bình của Liên Xô cũng được coi là một trong những nhà tổ chức tiếp xúc của phía Xô Viết.

Mục tiêu được tuyên bố chính thức là “Tìm kiếm con đường chung”. Mục tiêu đích thực là những cuộc tiếp xúc KGB – CIA.

Trong RAND Coporation, người ta hiểu rất rõ rằng không có cái gì có thể thống nhất được “những người bạn không đội trời chung” bằng việc tạo ra sự hiện diện của một kẻ thù chung mới. Và họ đã tìm ra được kẻ thù chung đó là “chủ nghĩa khủng bố quốc tế”. Tuy nhiên, khi đưa vào khái niệm này những nội dung cụ thể, thì nó hoàn toàn phù hợp với những quan niệm của Mỹ – đó là “Saddam Husein”, “Libi” là “những kẻ khủng bố Palestin”. Còn những đối tượng thực sự đe dọa Liên Xô – “những chiến binh giải phóng” ở Afghanistan, những “insurgens ở Kavkaz” (*insurgens – những kẻ khởi nghĩa vũ trang chống chính phủ. NỘI DUNG*) lại không được đưa vào danh sách đó.

Cuộc gặp gỡ đầu tiên được tổ chức tại tòa soạn “báo Văn học” vào đầu tháng 1 năm 1989. Igor Beliaev – nhà bình luận chính trị, tác giả của bài báo “Hồi giáo” gây những tranh cãi và khơi nguồn cho cuộc xung đột theo trục “những người hồi giáo” với “thế giới còn lại” – làm người tổ chức đón các bên tham gia. Tham dự cuộc gặp mặt còn có nhiều nhà khoa học, ngoại giao, phóng viên, luật sư, nhưng không hề có một nhân viên nào của bên an ninh. Đại diện phía Mỹ có D. Marx, Vụ trưởng Vụ Chính trị của RAND Coporation Brain M. Dzenkins và nhiều nhân vật khác. báo chí không nói gì tới cuộc gặp này bởi sự kiện này được coi là “không đáng kể”.

Cuộc gặp lần thứ hai được tiến hành khoảng nửa năm sau đó. Lần này là do phía Mỹ đứng ra mời, nhưng không phải tại Washington, mà tại Santa - Monica (bang California), ngay tại trụ sở RAND Coporation. Trong số những người phía Liên Xô tham gia vẫn là Igor Beliaev, các phóng viên, những nhà nghiên cứu luật quốc tế, các nhà chính trị học, phiên dịch. Nhưng lần này đã có sự hiện diện của hai viên tướng KGB – V. Zvezdenkov và F. A. Xerbak. Valentin Zvezdenkov được giới thiệu là chuyên gia trong lĩnh vực đấu tranh chống khủng bố. Xerbak Fedor Alekxeievich (1918-1998) – là Trung tướng, Phó chỉ huy Tổng cục Phản gián; Chỉ huy trưởng Cục 6 (bảo vệ bí mật quốc gia trong lĩnh vực kinh tế). Phía Mỹ, ngoài những người đã từng tham gia gia lần trước, còn có William Colby – Cựu giám đốc CIA và R. Clain – Cựu phó giám đốc CIA.

Từ đó đến nay đã quá lâu rồi, các cuộc tiếp xúc đã đi vào khuôn khổ của tình hữu nghị bền chặt nhất và đã có những động thái sau: “Kremlin đã có sự xích lại gần chưa từng có tiền lệ với Mỹ trên các vấn đề hoạt động của cơ quan tình báo Mỹ tại Nga. Người ta khẳng định rằng Kremlin đã đồng ý cho triển khai tại Đại sứ quán Mỹ một đơn vị thuộc FBI (Cục Phản gián liên bang Mỹ) với chức năng tìm kiếm và phát hiện những nhân vật bị nghi ngờ hoạt động khủng bố và đang ẩn náu trên lãnh thổ Nga. Đơn vị này không chỉ có toàn quyền độc lập tiến hành các hoạt động theo dõi đó trên lãnh thổ Nga, mà còn phối hợp với các đơn vị tình báo Nga tiến hành những chiến dịch bắt giữ và dẫn độ những nhân vật đó tới lãnh thổ của những nước mà FBI được phép chính thức hoạt động. Nói cách khác, bất cứ ai trong số chúng ta bị nghi vấn “không trung thành” với Mỹ đều có thể tóm cổ trên đường phố và tống lên xe hơi để đưa ngay sang Latvia hay Estonia – nơi mà FBI được phép giam giữ và đưa về Mỹ. Một trong những chiến dịch như thế của FSB – FBI là chiến dịch như các hacker (tin tặc) Nga sang Mỹ và sau đó bắt giam họ, bởi hoạt động của những hacker này đã làm cho Mỹ không yên lòng... “.

FSB Nga và FBI Mỹ cũng không hề có một phản ứng nào đối với tin tức của báo chí đăng tải về vụ này.

### **Nhiệm vụ của Iakovlev**

Khi khắc họa hiện tượng này, có thể chỉ ra điều chủ yếu rằng, nhiệm vụ của Iakovlev – đó là tiếp tục sự nghiệp tư tế của M. A. Xuxlov và che chắn về mặt tư tưởng cho những hành động của M. X. Gorbachov.

Tuyên bố về bản thân như một người đầy tớ trung thành nhất của lực lượng chống Nga để “gây ấn tượng” – đó là một nhiệm vụ do chính Iakovlev đặt ra cho mình nhằm thăng tiến trên con đường hoạn lộ. Iakovlev đã “chứng tỏ được mình” trong lĩnh vực hoạt động này sau khi cho đăng trên “Báo Văn học” một bài viết nổi tiếng của mình là “Chống chủ nghĩa phản lịch sử”.

Bạn đọc cũng biết tầm quan trọng của một công trình khoa học hay của một tham luận mà từ đó người ta có thể đưa ra những kết luận của mình. Tương tự như vậy, tầm quan trọng của một đường lối công khai, như tư tưởng, để rồi sau đó người ta có thể tra cứu, nhấn mạnh làm cơ sở tạo nên dấu ấn trong đầu hàng triệu người và dẫn họ theo hướng cần thiết. Vì lẽ đó, nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của các nhà tư tưởng “cải tổ” và thủ lĩnh của nó là A. N. Iakovlev chính là làm nên cái gọi là “điều kiện đầu tiên để giải quyết thành công bất kỳ một vấn đề xã hội to lớn nào là ở chỗ phải tạo cho nó có được một tên gọi đúng đắn. Tên gọi đúng sẽ làm cho nhân dân thống nhất và mạnh mẽ. Tên gọi sai sẽ biến nhân dân thành một đám đông không có tư duy tự giác. Chính những người gọi cuộc chiến tranh của chúng ta với Đức là “cuộc Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô” đã từng hiểu rất rõ điều này. Song chính những kẻ chính khách đê tiện, theo đuôi A. N. Iakovlev, cũng hiểu rất rõ vấn đề này khi chúng gọi cuộc “bán phá giá để chế Xô Viết” là “cải cách”. Tên gọi đúng của sự việc đang diễn ra ở Nga hiện nay có lẽ là: chu kỳ chuyển động của thảm họa dân tộc. Nguyên nhân chủ yếu, nếu như không phải là duy nhất, thì cũng là tiên quyết đó là một nhóm nhỏ những lãnh đạo đảng, núp bóng dưới lá cờ cải cách, đã phản bội lại những lợi ích dân tộc.

Ngày nay, người ta đánh giá thuật ngữ “perestroika” (cải tổ) dường như là một sự xây dựng sáng tạo: “... thuật ngữ, tự thân nó đã là sự ma giáo. Valeri Kha chiusin – nhà thơ, ủy viên biên tập của tạp chí “Cận vệ thanh niên” – đã gọi “perestroika” là “peredenska-stroia” (cải lại chế độ).

Một từ khác thường hay được lặp đi lặp lại là “dân chủ”. Phần đông người Nga thường đã và vẫn hiểu trực tiếp là “quyền làm chủ của nhân dân”, có nghĩa là của tất cả những công dân. Những người theo chủ nghĩa dân tộc lại giải thích khái niệm đó chỉ như quyền làm chủ của dân tộc mình. Người Mỹ lại hiểu “dân chủ” là một chế độ thích hợp đối với Mỹ. Nếu ở đâu đó có chính phủ thân Mỹ, thì ở đó là có dân chủ. Nếu là chính phủ chống Mỹ – thì xin lỗi, làm gì có dân chủ! Dân chủ mà không có Mỹ thì là thứ dân chủ gì?.

Nhiệm vụ của A. N. Iakovlev còn bao gồm cả việc đánh tráo khái niệm ở mức sao cho dân chúng khi tỉnh ngộ ra thì họ lại không buồn quan tâm nữa. Những mục tiêu đích thực của “cải tổ” mà chúng ta hướng tới, nếu công khai ra cũng có nghĩa là đặt dấu chấm hết cho “cải tổ”: “... Sự thiếu vắng những mục tiêu được tuyên bố công khai, việc tráo đổi chúng bằng những chính sách mỵ dân cũng có nghĩa là nhằm che đậy những mục tiêu đích thực có tính chất vô nhân đạo đến nỗi chúng cần được che dấu càng thận trọng càng tốt. Đó chính là lý do chúng ta tuyên bố “không!” với bất kỳ chính sách mỵ dân nào và chúng ta cũng yêu cầu thảo luận về bản chất của các mục tiêu, vừa là xuất phát từ tính hiện thực và thực hiện các chương trình, vừa là xuất phát từ chính những mục tiêu đích thực đó, một cách có hệ thống và theo quan niệm”.

Nhiều nhà nghiên cứu đã đánh giá rất cao vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong “cải tổ”. A. N. Iakovlev còn có nhiệm vụ áp đặt những tư tưởng cải tổ của mình cho các phóng viên và các tổng biên tập sao cho sau đó chúng sẽ được nhân ra trong hàng triệu bài viết cùng những chương trình phát thanh và truyền hình. Chúng ta cũng nhận thấy rằng các bản sao này của Iakovlev đã đánh bóng được những vết thô sần, đã trám kín được những lỗ hổng trong các chiến dịch hiện thực của “các nhà cải tổ”. Các phương tiện thông tin đại chúng đã đưa ra những thông tin được đặt hàng với đủ thông số đáng tin cậy.

Bè lũ A. N. Iakovlev đã giải quyết gọn một nhiệm vụ hết sức tế nhị, tuân thủ một cách thống nhất với Trung ương – đó là làm suy bại thanh danh của chủ nghĩa Mác – Lênin và công cuộc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô: “Các nhà tư tưởng khẳng định về sự hoàn thiện của chủ nghĩa xã hội với sự hỗ trợ của dân chủ, còn các phương tiện thông tin đại chúng “độc lập” lại phê phán quyết liệt xã hội đang tồn tại cũng như cả quá khứ đã dẫn tới một chế độ đó. Còn các nhà tư tưởng thì tiến hành “bảo vệ” chế độ xã hội chủ nghĩa một cách hình thức bằng cách đưa ra những ngôn từ không chứa đựng những nội dung hiện thực. Những ngôn từ đó đã gây nên

sự phản cảm. Nhưng đó không phải là sự ngu dốt, mà là một đường lối có chủ mưu của bè lũ Gorbachov”.

Nhiệm vụ của A. N. Iakovlev còn là tìm kiếm, thiết lập và củng cố những cây cầu nối liền giữa các nhà Xô Viết học phương Tây với “đám bồi bút” ở Liên Xô. Không thể nói rằng trong nước không biết đến lý luận của những phương pháp như vậy, mà chính là chúng ta đã không có một cơ chế tin cậy để chống lại nó. Lý luận đó bao gồm:

- *Tuyên truyền “trắng”*: “được tiến hành công khai cho tất cả và theo những kênh chính thức, nguồn gốc của nó không che dấu bản tính của mình và thể hiện rõ ràng bản tính đó”.

- *Tuyên truyền “xám”*: được tiến hành theo những kênh mà bản tính đích thực của nó được giấu kín”

- *Tuyên truyền “đen”*: dành cho những nhân vật và các nhóm chính gia mà phương thức tuyên truyền đó nhắm tới”.

Tính chất công khai của các nguồn Xô Viết học phương Tây, việc thúc đẩy sự hợp tác giữa những phóng viên mang tư tưởng thân phương Tây “chín chắn” nhất và “đồng nghiệp” của họ với những người có cùng học vị khoa học, rồi sau đó, theo hiệu ứng domino, là với những người khác, trước hết là những “thợ viết” có quán tính trung dung để dẫn đến sự chuyển hóa thành những bài viết “nổi loạn” mà trước đó bị từng cấm đoán. Chỉ có ở phương Tây người ta mới viết: “Mọi đế chế, sớm hay muộn, đều bị diệt vong!” (Nguồn: *The Soviet Union & the Challenge of Future? P. 345 vol. 1, Ed by A. Stromas & Kaplan. N-Y, 1988*). Và các tổ chim của Iakovlev đang ngoan ngoãn nhắc lại câu thần chú đó. Nếu như ở phương Tây người ta đã từng viết trong cuốn tạp chí Xô Viết học “Nghiên cứu Xô Viết” rằng “Nguồn lực tài chính và những nguồn lực khác được phân phối cho các nước cộng hòa không phù hợp với sự tối ưu kinh tế mà theo những khía cạnh chính trị” (Nguồn: *Soviet Studies, N-1, 1968*), thì tại sao không khẳng định điều đó cách đây 20 năm về trước, hơn nữa, điều này không chỉ liên quan tới các nhà dân chủ, mà còn liên quan tới những người yêu nước Nga

bị lợi dụng nhằm tăng cường “tính khách quan” chỉ có điều nó không phù hợp về mặt thời gian nữa...

Bằng chứng gián tiếp về việc CIA Mỹ tham gia vào công cuộc cải tổ của chúng ta có thể là những sự trùng hợp kỳ lạ của các mỹ từ. Ví dụ, Giám đốc CIA W. Casey gọi Trung Á và Kazakhstan là “khúc ruột mềm”, còn nhà văn A. I. Xolzenitsyn trong tác phẩm “Chúng ta cần xây dựng nước Nga ra sao” gọi vùng đó là khúc ruột miền nam”, và sau đó tên gọi này đã hiện diện trên mọi phương tiện thông tin đại chúng ở Matxcơva. Các phóng viên Liên Xô đã kế thừa các nhà Xô Viết phương Tây. Đầu tiên chúng được dùng trong các nguồn tin phương Tây, sau đó xuất hiện trong các văn bản “của chúng ta”. Điều này còn thể hiện rõ ràng sự phù hợp với thuật ngữ phương Tây chỉ các loại vũ khí, tên gọi các cơ quan, tổ chức được phiên âm từ phương Tây sang ngôn ngữ Nga, dẫn đến những lỗi chính tả trong văn bản.

Trên các trang văn bản của báo chí Xô Viết thường xuất hiện những đơn vị đo lường có nguồn gốc từ các nhà Xô Viết học. Nhưng chính sự cộng hưởng trong hành động – như một tiềm năng phá hoại, mới là rất đáng kể.

A. N. Iakovlev còn một nhiệm vụ nữa. Một trong số những người thực hiện nhiệm vụ này là G. L. Xmirnov, Giám đốc Viện Triết học thuộc Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô giai đoạn 1983-1985, Giám đốc Viện Mác – Lênin giai đoạn 1987-1991 và từng công tác tại BCHTW ĐCS Liên Xô. Ông kể: “Một lần, A. N. Iakovlev yêu cầu tôi trình bày bằng văn bản về bản chất của thời điểm trải nghiệm và ý nghĩa của những cải tạo dân chủ. Bài viết đó của tôi trở thành nguyên nhân của những cuộc tranh luận thú vị và nặng nề với Iakovlev. Luận cứ của tôi là: Trong bất kỳ một quốc gia nào, đặc biệt như trong một quốc gia của chúng ta, việc tiến hành những nhiệm vụ kinh tế, sản xuất đã chín muồi trong phạm vi rộng lớn sẽ phụ thuộc vào sự bất lực của những chế định chính trị. Không thể nói rằng trong nước không ai nói, không ai cảnh báo về những chuyển đổi đã chín muồi. Các nhà kinh tế quốc gia, các nhà khoa học và các phóng viên đã lên tiếng cả rồi. Tuy nhiên, điều đó chưa đủ để khắc phục một cách có hiệu quả chủ nghĩa bảo thủ và thói quan liêu của các cơ quan trung ương. Chúng ta chưa



đủ những chế định thật sự dân chủ và có hiệu quả để có thể đạt được những thay đổi cần thiết, để chính chúng đưa những tư tưởng mới vào cuộc sống. Chúng ta chưa có những bộ luật cho phép các Xô Viết thực sự trở thành những tổ chức tự quản. Sinh thời, Lenin đã rất quan tâm tới vấn đề này.

Trong một cuộc nói chuyện về những luận cứ của tôi, A. N. Iakovlev đã thể hiện một tư duy rằng lối thoát ra khỏi tình trạng này là thành lập cơ chế đa đảng, hoặc tốt nhất là hai đảng như ở Mỹ. Chính sự phê phán lẫn nhau của các đảng chính trị và việc chúng thay nhau nắm chính quyền sẽ cứu chúng ta khỏi sự trì đọng. ý tưởng đó ai cũng biết, song tôi, với cách nhìn của mình, đã gắn việc giải quyết vấn đề với việc tích cực hóa quần chúng, với tự do phê phán nói chung và trên các phương tiện thông tin đại chúng nói riêng. Còn với cơ chế thay đổi thủ lĩnh, tôi đã chỉ ra sự hạn chế mang tính luật pháp của thời hạn cầm quyền của các nhà hoạt động chính trị. Việc thiết lập sự điều hành hai đảng, thậm chí là đa đảng, sẽ là một chấn động nguy hiểm đối với chúng ta. *Thứ nhất*, người khởi xướng chế độ đa đảng sẽ lập tức hứng chịu sự trừng phạt. *Thứ hai*, không thể có chế độ hai đảng ở đất nước chúng ta bởi các đảng phái chính trị sẽ mọc lên như nấm và tất yếu sẽ xảy ra sự rối loạn kinh hoàng. *Thứ ba*, việc cấy ghép chế độ đa đảng bằng con đường nhân tạo sẽ tạo nên thảm kịch. Chế độ đa đảng, sau nhiều năm dài cầm quyền của đảng cộng sản, sẽ tất yếu thay thế những người cộng sản đương quyền, tiến đến giành chính quyền theo định hướng của một đảng tư sản. Mà một chuyển động như vậy trong nước chúng ta sẽ được phương Tây hỗ trợ đầy đủ cả về vật chất lẫn tinh thần – đó là điều chúng ta từng khẳng định qua kinh nghiệm ở Hung Ga Ri, Tiệp Khắc, Ba Lan. Tất cả những điều đó có nghĩa là chúng ta sẽ đối mặt với sự phục hồi của chủ nghĩa tư bản.

Sau khi trình bày suy nghĩ của mình, tôi chờ ông ta nói. Mà có lẽ, ông ta cũng nhất trí rằng khả năng phục hồi đó đang tồn tại. Nhưng có sao đâu? Đảng cộng sản cần chứng tỏ sự đúng đắn của mình bằng trong mọi việc, trong mọi chính sách của mình. Còn các nội dung khác thì ông ta không đề cập tới.

Sau một hồi im lặng, tôi hỏi ông ta: “Anh nghĩ sao về vấn đề này? Đó là một khả năng xa xôi hay là một viễn cảnh cận kề?”. Ông ta bình thản trả lời rằng đó là khả năng của hiện tại. Tôi không kiềm chế nổi, đã nói ngay: “Nhưng anh chẳng sống được đến lúc đó”. Câu trả lời của ông ta làm tôi không kém phần kinh ngạc: “Sao tôi lại không sống đến lúc đó chứ? Tôi hoàn toàn có thể sống đến lúc đó”.

A. N. Iakovlev là người rất chân thành, nhưng ông cũng có thể và rất thích đùa cợt, nói đùa, lừa một ai đó... Nhưng trong trường hợp này, tôi tin ông. Song dường như đó mới chỉ là suy tư mang tính lý thuyết, chứ tôi hoàn toàn không tưởng tượng nổi rằng đến một lúc nào đó chính ông ta sẽ tạo ra những cơ hội để thực hiện những gì ông ta nói”.

Theo thiên ý của tôi, chỉ với một hành động như vậy, A. N. Iakovlev đã đồng thời đoạt được mấy mục tiêu – đó là điều kiện tối cần thiết cho bất kỳ thành công chính trị nào. G. L. Xmirnov là một trong số những người thông thái nhất của thời đại (theo tôi, số này rất ít). Là một trong số những người thông minh nhất đó, A. N. Iakovlev trước hết đã thăm dò thái độ của một người cộng sản chân chính qua chính cách đặt vấn đề “tế nhị” này. Đó là mục tiêu thứ nhất. Mục tiêu thứ hai: không cần phải có những nỗ lực đặc biệt gì, ông ta đã nghiên cứu được vấn đề này một cách đầy đủ và rất chất lượng bằng cách lợi dụng tiềm năng trí tuệ to lớn của người cùng đối thoại. Trong trường hợp này, tôi nhắc lại, người ta đã lợi dụng Xmirnov, chứ không nói đến mục tiêu thực chất của vấn đề, không đã động gì tới ý định riêng. và tôi tin rằng, không chỉ có một mình A. N. Iakovlev mới cần tới cuộc “thăm vấn” như vậy và không chỉ có một Xmirnov được người ta “hỏi thăm” như vậy.

Bản thân A. N. Iakovlev là một chuyên gia trên mặt trận tư tưởng và cũng là kẻ ngoan ngoãn thực hiện ý chí của “những cố vấn hành động bí mật” phương Tây? Tôi thiên về suy nghĩ rằng những năm học tập tại Trường đại học tổng hợp Columbia và công tác tại BCHTW ĐCS Liên Xô đối với ông ta đã không diễn ra một cách tình cờ. Một trong những bằng chứng của giả thiết đó là hoạt động của ông ta tại Tiệp Khắc vào năm 1968.

Theo những tài liệu khẳng định, A. N. Iakovlev và một trong số phó chủ tịch ủy ban quốc gia về phát thanh và truyền hình Liên Xô đã vạch ra kế hoạch xây dựng trên lãnh thổ Cộng hòa dân chủ Đức một đài phát thanh “bán công khai, đại diện cho những cán bộ hoạt động trên mặt trận tư tưởng của Tiệp Khắc trung thành với sự nghiệp chủ nghĩa xã hội. Đài phát thanh này được sử dụng để phát đi những tư liệu mà trong điều kiện hiện nay, về mặt kiến giải chính trị, không thể coi là trung thành với đài phát thanh Matxcơva chính thống... Không loại trừ rằng hoạt động của đài phát thanh này đã kích động những vụ chống đối nổi tiếng từ phía Đảng Cộng sản và Chính phủ Tiệp Khắc. Tuy nhiên, hoạt động của đài phát thanh này, đầu chúng ta không phải chịu trách nhiệm, vẫn là đúng đắn và cần thiết”

Đó là ví dụ hiển nhiên về việc thực hiện phương pháp trong lĩnh vực được gọi là tuyên truyền “xám”.

### **Những huyền thoại của cải tổ và công khai**

Thông thường, đối lập trực tiếp với sai lầm không hẳn là sự thật, *mà chỉ là một sự cực đoan khác của chính sai lầm đó.*

*Ivan Kireievski*[15]

Không một ai có thể phân biệt được thật giả trong những gì phương Tây viết về Nga. Chỉ có thể nhận xét rằng khi ở phương Tây viết rằng có những con gấu đi dạo trên các đường phố Nga, thì điều đó có vẻ rất khách quan vì chuyện đó cũng có thể xảy ra... Nhưng “tính công khai” lại vượt quá những gì có thể xảy ra và không có thể xảy ra. Ví dụ, họ viết rằng N. Ceasescu (*Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Rumani. NỘI DUNG*) đã bắt được một lượng ma túy chuyển từ Liên Xô sang Rumani, và sau đó đã bán chúng; rằng V. E. Xemichatsnyi, khi còn là Chủ tịch KGB, đã sát hại và đàn áp những người Do Thái đang chuẩn bị rời Liên Xô sang Israel; rằng KGB là kẻ sống nhờ vào đám gái điếm (souteneur) vĩ đại nhất và vào năm 1987 đã đào tạo 12 nghìn gái điếm để thu ngoại tệ tài trợ cho các chiến dịch của mình...

Hàng loạt huyền thoại như thế được lặp đi lặp lại nhiều lần trên báo đài, truyền hình, trong mọi cuộc mít tinh.

Huyền thoại vĩ đại nhất và công phu nhất là *huyền thoại về Xtalin*. Họ đã viết rất nhiều về chuyện Viện sĩ V. M. Bekhterev (người chuyên chăm sóc sức khỏe cho Xtalin) dường như đã bị đầu độc theo lệnh của Xtalin. Họ dẫn ra rất nhiều câu của viện sĩ nói về Xtalin và tình trạng sức khỏe của ông, họ gán trách nhiệm của ông với nhiều cái chết “bí ẩn” của các nhà hoạt động lỗi lạc của Liên Xô, đưa ra nhiều kết luận gây nghi ngờ, không thể kiểm chứng được... Chỉ rất ít người đủ tinh táo mới hiểu được rằng Viện sĩ không thể nói những lời như thế bởi ông có trách nhiệm giữ gìn những bí mật về tình trạng sức khỏe của Xtalin. Song điều chính yếu là họ muốn gây nên sự ghê tởm về những hành vi của Xtalin, bôi nhọ thanh danh của Liên Xô, của toàn bộ hệ thống và quá khứ của đất nước chúng ta. Tuy nhiên, suốt một thời gian dài, họ cũng đã ghi được dấu ấn vào nhận thức của nhiều người đọc về Xtalin như về một con người không bình thường về mặt tâm lý.

Tuy nhiên, mãi đến năm 1995, trả lời phỏng vấn của tạp chí “Nhân chứng và sự kiện”, Natalia Petrovna Bekhtereva – cháu gái của Viện sĩ V. M. Bekhterev, đã nói: “Đó chính là khuynh hướng coi Xtalin như một người điên, trong đó họ đã sử dụng những lời nói dường như là của ông tôi, mà chính chúng tôi biết là không có những lời như thế. Ông tôi thực sự đã bị đầu độc, nhưng vì một kẻ khác. Và giả thuyết ấy đã có lợi cho ai đó. Người ta đã gây sức ép với tôi để tôi đã phải khẳng định rằng điều đó đã xảy ra đúng như vậy. Họ nói với tôi rằng họ sẽ viết V. M. Bekhterev đã là một con người quả cảm ra sao và đã chết như thế nào, đã thực hiện nghĩa vụ của người thầy thuốc như thế nào. Nghĩa vụ của người thầy thuốc ư? Ông tôi là một bác sĩ giỏi, làm sao có chuyện ông có thể bỏ mặc người bệnh mà nói rằng đó là kẻ thần kinh hoang tưởng được? Ông tôi không thể làm điều đó”.

Xtalin – một nguyên thủ vĩ đại – đã rất sáng suốt và đã biết trước rằng sẽ có chuyện như vậy: “Tôi biết rằng sau khi tôi chết người ta sẽ trút cả đồng

rác lên mộ của tôi, nhưng ngọn gió lịch sử sẽ thổi tung chúng đi một cách không thương tiếc”.

*Huyền thoại về GULAG (Tổng cục các trại lao động – cải tạo). Cả một chiến dịch “Chống GULAG” đã diễn ra trên mọi ấn phẩm, từ “Nhà thiên nhiên học trẻ” đến “Crocodil”, và đặc biệt nổi bật trong các báo cáo của cái gọi là “ủy ban của Iakovlev” – ủy ban thuộc BCHTW ĐCS Liên Xô về nghiên cứu bổ sung những tài liệu liên quan tới những cuộc thanh trừng trong giai đoạn 1930-1940 và đầu những năm 1950, được tổ chức từ tháng 9 năm 1987. Có kẻ đã lập nên kỷ lục trong chuyên này khi tuyên bố rằng khoảng 60, thậm chí là 100 triệu người đã bị chết trong các trại cải tạo đó.*

*Huyền thoại về “những biên bản bổ sung”. Vì sao lại phải đưa “những biên bản bổ sung” của Hiệp định giữa Liên Xô và Đức phát xít đã bị lãng quên từ lâu lên bàn tranh luận một cách gay gắt đến như vậy? Và nguyên nhân chỉ đơn giản là “những biên bản bổ sung” đã tạo ra lý do để nói về “tính chất bất hợp pháp” của việc đưa các nước cộng hòa vùng Bantik vào những năm 1939-1940 vào Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết và bằng cách đó tạo cơ sở để đòi tách các nước đó ra khỏi Liên Xô, tiếp theo đó là tất cả các nước cộng hòa còn lại khác. Một việc không kém phần quan trọng là trong vấn đề lịch sử này có sự hiện diện của phía Ba Lan.*

Ai là kẻ đầu tiên đã gắn đề tài này với những quá trình “cải tổ”? Mọi người đều chỉ ra đó là V. M. Falin, cựu đại sứ tại Cộng hòa liên bang Đức (nơi mà đề tài này đã nhiều lần được đề cập tới trên báo chí và hồi ký của các chính khách), còn hiện nay đang là nhân viên khoa học của một “Bộ tham mưu thần kinh” ở Đức. Trong hồi ký của mình, ông ta viết: “Vào những năm 1986-1987, tôi đã đưa vào phong trào mọi đòn bẩy mà tôi có được để soi sáng những bí mật trong chính sách trước chiến tranh của Liên Xô. Thái độ sẵn sàng giúp đỡ của Anatoli Chernaiev và Georgi Xmirnov – những người trợ lý của Tổng Bí thư Mikhail Gorbachov, đã tạo cho tôi những niềm tin trong hành động.

Mùa xuân năm 1987, khi đề tài này được đưa ra trao đổi ý kiến, tôi cho rằng mình đã hoàn thành nghĩa vụ của mình. Tôi đã quá vội vàng. Do

Xmirnov có mặt trong Bộ Chính trị, nên tôi biết rằng tất cả những bài phát biểu, kể cả của Andrey Gromyko, ở những mức độ khác nhau nhất định, đều thể hiện thuận lợi cho việc công nhận sự tồn tại của những biên bản bí mật đính kèm với hiệp ước về việc không tấn công và hiệp ước về biên giới và hữu nghị được ký kết giữa Liên Xô với Đức phát xít vào khoảng tháng 8 và tháng 9 năm 1939. Gorbachov đã rút ra kết luận: “Chừng nào trước mặt tôi chưa có được nguyên bản, tôi không thể dựa vào các bản copy để nhận lãnh trách nhiệm chính trị về mình và công nhận rằng có các biên bản đó”.

Dường như thái độ quan tâm tới danh dự Tổ quốc và sự sáng suốt của người lãnh đạo đã khuyên họ nên “uốn lưỡi bảy lần trước khi nói” (Nguyên văn: Đo bảy lần trước khi cắt). Không hề có tranh luận. Và nếu có nổ ra tranh luận, liệu ai có thể nghi ngờ sự khẳng định của Gorbachov. Không một ai ngoài Valeri Boldin – người giữ những bí mật cao nhất của Đảng và Nhà nước. Nhưng chính anh ta đã được dạy cách im lặng (Nguyên văn: Giữ lưỡi sau răng)”.

Trong hồi ký viết: “Giả thuyết của V. M. Falin về việc M. X. Gorbachov từ năm 1987 đã biết về nội dung Hồ sơ mật số 34 do chính tay Vụ trưởng Vụ 6 (Vụ Tổng hợp BCHTW ĐCS Liên Xô) ghi rằng: “Đã báo cáo đ/c Boldin V. I. Có lệnh bảo quản tại vụ. Có thể trả sách vào thư viện. Ngày 10/7/87. L. Moskov”. Vậy cuốn sách mà Moskov nói tới trong đó là thế nào? Đó là những tài liệu ngoại giao của Bộ Ngoại giao Đức rất nổi tiếng ở phương Tây và đã từng được công bố ở Liên Xô dưới thời Xtalin như một “sự xuyên tạc lịch sử”, chứa đựng các tư liệu về quan hệ Xô – Đức trong những năm 1939-1941. Lần đầu tiên chúng được công bố tại Tòa án quốc tế Nurnberg năm 1946. Vào đầu “chiến tranh lạnh”, chúng đã được Bộ Ngoại giao Mỹ xuất bản bằng tiếng Đức và tiếng Anh. Đây chính là cuốn sách mà Moskov đã đề cập tới”.

Bây giờ chúng ta lắng nghe V. I. Boldin, “người bảo quản những bí mật” – người đã bị ngồi tù vì cái lưỡi của mình: “... Vào nửa sau của những năm 1980, thái độ quan tâm tới những tài liệu này ngày càng cao. Khi đó, tôi đã giữ cương vị Vụ phó Vụ Tổng hợp của BCHTW và được báo cáo rằng

những biên bản mật đang được cất giữ trong kho tư liệu. Tuy nhiên, chúng không được gói kín cũng như không hề có dấu hay ký hiệu gì đặc biệt, nên rất nhiều cán bộ lưu trữ có thể tiếp cận được với chúng. Tôi đã yêu cầu trình tài liệu đó lên cho tôi và lập tức tới chỗ M. X. Gorbachov báo cáo. Nếu tôi nhớ không nhầm, thì các biên bản mật đó gồm hai văn bản được Ribbentrop và Molotov phê chuẩn, một tấm bản đồ khá lớn những vùng phía tây Liên Xô và các nước liền kề có mang chữ ký của Ribbentrop và Xtalin. Chữ ký trên biên bản mật của Molotov bằng chữ La tinh. Bí ẩn chủ yếu làm cho mọi người quan tâm là nguyên nhân nghi ngờ về tính xác thực của những biên bản copy ở Đức, là không hề có. Khi thay đổi những nguyên tắc của mình, V. M. Molotov đã thực sự ký bằng chữ La tinh. Tôi nghĩ rằng điều đó không hề là tình cờ. Trong những vấn đề như vậy không thể có sự ngẫu hứng. Chắc là ông đã tính toán rằng độ tin cậy của tài liệu có thể gây nên sự nghi ngờ. Hơn nữa, Xtalin cũng không hề có ý định lấu cá bởi tên của ông “I. Xt.” trên bản đồ từng hiện diện ở khắp nơi.

M. X. Gorbachov đã đọc rất kỹ biên bản và đã trải tấm bản đồ có đường biên giới cũ và mới của Liên Xô ở phía tây. Ông ta không hề ngạc nhiên về những tài liệu này, chỉ có giọng nói là thay đổi khi phải đụng chạm tới quá khứ.

- Mang đi! – ông ta kết luận.

Lúc đó, mối quan tâm trong và ngoài nước đối với những biên bản mật ngày càng cao. V. M. Falin, A. N. Iakovlev đã tìm tới tài liệu đó. Tôi đã báo cáo chuyện này với M. X. Gorbachov. Ông ta ra lệnh:

- Không nên cho ai xem hết. Ai cần – tôi sẽ nói.

Thời gian qua đi. Thế rồi tại Đại hội đại biểu nhân dân, vấn đề lại được đề cập tới về những biên bản bí mật Xô – Đức và về quan điểm của các nước cộng hòa vùng Baltik, M. X. Gorbachov bất ngờ nói với tôi rằng mọi ý định tìm kiếm bản gốc của hiệp định bí mật đã không thu được kết quả gì”.

Thế rồi khi mọi chuyện sắp qua đi thì giả thuyết về các biên bản mật lại trở thành đề tài số 1 tại Đại hội đại biểu nhân dân Liên Xô lần thứ nhất do phía những người Baltik khởi xướng. Sau đó một ủy ban do A. N. Iakovlev lãnh đạo, sau nửa năm trời tìm kiếm, đã báo cáo kết luận tại Đại hội lần hai: “Không tìm thấy các bản gốc!” và yêu cầu: “Tìm tiếp!” – rồi sau có một đêm thì thấy!...

Lịch sử ngu ngốc và lảm lạc, những đây âm mưu với một mục tiêu duy nhất – đẩy đám đông tới tình trạng căng thẳng và cuối cùng giải quyết mỹ mãn – một kết thúc có hậu (Happy End)!

*Huyền thoại về sự giúp đỡ của phương Tây.* Nội dung chủ yếu của nó được kết lại trong một câu “Phương Tây sẽ giúp chúng ta”. Câu này, như bạn đọc còn nhớ, được lấy từ cuốn tiểu thuyết “Mười hai chiếc ghế”, từng được phát ra trước các thành viên của nhóm “Thanh kiếm và Đại bàng” huyền thoại với mục tiêu duy nhất là – lật đổ chính quyền Xô Viết! Câu nói đó đối với các nhân vật của tiểu thuyết cùng như đối với chúng ta thật đê tiện. Khởi đầu của huyền thoại này là một bài báo trên tờ “Washington Post” của ngài Giám đốc Viện Phát triển quốc tế Harvard Jeffr Shax nhà kinh tế học phương Tây đã đưa ra ý tưởng rằng Liên Xô, để phát triển thành công nền kinh tế quốc dân, cần đầu tư tới 30 tỷ USD. Bài báo đã được nhiều người ở Nga “nhận thức”, rồi tuyên truyền và tổ chức những chuyến viếng thăm lịch sử tới châu Âu sau chiến tranh, nơi đã thực hiện kế hoạch Marshall, để so sánh. Rồi người ta tìm kiếm sự biện minh ở cấp cao hơn: “Các bạn nghĩ rằng tôi đang làm một chuyến du lịch khắp các nước châu Âu chẳng? – M. X. Gorbachov biện bạch về lý do của những chuyến viếng du thường xuyên của mình ở nước ngoài. – Các bạn lảm rồi. Tôi đang tìm kiếm những khoản đầu tư, giúp đỡ về kinh tế đấy. Những người Mỹ rất quan tâm tới việc phát triển các mối quan hệ kinh tế. phương Tây không bỏ rơi chúng ta trên con đường cải cách kinh tế đâu. Điều đó không có lợi cho họ. Còn chúng ta sẽ có một thời gian ngưng chiến. Phải, chúng ta đang cần hòa bình, giải trừ quân bị”. Huyền thoại đó và những lời nói của M. X.



Gorbachov – không gì khác, chỉ là sự che đậy một cuộc chiến tranh kinh tế chống lại chính chúng ta.

Sự tiếp tục huyền thoại đó nằm trong huyền thoại hiện nay về những khoản đầu tư. Đầu tư – ngay từ trong suy nghĩ đã không phải là phương thuốc trị bách bệnh, trên thực tế nó chỉ là công cụ hút kiệt máu của nền kinh tế chúng ta. Và đây là một trong những ví dụ đó: “... Nếu nhìn vào hiện trạng một cách không định kiến, thì dễ dàng nhìn thấy rằng qua 5 năm kinh tế thị trường, trong vùng đã xây nên được một mô hình kinh tế kiểu thực dân. Còn nếu nhìn một cách đơn giản hơn: – “chiếc máy hút” khổng lồ đang lôi những tài nguyên thiên nhiên không thể bù đắp lại từ dưới lòng đất của vùng của chúng ta và được chuyển ra nước ngoài. Dễ dàng nhận thấy rằng phần chủ yếu của các khoản đầu tư, mà ngài Tỉnh trưởng Zubov rất tự hào, chính là nhằm tăng công suất của “chiếc máy hút này” và khả năng xuất đi của nó. Với một nhịp độ như thế, chừng 20 năm nữa – tất cả sẽ chẳng còn gì”.

*Huyền thoại về maphia.* Thế nào là maphia trong cách hiểu dân dã của khái niệm này như các phương tiện thông tin đại chúng thường lý giải? Đó là cộng đồng tội phạm của những kẻ phạm tội thuộc hình thái cũ và “những người Nga mới”. Maphia Nga đã can thiệp sâu vào xã hội của chúng ta. Nếu không như vậy thì maphia không thể sống nổi lấy một ngày. Hơn nữa, maphia cũng có những mặt tốt bởi nó đem lại lợi ích nhất định cho mọi người. Xã hội thích nghi với nó một cách khách quan. Có thể dẫn ra cuốn tiểu thuyết “Bố già” của Mario Piuze làm dẫn chứng. Maphia được coi như một chính quyền chính thức trong những trường hợp phức tạp, nhất là khi chính quyền chính thức không giải quyết nổi vấn đề nào đó.

Đương nhiên, maphia đó là sự ác độc tất yếu cần đấu tranh và điều chỉnh nó (bởi nó không thể chết). Song trút hết mọi tội ác lên đầu maphia theo cách thông thường mà cánh phóng viên vẫn thường làm (bản thân tôi cũng từng làm phóng viên và tôi biết phải làm việc đó như thế nào) chỉ có lợi cho những kẻ đã gây nên thiệt hại cho đất nước ở quy mô lớn hơn mà thôi.

Maphia đã có thể nắm phần đáng kể cổ phần của những xí nghiệp có lợi nhuận cao như Xviedlovsk, Kraxnoiarsk, ... nhưng giới thượng lưu, sau khi đã tiêu hóa những gì nó chiếm được trong thời kỳ đầu, đã sắp xếp lại và cản trở maphia, không cho phép nó làm giàu một cách vô tận. Maphia, tuy khả năng có hạn chế, cũng trở thành vật cản trên con đường làm giàu bất tận của giới thượng lưu và trong hoàn cảnh hiện nay nó bị biến thành mối đe dọa, là đối tượng của các phương tiện thông tin đại chúng. Từ đầu những năm 1990, các clann thông qua những nhân viên được chúng nuôi dưỡng trong các cơ quan hành pháp đã bắt đầu “một cuộc tổng thanh lọc” để rồi chúng gây thiệt hại cho quốc gia và xã hội gấp hàng trăm lần. Các phóng viên đã có thời thối phồng quá mức đề tài maphia và điều này đã để cho phương Tây gọi toàn bộ nước Nga là “maphia Nga”.

*Huyền thoại về quốc gia hợp pháp.* Học vấn cơ bản của phần lớn các cán bộ trong dây chuyền bảo vệ pháp luật là luật học. Điều bất hạnh của chúng ta chính là những nhà luật học đó. Và trong vấn đề này không có gì là đáng ngạc nhiên khi những kiến thức luật được coi là khoa học ở các cấp học, thậm chí cả trong các viện hàn lâm không mang một ý nghĩa luật chân chính. Đó là ngục khoa học, là sự lừa dối tệ hại hơn cả sự đốt nát.

Trong thực tế, tôi không sao có thể hiểu nổi, cùng một hành vi phạm tội trong những hoàn cảnh giống hệt nhau – giết người, vậy mà kẻ bị tù 10 năm, kẻ chỉ bị phạt. Ai có thể lý giải được nghịch lý này? Ai sẽ giải thích điều này với thế giới?

*Huyền thoại về nền dân chủ.* Không ở đâu, kể cả phương Tây có một nền dân chủ lý tưởng. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa trước đây đã dân chủ hơn rất nhiều so với hiện nay – khi nó nó được biểu hiện rất nhiều trong lời nói. Một nền dân chủ đã được hóa trang sặc sỡ đủ để giết chết Liên Xô. Ngày nay nó là quyền lực của đám vô sản lưu manh (ochlos-kratos)

Ví dụ như B. N. Eltxin, sau khi tiếp nhận quyền lực đã lập tức đi theo con đường độc tài. Ban đầu là thông qua việc thành lập một bộ thống nhất về an ninh và nội vụ, sau đó là thông qua việc bắn vào Nhà Trắng (biểu tượng của “dân chủ”) và hai nghìn kẻ bảo vệ nó cùng các nhân chứng...

Vào những năm cái gọi là “công khai”, trong báo chí dân chủ thường viện dẫn lý do có lợi cho thủ tục bầu cử, như một bảo đảm cho cuộc sống hạnh phúc của cử tri – mối quan hệ hữu cơ trực tiếp giữa điều hành dân chủ với mức sống. Tất nhiên, giờ đây, sau khi đã thu được thành quả từ kiểu cách điều hành dân chủ như thế, bất cứ ai thực sự có tư duy lành mạnh cũng có thể chỉ ra sự thiếu vắng của mối quan hệ đó. Theo A. A. Zinoviev, một người từng sống khá đầy đủ trong điều kiện của nền dân chủ phương Tây, đã giải thích bản thân ý nghĩa “dân chủ” là: “...thuật ngữ “dân chủ” không phải là khoa học. Do tính chất vô định hình trong ý nghĩa và sự đa nghĩa của nó thậm chí có ngay trong khuôn khổ những bài viết của cùng một tác giả. Tôi đã gặp tới hàng chục định nghĩa về nó. Đó là thuật ngữ đặc biệt của hệ tư tưởng.

Một hiện tượng (hình thái) tư tưởng được tạo nên mang tên gọi “dân chủ” ra sao? Một số nét của nhà nước phương Tây được chọn ra. Chúng được lý tưởng hóa và được xem như là “dân chủ”. Lấy ví dụ những nét như “đa đảng”, “phân chia quyền lực”, “bầu cử”, “tính công chúng”, ...

Những dấu hiệu đó được lựa chọn một cách có định hướng (thiên vị) và những hiện tượng mà nó bao hàm được lý tưởng hóa. Một lúc nào đó, các bạn có thể đã từng gặp định nghĩa về dân chủ của phương Tây mà trong đó những dấu hiệu của nó là nhà tù, đàn áp, tham nhũng, âm mưu, lừa dối cử tri, ... Mà đó lại là những dấu hiệu mang tính bản chất của hệ thống quyền lực phương Tây, tồn tại trong nó một cách hữu cơ còn hơn cả những điều được tung hô về đa đảng, phân chia quyền lực. Song những nhà tư tưởng “tây hóa” của Nga lại chẳng nói về những điều đó”.

*Huyền thoại về một xã hội mở. Huyền thoại này có tính hệ thống, một trong những thủ thuật tạo dựng huyền thoại – đó là đánh tráo các thuật ngữ và khái niệm. Có thể làm rõ sự đầu cơ ngay cả trong việc sử dụng thuật ngữ “xã hội mở” – đó là phản đề sang một cực khác của của “bức màn sắt” trước đây. Trong đó nhấn mạnh tác hại cơ bản mà nó đã mang lại cho Tổ quốc chúng ta bởi sự khép kín thái quá. Một hệ thống cần linh hoạt tới mức đủ để mọi cái tốt hơn thâm nhập được và giữ lại ít nhất điều tệ hại.*

*Còn cái gọi là “xã hội mở” đối với Nga và với toàn thế giới sẽ dẫn đến việc ai đến hay đi mặc lòng, người ta mang đi hay đưa đến cái gì tùy thích, rồi kết quả là gián điệp, khủng bố, đưa các chất thải đổ vào. Nói tóm lại là mọi tiêu cực sẽ rơi vào chúng ta và ở lại với chúng ta.*

*Huyền thoại về nội chiến.* Cuộc nội chiến mà người ta đang thường xuyên đe dọa chúng ta, không hề có lợi cho các clann từ Liên Xô cũ, cũng như cho phương Tây. Chí ít, một cuộc chiến tranh công khai toàn cầu trên hầu khắp lãnh thổ của Liên Xô hoặc Nga, như đã từng xảy ra năm 1918-1922. Những cuộc chiến tranh nhỏ, cục bộ có thể xảy ra. Nếu họ thực sự cần tới một cuộc chiến tranh tổng lực thì họ đã có thể triển khai không chỉ có một lần. Những công nghệ của họ cho phép thực hiện điều đó. Nhưng trong hoàn cảnh, khi mà việc chuyển các tài nguyên thiên nhiên ra nước ngoài đang được tổ chức tốt và ngày càng phát triển, còn đô la họ ních đầy túi, thì không một ai trong số họ có ý định gây chiến. Thật ra, vào bất kỳ thời điểm nào, hoàn cảnh cũng có thể bị thay đổi, thì tới lúc đó một cuộc nội chiến sẽ trở nên cần thiết đối với họ như là không khi vậy. Với sự kiểm chế bằng việc kiểm soát vũ khí tên lửa hạt nhân và nhà máy điện nguyên tử, mặc dù không thể cho rằng chính sự hiện diện của vũ khí tên lửa hạt nhân và nhà máy điện nguyên tử có thể bảo đảm cho dân chúng tránh được khả năng lý thuyết để triển khai một cuộc nội chiến. Sự chuyển đổi từ bị động sang những hành động chủ động có thể diễn ra khá nhanh chóng và hoàn toàn bất ngờ. Và nói chung, cần nhận thức rõ rằng phương Tây hoàn toàn không thể vượt quá ranh giới sang hành động chủ động trực tiếp, kể cả bằng hình thái nội chiến cũng như bằng hình thái can thiệp quân sự trực tiếp. Lý do dẫn tới điều này có thể là tất cả những gì tùy thích. Nhưng cả “ngoài” và “trong” đều hiểu rất rõ rằng điều đó chỉ cần thiết khi mọi khả năng của những hành động gián tiếp không còn nữa.

---

Chúng tôi kết thúc phần nói về “những kẻ tư tế” và những hiện tượng phái sinh của chúng – “những huyền thoại”. Tuy nhiên, ở đây không thể không nhắc tới vai trò nguy hiểm mà những kẻ tư tế đã làm trong việc hình

thành nên phong cách và phương pháp tư duy của “tầng lớp trí thức”, khi ngay từ đầu đã biến những con người bình thường thành đối tượng của những trò chơi chính trị, thành những zombi (ma quỷ, kẻ điên độn). Vấn đề không chỉ đơn giản là sự bất công trong sở hữu thông tin, mà đó là một thảm họa trí tuệ thực sự. Đó là sự suy đồi về trí tuệ và tinh thần mà những kẻ nhất định đã cố tình đẩy cả một đám đông dân chúng rơi vào đó.

Nếu chủ thể điều hành có được những thành tựu trí tuệ mới nhất, thì khách thể điều hành trong lĩnh vực xã hội lại trở nên thiếu năng lực đối với những hành động đơn giản nhất – mọi nỗ lực đều vấp phải những trở ngại không thể vượt qua. Những con người đó không khác những thực thể vô sinh là bao; họ trở thành đối tượng của điều khiển bất kỳ một kẻ nào khác cả trong việc lựa chọn cũng như trong việc áp dụng điều khiển học xã hội; bộ máy nhận thức của họ rất hạn chế về thuật ngữ, đồng thời việc sử dụng chúng có thể mâu thuẫn với tư duy lành mạnh. Đương nhiên, trong những điều kiện như vậy, người nào có được thông tin mang tính phương pháp luận ở mức độ cao hơn thì người đó sẽ điều khiển những người còn lại phát triển theo ý của mình.

Qua nhiều năm chịu ảnh hưởng của sự tuyên truyền Xuxlov – Iakovlev, người dân bình thường đã hoàn toàn bị loại khỏi sự tiếp thu bình thường đối với thế giới và đối với những gì đang diễn ra tới mức họ đã tham gia vào chính những việc đang diễn ra và đang đem lại nguy hại cho chính mình. Người dân bình thường đó không thể hình dung ra những phạm trù mà các bộ tham mưu “cải tổ” trong nước và bên kia đại dương đang sử dụng. Họ bị tất cả những người có cuộc sống sung túc trong những năm tháng đó lợi dụng. Người dân bình thường đó đã, đang và sẽ tiếp tục bị điều khiển cho tới chừng nào chưa học được cách sử dụng những khái niệm hệ thống và lô gíc đơn giản nhất, chưa trả lời được những câu hỏi cơ bản cho chính mình.

Cho đến nay, quần chúng vẫn còn bị cấm kỵ trong tư duy những vấn đề phức tạp, năng động và mâu thuẫn về mặt bản chất của những quá trình chính trị – xã hội. Thay vì những phương pháp và quan điểm hiện đại, họ

chỉ còn tư duy trong khuôn khổ nông cạn, thuần túy về mặt đạo đức. Những nạn nhân của sự tuyên truyền cộng sản cũng như dân chủ không có cơ hội để đưa ra những quyết định đúng đắn. Đến bao giờ thì điều đó sẽ kết thúc? Đường như là không bao giờ... và thậm chí điều đó chỉ ngày càng phát triển. Đây là điều mà mỗi người cần suy nghĩ một cách nghiêm túc.

## **Nhiệm vụ của Kriuchkov**

Cho dù không nhiều, nhưng chúng ta đã nói tới con người này. Những nhà nghiên cứu mà chúng tôi tiếp cận được luôn có những đánh giá về ông ta hoặc xấu hoặc chẳng có gì. Ngoài việc V. A. Kriuchkov đã thiết lập những kênh đặc biệt với đám lãnh đạo cơ quan tình báo phương Tây, ông ta còn làm nhiều điều khác nữa. Việc ông ta đã giành được cái ghế của người lãnh đạo thứ nhất trong tổ chức tình báo chính trị duy nhất ở Liên Xô không hoàn toàn là tình cờ.

Nhiệm vụ của V. A. Kriuchkov, với tư cách là một chuyên gia tình báo, là thiết lập và tiến hành những hoạt động đơn lẻ hoặc những chiến dịch che chắn, ngụy trang. Một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của ngành tình báo là công tác phản gián nhằm phát hiện ra điệp viên thù địch ngay trong phe nhóm của mình. Chỉ có như vậy thì mới giảm được mức độ nguy hiểm cho hoạt động tình báo: một hậu phương vững chắc sẽ làm cho chính người tình báo bớt đi nguy cơ thất bại trong công tác.

Một nhiệm vụ “độc quyền” (exclusive) của V. A. Kriuchkov, ở cương vị của người thủ trưởng cơ quan tình báo và của chủ tịch KGB Liên Xô, là tiêu diệt mọi tình báo viên của CIA, những người nghiên cứu và lãnh đạo có ý định cung cấp thông tin cơ mật. Đây là việc không thể làm một mình mà cần sử dụng càng nhiều người càng tốt. Trong cuốn hồi ký của mình, V. A. Kriuchkov viết: “Trong báo cáo gửi đích danh cho tôi, một nhân viên tình báo thông báo rằng các nước tư bản chủ chốt trong thời gian gần đây rất quan tâm tới tình hình khó khăn ở Liên Xô. Điều này, – ông ta viết, – là đề cập tới việc chấm dứt sự tồn tại của quốc gia chúng ta. Còn các nguồn tin chính thống lại nói về sự kiện này như về một nguy cơ thường xuyên,

bởi vậy, sau khi xem xét toàn diện, không một ai ở Matxcơva muốn cảnh báo một phát triển bi thảm như vậy của sự kiện”.

Vậy là ông ta cố tình không hiểu tại làm sao lại không thể ngăn chặn những điều đó”.

Tại phiên họp mở rộng của Xô Viết Tối cao Liên Xô, V. A. Kriuchkov đã phát biểu trước các đại biểu về thông báo của điệp viên có ảnh hưởng đó chỉ khi các sự kiện tháng 8 đã được thông qua. Bằng cách này, ông ta muốn chứng tỏ rằng mình không hề mong đợi diễn biến như vậy của sự kiện. Và chỉ sau này người ta mới bắt đầu nói tới ông ta như về chính những điệp viên mà ông ta đã từng “phanh phui”. Nhưng ông ta cũng “phanh phui” cả hoạt động của A. N. Iakovlev, cả những người mà bản thân ông ta đã rõ từ lâu: “Khi phóng viên A. Golovchenko phỏng vấn V. A. Kriuchkov, trong đó có một câu hỏi là:

“- Tuy nhiên, thưa Vladimir Alekxandrovich, còn có một giả thuyết khác về sự thất bại. Như Egor Iakovlev khẳng định rằng rạng sáng ngày 19 tháng 8 Tổng thống Nga đã từ Alma-Ata trở về sau cuộc tiếp đón đầy thịnh tình của N. Nazarbaiev (*Tổng thống Cộng hòa Cazakxtan*), liệu có đúng là ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp đã cùng các nhân viên KGB đã ra sân bay đón Eltxin, hộ tống ông ta “đi nghỉ” ở Zavidovo và giải thích về ý nghĩa bài phát biểu của ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp? Còn bản thân ông đã không cản trở họ tới “Nhà Trắng”?

V. A. Kriuchkov đã không phủ nhận nội dung của câu hỏi, nhưng cũng tránh trả lời. Ông ta đã lảng tránh vấn đề quan trọng, thậm chí chủ chốt – đó là liệu có phải ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp được lập ra như một trò khiêu khích để giáng một đòn chí mạng vào Liên Xô hay không?”. Mọi sự kiện xảy ra một cách vụ lợi, theo thông tin của báo “Ngày mai”, V. A. Kriuchkov cùng với M. X. Gorbachov đã được Cộng hòa liên bang Đức tặng thưởng vì đã giao nộp Cộng hòa dân chủ Đức và phá dỡ bức tường Berlin.

V. A. Kriuchkov đã hoàn thành nhiệm vụ bảo hiểm cho trường hợp kịch bản của sự kiện tháng 8-1991 bị thất bại. Trong mọi trường hợp, chỉ có thể

lý giải như vậy về hành động của ông ta, khi dưới quyền của ông ta có những đơn vị vũ trang tinh nhuệ: 103 sư đoàn đổ bộ đường không và Sư đoàn cơ giới số 75 (theo Quyết định số 314/01 của Hội đồng An ninh quốc gia Liên Xô ngày 3 tháng 1 năm 1990); Sư đoàn cơ giới số 48 và Tiểu đoàn cơ giới độc lập số 27 (theo Quyết định số 587-82 của Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô ngày 16 tháng 6 năm 1990), còn vào tháng 4 năm 1990, theo Mệnh lệnh số 0266 của Chủ tịch KGB Liên Xô, Cục Điều hành các đơn vị đặc nhiệm KGB Liên Xô đã được thành lập. Các đơn vị này đã từng tiến hành diễn tập Tbilixi-89, Baku-90 và Vinhius-91 nhằm mô phỏng hành động đàn áp các đám đông gây rối.

Có thể dẫn ra một ví dụ rất quen thuộc – một sĩ quan phản gián (V. Koroliiov) thông báo rằng: “... Hầu hết các điệp viên của tình báo nước ngoài trong số các công dân Xô Viết đã bị phát hiện không phải do hệ thống các biện pháp phản gián. Khác với nước ngoài, Liên Xô không hề có hệ thống các biện pháp phản gián. Sinh thời, Tướng Grigorenko, cựu chỉ huy của Tổng cục 2 KGB Liên Xô đã từng cố gắng hoạch định và áp dụng hệ thống đó. Nhưng vào đầu thập kỷ 1980 ông đã bị cách chức do vị cấp phó của ông bị buộc tội làm gián điệp. Khi tôi cố gắng làm một điều gì đó tương tự trong lĩnh vực công tác của mình, ban lãnh đạo của Cục 2 đã đưa tôi ra để giễu cợt và gọi những dự định như vậy của Grigorenko là trò lảm cẩm của một lão già”.

Nếu như chúng ta được phép giả định rằng giá như số phận đã cho phép Tướng Grigorenko Fedorovich Grigori áp dụng một hệ thống như thế và nó được những người có trách nhiệm thực hiện, thì sẽ không có bất cứ một “cải tổ” nào có thể xảy ra...

## **Những điệp viên có thể lực**

Chúng ta đã tuân thủ một đạo đức hai và ba mặt.

*A. N. Iakovlev*

Liệu người Xô Viết có thể chọn cho mình một Tổ quốc mới?

*O. A. Troianovxki*



“Cán bộ là cái gốc của mọi công việc” (*Nguyễn Văn*: những người cán bộ giải quyết mọi việc), – I. V. Xtalin, người đầu tiên đấu tranh với nguy cơ bên trong, đã nói câu châm ngôn nổi tiếng đó vào những năm 1930. Đến nay, câu châm ngôn đó dường như đã bị lãng quên, nhưng tính cấp thiết của nó ngày càng tăng cao. Phương Tây đã tự đặt cho mình nhiệm vụ hiện thực hóa châm ngôn đó trong đất nước chúng ta theo hướng có lợi cho họ. Điều đó được thể hiện bằng việc phương Tây đã thiết lập được một phân hiệu của nó ngay trên lãnh thổ Liên Xô. Kể từ đó nhân dân Liên Xô đã trở thành con tin của một sự phản bội to lớn nhất trong lịch sử thế giới. Nhân dân Liên Xô đã bị hành hạ, bị đẩy ra khỏi mảnh đất của mình và cuối cùng đã bị tiêu diệt. Hoàn cảnh lịch sử của nửa đầu thế kỷ XX đã được lặp lại, khi trong nước Nga xuất hiện những phần tử xa lạ với cội nguồn của mình. Vào những năm 1930, chúng đã bị nhổ bỏ, nhưng không hết, để rồi đến nay lại ngóc đầu dậy.

Theo nhiều nhà nghiên cứu khác, Đảng Cộng sản đã đóng một vai trò đặc biệt trong việc hình thành “hoạt động hậu trường”. Đảng “... cũng chỉ là một hội Tam điểm (Mason lose), nhưng chỉ có ban lãnh đạo của nó mới biết được điều này. Hàng triệu đảng viên thường đã mù quáng để giới cao cấp lợi dụng... Chỉ những kẻ đê tiện đã từng tiến thân theo các bậc thang của đảng mới thấu hiểu bản chất tam điểm của giới lãnh đạo ĐCS Liên Xô”. Theo đó, hệ thống thứ bậc trong ĐCS Liên Xô cũng bao gồm 33 cấp như trong hội Tam điểm, đó là:

33. – Tổng bí thư BCHTW ĐCS Liên Xô;

32. – ủy viên Bộ Chính trị BCHTW ĐCS Liên Xô;

31. – ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị BCHTW ĐCS Liên Xô;

30. – Bí thư BCHTW ĐCS Liên Xô;

29. – ủy viên BCHTW ĐCS Liên Xô;

28. – ủy viên dự khuyết BCHTW ĐCS Liên Xô;
27. – Bí thư thứ nhất BCHTW ĐCS nước cộng hòa;
26. – ủy viên Bộ Chính trị BCHTW ĐCS nước cộng hòa;
25. – ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị BCHTW ĐCS nước cộng hòa;
24. – Bí thư BCHTW ĐCS nước cộng hòa;
23. – ủy viên BCHTW ĐCS nước cộng hòa;
22. – ủy viên dự khuyết BCHTW ĐCS nước cộng hòa;
21. – Bí thư thứ nhất tỉnh ủy (khu ủy) nước cộng hòa;
20. – Bí thư tỉnh ủy (khu ủy) nước cộng hòa;
19. – Đảng ủy viên đảng bộ tỉnh ủy (khu ủy) nước cộng hòa;
18. – Đảng ủy viên dự khuyết đảng bộ tỉnh ủy (khu ủy) nước cộng hòa;
17. – Bí thư thứ nhất đảng bộ vùng (địa hạt) khu tự trị;
16. – Bí thư đảng bộ vùng (địa hạt) khu tự trị;
15. – Đảng ủy viên đảng bộ vùng (địa hạt) khu tự trị;
14. – Đảng ủy viên dự khuyết đảng bộ vùng (địa hạt) khu tự trị;
13. – Bí thư thứ nhất thành ủy;
12. – Bí thư thành ủy;
11. – Đảng ủy viên thành ủy;
10. – Đảng ủy viên dự khuyết thành ủy;

1. – Bí thư thứ nhất quận (huyện) ủy;
1. – Bí thư quận (huyện) ủy;
1. – Đảng ủy viên quận (huyện) ủy;
1. – Đảng ủy viên dự khuyết quận (huyện) ủy;
1. – Bí thư đảng ủy (Ban Chấp hành đảng bộ cơ sở);
1. – Đảng ủy viên (Ban Chấp hành đảng bộ cơ sở);
1. – Bí thư chi bộ đảng cơ sở;
1. – Chi ủy viên chi bộ đảng cơ sở;
1. – Đảng viên ĐCS Liên Xô.

Bản thân thuật ngữ “điệp viên có thể lực” cũng có những định nghĩa khác nhau và mới xuất hiện trên báo chí, nên còn nhiều người, nếu không được giải thích, sẽ không thể hiểu đó là thế nào. Trong nhận thức của nhiều người, “điệp viên có thể lực” được hiểu là “điệp viên CIA”, “điệp viên của chủ nghĩa đế quốc” hay là “gián điệp Anh”. Thật may là lịch sử còn lưu giữ tất cả những gì có liên quan tới thuật ngữ này. “Điệp viên có thể lực” không phải bao giờ cũng là gián điệp hay là tội phạm hình sự. Nó không hề thích hợp với kẻ tội phạm. Mà hơn thế, đôi khi nó tin tưởng một cách thiêng liêng vào những gì nó đang làm và tự cho rằng những hành vi của nó là vì lợi ích của Tổ quốc.

“Điệp viên có thể lực – đó là một phạm trù mở không có những ranh giới rõ ràng”.

“Điệp viên có thể lực – đó là:

1. nhân vật có địa vị (hoặc là nhân vật được xã hội tín nhiệm và tin cậy), thực hiện hoạt động mang tính hệ thống nhằm hiện thực hóa những

mục tiêu chính trị của các quốc gia nước ngoài (về mặt hình thức, không phải là cộng tác viên của các cơ quan tình báo nước ngoài);

1. Người hoạt động xã hội tiến hành đường lối của một đảng phái hay của một tổ chức trong môi trường không thuộc về cơ cấu của nó”.

“Điệp viên có thể lực – đó là công dân của một quốc gia lợi dụng cương vị công vụ của mình ở cấp cao trong cơ cấu chính quyền (trong lãnh đạo đất nước, trong đảng phái chính trị, trong quốc hội hoặc nghị viện, trong cơ quan thông tin đại chúng, cũng như trong lĩnh vực khoa học, văn hóa, nghệ thuật...) để hành động vì lợi ích của một quốc gia khác”.

Do tính chất mở của thuật ngữ và ý nghĩa thực dụng của nó, người ta dễ có ấn tượng rằng “điệp viên có thể lực” trước hết là phụ thuộc trực tiếp vào ý chí của Mỹ và là chủ thể điều hành của nó. Điều này không hẳn như vậy. Phía “Xô Viết” – phân theo dấu hiệu địa lý – trong phái “những nhà cách mạng cộng đồng” là đối tác bình đẳng tuyệt đối về mọi mặt với “bên ngoài”, đặc biệt là với Mỹ (và cùng với nó là phương Tây và Israel). Còn việc M. X. Gorbachov vào cuối “giai đoạn Xô Viết của cuộc cách mạng” bị tước bỏ quyền lực, V. A. Kriuchkov phải ngồi “trong im lặng” thì đó là “việc cần phải thế” theo kịch bản, và rốt cuộc, để bù đắp “tổn thất về mặt tinh thần” thì họ đã được tưởng thưởng bằng cách này hay cách khác.

Đương nhiên là bản thân thuật ngữ và thực tiễn của “điệp viên có thể lực” có một lịch sử lâu dài: “Thuật ngữ “điệp viên có thể lực” được Đô đốc Canaris[16] – một tình báo viên rất giỏi và là tay tổ trong các vụ khiêu khích, – sử dụng vào năm 1943. Kể từ đó, thuật ngữ này được sử dụng thường xuyên trong các văn bản chuyên ngành, trong các chương trình huấn luyện của nhiều trung tâm tình báo phương Tây”. Thành công vào năm 1943 của nhà lãnh đạo tình báo quân đội Đức thật đáng nể: cuộc diễu binh toàn thắng của quân đội Hít le trong toàn bộ lãnh thổ châu Âu mà không gặp phải một sự kháng cự đáng kể nào, trước hết, là do ở mỗi nước đó, bắt đầu từ Tây Ban Nha, “đội quân thứ 5” đã hoạt động rất tích cực. Và trận đánh khốc liệt nhằm giành giật từng tấc đất trên lãnh thổ Xô Viết đã

diễn ra cũng chính bởi I. V. Xtalin trước đó đã tiêu diệt hết “kẻ thù của nhân dân”.

Tập hợp từ “điệp viên có thể lực” đã được Chủ tịch KGB Liên Xô V. A. Kriuchkov đưa vào vòng xoáy hiện đại. Phát biểu tại phiên họp mở rộng của Xô Viết Tối cao Liên Xô ngày 17 tháng 6 năm 1991, ông ta đã công bố một tư liệu mật của BCHTW ĐCS Liên Xô Liên Xô đề ngày 24 tháng 1 năm 1977: “Theo tin tức đáng tin cậy của ủy ban An ninh quốc gia, thời gian gần đây, CIA Mỹ, trên cơ sở phân tích và dự báo từ các chuyên gia của mình về những con đường phát triển sắt tới của Liên Xô, đang triển khai những kế hoạch đẩy mạnh hoạt động thù địch nhằm phân hóa xã hội Xô Viết và làm rối loạn nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Với những mục tiêu đó, tình báo Mỹ đặt ra kế hoạch sẽ tuyển mộ những điệp viên có thể lực trong số các công dân Xô Viết, tiến hành đào tạo họ và tiếp tục can thiệp vào lĩnh vực điều hành chính trị, kinh tế và khoa học của Liên Xô.

CIA đã vạch ra những chương trình đào tạo những điệp viên có thể lực nhằm tạo cho họ có những kỹ năng hoạt động gián điệp, cũng như tác động tới tư tưởng và chính trị của họ. Ngoài ra, một trong những khía cạnh quan trọng nhất của việc đào tạo những điệp viên này là truyền đạt những phương pháp điều hành trong nhân tố lãnh đạo nền kinh tế quốc dân.

Ban lãnh đạo tình báo Mỹ đang kiên quyết lập một kế hoạch có mục tiêu rõ ràng, không tính toán tới chi phí, nhằm tìm kiếm những nhân vật có đủ khả năng về những phẩm chất cá nhân cũng như trong công vụ mà tương lai sẽ có những chức vụ trong bộ máy điều hành, đồng thời có thể hoàn thành được những nhiệm vụ mà kẻ thù giao cho. Trong đó, xuất phát từ việc hoạt động của những điệp viên có thể lực là riêng lẻ không liên quan lẫn nhau nhằm tiến hành đường lối phá hoại ngầm và làm sai lệch những chỉ thị của lãnh đạo, CIA sẽ hoạch định vào một trung tâm duy nhất được thiết lập trong khuôn khổ của tình báo Mỹ.

Theo ý đồ của CIA, hoạt động có mục đích của điệp viên có thể lực sẽ góp phần tạo ra những khó khăn nhất định trong chính sách đối nội của Liên Xô, sẽ kiềm chế sự phát triển của nền kinh tế chúng ta, sẽ đưa những

phát kiến khoa học ở Liên Xô vào hướng bế tắc. Trong quá trình soạn ra những kế hoạch trên, tình báo Mỹ xuất phát từ việc các cuộc tiếp xúc ngày càng tăng giữa Liên Xô với phương Tây đang tạo ra những tiền đề thuận lợi để các kế hoạch đó được hiện thực hoá trong điều kiện hiện nay.

Theo những tuyên bố của các nhân viên tình báo Mỹ từng làm việc trực tiếp với loại điệp viên này trong số công dân Liên Xô, chương trình hiện đang được các cơ quan tình báo Mỹ tiến hành sẽ góp phần tạo ra những thay đổi về chất lượng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội chúng ta, trước hết là trong lĩnh vực kinh tế, rút cuộc điều đó sẽ dẫn tới việc Liên Xô phải chấp thuận nhiều ý tưởng của phương Tây.

KGB đang nghiên cứu thông tin này để tổ chức các biện pháp nhằm phát hiện và ngăn chặn các kế hoạch của tình báo Mỹ” (Biên bản KGB Liên Xô tại BCHTW ĐCS Liên Xô “về những kế hoạch của CIA nhằm có được những điệp viên có thể lực trong các công dân Xô Viết”)[17]. Những người thạo tin khẳng định rằng kèm theo tài liệu này có một phụ lục danh sách các nhân vật liên quan. Tuy nhiên, cho đến nay phụ lục đó vẫn chưa được công bố.

Điệp viên có thể lực sẽ không còn ý nghĩa gì khi ngừng hoạt động. Đây cũng là điều thường xảy ra trong tình báo thông thường. Những nhiệm vụ của chúng là: Điệp viên có thể lực thường lập tức thực hiện nhiệm vụ được giao ngay sau khi được tuyển mộ: “Những dấu hiệu đặc trưng của mọi điệp viên có thể lực là:

*Thứ nhất, khả năng tác động vào nhận thức xã hội trong đất nước của mình. Nó sâu rộng và được lan truyền trong toàn bộ lãnh thổ, tới mọi tầng lớp xã hội, đồng thời có thể ở mức cục bộ trong không gian, trong các phương thức, chủ thể và khách thể tác động.*

*Thứ hai, tham gia ổn định vào một mạng lưới nhất định. Có thể bản thân họ không hay biết về điều này, cho dù có khá nhiều người có thể đoán ra. Điệp viên có thể lực – luôn luôn chỉ là một con ốc trong một cỗ máy “làm chính trị” phức tạp.*

*Thứ ba, có điều kiện khách quan để đạt được những mục tiêu được “chủ nhân” giao cho bằng những hoạt động của mình. Trong một giai đoạn nhất định, những mục tiêu đó có thể cũng phù hợp với những lợi ích riêng của chúng ta – như tính công khai, dân chủ hoá, quyền con người và những lời nói hào nhoáng. Trong nhiều trường hợp, những điệp viên có thể lực có thể sẽ biết được mục đích cuối cùng, nhưng chỉ ở dạng chung nhất, và điều đó chỉ chứng tỏ rằng có cấp điều hành cao hơn thế đang sử dụng chính “chủ nhân” như một con tốt.*

*Thứ tư, học tập bắt buộc. Điều này không đề cập tới việc học tập ở phổ thông, các bài giảng hay các kỳ thi tuyển. Việc học tập này có thể theo nhóm hoặc cá nhân. Các điệp viên kém phát triển được triệu tập hoặc tự chạy “các thầy, thợ” giỏi. Các hình thức học rất đa dạng và phong phú: từ những bài tập điển hình đến các buổi tâm tình bên bàn rượu, có các cắm nang hướng dẫn, có người kèm cặp.*

*Thứ năm, tùy thuộc vào số lượng người hoạt động “hậu trường”. Điệp viên càng mạnh thì càng ẩn nấp sâu. Đó là “những kẻ làm chính trị giấu mặt”, “những giáo chủ xám”, họ không cầm quyền mà chỉ định hướng. Nếu vì một nguyên nhân nào đó họ phải xuất đầu lộ diện, thì thông thường, chỉ trong một thời gian rất ngắn.*

*Thứ sáu, thái độ trung thành với lý tưởng nào đó, thường là với những phạm trù trừu tượng như: dân chủ, những giá trị chung của nhân loại, những thành tựu của nền văn minh thế giới... Mọi người đều biết đó là cái gì, song chưa một ai có thể diễn tả một cách chính xác điều đó bằng ngôn ngữ”.*

*Cuộc đấu tranh với các nhà văn và các nhóm người yêu nước Nga (về những quan điểm, chứ không phải về việc cấp visa) chỉ là phép thử (nguyên văn: tờ giấy quỳ) đối với các “Điệp viên có thể lực” trong việc phân định “địch – ta” và “quán tính”. Công lao trong cuộc đấu tranh với “chủ nghĩa Nga” càng lớn, thì cơ hội leo lên một vị trí xứng đáng với “những công lao” trong nấc thang danh vọng của thời cải tổ càng nhiều.*

“Điệp viên có thể lực” thực sự đã trở thành một cơ cấu phi thực chủ yếu của quốc gia Xô Viết. Do tập hợp được nhiều cương vị, mà chúng đã trở thành những người không thể thay thế được. Trong các nhiệm vụ của chúng có việc “làm tịt” những chức năng của nhà nước, làm thay đổi đường lối lãnh đạo đất nước, và cuối cùng là thay đổi những tư duy lành mạnh. Thoạt đầu chúng thận trọng nghe ngóng, cân nhắc, sau đó tiến đến giành chiếc “ghế” cần thiết. Bản thân những vị trí này càng quan trọng bao nhiêu, thì khả năng thông qua những mối quan hệ chính thức và không chính thức của chúng càng lớn bấy nhiêu. Theo chúng tôi, nếu là con đường “công khai” thì đó là cương vị bộ trưởng bộ quốc phòng, còn nếu “bí mật” thì đó là cương vị lãnh đạo cơ quan tình báo.

“Nhiệm vụ của các điệp viên có thể lực, tùy thuộc vào cương vị từng người, là che đậy những mục tiêu đích thực của “chiến tranh lạnh”... chú ý bảo vệ những người chống đối chế độ trong trường hợp những người đó bị phát hiện, biện hộ cho những hành động phá hoại làm mất ổn định tình hình trong nước, xúi giục việc phê phán chống lại hệ thống xã hội chủ nghĩa”.

Sự khác biệt giữa “điệp viên có thể lực” và điệp viên thường tương đối lớn. “Điệp viên có thể lực” luôn hành động sao cho có thể dễ dàng bào chữa được lời buộc tội họ – hoạt động của họ thường có ít nhất tới hai khả năng giải thích. Họ làm tất cả mọi chuyện hoặc “có lợi” cho đất nước mình, hoặc hành động đó không thể bị coi là phạm tội, mà vì động cơ chính trị rất tế nhị. Bất cứ một nhân viên phản gián nào, cho dù sáng suốt và tài năng nhất, cũng sẽ phải chào thua họ. Cách buộc tội truyền thống tỏ ra thiếu bằng chứng, và không thể buộc tội họ theo linh cảm.

Cho dù những tân binh mới tuyển mộ đã từng được đào tạo tốt đến đâu, song “những chức năng” mới của họ vẫn đòi hỏi họ phải được đào tạo thêm. Thái độ sẵn sàng xử sự tàn nhẫn được coi như một tài năng đặc biệt. Sau khi được tập huấn tại các trung tâm “... Không một ai trong số họ che dấu mục tiêu tiêu diệt chính quốc gia mà họ là công dân của nó, hơn nữa, họ phải làm một cách tích cực nhất để đạt mục tiêu đó. Nhiều người đã từng biết tới một vị dân biểu Liên Xô, (ủy viên Hội đồng Phối hợp nhóm



đại biểu liên khu vực, vào những năm 1990-1993 đã từng giữ nhiều trọng trách trong cơ cấu chính quyền Nga; chức vụ cuối cùng của ông ta là lãnh đạo nhóm các cố vấn của Tổng thống Eltxin và hiện nay là đại biểu Duma Nga) khi ông ta nói tại hành lang Xô Viết Tối cao Liên Xô rằng: “Đế chế phải bị diệt vong”. Điều đáng nói là ông ta mở đầu bằng việc nhấn mạnh vai trò đoàn kết của đảng trong quá trình cải tổ, để lập tức sau đó quên ngay điều đó để nói “về đế chế”.

Điều này cho chúng ta thấy rằng, mỗi người trong số họ trước đây đã từng được đào tạo về “đạo đức” trong dây chuyền chung: “...*Một bộ phận dân chúng Liên Xô, khi bị tha hóa về đạo đức và lý tưởng, đã trở thành lực lượng chủ yếu và là chỗ dựa của phản cách mạng. Họ trở nên có tình cảm thân phương Tây và rất khát khao có được điều kiện sinh hoạt như ở phương Tây và đang gắng sức giữ gìn những gì họ đã có. Yếu tố này đã trở thành một trong những điều kiện quan trọng nhất để phản cách mạng giành được thành công*”. Chính bộ phận bị tha hóa trong giới quyền lực cao cấp – những kẻ không hề có một tí cội rễ dân tộc nào, những kẻ chỉ tôn trọng quyền lực và những lợi ích thiết thân của chúng – đã trở thành môi trường nuôi dưỡng của “đội quân thứ 5”: “Rất khó đánh giá một cách thuần túy rằng trung tâm nào là hàng đầu. Nhưng, xét theo những dấu hiệu nhất định, có thể phân ra 3 cực của chủ nghĩa toàn thế giới (Mondialism) dưới thời Khrusov trong xã hội, đã từng được điều chỉnh lại sau những cuộc thanh trừng cuối cùng của Xtalin.

*Một là, giới các nhà khoa học vật lý nguyên tử, trong đó nhân vật Viện sĩ Xakharov đóng vai trò then chốt. Xét mọi dấu hiệu, Andrey Dmitrievich Xakharov có gắn bó chặt chẽ với các nhà khoa học mang khuynh hướng toàn thế giới ngay từ giai đoạn đầu tiên trong con đường làm khoa học của mình, khi những người tham gia vào dự án vũ khí nguyên tử với một quan điểm rất rõ ràng của chủ nghĩa toàn thế giới.*

*Hai là, có thể khẳng định rằng, sau khi tiêu diệt bộ máy của Beria và sau những cuộc thanh lọc của chế độ Khrusov mới, vẫn có những cơ cấu nào đó được bảo lưu trong lòng cơ quan an ninh và tiếp tục chống lại những*

thế hệ chiến sĩ Chêka tiền bối. Qua những dấu hiệu gián tiếp, có thể ghi nhận được mối liên hệ của những nhóm Chêka theo chủ nghĩa toàn thế giới ngay từ những năm trong và sau chiến tranh với việc thành lập Cục 5 KGB Liên Xô vào đầu những năm 1960 do một nhân vật đáng sợ là Filipp Denixov Bobkov lãnh đạo (người sau này đã trở thành cấp phó của Chủ tịch KGB Liên Xô Kriuchkov). Thật đáng tò mò, khi giờ đây Filipp Bobkov trở thành lãnh đạo của nhóm an ninh MOST và trưởng nhóm này là Vladimir Guxinxki, đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Châu Âu của Nga.

Ba là, và đây là điều đáng ngạc nhiên nhất, các trào lưu của chủ nghĩa toàn thế giới vẫn được duy trì trong một bộ phận nhất định của dân Do Thái ở Liên Xô và mang khuynh hướng Xionit. Rõ ràng là môi trường này đã được ấn định một cách tự nhiên đối với những tình cảm đó, đặc biệt là sau khi có nhiều người Do Thái cảm thấy thất vọng về chế độ Xô Viết, khi một Nhà nước Israel ra đời, khi khuynh hướng chống Xionit ở Liên Xô được củng cố vào cuối những năm 1940 – đầu những năm 1950”.

Về vấn đề này, một loạt các nhà nghiên cứu đã đưa ra những đánh giá nghiêm khắc nhất đối với nhiều nhân vật nổi tiếng trong một phần tư cuối cùng thế kỷ XX: “Những đại diện tiêu biểu nhất của “đội quân thứ 5” trong những năm gần đây là: N. X. Khrusov, M. A. Xuxlov, P. N. Poxpelov, B. N. Ponomariov, Iu. V. Andropov, A. N. Iakovlev... Bọn chúng đã “kết tổ” trong bộ máy của đảng.

Một bộ phận khác được hình thành trong hệ thống Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô. Đầu tiên, Viện Nghiên cứu kinh tế thế giới do Lênin sáng lập đã trở thành mái nhà bí mật của “đội quân thứ 5”. Lênin đã bổ nhiệm E. X. Varga – một người Do Thái gốc Hunggari theo chủ nghĩa quốc tế – làm viện trưởng. Đến năm 1947, cái tổ những kẻ Xionit Liên Xô đã bị Xtalin tiêu diệt. Vào năm 1956, nó lại được Khrusov khôi phục với tên gọi là Viện Nghiên cứu kinh tế thế giới và quan hệ quốc tế. Sau đó, vào đầu những năm 1970, các viện nghiên cứu đã mọc lên như nấm sau cơn mưa: Viện Mỹ và Canada; Viện Nghiên cứu châu Âu; Viện Á – Phi; Viện Mỹ – La tinh;... Tổ chức của những viện “mang tính chất đất nước học” đã cho phép các nhân

viên của mình thoải mái đi ra nước ngoài công tác “để trao đổi kinh nghiệm”, còn về thực chất là để nhận sự chỉ dẫn và hoạt động phá hoại ngầm.

Để tạo ra sự khoe mẽ về những nghiên cứu khoa học của mình, họ đã được gán những học vị khoa học, thậm chí viện sĩ.

Trong hệ thống của Viện Hàn lâm khoa học còn có một nhóm các viện sĩ khác hoạt động song song, đó là: A. D. Xakharov, E. P. Velikhov, V. I. Golldanxki, R. Z. Xagdaiev, V. L. Ginzburg, Iu. A. Oxipian, cho dù họ chưa có đủ các học vị khoa học. Vào cuối những năm 1970 – đầu những năm 1980, với sự giúp đỡ từ những “người của mình” trong bộ máy đảng, họ đã thâm nhập được vào ban lãnh đạo của đảng là BCHTW. Sau khi Xtalin mất, những kẻ do Khrusov cơ cấu vào BCHTW đã đưa thủ lĩnh của “đội quân thứ 5” là A. N. Iakovlev vào BCHTW – con người này đã kéo theo mình cả một đồng những kẻ căm thù nước Nga như: Arbatov, Sakhnazarov, Bunhich, Aganbekian, Zaslavxkaia, Abalkin, Gaidar...”

Aleixandr Urmanov – “người của vùng Ekaterinburg, vợ và con trai ông ta đến nay vẫn sống tại đó. Tiến sĩ toán – lý. Từng lãnh đạo chiến dịch bầu cử của Eltxin tại Ekaterinburg. Từng sử dụng thông tin của Viện Kribl để giúp cho Boris Eltxin được bầu vào nghị viện và sau này vào chiếc ghế Tổng thống. Ông ta cũng đã sử dụng các tư liệu của viện để điều hành nhóm của Boris Eltxin đang hoạt động trong nghị viện Nga”

“Xung quanh Xovchak tập hợp khoảng chừng 30 cố vấn nước ngoài tài năng nhận lương từ ngân sách. Họ thực sự là những nhân viên CIA. Bạn thử nghĩ xem, tại sao một kẻ lừng danh như Richard Torrens lại bỏ ra hàng giờ để nói với tôi về một đề tài rất xa với văn hóa? Tại sao Xovchak lại cần một vị cố vấn không hề đưa ra lời khuyên nào mà chỉ toàn tra hỏi? Do đã từng nghiên cứu về tâm lý, lý thuyết giao tiếp, nên tôi hiểu rất rõ rằng người ta đang kiểm tra tôi, đang tiến hành lựa chọn cán bộ như đã từng làm với bao người khác”

Một điệp viên có thể bị hạn chế về mặt tri thức, song do tính chất của công việc bí mật, họ có thể tiếp xúc được với những nhân vật thạo tin nhất,

họ có được một hệ thống dịch vụ về kiến thức của những người có học vấn chuyên ngành, thường xuyên có được thông tin về những thành công hay thất bại của “những dòng chảy ngầm”.

Về nguyên tắc, mỗi lực lượng chính trị trong nước đều có danh sách riêng của mình về những điệp viên có thể lực. Như tại Đại hội đại biểu nhân dân lần thứ VII của Nga, người ta đã công bố những danh sách các đại biểu mà “các nhà dân chủ” có thể tin cậy và cần phải “làm việc” với họ. Người ta có thể rút ra một nguồn tư liệu như thế từ “cuốn từ điển những nhân vật đã bị phát giác có liên quan tới Hội tam điểm và các tổ chức khác được lập ra để thực hiện các mục tiêu của Hội Tam điểm (từ năm 1945 đến năm 2000)” của O. A. Platonov.

Ngoài ra, còn có danh sách của Nhóm đại biểu liên vùng trong số các đại biểu nhân dân Liên Xô, ... nhiều nhân chứng khẳng định: “Qua những cuộc trò chuyện với những người đã từng nhìn thấy các danh sách này, tôi biết rằng trong đó có tên của những tổ chức tài chính lớn nhất, các nghị sĩ, nhà ngoại giao, những người lãnh đạo khối thông tin đại chúng, các chính khách, nhà báo nổi tiếng nhất. Xuyên suốt toàn bộ danh sách là một tuyến điệp viên. Việc đăng tải bản danh sách này sẽ có thể gây nên một vụ bê bối chính trị lớn nhất và hoàn toàn xóa bỏ chế độ Eltxin. Phương Tây sẽ phải tìm kiếm lời giải thích về việc tại sao họ ủng hộ các chính khách vốn từng là những người thạo tin “kinh khủng” của KGB. Dân chúng có thể thỏa mãn vì họ đang đối đầu với không chỉ KGB, mà cả những điệp viên của CIA và MOSSAD”. Cũng chính vì thế mà danh sách đã không được tiết lộ.

CIA Mỹ và những tổ chức theo chủ nghĩa toàn thế giới đã từng làm việc từ rất lâu với đám điệp viên để khi tới giờ “G” họ có thể sử dụng chúng một cách tích cực nhất. Và thời điểm đó đã tới khi R. Reagan lên làm Tổng thống Mỹ: “Casy đã báo cáo với Reagan tin tình báo về tính chất của những hoạt động phá hoại ngầm chống Liên Xô, về hoạt động của Văn phòng tình báo của Ba Lan đặt tại Matxcơva và Leningrad, cũng như những tin tình báo tuyệt mật về vị trí của các điệp viên có thể lực đang nằm trong các cơ cấu của nhà nước Liên Xô.

Giám đốc CIA nhận định: “Đã tới thời điểm thuận lợi để gây cho Xô Viết những tổn thất thật sự và sự hỗn loạn trong nền kinh tế của họ. Giờ đây cần nắm quyền kiểm soát và tác động đối với sự phát triển tiếp theo của các sự kiện trong xã hội và trong quốc gia”. Tất cả những điều đó, đương nhiên, là vì những lợi ích quốc gia của Mỹ.

Reagan đã khái quát rằng: “Cần có những biện pháp mạnh mẽ cho vấn đề này”. Cụ thể là những biện pháp gì? Casy Viết: “Tôi cho rằng cần tới tình báo, những chiến dịch bí mật, phong trào chống đối có tổ chức... Chúng ta cần có vài Afghanistan”.

... Bây giờ đã tới lúc kể chuyện khôi hài. Năm 1990, các tướng lĩnh của KGB và CIA ngồi theo dõi Hội nghị đại biểu nhân dân qua truyền hình. Phía Xô Viết xem tài liệu gì đó rồi kêu lên: “Thưa quý ngài, vậy người “của chúng tôi” là bao nhiêu!”. Người Mỹ bấm máy tính và tuyên bố: “Người của chúng tôi đông hơn!”.

Các “Điệp viên có thể lực”, nếu không giải quyết nhiệm vụ “đầu tiên” (tiền đầu) của mình thì không thể kiếm được tiền cho những công việc bí mật của mình. Và số tiền đó được cung cấp từ nước ngoài, đồng thời được gửi tại các ngân hàng bí mật trong nước để họ sử dụng vào những hoạt động của mình.

Sau vụ động đất tại Armeni, một số lượng lớn vật chất ủng hộ được đưa vào nước cộng hòa này – các vật liệu xây dựng, các vật dụng thiết yếu cho sinh hoạt, tiền trợ cấp. Phần lớn số đó đã mất tăm. Trách nhiệm hỗ trợ và khắc phục thảm họa ở Armeni đã được giao cho viên Bí thư thứ hai BCHTW ĐCS Armeni là O. I. Lobov – một kẻ được B. N. Eltxin đỡ đầu vào cương vị Vụ trưởng Vụ xây dựng của ĐCS Liên Xô ở Xverdlovsk. Sự viện trợ nhân đạo từ phương Tây cho Armeni đều bị sử dụng sai mục đích. Có nguồn tin cho rằng gần 70% trong số đó đã được dùng vào việc đổi lấy vũ khí cho Nagorny Karabakh.

Chúng ta cũng nên quan tâm tới việc hình thành và hoạt động của Quỹ Văn hóa Liên Xô. Vị Chủ tịch của nó là D. X. Likhachov, và một trong những nhà lãnh đạo của nó là R. M. Gorbachov. Trong thời kỳ cải tổ, đã

từng có một tổ chức như vậy là Quỹ “Ogonhiok” – chống HIV và AIDS, từng được thành lập nên sau một bức thư khiêm tốn của B. N. Eltxin gửi tới tòa soạn của tạp chí “Ogonhiok”. Một trong số thành viên của Hội đồng quản trị Quỹ là ngài E. M. Albast mà chúng ta đã nhắc tới ở trên. Trong mọi trường hợp, tổ chức này được thành lập cho riêng Eltxin để ông ta có thể sang Mỹ: “Vào tháng 9 năm 1989, Eltxin sang Mỹ bằng tiền của Quỹ Nghiên cứu và điều trị AIDS ở Liên Xô và của Viện Nghiên cứu California Esalen”. Chuyến viếng thăm tiếp đó của ông ta được bên tiếp đón chịu chi phí: “Một tổ chức rất ít tiếng tăm của Pháp là “Forum International de Politic” đã đứng ra mời B. Eltxin và chấp nhận mọi phí tổn để tiếp đón ông ta như một nguyên thủ quốc gia”. Đây là một tổ chức được Jan Hellenstain thành lập vào năm 1983. Trước năm 1980, con người này đã từng nằm trong ban lãnh đạo của ĐCS Pháp và có một thời nổi danh như một nhà mác-xit chính thống. Nhưng từ năm 1980, ông ta làm cho tất cả mọi người bất ngờ, tựa như nhận được mệnh lệnh, khi trở thành “nhà cải cách” và sau đó đã ra khỏi đảng... Trong thời gian viếng thăm Pháp, B. N. Eltxin đã công khai tiếp xúc với đài phát thanh “Tự do” và các chủ xí nghiệp do tình báo Anh – Mỹ dựng nên.

“Thành tựu kỹ thuật thực sự của Aleksandr Nikolaievich Iakovlev (Bí thư BCHTW ĐCS Liên Xô phụ trách công tác tư tưởng) là sự kiện về việc ông ta đã xây dựng được một hệ thống hỗ trợ tài chính của quốc gia cho hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng.

Iakovlev thực sự (de-facto) trao cho tư nhân quyền sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng của quốc gia. Những điều kiện của hợp đồng rất đơn giản: tuyên truyền ủng hộ Gorbachov và che chắn những điều bất lợi có thể diễn ra từ phía “những người chống đối cải tổ”. Dưới sự điều hành của Iakovlev, bằng cách bôi nhọ những người tiền bối và những người đối lập của Gorbachov, tính chất công khai hoa mỹ của bè lũ Gorbachov người càng tăng lên.

Trước đây chúng ta được giáo dục về quan điểm rằng việc đấu tranh giành quyền tự do chính trị không hề có điểm chung với việc kinh doanh

thu lợi nhuận. Còn Iakovlev lại khẳng định rằng điều đó không phải như vậy”.

Sự giúp đỡ của Mỹ đối với “những người bạn Xô Viết” đương nhiên là sự giúp đỡ của một con sói. Theo báo “Diena” ở Riga (Thủ đô của Latvi) ngày 30 tháng 7 năm 1992: “Từ năm 1985 đến cuối năm 1992, Mỹ đã đầu tư vào “tiến trình dân chủ hóa ở Liên Xô” 90 tỷ USD”. Mặc dù tiền bạc đã được sử dụng rất thường xuyên, song vẫn còn có những cách thanh toán nợ khác: “Chúng ta không phải là trẻ con và chúng ta hiểu rằng một công việc như vậy không phải được làm miễn phí. Chúng ta vẫn phải trả giá cho dù không trực tiếp. Vào đầu năm 1991, trong một đoàn đại biểu đông đảo của Liên Xô, Liên bang Nga và Hội đồng thành phố một, có hai người đã đem theo cả phu nhân – đó là Murasev và Lukin. Và chúng ta đã phải thanh toán cho mỗi bà gần 1000 USD”.

Trong phần kết luận, tôi muốn nêu ra hiện tượng đối lập: điệp viên của Nga ở Mỹ. Không thể khẳng định rằng “điệp viên có thể lực” là hiện tượng chỉ có trong thời kỳ “cải tổ” và chỉ riêng Nga mới có. “Những người của ta” cũng có mặt ở Mỹ. Sau Chiến tranh thế giới II, trên toàn thế giới, cả tại nước Mỹ, uy tín của Liên Xô và thái độ ngưỡng mộ đối với chủ nghĩa cộng sản lên rất cao. Người Mỹ đã bắt đầu công cuộc “cải tổ” ở Liên Xô ngay từ chính họ – từ việc lập lại “trật tự” trong “ngôi nhà của mình” khi mà vị thế của những người cộng sản trong toàn xã hội lên rất cao và hệ tư tưởng cộng sản đang thịnh vượng.

## **Địa chính trị “nội bộ” – 2**

Lời kêu gọi chia cắt biên giới Liên Xô lần đầu tiên được vang lên tại Đại hội XXVII của ĐCS Liên Xô mà không gặp phải một phản ứng nào. Nó được thể hiện trong bài phát biểu của một bí thư thứ nhất vùng Xibiri là: “Thiên nhiên đã ban cho chúng ta một điều kỳ diệu vô cùng – Hồ Baikal. Vấn đề bảo vệ nó làm cho tất cả chúng ta, cho toàn xã hội phải quan tâm... Hồ này, về thực chất, đang ở trong tình trạng của một đứa trẻ có tới 7 bà nhũ mẫu, đang cần một chủ nhân có toàn quyền, có trách nhiệm trước nhân dân và quốc gia. (Vỗ tay)”. Lời nói gây nên phản ứng trong phòng họp đó

được nói ra bởi một người biết rất rõ rằng những vùng lãnh thổ xung quanh vùng Hồ Baikal chỉ có tộc người Buriat đang sinh sống. Đó là sự dốt nát và miệt thị đối với chính sách dân tộc nội bộ hay là sự khiêu khích? Sự phẫn khích từ lời phát biểu của một bí thư thứ nhất khu ủy có ý nghĩa gì? Điều đó có nghĩa rằng trong đảng có cả những kẻ như vậy.

Vào thời kỳ cải tổ, trong các ấn phẩm, các vấn đề đó suýt nữa trở thành đề tài “số một”: “Không thể không nhất trí rằng sự chín muồi của các sự kiện đẫm máu ở Armeni và Azerbaidzan đã có khởi nguồn từ năm 1987 – ngay từ năm thứ hai của cải tổ. Vào đầu năm 1987, “Báo Văn học” đã đăng bài của “Hồi giáo” của Igor Beliaev, về thực chất, đã dẫn tới việc tôn giáo đó dứt khoát thù địch và nguy hiểm đối với quốc gia của chúng ta, còn những người hồi giáo là dân dã man và tráo trở. Thời đó trong báo chí đã có cả một chiến dịch làm rối loạn nhận thức của nhân dân nhằm phá hoại những quan niệm đã từng hình thành trong mọi người”

Trong những năm dưới chính quyền Xô Viết, tại một số địa phương đã có những sai lệnh trong việc xác định địa giới hành chính giữa các vùng dân tộc. “Việc không trùng hợp các địa giới hành chính với ranh giới sắc tộc đã trở thành nhân tố đáng kể nhất. Cho tới hiện nay, còn 7 triệu km<sup>2</sup> có đến 30 triệu người đang sinh sống đang trở thành điều gây tranh cãi trước hết về dấu hiệu này”.

Đúng dịp trưng cầu dân ý vào tháng 3 năm 1991 về sự tồn tại của Liên Xô, trên tờ “Tin tức Matxcova” đã cho đăng các số liệu về những sai lệch ranh giới đó trong những năm dưới chính quyền Xô Viết[18]. Trong đó dẫn ra rằng trong vũ đài địa chính trị Liên Xô có tới 76 đầu mối và điểm có tiềm năng xung đột cao. Và nhiều nguy cơ xung đột trong đó chưa hề được bộc lộ vào những năm 1985-1991 và mười năm sau này. Phần lớn số đó còn ở dạng tiềm ẩn cho những cuộc ly khai mới của thế hệ tương lai lãnh đạo đất nước.

Trong những năm cải tổ, những vấn đề này, ban đầu dường như chưa phải có tầm quan trọng hàng đầu, đã trở thành vấn đề quyết định trong việc làm Liên Xô sụp đổ. Đây chính là giải pháp phi truyền thống – “Xung đột



cường độ thấp” – mà các nhà nghiên cứu CIA đã tìm ra. Những người khởi nghĩa chống chính quyền trung ương thường trông chờ vào hành động chống đối trực tiếp như chiếm các thành phố lớn, tuần hành trên các đường phố của thủ đô... Trong những trường hợp như vậy, chính quyền thường phản ứng rất mau lẹ và đưa quân đội đến đàn áp (Điều này từng được thể hiện rất rõ trong lịch sử Nga với cái gọi là “Những cuộc chiến tranh của nông dân”. Nhưng đây lại là những hành động chống đối không trực tiếp, khi nhóm này chống lại một nhóm khác. Quân đội đã được sử dụng với tư cách là “phe thứ ba” nhằm mục đích hòa giải các bên chứ không thể đàn áp một bên nào. (Chỉ ở Chesnia, về thực chất, là sử dụng những biện pháp truyền thống). Trong trường hợp này quân đội đã phải hứng chịu đòn tiến công của cả hai phe vũ trang bất hợp pháp cũng như của những kẻ phản bội ở Trung ương.

Ngoài ra, nhân tố không trùng hợp địa giới hành chính với ranh giới sắc tộc còn bị lợi dụng tại những vùng chủ yếu có người Thổ ở Bungari và người Hunggari ở Rumani.

Có thể xem thấy kịch bản đó qua những sự kiện ở Nam Tư. Như mọi người đều biết, ở đó có N. X. Khruxov của chúng ta và Iosif Bros Tito (không phải ngẫu nhiên mà Nikita Xergeievich đã ngay lập tức thiết lập quan hệ với họ, sau khi ông ta đã củng cố được quyền lực ở Kremli). Sau chiến tranh thế giới II, ông ta đã cho phép hình thành ở Kosovo tới 70000 người Albani. Sau 50 năm, dân tộc này đã có số dân áp đảo – điều đó được tạo thành bởi tỷ lệ sinh và những cuộc di dân tự do...

### **Hệ thống xã hội chủ nghĩa và sự sụp đổ của nó**

Liên Xô và phần lớn các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu – Cộng hòa nhân dân Bulgari, Cộng hòa nhân dân Hunggari, Cộng hòa dân chủ Đức, Cộng hòa nhân dân Ba Lan, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Rumani, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc – đã từng là một hệ thống thống nhất. (Albani và Nam Tư cũng là những nước xã hội chủ nghĩa, song chúng tôi không đưa vào danh sách này vì chúng đã nằm ngoài phạm vi điều hành của Kremli). Một hệ thống có những khác biệt với các hệ thống khác đã từng

tồn tại. Nếu mô tả nó theo những khái niệm thông thường, thì có thể nhận thấy rằng các nước xã hội chủ nghĩa nêu trên ở Đông Âu là một phần trong hình ảnh chính trị tổng thể của “hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới”, trong quan hệ kinh tế – Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV), trong quan hệ quân sự – Tổ chức Hiệp ước Varsava. Mức độ liên kết của chúng cao tới mức số phận của chúng có thể là của chung tất cả. Mọi ý định của bất kỳ một thành viên nào nhằm từ bỏ cuộc chơi chung đều tất yếu dẫn tới đổ vỡ. Chúng chỉ có thể gắn kết ngày càng chặt chẽ với Kremli và với nhau.

Nếu xem xét các nước xã hội trong hoàn cảnh hệ thống xã hội chủ nghĩa tan rã và chế độ xã hội biến đổi, thì có thể phân tích những nước nổi trên như những thành tố mang những đặc điểm hệ thống khác nhau. Chúng ta sẽ phân tích chúng bắt đầu từ mắt xích yếu nhất trong “hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới”. Cùng với những đặc điểm khác, một trong những bằng chứng gián tiếp của tính đúng đắn trong quan điểm này là việc sử dụng các biện pháp phá hoại nhằm vào trật tự cũ – bằng cả “bàn tay nhung” lẫn “bàn tay sắt”.

Tôi coi Ba Lan như một mắt xích yếu nhất. Đó là vì: Ba Lan, trong lịch sử, đứng hàng đầu tiên trong số những nước từng xâm lược chống Nga. Ba Lan là một nước phương Tây điển hình có đám dân chúng bị tha hóa. Chịu ảnh hưởng rất lớn của Kito giáo, nhất là ở các vùng nông thôn. Có tỷ lệ dân Do Thái cao, dễ dàng thiết lập những mối quan hệ với bên ngoài. Đây là những nguyên nhân chính để các trung tâm trí tuệ của phương Tây lựa chọn Ba Lan để bí mật chiếm đoạt và sử dụng nó như một bàn đạp nhằm phát triển cuộc tiến công.

Tôi xếp các nước như Bulgari, Hunggari, Cộng hòa dân chủ Đức, Tiệp Khắc và Liên Xô vào vị trí thứ hai cho dù chúng không hoàn toàn như nhau. Mỗi nước trong số này đều có những “ưu” và “khuyết” trong con mắt của các nhà phân tích phương Tây. Thành tố cuối cùng (và cũng là mạnh nhất như các sự kiện sau này khẳng định) là Rumani – một đất nước có ban lãnh đạo không thể bị mua chuộc do Ceausescu[19] đứng đầu. Nhân tố này, thoát nhìn, có tính chủ quan, tiêu cực, song lại mang tính tích cực riêng của

nó. Đất nước được coi như của cha truyền con nối, và vì thế, khác với những kẻ đương thời ở Nga, nó không sẵn sàng “đầu hàng”.

Bắt đầu từ thành tố tầm thường, yếu kém nhất: “Cơ chế phá hoại kinh tế rất đơn giản. Trong giai đoạn đầu, các đối tác phương Tây cung cấp cho Ba Lan những xí nghiệp với hình thức thanh toán là họ sẽ tiêu thụ toàn bộ các sản phẩm do những xí nghiệp này sản xuất ra. Sang giai đoạn hai, các đối tác từ chối tiêu thụ các sản phẩm đó! Các xí nghiệp bị phá sản, tổng nợ ngoại tệ của Ba Lan tăng lên cao bởi, theo thỏa thuận ở giai đoạn một, việc cung cấp nguyên liệu, thiết bị và các phụ tùng thay thế từ phương Tây vẫn được tiếp tục. Đó thực sự là một sự cướp bóc, song vẫn là còn nhẹ. Các nhà doanh nghiệp phương Tây bắt đầu đẩy cao tỷ lệ phần trăm các khoản tín dụng đã cung cấp và lẽ đương nhiên là khoản nợ của Ba Lan tăng thêm. Thành công của cuộc chiến tranh kinh tế còn được bảo đảm bởi các thể lực trong nước thông qua việc chúng cắt giảm hàng xuất khẩu từ Ba Lan sang phương Tây.

Song, điều ngoạn mục nhất trong kịch bản này là các lực lượng “tiến bộ”, thậm chí chúng có mặt trong chính quyền, thực hiện công việc của mình, phương Tây không chấp nhận cho họ nợ những gì đã giúp. Từ đây có thể nảy sinh tranh chấp. Ba Lan không thể sản xuất ra sản phẩm có khả năng cạnh tranh ở phương Tây thì đó đó là lỗi của họ. Kẻ tội đồ chủ yếu chịu trách nhiệm về sự đổ vỡ nền kinh tế, đương nhiên, là chủ nghĩa xã hội – một chế độ xã hội không thể tạo ra một nền kinh tế có hiệu quả, một nền sản xuất có hiệu quả. Có thể coi phản ứng đó là đúng, nếu không có sự hiện diện của một vấn đề mà những nhà chính trị học phương Tây thì biết rất rõ, còn trong nước chúng ta lại bị bưng bít. Ngay từ năm 1972, các cơ quan tình báo phương Tây đã từng triển khai một kế hoạch về cuộc chiến tranh tài chính chống Ba Lan mang mật danh “Hilexs-5”. Tác giả của nó là những nhà chính trị nổi tiếng, như: Zbinaiev Brzezinski và Richard Pips... Vào thời điểm Reagan bước vào Nhà Trắng, họ đã triển khai ít nhất 3 kịch bản gây mất ổn định cho Ba Lan. cả Zbinaiev Brzezinski và cả Richard Pips đều không che dấu điều này. Còn giả thuyết về việc vào năm 1981 Ba

Lan không thể “tự mình” khắc phục những khó khăn của họ chỉ là “con mồi để nhử những kẻ ngốc”. Nó cũng có một vai trò nhất định và cuộc chiến tranh tài chính – kinh tế đã giáng mạnh vào nền kinh tế quốc dân: “Nền kinh tế Ba Lan không đủ ổn định, đất nước ở trong tình trạng nợ lớn. hệ thống phân phối hàng hóa được bắt đầu từ phiếu mua thịt và nhanh chóng thao túng mọi loại hàng hóa.

Chính phủ không thể bảo đảm cho dân chúng mua hàng hóa ở mức độ đủ dùng. Hậu quả của tình trạng đó đã dẫn tới các cuộc đình công và sự khủng hoảng lại càng trở nên sâu sắc hơn. Theo quan điểm của các nhà tài chính, đất nước này đã rơi vào tình trạng bất lực hoàn toàn. Vào năm 1981, Ba Lan không thể có đủ 12 tỷ USD để trang trải các khoản nợ của mình. Chiến lược phá hoại nền kinh tế Ba Lan đã được tiến hành dưới sự bảo trợ của “RAND Coporation”.

Đúng vào thời điểm đó trong đất nước Ba Lan đã thường xuyên xảy ra những hành động phá hoại ngầm chưa từng có: “Như Henry Hid – một thành viên của ủy ban tình báo trong giai đoạn từ 1985 đến 1990 – đánh giá, “Tại Ba Lan, chúng ta đã làm tất cả những gì đã từng làm tại những nước mà chúng ta muốn làm mất ổn định đối với chính phủ cộng sản và đẩy mạnh sự phản đối chống lại chính phủ đó. Chúng ta đã tiến hành cung cấp và hỗ trợ kỹ thuật dưới dạng sách báo, chương trình phát thanh, tuyên truyền bí mật, tiền bạc, các hướng dẫn thành lập các tổ chức và các hiệp hội khác”.

Vậy là Ba Lan tiêu đời. Những biện pháp mà ban lãnh đạo Xô Viết thực hiện đã bị phương Tây làm cho phá sản. Có thể nói, nước Cộng hòa nhân dân Ba Lan là con tàu “Titanic” đã cuốn cả Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác chìm theo: “Những tác động từ Ba Lan đã vượt ra ngoài ranh giới của nó, kích lệ sự chống đối tương tự tại các nước xã hội chủ nghĩa khác ở châu Âu”. Điều đó có nghĩa là “Victory” (chiến thắng) ở Ba Lan giờ đây đang làm cho chủ nghĩa xã hội tại các nước khác lâm vào thoái trào. Đây là những phương pháp đặc biệt và đã được các chuyên gia theo quan điểm hệ thống áp dụng.

Âm mưu đó được các nhà Xô Viết học thế hệ thứ hai ở Mỹ làm sáng tỏ trong các công trình khoa học công khai của mình, như của R. Ludwikowxki và S. Brucan. “Từ cuộc khủng hoảng ở Ba Lan những năm 1980, R. Ludwikowxki đã cố gắng mô hình hóa những đặc điểm có thể về biểu hiện khủng hoảng tương tự tại các nước khác. Với cách đặt vấn đề, khủng hoảng sẽ chỉ giới hạn tại Ba Lan hay sẽ lan sang các nước xã hội chủ nghĩa khác, tác giả công trình nghiên cứu đã đi đến nhận xét rằng cuộc khủng hoảng đó sẽ không bỏ qua các nước, kể cả Liên Xô” (*Ludwikowxki R. The Crisis of Communism. It's meaning, origins and phases. Cambrige, 1986*).

Còn S. Brucan, khi đề cập tới vấn đề toàn cầu về sức sống của chủ nghĩa xã hội thế giới dưới tác động của những thay đổi đang diễn ra trong thế giới, đã đưa ra một dự báo bi quan về đặc điểm quốc gia đang thống trị trong hệ thống xã hội chủ nghĩa. (*Brucan S. Wold Socialism at the Crossroads. An Insider's view. New York, 1987*). Tác giả này, như chúng ta thấy, rõ ràng đưa ra những kết luận vô căn cứ về yếu tố có tính chất quyết định tác động tới khủng hoảng là Liên Xô và các nước Đông Âu đều có chung đặc điểm quốc gia. Ở Mỹ cũng sẽ phải có những xí nghiệp mang đặc điểm quốc gia như chúng vẫn có ở Trung Quốc, tuy nhiên ở đó không có khủng hoảng vì không có những biến động. Điều đó có thể giải thích rằng: khi những năm tháng đầu tiên mới diễn ra cải tổ, ai sẽ là người có thể gọi sự vật bằng đúng tên của nó.

Khi nói về nhóm nước “Bulgari – Hunggari – Cộng hòa dân chủ Đức – Tiệp Khắc – Liên Xô” cần phải bổ sung rằng cho dù ở từng nước này các sự kiện đã diễn ra theo kịch bản riêng, song đều mang dấu ấn của “sự tương trợ”. Ví dụ như Hunggari, một nước bị xâm lược sớm nhất và có ban lãnh đạo nhu nhược nhất lại đi “giúp đỡ” Tiệp Khắc, rồi nước này, đến lượt mình, sau khi mở cửa biên giới cho những người Đông Đức sang Tây Đức, đã “giúp đỡ” Cộng hòa dân chủ Đức tổ chức ty nạn. Ba Lan và Liên Xô đã “giúp đỡ” nhau khi cả hai bên cùng buộc tội Xtalin có âm mưu bí mật với Hítle, đã xử tử những sĩ quan Ba Lan ở Katyni. Và Ba Lan – một nước

chuyển sang chủ nghĩa tư bản sớm nhất, – đã trình diễn “những thành tựu” của mình thông qua các phương tiện thông tin đại chúng ở Matxcơva. Trong phạm vi nghiên cứu của mình, chúng tôi có thể chỉ ra rằng, một trong số những “kẻ chiến thắng” chủ yếu ở Ba Lan đã từng “giúp đỡ” Liên Xô: “... Vị Bí thư Khu ủy Geremek của Ba Lan, nhờ có kinh nghiệm trong sự nghiệp “dân chủ hóa” đất nước mình, vào năm 1991 đã trở thành cố vấn chính thức cho B. N. Eltxin”. Không hiểu sự “tương trợ lẫn nhau” đặc biệt này thì không thể hình dung một cách đầy đủ về khuynh hướng toàn cầu của sự kiện đã diễn ra. Quan điểm thông thường của một người nghiên cứu (về sử học hay chính trị học) đều rất hạn chế, do người đó phản ánh một cách tùy tiện những sự kiện ở các nước Đông Âu theo trình tự thời gian. Còn nhà nghiên cứu theo quan điểm hệ thống hay điều khiển học thì chỉ cần tách ra hiện tượng quyết định tới các sự kiện khác trong nước này hay nước khác. Hiện tượng đó, tuy có mức độ khác nhau, song đều kéo theo những sự kiện tương tự tại các nước khác, nhất là ở các nước láng giềng. Tuy nhiên, đôi khi cách nghiên cứu đặc biệt này cũng trở nên vô nghĩa nếu không tính tới yếu tố ảnh hưởng tương tác.

Một bộ phận lãnh đạo Liên Xô thân phương Tây đã ủng hộ trào lưu ghét Nga (Russophobia) và cố gắng đáp ứng mọi yêu sách quá đáng của những kẻ theo trào lưu này. Ban đầu là chúng cung cấp số liệu về vụ xử tử những sĩ quan Ba Lan tại Katyni, sau đến việc chính những người Nga khẳng định điều đó.

Khác với những “vụ đột kích của những kẻ thân phương Tây” bất thành – ở Cộng hòa dân chủ Đức (năm 1953); ở Hunggari (năm 1956); ở Tiệp Khắc (năm 1968) và ở Ba Lan (năm 1970) – những kịch bản sự kiện “giúp đỡ”, trong đó có cả về quân sự, cho một nước nào đó từ phía các nước còn lại, đặc biệt là từ phía Liên Xô (với tư cách là một quốc gia hùng mạnh nhất) đều dễ dàng kích động lên những làn sóng Russophobia mới và thái độ căm ghét “hệ thống xã hội chủ nghĩa”. Kịch bản như thế đã góp nên một phần không nhỏ cho những thành công của chúng.

Chúng ta cũng đồng thời nhận thấy Đông Đức có một sắc thái đặc biệt – nó không chỉ bị cuốn theo “giải phóng khỏi chủ nghĩa cộng sản”, đi theo con đường của chủ nghĩa tư bản, mà còn muốn liên kết với Cộng hòa liên bang Đức. Đây là hiện tượng ngược chiều với những gì đã diễn ra ở Tiệp Khắc và Nam Tư – những nơi đang đòi ly khai. Nói cho chính xác, cả hai nhiệm vụ này đều là những điểm cốt lõi của cùng một mục tiêu. Mọi sự đã diễn ra một cách nhanh chóng và bất ngờ.

Bước tiến của CIA về lục địa châu Âu đã diễn ra rất phức tạp. Và chính “bên thứ ba” đã làm nên những sự phức tạp đó... Rốt cuộc, tác động của “nguyên tắc domino” đã xảy ra, sự tan rã của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu đã trở thành quá trình không thể đảo ngược.

Thành tố cuối cùng, “Rumani tự hào đã hoàn thành sứ mệnh bảo vệ ngoạn cường sự chính thống của chủ nghĩa Mác, trong khi các nước láng giềng của nó đã phó mặc mình bị cuốn theo cơn bão cải cách của Gorbachov”. Tuy nhiên, nguyên nhân của những sự kiện bi thảm không phải là hệ tư tưởng, mà vì kinh tế. Mục tiêu của những “cải tổ” ấy, theo như cách chúng ta hiểu, không chỉ đơn giản là tàn phá để rồi sau đó nhìn thấy được sự sáng tạo của đôi bàn tay từ “cảnh tượng điêu tàn”, mà là trò làm tiền ngoạn mục khi mà giá cả leo thang, khi mà giá cả của ngày hôm qua được coi là quá rẻ. Nhà nước Rumani xã hội chủ nghĩa đã tiến hành đường lối tiến công, “... Đất nước trở thành một quốc gia duy nhất trên thế giới thanh toán được nợ và, đương nhiên theo đó, có được khả năng tự do điều hành mọi mặt – bắt đầu bằng cách xuất khẩu tài nguyên thu ngoại tệ. Ngày 12 tháng 4 năm 1989, tại Hội nghị toàn thể BCHTW ĐCS Rumani, Nicolae Ceausescu đã trình trọng tuyên bố với toàn thế giới về việc Rumani đã thanh toán được hoàn toàn nợ nước ngoài.

Nhưng đây chính là điều mà thế giới phương Tây không hề thích thú. Rumani là một tấm gương nguy hiểm đối với các nước khác”.

Vị Chủ tịch Phân ban về Đông Nam Á và khu vực Thái Bình Dương thuộc ủy ban Địa chính trị của viện Duma quốc gia, thành viên của phái LDPR là M. L Monaxtyrxki trong ban biên tập (Press-release) “Nước Nga

và Địa chính trị” đã dẫn ra lời trích từ một cuốn sách “Bàn tay vô hình, hau quan điểm coi lịch sử như một âm mưu” của R. Epperson: “Các ông chủ ngân hàng phải có một chiến lược để cho họ có thể tin tưởng rằng chính phủ mà họ đang cho vay nợ sẽ không xóa khoản nợ mà các ngân hàng đã cấp cho nó.

Các ngân hàng thế giới đều lần lượt có kế hoạch của mình. Kế hoạch đó được gọi là “chính sách cân bằng lực”. Nó có nghĩa là các chủ ngân hàng đã cùng một lúc cho hai chính phủ vay nợ nhằm tạo cho mình cơ hội xức xiêm quốc gia này với quốc gia kia như một phương tiện cưỡng bức một bên trong số họ trả nợ cho các chủ ngân hàng. Phương tiện bảo đảm thành công nhất trong các điều kiện thanh toán nợ là đe dọa chiến tranh – chủ ngân hàng luôn có thể đe dọa chính phủ không thực hiện cam kết bằng chiến tranh như là một phương tiện cưỡng bức thanh toán nợ.

Điểm then chốt ở đây là tính chất quân bình của các quốc gia: không một nước nào đủ mạnh, đe dọa quân sự từ phía nước láng giềng yếu nhất sẽ không đủ để cưỡng bức thanh toán. Ngoài thành công trên mặt trận chiến tranh tài chính – kinh tế, N. Ceausescu còn sẵn sàng cho một tiến trình chính trị mạnh mẽ ngay trong lòng của phong trào cộng sản quốc tế: “Vào tháng 12 năm 1989, BCHTW ĐCS Rumani đã nêu lên sáng kiến tiến hành một hội nghị quốc tế các đảng cộng sản ở Bucuresti (Thủ đô của Rumani) hoặc ở Matxcơva (hội nghị như thế đã từng được tổ chức lần cuối cùng vào năm 1969), trong đó các nhà cộng sản Rumani có dự định công khai bày tỏ ý kiến của mình về “Tư duy mới”, “Cải tổ” và “Công khai”.

Theo các quyết định của Đại hội XIV Đảng Cộng sản Rumani (tháng 11 năm 1989), từ ngày 10 đến hết ngày 14 tháng 12 năm 1989, BCHTW ĐCS Rumani đã gửi những văn bản cần thiết cho 12 BCHTW của các ĐCS, trong đó có BCHTW ĐCS Liên Xô và đảng cộng sản các nước Đông Âu. Sáng kiến này đã được các Đảng cộng sản Cuba, Việt Nam, Albani, Trung Quốc và một loạt những nước đang phát triển ủng hộ. Sau ngày 20 tháng 12, các văn bản tương tự của Đảng cộng sản Trung Quốc, Mỹ, của các nước Tây Âu, Nam Á, và châu Mỹ đã được gửi đến. Tuy nhiên, BCHTW



ĐCS Liên Xô cũng như BCHTW ĐCS các nước Đông Âu đã không trả lời kiến nghị của ĐCS Rumani. Ngày 20 đến ngày 23 tháng 12 năm 1989, một cuộc đảo chính đẫm máu đã diễn ra tại Rumani, được Matxcova và Mỹ tán đồng”. Dường như là kế hoạch cấp chính phủ của ĐCS Rumani đã có thể giáng một đòn vào lực lượng phá hoại ở Liên Xô và các nước khác. Chính vì vậy mà các thế lực thù địch đã quyết định đẩy nhanh tiến trình...

Vậy là phải công nhận rằng, ngoài “cuộc cách mạng chung Xô – Mỹ”, còn diễn ra: cuộc cách mạng chung Bulgari – Mỹ; cuộc cách mạng chung Hunggari – Mỹ; cuộc cách mạng chung Đông Đức – Mỹ; cuộc cách mạng chung Ba Lan – Mỹ; cuộc cách mạng chung Rumani – Mỹ; cuộc cách mạng chung Tiệp Khắc – Mỹ. Mỗi cuộc cách mạng chung đó tuy có những sắc thái riêng của mình, song đều là nhằm làm thay đổi chế độ hiện hành, cướp bóc các dân tộc đó, loại bỏ những nước đó (trừ Albani và Nam Tư) ra khỏi phạm vi điều hành của Kremli.

Tác giả của Đề án “Xóa bỏ các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu theo từng giai đoạn” là German Kane – người của RAND Coporation.

Cần phải nhận thấy tính chất tổng hợp rất rõ ràng của những phương pháp phá hoại hệ thống chủ nghĩa xã hội thế giới và Liên Xô. Trước khi “kết liễu” khối SEV, nhân dân Liên Xô đã bị đầu độc bởi tư tưởng cho rằng họ đang phải nuôi dưỡng người Bulgari, Hunggari, Đông Đức, Ba Lan, Slovak, Rumani, Sec (trên thực tế là cả người Mỹ, Tây đức và Nhật Bản). Đã đến lúc phải chia tay với khối SEV. Và họ đã làm được như vậy. Khi sự Dối trá Vĩ đại lại được diễn ra theo kịch bản đó ở cấp độ liên bang – chúng ta đang phải nuôi dưỡng những người Azerdbaidzan, Armeni, Belorus, Gruz, Kazak, Kirgizi, Latysi, Litva, Moldavi, Nga, Tadzik, Turkmen, Uzbek Ucrain, Estoni. Và họ lại làm được như vậy. Giờ đây, nếu sự tưởng tượng không thể phong phú hơn, thì kịch bản đó sẽ có thể diễn ra ở cấp độ trong nước Nga. Liệu họ lại có thể làm được như vậy?

### **Nhiệm vụ của Ianaiev**

Ngài Phó Tổng thống Liên Xô G. I. Ianaiev cũng gánh vác nhiệm vụ phá hoại Liên Xô của mình. Thậm chí, có những thời điểm, nhiệm vụ này của ông ta còn mang tính then chốt – không có một ai khác có thể làm nổi. Vào năm 1991, M. X. Gorbachov đã từng có 4 phó trực tiếp cho mình. Về bên đảng có Phó tổng bí thư BCHTW ĐCS Liên Xô là V. A. Ivasko; về bên nhà nước là Phó Tổng thống Liên Xô G. I. Ianaiev và Thủ tướng Liên Xô V. X. Pablov; về phía Tổng Tư lệnh tối cao các lực lượng vũ trang Liên Xô G. I. Ianaiev với cương vị là Phó chủ tịch Hội đồng Quốc phòng trực thuộc Tổng thống Liên Xô. Và G. I. Ianaiev đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử vĩ đại của mình. Ông ta đã hoàn thành đến cùng với 100% công vụ. Tôi không hề có một chút nghi ngờ nào về việc G. I. Ianaiev là một con người chân thành và ông ta từng mong muốn đem lại lợi ích cho đất nước và cho nhân dân. G. I. Ianaiev không phải là kẻ phản bội, ông ta chẳng qua chỉ là một trong số những nhân vật không gặp thời – những người tin tưởng một cách chân thành rằng “Họ đã muốn mọi sự trở nên tốt hơn, song sự thể lại không như vậy”. Đó chính là thảm họa chung của tất cả chúng ta.

Vậy, G. I. Ianaiev đã được dùng để làm gì? Điều hiển nhiên rõ ràng là nếu phân tích “sứ mệnh lịch sử” của ông ta, tức là đã trả lời được câu hỏi tại sao con người này lại được bố trí vào cương vị của nhân vật số hai trong quốc gia vào đúng thời điểm đầy trọng trách ấy, thì chúng ta có thể nói rằng G. I. Ianaiev chính là loại người được lý tưởng đã lựa chọn. Cho dù ông ta đã từng công tác tại Matxcơva với vai trò đứng đầu, ở những cương vị mà chúng ta gọi một cách giả định là “tư tế”, người ta đã không cho phép ông ta đưa ra được một chính sách hiện thực nào. Đó là một con người chưa đủ tầm, chưa đủ tài năng nhạy cảm chính trị và tầm nhìn xa, một con người chưa bao giờ khai phá cho mình con đường riêng. Ông ta chỉ là một con người không bị văng ra khỏi sự vận hành tự động trực tung hay trực hoành mà thôi. Cả hai tấm bằng đại học và tấm bằng tiến sĩ vẫn chưa đủ biến ông ta thành người trí thức

Liệu G. I. Ianaiev có phải là giải pháp duy nhất. Chắc là vậy. Các ứng cử viên như ông ta có rất nhiều ở Liên Xô. Nhưng họ có thể từ chối – tình hình

trong nước “không thể tồi tệ hơn được nữa” bởi tình hình đó đã là “cực kỳ tồi tệ”. Các ứng cử viên khác với cách tư duy như thế đã có thể xử sự hoàn toàn khác những kẻ được gọi là “những nhà ảo thuật của chiến tranh lạnh” và miệt thị những ý đồ giá trị. Vậy thì G. I. Ianaiev là lý tưởng – lời tiến cử ông ta vào cương vị của nhân vật số hai trong quốc gia đã được M. X. Gorbachov đưa ra 2 giờ trước khi biểu quyết... và sự nhất trí cũng ngay lập tức được thể hiện: “Nếu Đảng chỉ thị thì...”. Có thể nói, vào chính thời điểm này, các nhà Kremli học đã có thể xoa tay – một nửa công việc đã được hoàn thành: không thể nghĩ ra được một ứng cử viên nào tốt hơn. Trả lời chất vấn của một đại biểu về sức khỏe G. I. Ianaiev đã nói một cách láu lỉnh rằng người trả lời câu hỏi đó tốt nhất chính là vợ của ông ta. Một người khác “... đã hỏi không hề châm chọc:

- Ngài có một học vấn rất rộng: nông nghiệp, luật học, sử học. Làm ơn cho biết đề tài luận văn tiến sĩ của mình, thời gian và nơi bảo vệ luận văn.

Và người cựu kỹ sư kỹ thuật nông nghiệp đã không hề máy mắt, lờng gạt cả nước và cả thế giới ngay từ diễn đàn của Xô Viết Tối cao Liên Xô:

Tôi rất vui lòng kể tên luận văn của mình. Đề tài của tôi đề cập tới chủ nghĩa Trotkis và chủ nghĩa vô chính phủ. Tôi đã bảo vệ luận văn ở Matxcova, tại Viện Phong trào công nhân quốc tế... Năm bảo vệ, theo tôi là khoảng 1976, 1977... Ta cứ coi là 1976...

Sự mơ hồ này đã kích thích nhà bình luận của “Báo văn học” là Anatoli Rubinov. Anh ta bắt đầu tiến hành tra cứu và lập tức phát hiện ra rằng không thể “coi là 1976”, vì luận án đã được bảo vệ sau đó những 3 năm. Hơn nữa, nó hoàn toàn không đề cập tới chủ nghĩa Trotkis và chủ nghĩa vô chính phủ! Do mong muốn tìm hiểu bản luận văn, người phóng viên “Báo văn học” đã tự nhiên quan tâm tới việc vị Phó Tổng thống tương lai đã trở thành tiến sĩ khi nào và ở đâu. Song tại thư viện của Viện Phong trào công nhân quốc tế, bản luận văn đó đã bị thất lạc...

Anatoli Rubinov, tuy nhiên, đã tìm thấy nó ở một nơi khác – tại phân ban của Thư viện V. I. Lênin:... G. I. Ianaiev... 1979... đã bảo vệ luận án tiến sĩ về “Những vấn đề phát triển khuynh hướng tiến bộ trong phong trào

thanh niên ở các nước chủ nghĩa tư bản phát triển (Từ cuối những năm 1960 đến nửa đầu những năm 1970)”.

Bên cạnh đó, trong suốt toàn bộ thời gian trên cương vị này G. I. Ianaiev đã không hề làm một điều gì: “Là nhân vật số hai của quốc gia, G. I. Ianaiev, như bây giờ mọi người đã rõ, thực sự không chịu trách nhiệm về việc gì”. Thực sự không thể hình dung ra một tình trạng khủng hoảng hơn trong lĩnh vực điều hành đất nước. G. I. Ianaiev dường như đã nằm ngoài phạm vi điều hành. Con người này đã im lặng, hoặc vì đã hài lòng với mọi sự và xem cương vị của mình như một sine-cura (vô lo), cho tới khi ông ta làm trò ở ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp.

Vậy là, một kẻ dung tục (cách trả lời câu hỏi về sức khỏe), kém thông minh (hành động trong thời gian ở ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp), dối trá tầm thường (trả lời về luận văn), vô công rồi nghề (khối lượng công việc thực hiện trong thời gian ở cương vị phó tổng thống), và theo cách luận giải mềm mỏng nhất là một kẻ có tâm lý thiếu tin tưởng chính bản thân mình (được biểu hiện ở đôi tay run rẩy tai cuộc họp báo duy nhất của ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp vào ngày 19/8/1991) – lại là một nhà quản lý lý tưởng. Có thể chúc mừng trước hết những kẻ âm mưu ở bên ngoài – Họ đã chọn được một phiên bản đẹp trong số những cán bộ Trung ương cao cấp nhất Xô Viết.

### **Những bước phản tiến**

“Cần dẫn lên, cần dẫn lên! Tôi không rõ thế nào, song tôi có kế hoạch...”[20]

M. X. Gorbachov.

*“Và chỉ có một số ít, rất ít người sẽ đoán được và hiểu được điều gì đang diễn ra. Nhưng những người đó sẽ bị chúng ta đẩy vào tình thế bất lực, chúng ta biến họ thành kẻ bị mọi người chê cười, chúng ta tìm cách vu oan cho họ và tuyên bố đó là thứ rác rưởi của xã hội”.*

*Allen Dalles.*

Cần phải nói rằng, toàn bộ đường lối hiện thực được xây dựng trước hết trên chống trả kẻ thù một cách khôn khéo. Những âm mưu bên trong cũng như bên ngoài quốc gia thường đeo đẳng suốt toàn bộ lịch sử chính trị, song việc khôn khéo phát hiện và chống trả lại những âm mưu đó là một trách nhiệm vô cùng to lớn của người lãnh đạo tinh tế. Thủ tướng đầu tiên của Hoàng gia Pháp và Navarra[21] là Richelieu[22], toàn bộ hoạt động của con người này luôn là những âm mưu của giới thượng lưu trong triều đình. Ông ta đã đưa ra một vài nguyên tắc mà tính cấp thiết của chúng cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị: “Không có gì cần cho việc điều hành một quốc gia bằng sự sáng suốt nhìn xa trông rộng, bởi nhờ nó mà có thể lường trước nhiều hậu quả. Cũng như một người thầy thuốc có khả năng chẩn đoán trước bệnh tật sẽ luôn được kính trọng hơn người chỉ cố gắng chữa bệnh, các bộ trưởng của quốc gia cần thường xuyên hình dung ra và nhắc nhở cho quốc gia của mình rằng việc bàn định những vấn đề của tương lai luôn quan trọng hơn rất nhiều so với những vấn đề của hiện tại. Giống như trị bệnh, đối với các kẻ thù của quốc gia, cần đối mặt tổng cổ chúng ngay khi xâm nhập. Những người có tầm nhìn xa trông rộng, không bao giờ làm điều gì khinh suất bởi họ đã suy tính từ trước, khó phạm sai lầm do đã suy nghĩ chu đáo từ trước.

Giống như con sư tử lúc ngủ, nó không bao giờ nhắm mắt để có thể sớm nhận ra những bất lợi. Những bất hạnh thường xuyên xảy ra với quốc gia, nếu nó không được thận trọng xem xét từ sự khởi đầu của mình, không suy tính sớm, sẽ trở nên nguy hại hơn rất nhiều, và chính những bất hạnh đó sẽ trở thành những vấn đề quan trọng nhất”.

Chiến thắng, như mọi người đã biết, thường xuyên được rèn luyện trong đấu tranh, và có thể nói một cách chính xác rằng các đồng chí cộng sản và các quý ngài yêu nước trong cuộc chiến giành đất nước đã bị thất bại từ rất lâu trước khi có cải tổ. Tại phương Tây, nơi chuyên nghiên cứu về hệ thống những người những người yêu nước của thập kỷ 1960-1980, cho thấy nó là một cảnh tượng khá đáng thương: chủ nghĩa cá nhân; những hành động riêng lẻ của kẻ cô độc trong sự im lặng hoàn toàn của những thành viên

khác; rất những lời hoa mỹ; sự cách biệt và thiếu vắng những mối quan hệ giữa các thành phố với nông thôn; sự thiếu chín chắn trong các chiến dịch; tư tưởng hẹp hòi của các thủ lĩnh; không có người lãnh đạo tài giỏi, và nó “xa cách với nhân dân đến mức đáng sợ”.

Đó cũng là bức tranh của những năm tháng cải tổ. Lịch sử của chúng ta, than ôi, là một sự chuyển giao đậm đặc những quan điểm bị tác động từ bên ngoài, thực sự không hề có một sự kháng cự nào – suốt 10 năm qua chúng ta đã tồn tại tựa như là người ta cho phép chúng ta tồn tại. Mọi ý đồ kháng cự đều bị đặt ngoài những quá trình hiện thực và trong nhiều trường hợp kẻ thù đã xúi giục họ tạo ra những vụ khiêu khích ảo, để sau đó chúng lần lượt giành lấy chiến thắng, còn chúng ta phải hứng chịu hết thất bại này tới thất bại khác. Tất nhiên, cũng có thể nhận ra những ý định chân thành của những người có ảnh hưởng tới quá trình, song họ lại tàn mạn và bất lực: “...Có rất nhiều người chân thành khát vọng, song họ lại hành động bằng những phương thức không phù hợp. Tính chất không phù hợp của những phương thức đó là ở chỗ ban đầu cần giải quyết được vấn đề sức mạnh, còn sau là sử dụng hệ tư tưởng, công thức, các phương tiện thông tin đại chúng”.

Vào những năm 1985-1991, những ý định đó đã không vượt quá hình thái chống đối như người ta đã từng biết tới trước đây. Chúng sơ khai và lạc hậu, hoặc không phù hợp tình hình, hoặc bị kẻ thù chi phối. Những con người cầm đầu những ý định đó đã đứng ngoài những cơ chế hiện thực của “thời tiết” chính trị, đứng ngoài tổ chức và các mối quan hệ. Họ không có những thông tin cho phép phát hiện ra những nguy cơ có thực. Hơn nữa, những con người đó, thay vì đấu tranh với kẻ thù, họ lại hành động một cách ngẫu hứng, truyền thống. Trong trường hợp này, hành động ngẫu hứng được xem như một hình thức bị động, còn đấu tranh với kẻ thù là chủ động). Những lời nói của họ không có sức mạnh. Sự kháng cự bị hạ thấp tới mức trở thành những mâu thuẫn của những cá nhân riêng lẻ, chỉ ở mức thông tin cho dân chúng về diễn biến của thảm họa.

Như một người phân tích hệ thống thực thụ, Iu. V. Bondarev, khi phát biểu tại Hội nghị Đảng lần thứ XIX, đã nói một cách chính xác rằng đất nước “giống như chiếc máy bay đã cất cánh lên không trung mà không biết liệu có sân danh cho hạ cánh”. Những điều kiện cho phép ngăn chặn quá trình cải tổ như: có một trung tâm độc lập, có một hệ thống tư tưởng mới, có thông tin và “những nhà máy tư duy” thì lại không có, chính vì thế không thể chiếm được lợi thế và không thể ấn định những nguyên tắc của mình cho cuộc chơi.

Yếu tố cơ bản nhất làm cho sự kháng cự bị thất bại là việc thiếu một trung tâm thống nhất (thường được gọi là chế độ tập trung chính trị). Ban lãnh đạo có lòng yêu nước, vốn chỉ quen hành động theo khuôn khổ cũ, cũng đã có những vị trí rất cao: trong BCHTW ĐCS Liên Xô có Bí thư O. X. Senin; trong BCHTW ĐCS Azerbaidzan có Bí thư thứ hai V. P. Polianichko; trong BCHTW ĐCS Latvi có Bí thư thứ nhất A. P. Rubiks; trong Khu ủy vùng Leningrad có Bí thư thứ nhất B. V. Gidasov; trong Xô Viết Tối cao Liên Xô có đại biểu nhân dân, Chủ tịch nhóm đại biểu “Liên bang” Iu. V. Blokhin; trong KGB Liên Xô có Cục trưởng Cục “C” (Tình báo mật), thiếu tướng Iu. I. Drozodov, có Cục trưởng Cục Phân tích thông tin KGB Liên Xô N. X. Leonov; trong Viện Công tố Liên Xô có Cục trưởng Cục Giám sát thực thi pháp luật trong KGB Liên Xô V. I. Iliukhin, ... Tất cả mà chỉ “như một”, họ đã hành động tản mạn, mỗi người chỉ theo kiểu tài tử và ngây thơ chính trị, thậm chí đôi lúc còn rất tin tưởng vào *Kẻ Phản bội Tối cao* của mình.

Đương nhiên, sự kháng cự cũng còn có cả những nguyên nhân khách quan. Song không thể nói rằng chúng ta không được biết trước. Chí ít thì cuốn sách “CIA chống lại Liên Xô” của Nikolai Nikolaievich Iakovlev đã được xuất bản lần cuối cùng vào năm 1986 với số lượng lớn. Để đến bây giờ nó chỉ còn là câu chuyện ngụ ngôn! Hơn nữa, có quá ít người có thể thấu tỏ được cái chung giữa những gì được viết với thực tiễn cuộc sống, giữa những kế hoạch nổi tiếng với quá trình cải tổ.

Một ví dụ khác. Những lời nói nổi tiếng của A. Dalles, được dẫn ra trong cuốn sách “Thách thức thế kỷ” của A. Ivanov và đã từng vang trên màn ảnh trong toàn quốc, được trích dẫn ra tại trường đại học ở Novosibirsk “Nhân vật Loxnov vạch ra chương trình phá hoại và tiêu diệt đất nước chúng ta... đưa đất nước chúng ta vào cảnh hỗn loạn...”

Dù sao, sinh viên cũng chỉ là những con người bình thường. Sau khi được nghe những đoạn trích dẫn từ cuốn sách đó, họ đã nói: Mọi sự đã xảy ra như những gì nhân vật Loxnov ước mơ. Thậm chí một số người trong họ đã nói thẳng: toàn bộ sự hỗn loạn hiện nay trong nước của chúng ta đã được lập trình. Chỉ ít thì chúng ta có thể khẳng định điều đó một cách đúng đắn...”. Vậy là chúng ta “tất cả cùng nhau” đã đi tới điểm tận cùng.

Tháng Tám năm 1991

### **Sự chuẩn bị của các phương tiện thông tin đại chúng**

Tháng 8 năm 1991 – đây chính là điểm tận cùng trong một hệ thống trước đó đã từng bị đẩy tới tình trạng cân bằng không vững chắc, chỉ cần giáng một đòn nhẹ, nhưng được tính toán chính xác vào chỗ dễ tổn thương nhất thì hệ thống đó đã lật nhào, tan vỡ. Toàn bộ “cải tổ”, toàn bộ những sự kiện diễn ra trước đó đã trở thành khúc dạo đầu cho những gì được hoàn thành trong tháng 8 đó. Tiến trình này của các sự kiện đã dẫn một loạt đại diện tinh hoa nhất của Liên Xô đi đến quyết định thành lập ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp

Không thể hiểu nổi Tháng 8 năm 1991 ở Matxcova nếu thiếu phân tích về những quá trình đã diễn ra ngay trước đó. Nó bao gồm: tháng 4 năm 1989 ở Tbilixi; tháng 1 năm 1990 ở Baku; tháng 1 năm 1991 ở Vinhius. Và điều chủ yếu lại là chưa một ai giải thích được sự thật về việc chuẩn bị và tiến hành những hành động như vậy vào thời điểm tháng 8 năm 1991. Mọi người đã chấp thuận chúng như những gì mà các đạo diễn của chúng đưa ra. Tất cả những thảm kịch đó được giải thích như là “những nỗ lực của Trung ương sử dụng sức mạnh thô bạo để ngăn chặn bước tiến của quảng đại quần chúng nhân dân trên con đường tới tự do và dân chủ”.



Để bổ sung cho dự báo về tính tất yếu của sự phục hồi cộng sản, người ta đã dần dần khai thác đề tài này trên các phương tiện thông tin đại chúng. Các nhà chính trị học như Andranik Migranian và Igor Kliamkin là những người đầu tiên cảnh báo về sự tấn công tất yếu của chế độ độc tài. Câu chuyện “Người không trở về” của Alekxandr Abramovich Kabakov (Bình luận viên của Báo “Tin tức Matxcova”) đã được xuất bản vào tháng 5 năm 1988 và đã chiếm một vị trí đặc biệt trong những người có tư duy sự kiện mẫu mực. Nó khắc họa về tình hình các cuộc chiến ở Matxcova và toàn bộ thảm họa.

Trong câu chuyện “Người không trở về” có thể liệt kê thấy cả những lời cảnh báo về những sự kiện có thật, cả những hành động khiêu khích mà giờ đây có liên quan tới “triều đình”. Về mặt nguyên tắc, điều này có thể chấp nhận được vào những năm 1990.

“- Mới đây tôi đã nghe thấy nói rằng người ta có ý định tổ chức một phong trào dân chủ, một cuộc tuần hành cảnh báo về âm mưu đảo chính quân sự. Thật ra, có ai đó đã nói rằng quân đội không đủ khả năng để thực hiện điều đó, mà chỉ có KGB – một sức mạnh đồng tâm nhất trí – mới có thể làm nổi điều này.

- Tôi cho rằng điều đó vào lúc này là chưa thể xảy ra. tuy nhiên, nếu xuất hiện một nhân vật thực sự mạnh, và tất nhiên là người bảo thủ, thì những ai định chống đối nền dân chủ sẽ đi theo nhân vật đó...”.

Sau những lời cảnh báo như vậy về nguy cơ một cuộc bạo loạn, những kẻ thù chống lại đổi thay đã bị rơi vào một cái bẫy chiến lược: Kể từ lúc đó, bất kỳ một âm mưu chống đối nào, cho dù còn non nớt và khó nhân ra đến mấy, cũng đều bị quy kết là “tiền đề” của một cuộc bạo loạn. Kể cả những sự kiện không hề có bất cứ mối liên hệ trực tiếp nào tới cuộc bạo loạn trong tương lai. Ví dụ như vào tháng 4 năm 1991, trên báo chí đã xuất hiện một bức ảnh với lời chú thích: “Những chiếc xe bọc thép chở quân (BTR) này vừa mới đây đã xuất hiện tại các doanh trại ở Chernysevsk. Những đoàn xe hàng trăm chiếc BTR như vậy đang được di chuyển tới các doanh trại khác ở Matxcova, và những người Matxcova đã nhìn thấy chúng”.

Ngay sát trước những sự kiện như vậy người ta đã nói tới việc khi xảy ra tình trạng khẩn cấp, về mặt nguyên tắc, các cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương buộc phải hành động, đồng thời lập ra CZ (một hội đồng rút gọn), trong đó phải bao gồm: Bí thư thứ nhất, Chỉ huy trưởng cảnh sát và người lãnh đạo cơ quan an ninh quốc gia bảo vệ chủ thể chính quyền.

“Một nhân vật cung cấp thông tin yêu cầu dấu tên đã giải thích rằng CZ – đó là một cơ cấu để chuẩn bị cho đất nước trong trường hợp “điều hành giai đoạn đặc biệt”. Chỉ có Chính phủ Liên Xô mới có quyền tuyên bố về giai đoạn như thế, và lý do để tiến hành “giai đoạn đặc biệt” không chỉ là chiến tranh.

CZ hành động trên cơ sở quyết định của BCHTW ĐCS Liên Xô và của Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô ngày 19 tháng 6 năm 1984, và Sắc lệnh của Tổng thống Liên Xô ngày 12 tháng 11 năm 1990, được gọi là “Về việc trao cho các cơ quan lập pháp và hành pháp của Xô Viết đại biểu nhân dân chức năng hoạch định và công tác động viên”. Một trong số báo ra vào tháng 7 năm 1991 đã đăng tải kế hoạch hành động của các cấp chính quyền cao cấp “... Khi xuất hiện tình hình nguy cấp, kế hoạch Chiến dịch “Metel” sẽ được áp dụng.

Nếu một phần chiến dịch của kế hoạch bị thất bại, người ta sẽ cầu cứu Matxcơva sử dụng kế hoạch Chiến dịch “Taifun”. Điều này có nghĩa là, tối thiểu, người ta sẽ tung ra các đơn vị Đổ bộ đường không hoặc sư đoàn mang tên Dzerzinxki. Bài báo này đã mô tả chi tiết thành phần, nhiệm vụ, quyền hợp pháp, cơ cấu của CZ ở cấp địa phương: “Trong những năm gần đây, bản thân công thức hành động trong những tình huống khẩn cấp đã thay đổi. vào cuối những năm 1950 – đầu những năm 1960, rõ ràng học thuyết chế áp quân sự đối với đám đông gây rối từng được tích lũy trong “các cuộc điều chỉnh hữu nghị” ở Đông Đức năm 1953 và ở Hunggari năm 1956 đã chiếm ưu thế. Kinh nghiệm đó đã được người ta sử dụng vào ngay nội bộ quốc gia khi đàn áp làn sóng phản đối tại Gruzia năm 1957, tại Novocherkasxk năm 1962. Cảnh sát khi đó phải kiềm chế được đám đông trước khi quân đội tới.

Từ đầu những năm 1970, sơ đồ được thay đổi. Quân đội bị đẩy xuống hàng thứ hai và chức năng điều hòa chiến dịch dần dần được chuyển sang Bộ Nội vụ. Chiến dịch như thế chủ yếu được tiến hành ở hai cấp: cấp nước cộng hòa và cấp liên bang.

Nhiệm vụ giải tán đám đông gây rối được đặt lên vai nhóm cảnh sát đặc biệt. Nó bao gồm việc chuyển các đơn vị cảnh sát từ các vùng lân cận đến những địa điểm dự báo hoặc đã xảy ra sự kiện. Ví dụ, khi xuất hiện tình huống khẩn cấp tại Alma-Ata, kế hoạch của Chiến dịch “Metel” đã được thực hiện.

Người ta đã chuyển các hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại các đơn vị đổ bộ đường không, các học viên từ các trường cảnh sát ở Novosibirsk, Taskent, Karaganda, Krasnoyarsk, Perm, Kemerovo, Irkutsk, Frunze, Barnaul, Dushanbe, Omsk tới thành phố Alma-Ata. Nếu như phần đầu này của chiến dịch không thành công, người ta sẽ cầu cứu Matxcơva và đưa kế hoạch của Chiến dịch “Taifun” vào sử dụng – các đơn vị Đổ bộ đường không hoặc sư đoàn mang tên Dzerzhinski sẽ được tung vào chiến dịch”. Bài báo trên còn đăng tải cả sơ đồ chiến dịch bao gồm phiên hiệu và nhiệm vụ của các đơn vị.

Cuối cùng, sang tới tuần thứ hai của tháng 8, trên đài phát thanh Matxcơva đã xuất hiện thông báo “... trên toàn nước Nga – trời quang mây”. Trung tâm Khí tượng thủy văn. Trung tâm Khí tượng thủy văn, như mọi người đã biết, cũng tham gia cả hoạt động tình báo và dự báo thời tiết. Trung tâm rõ ràng là một trung tâm chính trị.

### **Sự chuẩn bị có phân tích**

Nếu các phương tiện thông tin đại chúng nhằm vào toàn bộ dân chúng, thì các báo cáo phân tích được dành cho những cầu thủ chủ chốt.

Chính phía Mỹ cũng đã chuẩn bị cho sự kiện tháng 8. Cho tới nay, công luận chỉ mới biết tới một tài liệu do Mỹ soạn thảo – Phụ lục số 7, – do nó quá nổi tiếng. Có thể nhận thấy các nhà phân tích Mỹ, về mặt nguyên tắc, chưa nắm được thông tin về vai trò đích thực của M. X. Gorbachov như

một điệp viên có thể lực (do tính chất tối mật của nó), còn đối với các nhà nghiên cứu Nga hiện nay, đây lại là quan điểm cơ bản trong những kết luận của họ. Tuy nhiên, người Mỹ, ở mức độ cần thiết nhất định, cũng đã có những khuyến nghị cho các nhà lãnh đạo hàng đầu ở quốc gia mình.

Dự án “Bạo loạn” có tới hai phương án: có hoặc không có M. X. Gorbachov. Chúng ta đã biết rằng phương án đầu tiên đã diễn ra, song còn chưa biết tới phương án “không có ông ta”, cho dù đã có được thông tin từ một người thạo tin về khả năng phát triển của các sự kiện: “Trước cuộc bạo loạn khá lâu, khi tôi được người ta lần đầu tiên cho biết về kịch bản có thể của bạo loạn, tôi đã trợn tròn cả hai mắt. trong đó có cả cuộc kháng chiến trong Nhà Trắng Liên Xô; cuộc chiến ở ngoại ô Matxcơva; tập trung đấu tranh tại Piter hoặc Xvedlovsk; thành lập Chính phủ dự bị ở Pribaltik, thậm chí từ nước ngoài...; Biết bao nhiêu là dự kiến về các kịch bản của một cuộc bạo loạn. Trong đó có cả “phương án Algieri” – một nhóm quân đội sẽ nổi loạn tại một nước cộng hòa nào đó. Cuộc nổi dậy của dân chúng Nga ở các nước cộng hòa.

Dần dần, kịch bản đã phát triển tới mức, mọi diễn biến sẽ không còn bị phụ thuộc vào vai trò của Gorbachov: một cuộc bạo loạn hoặc sẽ xảy ra do các lời hứa viễn vông của Gorbachov, hoặc được ông ta chấp thuận, hoặc sẽ chống lại chính ông ta... Phương án của một cuộc bạo loạn “chống Gorbachov” được coi là thuận lợi nhất cho chúng tôi. Và chúng tôi đã chờ xem nó sẽ có diễn ra như vậy không? Tuy nhiên, chúng tôi vẫn coi phương án này sẽ đem lại một thành công to lớn. Ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp đã chọn được một phương án mà chúng tôi đã từng mơ ước – không chỉ thuần túy chống Gorbachov, mà còn cách ly được ông ta. Sau khi nhận thấy một cú chuyển bóng thuận lợi đến như vậy, Eltxin không thể không đáp lại bằng một đòn tuyệt vời... Tình hình vào những ngày này rất căng thẳng”.

Lý giải lời thú nhận này của G. X. Popov, V. X. Pavlov đã viết: “Sự thông thạo của Popov trong những vấn đề này là không thể nghi ngờ, song thái độ vô liêm sỉ của sự cởi mở thật dễ hiểu – những kẻ chiến thắng đang chia nhau vòng nguyệt quế. Ngoài ra, trong vấn đề này, tính thận trọng vẫn

không rời bỏ Popov. Ông ta chỉ hé mở ra những bí mật ai cùng đã biết, mà không hề nói tới việc ông ta được ai giới thiệu và điều quan trọng là ông ta có được thông tin từ nguồn nào; về việc những ai là người có được lời chỉ dẫn đặc biệt như thế?”.

Trong suốt thời gian do thám khắp Liên Xô, Djeremi Izrael vẫn chưa thỏa mãn với việc gọi các sự kiện bằng tên của chúng. A. A. Prokhanov nhớ lại: “Tôi nhớ tới cuộc nói chuyện tại Văn phòng báo “Den” với sếp của RAND Coporation” là Djeremi Izrael. Trên bàn để tấm sơ đồ được vẽ bằng những nét bút cầu thả. Vòng tròn “trung tâm Kremli” có đại diện là M. X. Gorbachov, vòng tròn “trung tâm song song” có đại diện là B. Eltxin, vòng thứ hai chỉ “nhà vàng” – từ đó có một nhóm cố vấn chỉ đạo nó và các vòng tròn khác. Tay người Mỹ chất vấn rằng các cố vấn cần phải làm gì để kết nối toàn bộ quyền lực từ “vòng thứ nhất” tới “vòng thứ hai”: “Trong vòng vài ngày, liệu có thể thiết lập được một tình trạng vô chính phủ để loại bỏ Gorbachov và trong bầu không khí xã hội hỗn loạn có thể phong tỏa được việc điều hành đối với quân đội, KGB và cảnh sát của Eltxin không? Điều đáng ngạc nhiên trong thái độ cởi mở đó là thông tin được phát ra từ chính một nhân vật đã một thời được coi là lãnh tụ của những người yêu nước. Điều này chỉ có thể giải thích được: hoặc vấn đề này đã được quyết định từ trước đó, nên có thể phát biểu một cách công khai như vậy cho tất cả mọi người, hoặc ở đây chỉ toàn những người được tin tưởng tuyệt đối.

Trong bất cứ trường hợp nào, kế hoạch về “trung tâm song song” vào thời điểm tháng 8 cũng đều hoàn thiện về mặt lô gíc – được tiến hành trong thực tế. Bởi “ngay từ năm 199, trong các nhóm nghiên cứu của Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ, họ đã bắt đầu thảo luận ý định về việc thành lập ở Nga một trung tâm kinh tế, chính trị toàn liên bang song song.

Vào tháng 2 năm 1991, vấn đề này đã được nhóm thân cận với Eltxin tích cực bàn định. Việc khởi thảo một kế hoạch khả thi của phương án “trung tâm” này đã được thông qua Eltxin và Xô Viết Tối cao Liên Xô. Người ta đã sử dụng những kết luận của G. Popov – một chuyên gia vừa từ

Mỹ trở về, – vào phân tích nội dung chính trị – kinh tế của trung tâm song song này.

Tại Mỹ, Popov đã có những cuộc tiếp xúc với ngoại trưởng Mỹ Biker cùng nhóm nghiên cứu của ông ta, với các chuyên gia CIA và các nhà nghiên cứu thuộc Bộ Ngoại giao Mỹ. Thành tố chủ yếu của âm mưu này là thiết lập ngay trên lãnh thổ Liên Xô một cơ chế thị trường – điều đó có nghĩa như là một thất bại không thể đảo ngược đối với “đế chế Xô Viết”.

Người ta dẫn ra những sự kiện tương tự từng xảy ra trong lịch sử: “Vào thế kỷ 16, Lord Berly – chỉ huy cơ quan tình báo Anh, cùng với nhân viên thân tín của mình là Wolsing đã quyết định ngăn chặn kỳ vọng lên ngôi của Maria Stewart. Song phải làm cách nào? Bắt giam và thủ tiêu bà ta thì không thể được. Cuối cùng, họ đã “giúp” bà ta tổ chức một âm mưu chống lại nữ hoàng Elizabeth. Họ đã gài điệp viên Giford vào tổ chức của Maria Stewart. Tay này khôn khéo kích động những người của Maria Stewart tổ chức đảo chính.

“Người người của ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp” ở thế kỷ 16, trong đó có cả Maria Stewart đã bị xử tử hình. Trong lịch sử ngành tình báo, đây là một ví dụ kinh điển về phương pháp được gọi là “đảo chính trong đảo chính”.

“Gorbachov đã thành lập ra ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp, dường như là để kiểm chế xu hướng ly khai của các nước cộng hòa. Ông ta đã tuyên bố rằng đó là một tổ chức có chức năng kiểm soát tình hình. Trong những trường hợp cần thiết, ủy ban này sẽ tuyên bố tình trạng khẩn cấp một cách hợp pháp. Các nhân vật cụ thể nằm trong thành phần của ủy ban này là: Kiuchkov, Iazov (Bộ trưởng Quốc phòng Liên Xô, Nguyên soái Liên Xô), Pugo và một số người khác. ý tưởng về sự cần thiết của tổ chức này là tập hợp một bộ phận lãnh đạo nhất trí chống lại sự tan rã của đất nước, có quyền phủ quyết và tước bỏ mọi quyền lực, cũng như những khả năng liên kết với thế giới bên ngoài. Đây chính là uẩn khúc trong khía cạnh nhân sự của sự kiện tháng tám năm 1991 và trong việc loại bỏ những nhân vật có đầy đủ khả năng và quyền hạn ngăn chặn việc Liên Xô tan rã. B. K. Pugo

và X. F. Akhromeiev – hai nhân vật kiên cường nhất trong số những người mà ta từng biết, – đã không được tham gia vào kịch bản và đã bị sát hại. Điều này đã tác động tới những đối tượng còn giấu mặt – chúng đã lo sợ. Số nhân vật thượng lưu còn lại đã phản bội lại Liên Xô và ĐCS Liên Xô. và toàn bộ thời gian còn lại cuối năm 1991-4 tháng tồn tại cuối cùng mang tính hình thức của Liên Xô, – đã khẳng định điều đó. Những nhân vật có thể ngăn chặn sự sụp đổ: hoặc bị bắt giam, hoặc đã chết. Nếu như trước đây chúng ta chưa từng biết rằng trong giới thượng lưu lãnh đạo đất nước lại có các phe nhóm như: *những người yêu nước* thiếu tổ chức đã bị giám sát; *những người có quan điểm trung lập* dần dần ngả sang phía kẻ thù của nỗ lực ngăn chặn việc liên bang tan rã; *“những điệp viên có thể lực”* và những kẻ ủng hộ tích cực cho việc hình thành các clann, thì đến lúc này, những người thuộc nhóm thứ nhất đã không còn tồn tại trong thực tế.

Sự kiện tháng 8 năm 1991 sẽ còn được tiếp tục phân tích. Rõ ràng nó vẫn chứa đựng những vấn đề bí ẩn đối với các nhà nghiên cứu, kể cả với những người phân tích ở phương Tây. Việc phân tích vụ “biến loạn” cần xác định được vai trò của các cơ quan tình báo phương Tây cũng như của các thế lực thù địch khác, những lợi ích của phương Tây và của Liên Xô cũng như mối quan hệ giữa chúng... vai trò của cuộc “biến loạn” và vì sao nó lại thất bại. Để dập tắt một đám cháy, những người lính cứu hỏa có thể tạo nên một đám cháy ngược chiều. Rất có thể, để chiến thắng một cuộc đảo chính thực sự dường như đã có thể ngăn chặn được việc đất nước rơi vào thảm họa, rõ ràng là một hành động khiêu khích đã giữ vai trò chủ đạo trong toàn bộ chuỗi sự kiện phức tạp này.

Trong quá trình chuẩn bị và soạn thảo các tài liệu, nổi lên hai nhóm nhân vật. một trong số đó đã được thành lập trực tiếp bởi nhân vật đứng đầu: “Vào năm 1991, các biện pháp đặc biệt đã trở nên vô cùng cần thiết để bảo đảm việc nâng cao sản xuất, xây dựng và cải tổ cơ cấu. Có tới 3 nhóm chuyên gia tiến hành soạn thảo kế hoạch và đều nằm dưới sự kiểm soát, điều hành của M. X. Gorbachov. Một nhóm do A. Tizakov (thành viên tương lai của ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp) lãnh đạo; một nhóm

khác do A. Miliukov (lúc đó và sau này đều là cố vấn đáng tin cậy của các nguyên thủ, các tổng thống...) lãnh đạo; nhóm thứ ba do V. Veliko – Phó thủ tướng thứ nhất – lãnh đạo.

Nhóm thứ hai nằm trong guồng máy Trung ương của KGB Liên Xô. Có thể gọi nó bằng tên của những nhân vật chủ chốt – Zizin và Egorov: “Ngày 9 tháng 12, Kriuchkov triệu tập viên thiếu tướng KGB Viacheslav Zizin – Phó tổng cục trưởng Tổng cục I (Tình báo) và Alekxey Egorov – đại tá KGB, Trưởng ban thư ký của Chủ tịch. Kriuchkov đã thừa ủy quyền của M. X. Gorbachov giao nhiệm vụ cho Zizin và Egorov soạn thảo một báo cáo về những giải pháp hàng đầu “nhằm ổn định” tình hình trong nước trong trường hợp áp dụng tình trạng khẩn cấp.

Bản báo cáo đó đã được trình lên ông ta, kèm theo là bản dự thảo sắc lệnh của Tổng thống M. X. Gorbachov và quyết định của Xô Viết Tối cao Liên Xô về việc tiến hành tình trạng khẩn cấp trong nước. Theo lời của Egorov, đồng thời với việc được M. X. Gorbachov ủy quyền, một số đồng chí khác cũng đã soạn ra tài liệu về việc áp dụng thể chế tổng thống trực tiếp tại Litva”. “Ngày 5 tháng 8, Kriuchkov cho gọi viên phó của mình là Grusko cùng với Egorov và Zizin. Pavel Grachov cũng có mặt ở đó. Tại cuộc họp này, Kriuchkov đã ra lệnh chuẩn bị thêm một bản báo cáo phân tích mang tính chất chi tiết hơn nữa cho trường hợp tiến hành tình trạng khẩn cấp trong nước. Công việc – vị Chủ tịch KGB giải thích, – cần được tiến hành tuyệt đối bí mật. Dựa vào đó, Grachov, Egorov và Zizin đã được cử tới một khu an dưỡng của Tổng cục II (Phản gián) nằm gần làng Maskino trên đường đi Leningrad để viết báo cáo. Trong bản báo cáo này những người soạn thảo cũng đã cảnh báo cho Kriuchkov rằng việc tiến hành tình trạng khẩn cấp có thể gây nên phản ứng tiêu cực trong một bộ phận dân chúng”.

Đại tá Egorov Alekxêivich Georgievich – trợ lý của Tổng cục trưởng Tổng cục II cho biết: “Lần đầu tiên tôi được điều động làm công tác soạn thảo về vấn đề tiến hành tình trạng khẩn cấp trong nước vào khoảng tháng 12 năm 1990. Vào ngày 15-16 tháng 8, Kriuchkov giao cho chúng tôi



chuẩn bị tài liệu về “Những giải pháp hàng đầu mang tính chất luật pháp, chính trị – xã hội, kinh tế cần được thực hiện trong điều kiện tình trạng khẩn cấp. Kriuchkov đã lôi từ trong cả tập tài liệu của mình ra bản dự thảo mà tôi và Zizin đã chuẩn bị trước cuộc họp, hướng về những người tham gia cuộc họp, ông ta đề nghị mọi người tìm hiểu về các giải pháp sẽ được tiến hành khi ban bố tình trạng khẩn cấp. Tôi muốn lưu ý mọi người rằng vào thời điểm diễn ra cuộc họp này tập tài liệu đó vẫn chưa được gọi là “Quyết định số 1 của ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp” mà tên gọi quy ước của nó là “Về những biện pháp cấp bách nhằm ổn định tình hình chính trị và kinh tế trong nước”.

Cho tới nay, 10 năm đã qua đi, mọi người đã biết được rằng có tới 4 phương án cho trường hợp tình hình phát triển tới mức nguy hiểm: tình trạng khẩn cấp trong nước; tình trạng khẩn cấp ở Matxcova; thể chế tổng thống trực tiếp trong nước và thể chế tổng thống trực tiếp ở Matxcova. Ngày tháng của văn kiện này là tháng 12 năm 1990.

Sau “biến loạn” tháng 8, người ta bắt đầu chuẩn bị có một cuộc “biến loạn” tháng 10 năm 1993 về vấn đề “Nguy cơ an ninh và sự cần thiết hợp tác của các nước cộng hòa” đề cập tới khả năng phục thù sự thất bại của “biến loạn” tháng 8. tài liệu này đã cảnh báo về khả năng không chỉ có một cuộc biến loạn. “Sự kiện gây chấn động trong tuần qua rõ ràng được bắt nguồn từ việc tài liệu “Nguy cơ an ninh và sự cần thiết hợp tác của các nước cộng hòa” xuất hiện công khai. Tài liệu này được soạn thảo tại Cục Phân tích KGB Liên Xô và nó phác họa nên một bức tranh âm đạm chứa đầy nguy cơ cũng như về một ngày mai tươi sáng của chúng ta.

Tài liệu này chỉ là một trong số cả đống tài liệu do các nhà nghiên cứu ở Vụ chính trị – quân sự thuộc Viện Mỹ và Canada của Viện hàn lâm khoa học Liên Xô, Viện Châu Âu của Viện hàn lâm khoa học Liên Xô, cũng như của các nhà lãnh đạo thuộc hai cục của KGB Liên Xô soạn thảo dành cho các nghị sĩ. Cục Kinh tế KGB thì cảnh báo về khả năng những cuộc khủng hoảng năng lượng ở Matxcova và những vùng xa trung tâm, còn Cục Phân tích thì cảnh báo tới khả năng phục thù của những người cộng sản.

## Những mô tip của các cầu thủ trụ cột

Hồi chuông thứ 3 của vở kịch mang tên “Biến loạn” đã vang lên vào ngày 17 tháng 6 năm 1991 tại phiên họp của Xô Viết Tối cao Liên Xô. Chủ tịch KGB Liên Xô V. A. Kiuchkov giải trình cho các đại biểu về bản báo cáo có tiêu đề “Về những kế hoạch của CIA tuyển dụng điệp viên có thể lực trong số các công dân Xô Viết” do bộ phận Tình báo đối ngoại soạn thảo trình xin chữ ký của Iu. V. Andropov. Điều này chỉ xảy ra khi sự tan rã của Liên Xô đã được ấn định. Không phải 3 ngày diễn ra biến loạn tháng 8 năm 1991, mà chính sự kiện này đã ngay lập tức được coi là bước ngoặt then chốt.

Vì sao M. X. Gorbachov chấp nhận vai trò của mình trong vở kịch tháng 8 đó, nếu kết cục của nó là một sự tự sát chính trị? Động cơ ứng xử của ông ta chỉ có thể duy nhất là: ông ta không hề nghi ngờ rằng mình phải tự bươn chải một mình. Ông ta đã quan niệm một cách sai lầm rằng trong hoàn cảnh đó chỉ một mình ông ta được lựa chọn, thậm chí còn nhận được những lợi ích chính trị xứng đáng: “Sự kiện tháng 8 năm 1991 có logic và tiền sử của nó. Nó đã được nhiều người chứ không riêng một mình Gorbachov nghiền ngẫm và chuẩn bị từ rất lâu trong đó. Bản thân Gorbachov cũng có những nguyên nhân và mở rộng riêng sâu xa của mình – duy trì và củng cố quyền lực của cá nhân ông ta bằng bất cứ giá nào. Cần phải loại bỏ nguy cơ lơ lửng trên đầu mình, xác định cho được “những kẻ tội đồ” của sự suy thoái kinh tế và của sự tan rã đất nước, tiêu diệt bất cứ thế lực nào có khả năng cản trở những kế hoạch của ông ta vào thời điểm đó”. Nỗi lo sợ của Gorbachov trên chuyến bay từ Foros trở lại Matxcơva đã được giải thích bởi chính điều này. Người ta nói với ông ta rằng toàn bộ cuộc biến loạn được nhằm để loại bỏ những kẻ thủ cựu, rằng chính vị Thủ tướng V. X. Pavlov đang yêu cầu trao cho mình nhiều quyền lực hơn. Song không chỉ tất cả những kẻ thủ cựu, mà cả chính Gorbachov cũng bị loại bỏ. Ông ta đã từng vững tin vào thành công của chiến dịch – bởi tất cả những chiến dịch nhằm làm cho Liên Xô tan rã, dù lớn hay nhỏ, từ trước đến nay đều diễn ra

thuận buồm xuôi gió, còn bản thân ông ta vẫn bình yên vô sự (*nguyên văn* – vẫn không bị ướt), và chắc rằng lần này cũng vậy.

M. X. Gorbachov đã tham gia vào cuộc chơi với chính động cơ như vậy nên ông ta hoàn toàn không hề nhận thấy đó là sự tự sát đối với vai trò của bản thân và cũng chẳng thể nhận ra việc mình bị kẻ khác lợi dụng. Đây chính là thời điểm để khẳng định rằng đánh giá ông ta như một kẻ phản bội quyền lợi của nhân dân và của đất nước là hoàn toàn công bằng, tuy chưa thật khách quan. Người đầu tiên nói ra điều này một cách công khai là V. I. Iliukhin – Cố vấn tư pháp quốc gia cấp 2 (tương đương hàm trung tướng trong lực lượng vũ trang) – người đã từng là thủ trưởng Cơ quan Tổng công tố Liên Xô về giám sát việc thực thi pháp luật trong KGB Liên Xô, ủy viên Hội đồng tháng 11 năm 1991 khởi tố vụ án hình sự chống M. X. Gorbachov theo Điều 64 (Tội phản bội Tổ quốc). Bằng cách này, ông ta đã thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân của mình. Vào thời điểm đó, đây là một thái độ được chào đón, song từ đó đến nay đã nhiều năm trôi qua, mọi sự vẫn “đóng băng” ở lời buộc tội, thứ nhất, vì nó đã mất đi tính thời sự; thứ hai, nó chỉ là đề tài để các nhà hoạt động chính trị đầu cơ.

M. X. Gorbachov, về thực chất, đã bắt đầu cuộc chơi vào lúc hoàng hôn của con đường công danh chính trị, mà không hình dung hết mọi sự phức tạp của nó. Thậm chí, ông ta còn cho rằng nếu lần này trở thành nhân vật số một trong nước, thì vai trò số một đó sẽ là mãi mãi trong mọi lĩnh vực. Ông ta đã không để ý rằng vẫn có những khả năng buộc ông ta trở lại tình trạng trước đây. Ông ta còn cho phép mình đề cập tới việc từ Foros trở về phiên họp của nghị viện Nga: “Dù thế nào, tôi cũng không thể nói ra toàn bộ sự thật cho các bạn”. Câu nói này có thể hiểu theo hai nghĩa: bản thân ông ta khi đó và đến bây giờ cũng không được biết toàn bộ sự thật.

Những gì liên quan tới lời buộc tội tội ông ta phản bội, theo tôi, là việc đưa ra một nhận xét đáng ngờ cho hàng triệu quần chúng và việc sử dụng nhận xét đó làm chứng cứ là thiếu cơ sở khoa học (thậm chí là phi đạo đức). Tất cả những gì được đề cập tới trong cuốn sách này đều xét theo quan điểm hệ thống, và cần phải nói rằng M. X. Gorbachov đã từng làm

nhiều việc trong lĩnh vực đối ngoại gây tổn thất cho Liên Xô, trong đó ông ta đã chấp thuận mọi điều kiện, mọi quan điểm ngoại trừ những gì liên quan sâu sắc tới quyền lợi cá nhân. Ông ta đúng là một nhân vật nổi bật nhất đại diện cho rất nhiều kẻ tương tự ông ta trong giới thượng lưu ở Liên Xô. Tuy nhiên, đa số các tác giả từng viết về M. X. Gorbachov vào thời kỳ này mới chỉ đánh giá ông ta theo quan điểm đạo đức, tình cảm mà thiếu sự phân tích thật thấu đáo. Bởi, nếu còn nhớ tới thời kỳ này, có thể nhận thấy rằng liên quan tới diễn biến của cải tổ còn có hàng triệu người đã từng bỏ phiếu thuận trong cuộc trưng cầu dân ý vào ngày 17 tháng 3 năm 1991 về việc phá tan Liên Xô. Còn những con người thực sự kiên quyết bảo vệ việc duy trì liên bang lại có quá ít. Chỉ có số ít người này có đủ thẩm quyền đạo đức để đánh giá vấn đề này. Hãy để cho những người này và chỉ có những người này mới có thể ném những viên đá đầu tiên vào sự kiện. Bản thân tôi cũng không thể nhận lãnh được vai trò này.

Số phận “hậu liên bang” của M. X. Gorbachov đã được định đoạt và đó là số phận không thể lựa chọn. Nếu có theo kịch bản của những bộ tham mưu “cải tổ” ở nước ngoài, thì việc loại bỏ ông ta vẫn là điều cần thiết và họ đã làm chứ không chỉ là suy nghĩ. Điều này cần được hiểu cho chính xác và tất cả những người đã có một thời đồng ý với vai trò “bắt cá cả hai tay” phải hiểu. Cái duy nhất trong khi thực hiện các kịch bản là bảo đảm mạng sống cho những nhà chính khách đã từng giữ vai trò hai mặt – Tổng thống Liên Xô M. X. Gorbachov, Phó Tổng thống Liên bang Nga A. V. Rutxkoi, Chủ tịch Xô Viết Tối cao Liên bang Nga R. I. Khasbulatov, chứ nó không nói rằng nếu có lần sau, thì theo kế hoạch, không cần phải có “tù nhân ở Foros” mà cần một kết cục đẫm máu. Như vậy là số lượng “những bí ẩn chết người” sẽ tăng theo tỷ lệ tương xứng. Vậy thì, “những ngài chính khách”, trước khi đeo mặt nạ cho mình để chơi trò hai mặt, hãy nghĩ cho chín rằng ai sẽ là người lật bỏ chiếc mặt nạ đó.

Có một điều đáng chú ý là M. X. Gorbachov đã không có đủ học vấn chính trị cần thiết để tiếp thu được những nhạy cảm trong điều hành. Nếu

có được nhạy cảm đó, có thể ông ta sẽ vững vàng hơn những người bạn Mỹ trong trò chơi chính trị.

Vốn là người tiếp thu một cách cảm tính và theo cách đó điều hành những người có học vấn và có thông tin, nên ông đã không xác định được cho mình một con đường tối ưu nhất. Nếu ông ta biết cách nhìn nhận các quá trình, các sự kiện theo chiều ngược lại thì ông ta không thể có những hành vi và phản ứng cá nhân như thế trong một bức tranh dự báo toàn cảnh, và chỉ khi đó ông ta mới hoàn toàn có thể duy trì được vị trí quyền lực của mình.

Cần phải nói rằng cả *V. A. Kriuchkov*, cũng như *M. X. Gorbachov*, đã cho rằng mình sẽ thoát hiểm. Đối với nhân vật này, người ta cũng dành cho ông ta một giả thuyết làm yên lòng: “Mọi người sẽ phải trả giá, trừ ngài. Chúng tôi vẫn cần tới ngài”. Theo phương pháp loại suy này, có thể thấy rằng người ta cho *V. A. Kriuchkov* về vườn cũng chính vì bởi ông ta đã không đủ tinh táo để nhận ra âm mưu. Cũng do “thất bại” với Vilnius mà vị Phó chủ tịch thứ nhất KGB Liên Xô là Đại tướng *F. D. Bobkov* đã phải về vườn (Phóng viên *E. M. Albats* của báo “*Tin tức Matxcova*” đã khẳng định rằng việc *F. D. Bobkov* phải về vườn là có cơ sở bởi chiến dịch ở Vilnius không được thuận lợi. Còn bản thân *F. D. Bobkov* lại khẳng định rằng việc cho ông ta về vườn xảy ra vào năm 9 tháng 1 năm 1991, trong khi sự kiện nổi tiếng ở Vilnius đến tận ngày 13 tháng 1 năm 1991 mới xảy ra).

Sự tráo trở vốn là bản tính của mọi âm mưu và nó là bảo đảm cho mục tiêu của âm mưu. Bản thân *V. A. Kriuchkov*, chỉ cùng với khán giả biết được vào cuối vở kịch, khi ông ta đã ở trong nhà tù Lefortovo.

Động cơ của *G. I. Ianaiev* vào thời điểm đó cũng đơn giản và dễ hiểu: sử dụng sức mạnh thô bạo như của loài chó nòi bulldozer để chống chọi lại một cuộc tấn công có định hướng rõ ràng và được tổ chức tốt. Tuy nhiên, hương tấn công đã được lựa chọn hoàn hảo, còn sức mạnh của nó đủ để biến các phản ứng kháng cự, cho dù đúng đắn, biến thành sự tự sát. Rõ ràng chỉ còn con đường đàm phán với những nhân vật thượng lưu của các khu vực là ít xung đột hơn cả. Tuy nhiên, việc tiến hành một đường lối được suy tính

thận trọng, có định hướng, có kế hoạch từ trước lại nằm ngoài khả năng trí tuệ của ngài Phó Tổng thống Liên Xô. Sự thiếu vắng một trí tuệ chính trị mãi tiếp của ông ta đã tạo ra một ngưỡng lạc hậu – ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp đã tỏ ra bất lực trong việc kiểm soát các sự kiện. Thay vì phục hồi các chức năng tái sản xuất và bảo vệ của đất nước, quy mô tan rã đã diễn ra ở mức sau đó Liên Xô suốt một thời gian dài không thể phục hồi được trong bất cứ lĩnh vực nào.

Dường như không có một ai, ngoài *B. N. Eltxin* lại quan tâm đến cái giá của cuộc khủng hoảng chính trị tháng 8. Ông ta không chỉ thoát hiểm, mà còn đạt được điều mong ước của mình đến mức ấy – toàn bộ quyền lực đã chuyển vào tay ông ta.

*A. I. Lukianov* là người luôn luôn ủng hộ một cách toàn diện đối với mọi sáng kiến của *M. X. Gorbachov*. Về phần mình, *M. X. Gorbachov* cũng luôn luôn ủng hộ toàn diện đích thân *A. I. Lukianov*. Đây là hai con người luôn cùng nhau hành động, đi đâu cũng có nhau và rất cần đến nhau. Chính vì vậy mà *A. I. Lukianov* mới có thể liều mạng lao vào mọi cuộc phiêu lưu chính trị cùng với kẻ đồng sàng của mình vì ông ta luôn có thể tin chắc rằng *M. X. Gorbachov* sẽ ủng hộ.

Điều ông ta đã lãng quên là ngoại trừ mối quan hệ “lịch sử” đặc biệt này, vẫn còn nhiều, rất nhiều yếu tố khác mà ông ta không tính tới, đó là chính *M. X. Gorbachov* cũng bị điều khiển, bản thân ông ta cũng bị rơi vào bẫy. “Nước lụt thì lụt cả làng”. Đây cũng là điều thường thấy trong đời sống chính trị hiện thực. Và cũng chính vì vậy mà *A. I. Lukianov* mới có thể yên tâm đi nghỉ tại *Valdai* mà không hề ngờ rằng những tác giả khác của vở kịch, chứ không phải là người bạn đồng sàng, đã thu xếp vai trò của mình.

Tình cảnh trở trêu như vậy cũng đã xảy ra với người trợ lý suốt đời trung thành, gần gũi với Tổng bí thư là *V. I. Boldin*.

Điều bất ngờ đối với chính mình, viên Tư lệnh Bộ đội đổ bộ đường không, Thượng tướng *P. X. Grachov* là một trong số những nhân vật hành động chủ chốt nhất cho dù ông ta không có được sự tin cậy đặc biệt của các tác giả kịch bản. Sự khởi đầu phần trò chơi của ông ta được tính từ giai

đoạn KGB đang soạn thảo kịch bản cho ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp. Vào giai đoạn hai của công việc này, ông ta là người thứ 3 tham gia vào nhóm công tác của Zizin – Egorov, khi họ cần tới một viên tư lệnh của Bộ đội Đổ bộ đường không có khả năng tung quân của mình vào bất cứ đâu nhằm đánh chiếm vị trí then chốt “bằng một trung đoàn trong vòng hai giờ”, cho dù đây là một sức mạnh thô bạo vốn không phù hợp với những chiến dịch nhạy cảm.

KGB đã gia công P. X. Grachov một cách khéo léo đến mức chính ông ta cũng bất ngờ – người ta cho ông ta biết mọi âm mưu của chiến dịch, tác động tới vai trò của ông ta sao cho để chính ông ta sau đó tự nhận thức được đó là những mệnh lệnh của ai và ông ta cần thực hiện chúng thế nào, còn những mệnh lệnh nào thì có thể lờ đi. Và tới khi B. N. Eltxin gọi điện cho ông ta vào buổi sáng thì việc quyết định phải lệ thuộc vào ai – vào Tổng thống đầu tiên của Liên bang Nga B. N. Eltxin hay vào Bộ trưởng Quốc phòng D. T. Iazov – ở ông ta “đã chín muồi”. Kinh nghiệm từng trải của nhà tình báo tất nhiên thiên về nhân vật đầu tiên, lỡ có bị phán xét về tội không tuân lệnh hay “hiểu sai mệnh lệnh” cũng chỉ bị ở mức tối thiểu. Như bất cứ một ai khác, P. X. Grachov không thể thả mồi bắt bóng (*nguyên vãn* – ưu tiên giữ những quả táo còn nằm trong giỏ). Nếu như ngoài những gì đã đề cập ở trên vẫn còn có phương án thứ 3, thì đó là vì ông ta còn tính đến lợi ích của bản thân... “Không một kẻ nào đưa xe tăng tới Nhà Trắng mà không nhằm bảo vệ hay tấn công. Điều đó hoàn toàn không cần thiết. Mà cũng không có mệnh lệnh như thế. “Trung thành với lời thề quân nhân”, P. X. Grachov lúc đầu đã tích cực tham dự các cuộc họp với Iazov, nhưng ngay sau đó lại gọi điện báo cáo với Eltxin. Họ quá hiểu nhau. Khi Boris Nikolaievich (Eltxin) được bầu vào nghị viện, ông ta đã từng ở Pskov, nơi P. X. Grachov đang làm Tư lệnh sư đoàn Bộ đội Đổ bộ đường không. Rõ ràng họ đã từng ngồi chung một bàn... Nếu B. N. Eltxin thắng lợi, P. X. Grachov là người đầu tiên tới giúp ông ta bao vây ổ kháng cự”.

Chúng tôi đã nêu lên những nguyên nhân hành động của các nhân vật đã tham gia trực tiếp hay gián tiếp vào ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp.

Động cơ của viên Bí thư BCHTW ĐCS Liên Xô O. X. Senin thì lại khác: không tham gia vào cuộc bạo loạn dưới bất cứ hình thức nào, thậm chí còn tránh các thành viên của ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp càng xa càng tốt. O. X. Senin chỉ giữ duy nhất một cương vị bên đảng và ông ta không hề muốn làm tổn hại thanh danh của bản thân cũng như của BCHTW trong trường hợp thất bại có thể xảy ra. Tuy nhiên điều đó đã không cứu được đảng khỏi tan rã, không cứu được một trong những bí thư của đảng khỏi bị giam cầm. Ý nguyện của O. X. Senin thậm chí còn lớn tới mức: “Ông ta đã cùng những đại diện của ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp bay tới Foros. Song ông ta không tới gặp Tổng thống mà gặp Tổng Bí thư. Những ngày tháng cuối cùng này O. X. Senin đã thực sự là nhân vật số 2 trong đảng. Thay cho Ivasko thường xuyên bệnh tật, ông ta là người điều khiển các phiên họp của Bộ Chính trị và Ban Bí thư...”

Vào đêm 18 rạng sáng ngày 19 tháng 8 năm 1991, O. X. Senin đã gặp Kravchenko (Chủ nhiệm ủy ban quốc gia về phát thanh và truyền hình để trao cho người này nhiệm vụ công bố các văn bản của ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp. Vai trò của ông ta trong cuộc biến loạn rõ ràng đã thay đổi. Nhưng vào những ngày cuối cùng, ông ta lại đứng ngoài cuộc. Sự gần gũi cũng như thái độ xa lánh của ông ta đối với các thành viên của cuộc biến loạn, rõ ràng, không phải là ngẫu nhiên.

Đó là những nét tóm tắt về những nguyên nhân đã buộc các cầu thủ chủ chốt tham gia vào một âm mưu chính trị, tuy nhiên những chủ nhân thực sự của tình hình lại là những kẻ hoàn toàn khác. Chính họ mới là kẻ điều khiển những chính khách này như những quân cờ. Họ đã đồng thời chơi cả quân trắng lẫn quân đen. Chính vì vậy mà kết cục đã được biết từ trước. Giống như lời một nhân vật trong phim “Kẻ bép xép” do nghệ sĩ Andriano Selentano thủ vai, đã nói trong trường hợp như thế: “Đặt cửa vào “đen”, đặt cửa vào “đỏ” – rồi tất cả là “zero”!”.

Những con tốt chính trị trong ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp đã không thể cảm nhận thấy điều kỳ ảo nhất của toàn bộ cuộc chơi mà chính họ là những kẻ chủ động và là tác giả của kế hoạch này.



Toàn bộ 3 ngày của tháng 8 đó ở Matxcơva đã tạo nên một âm hưởng là cuộc chơi đã kết thúc trong thời gian ngắn nhất, toàn bộ đất nước và chế độ Xô Viết đã bị rơi vào vực thẳm. Kể từ đó người ta không cần phải sáng tạo thêm một đòn hủy diệt nào nữa. Từ mùa xuân năm 1991, không một ai và không một điều gì có thể cứu nổi Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết...

## **Bí ẩn cái chết của Pugo và Akhromeiev**

*Nói chung, phải công nhận rằng số phận đã không hậu đãi các quân nhân cao cấp Liên Xô. Nếu số phận đã không để họ bị trúng đạn trong các cuộc chiến, thì thật ngớ ngẩn lại tùm lầy họ trong “thời bình”. Những người chỉ huy cao cấp như: Grigori Ivanovich Kotovxki[23], Ian Fritxevich Fabritius[24], Nikita Erastovich Berzarin[25], Xergei Xemenovich Biriuzov[26] đều bị chết trong những hoàn cảnh không thật rõ ràng. Đó là chúng tôi đã không dẫn ra “những bí ẩn” trong khoảng thời gian của những năm 1937-1956.*

### *Pugo*

Bộ trưởng Bộ Nội vụ Liên Xô, ủy viên Hội đồng Quân sự Quân khu Matxcơva, Thượng tướng Boris Karlovich Pugo trong tháng 8 năm 1991 đã bị thất sủng vì chính sự thật mà ông được biết. Một ngày trước khi qua đời, ông đã nói về M. X. Gorbachov đúng như sau: “Ông ta đã phản bội tất cả chúng ta! Thật đáng giận là ông ta đã mua đất và bán rẻ tất cả đến như vậy!”.

Theo giả thuyết điều tra, chính ông bố vợ già nua, bán thân bất toại đã gỡ lấy khẩu súng từ tay kẻ tự vẫn và đặt lên bàn.

Con trai và cũng là người chứng kiến – Vadim Borixovich Pugo, – khẳng định: “Tôi không hề nghi ngờ rằng chính họ đã làm điều đó. Nhưng tôi tin rằng người ta đã buộc họ làm điều đó.

Bố tôi bay từ Krym đến Matxcơva vào chiều ngày 18 tháng 8. Ông nghỉ tại nhà an dưỡng “Iuznyi” nằm ngay bên “Foros”...

Bố tôi lập tức đi ngay theo điện của Kriuchkov. Tôi đã không gặp được ông từ ngày 21 tháng 8 khi ông đến chỗ ông ta để làm việc. Tôi đã hỏi ngay xem chuyện gì đã xảy ra. Ông nói:

- Ta về nhà. Hôm nay bố không có việc gì để làm ở đây cả.

Tại nhà, có vài cuộc điện thoại gọi cho ông. Còn tới đêm thì mọi liên lạc đã bị gián đoạn, chỉ còn lại duy nhất đường điện thoại nóng có khả năng chống được tác động của vũ khí hạt nhân. Từ sáng, các đường điện thoại thành phố đã ngừng hoạt động. Người ta đã không thể cắt được điện thoại nội bộ của bên cảnh sát. Chiếc điện thoại này đã có vài cuộc gọi tới trong buổi sáng. Các viên phó chỉ huy của bố tôi, trong đó có Erin, người sau đó vài ngày đã trở thành Bộ trưởng Bộ Nội vụ, và một vài người khác. Tôi không thể nói ai trong số đó đã nói gì để buộc bố tôi phải tự tử. Chỉ có Cục Kỹ thuật KGB nắm được nội dung các cuộc điện đàm đó, bởi vào giai đoạn đó họ luôn nghe trộm các cuộc trao đổi của ông...

Vì sao ngay từ đầu đã có những mối nghi ngờ về vụ tự tử này? Người ta tìm thấy bố tôi bị chết trên giường, còn khẩu súng lại nằm ở ngăn bàn nhỏ cách đó khá xa. Stepankov và nhóm điều tra của anh ta khi đó đã đưa ra nhiều giả thuyết khác nhau, song tất cả bọn họ đã nhìn thấy những điều không đúng với sự thật. Tôi cũng không thể tìm được lời giải thích. Mãi một năm sau này, một ông già 89 tuổi, khi đã vào nằm tại bệnh viện tâm thần, mới nói cho tôi về chuyện gì đã xảy ra. Sau khi nghe thấy tiếng súng, chính ông đã vào phòng: “Vô cùng hoảng sợ, tôi đã gỡ lấy khẩu súng từ trong tay Boris và để nó vào ngăn kéo”. Một bí ẩn sạch sẽ!

*Akhromeiev*

Nếu sự kiện tự sát của B. K. Pugo có cái gì đó giống như thật, thì trong trường hợp của viên cố vấn cho Tổng thống Liên Xô về quân sự, Nguyên soái Liên Xô X. F Akhromeiev có nhiều dấu hiệu trực tiếp của một vụ sát hại: “Vụ tự sát” của Nguyên soái Liên Xô X. F Akhromeiev lạ lùng tới mức phi lý – bị treo cổ ở tư thế ngồi trong lần cố gắng “tự tử” lần thứ hai. Điều này xảy ra sau khi Nguyên soái chuẩn bị xong bài phát biểu của mình trước

Xô Viết Tối cao nhằm kêu gọi các đại biểu nỗ lực ngăn chặn sự tan rã của quốc gia”.

“Các con gái của ông nói rằng, sau những ngày đầu tiên, trạng thái trầm uất đã qua, bố tôi tỏ ra sáng khoái, ông muốn kêu gọi những người cộng sản cố gắng cứu Liên bang khỏi sự tan rã. Sáng ngày 24 tháng 8, khi ông rời nhà đến nhiệm sở, đứa cháu ngoại đòi ông cho chơi đu! Ông đã trả lời: “Khi ông đi làm về, ông cháu ta sẽ chơi đu”. Tôi không bao giờ tin rằng ông rời nhà để chết.

Ông đang chờ tôi gọi điện cho ông. – Tamara Vaxilievna Akhromeieva, vợ góa của nguyên soái nói. – Ông còn dặn các con gái gọi điện cho mình khi máy bay của tôi cất cánh. Chúng đã gọi cho ông lúc 9h 30 và nói rằng mẹ đã bay. Vậy mà chỉ sau đó 10 phút, theo giả thuyết chính thức, ông đã tự sát. Liệu có thể tin nổi điều đó không?

Tôi không thể tin rằng chính ông đã làm điều đó và bằng cách dã man như thế...”.

Khi khám xét phòng làm việc của ông, người ta đã phát hiện rằng nguyên soái đã kết liễu đời mình trong lần nỗ lực thứ hai. Lần thứ nhất, sợi dây vốn dùng để buộc giấy tờ đã bị đứt... Và ông đã phải dùng một phương tiện kém hiệu quả hơn – một sợi giây nhỏ hơn...

### **Bí ẩn cái chết của Kruchina và những người khác**

Trong chương này, cuối cùng, chúng tôi sẽ đề cập sát hơn tới vấn đề vì sao người ta đã âm mưu và sáng tác ra toàn bộ trò “cái tổ” này. Đó là vì tiền. Rất nhiều tiền. những đồng tiền điên loạn. Đó là hàng tấn vàng và hàng cân kim cương. Vì chúng mà đã biết bao người phải từ giã cuộc sống.

“Vào hồi 5<sup>h</sup> 26, ngày 26 tháng 8, viên cảnh sát trực bảo vệ khu nhà ở ngõ Plotnikov nghe thấy tiếng động lạ. Một người đứng tuổi đã rơi từ tầng 5 xuống đất. Do “hấp tấp”, ông ta đã làm tung ô cửa sổ và ngã từ trên đó xuống. Thật sững sốt khi biết được người đã “hấp tấp” đến vậy là Kruchina – Chánh Văn phòng BCHTW ĐCS Liên Xô, ủy viên BCHTW ĐCS Liên Xô, đại biểu nhân dân.

Từ thời Andropo cho đến những năm gần đây, ông ta đã từng là Chánh Văn phòng BCHTW ĐCS Liên Xô. Ông ta không phải là người biết nhiều, mà là biết tất cả mọi chuyện! Đặc biệt là về giai đoạn cuối cùng. Theo báo cáo đánh giá của L. Vexelovxki, một nhân viên KGB Liên Xô “Về những biện pháp bổ sung nhằm củng cố và sử dụng có hiệu quả tài sản của Đảng”: “Số tiền nộp vào quỹ đảng dưới dạng thu nhập và không được thể hiện trong các sổ sách tài chính, cần phải được sử dụng để mua những cổ phần vô danh, quỹ của những hãng lẻ, những xí nghiệp, ngân hàng, một mặt nhằm bảo đảm nguồn thu độc lập với tình hình tiếp theo của Đảng, mặt khác các cổ phần đó có thể được bán đi để phân phối vốn trong các lĩnh vực khác nhằm mục đích từ bỏ trách nhiệm can dự của Đảng, nhưng vẫn duy trì được quyền kiểm soát...”.

“Vào đầu tháng 4 năm 1991, Bộ Nội vụ Liên Xô nhận một thông tin đáng chú ý rằng có một nhóm người, trong đó có những người rất có tiếng tăm, đang tìm kiếm những con đường an toàn để chuyển tiền của ĐCS Liên Xô ra nước ngoài. Theo nhiệm vụ được phân công, Viên chỉ huy Xemenikhin (tên họ của một số nhân vật đã được thay đổi), vốn biết khá nhiều về những công việc đen tối của những kẻ đang nắm trong chính quyền, đã coi đó là một thông tin rất có giá trị. Để làm sáng tỏ các chi tiết của chiến dịch, Xemenikhin đã quyết định sử dụng cộng tác viên ở đơn vị của Oleg Koselov...”

Liệu đến bao giờ chúng ta được biết trong quỹ đen của ĐCS Liên Xô có bao nhiêu tiền. Điều rõ ràng là quỹ đó không chỉ có đảng phí và lợi nhuận từ những hoạt động xuất bản. Liệu có ai dám nói rằng Bộ Chính trị suốt 70 năm qua đã biến thủ từ dự trữ vàng của đất nước? ĐCS Liên Xô đã giúp đỡ các đảng anh em và những chế độ độc tài ra sao? Bao nhiêu tài sản thu được sau cách mạng đã biến đi đâu?...

Trong năm 1991, tại 3 thành phố lớn của Nga đã xuất hiện gần 10 ngân hàng thương mại. Không một ai có thể nghi ngờ các ông chủ ngân hàng dân chủ có mối quan hệ với ĐCS Liên Xô. Vậy mà mối quan hệ đó là có thật.

Tiền của ĐCS thông qua các xí nghiệp, các tổ chức đã như nước đổ vào chính các ngân hàng này...

Các ngân hàng “của đảng” đã hoạt động theo sơ đồ như sau: *Một là*, chúng tài trợ cho các quỹ, các hãng, các chiến dịch của những người được tin cậy. Các cơ cấu này lợi dụng mối quan hệ với những người lãnh đạo đã nhanh chóng đủ lông đủ cánh. Phần đông trong số đó cho đến nay vẫn còn thịnh vượng. *Hai là*, các ngân hàng này đầu tư linh hoạt vào những xí nghiệp nhỏ, các công ty con, mà trong đó thường có tới 2-3 người của đảng. Số tiền thu được chung mua ngoại tệ và chuyển ra nước ngoài... Sau một thời gian, các xí nghiệp nhỏ đó phá sản. Tiền không thu hồi lại được...

“Những gì ta biết được chỉ là phần nổi của tảng băng. Vào tháng 8, trước cuộc biến loạn không lâu, tôi đã nghỉ tới 10 ngày cùng với một người có rất nhiều tài liệu về “quỹ” bí mật. Nhà tài chính này đã được biết về một cuộc đảo chính sắp xảy ra và anh ta có vẻ rất căng thẳng. Đã có đêm anh ta uống đến say mèm. Chỉ qua vài ngày mà tóc anh ta đã bạc cả. Trong số tài liệu đó có tên các ngân hàng, số tài khoản, và điều chủ yếu là có danh tính của 8 người, các thành viên đã từng giám sát toàn bộ chiến dịch.

... Ngày 18 tháng 8, khi tình trạng khẩn cấp được ban bố trong cả nước, chính quyền đã thuộc vào ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp. Cả Xemenikhin và Koselov nghe như sét đánh ngang tai: người đứng đầu nhóm tài chính bí mật là người nhà của một thành viên trong ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp...”.

Nếu như có những nhân vật được che đậy dưới các tên giả, thì Kruchina, Pavlov (kẻ tiền nhiệm của ông ta) và Lesovolik (một cộng sự khác) đã bị phát giác. Tất cả những người này đã chết trong những người loạn lạc đó như những nhân chứng nguy hiểm: “Sát trước cuộc biến loạn, toàn bộ số tiền đó đã được bí mật chuyển ra nước ngoài.

Người ta cũng biết đến việc Vladimir Orlov – cựu Bộ trưởng Tài chính Liên Xô – đã bí mật sang Thụy Sĩ. Ông ta đã bỏ qua mọi nguyên tắc của nghi thức ngoại giao để đến thăm nhiều ngân hàng nổi tiếng với tư cách là khách hàng ẩn danh (Inkognito)”.

Tác giả bài viết trên là phóng viên Mikhail Gurtovoi. Ông ta đã từng là Chủ tịch ủy ban tìm kiếm “vàng của đảng”...

## **Bí ẩn cái chết của những nhân viên mật vụ**

Đến lúc này, tình trạng của các cơ quan an ninh như KGB và Bộ Nội vụ là không còn đủ sức bảo vệ đất nước nói chung và cho chính mình nói riêng. Chính xác hơn thì tình trạng bất lực này đã được bắt đầu từ trước đó.

Sĩ quan tình báo Molodoi. “...Chuyện xảy ra ở Medyni, cách Matxcơva 200 km. Bố mẹ tôi cùng với gia đình một người bạn là phi công lái máy bay thử nghiệm Vladimir Romanenko và vợ ông ta là Mila tới đó hái nấm. Lúc chiều xuống, họ cùng nhau ngồi bên đống lửa, vui vẻ trò chuyện. Bất chợt, bố tôi thấy khó thở. Sau khi nôn thốc ra thì ông bất tỉnh. Chú Volodia đã phải đưa bố tôi tới một trạm xá xã. Tại đó, bác sĩ trực chẩn đoán rằng ông bị một cơn đột quỵ và bị liệt nửa người bên phải. Đến ngày 9 tháng 10 năm 1970, ông đã mất trong tình trạng bị hôn mê. Điều đáng ngạc nhiên là vào ngày 13 tháng 10, hầu hết các báo nước ngoài đều thông báo về cái chết của một sĩ quan tình báo Liên Xô nổi tiếng, còn trong nước chúng ta chỉ có đăng một bản cáo phó trên báo “Sao đỏ” ra ngày 16 tháng 10. Rõ ràng là có nhiều người đã thuận tình như vậy...”

Sĩ quan tình báo Kavernev. “Vào đầu những năm 1980, có tới 3 tình báo viên Liên Xô đã chết trong những hoàn cảnh rất bí ẩn tại Mỹ, trong số đó có phóng viên truyền hình nổi tiếng Kavernev đã chết trong thời gian đi công tác ở Afghanistan. Cái chết của cả ba người đã xảy ra vì một nguyên nhân đơn giản là họ đã hoàn thành quá xuất sắc nhiệm vụ của mình khi họ báo cáo lên KGB những thông tin về số điệp viên có thể lực ở Liên Xô. Và phần thưởng dành cho họ là mệnh lệnh: Thủ tiêu!”

Orlov – điệp viên của tình báo Liên Xô. Thiếu tá KGB Liên Xô Orlov Mikhail Evgenievich (nguyên là Glen Michael Sowter – công dân Mỹ) đã qua đời ngày 22 tháng 6 năm 1989 ở tuổi 32.

Leonid Nikitenko – một cán bộ lãnh đạo cơ quan phản gián đã đột ngột qua đời vào năm 1991 trong thời gian lưu trú tại Braxin. KGB, do nghi ngờ

ông ta bị giết, đã đề nghị CIA Mỹ điều tra vụ việc này. Thông qua các mối quan hệ trong Chính phủ Braxin, CIA đã phát hiện ra Nikitenko chết do bị nhồi máu cơ tim.

“Khi có dấu hiệu nghi ngờ về việc có ai đó đã hành động không đúng luật chơi, chúng tôi đã liên hệ với CIA và đã làm rõ những vấn đề này. – Sebarsin, cựu lãnh đạo tình báo KGB nói, – Người của chúng ta, Nikitenko, đã ra nước ngoài trong một thời gian ngắn và bị chết tại đó. Chúng tôi đã phải kiểm tra để khẳng định đó là chết do bệnh tật hay do có ai đó phạm luật chơi. Chúng tôi đã nhận được thông tin từ các đồng nghiệp Mỹ rằng họ không hề nhận thấy bất cứ một nghi vấn nào về việc chơi phạm luật và họ cũng bác bỏ mọi nghi ngờ về việc họ có liên quan đến cái chết này. Tôi tin như vậy và đã cảm ơn họ”.

Vì sao người ta đã không kiểm chứng thông tin từ phía Mỹ? Không hề nghi ngờ về độ tin cậy của những thông tin như vậy?

*Phó chỉ huy thứ nhất của Tổng cục Tình báo Bộ tổng Tham mưu Liên bang Nga, Thiếu tướng Không quân Guxev. “Ngày 1 tháng 12 năm 1992, nhân viên lái xe của Guxev đã chở ông và vợ ông tại cổng ra vào. Do hết thuốc lá, anh ta đã bỏ đi chừng 2-3 phút. Vào thời điểm đó, một thanh niên (theo biên bản ghi lại) người gốc Kavkaz, đã xuất hiện cạnh chiếc “Volga”. Kẻ lạ mặt đã dùng chìa khóa riêng để mở cửa xe và xịt một chất gì đó lên vô lăng. Sau đó, hắn ta thận trọng đóng cửa xe và biến mất.*

20 phút sau, chiếc “Volga” chở Guxev đã ra tới đường vành đai của Matxcơva. Tại km số 74, người lái xe đột ngột bất tỉnh, chiếc xe đã lao vào một chiếc “Ziguli” của hai người đi ngược lại. Cả Guxev và hai nạn nhân còn lại đã bị chết”.

## **Phụ lục chương 4**

*Những cuộc tranh chấp và xung đột lãnh thổ – sắc tộc chủ yếu ở Liên Xô.*

Phân loại những nguyên nhân cơ bản của xung đột:

A – thay đổi đường biên giới.

B – cách ly các nhóm sắc tộc tương ứng trong quá khứ hoặc hiện tại.

C – bao gồm cả A và B.

D – thay đổi trong quá khứ về quy chế tự trị hoặc về tính chất lãnh thổ – quốc gia.

E – thống nhất lịch sử, sắc tộc và (hoặc) kinh tế.

F – bao gồm cả B và E.

G – khôi phục hoặc đàn áp ý thức giác ngộ dân tộc

*Nguồn: số liệu được cán bộ Viện Nghiên cứu Địa lý thuộc Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô soạn thảo. Báo “Tin tức Matxcova”, số 11 ngày 17/3/1991.*

*Nguyên nhân – Địa điểm xung đột*

Vùng phía Tây

A Phần khu vực Murmanxk của Nga – vào Kareli

A Phần khu vực Pskov và Leningrad của Nga – vào Estoni

F Phần Latvi – vào Estoni

B Lập vùng tự trị nói tiếng Nga ở Đông bắc Estoni

A Phần khu vực Pskov của Nga – vào Latvi

C Phần Tây bắc khu vực Belorus – vào Litva

B Lập vùng tự trị Ba Lan ở miền Nam Litva

C Cảng Klaipeda (biển Baltik) và vùng lân cận tách khỏi Litva

C Phần khu vực Kaliningrad của Nga – vào Litva

C Lập những đơn vị chính trị – hành chính Đức ở vùng Kaliningrad

A Khu vực miền Nam của Litva – vào Belorus

A Phần khu vực Zitomir của Ucraina – vào Belorus

A Phần khu vực Gomenxk của Belorus – vào Ucraina

C Phần khu vực Chernovitxk của Ucraina – vào Moldova

C Lập nước cộng hòa Pridnestrov của Moldova



- C Lập vùng Odesa của Ucraina
- B Lập khu tự trị Gagau ở miền Nam Moldova
- B Lập khu tự trị Bulgari ở biên giới Moldova và Odesa của Ucraina
- A Phần khu vực Odesa của Ucraina – vào Moldova
- B Lập nước cộng hòa Krım-k-Tarta vào Krım
- C Tách Krım ra khỏi Ucraina
- B Khu vực Đông nam Ucraina – vào Nga
- A Phần khu vực Rostov của Nga – vào Ucraina
- Vùng Kavkaz
- B Các vùng Primor của miền Kraxnodar – vào Adygei
- C Lập các nước cộng hòa Karachaiev và Cherkes
- C Lập các nước cộng hòa Kabardino-Balkari
- E Lập nước cộng hòa Karachaiev-Balkari
- E Lập nước cộng hòa Kabardino-Cherkes
- D Khôi phục khu tự trị Inguseti
- C Phần phía Đông của Bắc Osetin – vào Chechen-Inguseti
- C Phần Bắc Oseti (từ thành phố Mozdok)- vào Kabardino-Balkari
- C Phần Chechen-Inguseti (từ t.p Malgobek) vào Kabardino-Balkari
- E Lập Cherkes thống nhất trong biên giới của Cherkes, Kabardy, Adygei và các vùng Primorxk của miền Krasnodar
- B Các vùng phía Tây Daghestan – Chechen-Inguseti
- D Khôi phục nước cộng hòa Gorxk trong biên giới Chechen-Inguseti, Bắc Oseti, Kabardy và Cherkes
- D Khôi phục các khu tự trị văn hóa dân tộc: của người Kazak ở miền Krasnoda và Sevatomol; của người Hy Lạp ở miền duyên hải Krasnoda
- A Lãnh thổ Xôchi vào Gruzia
- G Tách Abkhaza ra khỏi thành phần Gruzia

?

G Lập cộng hòa tự trị Nam Oseti vào thành phần Gruzit

E Kỷ niệm khu tự trị Nam Oseti

E Thống nhất Nam và Bắc Oseti

E Nagornyi Karabak vào Armeni

B Phần Tây nam Gruzit (Dzavakheti) vào Armeni

B Phần đông nam Gruzit vào Azerdbaidzan

B Phần Tây bắc Azerdbaidzan vào Gruzit

B Phần Nam Armeni vào Azerdbaidzan

G Kỷ niệm nước cộng hòa tự trị Adzarxk

B Khôi phục miền Saumianovxk trong Azerdbaidzan

B Trả những người Thổ-meskhedin về quê hương lịch sử

Vùng Volga

B Khôi phục nước cộng hòa của người Đức ở dọc Volga

B Tách người Tatar sang vùng của người Tatar Kazan và Mesari

F Lập Baskorstan thống nhất; các yêu sách về lãnh thổ của nhau giữa người Baskiri và người Tatar

Vùng Trung Á và Kazakhstan

G Karakalpaki tách khỏi Uzbekistan

D Sáp nhập Karakalpaki vào Kazakstan

B Phần vùng Mangystaun của Kazakhstan vào Turkmeni

F Priamudarinxk của vùng Tasauzxc (Turkmenistan) vào Uzbekistan

A Phần Tây bắc vùng Bukharxc (Uzbekistan) vào Karakalpaki

F Phần Đông nam Karakalpaki vào vùng Khorezm của Uzbekistan

F Priamudarinxk (vùng Chardzouxk) của Turkmeni vào Uzbekistan

F Priamudarinxk (vùng Bukharxc) của Uzbekistan vào Turkmeni

F Phần Nam vùng Chimkentxc của Kazakstan vào Uzbekistan

F Các phần vùng Markandxk và Bukharxk của Kazakstan (bình nguyên miền Zarafsan) vào Tadzikistan

F Vùng Xurkhandarinxk của Uzbekistan vào Tadzikistan

F Miền núi phía Nam của vùng Osxk thuộc Kirgizi vào Tadzikistan

F Phần Gorno-Badakhsanxk của khu tự trị Tadzikistan (Bắc Pamiro – Alai) vào Kirgizi

F Phần Osxk của vùng Kirgizi (trong bình nguyên Ferganxk) vào Uzbekistan

F Các vùng phía Nam của Alma-Atinxk và Taldy-Kurganxk của Kazakstan vào Kirgizi

F Các khu vực Bắc Issyk-Kulxk của Kirgizi vào Kazakstan

C Phần biên giới tiếp giáp với vùng Kazakstan của Nga (khu vực Astrakhanxk, Volgogradxk, Orenburgxk, Omxk, Kurganxk, Altaixk và các vùng khác) vào Kazakstan

B Lập những đơn vị chính trị – hành chính Đức ở Bắc Kazakstan và các khu vực tiếp giáp Nga

A Phần Bắc Kazakstan, Kokchetav, Tselinograd, Kuxtanai, Đông Kazakstan, Priirtys của vùng Pavlodar và Xemipalatin, các phần Bắc của vùng Ural và Aktiubin thuộc kazakstan vào Nga

Vùng Trung Á và Kazakhstan

B Phần đông khu tự trị Gorno-Altaixk vào Tuva

B Phần miền Krasnodarr vào Tuva

D Sáp nhập khu tự trị Buriati Aginxk vào Buriati

A Phần vùng Magadanxk vào Iakuti

## Kết luận

Xuyên suốt từ lời phát biểu nổi tiếng và đã được chúng tôi trích dẫn ở trên của Allen Dalles đến bản tường trình của Boris Elxin từ Belovezi gửi cựu Giám đốc CIA George Bush (cha) là “cuộc cách mạng chung Mỹ – Xô”. Vào cuối năm 1991, một “cuộc cách mạng chung Mỹ – Xô” thống nhất đã bị phân hoá thành những quá trình bộ phận, và giờ đây đang diễn ra những cuộc cách mạng chung mang tính “quốc tế” sau:

- Cuộc cách mạng Mỹ – Azerbaidzan
- Cuộc cách mạng Mỹ – Armenia
- Cuộc cách mạng Mỹ – Gruzia
- Cuộc cách mạng Mỹ – Kazastan
- Cuộc cách mạng Mỹ – Kirgizia
- Cuộc cách mạng Mỹ – Latvia
- Cuộc cách mạng Mỹ – Litva
- Cuộc cách mạng Mỹ – Mondovia
- Cuộc cách mạng Mỹ – Nga
- Cuộc cách mạng Mỹ – Uzbekistan
- Cuộc cách mạng Mỹ – Ucraina
- Cuộc cách mạng Mỹ – Tadzic
- Cuộc cách mạng Mỹ – Turkmenia
- Cuộc cách mạng Mỹ – Estonia

Vì lý do nào đó, cuộc “cách mạng chung” ở Uzbekistan đã không được thuận lợi, bị trục trặc tại vùng Pridnestrovie. “Sự kết thúc lịch sử” đã không xảy ra.

Nhưng, như ở Liên Xô chúng ta từng nói, “cách mạng có sự khởi đầu – cách mạng không có kết thúc”. Còn bây giờ, chúng ta nói tới cuộc cách mạng đang tiếp tục. Chính vì vậy mà hoàn cảnh tan vỡ đi tới diệt vong của Liên Xô đã bị che đậy và “chiến tranh lạnh” cùng “cuộc cách mạng chung”

vẫn chưa kết thúc. Dưới thời Tổng thống Bush (cha), người ta đã tiêu diệt Liên Xô, dưới thời Tổng thống Bush (con), người ta muốn tiêu diệt nốt nước Nga.

Đến lúc này, chúng đã có thể can đảm đưa ra kết luận ban đầu: “Mười năm gần đây, chính sách đối với Liên Xô và các đồng minh của nó đã khẳng định tính đúng đắn của đường lối chúng ta đã lựa chọn nhằm loại bỏ một trong những cường quốc hùng mạnh nhất, đồng thời là một khối quân sự mạnh nhất trên thế giới. Tận dụng những sai lầm của nền đối ngoại Xô Viết, sự tự tin đặc biệt thái quá của Gorbachov và đám cận thần của ông ta, trong đó có những kẻ đã công khai bày tỏ quan điểm thân Mỹ, chúng ta đã giành được điều mà Tổng thống Truman đã từng muốn làm với Liên Xô bằng bom nguyên tử. Thực ra, với một sự khác biệt căn bản, – chúng ta đã có thêm một vùng nguyên liệu, một quốc gia không bị huỷ diệt bằng bom nguyên tử nên không cần mất công xây dựng lại.

Đúng là chúng ta đã tiêu tốn cho việc này hàng nhiều triệu USD, song chi phí đó cũng giống như bây giờ người Nga vẫn nói là “thu bù chi”. Sau 4 năm, chúng ta và các đồng minh của chúng ta đã thu được 15 tỷ USD từ những nguyên liệu chiến lược khác nhau, hàng trăm tấn vàng, đá quý... ít nhất là hơn 20 nghìn tấn đồng, gần 50 nghìn tấn nhôm, 2 nghìn tấn sezi, berili, stronti.

Trong những năm của cái gọi là cải tổ ở Liên Xô, nhiều nhà quân sự và kinh doanh của chúng ta đã không tin vào thành công của chiến dịch này. Nhờ việc làm lung lay được những nền tảng tư tưởng, chúng ta đã không phải đổ máu để loại bỏ một quốc gia từng cạnh tranh quyết liệt với Mỹ ra khỏi vai trò thống trị thế giới. Mục tiêu và nhiệm vụ của chúng ta tới đây là giúp tất cả những ai muốn coi chúng ta như một hình mẫu của tự do và dân chủ.

Vào thời kỳ đầu năm 1991, khi các nhân viên CIA đã từng chuyển giao cho phương Đông 50 triệu USD để thực hiện những kế hoạch của chúng ta, và sau đó là một khoản tiền như thế nữa, thì khá nhiều nhà chính trị và quân sự đã tỏ ra không tin vào thành công của chúng. Còn hiện nay, qua 4

năm thôi, rõ ràng những kế hoạch của chúng ta đã bắt đầu trở nên hiện thực.

Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là chúng ta không còn điều gì phải suy tính. Tại Nga – một nước mà ảnh hưởng của Mỹ vẫn chưa đủ mạnh, vẫn cần giải quyết đồng thời những nhiệm vụ sau: cố gắng bằng mọi cách không để cho những người cộng sản trở lại nắm chính quyền. Với sự hỗ trợ của bạn bè chúng ta, cần tạo nên những tiền lệ sao cho trong cuộc chạy đua vào nghị viện luôn có những chương ngại hợp lý cũng như vô lý đối với các đảng cánh tả. Để giải quyết những thời điểm chính trị quan trọng, cần phải làm sao để những kẻ đã làm tổn hại thanh danh mình phải rời bỏ khỏi hàng ngũ thân cận của Tổng thống Elxin. Và thậm chí một chút “thiên tả” của vị Tổng thống hiện thời không thể là thất bại của chúng ta. Điều này sẽ chỉ là một xảo thuật chính trị tinh tế. Mục đích biện hộ cho phương tiện.

Nếu những nhiệm vụ này sẽ do chúng ta quyết định, thì trong mười năm tới chúng ta phải giải quyết những vấn đề sau: phân chia nước Nga ra thành những quốc gia nhỏ hơn bằng những cuộc chiến tranh giữa các vùng, giống những gì đã từng được tổ chức ở Nam Tư; làm tan rã hoàn toàn quân đội và tổ hợp công nghiệp – quân sự của Nga; thiết lập những chế độ mới có lợi cho chúng ta tại các quốc gia cộng hoà được tách ra. Chúng ta cho phép Nga là một cường quốc, song chỉ có một đế chế duy nhất – đó là Mỹ”[27].

Phương Tây sẵn sàng tiếp tục tấn công Nga. Điều này thậm chí rất rõ ràng trong quan điểm bố trí nhân sự: “Tổng thống Mỹ vừa giao cương vị mới cho cố vấn của mình về vấn đề hoạch định chiến lược và điều chuyển một loạt lãnh đạo chủ chốt của RAND Coporation vào làm việc trong chính phủ của mình”.

Ngoài nhà Xô Viết học đã biết là Condoleezza Rise trong bộ máy hành chính của Tổng thống thứ 43 ở Mỹ, chúng ta còn thấy những nhà phân tích khác ở những cương vị chủ chốt như:

*Pol O, Nil – Bộ trưởng Tài chính, trước đây là Chủ tịch của RAND Coporation;*

*Donalld Ramsfeld – Bộ trưởng Quốc phòng, thuộc Ban lãnh đạo của Viện Chiến tranh, cách mạng và hoà bình Huver và thuộc Hội Đồng Bảo trợ của RAND Coporation;*

*Gail Norton – Bộ trưởng Ngoại giao, nguyên là nhân viên khoa học của Viện Nghiên cứu Thái Bình dương;*

*Donalld Luis Evans – Bộ trưởng Thương mại, đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Bảo trợ của Trường đại học tổng hợp Texass;*

*Elen Chao – Bộ trưởng Lao động, nguyên là nhân viên khoa học của Quỹ “Di sản”.*

Sau khi kết thúc Chiến tranh thế giới II ở châu Âu, Mỹ đã từng tiến hành “đổ bộ” những nhà khoa học vào châu lục này (Liên Xô cũng từng làm như vậy) nhằm tìm kiếm các chuyên gia, bản vẽ kỹ thuật, phát minh và các mẫu kỹ thuật mới. Còn các nhân viên tình báo thì hoạt động trên “mặt trận” của mình để tìm kiếm những kẻ chỉ huy và nhân viên mật vụ của Đức phát xít. Đường ranh giới phân định khu vực chiếm đóng không hề là vật cản đối với những hoạt động này. Trong tất cả những chiến dịch như thế, người ta chỉ biết rằng thông qua cái gọi là ủy ban ALSOS “vấn đề nguyên tử” và việc tìm thấy nhà chế tạo tên lửa Verner phon Braun đã được giải quyết. Tương tự, chúng ta thấy rằng sự kết thúc giai đoạn đầu của cuộc xâm lược hiện nay nhằm làm Liên Xô tan rã và chiếm đóng “vô hình” đã dẫn đến việc “chảy máu não” từ Liên Xô cũ, nhưng Mỹ không vội chuyển ngay một số chuyên gia về mình bởi lý do: chưa cần thiết, cứ để những người này làm việc “tại chỗ” để tiếp tục thu thập thông tin. Điều này liên quan tới “những tổ hợp thần kinh” Nga.

“Những kẻ cấp tiến” Nga đang hỗ trợ cho “bộ não” của Mỹ. Trong vấn đề này không có gì là mới về mặt nguyên tắc – chúng ta đã từng thấy sự sáng tạo chung độc đáo này từ những năm trước cải tổ. Hiện nay, những hợp đồng với kẻ địch bên ngoài không còn là bí mật đối với quảng đại quần chúng. Điều này diễn ra thông qua việc cấp bằng tiến sĩ và danh hiệu giáo sư của các trường đại học ở nước khác, thông qua hệ thống bòn rút lực lượng trí thức Nga của George Soros, thông qua những hợp đồng trực tiếp

và trung gian với các viện nghiên cứu và các “trung ương thần kinh” – sự hổ thẹn, vào thời đại của chúng ta, đã biến mất cùng với mùi của máu trên đồng đô la. Tính chất công khai của nó đang tạo ra một hiệu quả vô cùng lớn so với giai đoạn 1945-1991, khi người Mỹ buộc phải thu nhận thông tin qua những kẻ bị mua chuộc và phải trả rất nhiều tiền. Hoàn cảnh hiện nay không như vậy nữa. Tiền được trả theo hợp đồng: “Những cơ quan tình báo Mỹ đang hoạt động tại Nga đã chuyển hoạt động sang một bước mới về chất. Từ các nhà chính khách, chính trị và những chuyên gia chuyên ngành Nga họ lập ra những nhóm cán sự và thông qua rất nhiều quỹ của Mỹ đang có mặt tại Nga họ trả tiền cho hoạt động của những nhóm này, lập ra những dữ liệu phân tích sâu về tình trạng kinh tế và chính trị Nga. Những kết luận thu được thường được sử dụng trực tiếp vào hoạt động phá hoại nước Nga”.

Đồng thời, với mục đích ngụy trang họ đã cố tình mô tả thời điểm mang tính vấn đề đó như một thứ không đáng phải quan tâm đặc biệt, như:

- Arkadi Murasev hiện đang ở đâu? Ông ta biến đi đâu?
- Mọi chuyện đối với ông ta vẫn ổn. Ông ấy đã sáng lập ra Quỹ chính trị tự do bảo thủ.
- Chính trị gì?
- Tự do bảo thủ.
- Nó ra sao?
- Thì ông ấy cùng với Thatcher là đồng sáng lập viên. Thatcher đã tới giúp!
- ...

Vậy là mọi sự trở nên bình thường. Điều đó có nghĩa là mọi người ở Nga không cần lo lắng gì cho những nhà tự do bảo thủ. Thì Egor Timurovich cũng đâu có lạc hậu: ông ta cũng cùng với một người Mỹ là D. Cogan đã sáng lập ra Hiệp hội toàn Nga Những xí nghiệp tư nhân và tư hữu hóa (lạ chúa tôi, hình thái sở hữu của chúng ta không làm cho người Mỹ thấy yên lòng!), rồi Burbulis thì có Quỹ “Chiến lược”. Thậm chí, Alla Gerber cùng



đang nói tới một quỹ gì đó liên quan tới người châu Âu. Họ có tiền, cho dù những quỹ kiểu này chẳng làm ra tiền”.

Việc này, như chúng ta khẳng định, là vô cùng nghiêm túc. Kiến thức của các nhà phân tích luôn là thứ vũ khí đáng sợ nhất. Liên quan tới vấn đề này, nên có một đề nghị, xuất phát từ tính toán như sau: Trong hoạt động của cơ quan tình báo, bảo vệ luật pháp và thuế vụ hiện nay đang thực hành cái gọi là hệ thống tính toán nghiệp vụ (có đăng ký). Bản chất của nó là bất kỳ một bộ phận nào cũng cần lập ra cho mình một cơ sở dữ liệu về các nhân vật mà do tính chất hoạt động, họ luôn cần được giám sát tỉ mỉ. Những thông tin thu thập được trước đó về các nhân vật, trong trường hợp cần thiết, đã và đang cho phép tiến hành các biện pháp ngăn ngừa chỉ trong một phạm vi cần thiết, còn trong trường hợp khẩn cấp có thể thu hẹp tối đa phạm vi những người bị nghi ngờ. Mỗi bộ phận đều có thể đăng ký riêng để từ đó có thể lựa chọn ra những thông tin cần thiết.

Trong giai đoạn hiện nay, mối quan hệ vững chắc giữa các nhà chính khách uy tín nhất với các nhà chuyên môn của các “Trung ương thần kinh” đang tỏ ra khá hiệu quả.

Trong một thời gian ngắn có tới hàng chục “trung tâm”, “Viện khoa học”, “Quỹ”, “hãng thông tấn”, “Viện nghiên cứu” đi kèm với các hình dung từ như: “độc lập”, “quốc tế”, “phân tích”... ra đời. Phần lớn trong số này được thành lập vào những năm 1980-1990, hoặc sau đó. Có một số ít trở nên khá nổi tiếng khi có gắn bó chặt chẽ với những chính khách “may mắn” thì nằm ngay khu trung tâm Matxcova, chiếm cả tòa nhà làm trụ sở.

Cơ cấu của chúng cũng khác nhau. Tối thiểu thì có giám đốc, thư ký, còn khi có đơn đặt hàng và cần phải mở rộng quy mô nghiên cứu thì chúng liên danh với nhau. Có tổ chức lại rất đông nhân viên như: “Quỹ Gorbachov”, các viện nghiên cứu cũ, các cơ quan chính phủ...

Lãnh đạo những trung tâm như thế thường là phó tiến sĩ, tiến sĩ khoa học, những người vốn đã hiến mình cho khoa học hoặc các chính khách chưa được công nhận trong các cơ quan quyền lực, hoặc những chính

khách ở dạng “dự bị”, các tướng lĩnh KGB về hưu, hoặc những người trẻ tuổi đầy tham vọng.

Còn các nhân viên bình thường. Đó là những con người đã từng khai phá các ý tưởng của mình và đã được công nhận. Trong công việc họ không có gì nổi bật, dường như không ai nhờ tới họ, mà chỉ có các đồng nghiệp cạnh tranh là biết rõ họ. Tuy nhiên, họ lại là đối tượng của những lời đề nghị đầy cám dỗ – chuyện “săn đầu người” trong thị trường này là rất sôi động. Kinh nghiệm của những nhân viên này cũng rất đa dạng. Các trung tâm đang cần tới những kinh nghiệm từ thời Xô Viết, cần những cán bộ giỏi trong các cơ quan phân tích thông tin của KGB Liên Xô, Bộ Ngoại giao, Bộ tổng tham mưu Lực lượng Liên Xô... Đặc biệt là những cán bộ giàu kinh nghiệm, tiến sĩ khoa học. Trong số này có cả những người vừa tốt nghiệp các trường đại học ở Matxcơva – họ là những người đã từng cộng tác với các trung tâm từ thời còn là sinh viên...

Tính chất công khai của những tổ chức này cũng rất tương đối. Bản thân các vị giám đốc đều cố tránh con mắt nhòm ngó của đám phóng viên, nhất là bên truyền hình. Thường thì chỉ có các chuyên gia, đồng nghiệp và đối tác biết đến chúng. Những gì mà người khác có thể biết chỉ là địa chỉ trụ sở, số điện thoại, hòm thư lưu... người lãnh đạo, một số công trình đã được công bố.

Có những công trình nghiên cứu khoa học công khai, thỉnh thoảng được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên các site Internet. Một số công trình bí mật được giải mật và được công bố từng phần, song những tư liệu giá trị nhất thì không bao giờ xuất hiện bằng con đường này.

Một số tổ chức hoạt động trên thị trường tư vấn chính trị, một số khác lại chuyên phục vụ những chính khách cụ thể nào đó.

Một số lại treo biển hiệu với cái tên “vô tội” để che giấu nội dung bí mật. Một số khác thì chỉ chuyên tâm nghiên cứu theo đúng danh tính của chúng. Trong số đó có một số trung tâm được phép của quốc gia đào tạo nhân lực tiến sĩ.

“Những Trung ương thần kinh” nguy hiểm nhất đối với sự tồn tại của nước Nga thường hoạt động theo tính chất của hội tam điểm. Điều này có thể dễ dàng nhận thấy qua số lượng các hợp đồng với phương Tây, qua số lần đi công cán nước ngoài, qua số lượng các cuộc điện đàm... Đặc biệt, O. A. Platonov – một nhà nghiên cứu yêu nước Nga, – đã vạch mặt chỉ tên được một số viện nghiên cứu chuyên tư vấn cho chính phủ bí mật trên thế giới.

Những “Trung ương thần kinh” của Nga đã từng được RAND Coporation của Mỹ lựa chọn và thiết lập hợp tác là:

- Liên hiệp phi chính phủ các chính khách, chủ doanh nghiệp, nhân viên công lực, các đại diện thông tin đại chúng;
- “Hội đồng Chính sách quốc phòng và đối ngoại” (SVOP);
- Là X. A. Karaganov – Chủ tịch Đoàn Chủ tịch, Phó giám đốc Viện châu Âu thuộc viện Hàn lâm khoa học.

Vào khoảng tháng 3 năm 1994, Hội đồng này đã tiến hành nghiên cứu “Những lợi ích chiến lược Nga – Mỹ sau chiến tranh lạnh”. Trên thực tế, Viện Châu Âu và RAND Coporation đã tham gia vào dự án này[28].

Một trong những thành công gần đây nhất của RAND Coporation có liên quan tới sự kiện 11 tháng 9 năm 2001. Vào thời gian này, Đảng Dân chủ Mỹ đã bị biến thành công cụ của lực lượng toàn cầu đang mơ ước thống trị thế giới và chuyên nhằm vào cạnh tranh quyền lực quốc gia. Đảng Cộng hòa Mỹ lại giữ quan điểm đối lập. Giữa hai đảng này liên tục xảy ra những cuộc xung đột xoay quanh cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ và tháng 12 năm 1999, khi cuộc khủng hoảng chính trị lớn nhất xuất hiện cùng thời gian của cuộc nội chiến cuối thế kỷ 19; cuộc khủng hoảng thứ hai là vụ tấn công khủng bố ngày 11 tháng 9. RAND Coporation, trong bối cảnh của sự kiện 11 tháng 9, cũng như trong mọi tình huống luôn là kẻ ủng hộ trung thành với “những người cộng hòa”. Chính nó là kẻ đã gợi ý cho Chính phủ Mỹ cách thức lợi dụng tổn thất trong nước để chuyển thành thắng lợi nói chung và cách thức thoát ra một cách danh dự khỏi tình huống thảm hại đó. Chủ

tịch Viện Khoa học địa – chính trị, Thượng tướng L. G. Ivasov đã giải tích sự kiện này như sau: “Tôi vẫn bảo lưu quan điểm của mình về nguyên nhân của sự kiện ngày 11 tháng 9: đó là công việc nội bộ của chính nước Mỹ. Ngày 11 tháng 9 không thể là công việc của những người dân miền núi Afghanistan. Kẻ đặt hàng dứt khoát phải là nhân vật có thế lực rất lớn, theo tôi, có liên quan tới chính đám maphia tài chính thế giới có những đại diện trong các cơ cấu quyền lực của Mỹ và trong cả các cơ quan mật vụ: không phải ngẫu nhiên mà Mỹ đã tiến hành điều tra song song cả vụ phá hoại 11-9, cả những hoạt động của hàng loạt cơ cấu khác, trong đó có MOSSAD (Cơ quan Tình báo Israel)...”.

Những mâu thuẫn giữa các hăng xuyên quốc gia hình thành nên những cơ cấu siêu quốc gia trên thế giới và Mỹ đã đạt tới đỉnh điểm và hoàn toàn chuyển đổi theo quy luật thành hình thức công khai về quân sự. “Chiến tranh – là sự tiếp tục của chính trị”, như Karl fon Clausewitz[29] đã từng nói, và chúng ta hiểu rằng phần mâu thuẫn chính trị đã kết thúc và mâu thuẫn quân sự đã bắt đầu...

Liệu có người nghiêm túc nào có thể tin rằng “Những người dân miền núi Afghanistan” lại có khả năng gây nên thiệt hại tới nhường ấy cho một quốc gia có sức mạnh hàng đầu thế giới? Hơn nữa, nhiệm vụ đặt ra trước những kẻ hoạch định kịch bản 11/9 đâu chỉ là lao máy bay vào Trung tâm Thương mại thế giới (WTC). Nhiệm vụ đó thật ra là: sử dụng những phương tiện rẻ tiền nhất làm cho Mỹ mất đi vị thế của một siêu cường để:

- a- Toàn thế giới được chứng kiến;
- b- Đẩy tiến trình đến nguy cơ ngăn chặn quyền lực của Tổng thống.

Điều hết sức rõ ràng là các kẻ hoạch định kế hoạch đã chọn được phương án tối ưu thông qua Hãng truyền hình CNN. Thêm vào đó, và cũng chỉ là một lần duy nhất, vào ngày 13 tháng 9 năm 2001, trên Chương trình “Vremia” của Đài Truyền hình ORT (Nga) đã hé lộ ra một sự thật: “Cuộc tấn công vào tòa tháp ở New-York đã được các nhà phân tích hệ thống và điều khiển học hoạch định...”.

Chúng ta sẽ tự hỏi: nước Nga có liên quan gì tới mâu thuẫn: chủ nghĩa thế giới – Mỹ và Mỹ – Bin Laden? Câu trả lời là không có liên quan gì, ngoại trừ việc nhân tiện đó giải quyết những ý đồ địa – chính trị của Mỹ nhằm mở rộng NATO về phía Đông.

Đương nhiên, do nhiều nguyên nhân mà chúng ta không đề cập tới ở đây. G. Bush (con) đã không thể đáp lại những thủ phạm trực tiếp của vụ khủng bố bằng chính trị hay quân sự. Song ông ta có thể gây áp lực đối với những kẻ đang lệ thuộc Mỹ, và ông ta đã làm như vậy khi đòi hỏi “toàn thế giới văn minh” ủng hộ cuộc đấu tranh chống lại nguy cơ của chủ nghĩa khủng bố quốc tế có tổ chức.

Bản thân chiến dịch truy tìm và trừng phạt Bin Laden cùng những kẻ ủng hộ nó do Washington phát động lại theo đuổi một mục tiêu hoàn toàn khác: mượn chiêu bài đấu tranh công khai để khởi đầu sự chiếm đóng lãnh thổ của Liên Xô cũ. Kể từ thời điểm đó, khi bước chân của người lính Mỹ đặt lên đất “chúng ta”, cuộc chiến chống Liên Xô được mở màn từ năm 1945 đã có một biên độ mới.

Trong vấn đề này, cần phải hiểu rằng, thời đại mà các lực lượng chính trị đối kháng nhau tới mức *đối đầu* đã qua đi. Thay vào đó, trên cơ sở của sự liên kết lẫn nhau to lớn giữa các hệ thống chính trị và kinh tế, là những hình thái mới, trong đó có cả việc tìm kiếm đối tác ngay trong số những kẻ thù truyền kiếp, có cả việc những lợi ích tương quan có thực trong một lĩnh vực này lại đột ngột trở thành sự thù địch trực tiếp trong một lĩnh vực khác. Bản thân thuật ngữ *những người bạn không đội trời chung* ngày càng được sử dụng rộng rãi hơn để mô tả đầy đủ những mối quan hệ giữa hai hệ thống đối kháng – đối tác: là kẻ thù trong lĩnh vực này – là đối tác trong lĩnh vực kia – là liên minh trong trường hợp khác. Nó tựa như mối quan hệ cặp đôi (tandem) Nga – Mỹ. Trong trường hợp nào thì chúng ta thực sự là bạn bè, còn trong trường hợp nào thì phải đấu tranh đến cùng. Với quan điểm này, Mỹ đã có được lợi thế hơn trong chiến tranh lạnh với Liên Xô, và vẫn “hữu nghị” với nước Nga “đã cải tổ”. Mỹ đã lập tức hiểu ngay ra điều đó khi “mối nguy cơ đỏ” huyền thoại đã thay đổi vào năm 1991, và mối đe dọa

thực sự đối với họ hiện nay là sự phát triển không kiểm soát được của vũ khí hạt nhân.

Những kết luận khách quan của chuỗi sự kiện quy mô cuối năm 2001, kể từ vụ phá hoại WTC ở New-York đến cuộc can thiệp của Mỹ vào Afghanistan, đã được thể hiện một cách thẳng thắn trong bài viết của Lidia Andrusenko và Olga Tropkina của cuốn sách “Cuộc hôn nhân không xứng đôi với Mỹ” (Mesalliance)[30]:

Những việc Nga muốn nhận

Tham gia trong liên minh chống khủng bố trên cơ sở đồng minh chiến lược

Những việc Nga đã nhận

Nga thực sự dâng nộp những vị trí địa chính trị ở các nước Trung Á; Vai trò của Mỹ tại Gruzia tăng lên đáng kể

Những việc Nga muốn nhận

Mỹ sẽ không từ bỏ Hiệp ước PRO

Những việc Nga đã nhận

13/01/2002, Mỹ đơn phương rút khỏi Hiệp ước PRO năm 1972

Những việc Nga muốn nhận

Cắt giảm song phương trang bị tiến công chiến lược

Những việc Nga đã nhận

Hiệp ước cắt giảm trang bị tiến công chiến lược được ký kết, phía Mỹ đã không hủy bỏ mà tàng trữ dự trữ hạt nhân của họ

Những việc Nga muốn nhận

Thái độ tỏ ra trung thực của phương Tây đối với vấn đề Chesnia, công nhận những người theo chủ nghĩa phân liệt Chesnia là bọn khủng bố quốc tế

Những việc Nga đã nhận

Trong hai tháng đầu tiên sau ngày 11/9, sự phê phán hành động của quân đội Nga tại Chesnia lắng xuống, nhưng ngay sau đó lại được hồi sinh ở mức như trước

Những việc Nga muốn nhận

Loại bỏ một phần nợ nước ngoài

Những việc Nga đã nhận

Tuyên bố của Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ Alan Larson: “Không hề có sự cần thiết kinh tế để cứu Nga khỏi món nợ nước ngoài”

Những việc Nga muốn nhận

Công nhận Nga là một nước có nền kinh tế thị trường

Những việc Nga đã nhận

Ngoại trừ lời hứa, không hề có bất cứ động thái nào trong quan hệ với Nga được thực hiện. Hơn nữa, phương Tây đã công nhận Kazakstan là nước có nền kinh tế thị trường

Những việc Nga muốn nhận

Nga gia nhập WTO

Những việc Nga đã nhận

Mỹ rõ ràng đang kéo dài việc Nga gia nhập vào WTO, song bản thân Nga cũng chưa sẵn sàng với điều này

Những việc Nga muốn nhận

Chấm dứt mở rộng NATO về phía Đông

Những việc Nga đã nhận

Trong thời gian tới là Rumania và Slovenia gia nhập NATO; việc đàm phán về các nước Ban Tích gia nhập NATO đang được tiến hành

Những việc Nga muốn nhận

Nga tham gia NATO như một đối tác, có quyền tính đến ý kiến của đất nước khi thông qua quyết định chiến lược quan trọng của NATO

Những việc Nga đã nhận

NATO chấm dứt hình thức về “điểm 12”, song đối với Nga chỉ là “cái ghế gấp”. Không có quyền biểu quyết

Những việc Nga muốn nhận

Gỡ bỏ Tu chính Jackson-Vanis

Những việc Nga đã nhận

Dù đạo luật này là cản trở hết sức phi lý sự phát triển quan hệ thương mại giữa Nga – Mỹ, việc điều chỉnh Tu chính Jackson-Vanis vẫn không được nghị viện Mỹ thông qua

Những việc Nga muốn nhận

Gỡ bỏ hạn ngạch nhập khẩu thép Nga vào thị trường Mỹ

Những việc Nga đã nhận

“chiến tranh thép” của Mỹ chống Nga. Việc nhập khẩu đùi gà của Mỹ vào Nga tạm thời bị cấm.

Những việc Nga muốn nhận

Hợp tác Nga-Mỹ trong lĩnh vực năng lượng, nhập khẩu dầu mỏ Nga sang châu Mỹ

Những việc Nga đã nhận

Vào năm 2002, lần đầu tiên dầu mỏ của Nga được xuất sang Mỹ; đạt được thỏa thuận về việc cung cấp một số sản phẩm khác của ngành công nghiệp dầu mỏ Nga.

Bàn tay tài năng của các chuyên gia về công tác tổ chức đã được thể hiện rất rõ trong việc thành lập nên một cơ cấu mới có chức năng ngăn chặn các cuộc tấn công khủng bố. Ngày 26 tháng 11 năm 2002, Mỹ thành lập Bộ An ninh nội địa (Department of Homeland Security).

Hành động khủng bố ở Dubrovsk cũng có liên quan tới những “tài năng” về hệ thống này. Nếu bỏ qua, nó sẽ là tấm băng bịt mắt: song song với những sự kiện ở Dubrovsk và Pervomaik là việc một nhóm vũ trang lọt vào bắt giữ một số lượng rất lớn con tin, đòi Quân đội Liên bang rút khỏi Chesnia, được phát thẳng lên các phương tiện thông tin đại chúng, gây nên



một cơn sốc cho khán thính giả của phát thanh và truyền hình... Đây là yếu tố chủ yếu nhằm “làm mất mặt” Chính phủ Nga và toàn thể quốc gia Nga. Vì sao những hành động có quy mô như thế đã xảy ra? Lời giải thích đáng tin cậy nhất đã từng được đăng tải trên báo “Ngày mai” (Zavtra): “Theo những thông tin từ các nguồn bí mật, chuyến viếng thăm Matxcơva của đoàn đại biểu chính phủ của Arap-xêut, trong đó có cựu chỉ huy cơ quan mật vụ Thổ Nhĩ Kỳ, đã trở thành một cuộc điều tra về việc Er-riad (Thủ đô của Arap-xêut) nhận thức được mức độ tin cậy rất cao giữa hành động xâm lược chống Bagdad và “quá trình dân chủ hóa kiểu Mỹ” của chế độ chính trị ở ngay trong đất nước giàu có nhất thế giới Arap này. Liên quan tới chính việc này là trong vòng 3 tháng gần đây, gia đình Hoàng tộc đã nhận gần 300 tỷ USD từ Mỹ thông qua hệ thống ngân hàng của EU và Thụy Sĩ. Cũng theo nguồn tin này, người ta đã thảo luận về việc phía Nga sẽ lần lượt nhận được 200 tỷ USD trong vòng 25 năm với lãi suất 0% để thanh toán cho khoản nợ nước ngoài và đổi lại là “phong tỏa sự xâm lược của Mỹ” trong Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc – điều này cũng có nghĩa là Kremli phải thay đổi hoàn toàn định hướng chính trị đối ngoại của mình. Song, gió Bắc (Northward) đã nổi lên...”.

Giả thuyết này được khẳng định bằng phản ứng của Arap-xêut đối với sự xâm lược của Mỹ chống Badad. Ngày 15 tháng 10 năm 2002, Bộ trưởng Ngoại giao của Thái tử Saud all-Feisal đã tuyên bố rằng Chính phủ họ không ủng hộ chiến dịch của Mỹ chống I-rắc. Cùng ngày đó, Vua Marokko Mohammed VI, trong chuyến thăm Matxcơva, đã đề nghị với Tổng thống Nga V. V. Putin trở thành đối tác chiến lược (Cho tới thời điểm này, chỉ có Mỹ là đối tác chiến lược của Marokko). Song, gió Bắc (Northward) lại nổi lên...”, và cửa mở ra hướng Cận Đông đã phải đóng lại...

Ai, nếu không phải là RAND Coporation, có khả năng tạo ra được sự ly gián (bifurcation) này?

Trong quá trình thu thập tư liệu cho cuốn sách này, so với những người hoạch định ra những sự kiện này ở Mỹ, tôi mới chỉ là một người quan sát đứng xa các sự kiện đang phát triển ở Matxcơva, ở Kavkaz, ở Pri-Baltik, ở

Berlin hay ở Bucarest. Tất cả những gì tôi đã có thể nhận thấy vẫn chỉ là “sau 10 năm”. Tuy nhiên tôi vẫn đưa ra giả thuyết của mình. Tôi cho rằng ở những người có khả năng nhận thức luôn tồn tại một số giai đoạn như:

1. *Nhìn thấy tất cả, nhưng không hiểu gì. Và cho dù sau việc làm của ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp đã một năm rưỡi, các nhà hoạt động của nó đã khẳng định rằng CIA không hề dính líu gì tới sự kiện này, mà âm mưu đó là của họ.*

2. *Nhìn thấy tất cả và biết tất cả những gì đã được chúng tôi trình bày – đó là RAND Coporation. Thậm chí Gorbachov cùng chỉ là con số 0 trong vấn đề này.*

3. *Không nhìn thấy gì, không biết gì. Đó chỉ là những loại người chỉ chuyên sống trong rừng sâu.*

4. *Không nhìn thấy gì, nhưng biết tất cả. Đó là người người như chúng tôi và các bạn đọc lúc này. Chúng ta đã không có mặt kịp thời khi các sự kiện đang diễn ra. Chúng ta chỉ có thể nhìn thấy những gì trên TiVi, song đến lúc này, dẫu có quá muộn, chúng ta vẫn biết tất cả. Và Chúa không để chúng ta đánh giá sai lầm!*

Bản thân chúng ta chỉ là khán giả, đôi khi, trong một khoảng thời gian ngắn, chính chúng ta cũng bị lôi lên sân khấu và làm người tham gia vào vở kịch đó...

Những người quan sát có thiện chí ở Mỹ, cho dù chưa đồng cảm được với chúng ta, khi bày tỏ thái độ kinh ngạc vì mức độ xuất sắc trong tiến hành công cuộc cải tổ, cũng khẳng định rằng “Việc phân tích những nguyên nhân làm Liên Xô sụp đổ, nếu tách rời khỏi đường lối của Mỹ, sẽ giống như việc điều tra về một cái chết bí ẩn, đột ngột và bất ngờ mà lại bỏ qua khả năng bị sát hại, thậm chí bỏ qua cả việc xem xét hoàn cảnh của cái chết đó. Cho dù nạn nhân đang mang trong mình một căn bệnh vô phương cứu chữa, thì nhân viên điều tra vẫn buộc phải xem có điều gì bất thường liên quan tới nó không... Cho tới nay, mối quan hệ giữa đường lối của Reagan và sự sụp đổ của chế độ Xô Viết còn chưa được nghiên cứu nhiều. Một số

người cho rằng giữa đường lối Reagan và sự sụp đổ của Liên Xô chỉ tồn tại một mối liên hệ không đáng kể, và thậm chí là hoàn toàn không có”.

Thật ra, nếu giải thích những sự kiện này theo quan điểm “luật học” hiện đang thịnh hành, có thể nói rằng việc sát hại Liên Xô, hoặc chí ít việc đẩy nó tới tự sát là hoàn toàn có thật.

Vậy, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ có tội trong “cái chết” này không? Họ có tội.

Ban lãnh đạo cao nhất của Liên Xô có là đồng phạm trong tội ác này không? Có.

Còn kẻ nào khác ngoài chúng? Đó là một số nhân vật ở Israel và các nước Tây Âu.

Và theo một cựu nhân viên CIA khẳng định, khi đưa ra bằng chứng từ tài liệu của RAND Coporation N-1713-NA, tháng 8 năm 1989) đề cập tới “Vai trò chiến lược bí mật của chính quyền Mỹ trong việc Liên Xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa tan rã”, rằng Trung Quốc đã tiến hành công tác tình báo nhằm vào Liên Xô từ năm 1952. Chỉ mãi tới năm 1963, Liên Xô mới tiến hành việc “đáp lễ”.

Mục đích chính trong cuốn sách này – đó là tìm kiếm lời đáp cho câu hỏi mà nhà thơ Nga vĩ đại, thiên tài Alekxandr Xergeievich Puskin đặt ra từ bao lâu nay: “... Thiên tài và độc ác – hai điều này có thể hợp nhau?”. Thừa rằng, chúng hợp nhau. Và điều này hoàn toàn trái ngược là chính “cái thiện” (không phải là cái thiện trừu tượng, tuyệt đối, mà là cái thiện có trong những bàn tay, con tim và khối óc của con người) mới không thích hợp, thậm chí đã không thể cảnh báo cho chúng ta về tai họa xảy ra...

Chúng ta là những người cuối cùng biết đến tất cả những điều này.

Theo cách diễn đạt của G. Soros, hiện nay đúng hơn là những công nghệ trí tuệ nhạy cảm, chứ không hẳn là “những đồng tiền lớn làm chính trị”.

Song, vấn đề đau đớn nhất là sự ủng hộ của dân chúng trong tất cả những sự kiện đó. Liệu dân chúng có lỗi gì trong giai đoạn đã diễn ra vào những năm 1985-1991 và khoảng 10 năm sau đó? Chính họ đã thuận theo mọi sự

phá hoại do bị quyến rũ bởi những hào quang giả trá của “tự do” dân chủ và bởi những lời hứa hẹn về một cuộc sống sung túc, êm đềm. Về điều này, nhà văn nổi tiếng của chúng ta – Iuri Bondarev đã nói rất chính xác và khá đau đớn rằng: “Nhưng chúng ta đã chọn lựa ra các chính trị gia của mình, và trong thảm họa chủ yếu của chúng ta, chúng ta cần kiên quyết, thẳng thắn buộc tội chính mình, thói lười biếng tự suy nghĩ, tính ỷ lại và sự ngây ngô ấu trĩ về tư duy, thái độ tin tưởng vô vọng vào “sự may mắn” Thượng đế sẽ trao cho một cuộc sống sung túc.

Nhân dân đã không còn tự tôn, đúng hơn là họ đã rụt rè đòi chính quyền của những kẻ giàu có tôn trọng các quyền con người của mình. Họ run rẩy, sợ hãi khi bày tỏ thái độ phản kháng “những lãnh tụ” và sự xiêm nịnh của chúng trước phương Tây, để rồi không còn là chính mình nữa khi một bộ phận nhân dân trở nên đòi bại, hư hỏng. Bộ phận đó trở nên đố kỵ, độc ác, luôn ấp ủ những ước vọng về một cuộc sống an nhàn, thỏa mãn, giàu có dễ dàng mà hàng ngày họ vẫn thấy trên màn ảnh vô tuyến, như những gì được trang trí trên cây thông Noel. Bộ phận đó trở nên sa đọa bởi những cảnh tình dục kiểu Mỹ và kiểu Nga. Bộ phận đó không còn biết đến nỗi đau, nỗi bất hạnh và những tai họa của người khác; đám phụ nữ đã không còn biết xấu hổ, “cảnh cởi bỏ” đồ lót một cách thân mật đã trở nên bình thường, song những tấm thân trần truồng lại không gợi nên xúc cảm tự nhiên, mà chỉ gây ra những tiếng cười cay độc của những kẻ phụng thờ những điều bất thường”.

Liệu dân chúng có hồi tâm, chuyển ý, phá bỏ cái vòng sa đọa mà họ đã vô lo đưa đầu mình vào đó? Vấn đề vẫn còn bỏ ngỏ. Rốt cuộc, việc nước Nga vĩ đại có lao nhanh vào chỗ chết hay không – đang phụ thuộc vào chính họ.

## **Thời điểm của sự thật**

Tất cả những gì được viết trong cuốn sách này đáng kể cho bạn đọc từ lâu rồi. Tuy nhiên, cũng cần phải có đủ thời gian, khi những sự kiện như thế này qua đi, thì đến lúc đó mới có thể tích lũy đủ những sự kiện, bằng chứng để bắt tay vào nghiên cứu. Cho dù có hơi muộn, nhưng chúng tôi đã

nói được nhiều điều trong số những gì được biết. Công việc của chúng tôi, không hề nói quá lời, có một ý nghĩa hai mặt: nó vạch ra cả sự lừa dối được viết trong báo chí dân chủ và trong sách giáo khoa phổ thông, cả màn sương xám xuất hiện trong thời gian gần đây của những tuyên truyền mâu thuẫn về dấu hiệu và bị che phủ bởi những lời nói mơ hồ.

Sau đây sẽ có những lời giải thích, tranh luận, những nghi ngờ, phê phán, nhưng việc đó để sau... Bây giờ, chúng tôi cùng bạn đọc vén tấm màn che phủ “sự thật” nhợt nhạt đó. Đối với chúng ta, thời điểm của sự thật đã điểm. Bạn đọc hãy cười lên khi đọc xong điều hồi tưởng nhỏ này về tương lai.

*“... Thông báo của Đài phát thanh Matxcơva:*

*Mới đây tại Kremli đã tổ chức trao thưởng cho một nhóm các nhà khoa học Nga thuộc “Trung ương thần kinh” bí mật đã thực hiện việc hoạch định dự án “Phản cải tổ”...*

*Tòa án số 4 Matxcơva đã hoàn thành việc xét xử những kẻ phản bội Tổ quốc. Tất cả những kẻ bị buộc tội đã thú nhận tội lỗi... Danh sách đầy đủ sẽ được đăng trên các báo...*

*... Tại thành phố Santa-Monica (nguyên là lãnh thổ của Mỹ, đã bị Quân đội Nga chiếm đóng), trong tòa nhà của cái gọi là RAND Coporation đã diễn ra một cuộc thăm quan đầu tiên. Trên tầng hai của nghiệp đoàn này Phái đoàn đặc biệt của ủy ban An ninh quốc gia cường quốc đang làm việc.*

*Về tin thời tiết... trên toàn nước Nga – trời quang mây, còn phía Tây sắp có giông”.*

*Novoxibirxk – Krasnoiarxk – Minxk – Matxcơva. Năm 2001 – 2002.*

# Phụ lục

## Phụ lục N°1.

861. 00/2-2246: điện báo của toàn quyền ở Liên Xô (J. Kennan) gửi Ngoại trưởng Mỹ

*Mật*

Matxcơva, 22 tháng 2 năm 1946, 21.00

(Nhận ngày 22 tháng 2 năm 1946, 15h52')

511. Trả lời yêu cầu 284 của Bộ Ngoại giao ngày 3 tháng 2 liên quan tới những vấn đề khá phức tạp, khá tế nhị và khá lạ đối với hình thái tư duy của chúng ta và khá quan trọng đối với việc phân tích của chúng ta về môi trường quốc tế, tôi không thể trình bày trong một thông báo ngắn gọn vì tôi hiểu được mức độ nguy hiểm của việc quá đơn giản. Vì vậy, tôi tin rằng mình sẽ được Bộ Ngoại giao hiểu đúng khi trả lời về vấn đề này trong 5 phần sau:

Những đặc điểm cơ bản của thế giới quan Xô Viết sau chiến tranh.

Lịch sử của thế giới quan này.

Sự phản ánh của nó trong đường lối thực tế ở cấp độ chính thức.

Sự phản ánh của nó ở cấp độ không chính thức.

Những kết luận thực tiễn từ quan điểm chính trị Mỹ.

Trước hết, tôi xin lỗi về việc sử dụng kênh điện báo; song những vấn đề này là không thể trì hoãn được, đặc biệt là khi xem xét những sự kiện mới xảy ra, nếu quan tâm tới những trả lời của chúng tôi về chúng thì cần giải quyết cấp bách.

*Phần 1. Những đặc điểm cơ bản của thế giới quan Xô Viết sau chiến tranh được bộ máy tuyên truyền chính thức sử dụng, bao gồm:*

a. Liên Xô như trước đây vẫn ở thế đối kháng với tư bản chủ nghĩa và trong một thời gian dài không thể cùng tồn tại hòa bình. Năm 1927, Xtalin

từng tuyên bố với đoàn đại biểu công nhân Mỹ: “Trong quá trình phát triển tương lai của cách mạng thế giới sẽ xuất hiện hai trung tâm mang tầm vóc quốc tế: trung tâm xã hội chủ nghĩa thu hút về mình những nước theo chủ nghĩa xã hội, và trung tâm tư bản chủ nghĩa bao gồm các nước thiên về chủ nghĩa tư bản. Cuộc chiến giữa hai trung tâm giành quyền kiểm soát nền kinh tế thế giới sẽ quyết định số phận của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới”.

b. Thế giới tư bản đang bị những xung đột nội bộ mang tính bản chất của xã hội tư bản. Những xung đột đó không thể giải quyết được bằng sự nhượng bộ hòa bình. Trong đó, xung đột giữa Anh với Mỹ là Lớn nhất.

c. Những xung đột nội bộ của chủ nghĩa tư bản sẽ tất yếu dẫn đến chiến tranh. Những cuộc chiến tranh do nguyên nhân này có thể diễn ra dưới hai dạng: những cuộc chiến tranh trong nội bộ tư bản chủ nghĩa giữa hai quốc gia tư bản và những cuộc chiến tranh can thiệp chống thế giới xã hội chủ nghĩa. Những kẻ tư bản chủ nghĩa láu lỉnh, do không tìm được lối thoát ra khỏi những xung đột nội bộ, sẽ thiên về cách giải quyết sau (gây chiến tranh chống các nước xã hội chủ nghĩa).

d. Cuộc can thiệp chống Liên Xô là thảm họa cho những kẻ gây chiến, sẽ có thể dẫn đến một sự kiềm chế mới đối với tiến bộ của chủ nghĩa xã hội ở Xô Viết, và đương nhiên cần phải bị chấm dứt bằng bất cứ giá nào.

e. Những xung đột giữa các quốc gia tư bản chủ nghĩa cũng đặc biệt nguy hiểm đối với Liên Xô, đồng thời cũng là những cơ hội to lớn để thúc đẩy sự nghiệp của chủ nghĩa xã hội, đặc biệt nếu Liên Xô duy trì được sức mạnh quân sự, tính nhất nguyên tư tưởng và lòng trung thành của mình đối với ban lãnh đạo kiệt xuất hiện nay.

g. Cần nhận thức rằng không phải cả thế giới tư bản chủ nghĩa đều xấu. Ngoài những phần tử tư sản và phản động, thế giới đó còn bao gồm: 1) Một số phần tử tích cực và rất văn hóa tập hợp trong các đảng cộng sản; 2) Một số phần tử khác (hiện nay vì những nguyên nhân chiến thuật, được coi là tiến bộ hoặc dân chủ), thì những hoài bão, sự hưởng ứng và hành động của

họ là những thuận lợi “khách quan” cho các lợi ích của Liên Xô. Cần kích lệ và sử dụng họ vì những mục tiêu của Xô Viết.

h. Trong số những phần tử tiêu cực của xã hội tư sản – tư bản, những kẻ nguy hiểm nhất là những kẻ mà Lênin từng coi là những người bạn dân giả dối, đó là những thủ lĩnh phái chủ nghĩa xã hội dân chủ và chủ nghĩa xã hội ôn hòa (Nói cách khác, đó là cánh tả phi cộng sản). Những kẻ này nguy hiểm hơn cả những kẻ cực kỳ phản động bởi chúng núp bóng lá cờ chân chính, đồng thời như những thủ lĩnh cánh tả ôn hòa, chúng lừa dối mọi người, lợi dụng bản chất của chủ nghĩa xã hội để phục vụ cho tư bản phản động.

Tất cả những điều này là tiền đề, theo quan điểm của nền chính trị Xô Viết, sẽ đưa tới các kết luận sau:

a. Cần làm tất cả để tăng cường sức mạnh của Liên Xô thành những động lực trong cộng đồng thế giới. Đồng thời, không được phép bỏ qua một cơ hội nào làm suy giảm sức mạnh và ảnh hưởng của các cường quốc tư bản.

b. Những nỗ lực của Liên Xô, cũng như những nỗ lực của bè bạn ở nước ngoài của Nga cần được hướng vào việc làm sâu sắc thêm và lợi dụng những sự khác biệt, những mâu thuẫn giữa các cường quốc tư bản. Rốt cuộc, nếu chúng phát triển thành chiến tranh “đế quốc”, thì cuộc chiến tranh đó phải được biến thành cuộc khởi nghĩa cách mạng tại các nước tư bản chủ nghĩa.

c. Những phần tử “dân chủ, tiến bộ” ở nước ngoài phải được sử dụng tối đa để gây áp lực với chính phủ của các nước tư bản theo hướng bảo đảm những lợi ích của Liên Xô.

d. Cần tiến hành một cuộc đấu tranh liên tục chống lại những thủ lĩnh chủ nghĩa xã hội – dân chủ và chủ nghĩa xã hội ở nước ngoài.

### *Phần 2. Lịch sử của thế giới quan này*

Trước khi xem xét những hậu quả của đường lối này trong thực tế, tôi muốn lưu ý tới một số khía cạnh sau đây của nó.



Thứ nhất, nó không phải là thế giới quan tự nhiên của nhân dân Nga. Nhân dân Nga, nói chung, có thái độ thân thiện với thế giới bên ngoài, luôn cố gắng giới thiệu mình với thế giới, sánh vai cùng thế giới bằng những tài năng của mình, luôn cố gắng sống cao hơn trong thế giới và hưởng thụ những thành quả lao động của mình. Đường lối của đảng chỉ là cưỡng lĩnh mà bộ máy tuyên truyền chính thức bằng mọi cách, kiên trì áp đặt cho xã hội, mà xã hội sẽ không hoàn toàn chấp nhận. Tuy nhiên, đường lối của đảng xác định thế giới quan và hành vi của những người nắm bộ máy chính quyền – đảng, lực lượng cảnh sát mật và chính phủ, – những người mà chúng ta vẫn phải quan hệ công việc.

Thứ hai, dường như, phần lớn những tiền đề mà đường lối của đảng dựa vào đều không phù hợp với thực tế. Kinh nghiệm cho thấy, sự tồn tại hòa bình và cùng có lợi của các quốc gia tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa là hoàn toàn không thể. Những xung đột cơ bản bên trong của những quốc gia phát triển không phải là những xung đột được gây nên bởi hình thái tư bản về sở hữu phương tiện sản xuất, mà là những xung đột bắt nguồn từ chủ nghĩa đô thị phát triển và từ chủ nghĩa công nghiệp hóa. Nguyên nhân của việc nước Nga cho đến nay chưa gặp phải những xung đột này, không phải vì nó là xã hội chủ nghĩa, mà vì chính sự lạc hậu riêng của nó. Những mâu thuẫn bên trong của chủ nghĩa tư bản không phải lúc nào cũng dẫn đến chiến tranh; và cũng không phải mọi cuộc chiến tranh đều có thể giải thích bằng nguyên nhân này. Đó là điều hoàn toàn vô lý (nonsense) hiện nay để nói đến khả năng can thiệp chống Liên Xô sau khi thủ tiêu Đức và Nhật Bản, mà không tính đến tấm gương sau ngày chiến tranh. Không phải là những động lực thúc đẩy sự bất bình và không phải là lực lượng phá hoại, thế giới “tư bản” ngày nay hoàn toàn đủ sức tồn tại trong thế giới này với chính mình và với nước Nga. Cuối cùng, không một người nào có tư duy lành mạnh lại có cơ sở để nghi ngờ tính chân thành của các thủ lĩnh xã hội ôn hòa ở các nước phương Tây. Hơn nữa, cách phủ nhận bất công thành tựu những nỗ lực của các thủ lĩnh xã hội ôn hòa trong việc cải thiện tình hình

của dân chúng lao động trong mọi trường hợp, ví dụ như tại Xcandinav, cũng chính là cơ hội cho thấy họ không đủ khả năng.

Tính chất đối trá của những tiền đề này có cội rễ từ lịch sử trước chiến tranh, và hoàn toàn thể hiện sự mâu thuẫn. Mâu thuẫn Anh – Mỹ đã không trở thành nguyên nhân cơ bản của thế giới phương Tây. Các nước tư bản, thông qua các nước trục, đã không thiên về giải quyết những mâu thuẫn của mình bằng liên minh thành một cuộc thập tự chinh chống Liên Xô. Thay vì biến chiến tranh đế quốc thành cuộc nội chiến và cách mạng, Liên Xô đã rơi vào tình huống buộc phải kề vai sát cánh với các cường quốc tư bản chiến đấu vì một mục tiêu chung nhất.

Ngoài ra, tất cả các cương lĩnh này, dầu là lừa dối và vô căn cứ, ngày nay lại vẫn được nêu ra một cách tự tin đến thế. Điều này nói lên cái gì? Đó là đường lối của đảng Xô Viết không dựa trên bất cứ một phân tích khách quan nào về tình hình ở ngoài biên giới Nga; nó, rõ ràng, không có một cái gì chung với những điều kiện đang tồn tại ngoài nước Nga, và chủ yếu được đưa ra do những nhu cầu nội tại cơ bản, từng tồn tại từ trước cuộc chiến tranh cuối cùng và hiện nay đang tồn tại.

Trên quan điểm suy nhược thần kinh của Kremli về những vấn đề quốc tế, thái độ bản chất và truyền thống Nga mang tính chất nguy hiểm. Trước hết, đó là thái độ không tin cậy những con người hòa bình đang sản xuất trên lĩnh vực nông nghiệp nhằm cố gắng làm láng giềng sinh sống trong bình nguyên bao la cùng các dân tộc du mục hung tợn. Khi nước Nga đi vào xung đột với phát triển có nền kinh tế phát triển họ còn thêm một nỗi sợ hãi nữa trước những xã hội có uy tín hơn, hùng mạnh hơn, có tổ chức cao hơn trong lĩnh vực kinh tế. Tuy nhiên, nỗi sợ hãi này chỉ hiện diện chủ yếu trong giới cầm quyền Nga, trong nhân dân Nga bởi các nhà cầm quyền Nga luôn cảm thấy rằng cách thức cầm quyền của họ là tương đối cổ xưa, mỏng mảnh và nhân tạo trên cơ sở tâm lý, không đủ sức so sánh và tiếp xúc với những hệ thống chính trị ở các nước phương Tây. Vì nguyên nhân này, họ luôn lo ngại sự xâm nhập của nước ngoài, họ sợ tiếp những cuộc xúc trực tiếp với thế giới phương Tây, họ sợ tất thảy những gì có thể diễn ra,

nếu những người Nga biết rõ sự thật về thế giới bên ngoài hoặc nếu những người nước ngoài biết rõ sự thật về thế giới bên trong nước Nga, và họ đã học được cách bảo đảm an ninh chỉ bằng biện pháp đấu tranh kiên trì, sống còn để tiêu diệt hoàn toàn lực lượng đối lập, mà không bao giờ chịu tương trợ và nhân nhượng với lực lượng đó.

Không hề là tình cờ, chủ nghĩa Mác, trong vòng nửa thế kỷ qua đang dần dần mọc rễ ở Tây Âu, thì lại thực sự xuất hiện đầu tiên và chói sáng ở nước Nga. Chỉ trên mảnh đất này, nơi không bao giờ biết tới láng giềng thân thiện hay sự bình đẳng có thể chấp nhận được của một lực lượng đối lập nào đó, học thuyết này mới thịnh vượng thế, trong khuôn khổ đó nó được coi là không thể giải quyết những mâu thuẫn kinh tế của xã hội bằng những biện pháp hòa bình.

Sau khi hình thành chế độ Bolxevich, giáo lý Mác xít đã trở nên khắc nghiệt hơn và không thể chấp nhận do lối diễn giải nó theo kiểu Lênin, trở thành một cơ chế tình cảm hoàn toàn bất an mà những người Bolxevich và những người cầm quyền trên đây của Nga thường mắc phải, họ dùng giáo lý của nó để bào chữa cho nỗi sợ hãi bản năng của mình trước thế giới bên ngoài; cho nền chuyên chính – một nền chính trị mà thiếu nó họ không biết phải điều hành ra sao; cho những hành động nghiệt ngã mà họ chưa kịp áp dụng; cho những nạn nhân mà họ coi là cần thiết. Vì chủ nghĩa Mác, họ đã hy sinh mọi giá trị thẩm mỹ trong các biện pháp và chiến thuật của mình. Ngày nay, họ không thể được tha thứ vì điều đó. Đó là một trang vô liêm sỉ trong sự đáng kính (respectable) về trí tuệ và đạo đức của họ. Thiếu nó, họ sẽ phải đối diện với lịch sử, trong trường hợp tốt nhất, chỉ như những kẻ cuối cùng trong một hàng dài những kẻ cầm quyền Nga độc ác và xa xỉ đã không ngừng đẩy đất nước lên những đỉnh cao mới của sức mạnh quân sự, để bảo đảm an ninh bên ngoài cho những chế độ đã suy yếu bên trong của mình. Chính vì vậy, những người Xô Viết đã phải gồng mình lên cho những thắng lợi tượng trưng bề ngoài của chủ nghĩa Mác và không một ai dám coi thường tầm quan trọng của giáo lý này trong sự nghiệp Xô Viết. Bằng cách đó, ban lãnh đạo Xô Viết đã đi tới những giáo lý rằng (...) [31] thế giới bên

ngoài độc ác, thù địch và nguy hiểm, còn mang trong mình những vi khuẩn và mầm bệnh và nó sẽ phải chết bởi những mâu thuẫn bên trong ngày càng tăng, ngay cả khi sức mạnh phát triển của chủ nghĩa xã hội xã hội chủ nghĩa cho nó một đòn chí mạng và nó sẽ không bao giờ chịu nhường lại vị trí của mình cho một thế giới mới, tiến bộ.

Quan điểm này đang là cơ sở cho việc tăng cường sức mạnh quân sự và cảnh sát của quốc gia Nga, cho sự cách ly nhân dân Nga với thế giới bên ngoài và cho việc gây áp lực để mở rộng giới hạn của sức mạnh cảnh sát Nga như là những nhu cầu tự nhiên và bản năng của các nhà cầm quyền Nga. Trên cơ sở này, điều đó chỉ là sự thúc đẩy chủ nghĩa dân tộc Nga – một sự vận động hàng thế kỷ, trong đó công thức tấn công và bảo vệ đã bị làm cho phức tạp tối đa. Tuy nhiên, trong diện mạo mới của chủ nghĩa Mác quốc tế với những hứa hẹn ngọt ngào của mình với những con người đã tuyệt vọng, đã từng thiệt hại vì chiến tranh, thì nó trở nên nguy hiểm và ác độc đối với thế giới bên ngoài hơn bao giờ hết.

Trên cơ sở những điều đã trình bày, cần nhận thấy rằng đường lối đảng Xô Viết đương nhiên là giả trá và không chân thực, khi nói tới tất cả những người đang tiến hành đường lối đó. Nhiều người trong số họ biết rất ít về thế giới bên ngoài và là những người rất lệ thuộc vào những định kiến của mình... \*. Cuối cùng, chúng tôi đang gặp phải một bí mật không tài nào hiểu nổi liên quan tới việc ai là người ở mảnh đất vĩ đại ấy thực sự nhận được thông tin chính xác, không bị xuyên tạc về thế giới bên ngoài. Chính phủ này đang đắm mình trong bầu không khí bí ẩn và kín đáo kiểu phương Đông. Họ có vô vàn khả năng xuyên tạc hoặc đầu độc các nguồn tin và dòng thông tin. Thái độ thiếu tôn trọng đối với sự thật khách quan, chính họ thiếu tin tưởng về sự tồn tại của mình đã dẫn đến việc họ luôn xem xét mọi sự kiện như những phương tiện đi tới mục tiêu bí ẩn khác nhau. Có những cơ sở để nghi ngờ rằng chính phủ này thực sự là một âm mưu trong âm mưu; và riêng với tôi, khó mà tin được rằng chính Xtalin có được một bức tranh khách quan về thế giới bên ngoài. Không có một khả năng nào để các chính phủ nước ngoài dễ dàng áp đặt quan điểm của mình cho những nhà

lãnh đạo Nga – quy mô này, trong quan hệ của họ với nước Nga đang phụ thuộc vào những cố vấn bí mật và vô danh, những người mà họ chưa bao giờ nhìn thấy và chưa bao giờ có thể tác động tới, điều này, theo tôi, là nét nguy hiểm nhất của nền ngoại giao ở Matxcơva, một nền ngoại giao mà các nhà hoạt động quốc gia phương Tây cần phải hiểu rõ, nếu họ muốn hiểu bản chất của những khó khăn mà họ sẽ gặp ở đây.

*Phần 3: Sự phản ánh của thế giới quan Xô Viết trong đường lối thực tế ở cấp độ chính thức.*

Bây giờ chúng ta làm quen với đặc điểm và tiền sử của chương trình Xô Viết. Liệu chúng ta có thể chờ đợi điều gì trong kế hoạch thực hiện nó?

Đường lối Xô Viết, như từng được nhận định trong yêu cầu thích hợp của Bộ Ngoại giao, được tiến hành theo hai phương diện: 1) phương diện chính thức, được thể hiện bởi những hoạt động chính thức bởi Chính phủ Xô Viết; 2) phương diện bí mật của những hoạt động do các cơ quan tiến hành mà Chính phủ Xô Viết không thừa nhận trách nhiệm về những hoạt động đó.

Đường lối, được tiến hành trên cả hai phương diện, nhằm bảo đảm các hướng cơ bản của nó từ a) đến d) thuộc về phần thứ nhất. Còn những hoạt động được tiến hành theo các phương diện khác, có sự khác biệt lớn, song đều trùng hợp với nhau về tính mục đích, thời hạn và hậu quả.

Trong phương diện chính thức, cần chú ý tới những điểm sau:

a) Đường lối đối nội nhằm củng cố bằng mọi cách sức mạnh và vị thế của quốc gia Xô Viết: công nghiệp hóa quân sự mạnh mẽ; phát triển tối đa lực lượng vũ trang; khoa trương thanh thế nhằm đe dọa các nước; thường xuyên bảo mật các vấn đề nội bộ nhằm che dấu những yếu điểm và thông tin.

b) Trong mọi trường hợp, khi điều này được coi là hợp thời và nhiều hứa hẹn, họ sẽ cố gắng mở rộng phạm vi chính thức của sức mạnh Xô Viết. Vào thời điểm hiện nay, những nỗ lực đó đang bị hạn chế bởi một số điểm lúng túng, như: Bắc Iran, Thổ Nhĩ Kỳ, và có thể là cả Bornholm (một đảo nằm

phía Tây Nam biển Baltik, thuộc Đan Mạch). Tuy nhiên, bất kỳ lúc nào những điểm khác cũng có thể xuất hiện, nếu sức mạnh chính trị Xô Viết bao trùm lên những vùng mới. Giông như Chính phủ vùng Pecxich “thân thiện” có thể đưa ra yêu cầu dành cho Nga một cảng tại Vịnh Pecxich. Nếu Tây Ban Nha rơi vào vòng kiểm soát của những người cộng sản, có thể nảy sinh vấn đề về căn cứ Xô Viết trong vùng vịnh Gibrantar. Tuy nhiên, những giảng co như vậy chỉ nảy sinh ở cấp độ chính thức khi sự chuẩn bị không chính thức đã hoàn thành.

c) Người Nga sẽ chính thức tham gia vào công việc của các tổ chức quốc tế trong trường hợp họ nhìn thấy khả năng mở rộng ảnh hưởng của Xô Viết hoặc kìm hãm hay giải tỏa ảnh hưởng của những nước khác. Matxcova không coi Liên Hợp Quốc như một cơ chế thường trực và bền vững của cộng đồng thế giới dựa trên cơ sở của những lợi ích và mục đích của tất cả các nước, mà họ coi nó như một vũ đài bảo đảm khả năng giành được những mục tiêu đã nói ở trên.

Những người Xô Viết sẽ còn ở lại trong Liên Hợp Quốc cho tới khi nào tổ chức này còn phục vụ cho những mục tiêu của họ. Tuy nhiên, đến một khi nào đó, họ sẽ đưa ra kết luận rằng Liên Hợp Quốc gây tổn hại cho việc đạt tới mục tiêu mở rộng ảnh hưởng của họ, và nếu họ nhìn thấy những viễn cảnh tốt hơn để đạt mục tiêu của mình ở hướng khác, thì rõ ràng họ sẽ từ bỏ Liên Hợp Quốc. Điều này sẽ có nghĩa là, tuy họ coi mình đủ mạnh để phá vỡ sự thống nhất của các nước khác bằng cách họ từ bỏ tổ chức này, làm cho Liên Hợp Quốc trở nên kém hiệu quả trong việc đe dọa an ninh hay các mục tiêu của họ và thay thế tổ chức này bằng một công cụ quốc tế, theo quan điểm của họ, có hiệu quả hơn. Như vậy, thái độ của Xô Viết đối với Liên Hợp Quốc phần lớn sẽ tùy thuộc vào thái độ trung thành của các nước khác đối với tổ chức này và tùy thuộc mức độ nhiệt thành, kiên quyết và sự đoàn kết, từ đó các nước này sẽ bảo vệ công thức hòa bình và nhiều hứa hẹn của sinh hoạt quốc tế trong Liên Hợp Quốc, phù hợp với tư duy của chúng ta về tổ chức quốc tế này. Tội nhấn mạnh một lần nữa, rằng Matxcova không hề trung thành với những lý tưởng của Liên Hợp Quốc.

Thái độ của nó đối với tổ chức này, nói chung, sẽ vẫn là thực dụng và mang tính sách lược.

d) Đối với các khu vực thực dân và những dân tộc lạc hậu, còn phụ thuộc, đường lối Xô Viết thậm chí ở cấp độ chính thức sẽ nhằm làm giảm sút sức mạnh, ảnh hưởng và mối quan hệ của các nước phương Tây phát triển, họ tuân theo học thuyết rằng chừng nào đường lối đó còn được tiến hành thành công, nó sẽ tạo ra khoảng trống để chủ nghĩa cộng sản Xô Viết thâm nhập. Như vậy, áp lực Xô Viết đối với việc tham gia thỏa thuận bảo trợ, theo ý kiến của tôi, là cố gắng tạo ra khả năng ngăn cản và kiềm chế ảnh hưởng của phương Tây tại những địa điểm đó, chứ không hẳn là tạo ra một kênh để gây ảnh hưởng Xô Viết. Không nên cho rằng lý do cuối này là không có, bởi trong mục tiêu này, Xô Viết vẫn đang ưu tiên tạo dựng những kênh khác, không chính thức về thỏa thuận bảo trợ. Vì vậy, có thể tin rằng người Xô Viết sẽ đòi hỏi về việc tham gia vào bất cứ thỏa thuận bảo trợ nào hoặc mọi thỏa thuận tương tự và vẫn sẽ sử dụng những phương châm như cũ để làm suy giảm ảnh hưởng của phương Tây lên những dân tộc này.

e) Người Nga sẽ tích cực cố gắng mở rộng sự đại diện Xô Viết và những mối quan hệ chính thức với các nước, trong đó, theo họ, là có những khả năng to lớn đối lập với những trung tâm quyền lực phương Tây. Điều này liên quan tới hàng loạt điểm địa lý rải khắp thế giới, như: Đức, Argentina, các nước Cận Đông, v.v...

g) Trong những vấn đề kinh tế quốc tế, đường lối Xô Viết sẽ thực sự được xác định bằng nỗ lực của Xô Viết đối với việc tự cung tự cấp. Đây sẽ là đường lối cơ bản. Nếu liên quan tới đường lối chính thức, thì quan điểm này chưa thật rõ ràng. Chính phủ Xô Viết tỏ ra có một thái độ kiên trì đáng sợ kể từ khi chấm dứt thái độ thù địch trong lĩnh vực thương mại quốc tế. Nếu có được những khoản tín dụng lớn dài hạn, tôi cho rằng, Chính phủ Xô Viết sẽ lại một lần nữa có thái độ giả dối như đã từng xảy ra vào những năm 30, do mong muốn phát triển các mối quan hệ kinh tế quốc tế nói chung. Trong trường hợp ngược lại, tôi cho là có khả năng ngành ngoại thương Xô Viết có thể bị hạn chế đáng kể chính phạm vi an ninh Xô Viết,

bao gồm những vùng đang bị chiếm của Đức và có thể có thái độ chính thức lạnh nhạt đối với nguyên tắc hợp tác kinh tế chung giữa các nước.

h) Còn về hợp tác văn hóa, cũng có thể nhận thấy sự ủng hộ thiếu chân thành đối với nguyện vọng tăng cường hợp tác văn hóa giữa các dân tộc, tuy trên thực tế điều này không thể diễn giải được bằng bất cứ cách gì là tiềm năng làm suy giảm mức độ an ninh của các dân tộc Xô Viết... những biểu hiện thực tế của đường lối Xô Viết trong mặt này sẽ bị hạn chế bởi những kênh hẹp của các chức năng và các chuyển viếng thăm chính thức được kiểm soát một cách thận trọng, được đặc trưng bởi sự thừa thãi rượu vodka và lời tuyên bố và thiếu hẳn những kết quả thường xuyên.

i) Qua đó, những mối quan hệ chính thức của Xô Viết sẽ được thực hiện phù hợp với cái gọi là đường lối “đúng đắn” đối với chính phủ nước ngoài, đặc biệt chú trọng tới vị thế của Liên Xô và những đại diện của họ, cũng như tới sự thực hiện nghiêm văn bản.

*Phần 4: Sự phản ánh của nó ở cấp độ không chính thức hay bí mật, nghĩa là ở cấp độ mà Chính phủ Xô Viết sẽ không nhận lãnh trách nhiệm về mình*

Những thiết chế dưới đây được vận dụng để tiến hành đường lối ở cấp độ này:

1. Hạt nhân trung tâm bên trong của các đảng cộng sản ở các nước khác. Có thể chỉ ra rằng nhiều nhân vật thuộc phạm trù này đang hành động với tư cách cá nhân, tuy nhiên trong thực tế họ đang hoạt động trong khuôn khổ của một ban điều hành chủ nghĩa cộng sản thế giới, của một quốc tế cộng sản bí mật, được Matxcova hoạch định và lãnh đạo một cách nghiêm ngặt. Cần phải nhớ rằng hạt nhân bên trong này thực sự hành động trong cơ sở bí mật, cho dù những đảng mà nó liên hiệp đang tồn tại hợp pháp.
1. Những đảng viên thường của các đảng cộng sản. Cần chú ý sự khác biệt giữa họ với những nhân vật được nói tới trong điểm 1. Trong



những năm gần đây, sự khác biệt đã trở nên gay gắt. Trước hết, những đảng cộng sản nước ngoài đã tỏ ra có sự pha tạp đáng ngại (theo quan điểm của Matxcơva là bất lợi) giữa hoạt động bí mật và hợp pháp, tuy hiện nay yếu tố bí mật được tập trung một cách thận trọng trong phạm vi nội bộ và nhằm vào hướng bí mật, đồng thời những đảng viên thường – đơn giản là họ không tham gia hoạt động này – lại đang tiến lên phía trước như những kẻ tiên phong cho khuynh hướng chính trị bí mật ở đất nước của mình, hoàn toàn không hình dung ra mối quan hệ bí mật với các quốc gia nước ngoài. Chỉ ở một số nước có những đảng viên cộng sản mạnh về chất lượng họ mới thể hiện và hoạt động như một tổ chức. Thường là họ được sử dụng để thâm nhập và gây ảnh hưởng hoặc để kiểm soát, tùy theo hoàn cảnh, đối với các tổ chức khác có khả năng làm công cụ ảnh hưởng của Chính phủ Xô Viết, đồng thời để giành những mục tiêu của họ thông qua... (*bị kiểm duyệt*), chứ không hoạt động trực tiếp cho một đảng chính trị nào.

1. Quy mô rộng lớn của những tổ chức dân tộc hoặc của những tổ chức có thể thống trị được hoặc những tổ chức có thể thâm nhập được. Đó là: các công đoàn, đoàn thanh niên, tổ chức phụ nữ, các hiệp hội mang tính chất dân tộc, các tổ chức tôn giáo, các tổ chức xã hội, các nhóm văn hóa, những nhà báo tự do, các nhà xuất bản tư nhân...
1. Các tổ chức quốc tế có thể thâm nhập bằng cách gây ảnh hưởng đối với các phần tử dân tộc. Quan trọng nhất trong số này là các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên và phụ nữ. Về mặt này, phong trào công nhân quốc tế có một ý nghĩa đặc biệt, thậm chí mang tính chất quan trọng sống còn. Matxcơva đang coi đây là một khả năng bỏ qua các chính phủ phương Tây trong những vấn đề quốc tế và thiết lập được sự ủng hộ (lobby) quốc tế để buộc các chính phủ ở các nước khác nhau phải chấp thuận những giải pháp có lợi cho Xô Viết, và làm tê liệt những hành động thù địch đối với lợi ích của Liên Xô.

1. Nhà thờ chính thống Nga với các chi nhánh của nó ở nước ngoài và thông qua nó là nhà thờ chính thống ở phương Đông nói chung.

1. Phong trào toàn xlavơ và những phong trào khác (của Armenia, Azerbaidzan, Turkmenia, ...) dựa trên các nhóm dân tộc trong khuôn khổ của Liên Xô.

1. Các chính phủ và các nhóm cầm quyền, ở mức độ nhất định, sẵn sàng tạo điều kiện cho những mục tiêu của Xô Viết, cũng như chính phủ của các nước Bun Ga Ri và Nam Tư, chế độ ở vùng Bắc vịnh Pecxich, những người cộng sản Trung Quốc và v.v... Không chỉ là những bộ máy tuyên truyền, mà cả đường lối thực tế của những chế độ này có thể tuân thủ theo sự điều khiển của Liên Xô.

Có thể dự kiến rằng những bộ phận hợp thành của bộ máy to lớn này, tùy theo tính chất của riêng chúng, sẽ sử dụng những phương thức sau:

a) Để phá hoại tiềm năng chính trị và chiến lược chung của các cường quốc phương Tây. Những nước này sẽ tập trung mọi nỗ lực để phá hoại niềm tin vào sức mạnh riêng ở cấp độ dân tộc, kiềm chế các biện pháp phòng thủ quốc gia, kích động thái độ bất bình trong sản xuất và xã hội, kích động mọi hình thức làm tan rã khối thống nhất. Tất cả những ai có lý do để bất bình, cho dù là vì những nguyên nhân kinh tế hay chủng tộc, sẽ thực sự được kích động đòi giải quyết những vấn đề của họ, không phải bằng cách không nhân nhượng hay hợp tác, mà bằng cách đấu tranh quyết liệt nhằm phá hoại các thành phần khác của xã hội. Trong trường hợp này, người nghèo sẽ chống đối lại người giàu, người da đen sẽ chống lại người da trắng, thanh niên chống đối lại những người đứng tuổi, những người đến ngụ cư sẽ chống lại những người đã từng sinh sống lâu đời tại các địa phương, v.v...

b) ở cấp độ không chính thức, những biện pháp đặc biệt độc ác sẽ là làm suy yếu sức mạnh và ảnh hưởng của các cường quốc phương Tây đối với các dân tộc bị phụ thuộc và thực dân lạc hậu. Mọi biện pháp sẽ được sử

dụng ở cấp độ này. Chúng sẽ phanh phui và lợi dụng những sai lầm và yếu điểm của bộ máy hành chính thực dân phương Tây. Dư luận xã hội tự do ở các nước phương Tây sẽ được huy động nhằm mục đích làm suy yếu chính sách thực dân. Chúng sẽ kích lệ khuynh hướng của những lực lượng này để giành độc lập đối với các cường quốc phương Tây, những thể chế chính trị tay sai do Xô Viết thống trị sẽ sẵn sàng giành chính quyền tại những vùng thuộc địa thích hợp sau khi chúng giành được độc lập.

c) Trong trường hợp, khi có chính quyền nào đó đứng cản đường giành mục tiêu này của Xô Viết, chúng sẽ gây áp lực để thay đổi chính quyền. đó. Điều này có thể diễn ra khi chính quyền trực tiếp chống lại những mục tiêu trong đường lối đối ngoại của Xô Viết (như Thổ Nhĩ Kỳ, Iran), hoặc khi chính quyền đóng cửa biên giới nhằm tránh sự thâm nhập của cộng sản (như Thụy Điển, Bồ đào Nha) hoặc khi chúng cạnh tranh quyết liệt với chính quyền, như chính phủ Công đảng ở Anh, nhằm thống trị tinh thần đối với các phần tử mà những người cộng sản cho là quan trọng. (thường trong trường tương tự thì có đủ chỗ cho cả hai thành phần. Đảng cộng sản đối lập khi đó sẽ trở nên quyết liệt và độc ác)

d) Tại những nước khác, những người cộng sản thông thường sẽ cố gắng tiêu diệt mọi hình thức độc lập cá nhân về kinh tế, chính trị hay tinh thần. Hệ thống của họ có thể chỉ liên hệ với những nhân vật hoàn toàn độc lập đối với quyền lực cao nhất. Rõ ràng, đó là những nhân vật độc lập về tài chính, như các doanh nhân, các chủ đất, những chủ trang trại thành đạt, những người thợ thủ công và tất cả những ai có chức năng lãnh đạo ở cấp địa phương hay có uy tín tại địa phương, ví dụ như các nhà hoạt động chính trị và tôn giáo có danh tiếng ở địa phương đã bị rút phép thông công. Không phải vô cớ mà ở Liên Xô, thậm chí những người lãnh đạo địa phương thường xuyên bị thuyên chuyển công tác, đó chính là vì họ không được phép cắm rễ ở bất cứ đâu.

e) Chúng sẽ làm tất cả những gì có thể để các cường quốc phương Tây đối đầu nhau. Trong những người Mỹ sẽ lan truyền những âm mưu chống lại người Anh, còn ở Anh sẽ có những âm mưu chống Mỹ. Chúng sẽ dạy

cho người châu Âu, kể cả người Đức, lòng căm thù đối với hai cường quốc ănglô xác xông. Chỗ nào có sự bất đồng, chúng sẽ hâm nóng thêm, còn những nơi nào chưa có, chúng sẽ làm lan truyền. Chúng sẽ áp dụng mọi nỗ lực để kỳ thị và phá tán mọi biện pháp có nguy cơ tạo nên bất kỳ sự đoàn kết và thống nhất nào giữa những người... (*Bị kiểm duyệt*), ngoại trừ mỗi nước Nga. Như vậy, bất kỳ loại hình tổ chức quốc tế nào không chấp thuận sự thâm nhập và kiểm soát của cộng sản, cho dù là thiên chúa giáo... (*Bị kiểm duyệt*), về những vấn đề kinh tế quốc tế hay tình hữu nghị giữa các dân tộc, những đại diện của gia đình vua chúa và của tầng lớp quý tộc, nhất định bị đưa lên dàn hỏa thiêu và... (*Bị kiểm duyệt*).

g) Nói chung, mọi nỗ lực của Xô Viết ở cấp độ quốc tế không chính thức sẽ có tính chất rất tiêu cực và thiếu tính xây dựng. Chúng se nhằm vào hướng phá hoại những cội nguồn của bất kỳ sức mạnh nào không nằm trong tầm kiểm soát của Xô Viết. Điều này hoàn toàn phù hợp với bản chất chủ yếu của Xô Viết – đó là không khoan nhượng với bất kỳ sức mạnh đối đầu nào và công việc xây dựng chỉ có thể được bắt đầu khi chính quyền cộng sản đã nắm quyền thống trị. Tất cả những điều này sẽ không ngừng gây áp lực để thâm nhập và giành quyền kiểm soát đối với những vị trí then chốt trong bộ máy hành chính, đặc biệt là trong bộ máy cảnh sát của các quốc gia nước ngoài. Chế độ Xô Viết là một chế độ thiên về cảnh sát, được hình thành từ những âm mưu cảnh sát Nga hoàng tại một nửa bán cầu tăm tối. Chế độ đó đã quen với lối suy nghĩ, trước hết, theo quan điểm có sự hỗ trợ của cảnh sát. đây là điểm không bao giờ được phép bỏ qua khi cân nhắc những nguyên nhân Xô Viết.

#### *Phần 5: Những kết luận thực tiễn từ quan điểm chính trị Mỹ.*

Tóm lại, ở đây chúng ta có vấn đề về sức mạnh chính trị trung thành một cách cuồng tín với ý kiến cho rằng không thể chung sống (*modus vivendi*) cùng với Mỹ, rằng họ có ý nguyện và thấy cần thiết phải phá tan sự cân bằng bên trong của xã hội chúng ta, hủy diệt lối sống truyền thống của chúng ta, xóa bỏ ảnh hưởng quốc tế của quốc gia chúng ta nhằm bảo đảm cho nền an ninh của chính quyền Xô Viết. Sức mạnh chính trị đó có khả

năng chi phối hoàn toàn lòng nhiệt thành của một trong những dân tộc vĩ đại nhất trên thế giới và những nguồn lực của một lãnh thổ quốc gia giàu có nhất trên thế giới. Sức mạnh đó đang được chuyển động bởi những dòng chảy mạnh mẽ của chủ nghĩa dân tộc Nga. Ngoài ra, sức mạnh đó còn bao trùm cả một tổ chức phát triển rộng lớn để tạo nên ảnh hưởng đối với các nước khác. Mà bộ máy đó lại đang bị lãnh đạo bởi những kẻ có kinh nghiệm và thành thạo chưa từng có trong lịch sử trong lĩnh vực hoạt động ngầm. Sức mạnh đó, rõ ràng không đủ khả năng để lĩnh hội hiện thực trong những hành động của mình. Khác với chúng ta, đối với họ, một quỹ đầy đủ những yếu tố khách quan về xã hội loài người không phải là phương thức để thường xuyên liên hệ và điều chỉnh thế giới quan, mà chỉ là một cái túi có sẵn để lựa chọn tự do và tùy thích những công cụ hỗ trợ cho thế giới quan đã định trước. Đây thực sự là một bức tranh không mấy dễ chịu. Vấn đề là cần có thái độ ra sao đối với sức mạnh đó. Đây là một nhiệm vụ thực sự vĩ đại nhất có liên quan tới nền ngoại giao của chúng ta. Nó phải trở thành điểm tựa cho toàn bộ công tác chính trị của chúng ta trong giai đoạn hiện nay. Cần có cách tiếp cận nó thận trọng và cảnh giác, tựa như đối với việc giải quyết vấn đề chiến lược to lớn trong quá trình chiến tranh, cần có một kế hoạch đầy đủ. Tôi không có ý định trả lời hết mọi yêu cầu qua bản báo cáo này. Nhưng tôi muốn tuyên bố rằng, chúng ta có đủ khả năng để giải quyết vấn đề này mà không sa vào một cuộc xung đột quân sự. Và để khẳng định ý kiến này, tôi muốn dẫn chứng ra đây một vài nhận thức lạc quan như sau:

1) Chính quyền Xô Viết, khác với chính quyền ở nước Đức phát xít, không hề là một chính quyền đơn giản và phiêu lưu. Nó đang hoạt động trên cơ sở của những kế hoạch đã được vạch ra. Nó không liều lĩnh khi không cần thiết. Tuy là một chính quyền không có khả năng nhận thức đối với logic lý trí, song nó rất nhạy cảm với logic sức mạnh. Vì nguyên nhân này, nó có thể dễ dàng lùi bước và thường bùng nổ vào những giai đoạn mà nó gặp phải sự chống đối mạnh mẽ. Do đó, nếu đối phương có đủ sức mạnh và tỏ ra sẵn sàng nhắm thẳng vào nó, thì nó ít khi làm như thế. Quan điểm

thích hợp đối với những tình huống phát sinh là không để xảy ra những sự kiện liên quan tới việc làm suy giảm uy tín.

2) So với thế giới phương Tây nói chung, chế độ Xô Viết vẫn đang là một sức mạnh yếu kém hơn rất nhiều. Vì vậy, thành công của họ sẽ tùy thuộc vào mức độ hiện thực của sự đoàn kết, thái độ kiên quyết và tích cực mà thế giới phương Tây có thể đạt được. Chúng ta có đủ khả năng tác động vào yếu tố này.

3) Thành công của hệ thống Xô Viết, như các hình thái của quyền lực trong nước, vẫn chưa thể hiện hoàn toàn. Nó vẫn cần thể hiện rằng nó có thể chịu được thử thách quan trọng hơn của việc chuyển đổi quyền lực liên tục từ một nhân vật hay một nhóm người này sang cho một nhân vật hay một nhóm người khác. Sự chuyển đổi đầu tiên như vậy đã diễn ra nhân cái chết của Lenin và những hậu quả của nó đã gây chấn động tới quốc gia Xô Viết suốt 15 năm liền. Sự chuyển đổi lần thứ hai xảy ra sau cái chết của Xtalin. Song, thậm chí đó vẫn chưa phải là thử thách cuối cùng. Liên quan tới việc bành trướng lãnh thổ mới đây, hệ thống nội bộ Xô Viết sẽ phải chịu đựng hàng loạt thách thức giống như trước đây chế độ Nga hoàng đã phải gánh chịu. Trong vấn đề này, chúng tôi khẳng định rằng từ thời chiến tranh vệ quốc, nhân dân Nga chưa bao giờ thoát khỏi học thuyết của đảng cộng sản, như hiện nay. Đảng ở Nga giờ đây đã trở nên vĩ đại nhất, và vào thời điểm đó, là một bộ máy đặc biệt thành công của chính quyền chuyên chính, tuy nhiên nó không còn là nguồn động viên tinh thần nữa. Vì vậy, không nên coi sự vững chắc nội bộ và tính hiệu quả của nó là đã được khẳng định.

4) Toàn bộ tuyên truyền của Xô Viết trong khuôn khổ lĩnh vực an ninh Xô Viết chủ yếu là tiêu cực và không xây dựng. Nó dễ dàng trở nên đối lập với một chương trình mang tính xây dựng và có lý trí. Vì những nguyên nhân này, tôi nghĩ rằng chúng ta có thể tiếp cận một cách bình tĩnh và nhẹ nhàng việc giải quyết vấn đề về thái độ quan hệ với Nga. Để xác định cách tiếp cận này, tôi muốn vào phần kết luận những nhận xét sau:

1. Trước hết, chúng ta cần chấp nhận và công nhận đặc điểm của phong trào này, như nó vốn có và chúng ta có liên quan. Chúng ta cần nghiên cứu sự bạo dạn, tính chất vô nguyên tắc, tính khách quan của nó, cũng như tính chất quyết liệt của nó trong việc không chấp nhận sự can thiệp tinh thần hay việc tin vào một bác sĩ đang chữa trị cho bệnh nhân khó bảo và nông nổi.

1. Chúng ta cần bảo đảm để công chúng của ta biết đến tình hình thực tế ở Nga. ý nghĩa của vấn đề này không thể đánh giá hết được. Chỉ có báo chí thì không thể làm được việc đó. Đây là điều mà chủ yếu chính phủ phải làm – một chính phủ phải có kinh nghiệm to lớn và được thông tin tốt nhất về những vấn đề thực tiễn thích hợp. Tôi tin rằng trong đất nước của chúng ta hiện nay có không ít phong trào chống Xô Viết cuồng nhiệt, nếu nhân dân ta được hiểu biết đầy đủ hơn về hiện thực của tình hình. Không có gì đáng sợ hơn và nguy hiểm hơn sự thiếu thông tin. Ai đó có thể nói rằng việc đưa ra những thông tin về những khó khăn của chúng ta sẽ làm cho quan hệ Nga – Mỹ xấu đi. Tôi cho rằng, nếu trong vấn đề này còn có một nguy cơ hiện thực nào đó, thì đó là chúng ta cần phải dũng cảm đối mặt và càng sớm càng tốt. Tuy nhiên, tôi không cho rằng chúng ta đang liều lĩnh. Hy vọng của chúng ta ở đất nước này đặc biệt thấp, kể cả khi có xảy ra những cuộc biểu tình ủng hộ tình hữu nghị của chúng ta với nhân dân Nga. Tại nước này chúng ta không có những đầu tư tư bản cần bảo vệ, thực sự không có buôn bán để có thể mất, thực sự cũng không có những công dân của ta cần được bảo vệ và cũng có rất ít quan hệ văn hóa cần giữ gìn. Hy vọng duy nhất của chúng ta không phải ở những gì chúng ta đang có, mà ở những gì chúng ta mong chờ. Và tôi khẳng định rằng chúng ta sẽ có nhiều cơ hội hơn để hiện thực hóa niềm tin của chúng ta, nếu công luận của chúng ta được giáo dục và nếu những mối quan hệ của chúng ta với người Nga được thiết lập trên nền tảng hiện thực, thực tế.

1. Có nhiều điều tùy thuộc vào sự lành mạnh và lòng nhiệt thành của xã hội chúng ta. Chủ nghĩa cộng sản thế giới giống như ký sinh trùng mang bệnh, chỉ có thể sống trong người bệnh. Đây là điểm làm biến đổi đường lối đối nội và đối ngoại. Mỗi biện pháp dũng cảm và sắc bén nhằm giải quyết những vấn đề nội bộ của xã hội chúng ta, nhằm củng cố niềm tin vào sức mạnh của chính chúng ta, vào những nguyên tắc tinh thần xã hội và đạo đức của nhân dân ta sẽ là một chiến thắng về mặt ngoại giao đối với Matxcơva có giá trị ngang với cả ngàn bức công hàm ngoại giao và thông cáo chung. Nếu chúng ta không thể tránh khỏi định mệnh và sự thờ ơ với những yếu điểm của xã hội chúng ta, thì Matxcơva sẽ lợi dụng chính điều đó – Matxcơva không thể không tận dụng điều đó trong đường lối đối ngoại của mình.

1. Chúng ta phải vạch ra trước các dân tộc khác một bức tranh mang tính xây dựng và tích cực hơn về một thế giới mà chúng ta muốn có, nếu không chúng ta sẽ lùi vào quá khứ. Chỉ kêu gọi mọi người phát triển các tiến trình chính trị như của chúng ta là chưa đủ. Nhiều dân tộc, chí ít là ở châu Âu, đã mệt mỏi và kinh sợ kinh nghiệm của quá khứ. Họ ngày càng quan tâm hơn tới an ninh, thậm chí là nền tự do trù tượng. Họ mong muốn có được những lời khuyên, sự nhận lãnh trách nhiệm về mình. Chúng ta phải có một tình thế tốt hơn Nga để trao cho họ điều đó. Và điều này, nếu chúng ta không làm được, thì người Nga nhất định sẽ làm.

1. Cuối cùng, chúng ta phải có lòng quả cảm và niềm tin để thực thi những phương pháp và công thức của riêng mình về xã hội loài người. Rút cuộc, mối nguy hiểm lớn nhất mà chúng ta có thể gặp phải khi giải quyết vấn đề của chủ nghĩa cộng sản Xô Viết là cơ hội để chúng ta cho phép mình trở thành chính những kẻ mà chúng ta đang đối đầu.

*Kennan*

**Phụ lục N°2.**



## Những trung tâm Xô viết học chủ yếu của Mỹ

Trường Quan hệ quốc tế

Đại học tổng hợp Columbia

Viện Nghiên cứu tương lai Liên Xô Averell Garriman

Đại học tổng hợp Columbia

Chương trình về các dân tộc Liên Xô

Đại học tổng hợp Columbia

Viện Nghiên cứu các vấn đề biến động quốc tế

Đại học tổng hợp Columbia

Viện Trung – Đông Âu

Đại học tổng hợp Columbia

Viện Đông Á

Đại học tổng hợp Columbia

Viện Nam Á

Đại học tổng hợp Columbia

Viện Trung Đông

Đại học tổng hợp Columbia

Viện Tây Âu

Đại học tổng hợp Columbia

Viện Những nghiên cứu Mỹ

Đại học tổng hợp Columbia

Viện Những nghiên cứu Mỹ La tinh và Tây Ban Nha – Bồ Đào Nha

Đại học tổng hợp Columbia

Viện Nghiên cứu về Israel và Do Thái

Đại học tổng hợp Columbia

Hội đồng về những nghiên cứu châu Âu

Đại học tổng hợp Columbia

Trung tâm Những nghiên cứu trong lĩnh vực  
Đại học tổng hợp Columbia  
Trung tâm Nghiên cứu kinh tế quốc tế  
Đại học tổng hợp Columbia  
Hội đồng Mỹ  
Đại học tổng hợp Columbia  
Trung tâm về những nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội  
Đại học tổng hợp Columbia  
Trung tâm Nghiên cứu quốc tế  
Đại học tổng hợp New-York  
Nhóm Nghiên cứu các vấn đề chủ nghĩa xã hội và dân chủ  
Đại học tổng hợp New-York  
Trung tâm A. Bildner về nghiên cứu bán cầu Tây  
Đại học tổng hợp New-York  
Viện Nghiên cứu các vấn đề hòa bình và phát triển ở Trung Đông  
Đại học tổng hợp New-York  
Hiệp hội Nghiên cứu các dân tộc ở Liên Xô và Đông Âu  
Đại học tổng hợp New-York  
Viện Nghiên cứu chính trị thế giới  
Đại học tổng hợp New-York  
Trung tâm Phục hồi dân chủ phương Tây  
Đại học tổng hợp New-York  
Hội Bảo vệ nhân quyền ở Đông Á  
Đại học tổng hợp New-York  
Quỹ Thế kỷ XX Đại học tổng hợp New-York  
Trung tâm Cơ đốc giáo mang tên Joan XXIII  
Đại học tổng hợp New-York

Trung tâm Nghiên cứu về Ki tô giáo ở phương Đông  
Đại học tổng hợp New-York  
Viện khoa học về phát triển học vấn  
Đại học tổng hợp New-York  
Viện Nghiên cứu các vấn đề an ninh trong quan hệ Đông – Tây  
Đại học tổng hợp New-York  
Trung tâm Nghiên cứu quốc tế  
Đại học tổng hợp Cornell  
Chương trình Những nghiên cứu so sánh và chính trị đối ngoại  
Đại học tổng hợp Siracusa  
Viện Nghiên cứu chính trị thế giới  
Đại học tổng hợp Siracusa  
Viện Nghiên cứu nhân đạo  
Đại học tổng hợp Siracusa  
Trung tâm Thông tin chiến lược quốc gia  
Đại học tổng hợp Siracusa  
Ủy ban vì thế giới tự do  
Đại học tổng hợp Siracusa  
Trung tâm Nghiên cứu chiến lược và quốc tế  
Đại học tổng hợp Georgertown  
Trung tâm Đạo đức học và Chính trị xã hội  
Đại học tổng hợp Georgertown  
Viện Những nghiên cứu trong lĩnh vực ngoại giao  
Đại học tổng hợp Georgertown  
Trung tâm Nghiên cứu Arập hiện đại  
Đại học tổng hợp Georgertown  
Trung tâm Chính sách di trú và Hỗ trợ người tỵ nạn

Đại học tổng hợp Georgetown  
Viện Nghiên cứu Xô – Trung  
Đại học tổng hợp Georger Washington  
Trung tâm về Những nghiên cứu trong lĩnh vực liên lạc viên thông  
Đại học tổng hợp Georger Washington  
Trung tâm Nghiên cứu chính trị đối ngoại tại Washington  
Đại học tổng hợp John Hopkins  
Viện Nghiên cứu chính trị nước ngoài  
Đại học tổng hợp John Hopkins  
Viện Nghiên cứu Bruklin  
Đại học tổng hợp John Hopkins  
Viện Nghiên cứu Quốc phòng  
Đại học tổng hợp John Hopkins  
Viện Nghiên cứu Hải quân  
Đại học tổng hợp John Hopkins  
Đại học Quốc phòng  
Đại học tổng hợp John Hopkins  
Viện Nghiên cứu Smithson  
Đại học tổng hợp John Hopkins  
Trung tâm quốc tế dành cho các nhà khoa học Woodro Wilson  
Đại học tổng hợp John Hopkins  
Viện Nghiên cứu nước Nga tương lai J. Kennan  
Đại học tổng hợp John Hopkins  
Viện Nghiên cứu chính trị  
Đại học tổng hợp John Hopkins  
Viện Doanh nghiệp Mỹ nghiên cứu trong lĩnh vực chính trị – xã hội  
Đại học tổng hợp John Hopkins

Quỹ Di sản

Đại học tổng hợp John Hopkins

Viện nghiên cứu chính trị quốc tế

Đại học tổng hợp John Hopkins

Viện cộng hòa quốc gia nghiên cứu các quan hệ quốc tế

Đại học tổng hợp John Hopkins

Viện Nghiên cứu Trung Đông

Đại học tổng hợp John Hopkins

Trung tâm Thông tin về những vấn đề quốc phòng

Đại học tổng hợp John Hopkins

Trung tâm Nghiên cứu các vấn đề an ninh quốc gia

Đại học tổng hợp John Hopkins

Hội đồng Đại Tây dương Mỹ

Đại học tổng hợp John Hopkins

Viện Nghiên cứu về tinh thần và các quan hệ quốc tế

Đại học tổng hợp John Hopkins

Viện Nghiên cứu chiến lược Mỹ

Đại học tổng hợp John Hopkins

Viện Những nghiên cứu quốc tế tương lai

Đại học tổng hợp John Hopkins

Viện Nghiên cứu Mỹ trong lĩnh vực khoa học hành vi

Đại học tổng hợp John Hopkins

Viện Bảo vệ hòa bình

Đại học tổng hợp John Hopkins

Trung tâm An ninh quốc tế

Đại học tổng hợp John Hopkins

Ủy ban về những vấn đề an ninh quốc gia

Đại học tổng hợp John Hopkins  
Trung tâm Nghiên cứu Thiên chúa giáo quốc tế  
Đại học tổng hợp John Hopkins  
Viện Kiểm soát vũ khí hạt nhân  
Đại học tổng hợp John Hopkins  
Trung tâm Chính trị quốc gia  
Đại học tổng hợp John Hopkins  
Ủy ban Mỹ vì sự đồng thuận giữa Đông và Tây  
Đại học tổng hợp John Hopkins  
Nghịệp đoàn phục vụ phân tích  
Đại học tổng hợp John Hopkins  
Hội đồng quốc gia về những nghiên cứu Xô Viết và Đông Âu  
Đại học tổng hợp John Hopkins  
Trung tâm Nghiên cứu hoạt động của Quốc hội và Tổng thống  
Đại học tổng hợp John Hopkins  
Viện Nghiên cứu ký ức Battell  
Đại học tổng hợp John Hopkins  
Ủy ban về nguy cơ hiện hữu  
Đại học tổng hợp John Hopkins  
Hội đồng vì một thế giới đầy sức sống  
Đại học tổng hợp Mỹ  
Quỹ quốc gia hỗ trợ nền dân chủ  
Đại học tổng hợp Mỹ  
Các công dân ngoài nước Mỹ  
Đại học tổng hợp Mỹ  
Liên minh vì sáng kiến phòng thủ chiến lược  
Đại học tổng hợp Mỹ

Viện Nghiên cứu luật quốc tế  
Đại học tổng hợp Mỹ  
Viện đào tạo quân sự cấp cao  
Đại học tổng hợp Mỹ  
Viện Nghiên cứu chiến lược quốc gia  
Đại học tổng hợp Mỹ  
Trung tâm về các quan hệ quốc tế  
Đại học tổng hợp Havard  
Trung tâm Nghiên cứu Nga  
Đại học tổng hợp Havard  
Viện Phát triển quốc tế Haward  
Đại học tổng hợp Havard  
Trung tâm về nghiên cứu Đông Á  
Đại học tổng hợp Havard  
Viện Hoạt động chính trị  
Đại học tổng hợp Havard  
Trung tâm về khoa học và các quan hệ quốc tế trực thuộc  
Trường Hoạt động quốc gia mang tên F. Kenedy  
Đại học tổng hợp Havard  
Trường Luật và Ngoại giao Fletserov  
Đại học tổng hợp Taft  
Viện Phân tích chính trị đối ngoại  
Đại học tổng hợp Taft  
Trung tâm Những nghiên cứu quốc tế và khu vực  
Đại học tổng hợp Wermont  
Trung tâm Nghiên cứu Đông Âu và Liên Xô  
Đại học tổng hợp Conneticut

Trung tâm Nghiên cứu dư luận xã hội Rowper  
Đại học tổng hợp Conneticut  
Trung tâm Nghiên cứu khu vực và quốc tế  
Đại học tổng hợp Yale  
Trung tâm Phát triển chính trị nước ngoài  
Đại học tổng hợp Brown  
Viện Công nghệ Massachusetts  
Đại học tổng hợp Brown  
Trung tâm Nghiên cứu quốc tế  
Đại học tổng hợp Brown  
MITRE Coporation  
Đại học tổng hợp Brown  
Trung tâm Nghiên cứu văn học Nga mới  
Đại học tổng hợp bang Massachusetts  
Viện Nghiên cứu các vấn đề phòng thủ và giải trừ quân bị  
Đại học tổng hợp bang Massachusetts  
Viện Hàn lâm Nghệ thuật và Khoa học Mỹ  
Đại học tổng hợp bang Massachusetts  
Trung tâm Nghiên cứu quốc tế  
Đại học tổng hợp Prinston  
Chương trình Những nghiên cứu Nga  
Đại học tổng hợp Prinston  
Hội đồng về Nghiên cứu khu vực và quốc tế  
Đại học tổng hợp Prinston  
Trung tâm Tổng hợp nghiên cứu quốc tế  
Đại học tổng hợp Pittsburg  
Chương trình Nghiên cứu Đông Âu và Nga



Đại học tổng hợp Pittsburg  
Trung tâm Nghiên cứu quốc tế tương lai  
Đại học tổng hợp Miami  
Viện Nghiên cứu chính trị đối ngoại  
Đại học tổng hợp Miami  
Chương trình Nghiên cứu Nga  
Đại học tổng hợp Wisconsin – Medison  
Trung tâm Nghiên cứu Đông Âu và Nga  
Đại học tổng hợp Michigan  
Tập đoàn tài chính liên đại học về những nghiên cứu xã hội và chính trị  
Đại học tổng hợp Michigan  
Trung tâm Nghiên cứu Xlavơ và Balkan  
Đại học tổng hợp Chicago  
Trung tâm Nghiên cứu Viễn Đông  
Đại học tổng hợp Chicago  
Trung tâm Nghiên cứu Về Trung Đông  
Đại học tổng hợp Chicago  
Trung tâm Ngôn ngữ và khu vực Nam Á  
Đại học tổng hợp Chicago  
Viện Nghiên cứu các vấn đề truyền thông  
Đại học tổng hợp Illinois  
Trung tâm Đông Âu và Nga  
Đại học tổng hợp Illinois tại Urban-Sampein  
Trung tâm Các quan hệ quốc tế  
Đại học tổng hợp Indian  
Viện Đông Âu và Nga Đại học tổng hợp Indian  
Trung tâm Văn kiện về các quan hệ quốc tế

Đại học tổng hợp Notr-Dam  
Viện Hudson  
Đại học tổng hợp Notr-Dam  
Trung tâm Merson về nghiên cứu và học vấn trong lĩnh vực an ninh quốc gia và chính trị xã hội Đại học tổng hợp bang Ohio  
Nghịệp đoàn nghiên cứu thuộc ủy ban Brandt  
Đại học tổng hợp bang Ohio  
Viện các nghiên cứu Đông Âu và Nga  
Đại học tổng hợp John Carrol  
Trung tâm Nghiên cứu về NATO L. Lemnitser  
Đại học tổng hợp Kent  
Trường cao đẳng Island  
Đại học tổng hợp Kent  
Trung tâm về chính trị xã hội John M. Esbruc  
Đại học tổng hợp Kent  
Trung tâm Phát triển quốc tế  
Đại học tổng hợp Mariland  
Trung tâm Nghiên cứu về chính trị toàn cầu  
Đại học tổng hợp bang Georgia  
Viện Các quan hệ quốc tế mang tên W. Fullbright  
Đại học tổng hợp Arkansas  
Trung tâm Công nghệ chiến lược  
Đại học tổng hợp Texas  
Viện Nghiên cứu quân sự Đại học tổng hợp Texas  
Trung tâm về Các lý thuyết khí động học, Nghiên cứu và Học vấn  
Đại học tổng hợp Hàng không  
Viện Nghiên cứu Không lực

Đại học tổng hợp Hàng không  
Viện Nghiên cứu ba bên  
Đại học tổng hợp Duke  
Viện Nghiên cứu quốc tế Đại học tổng hợp Nam Carolina ở Columbia  
Hiệp hội Nghiên cứu quốc tế  
Đại học tổng hợp Nam Carolina ở Columbia  
Trung tâm Nghiên cứu Đông Âu và Liên Xô  
Đại học tổng hợp Kansas  
Trung tâm Nghiên cứu quốc tế Kuingli  
Đại học tổng hợp Minnesota  
Dự án Hòa bình trên toàn thế giới Gardoll E. Stassen  
Đại học tổng hợp Minnesota  
Viện Nghiên cứu quốc tế của  
Đại học tổng hợp California ở Berkeley  
Viện Tương lai  
Đại học tổng hợp California ở Berkeley  
Chương trình Quan hệ Trung – Mỹ  
Đại học tổng hợp Stanford  
Trung tâm về Các vấn đề an ninh quốc tế và kiểm soát vũ trang  
Đại học tổng hợp Stanford  
Viện Nghiên cứu khoa học quốc tế Stanford  
Đại học tổng hợp Stanford  
Viện Huver về Các vấn đề chiến tranh, cách mạng và hòa bình  
Đại học tổng hợp Stanford  
Viện về Các vấn đề hợp tác và xung đột toàn cầu tại la Ioll  
Đại học tổng hợp California  
Viện Nghiên cứu quốc tế California tại la Ioll

Đại học tổng hợp California  
Trung tâm về Quan hệ chiến lược và quốc tế tại Los Angeles  
Đại học tổng hợp California  
Viện Nghiên cứu chủ nghĩa quân phiệt và các khủng hoảng kinh tế  
tại Los Angeles Đại học tổng hợp California  
Viện Những nghiên cứu hiện đại  
tại Los Angeles Đại học tổng hợp California  
Trung tâm Nghiên cứu chủ nghĩa Mác tại Los Angeles  
Đại học tổng hợp California  
Quan điểm thập tự Thiên chúa giáo chống chủ nghĩa cộng sản  
tại Los Angeles Đại học tổng hợp California  
RAND Coporation  
Trung tâm về Nghiên cứu hành vi Liên Xô trên thế giới  
RAND Coporation tại Los Angeles  
Đại học tổng hợp California  
Viện Các khoa học hành vi phương Tây tại Los Angeles  
Đại học tổng hợp California  
Trung tâm Trao đổi kỹ thuật và văn hóa giữa Đông và Tây (Trung tâm  
Đông – Tây)  
Đại học tổng hợp Hawaii  
Viện Luật biển  
Đại học tổng hợp Hawaii  
Thư viện Quốc hội Mỹ  
Hội đồng Các quan hệ quốc tế  
Hiệp hội Kế hoạch hóa quốc gia  
Quỹ Carnegi dành cho những mục tiêu hòa bình quốc tế  
Những nghiên cứu Nga

Đại học tổng bang Iowa  
Chương trình nghiên cứu Nga  
Đại học tổng hợp Mỹ  
Trung tâm Nghiên cứu Nga  
Đại học tổng hợp Arizona  
Chương trình Nghiên cứu Đông Âu và Liên Xô  
Đại học tổng hợp Boston  
Trung tâm về Nghiên cứu các nước và ngôn ngữ Slavơ  
Đại học tổng hợp Vanderbilt  
Chương trình Nghiên cứu Nga tại Seattle  
Đại học tổng hợp Washington  
Trung tâm Nghiên cứu Nga tại Seattle  
Đại học tổng hợp Washington  
Trung tâm Nghiên cứu Đông Âu và Nga tại Charlotte  
Đại học tổng hợp Virginia  
Chương trình Nghiên cứu Đông Âu và Nga  
Đại học tổng hợp George Washington  
Chương trình Nghiên cứu Nga  
Đại học tổng hợp Georgertown  
Những nghiên cứu Đông Âu và Nga  
Đại học tổng hợp Tây Michigan  
Hội đồng Nghiên cứu Nga và Đông Âu  
Đại học tổng hợp Yale  
Trung tâm Nghiên cứu Nga và Đông Âu  
Đại học tổng hợp California  
Trung tâm Nga và Đông Âu tại Los Angeles  
Đại học tổng hợp California

Trung tâm Nghiên cứu Xlavơ và Đông Âu  
Đại học tổng hợp Colorado  
Ủy ban về Nghiên cứu Liên Xô  
Đại học tổng hợp Cornelli  
Trung tâm Nghiên cứu Nga  
Đại học tổng hợp bang Louisiana  
Chương trình Nghiên cứu Liên Xô và Đông Âu  
Đại học tổng hợp Massachusetts  
Chương trình Nghiên cứu Nga  
Đại học tổng hợp Minnesota  
Trung tâm Nghiên cứu Nga và Đông Âu  
Đại học tổng hợp Missouri  
Chương trình Nghiên cứu Liên Xô và Đông Âu  
Đại học tổng hợp Maryland  
Chương trình Nghiên cứu Liên Xô và Đông Âu  
Đại học tổng hợp Notre Dame  
Hiệp hội Các giáo sư và giảng viên của Đại học tổng hợp bang New-York nhằm tiến hành nghiên cứu Nga và Đông Âu  
Chương trình Nghiên cứu Nga và Đông Âu tại Binghamton  
Đại học tổng hợp bang New- York  
Chương trình Nghiên cứu Liên Xô, các nước Đông Âu và Trung Âu  
tại Buffalo Đại học tổng hợp bang New- York  
Ủy ban về Nghiên cứu Đông Âu tại Olbani  
Đại học tổng hợp bang New- York  
Trung tâm Nghiên cứu Xlavơ và Đông Âu  
Đại học tổng hợp bang Ohio  
Trung tâm Nghiên cứu Nga và Xô Viết

Đại học tổng hợp Oklahoma  
Chương trình nghiên cứu Xô Viết  
Trường cao đẳng Occidental  
Trung tâm Nghiên cứu ngôn ngữ và các vùng Liên Xô, các nước Xlavơ  
Đại học tổng hợp Pensillvania  
Trung tâm Nghiên cứu Trung Âu  
Đại học tổng hợp Portland  
Những nghiên cứu Nga  
Đại học tổng hợp Rocherter  
Trung tâm Nghiên cứu Nga và Đông Âu  
Đại học tổng hợp Rowen  
Những nghiên cứu Nga  
Trường cao đẳng Redclif  
Chương trình chung những nghiên cứu Nga và Đông Âu  
Đại học tổng hợp bang Bắc Carolina và Đại học tổng hợp Duke  
Viện Nghiên cứu Xlavơ  
Đại học tổng hợp bang Bắc Ohio  
Hội đồng về Những nghiên cứu Nga  
Đại học tổng hợp Siracuse  
Chương trình nghiên cứu Nga  
Đại học tổng hợp Setton – Holls  
Trung tâm Nghiên cứu Nga và Đông Âu  
Đại học tổng hợp Stanford  
Chương trình nghiên cứu Nga và châu Á  
Đại học tổng hợp Stetson  
Ủy ban về Nghiên cứu Đông Âu  
Đại học tổng hợp Texas

Chương trình nghiên cứu Liên Xô  
Đại học tổng hợp Akron  
Chương trình nghiên cứu Xô Viết  
Đại học tổng hợp Emori  
Viện Nghiên cứu Liên Xô  
Ban Thông tin và Nghiên cứu về Nga  
Hội đồng quốc gia về Nghiên cứu Liên Xô và các nước Đông Âu  
Viện nghiên cứu xã hội, kinh tế và điều hành  
Đại học tổng hợp bang Alaska  
Hội Nghiên cứu các dân tộc Đông Âu, Bắc và Trung Á của Mỹ  
Trung tâm Nghiên cứu miền Bắc  
Đại học tổng hợp bang Vermont  
Viện Ucraina  
Đại học tổng hợp Harvard  
Bộ môn Nghiên cứu Ural và Altai  
Đại học tổng hợp bang Idiana  
Quỹ Nghiên cứu Ucraina  
Trung tâm Nghiên cứu Nga, Đông Âu và châu Á  
Trường cao đẳng Boston  
Viện Hồi ký Battel  
Hội thảo Công nghệ tôn vinh luật pháp Sv. Vladimir  
Chương trình nghiên cứu Liên Xô và khu vực Đông Âu  
Đại học tổng hợp Havard  
Khoa Những ngôn ngữ và văn học Xlavơ  
Đại học tổng hợp George Washington  
Phân ban Nga của Khoa Ngoại ngữ và văn học  
Đại học tổng hợp Georger Mason



Khoa Văn học và ngôn ngữ Nga  
Đại học tổng hợp Georgetown  
Trung tâm chiến lược và kinh tế nghiệp đoàn  
Đại học tổng hợp Duke  
Hội thảo Nghiên cứu Nga  
Đại học tổng hợp Yale  
Phòng thí nghiệm Nghiên cứu những vấn đề dân chủ tại Los Angeles  
Đại học tổng hợp California  
Trung tâm Nghiên cứu hệ thống giáo dục xã hội  
Đại học tổng hợp Kent  
Phân ban Nga của Khoa Ngôn ngữ Slavơ và Đức  
Đại học tổng hợp Maryland  
Viện Nghiên cứu Nhà hát và Kịch Đông Âu  
Đại học tổng hợp thành phố New York  
Hội nghị Xô – Mỹ về văn học Nga  
Đại học tổng hợp Tây Bắc  
Khoa Nga Trường cao đẳng Trinity  
Trung tâm nghiên cứu Thiên chúa giáo phương Đông  
Đại học tổng hợp Fordham  
Viện Đào tạo tâm lý và quân sự  
Tổ chức Nghiên cứu và đánh giá lịch sử quân sự  
Hội đồng về những ưu tiên kinh tế  
Trung tâm Phân tích chiến dịch hải quân  
Trung tâm nghiên cứu Tình hình tôn giáo  
và Quyền con người trong những xã hội khép kín  
Trung tâm nghiên cứu các nước  
Đại học tổng hợp Mỹ

Nghiên cứu những xã hội đang biến đổi  
Trường cao đẳng Brooklyn  
Viện Tâm lý chính trị  
Trường cao đẳng Brooklyn  
Viện Nghiên cứu so sánh các khu vực ở nước ngoài  
Đại học tổng hợp Washington  
Viện Tây Âu  
Đại học tổng hợp Columbia  
Văn phòng nghiên cứu kinh tế nông nghiệp  
Đại học tổng hợp Chicago  
Ủy ban Nghiên cứu văn học đối chiếu  
Đại học tổng hợp Chicago  
Viện nghiên cứu về những vấn đề của Khối Xô – Trung  
Quỹ đào tạo kinh tế  
Trung tâm nghiên cứu Nhà hát quốc tế  
Đại học tổng hợp bang Kansas  
Trung tâm nghiên cứu những phương pháp giải quyết xung đột  
Đại học tổng hợp George Mason  
Viện Cake về Những nghiên cứu chiến lược quốc tế  
Đại học tổng hợp Clermont  
Chương trình nghiên cứu Các vấn đề thế giới  
Đại học tổng hợp Cornelli  
Trung tâm nghiên cứu Đông Nam Á  
Đại học tổng hợp Cornelli  
Trung tâm nghiên cứu quốc tế  
Đại học tổng hợp Cornelli  
Trung tâm nghiên cứu quốc tế

Đại học Công nghệ Massachusetts  
Trung tâm các vấn đề quốc tế Minnesota  
Đại học tổng hợp Minnesota  
Trung tâm nghiên cứu quốc tế  
Đại học tổng hợp Pittsburgh  
Trung tâm nghiên cứu Giải quyết hòa bình các xung đột  
Đại học tổng hợp Wener  
Viện Nghiên cứu chính trị nước ngoài  
Đại học tổng hợp Philadelphia  
Viện Nghiên cứu quốc tế  
Đại học tổng hợp bang Florida  
Viện Nghiên cứu quốc tế  
Đại học tổng hợp Ferli Dickinson  
Hội thảo các trường đại học về vấn đề “Lực lượng vũ trang và xã hội”  
Đại học tổng hợp Chicago  
Trung tâm Nghiên cứu chiến lược và chính trị nước ngoài  
Đại học tổng hợp Chicago  
Trung tâm Nghiên cứu các vấn đề thế giới  
Đại học tổng hợp Akron  
Trung tâm nghiên cứu quốc tế  
Đại học tổng hợp Emori  
Viện Quan hệ quốc tế  
Đại học tổng hợp bang Utah  
Hội đồng Đại Tây dương Mỹ  
Phân hiệu Washington  
Trung tâm Nghiên cứu chiến lược  
Viện Phân tích chính trị nước ngoài

Viện Nghiên cứu chính trị nước ngoài  
Viện Nghiên cứu những vấn đề hiện đại  
Viện Hòa bình thế giới  
Viện Quan hệ Mỹ – Liên Xô  
Hội quốc tế về Nghiên cứu các vấn đề thế giới  
Nghịệp đoàn Nghiên cứu Chính phủ  
Viện Nghiên cứu lịch sử Eisenhower  
Trung tâm TEMP – Tổ hợp Công nghiệp quân sự “General Electric”  
Viện Nga của Quân đội Mỹ  
Hãng Royteur  
Ủy ban vì Hòa bình từ quan điểm sức mạnh  
Phòng Nghiên cứu của Quốc hội  
Viện Tìm kiếm chương trình hành động chung  
Viện các vấn đề nhân đạo Espin  
Trung tâm Washington Nghiên cứu chính trị đối ngoại Robert Oshud  
Hiệp hội Mỹ “Đóng góp quốc gia vào nền dân chủ”  
Hãng thông tấn Nghiên cứu các dự án tương lai về vấn đề phòng thủ  
Trung tâm Meridian  
Trường cao đẳng Oberlin

### **Phụ lục N°3.**

#### Những nhà Xô viết học Mỹ

Brzezinski Zbigniew Alfred. Sinh năm 1928 tại Warszawa, trong gia đình một nhà ngoại giao từng được bổ nhiệm công tác tại Canada; vợ là cháu của cựu Tổng thống Tiệp Khắc Benes; nhập quốc tịch Mỹ năm 1958. Học vấn: tú tài và cử nhân tại Trường đại học tổng hợp McGill (Montreal, Canada, năm 1949); tiến sĩ triết học tại Trường đại học tổng hợp Harvard năm 1953. Năm 1953-1962 là nhân viên khoa học, sau là giáo sư Trung tâm

ngiên cứu Nga của Trường đại học tổng hợp Harward; năm 1960 là giáo sư môn điều hành quốc gia Trường đại học tổng hợp Columbia; năm 1962-1976 là người sáng lập và là giám đốc đầu tiên của Viện Nghiên cứu các vấn đề về chủ nghĩa cộng sản (năm 1975 đổi thành Viện Những thay đổi quốc tế của Trường đại học tổng hợp Columbia; năm 1968 là cố vấn, thành viên Hội đồng Hoạch định chính sách Bộ Ngoại giao Mỹ; từ năm 1973 làm lãnh đạo Hội đồng Quan hệ quốc tế; năm 1977-1981 làm trợ lý cho Tổng thống J. Carter về vấn đề an ninh quốc gia; từ năm 1981 là cố vấn của Trung tâm Nghiên cứu chiến lược và quốc tế của Trường đại học tổng hợp Georgetown ở Washington. Năm 1981 được thưởng Huy chương “Tự do”. Tác giả và đồng tác giả của 20 cuốn sách.

Billington Jams. Sinh năm 1929. Tú tài và cử nhân của Trường đại học tổng hợp Princeton năm 1950; tiến sĩ triết học của Trường đại học tổng hợp Oxford năm 1953. Quan tâm tới nước Nga ngay từ khi còn học phổ thông do hội chứng – Tại sao các nước châu Âu đã gục ngã trước đòn tấn công của Hítler, ngoại trừ Liên Xô; cuốn sách đầu tiên về nước Nga mà ông ta đã đọc là “Chiến tranh và hòa bình” của L. Tolxtoy. Năm 1953-1956 phục vụ trong quân đội với quân hàm trung úy. Từ cuối những năm 1950 là nhân viên khoa học của Trung tâm Nghiên cứu quốc tế Trường đại học tổng hợp Princeton; từ năm 1973 là giáo sư môn lịch sử Nga của trường này; từ năm 1975 làm Giám đốc Trung tâm quốc tế Những nhà khoa học mang tên V. Wilson của Trường đại học tổng hợp Smithsonian (Washington); năm 1985 là một trong số 6 chuyên gia tư vấn cho Tổng thống Mỹ R. Reagan trước chuyến đến Geneve gặp mặt lần đầu với M. X. Gorbachov; từ năm 1988 giữ cương vị Giám đốc Thư viện Quốc hội Mỹ; là chủ tịch Hiệp hội Mỹ Nghiên cứu Xlavơ; đã nhiều lần sang Liên Xô (lần đầu tiên vào năm 1957, sau đó viết bài “Sự hồi sinh của giới trí thức Nga”, đã từng làm việc tại Thư viện Lênin). Là chuyên gia trong lĩnh vực văn hóa Nga, thành viên của Hội đồng Quan hệ quốc tế. Tác giả của 3 cuốn sách.

Gollmen Marshall D. Sinh năm 1930. Học vấn: tú tài Trường đại học tổng hợp Pensilvania năm 1952; cử nhân Trường đại học tổng hợp Harward

năm 1956; tiến sĩ triết học của Trường đại học tổng hợp Harvard năm 1961. Những năm 1953-1955 phục vụ trong quân đội; từ năm 1957 là giảng viên môn kinh tế – chính trị, làm phó giáo sư, giáo sư rồi trưởng Khoa Kinh tế của Trường đại học tổng hợp Harvard, thành viên ban Giám đốc ngân hàng; những năm 1964-1975 là thành viên ủy ban Những nhà dc; từ năm 1975 là đồng giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Nga Harvard, thành viên của ban tư vấn Xô Viết học cho Tổng thống G. Bush tổ chức vào ngày 12 tháng 2 năm 1989. Tác giả của 11 cuốn sách về kinh tế Xô Viết và bài báo “Hãy giải tán, đừng trở thành thù địch” được đăng trên báo chí Xô Viết.

Dallin Aleksandr Davydovich. Sinh năm 1924 tại Berlin, đến nước Mỹ năm 1940, nhập quốc tịch Mỹ năm 1943. Học vấn: tú tài Trường cao đẳng New-York năm 1946; cử nhân Trường đại học tổng hợp Columbia năm 1947 và thành tiến sĩ triết học của trường này vào năm 1953. Những năm 1943-1946 phục vụ trong quân đội. Những năm 1956-1971 là trợ giảng, phó giáo sư và giáo sư môn quan hệ quốc tế của Trường đại học tổng hợp Columbia (vào thời gian đó A. N. Iacovlev và O. D. Kalugin sang học tại trường này); những năm 1962-1967 là Giám đốc Viện Nga của trường này, đồng thời vào năm 1962-1970 là cố vấn của Bộ Ngoại giao Mỹ; năm 1971-1978 là giáo sư môn lịch sử và chính trị học, sau làm Chủ tịch ủy ban Kế hoạch hóa Nghiên cứu Nga và Đông Âu của Trường đại học tổng hợp Stanford; làm Giám đốc của Viện Garrimanov Nghiên cứu sâu về Liên Xô của Trường đại học tổng hợp Columbia; là Chủ tịch Hiệp hội Mỹ Nghiên cứu Xlavơ, Chủ tịch Hội đồng quốc gia về Nghiên cứu Xô Viết và Đông Âu; thành viên của Hội đồng Quan hệ quốc tế. Tác giả và đồng tác giả hoặc chủ biên của 14 cuốn sách về những nhân tố bên trong của đường lối đối ngoại Xô Viết.

Kan German. Sinh năm 1922, mất năm 1983. Học vấn: Trường đại học tổng hợp California, và Viện Công nghệ California. Những năm 1945-1946 là nhân viên của Hãng “Douglas Aircraft”; những năm 1952-1960 là cố vấn của ủy ban chính phủ về năng lượng hạt nhân; từ năm 1961 là sáng lập viên và Giám đốc của Viện Hudson chuyên nghiên cứu về những vấn đề chiến

lược chính trị – quân sự Mỹ; cố vấn của Hãng “Boing”, Cục Động viên Bộ Quốc phòng Mỹ, Bộ Không quân Mỹ và làm việc cho RAND Coporation.

Kenan George (con). Sinh năm 1904. Học vấn: tú tài Trường đại học tổng hợp Prinston năm 1925. Những năm 1926-1949 làm trong ngành ngoại giao, trong thời gian đó đã làm tham tán tại Latvi; mùa xuân năm 1945 đã viết “Vị thế quốc tế của Nga sau khi kết thúc chiến tranh với Đức” theo yêu cầu của Bộ Ngoại giao Mỹ. Theo ông, phương Tây cần ra tay phát triển các sự kiện ở Liên Xô. Những năm 1949-1952 làm đại sứ Mỹ tại Liên Xô. Tác giả của cái gọi là “Bức điện báo dài” vào ngày 22 tháng 2 năm 1946 (xem Phụ lục 1). Bị trục xuất khỏi Liên Xô. Những năm 1961-1963 là đại sứ Mỹ tại Nam Tư; lãnh đạo Vụ Kế hoạch Bộ Ngoại giao Mỹ. Giáo sư môn chính trị học của Trường đại học tổng hợp Prinston. Là sáng lập viên và Giám đốc và Chủ tịch Viện Nghiên cứu chuyên sâu Nga tại Washington mang tên Kenan George (cha); thành viên của Hội đồng Quan hệ quốc tế. Tác giả của 12 cuốn sách. Ngày 5 tháng 4 năm 1989 đã phát biểu trước ủy ban Đối ngoại Thượng viện Mỹ đòi Mỹ phải phản ứng với công cuộc cải tổ ở Liên Xô.

Kissindger Herri Alfred. Sinh năm 1923 tại thành phố Fuert (Đức). Sống tại Mỹ từ năm 1938; nhập quốc tịch Mỹ năm 1943. Học vấn: tú tài Trường đại học tổng hợp Harward năm 1950; làm giảng viên của trường này năm 1952; tiến sĩ triết học của Trường đại học tổng hợp Harward năm 1954. Những năm 1943-1946 phục vụ tại ban tình báo Tập đoàn quân số 8 (Mỹ). Những năm 1954-1971 là giảng viên, phó giáo sư, giáo sư môn chính trị học tại Trường đại học tổng hợp Harward; Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu quốc tế; những năm 1957-1975 là cố vấn Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ (SNC); 1969-1975 là trợ lý đặc biệt của Tổng thống Nixon về an ninh quốc gia; 1973-1977 là Bộ trưởng Ngoại giao; từ năm 1978 là Chủ tịch ủy ban Tư vấn quốc tế của Ngân hàng Thương mại Mỹ “Chase Manhattan Bank”. Thành viên của ban Giám đốc Hội đồng Quan hệ quốc tế. Được trao Giải thưởng Nobell Hòa bình vì chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. Tác giả của 11 cuốn sách.

Pips Richard. Sinh năm 1923 tại thành phố Chesyn (Ba Lan); di cư sang Mỹ năm 1940; nhập quốc tịch Mỹ năm 1943. Học vấn: tú tài Trường đại học tổng hợp Cornelli năm 1945; giảng viên Trường đại học tổng hợp Harward năm 1947; tiến sĩ triết học năm 1950. Những năm 1943-1946 phục vụ trong quân đội. Từ năm 1950 giảng dạy tại Harward. Những năm 1953-1962 là nhân viên khoa học của Viện Nghiên cứu Nga thuộc Trường đại học tổng hợp Harward; năm 1962-1964 là Phó giám đốc và năm 1968-1973 là Giám đốc viện này; trưởng nhân viên khoa học của Trung tâm Nghiên cứu chiến lược Trường đại học tổng hợp Stanford. Năm 1986 lãnh đạo nhóm “B” chuyên đánh giá về tiềm năng quân sự Xô Viết. Năm 1981-1982 là Vụ trưởng Vụ Đông Âu và Liên Xô của Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ. Giáo sư lịch sử Trường đại học tổng hợp Harward. Đã vài lần đến Liên Xô. Tác giả các cuốn sách “Giáo dục của Liên Xô”, “Nước Nga trong chế độ cũ”, “Quan hệ Xô – Mỹ trong thời đại giải trừ quân bị”. Thành viên biên tập của các tạp chí: “Bình luận chiến lược”, “Orbis”, “Tạp chí Nghiên cứu chiến lược”, “Chiến lược so sánh”.

Rise Condoleezza. Sinh ngày 14 tháng 11 năm 1954, người Mỹ gốc Phi, chưa lấy chồng. Tú tài chính trị học Trường đại học tổng hợp Denver; cử nhân Trường đại học tổng hợp Notr Dam (Indiana); tiến sĩ Trường Nghiên cứu quốc tế thuộc Trường đại học tổng hợp Denver (với luận văn “Mối quan hệ quân sự Liên Xô – Tiệp Khắc” được sự hướng dẫn của Dzosef Corbel – cha của M. Olbright, cựu đại sứ, xuất thân là người Tiệp Khắc). Biết tiếng Nga hoàn hảo. Vào cuối những năm 1970 đã thực tập 1 năm tại Trường đại học tổng hợp Lomonoxov (MGU). Từ năm 1981 là nhân viên khoa học của Chương trình cắt giảm vũ khí và giải trừ quân bị của Viện Huver; từ năm 1986 làm việc tại Hội đồng Quan hệ quốc tế, đồng thời là trợ lý của giám đốc Ban Những vấn đề kế hoạch hóa chiến lược hạt nhân của ủy ban Các tham mưu trưởng; từ năm 1989 làm tại Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ là trợ lý đặc biệt của Tổng thống về an ninh quốc gia và là Vụ trưởng Vụ Những vấn đề về Liên Xô và Đông Âu. Ngay sau khi Bush (cha) tiếp nhận công việc của Ronald Reagan, bà ta đã cùng với 6 chuyên gia về



Liên Xô và Đông Âu tổ chức một cuộc hội thảo dành riêng cho Tổng thống. Khi Elxin tới thăm Mỹ, ủy viên Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ Scrowfot đã tiếp ông ta tại Nhà Trắng thì chính bà là người phiên dịch. Những năm 1991-1993 bà ta là nhân viên khoa học của Viện Huver; từ năm 1992 là Hiệu trưởng Trường đại học tổng hợp Stanford và là giáo sư trẻ nhất về lịch sử của nhà trường.

Là thành viên Hội đồng Quan hệ quốc tế, thành viên Hội đồng Giám đốc của Hãng dầu mỏ “Sevron”, thành viên Hội đồng quốc tế của Ngân hàng “Morgan”. Từ năm 2001 là trợ lý Tổng thống Mỹ về an ninh quốc gia. Tác giả các cuốn sách: “Lòng chung thủy đáng ngờ: Liên Xô và Quân đội Tiệp Khắc”, “Kỷ nguyên Gorbachov”, “Những Đức thống nhất và Châu Âu đang chuyển đổi”.

Xirin Edwin Blak. Sinh năm 1915. Học vấn: tú tài Trường đại học tổng hợp Duke năm 1936; cử nhân Trường đại học tổng hợp Harward năm 1937; tiến sĩ triết học năm 1941 Trường đại học tổng hợp Harward. Từ năm 1939 là giảng viên, trợ lý, phó giáo sư và giáo sư môn lịch sử của Trường đại học tổng hợp Priston; những năm 1943-1946 là cố vấn Bộ Ngoại giao Mỹ về các nước Đông Âu; những năm 1950-1951 là nhân viên khoa học của Trường cao đẳng quân sự; những năm 1968-1986 là Hiệu trưởng Trung tâm Nghiên cứu quốc tế của Trường đại học tổng hợp Prinston, thành viên của Hội đồng Quan hệ quốc tế. Tác giả 7 cuốn sách, đồng tác giả và chủ biên của 9 cuốn sách về lịch sử Liên Xô và đường lối đối ngoại Xô Viết.

Taker Robert Charles. Học vấn: tú tài Trường đại học tổng hợp Michigan và Harward. Những năm 1944-1953 là tùy viên Đại sứ quán Mỹ tại Matxcơva. Những năm 1958-1962 là giáo sư bộ môn quốc gia và pháp luật của Trường đại học tổng hợp Idiana; từ năm 1962 là giáo sư chính trị học của Trường đại học tổng hợp Prinston, Giám đốc Chương trình nghiên cứu Nga của trường này vào những năm 1963-1973. Từ năm 1980 là giáo sư danh dự của Trường đại học tổng hợp Prinston, là nhà tâm lý chính trị, Chủ tịch Hội Xlavơ học của Mỹ. Tác giả của 11 cuốn sách và của bản báo cáo

“Đồng hồ lịch sử Nga đang chỉ giờ nào?” đã từng được đăng trên báo chí Xô Viết.

Ulam Adam Bruno. Sinh năm 1922 tại thành phố Lvov; sang Mỹ từ năm 1939, nhập quốc tịch Mỹ vào năm 1949. Học vấn: tú tài Trường đại học tổng hợp Braun năm 1943; tiến sĩ triết học Trường đại học tổng hợp Harward năm 1947. Từ năm 1947 giảng dạy tại Harward; những năm 1953-1955 là nhân viên khoa học của Trung tâm Nghiên cứu quốc tế của Trường đại học Công nghệ Massachusetts; từ năm 1959 là nhân viên khoa học; từ năm 1980 là Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Nga của Trường đại học tổng hợp Harward. Là một trong những người tham gia cuộc hội thảo Xô Viết học dành cho Bush (cha) vào ngày 12 tháng 2 năm 1989. Tác giả của 15 cuốn sách về lịch sử và đường lối đối ngoại Nga và Liên Xô.

Horelic Arnold. Lãnh đạo nhóm Nghiên cứu Liên Xô và các nước Đông Âu tại RAND Coporation; Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Hành vi của Liên Xô ở nước ngoài của RAND Coporation và Trường đại học tổng hợp California. Thành viên Hội đồng Quan hệ quốc tế. Từ năm 1987 là thành viên biên tập tạp chí “Kinh tế Xô Viết”; tác giả của 4 cuốn sách về đường lối đối ngoại và quân sự Liên Xô; Thông tin viên của Bush (cha) trước chuyến viếng thăm gặp lần đầu tiên với Gorbachov vào năm 1989.

Sulman Marshall Derrow. Sinh năm 1916. Học vấn: tú tài Trường đại học tổng hợp Michigan năm 1937, cử nhân Trường đại học tổng hợp Columbia năm 1948; tiến sĩ triết học Trường đại học tổng hợp Columbia năm 1959. Năm 1939-1940 nhân viên Chính phủ Mỹ tại Liên Hợp Quốc; những năm 1942-1946 phục vụ trong Lực lượng Không quân Mỹ với quân hàm đại úy; những năm 1950-1954 là nhân viên Bộ Ngoại giao Mỹ; những năm 1954-1962 là Phó giám đốc Viện Nghiên cứu Nga thuộc Trường đại học tổng hợp Harward; những năm 1967-1977 là giáo sư, Giám đốc Viện Nga trực thuộc Trường đại học tổng hợp Columbia; những năm 1977-1980 là cố vấn của Bộ trưởng Ngoại giao Wens và nghỉ hưu cùng ông ta. Là Giám đốc Hội đồng Quan hệ quốc tế vào những năm 1972-1977, thành

viên Câu lạc bộ Bilderberg. Tác giả của 5 cuốn sách về quan hệ Mỹ – Liên Xô. Chủ tịch Hội Những người Mỹ nghiên cứu Xlavơ.

Israel Dzeremi. Sinh năm 1935. Học vấn: tú tài Trường đại học tổng hợp Harward năm 1956; cử nhân Trường đại học tổng hợp Harward năm 1959; tiến sĩ triết học Trường đại học tổng hợp Harward năm 1961. Năm 1958-1959 sang Trường đại học tổng hợp Lomonoxov MGU thực tập (theo chương trình trao đổi với Iakovlev với Kalugin). Từ năm 1961 là trợ giảng, phó giáo sư, giáo sư chính trị học của Trường đại học tổng hợp Chicago, Chủ tịch ủy ban Nghiên cứu các nước Xlavơ của trường, lãnh đạo Dự án “Chủ nghĩa cộng sản so sánh”. Từ năm 1983 là thành viên Hội đồng Kế hoạch của Bộ Ngoại giao Mỹ. Từ năm 1985 là giáo sư chính trị học thuộc Trung tâm Nghiên cứu hành vi Liên Xô ở nước ngoài của RAND Coporation và Trường đại học tổng hợp California, Giám đốc RAND Coporation. Từng sang Liên Xô nghiên cứu trước sự kiện tháng 8 năm 1991. Tác giả và đồng tác giả của 5 cuốn sách về mối tương quan trong đường lối đối nội và đối ngoại Liên Xô.

#### **Phụ lục N°4.**

Chỉ thị của Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ (NSC) N0 20/1, ngày 18 tháng 8 năm 1948

Tuyệt mật

*Những mục tiêu của Mỹ đối với Nga.*

Chỉ lệnh NSC 20/1 được ra đời để đáp ứng yêu cầu của Thư ký an ninh quốc gia Jams V. Forrestol cung cấp cho ông “một diễn đạt dễ hiểu của đường lối quốc gia” đối với Liên Xô, trên cơ sở đó, nếu thiếu cách diễn đạt đó “không thể có những quyết định lô-gic...”[32] được Bộ Tham mưu kế hoạch chính trị soạn thảo, tài liệu này thể hiện một quan điểm đầy đủ nhất thời đó về những mục tiêu của chính sách kiềm chế cần đạt tới.

Tài liệu xác lập hai mục tiêu chủ yếu của chính sách Mỹ đối với Liên Xô:

1) Làm giảm sức mạnh và ảnh hưởng của Liên Xô đến mức độ không thể đe dọa tới sự ổn định của thế giới;

2) Giành được những thay đổi căn bản trong lý luận và thực tế quan hệ quốc tế của Chính phủ Xô Viết.

Khác với Chỉ lệnh NSC 7 (tài liệu 20), Chỉ lệnh NSC 20/1 nhấn mạnh sự phân biệt giữa Liên Xô và phong trào cộng sản quốc tế và nhất trí với luận chứng trong PPS 35 (tài liệu 21), xem xét tới khả năng hình thành sự phân rã giữa chúng như một phương tiện giành những mục tiêu chính trị của Mỹ.

NSC 20/1 chú trọng tới thái độ mong muốn giành được những kết quả của chính sách kiềm chế bằng những phương tiện phi quân sự, mặc dù vẫn công nhận khả năng phát động, vô tình hoặc cố ý, chiến tranh. Trong phần kết luận, tài liệu đề cập tới vấn đề chính sách của Mỹ trong trường hợp đó. Đặc biệt là trong tài liệu chú trọng tới đường lối trung lập hóa, chứ không nhằm tiêu diệt chính quyền Xô Viết, đồng thời phủ nhận học thuyết đầu hàng vô điều kiện đã từng rất phổ biến trong chiến tranh thế giới II.

## I. Nhập đề

Rõ ràng là Nga, vừa như một sức mạnh độc lập, vừa như một trung tâm của phong trào cộng sản thế giới, trong thời gian gần đây đã trở thành vấn đề chủ yếu trong chính sách quốc tế của Mỹ và trong nước đang xuất hiện thái độ quan tâm và bất bình sâu sắc với những mục tiêu và phương thức của các thủ lĩnh Xô Viết. Vì vậy, đường lối của Chính phủ chúng ta được xác định chủ yếu bởi ý nguyện của chúng ta làm thay đổi đường lối Xô Viết và thay đổi tình hình quốc tế.

Tuy nhiên, cho tới nay vẫn chưa có được một diễn giải chính xác về những mục tiêu của Mỹ đối với Nga. Và điều đặc biệt quan trọng, với quan điểm quan tâm hơn nữa của Chính phủ ta đối với Nga để những mục tiêu này được định hình và được chấp thuận bởi mọi cơ quan Chính phủ có liên quan tới vấn đề của Nga và chủ nghĩa cộng sản. Trong trường hợp ngược lại, có khả năng mọi nỗ lực trong việc giải quyết vấn đề có tầm quan trọng quốc tế đặc biệt này sẽ bị phân tán.

## II. Dẫn luận

Có hai công thức ứng xử của các mục tiêu quốc gia đối với những nhân tố chiến tranh và hòa bình.

Công thức thứ nhất cho rằng, những mục tiêu quốc gia là thường xuyên và những thay đổi tình hình trong nước sẽ không thể có ảnh hưởng gì với chúng, như việc chuyển từ chiến tranh sang hòa bình; rằng phải thường xuyên thực hiện chúng bằng cả những phương tiện phi quân sự cũng như quân sự tùy theo từng trường hợp. Clausewitz[33] đã diễn đạt chính xác nhất công thức này, rằng “chiến tranh là sự tiếp tục của chính trị được kết hợp với những phương tiện khác”.

Công thức đối lập cho rằng những mục tiêu quốc gia trong thời chiến và trong thời bình cơ bản không liên quan với nhau. Theo công thức này sự tồn tại của tình trạng chiến tranh sẽ tạo ra những mục tiêu chính trị riêng của nó, và vì lý do ưu tiên, chúng sẽ lấn át những mục tiêu thông thường của thời bình. Chính công thức này đã từng chiếm ưu thế chủ yếu trong đất nước chúng ta. Công thức này chiếm ưu thế chủ yếu trong cuộc chiến tranh vừa qua, khi chiến thắng trong chiến tranh chỉ ở mức như một chiến dịch quân sự và là nhiệm vụ chủ yếu của đường lối Mỹ, còn những nội dung khác đều lệ thuộc vào nó.

Rõ ràng, trong những mục tiêu của Mỹ đối với Nga, không một công thức nào trên đây có thể chiếm hoàn toàn ưu thế.

*Trước hết, vì những nhiệm vụ của cuộc chiến tranh chính trị đang phát triển hiện nay Chính phủ chúng ta đã buộc phải xem xét những mục tiêu quân sự và xác định hơn đối với Nga ngay từ bây giờ, trong thời bình, hơn là những mục tiêu đối với Đức và Nhật bản trước ngưỡng cửa của những hành động quân sự thực tế với những nước này.*

*Hai là, kinh nghiệm của cuộc chiến tranh vừa qua đã dạy cho chúng ta lòng mong muốn chinh phục những hành động quân sự của chúng ta bằng một công thức thực tiễn và chính xác của những nhiệm vụ chính trị dài hạn mà chúng ta muốn đạt được. Đây là điều đặc biệt quan trọng trong trường*

*hợp có chiến tranh với Liên Xô. Liệu chúng ta có thể mong đợi rằng chúng ta sẽ hoàn thành cuộc chiến tranh này cùng một kết cục chính trị và quân sự như trong trường hợp của cuộc chiến tranh chống Đức và Nhật Bản vừa qua. Vì vậy, khi mọi sự chưa rõ ràng là những mục tiêu của chúng ta không nằm trong một chiến thắng quân sự, mà vì thế công chúng Mỹ sẽ khó nhận thức được rằng trên thực tế sẽ là một kết cục xung đột như mong muốn. Công chúng có thể trông chờ vào một kết cục quân sự to lớn hơn rất nhiều so với mức cần thiết, thậm chí là quá cả sự mong đợi trong quan điểm giành được thực sự những mục tiêu của chúng ta. Nếu mọi người đều sẽ hiểu rằng những mục tiêu của chúng ta là sự đầu hàng vô điều kiện, chiếm đóng hoàn toàn và có một chính phủ quân sự theo mô hình của Đức và Nhật Bản, thì họ, đương nhiên, sẽ cảm nhận rằng, ngoại trừ những thành tựu này, mọi cái khác hoàn toàn không phải là một chiến thắng thực sự và họ sẽ không thể đánh giá sự điều chỉnh mang tính xây dựng và thực sự cơ bản.*

*Cuối cùng, chúng ta phải công nhận rằng những mục tiêu của Xô Viết tự thân là thực sự vĩnh cửu. Những bước chuyển từ chiến tranh sang hòa bình đã thực sự không ảnh hưởng tới họ. Ví dụ, những mục tiêu về lãnh thổ của Xô Viết đối với Đông Âu đã từng là hiển nhiên trong diễn biến của cuộc chiến tranh đang rất giống với chương trình mà Chính phủ Xô Viết đã nỗ lực hiện thực hóa bằng các phương tiện phi quân sự trong những năm 1939-1940, và về bản chất, giống như một số công thức chính trị và chiến lược có trong đường lối Nga hoàng trước chiến tranh thế giới I. Để chống lại một đường lối đã từng được tiến hành một cách kiên trì như vậy trong cả thời chiến và thời bình, chúng ta phải chống lại từ những nhiệm vụ kém vững chắc và dài hạn hơn. Tóm lại, điều này được tạo nên bởi chính bản chất những quan hệ giữa Liên Xô với thế giới bên ngoài – những quan hệ mang tính xung đột và đối kháng thường xuyên nằm trong khuôn khổ của một nền hòa bình hình thức cũng như trong khuôn khổ hợp pháp của chiến tranh.*

Mặt khác, rõ ràng là nền dân chủ, và đôi khi là quốc gia cực quyền, không thể đạt được sự đồng nhất hoàn toàn những mục tiêu của mình trong thời bình và trong thời chiến. Thái độ ghê tởm của nó đối với chiến tranh như đối với một phương pháp của đường lối đối ngoại mạnh tới mức nó tất yếu sẽ thay đổi những mục tiêu của mình trong thời bình với hy vọng rằng họ có thể sẽ đạt được những mục tiêu đó mà không đụng tới vũ khí. Khi niềm tin này và sự kiên trì này bị đặt dấu chấm hết thì chiến tranh bắt đầu, do sự can thiệp hay vì những nguyên nhân khác. Công luận dân chủ bị kích động hay đòi hỏi hoặc là một sự diễn giải về những mục tiêu tiếp theo, thường mang tính chất trừng phạt – tính chất mà công luận đã không ủng hộ trong thời bình, hoặc phải hiện thực hóa ngay lập tức những mục tiêu mà trong những điều kiện khác công luận chỉ yêu cầu đạt tới một cách từ tốn trong thời hạn cả chục năm. Vì vậy, sẽ là không hiện thực khi cho rằng Chính phủ Hoa Kỳ vẫn có thể bình tĩnh tiếp tục hoạt động trong thời chiến trên cơ sở của chính những mục tiêu đã lựa chọn đó, hoặc vẫn theo tiến trình hiện thực hóa những mục tiêu trong thời bình.

Đồng thời cần phải công nhận rằng càng ít có sự đố vờ giữa những mục tiêu của thời bình và thời chiến, thì khả năng những thành công của hành động quân sự cũng sẽ là thành công về chính trị càng lớn. Nếu những mục tiêu, theo quan điểm của những lợi ích quốc gia, thực sự lành mạnh thì chúng sẽ là một diễn giải có ý thức, là thành tựu của cả trong chiến tranh cũng như trong thời bình. Những mục tiêu được sinh ra do cao trào cảm xúc trong thời chiến không đủ khả năng lấn át công thức bền vững của những lợi ích quốc gia lâu dài. Vì nguyên nhân này, mọi hành động được Chính phủ vạch ra hiện nay, trước ngưỡng cửa của bất kỳ hành động quân sự nào, đều phải xác định rõ những mục tiêu hòa bình hiện tại và những mục tiêu giả tưởng của chúng ta trong thời chiến đối với Nga, đồng thời cần giảm bớt sự xung đột giữa chúng tới mức thấp nhất.

### *III. Những mục tiêu chủ yếu*

*Chúng ta thực sự chỉ có hai mục tiêu chủ yếu:*

a) Làm giảm sức mạnh và mức độ ảnh hưởng của Matxcova đến mức chúng không thể đe dọa đối với hòa bình và ổn định của cộng đồng quốc tế;

b) Tiến hành những thay đổi cơ bản trong lý luận và thực hành những quan hệ quốc tế của Chính phủ Nga hiện nay.

Nếu đạt được cả hai mục tiêu này, thì vấn đề mà đất nước ta phải giải quyết trong quan hệ của mình đối với Nga sẽ giảm xuống đến mức được coi là bình thường.

Trước khi đề cập tới những khả năng thực hiện hài hòa các mục tiêu này trong thời bình và thời chiến, cần nghiên cứu chúng một cách chi tiết nhất.

### 1. Làm suy giảm sức mạnh và mức độ ảnh hưởng của Nga về mặt địa lý

Hiện có hai phạm vi mà trong đó sức mạnh và mức độ ảnh hưởng của Matxcova đang mở rộng ra ngoài biên giới của Liên Xô tới mức đe dọa hòa bình và ổn định của cộng đồng quốc tế.

Phạm vi thứ nhất có thể được xác định như một vùng vệ tinh – đó là vùng Kremli đang có ảnh hưởng chính trị nhất định. Cần nhận thấy rằng đây là vùng liền kề với Liên Xô về mặt địa lý. Tại vùng này sự hiện diện (hoặc sự kề cận) của lực lượng vũ trang Xô Viết đã thành yếu tố quyết định trong việc thiết lập và duy trì bá quyền Xô Viết.

Phạm vi thứ hai bao gồm những mối quan hệ giữa trung tâm quyền lực do Liên Xô kiểm soát, một mặt với những nhóm hoặc những đảng phái ở những nước khác nằm ngoài vùng vệ tinh và đang coi Nga như là cội nguồn động viên về chính trị, mặt khác bày tỏ lòng trung thành với Nga.

Tại cả hai phạm vi, cần phải đặt dấu chấm hết cho việc bành trướng sức mạnh của Nga ra ngoài khuôn khổ hợp pháp của nó, nếu việc giành được mục tiêu đầu tiên trong số những mục tiêu đề ra được tiến hành có hiệu quả. Cần tạo ra cho những nước nằm trong vùng vệ tinh khả năng giải phóng một cách cơ bản khỏi sự thống trị của Nga và tránh được sự động viên tư tưởng của Nga. Phải phá hủy tận gốc rễ huyền thoại buộc hàng triệu người ở những nước cách xa biên giới Xô Viết trông chờ vào



*Matxcova như cội nguồn sáng lạn của những hy vọng vào những điều tốt đẹp của nhân loại, còn những sản phẩm của nó phải được tiêu hủy.*

*Cần nhận thấy rằng trong cả hai trường hợp, có thể đạt được những mục tiêu mà không gây nên vấn đề làm tổn hại uy tín của quốc gia Xô Viết như nó vốn có.*

*Trong phạm vi thứ hai, có thể đạt tới việc đẩy ra xa hẳn sức mạnh của Nga mà không nhất thiết phải làm tổn hại những lợi ích sống còn nhất của quốc gia Nga; hoặc quyền lực của Matxcova trong phạm vi này được phá bỏ theo những kênh bí mật mà chính Matxcova phủ nhận sự tồn tại của chúng. Vì vậy, việc chấm dứt một cơ cấu quyền lực mà trước đây được biết tới như Quốc tế III, không đòi hỏi bất cứ một hình thức hạ mình nào của Chính phủ Matxcova cũng như một hình thức nhân nhượng nào từ phía quốc gia Nga.*

*Tại vùng vệ tinh, đương nhiên Matxcova cũng sẽ phủ nhận sự thống trị hình thức của Xô Viết và cố gắng che dấu cơ chế của nó. Những vụ đụng độ với Tito cho thấy việc tiêu diệt sự kiểm soát của Matxcova không nhất thiết là một sự kiện gây ảnh hưởng tới những quốc gia liên quan. Trong trường hợp này, sự kiện đó được cần coi như việc riêng giữa hai bên; và đặc biệt nhấn mạnh rằng không bao giờ được đụng tới vị thế của các quốc gia. Nếu có thể xảy ra ở đâu đó trong vùng vệ tinh thì nhất thiết không được làm tổn hại tới phẩm giá hình thức của quốc gia Xô Viết.*

*Tuy nhiên, chúng ta còn nhận thấy một vấn đề khó khăn hơn trong quy mô thực tế của biên giới Liên Xô sau năm 1939. Dù thế nào cũng không nên nói rằng quy mô đó đang đe dọa nền hòa bình và ổn định trên thế giới; còn trong những trường hợp nhất định, rõ ràng, theo quan điểm của những mục tiêu của chúng ta, nên coi là những mục tiêu cần được công nhận để duy trì hòa bình. Trong những trường hợp khác, đặc biệt là trong trường hợp của các nước vùng Baltik, vấn đề trở nên khó khăn hơn. Chúng tôi không thể thực sự bày tỏ thái độ bàng quan đối với số phận tương lai của các dân tộc vùng Baltik. Điều này được thể hiện trong chính sách công nhận các nước này hiện nay của chúng ta. Liệu chúng ta có thể dự đoán*

rằng mối đe dọa đối với hòa bình và ổn định quốc tế là thực sự đã giảm xuống, khi châu Âu còn phải đối diện với sự thật rằng Matxcova có thể xóa bỏ ba nước nhỏ bé này, cho dù ba nước này không hề có lỗi nào trong một cuộc khiêu khích thực sự và đã tỏ rõ năng lực điều hành rất tiến bộ những công việc nội bộ của mình mà không hề đe dọa tới lợi ích của các nước láng giềng. Do đó, sẽ là logic khi coi việc hỗ trợ những nước này trở lại tình trạng tốt đẹp của tự do và độc lập là một phần trong những mục tiêu của Mỹ.

Tuy nhiên, rõ ràng là nền độc lập hoàn toàn của những nước này đòi hỏi những nhân nhượng về mặt lãnh thổ thực tế từ phía Chính phủ Xô Viết. Mà điều này lại động chạm trực tiếp tới phẩm giá và những quyền lợi sống còn của quốc gia Xô Viết. Thật là vô ích nếu cho là điều này có thể đoạt được bằng những phương tiện phi quân sự. Vì vậy, nếu chúng ta cho rằng những mục tiêu nói trên là thiết thực trong cả thời bình và thời chiến, thì logic của nó sẽ là liệu chúng ta có thể buộc Matxcova cho phép các công dân bị cưỡng bức di cư trở về các nước vùng Baltik và thiết lập ở các nước này chế độ tự trị, đáp ứng những nhu cầu văn hóa nói chung và những phong tục dân tộc của những dân tộc này. Trong chiến tranh chúng ta đã có thể dẫn bước, nếu điều đó là cần thiết. Nhưng câu trả lời cho vấn đề này lại tùy thuộc vào đặc điểm của chế độ Nga đã từng được hình thành ở vùng này từ sau chiến tranh; còn với chúng ta, cố gắng giải quyết điều này trước đây là không cần thiết.

Do đó, khi nói rằng chúng ta cần làm suy giảm sức mạnh và mức độ ảnh hưởng của Kremli tới mức chúng không còn là mối đe dọa đối với hòa bình và ổn định của cộng đồng quốc tế, chúng ta có quyền dự đoán rằng chúng ta có thể theo đuổi mục tiêu này không chỉ khi có chiến tranh, mà ngay cả trong thời bình, bằng phương tiện hòa bình, và nói chung, không nhất thiết phải đụng tới những vấn đề vị thế của Chính phủ Xô Viết – nếu không, tất yếu sẽ dẫn tới một cuộc chiến tranh.

2. Những thay đổi trong lý luận và thực hành quan hệ quốc tế của Matxcova

Những khó khăn của chúng ta trong quan hệ đối với Chính phủ Xô Viết hiện nay chủ yếu là những thủ lĩnh của nó được khích lệ bởi những công thức lý luận và thực hành quan hệ quốc tế không chỉ mâu thuẫn gay gắt với chúng ta, mà còn không thể dung hòa với bất cứ thay đổi hòa bình và cùng có lợi nào trong quan hệ giữa các chính phủ này và những thành viên khác trong cộng đồng quốc tế.

Những điểm nổi bật trong công thức này là:

a) Cùng tồn tại hòa bình và hợp tác của các chính quyền độc lập có chủ quyền, bình đẳng như nhau là ảo tưởng và không thể.

b) Xung đột là nền tảng của sinh hoạt quốc tế, tương tự như trường hợp giữa Liên Xô với các nước tư bản, một nước sẽ không công nhận tính ưu việt của nước khác.

c) Những chế độ không công nhận vị thế và sự ưu việt về tư tưởng của Matxcơva là những chế độ vô luân và có hại đối với tiến bộ của nhân loại; và nghĩa vụ của những người có tư duy lành mạnh ở tất cả các nước là vươn tới lật đổ hoặc làm suy yếu những chế độ đó bằng mọi phương thức tỏ ra thích hợp về mặt sách lược.

d) Trong tương lai lâu dài, hợp tác cùng nhau sẽ không mang lại bất kỳ lợi ích nào cho thế giới cộng sản và phi cộng sản bởi những lợi ích đó cơ bản không thể dung hòa và mâu thuẫn nhau.

e) Mỗi giao tiếp tự phát (spontaneous) giữa những con người riêng lẻ trong thế giới do những người cộng sản điều hành với những người ở ngoài thế giới đó là có hại và không tạo điều kiện cho tiến bộ của nhân loại.

Rõ ràng là việc chấm dứt sự thống trị của công thức này trong lý luận và thực hành quan hệ quốc tế của Xô Viết (hoặc của Nga) là chưa đủ. Cần phải thay thế chúng bằng những công thức nào đó đối lập.

Những công thức đối lập đó có thể là:

a) Những nước bình đẳng và có chủ quyền có thể tồn tại hòa bình, vai kề vai hợp tác cùng nhau, không một nước nào có bất kỳ một âm mưu hay dự định thống trị nước khác.

b) Xung đột nói chung không nhất thiết là nền tảng của sinh hoạt quốc tế và mọi người có thể có những mục tiêu chung, không phân biệt hệ tư tưởng và không bị phụ thuộc bởi một vị thế duy nhất.

c) Mọi người ở các nước có quyền hợp pháp về những mục tiêu dân tộc khác với hệ tư tưởng cộng sản; và nghĩa vụ của nhân loại có tư duy lành mạnh là thể hiện sự khoan hòa đối với những tư tưởng khác, chấp hành một cách tế nhị việc không can thiệp vào những công việc nội bộ của người khác trên cơ sở tương giao và chỉ sử dụng những phương pháp tốt đẹp, đàng hoàng trong các mối quan hệ quốc tế.

d) Hợp tác quốc tế là có thể và cần phải mang lại lợi ích cho quyền lợi của cả hai bên cho dù có sự khác biệt về hệ tư tưởng của hai bên.

e) Giao tiếp của mọi người trên thế giới là điều ước mong và cần được cổ vũ như một quá trình kích thích tiến bộ của nhân loại.

Vấn đề nảy sinh ở đây là việc Matxcơva tiếp nhận những công thức như vậy có trở thành mục tiêu để chúng ta thực sự cố gắng và trong chờ mà không cần đi đến chiến tranh hay lật đổ Chính phủ Xô Viết. Chúng ta cần công nhận sự thật rằng Chính phủ Xô Viết, như chúng ta biết về nó, đang là và sẽ tiếp tục là mối đe dọa thường trực đối với sự bình yên của dân tộc chúng ta và của toàn thế giới.

Hoàn toàn rõ ràng là chính những nhà lãnh đạo hiện nay của Liên Xô sẽ không bao giờ coi những công thức được liệt kê trên đây là lành mạnh và cần thiết. Cũng hoàn toàn rõ ràng như vậy, để những công thức này trở thành thống trị trong phong trào cộng sản ở Nga, thì cần tính tới những hoàn cảnh hiện nay, cuộc cách mạng tri thức trong lòng phong trào này cũng đồng nghĩa với sự thay đổi đặc tính chính trị của nó, đồng nghĩa với sự từ bỏ mục tiêu cơ bản của nó – tồn tại như một sức mạnh độc lập và tối quan trọng trong dòng chảy của những tư tưởng trên thế giới nói chung. Những công thức này đã có thể trở thành thống trị trong phong trào cộng sản ở Nga chỉ khi có một quá trình lâu dài của những biến động và tan vỡ. Phong trào này sẽ mang một ý nghĩa hoàn toàn mới trên thế giới.

Do đó, có thể kết luận (những nhà lý thuyết của Matxcova luôn nhanh chóng tiếp nhận cách giải thích này) rằng chúng ta đang cố gắng tiếp thu những công thức này cũng đồng nghĩa với việc mục tiêu của chúng ta là lật đổ chính quyền Xô Viết. Khi loại bỏ quan điểm này, có thể khẳng định rằng nó, về phần mình, là mục tiêu không thể đạt được bằng những phương tiện phi quân sự và bằng cách đó chúng ta công nhận rằng mục tiêu của chúng ta đối với Liên Xô là một cuộc chiến tranh cuối cùng, dùng bạo lực lật đổ chính quyền Xô Viết.

Việc theo đuổi một diễn biến như vậy của tư duy là sai lầm nguy hiểm.

*Trước hết, không có những giới hạn tạm thời cho việc giành những mục tiêu của chúng ta trong điều kiện hòa bình. Ở đây chúng ta đang vấp phải sự thiếu hụt về tính chu kỳ được xác lập của chiến tranh và hòa bình. Điều này không cho phép chúng ta kết luận rằng chúng ta phải đạt được những mục tiêu hòa bình của mình vào một thời điểm nhất định. Đừng bao giờ xem xét những mục tiêu của chính sách dân tộc thời bình trong khuôn khổ chiến lược. Bởi chúng là những mục tiêu cơ bản và quý giá, không thể giành được chúng một cách hoàn toàn và vào đúng một thời hạn chính xác, chúng giống như những nhiệm vụ quân sự cụ thể trong chiến tranh vậy. Cần xem xét những mục tiêu của chính sách dân tộc thời bình như phương hướng hành động, chứ không như những mục tiêu vật lý.*

Hai là, chúng ta hoàn toàn đúng và không nên có cảm giác mình sai lầm khi cố gắng phá hoại những công thức không thể dung hòa với hòa bình và ổn định trên thế giới, khi cố gắng thay thế công thức hợp tác quốc tế của họ. Chúng ta không nhất thiết phải can thiệp những thay đổi bên trong, bởi việc tiếp thu những công thức như vậy ở các nước khác có thể dẫn tới những thay đổi đó, và chúng ta cũng không cần phải chịu trách nhiệm về những thay đổi đó. Nếu những nhà lãnh đạo Xô Viết quyết định rằng ưu thế phát triển của một công thức tiến bộ hơn của quan hệ quốc tế không thể dung hòa với sự tồn tại quyền lực nội bộ của họ ở Nga, thì đó là trách nhiệm của họ chứ không phải của chúng ta. Đó là sự nghiệp của chính lương tri họ và lương tri của những người Xô Viết. Chúng ta không chỉ có

quyền về mặt đạo đức mà còn có cả trách nhiệm về mặt đạo đức quan tâm tới việc tiếp nhận thường xuyên những công thức xứng đáng và tin cậy trong sinh hoạt quốc tế. Trong vấn đề này, chúng ta có quyền không phải e ngại đối với những phương tiện cải tạo bên trong.

Chúng ta không bao giờ biết rằng việc tiến hành thành công những mục tiêu đã được chúng ta nghiên cứu sẽ dẫn tới việc chính quyền Xô Viết bị tan rã, bởi trong vấn đề này chúng ta không thể biết rõ yếu tố thời gian. Hoàn toàn có thể là dưới áp lực của thời gian và hoàn cảnh một số công thức cơ bản của phong trào cộng sản ở Nga sẽ dần dần bị thay đổi. Điều này cũng đã từng diễn ra ở đất nước chúng ta cùng với một loạt những công thức cơ bản của cách mạng Mỹ.

Do đó, chúng ta có quyền giả thiết và tuyên bố công khai rằng mục tiêu của chúng ta là cung cấp cho nhân dân và Chính phủ Nga một công thức quan hệ quốc tế tiến bộ hơn cùng với sự hỗ trợ của những phương tiện trong khả năng của chúng ta, trong đó chúng ta, như một chính phủ, sẽ giữ một vị trí nào đó đối với tình hình nội bộ ở Nga.

Trong trường hợp có chiến tranh, rõ ràng không nảy sinh những vấn đề như vậy. Nếu giữa đất nước chúng ta và Liên Xô xuất hiện tình trạng chiến tranh, Chính phủ chúng ta được tùy ý thực hiện những mục tiêu cơ bản của mình bằng mọi phương tiện theo cách xem xét của chúng ta và trong mọi điều kiện – những điều kiện mà Chính phủ chúng ta có thể trao cho chính quyền Nga hay những chính quyền Nga trong trường hợp thực hiện thành công các chiến dịch quân sự. Những điều kiện đó sẽ có thể bao gồm cả việc lật đổ chính quyền Xô Viết – đây chỉ là vấn đề mang tính hợp lý (lợi ích) và sẽ được đề cập ở dưới đây.

Trong hai mục tiêu cơ bản, mục tiêu thứ hai này chủ yếu nhằm để thực hiện trong thời bình cũng như trong thời chiến. Giống như mục tiêu thứ nhất, mục tiêu này có thể được tiếp nhận một cách thích hợp làm cơ sở để xây dựng chính sách của chúng ta trong thời bình cũng như trong thời chiến.

Khi đề cập tới sự diễn giải những mục tiêu cơ bản này trong thời bình cũng như trong thời chiến một cách thích hợp, chúng ta sẽ gặp phải vấn đề mang tính thuật ngữ. Nếu chúng ta nói về những nét cụ thể định hướng chính sách của chúng ta trong thời bình hoặc trong thời chiến như về “những mục tiêu”, thì chúng ta có thể rơi vào sự nhầm lẫn về mặt ngữ nghĩa. Vì vậy, thay vì làm rõ, chúng ta sẽ làm một phân biệt võ đoán. Chúng ta sẽ nói tới những mục tiêu chỉ với ý nghĩa của những mục tiêu cơ bản nói trên là chung cho cả chiến tranh, cả hòa bình. Khi chúng ta viện dẫn những mục tiêu có tính định hướng của chúng ta được áp dụng cụ thể đối với chính sách hòa bình hay chiến tranh của chúng ta một cách thích hợp, thì chúng ta sẽ nói không phải về “những mục tiêu” mà về “những dự định”.

Những dự định của chính sách quốc gia Mỹ đối với Nga trong thời bình khi đó sẽ thế nào?

Chúng sẽ được rút ra một cách lo gic từ hai mục tiêu cơ bản nói trên.

#### *1. Làm suy giảm sức mạnh và mức độ ảnh hưởng của Nga*

Chúng ta đã nhận thấy rằng vấn đề này được chia ra thành vấn đề của vùng vệ tinh và vấn đề của hoạt động cộng sản và tuyên truyền Xô Viết tại những nước xa hơn.

Điều liên quan tới vùng vệ tinh, thì dự định chính sách của Mỹ trong thời bình là tạo ra sự căng thẳng tới mức tối đa có thể trong cơ cấu quan hệ, mà nhờ đó sự thống trị Xô Viết đang được duy trì tại khu vực này, rồi dần dần, cùng với sự hỗ trợ của các lực lượng hợp pháp, tự nhiên ở châu Âu, làm cho người Nga mất đi vị trí hàng đầu của họ và tạo cho những chính phủ thích hợp khả năng giành được độc lập trong hành động. Nếu có nhiều phương pháp mà nhờ đó mục tiêu này có thể đạt được và đạt được. Bước đi kiên quyết nhất trong hướng này là việc đề nghị về một chương trình Âu – Nga do Bộ trưởng Ngoại giao Marshall phát biểu tại Havard ngày 5 tháng 6 năm 1947. Khi buộc Nga, hoặc cho phép các nước chư hầu (vệ tinh) được quan hệ hợp tác kinh tế với Tây Âu – điều này tất yếu sẽ củng cố mối quan hệ giữa đông và Tây và làm suy yếu khuynh hướng đặc biệt của các nước

*này đối với Nga, hoặc đứng ngoài cơ cấu hợp tác này và chấp nhận những tổn thất kinh tế nặng nề, chúng ta đã tạo ra một sự căng thẳng thực sự giữa Matxcova và các nước chư hầu, và tất nhiên, đã đặt uy tín đặc biệt của Matxcova tại thủ đô của các nước chư hầu vào một tình thế khó khăn, dễ đổ vỡ. Về thực chất, đó là tất cả những gì giúp để xé toang lớp vỏ bọc mà Matxcova dùng để che đậy sức mạnh của mình, tất cả những gì buộc người Nga phải phơi bày ra bản chất đê tiện và xấu xa của chính quyền Xô Viết trước chính phủ các nước chư hầu, giúp để làm mất uy tín chính phủ các nước chư hầu trong con mắt của dân chúng ở nước họ, tăng cường sự bất bình của các dân tộc này và tăng cường cho họ thái độ mong muốn hợp tác tự do với các dân tộc khác.*

Thái độ không trung thành của Tito, ở một mức độ nào đó rõ ràng đã tạo ra một sự căng thẳng được gọi là vấn đề ERP. Nó cho thấy một cách chính xác rằng sự căng thẳng trong giữa Liên Xô và các nước chư hầu hoàn toàn có thể dẫn đến việc thực sự làm suy yếu và phá vỡ sự thống trị của Nga.

Đương nhiên, dự định của chúng ta – tiếp tục làm tất cả những gì có trong khả năng của mình để thúc đẩy những căng thẳng đó và đồng thời làm những gì có thể để những chính phủ của các nước chư hầu dần dần thoát khỏi sự kiểm soát của Nga và tìm thấy, nếu họ có nguyện vọng, những phương pháp hợp tác có thể chấp nhận được với các chính phủ phương Tây. Có thể đạt được điều đó bằng cách sử dụng khéo léo sức mạnh kinh tế của chúng ta, bằng hoạt động thông tin trực tiếp và gián tiếp, bằng cách tạo ra sự căng thẳng tối đa có thể về sự tồn tại của bức màn sắt, củng cố Tây Âu để nó trở nên hấp dẫn tối đa đối với các dân tộc phương Đông, và cả bằng rất nhiều những phương tiện khác.

Tất nhiên, chúng ta không thể dự tính rằng người Nga sẽ khoanh tay ngồi nhìn và cho phép các chư hầu thoát khỏi sự kiểm soát của mình bằng cách đó. Chúng ta không thể tin tưởng rằng vào một thời điểm nào đó của quá trình này người Nga sẽ không dùng tới một loại hình bạo lực như chiếm đóng quân sự, thậm chí tiến hành một cuộc chiến tranh quy mô để ngăn chặn quá trình này.



Nói chung, chúng ta không mong muốn để họ làm điều đó; và về phía mình, chúng ta phải làm tất cả những gì có thể để duy trì tình trạng đó và làm cho việc giải phóng các nước chư hầu trở thành khả năng bằng những phương pháp không khiêu khích đối với vị thế của Xô Viết. Song, cho dù thận trọng nhất, chúng ta không thể tin chắc rằng họ sẽ tránh sử dụng vũ khí. Chúng ta cần dự đoán rằng chúng ta sẽ có thể tác động tới chính sách của họ hoặc nhận được kết quả có bảo đảm.

Những gì chúng ta đang đưa vào chính sách để có thể dẫn đến kết quả đó, nói chung, không có nghĩa là chúng ta theo đuổi đường lối chiến tranh; và đặc biệt chúng ta phải dự tính trước để làm cho điều đó trở thành hiển nhiên trong bất kể hoàn cảnh nào và tránh mọi sai lầm. Khi tính tới thái độ đối kháng, loại trước đây đã từng là nền tảng đối với mọi quan hệ giữa Chính phủ Xô Viết với những phi cộng sản trong thời đại này, chiến tranh vẫn luôn là khả năng hiện hữu, và không một đường lối nào được Chính phủ của chúng ta lựa chọn lại không thể làm giảm bớt rõ rệt nguy cơ đó. Những gì đưa vào chính sách mà mâu thuẫn với điều nói trên, thì đó chính là công nhận sự thống trị của Xô Viết tại các nước vệ tinh và không có gì đối lập với nó – đều không thể làm suy giảm nguy cơ của một cuộc chiến tranh. Ngược lại, có thể khẳng định một cách khá lo gic rằng nguy cơ lâu dài của một cuộc chiến tranh tất yếu sẽ cao hơn, nếu châu Âu vẫn bị chia rẽ bởi những đường lối như hiện nay, nếu so với việc chính quyền của người Nga bị tiêu diệt bằng con đường hòa bình vào một thời điểm thuận lợi và trong cộng đồng châu Âu sẽ hồi phục được sự cân bằng tự nhiên.

Vì vậy, có thể khẳng định rằng dự định đầu tiên của chúng ta đối với Nga trong thời bình – đó là cổ vũ và tạo điều kiện bằng những phương tiện phi quân sự nhằm làm suy giảm dần sức mạnh và mức độ ảnh hưởng của Nga ở vùng vệ tinh hiện nay và để những nước Đông Âu thích hợp xuất hiện như những nhân tố độc lập trên trường quốc tế.

Tuy nhiên, như chúng ta đã thấy, sự lý giải của chúng ta về vấn đề này sẽ không đầy đủ, nếu chúng ta không chú tâm tới vấn đề của những lãnh thổ hiện đang nằm ngoài biên giới Xô Viết. Liệu chúng ta có muốn đạt tới mục

tiêu bằng những phương tiện phi quân sự gây nên những thay đổi nào đó về đường biên giới Liên Xô không? Chúng ta sẽ tìm thấy câu trả lời trong Chương 3 cho vấn đề này.

Bằng mọi phương tiện sẵn có trong tay chúng ta phải tạo điều kiện để phát triển ở Liên Xô những định chế của chế độ liêng bang. Những định chế đó sẽ làm cho sinh hoạt dân tộc của các dân tộc vùng Baltik.

Có thể đặt ra câu hỏi: Tại sao chúng ta lại hạn chế các dân tộc Baltik mục tiêu này? Tại sao chúng ta không đề cập tới những dân tộc thiểu số của Liên Xô? Câu trả lời là các dân tộc Baltik – đó là các dân tộc duy nhất có lãnh thổ truyền thống và dân cư của họ hiện đang hoàn toàn nằm trong thành phần Liên Xô và họ đã từng thể hiện khả năng điều hành thành công các công việc quốc gia. Hơn nữa, như trước đây, chúng ta vẫn chính thức phủ định tính hợp pháp của việc cưỡng bức họ gia nhập vào Liên Xô và vì thế họ vẫn là một thể chế đặc biệt trong quan điểm của chúng ta.

Sau này, chúng ta vấp phải vấn đề suy giảm huyền thoại, nhờ đó mà những kẻ ở Matxcova đã duy trì được ảnh hưởng mạnh mẽ và quyền lực thực sự chặt chẽ của mình đối với hàng triệu người ở các nước nằm ngoài vùng vệ tinh. trước hết, cần có một vài lời về bản chất của vấn đề này.

Trước cuộc cách mạng năm 1918, chủ nghĩa dân tộc Nga chỉ là của riêng Nga. Ngoại trừ một số trí thức châu Âu nông cuồng của thế kỷ XIX, từng tin vào niềm tin huyền bí về khả năng của Nga cứu được nền văn minh ra khỏi mọi hủ lậu của nó (Karl Marx không thuộc vào số người này. Theo chính ông bày tỏ, ông không phải là “một trong số những người tin rằng châu Âu già nua có thể hồi sinh bằng máu người Nga”), chủ nghĩa dân tộc Nga không hấp dẫn được những người ngoài biên giới nước Nga. Ngược lại, chủ nghĩa chuyên quyền tương đối mềm mỏng của những nhà cầm quyền Nga ở thế kỷ XIX lại khá nổi tiếng tại các nước phương Tây và người ta đã từng tiếc nuối nó, nhất là khi chế độ Xô Viết ngày càng trở nên độc ác.

Sau cách mạng, các thủ lĩnh Bolsevich đã tuyên truyền một cách khôn khéo và có hệ thống để củng cố trong công luận quốc tế những công thức

nhất định, đặc biệt thuận lợi cho việc giành những mục tiêu của họ, bao gồm như: Cách mạng Tháng Mười là cuộc cách mạng nhân dân; chế độ Xô Viết là Chính phủ công nông chân chính đầu tiên; chính quyền Xô Viết gắn bó chặt chẽ với lý tưởng của chủ nghĩa tự do, tự do và thích hợp về mặt kinh tế; rằng nó là giải pháp lựa chọn duy nhất đầy hứa hẹn cho các chế độ dân tộc của các dân tộc. Bằng cách đó, trong nhận thức của nhiều người đã hình thành nên mối liên hệ giữa chủ nghĩa cộng sản Nga với sự bình an chung trong thế giới bên ngoài đang bị tác động bởi trào lưu đô thị hóa và công nghiệp hóa, cùng với phong trào phản đối thực dân.

Vì vậy, học thuyết của Matxcơva, ở một mức độ nhất định, đã trở thành vấn đề nội bộ đối với mỗi dân tộc trên toàn thế giới. Đối mặt với chính quyền Xô Viết, các nhà chính trị phương Tây hiện đang vấp phải một cái gì đó lớn hơn cả vấn đề quan hệ đối ngoại. Ngay tại chính đất nước mình, họ cũng phải đối mặt với kẻ thù bên trong – những kẻ đã hiến dâng đời mình cho sự nghiệp phá hoại và tiêu diệt đến cùng cộng đồng dân tộc của mình.

Xóa bỏ huyền thoại của chủ nghĩa cộng sản quốc tế – đó là một nhiệm vụ có tính hai mặt. Nó đòi hỏi cả hai bên cần thiết lập được một sự tương tác, một mặt là với Kremli, mặt khác là với những trí thức bất mãn (chính xác là trí thức, chứ không phải là “công nhân”, đang nhóm lên ngọn lửa của chủ nghĩa cộng sản ở ngoài Liên Xô). Để đảm đương được vấn đề này, thì việc đặt ra cho mình mục tiêu bịt miệng kẻ tuyên truyền là chưa đủ. Điều quan trọng hơn cả là trang bị cho người nghe khả năng chống lại kiểu tấn công như vậy. Có một nguyên nhân nhất định để mọi người phải lắng nghe bộ máy tuyên truyền của Matxcơva, huyền thoại đó đã thu hút nhiều người ở ngoài xa biên giới Nga. Nếu để những thính giả này không còn lắng nghe Matxcơva nữa, thì họ còn phải nghe cái gì khác đại loại là cái sai lầm, cái cực đoan, cho dù điều đó có thể hơi nguy hiểm. Vì vậy, nhiệm vụ phá hoại huyền thoại mà chủ nghĩa cộng sản quốc tế đang yên ngủ trên đó không chỉ liên quan tới các nhà lãnh đạo Liên Xô. Nó còn liên quan tới cả thế giới ngoài Xô Viết, trước hết là liên quan tới một xã hội cụ thể mà mỗi chúng ta là một phần trong đó. Nếu chúng ta biết cách gieo rắc nỗi kinh hoàng và

những quan niệm không đúng mà nhờ chúng các học thuyết này đã phát triển – tức là, nếu chúng ta biết cách tiêu diệt nguồn gốc của sự độc ác đã từng đẩy mọi người đến với lý tưởng phi lý và ảo tưởng đó – thì chúng ta sẽ thành công trong việc xóa bỏ ảnh hưởng tư tưởng của Matxcơva ở nước ngoài.

Mặt khác, chúng ta phải công nhận rằng chỉ có một bộ phận của chủ nghĩa cộng sản ở ngoài nước Nga là kết quả của sự tác động từ bên ngoài và chịu sự điều chỉnh thích ứng. Bộ phận khác là cái gì đó tựa như sự đột biến tự nhiên. Nó xuất phát từ một phong trào, về tinh thần, giống như của đội quân thứ năm, chiếm một tỷ lệ dân cư nhất định không lớn trong mỗi xã hội và có thái độ tiêu cực đối với xã hội, sẵn sàng đi theo bất kỳ sức mạnh bên ngoài nào đối lập với xã hội. Phần tử này sẽ luôn luôn hiện diện trong bất kỳ xã hội nào và là mảnh đất thuận lợi cho công việc của những kẻ ngoại bang bất lương. Cách bảo vệ duy nhất trước tác động nguy hại của nó là – những chế độ vững mạnh không nên khai thác mặt bất hạnh này trong bản chất của con người.

Thật may là Kremli đã làm nhiều hơn những gì chính chúng ta có thể để tung hô huyền thoại này. Kẻ chống đối (insident) Nam Tư, có thể, là trường hợp điển hình nhất của loại này, còn trong lịch sử của Quốc tế cộng sản có rất nhiều trường hợp mà những người hoặc nhóm người ngoài nước Nga gặp phải khó khăn khi họ định trở thành những kẻ theo đuổi học thuyết của Matxcơva. những thủ lĩnh Kremli đã tỏ ra vô cùng bất cẩn, vô cùng ác độc, vô cùng bạo ngược và vô cùng trắng trợn trong nguyên tắc mà họ đặt ra cho những người đi theo mình – điều đó đã làm cho chỉ có một ít người có thể công nhận uy tín của họ.

Hệ thống Lênin-Xtalin chủ yếu dựa trên quyền lực – thứ quyền lực mà một thiểu số những kẻ âm mưu có thể giành được, cho dù chỉ tạm thời, đối với đại đa số vô tổ chức và thụ động. Vì nguyên nhân này, các thủ lĩnh Kremli trong quá khứ hầu như không thể yên tâm về việc phong trào của họ vẫn chỉ gồm những kẻ theo đuôi cũ. Mục tiêu của họ đã không làm cho chủ

nghĩa cộng sản trở thành một phong trào của quần chúng, mà chỉ thông qua một nhóm nhỏ những kẻ theo đuôi có tính kỷ luật hoàn hảo.

Trong một thời gian dài, điều đó đã được làm khá tốt. Họ đã dễ dàng tuyển mộ được những người mới; còn đảng đã duy trì được một quá trình bền vững của sự lựa chọn tự nhiên, chỉ để lại trong đội ngũ của nó những kẻ trung thành một cách cuồng tín nhất.

Giờ đây, trường hợp Nam Tư đã để lại một dấu hỏi lớn về việc hệ thống này liệu sẽ còn vận hành tốt trong tương lai. Trước đó, cùng với tà thuyết người ta đã dễ dàng thắng lợi bằng những cuộc thanh trừng của cảnh sát trong phạm vi của chính quyền Xô Viết hoặc là con đường chắc chắn để đoạn tuyệt (rút phép) hay khủng bố cá nhân ở ngoài phạm vi đó. Tito từng chỉ ra rằng trong trường hợp đối với những thủ lĩnh các nước vệ tinh những phương pháp đó hoàn toàn chưa thật hiệu quả. Sự đoạn tuyệt của các thủ lĩnh cộng sản không chịu lệ thuộc vào quyền lực Xô Viết và có lãnh thổ, cảnh sát, quân đội và những trung thành riêng của mình có thể làm chia rẽ phong trào cộng sản. Điều này, không có gì khác, chính là một đòn mạnh nhất giáng vào huyền thoại về quyền lực và quyền năng tối thượng của Xtalin.

Tất nhiên, về phía chúng ta, cần tập trung mọi nỗ lực tạo ra những điều kiện thuận lợi để lợi dụng những sai lầm của Xô Viết và những vết nứt đang xuất hiện, cũng như tạo điều kiện làm suy yếu cơ cấu tác động tinh thần của chính quyền Kremli lên những người đang nằm ngoài tầm với của cảnh sát Xô Viết.

Vì vậy, chúng ta có thể nói rằng dự định thứ hai của chúng ta đối với Nga trong thời bình – đó là với sự trợ giúp của hoạt động thông tin và bất kỳ phương tiện nào sẵn có trong tay chúng ta để phá bỏ huyền thoại đang kiểm chế những người ở xa ảnh hưởng quân sự của Nga, ở trong tình trạng bị Matxcơva chi phối và buộc thế giới nói chung nhìn thấy và hiểu rõ bản chất của Liên Xô, có một thái độ lo lắng và thực tế đối với chúng.

## *2. Thay đổi những công thức quan hệ quốc tế của Nga*

*Bây giờ chúng ta chuyển qua giải thích mục tiêu quan trọng thứ hai của chúng ta trong điều kiện chính sách thời bình – tiến hành thay đổi những công thức quan hệ quốc tế đang thịnh hành trong các nhóm cầm quyền ở Matxcova.*

*Như chúng ta đã thấy, chúng ta không thể làm thay đổi tâm lý chính trị cơ bản của những người hiện đang nắm chính quyền ở Liên Xô. Tính cách không thân thiện trong quan điểm của họ đối với thế giới bên ngoài, sự phủ định của họ đối với khả năng hợp tác hòa bình, niềm tin của họ vào tính tất yếu của một thế giới này phải xóa bỏ hoàn toàn một thế giới khác – tất cả vẫn được giữ nguyên chỉ vì một nguyên nhân đơn giản là các thủ lĩnh Xô Viết khẳng định rằng hệ thống của họ không thể so sánh với nền văn minh phương Tây và vì thế sẽ không thể yên tâm cho tới khi nào nền văn minh phương Tây hùng mạnh và thịnh vượng đó chưa thực sự bị quét hết, ảnh hưởng của nó chưa xóa bỏ. Đây là chưa nói tới việc những con người này đặc biệt trung thành với học thuyết về xung đột tất yếu giữa hai thế giới – vì học thuyết này, họ sẵn sàng chấp nhận án tử hình cũng như những đau khổ nặng nề nhất của hàng triệu người khác.*

*Mặt khác, các thủ lĩnh Xô Viết, nếu không chấp nhận những luận chứng, thì cũng biết cách chấp nhận tình huống. Vì vậy, nếu tạo ra tình huống – khi việc nhấn mạnh vào các yếu tố của xung đột trong các mối quan hệ của họ với thế giới bên ngoài không mang lại cho quyền lực của mình một lợi ích nào cả thì việc tuyên truyền của họ trong chính dân chúng nước họ cũng có thể thay đổi. Điều này được thể hiện rất rõ trong cuộc chiến tranh trước đây, khi khối đồng minh quân sự của họ với các cường quốc phương Tây chỉ có hiệu quả ngoại tiếp. Trong trường hợp đó, sự thay đổi trong chính sách của họ có một khoảng thời gian tương đối ngắn; hoặc cùng với sự hoàn tất những hoạt động quân sự, họ đã nhìn thấy khả năng đạt được những mục tiêu quan trọng của mình mà không phụ thuộc vào thái độ và quan điểm của phương Tây. Điều này còn có nghĩa là tình huống buộc họ phải thay đổi chính sách hoàn toàn không xảy ra.*

Vì vậy, nếu tình huống tương tự sẽ được tạo lập trong tương lai và các thủ lĩnh Xô Viết sẽ buộc phải công nhận tính hiện thực của chúng, và nếu những tình huống đó sẽ được duy trì một thời gian dài, tức là cả một giai đoạn bao trùm phần lớn quá trình hữu cơ của sự phát triển và thay đổi trong đời sống chính trị Xô Viết, thì chúng có thể gây nên hiệu quả thay đổi thường xuyên đối với quan điểm và nền nếp của chính quyền Xô Viết. Thậm chí trong một thời gian tương đối ngắn và chủ yếu bằng lời nói, khả năng hợp tác giữa các đồng minh chủ yếu trong quá trình của cuộc chiến tranh trước đây đã để lại một dấu ấn sâu đậm trong nhận thức của công luận Nga và, chắc chắn, đã tạo nên những khó khăn thực sự đối với chế độ trong âm mưu sau khi kết thúc chiến tranh sẽ trở lại chính sách thù địch và lật đổ thế giới phương Tây. Dù sao, tất cả những điều này đã diễn ra vào giai đoạn khi tuyệt đối không có một thay đổi nào đáng kể trong ban lãnh đạo Xô Viết và không có một sự phát triển tự nhiên nào trong đời sống chính trị nội bộ của Liên Xô. Nếu như Chính phủ Xô Viết đã buộc phải thực hiện chính sách thận trọng và kiềm chế đối với phương Tây lâu dài tới mức những thủ lĩnh hiện nay được thay thế bằng những người khác, và nếu như đã xảy ra một sự phát triển tự nhiên nào đó trong đời sống chính trị Xô Viết, thì rút cuộc đã có thể đạt được những thay đổi thực sự trong quan điểm và hành vi của Xô Viết.

Trên cơ sở đó cho thấy, nếu sắp tới chúng ta không đủ sức làm thay đổi tâm lý chính trị cơ bản của các nhà lãnh đạo Xô Viết, thì chúng ta có thể tạo ra những tình huống đủ lâu dài để thực hiện chúng, có thể buộc các nhà lãnh đạo Xô Viết phải mềm hóa thái độ sai trái và nguy hiểm của mình đối với phương Tây và phải chấp nhận một số mức độ thận trọng và kiềm chế trong các mối quan hệ của họ đối với các nước phương Tây. Trong trường hợp đó, chúng ta thực sự có thể nói rằng chúng ta đã bắt đầu đạt được những thành công trong việc thay đổi từng bước các công thức nguy hiểm hiện nay của những người Xô Viết.

Trong trường hợp chính quyền Xô Viết bị suy yếu, cũng như trong trường hợp chúng ta có chương trình nào đó lâu dài nhằm chống lại những

âm mưu của Xô Viết phá hoại nền văn minh phương Tây, chúng ta cần phải công nhận rằng các thủ lĩnh Xô Viết sẽ sẵn sàng dùng bạo lực để ngăn chặn điều đó. Chúng tôi nhấn mạnh: một sự liều lĩnh như vậy là hoàn toàn có thể có trong bất kỳ một chính sách lãnh đạo nào đối với Liên Xô. Nó nằm ngay trong bản chất của Chính phủ Xô Viết hiện nay; và cho dù chúng ta có làm gì thì điều đó vẫn không được thay đổi. Đây là vấn đề không hề mới đối với các quan hệ quốc tế của Mỹ. Trong cuốn “Những ghi chép của một người tán thành chế độ liên bang”, Aleksandr Hamilton tuyên bố: “Đừng quên rằng hòa bình và chiến tranh không phải bao giờ cũng để cho chúng ta lựa chọn; và cho dù chúng ta đã kiểm chế và không hiểu thẳng, chúng ta vẫn không thể thiên về kiểm chế và tin tưởng khoan hòa sự hiểu thẳng của những kẻ khác”.

Vì vậy, khi đặt ra mục tiêu làm thay đổi những công thức đang chỉ đạo Chính phủ Xô Viết về những vấn đề quốc tế, chúng ta lại một lần nữa cần phải thấy rằng câu trả lời cho câu hỏi, liệu có thể đạt được mục tiêu này bằng những phương tiện hòa bình, không chỉ tùy thuộc riêng chúng ta. Tuy nhiên, điều đó không thể cản trở chúng ta trong những ý định của mình.

Vì vậy, chúng ta cần phải nói rằng ý định thứ ba của chúng ta đối với Nga trong thời bình là tạo dựng tình huống buộc Chính phủ Xô Viết công nhận tính chất không mong muốn trên thực tế của những hành động trên cơ sở những công thức hiện nay của nó và sự cần thiết phải hành động, chí ít là về đối ngoại, sao cho công thức mâu thuẫn với những điều nói trên, là những điều hiển nhiên.

Tất nhiên, điều này trước hết là vấn đề duy trì sự yếu kém chính trị, quân sự và tâm lý của Liên Xô so với các lực lượng quốc tế nằm ngoài ranh giới kiểm soát của nó và trong những nước phi cộng sản.

### *3. Những ý định cụ thể*

Mọi dự định nêu trên chỉ mang tính chất chung.

*Trước hết*, dự định đầu tiên của chúng ta trong thời bình không phải là soạn thảo ra kịch bản cho một cuộc chiến tranh được coi tất yếu. Chúng ta



không phủ nhận rằng những dự định cơ bản của chúng ta đối với Nga có thể vẫn được thực hiện thành công mà không cần tới chiến tranh. Chúng ta phải công nhận khả năng của một cuộc chiến tranh được bắt nguồn một cách lo gic và ở mọi thời đại từ quan điểm hiện nay của ban lãnh đạo Xô Viết; và chúng ta cần chuẩn bị cho khả năng này.

Nhưng, có thể là sai lầm khi cho rằng chính sách của chúng ta được dựa trên quan điểm về tính tất yếu của chiến tranh và bị hạn chế bởi việc chuẩn bị cho một cuộc xung đột vũ trang. Điều này không phải như vậy. Nhiệm vụ của chúng ta hiện nay, khi chưa có chiến tranh, đương nhiên được xác định bởi những hành động của người khác, – tìm ra những phương tiện thực hiện thành công những mục tiêu của chúng ta, chứ không tự thân sử dụng chiến tranh. Nhiệm vụ đó bao gồm những công việc chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh có thể xảy ra, song chúng ta chỉ coi chúng như những giải pháp hỗ trợ mang tính chất dự báo, chứ không như một thành tố hàng đầu của chính sách. Như trên đây, chúng ta vẫn tin tưởng và cố gắng đạt được những mục tiêu của mình trong khuôn khổ hòa bình. Còn nếu như một khi nào đó phải đi đến kết luận rằng điều đó thực sự không thể, rằng quan hệ giữa thế giới cộng sản và không cộng sản không thể không có một cuộc xung đột vũ trang, thì toàn bộ nền tảng của tài liệu này phải được xem xét lại, còn những dự định của chúng ta trong thời bình sẽ phải thay đổi hoàn toàn.

*Hai là, Những dự kiến của chúng ta trong thời bình không phải là lật đổ Chính phủ Xô Viết. Theo nhận định chung, chúng ta để tạo dựng ra hoàn cảnh và tình huống làm cho những nhà lãnh đạo Xô Viết gặp khó khăn, bất ngờ. Rất có thể, khi phải đối mặt với chúng, họ không thể duy trì được quyền lực của mình ở Nga. Nhưng chúng tôi vẫn nhắc lại một lần nữa: đó là công việc của họ chứ không phải của chúng ta. Trong tài liệu này không xem xét tới vấn đề: liệu Chính phủ Xô Viết có thể hành động tương đối thận trọng và kiềm chế mà vẫn duy trì được chính quyền nội bộ của mình ở Nga. Nếu những tình huống thích hợp với những dự định của chúng ta trong thời bình sẽ thực sự xuất hiện và chúng không thích hợp với sự tồn tại của chính*

*quyền nội bộ Xô Viết, buộc Chính phủ Xô Viết phải rời bỏ vũ đài, thì chúng ta sẽ thực hiện những thay đổi đó mà không phải hối hận. Tuy nhiên, chúng ta không cần thấy mình phải chịu trách nhiệm trong việc tìm kiếm và thực hiện chúng.*

#### *IV. Giành những mục tiêu cơ bản của chúng ta trong thời chiến*

*Trong phần này, những mục tiêu của chúng ta đối với Nga được xem xét trong trường hợp, nếu giữa Mỹ và Liên Xô xuất hiện tình trạng có chiến tranh. Đồng thời, những phương án rút lui một cách thuận lợi cho những chiến dịch quân sự của chúng ta cũng được xem xét tới.*

##### *1. Những nhiệm vụ không thể hoàn thành*

*Trước khi bắt đầu đề cập tới việc chúng ta cần nỗ lực đạt tới điều gì trong cuộc chiến tranh với Nga, chúng ta hãy làm rõ điều chúng ta mong muốn đạt được.*

*Trước hết, chúng ta phải công nhận rằng việc chiếm đóng và đặt toàn bộ lãnh thổ Xô Viết dưới sự quản lý hành chính quân sự của chúng ta sẽ không có lợi. Điều bất lợi là sự rộng lớn của lãnh thổ này, số lượng dân cư, sự khác biệt trong ngôn ngữ và phong tục giữa dân chúng địa phương với chúng ta, không thể thiết lập được bộ máy chính quyền địa phương thích hợp để chúng ta thông qua đó quản lý nó.*

*Hai là, chúng ta phải công nhận rằng liệu các thủ lĩnh Xô Viết có chịu đầu hàng chúng ta vô điều kiện. Có thể là chính quyền Xô Viết sẽ bị tan rã bởi một cuộc chiến tranh, tựa như việc đã từng xảy ra với chế độ Nga hoàng trong thời gian chiến tranh thế giới I. Còn nếu như sự tan rã đó không diễn ra, thì chúng ta không thể tin chắc rằng chúng ta có thể tiêu diệt chính quyền Xô Viết bằng bất kể phương tiện nào, ngoại trừ những hành động quân sự ngông cuồng nhằm chinh phục toàn nước Nga chấp nhận sự kiểm soát của mình. Chúng ta đã từng có kinh nghiệm đối với bọn phát xít, nó là tấm gương của sự kiên trì và kiên quyết mà nhờ đó một chế độ độc tài tàn ác có thể bầu vùi vào quyền lực nội bộ của nó, thậm chí ngay cả trên lãnh thổ bị chia cắt bởi những chiến dịch quân sự. Các thủ lĩnh Xô Viết có*

thể, nếu bị bắt buộc, ký kết một hòa ước nhượng bộ, thậm chí là bất lợi đối với những lợi ích của họ. Song liệu họ có chịu chấp nhận một cái gì đó kiểu như đầu hàng vô điều kiện, hoàn toàn chịu sự chi phối của một chính quyền thù địch với họ. Họ sẽ nhanh chóng ẩn mình ở những vùng nông thôn hẻo lánh nhất ở Sibiri và rút cuộc sẽ chết, như Hitle, trước đòn tấn công của kẻ thù.

Hiện có một sự tin tưởng chắc chắn rằng nếu chúng ta tỏ ra vô cùng quan tâm tới mức độ có thể của điều này trong thời chiến và chúng ta sẽ không gây ra sự thù địch trong những người Xô Viết do cách xử sự độc ác của cảnh sát quân sự, thì sự tan rã của chính quyền Xô Viết trong quá trình chiến tranh sẽ trở nên phổ biến. Đây là điều, theo quan điểm của chúng ta, có thể coi là một kết cục thuận lợi. Chúng ta sẽ hoàn toàn đúng khi tạo ra sự tan rã đó bằng mọi phương tiện sẵn có trong tay. Song điều đó không có nghĩa là chúng ta có thể tin chắc vào việc chế độ Xô Viết hoàn toàn bị lật đổ, có nghĩa là chính quyền này bị thủ tiêu trên toàn bộ lãnh thổ Xô Viết hiện nay.

Tùy thuộc vào việc chính quyền Xô Viết còn duy trì được tại một phần lãnh thổ Xô Viết hiện nay, chúng ta không thể tin chắc rằng sẽ tìm được một nhóm thủ lĩnh chính trị trong số những người Nga – những người sẽ thực sự “dân chủ” theo cách hiểu của chúng ta về từ này.

Cho dù ở Nga đã từng có những thời điểm theo chủ nghĩa tự do, thì những công thức của nền dân chủ vẫn là xa lạ đối với đại bộ phận dân chúng Nga, đặc biệt là với những người có thiên hướng hoạt động quốc gia. hiện nay aaxn còn tồn tại nhiều nhóm chính trị Nga có ảnh hưởng trong số những ngoại kiều Nga; bằng lời nói, tất cả những người này đang tin theo những nguyên tắc của chủ nghĩa tự do ở một mức độ nhất định, còn một số người trong họ, theo quan điểm của chúng ta, có thể thích hợp với vai trò của người lãnh đạo trong chính phủ Xô Viết. Tuy nhiên, cho dù những nhóm này thiên về tự do đến mấy, thì không ai có thể biết, sau khi được trao quyền lực, liệu họ sẽ duy trì chính quyền bằng những biện pháp khủng bố và thanh trừng của cảnh sát không. Hành động của những người trong

chính quyền thường được xác định rất rõ bởi hoàn cảnh để họ thực thi quyền lực, chứ không phải bởi những lý tưởng và những nguyên tắc đã từng khích lệ họ khi họ còn là phe đối lập. Khi chuyển giao việc quản lý chính quyền cho bất cứ nhóm người Nga nào, thì đừng bao giờ tin chắc rằng nhóm người đó sẽ điều hành bằng những phương pháp đã từng được nhân dân tán thành. Vì vậy, khi tiến hành một sự lựa chọn như thế là chúng ta đã liệu lĩnh và gánh nhận trách nhiệm về mình, đừng bao giờ tin rằng chúng ta sẽ gánh vác trách nhiệm đó một cách xứng đáng.

*Cuối cùng*, chúng ta không thể tin tưởng rằng chỉ sau một thời gian ngắn những công thức dân chủ của chúng ta được cấy ghép thành công cho một nhóm thủ lĩnh Nga nào đó. Rút cuộc, tâm lý chính trị của bất cứ chế độ nào, ở một mức độ nào đó tùy thuộc vào ý chí của con người, nên nó sẽ là như chính của những con người đó. Những kinh nghiệm của chúng ta ở Đức và Nhật Bản đã chỉ rõ rằng không thể làm thay đổi tâm lý và những quan điểm của quảng đại quần chúng trong một thời gian ngắn, kể cả khi họ đã bị đánh bại và lệ thuộc hoàn toàn. Sự thay đổi đó chỉ có thể có được từ kinh nghiệm chính trị hữu cơ của dân tộc đó. Mức tối đa mà một đất nước có thể làm để đạt được sự thay đổi như vậy ở một nước khác là làm thay đổi những ảnh hưởng xung quanh đang tác động tới dân tộc đó, tập cho dân tộc đó phản ứng với những ảnh hưởng này theo cách nhìn nhận của mình.

*Tất cả những điều này nói lên rằng, sau những hành động quân sự thành công ở Nga, chúng ta không thể trông chờ vào việc tạo dựng ở đó một chính phủ lệ thuộc hoàn toàn vào ý chí của chúng ta hay thể hiện hoàn toàn những lý tưởng chính trị của chúng ta. Chúng ta phải tính tới một khả năng đáng kể rằng chúng ta buộc phải hợp tác ở một mức độ nhất định với những chính quyền Nga mà chúng ta không thực sự tán thành, những mục tiêu của họ khác với của chúng ta, chúng ta phải chú ý tới những quan điểm và yếu điểm của họ xem chúng có thích hợp với chúng ta hay không. Nói một cách khác, chúng ta không thể hy vọng ý chí của chúng ta giành được một sự khẳng định hoàn toàn trên lãnh thổ Nga, tựa như việc chúng ta đã từng cố làm điều đó ở Đức và Nhật Bản. Chúng ta phải công nhận*

rằng cho dù cuối cùng chúng ta cũng đạt được một sự điều chỉnh nào đó, thì đó vẫn là sự điều chỉnh phi chính trị, một sai lầm chính trị.

Đó là những gì liên quan tới loại nhiệm vụ không thể hoàn thành. Vậy những mục tiêu mà chúng ta mong đợi và có khả năng trong trường hợp xảy ra chiến tranh với Nga là gì? Tương tự như những mục tiêu của thời bình, chúng có khởi nguồn lôgic từ những mục tiêu chủ yếu đã đề cập ở phần III.

## 2. Làm suy giảm sức mạnh Xô Viết

Mục tiêu đầu tiên của chúng ta trong chiến tranh đương nhiên là phải tiêu diệt ảnh hưởng quân sự và sự thống trị của Nga tại những vùng tiếp giáp nằm ngoài biên giới quốc gia Nga.

Tất nhiên, việc chúng ta thành công trong cuộc chiến tranh tất yếu sẽ dẫn tới giành được kết quả tương tự ở phần lớn, nếu như không phải là tất cả, của vùng vệ tinh. Những thất bại quân sự liên tiếp của lực lượng Xô Viết có thể sẽ phá tan vị thế của những chế độ cộng sản ở các nước Đông Âu tới mức phần lớn trong số đó sẽ sụp đổ. Có thể vẫn còn những lò lửa theo kiểu “chủ nghĩa Tito” về chính trị, nghĩa là còn sót lại những chế độ cộng sản mang tính chất dân tộc và cực bộ thuần túy. Chúng ta có thể không cần chú ý tới số này. Theo thời gian, khi không còn sự hỗ trợ dưới dạng sức mạnh và vị thế của Nga, số này hoặc sẽ dần dần biết mất, hoặc sẽ hóa thân thành những chế độ dân tộc thông thường ít nhiều mang tính chất sô vanh và cực đoan rất đặc trưng cho những chính phủ dân tộc ở khu vực này. Đương nhiên, chúng ta phải tiêu diệt được mọi dấu vết mang hình thức của ảnh hưởng siêu nhiên từ Nga ở vùng này, như những hiệp ước liên bang chẳng hạn.

Nhưng, liên quan tới điều này, chúng ta vẫn còn vấn đề làm thay đổi biên giới Xô Viết theo mong muốn của chúng ta thông qua những hành động quân sự thắng lợi của mình. Chúng ta phải thành thật thú nhận rằng hiện nay chúng ta chưa thể làm rõ được câu hỏi này. Câu trả lời hầu hết còn tùy thuộc vào việc loại hình chế độ nào sẽ được hình thành sau những hành động quân sự tại chính vùng này. Nếu chế độ đó sẽ có được những viên

cảnh thuận lợi đủ để thực hiện những nguyên tắc của chủ nghĩa tự do trong các công việc nội bộ và sự kiểm chế trong chính sách đối ngoại, thì có thể trao cho chính quyền đó một phần lớn, nếu không phải là tất cả, lãnh thổ thu được từ Liên Xô qua cuộc chiến tranh vừa tiến hành. Chắc chắn hơn cả là nếu những chính quyền Nga sau chiến tranh còn có những hạn chế về khuynh hướng tự do và tính kiểm chế, thì việc thay đổi những đường biên giới có thể sẽ trở nên vô cùng cần thiết. Về điều này, có thể nói một cách đơn giản như về một trong những vấn đề cần để ngỏ cho tới chừng nào sự phát triển của những sự kiện chính trị và quân sự ở Nga chưa chứng tỏ cho chúng ta thấy hết tính chất của những khuôn khổ sau chiến tranh mà chúng ta đang thực thi.

Còn về vấn đề vị thế tư tưởng và huyền thoại Xô Viết mà Chính phủ Xô Viết hiện đang triển khai trên số những người nằm ngoài ranh giới của vùng vệ tinh hiện nay. Tất nhiên, vấn đề này trước hết tùy thuộc vào việc đảng cộng sản toàn liên bang hiện nay liệu có duy trì vị thế đó đối với một bộ phận nào đó của lãnh thổ Xô Viết hiện nay sau chiến tranh. Chúng ta đã từng xác định rằng chúng ta không thể loại trừ khả năng này. Nếu vị thế của những người cộng sản sẽ mất đi thì vấn đề đương nhiên sẽ được giải quyết. Song cần dự tính rằng trong mọi trường hợp chính kết cục chiến tranh không thành công của phía Xô Viết sẽ chắc chắn giáng một đòn quyết định vào hình thái quyền lực và ảnh hưởng của Xô Viết.

Dù sao đi nữa, chúng ta cùng phải tính rằng một trong những mục tiêu quân sự chủ yếu của chúng ta đối với Nga là tiêu diệt cơ bản cơ cấu quan hệ mà nhờ đó các thủ lĩnh của đảng cộng sản toàn liên bang có được một quyền lực mang tính kỷ luật và tinh thần đối với từng công dân hoặc những nhóm công dân tại những nước không nằm dưới sự kiểm soát cộng sản.

### *3. Làm thay đổi những công thức quan hệ quốc tế của Nga*

Vấn đề này của chúng ta lại có liên quan tới những công thức sẽ xác định chính sách của Nga sau chiến tranh. Chúng ta liệu có thể tin tưởng rằng từ nay về sau chính sách của Nga sẽ được tiến hành theo hướng tiếp cận tối đa với những gì được chúng ta trông chờ trên đây? Đây chính là bản chất vấn

đề của những mục tiêu của chúng ta trong chiến tranh đối với Nga và không thể không đánh giá.

*Trước tiên, đây là vấn đề của chính quyền Xô Viết tương lai, tức là của chính quyền của đảng cộng sản ở Liên Xô. Đây là vấn đề cực kỳ khó khăn, không thể trả lời một cách đơn giản. Chúng ta biết rằng chúng ta sẽ chào đón, thậm chí cố gắng làm cho chính quyền Xô Viết bị tiêu diệt, bị xóa bỏ và chúng ta không thể tin tưởng hoàn toàn rằng chúng ta sẽ đạt được điều này. Đương nhiên, chúng ta có thể xem đây như là một nhiệm vụ tối đa, chứ không phải là tối thiểu. Tới lúc đó, nếu dự tính rằng sự tồn tại của một chính quyền Xô Viết tại một phần lãnh thổ Xô Viết sau khi kết thúc những hành động quân sự là tối ưu, thì thái độ của chúng ta đối với nó sẽ ra sao? Liệu chúng ta nói chung có nhất trí duy trì quan hệ với nó? Nếu có, thì chúng ta cần thiết lập ra những điều kiện gì?*

*Trước hết, chúng ta phải công nhận như một quyết định được thông qua trước đó rằng chúng ta không nên ký hòa ước và (hoặc là) thiết lập quan hệ ngoại giao có điều chỉnh với bất kỳ chế độ nào ở Nga mà người cầm đầu chúng là một ai đó trong số những thủ lĩnh Xô Viết hiện nay hay là người đang làm cho tư tưởng của họ bị phân ly. Qua 15 năm gần đây chúng ta đã có kinh nghiệm đáng buồn về vấn đề này; còn nếu chúng ta buộc phải tiến hành chiến tranh để bảo vệ nền chính trị và những hành động của chúng tránh những hậu quả, thì công luận của chúng ta liệu có tha thứ cho những thủ lĩnh Xô Viết vì những hậu quả tương tự hoặc lại tiếp tục nỗ lực hợp tác bình thường.*

*Mặt khác, nếu phải duy trì chế độ cộng sản để hoàn thành những hành động quân sự trên phần lãnh thổ Xô Viết, thì liệu chúng ta sẽ hoàn toàn không phải đếm xỉa gì đến nó. Trong mọi khả năng của chúng ta, nó không thể không tạo ra một nguy cơ tiềm năng đe dọa hòa bình và ổn định của chính nước Nga và của cả thế giới. Điều tối thiểu chúng ta cần làm là hãy tin tưởng rằng khả năng gây hại của nó bị hạn chế tới mức không thể gây thiệt hại thực sự, rằng chính chúng ta hoặc những lực lượng thân thiện với chúng ta vẫn kiểm soát được mọi việc.*

Để có được điều này cần hai điều kiện. *Một là*, sẽ cần có một sự hạn chế thực sự về mặt vật lý sức mạnh của chế độ còn sót lại này sao cho nó không thể gây ra một cuộc chiến đe dọa và gây lo lắng cho các dân tộc khác cũng như các chế độ Nga khác. Nếu như những hành động quân sự dẫn tới việc kiên quyết cắt giảm phần lãnh thổ nằm trong vùng ảnh hưởng của những người cộng sản, đặc biệt, nếu như sự cắt giảm như thế làm mất đi những yếu tố then chốt của chúng trong cơ cấu công nghiệp – quân sự hiện nay của Xô Viết, thì sự hạn chế vật lý sẽ đương nhiên xảy ra. Nếu như vùng lãnh thổ nằm dưới sự kiểm soát của chúng sẽ không bị nhỏ đi một cách đáng kể, thì có thể đạt tới kết quả này bằng cách tăng cường phá hoại các công trình kinh tế và công nghiệp quan trọng từ trên không. Rất có thể phải sử dụng tới cả hai phương thức này. Nhưng dù sao đi chăng nữa, *chúng ta có thể kết luận dứt khoát rằng chúng ta không thể coi những hành động quân sự của mình là thành công, nếu sau những hành động như thế chế độ cộng sản vẫn được duy trì sự kiểm soát đối với tiềm năng công nghiệp – quân sự hiện nay và đủ sức để trong những điều kiện tương tự tiến hành chiến tranh với một quốc gia láng giềng hoặc với một chính quyền cạnh tranh cùng nó – chính quyền có thể được thiết lập trên lãnh thổ Nga truyền thống.*

Điều thứ hai đòi hỏi ở chúng ta, – trong trường hợp nếu chính quyền Xô Viết nói chung được duy trì trên lãnh thổ Nga truyền thống, – đây là những điều kiện nào đó xác định thái độ quân sự của nó đối với chúng ta và đối với những chính quyền của các nước xung quanh. Nói cách khác, chúng ta cần có một hình thức quan hệ nhất định đối với chế độ như vậy. Hiện tại, điều này gây bất lợi cho chúng ta, song nhờ đó, hoàn toàn có thể là những lợi ích của chúng ta sẽ được bảo vệ tốt hơn so với việc sử dụng những hành động quân sự có quy mô lớn để chế áp hoàn toàn chính quyền Xô Viết.

Có thể nói một cách tin chắc rằng những điều kiện này đối với chế độ cộng sản sẽ bị coi là độc ác và công khai hạ nhục. Chúng có thể gợi nhớ tới những điều kiện của Hòa ước Brest-Litov năm 1918.[34] Sự kiện người Đức đã ký kết hòa ước này không có nghĩa là họ thực sự công nhận ưu thế



của chế độ Xô Viết. Họ đã cho rằng hòa ước làm cho chế độ Xô Viết trở nên an toàn đối với họ trong một thời gian và đặt nước Đức trước những vấn đề mang tính sống còn. Người Nga đã hiểu rằng trong đó có âm mưu của Đức. Họ tỏ ra thiếu dứt khoát và có ý định phá bỏ hòa ước khi có điều kiện thuận lợi. Nhưng ưu thế của Đức về lực lượng là có thực và các tính toán của Đức có tính hiện thực. Nếu như Đức không bị thất bại ở phía Tây ngay sau khi ký Hòa ước Brest-Litov, thì liệu Chính phủ Xô Viết có thể ngăn chặn được Đức giành lấy những mục tiêu của chúng tại Nga. Chính tại thời điểm then chốt này Chính phủ chúng ta dường như đã có thể xử lý chế độ Xô Viết vào giai đoạn cuối của xung đột vũ trang.

Không thể nói trước được tính chất của những điều kiện đó sẽ ra sao. Phần lãnh thổ còn nằm trong sự điều hành của chế độ này càng bé, thì nhiệm vụ thúc đẩy những điều kiện này thỏa mãn những lợi ích của chúng ta càng trở nên dễ dàng hơn. Trong trường hợp tệ hại nhất, tức là khi chính quyền Xô Viết vẫn còn được duy trì trên toàn bộ hoặc hầu như trên toàn bộ lãnh thổ Xô Viết hiện nay, chúng ta cần phải có:

a) *Những điều kiện quân sự trực tiếp* (giao nộp trang bị, triệt thoái những vùng then chốt, ...) nhằm bảo đảm sự triệt tiêu quân sự trong một thời gian dài.

b) *Những điều kiện có khuynh hướng tạo lập sự lệ thuộc thực sự về kinh tế vào thế giới bên ngoài.*

c) *Những điều kiện có khuynh hướng trao quyền tự do cần thiết hoặc định chế liên bang cho các dân tộc thiểu số* (chúng ta chí ít cũng cần bảo vệ nền tự do hoàn toàn cho các quốc gia vùng Baltik và bảo đảm định chế liên bang cho Ucraina để cho phép chính quyền địa phương Ucraina có được một mức độ tự trị cao nhất).

d) *Những điều kiện có khuynh hướng phá hoại bức màn sắt* và bảo đảm cho sự lưu thông tự do cho tư tưởng từ bên ngoài và thiết lập những cuộc tiếp xúc đông đảo giữa những người đang nằm trong vùng của chính quyền Xô Viết với những người ngoài vùng đó.

Những mục tiêu của chúng ta đối với bất kỳ một chính quyền Xô Viết nào còn sót lại là như vậy. Còn vấn đề: những mục tiêu của chúng ta đối với chính quyền phi cộng sản – một chính quyền có thể được thiết lập trên một phần hoặc trên toàn bộ lãnh thổ Nga sau những hành động quân sự sẽ như thế nào.

Trước hết, cần phải nói rằng tùy thuộc vào nền tảng tư tưởng của chính quyền phi cộng sản đó và tùy thuộc vào mức độ nó trung thành với lý tưởng dân chủ và tự do, chúng ta cần phải bằng cách này hay cách khác bảo đảm hoàn thành những nhiệm vụ cơ bản đã được nêu ở trên. Nói cách khác, chúng ta đương nhiên phải thực hiện những biện pháp cảnh giác để đảm bảo rằng chế độ phi cộng sản và thân thiện với chúng ta về mặt danh nghĩa đó là một chế độ:

- a) Không có lực lượng vũ trang mạnh;
- b) Còn phụ thuộc đáng kể về kinh tế vào thế giới bên ngoài;
- c) Không có một quyền lực quá lớn đối với các dân tộc thiểu số chủ yếu;
- d) Không tạo ra bất cứ điều gì gợi nhớ tới bức màn sắt trong những quan hệ với thế giới bên ngoài.

Trong trường hợp có một chế độ thù địch với những người cộng sản và thân thiện với chúng ta, chúng ta rõ ràng cần xem xét và thúc đẩy những điều kiện đó sao cho tế nhị và tôn trọng. Tuy nhiên, chúng ta cần chú ý để những điều kiện đó, bằng cách này hay cách khác, được thúc đẩy, nếu chúng ta muốn bảo vệ những lợi ích của chúng ta và những lợi ích của thế giới trên toàn thế giới.

Vì vậy, chúng ta có thể mạnh dạn nói rằng, mục tiêu của chúng ta trong trường hợp có chiến tranh với Liên Xô, được theo đuổi sau khi kết thúc chiến tranh là không một chế độ nào trên lãnh thổ Nga được phép:

- a) Duy trì lực lượng quân sự ở quy mô có thể đe dọa bất kỳ một nước láng giềng nào;
- b) Duy trì sự tự chủ về kinh tế ở mức độ có thể tạo ra cơ sở kinh tế cho lực lượng vũ trang mà không cần tới sự hỗ trợ của thế giới phương Tây;

- c) Thiết lập chế độ tự trị và tự quản đối với các dân tộc thiểu số;
- d) Duy trì một hình thái tương đồng với bức màn sắt.

Nếu việc hoàn thành những điều kiện này được bảo đảm thì chúng ta có thể mô phỏng được mọi tình huống chính trị sau chiến tranh. Khi đó chúng ta sẽ an toàn, không bị phụ thuộc vào việc chính quyền Xô Viết có được duy trì trên toàn bộ lãnh thổ Nga hay không, hay chỉ trên một phần nhỏ của nó, hay bị biến mất hoàn toàn. Và chúng ta sẽ an toàn ngay cả khi lòng nhiệt thành ban đầu với nền dân chủ giảm dần và nhường chỗ cho sự pha trộn (confecion) chống xã hội từng được nuôi dưỡng trong thế hệ hiện nay của những người Xô Viết. Điều nói trên cần được coi là biểu hiện tương thích với những mục tiêu chiến tranh của chúng ta *ngay cả trong trường hợp nếu nhờ chiến tranh mà các quá trình chính trị ở Nga có được con đường riêng của nó* và chúng ta sẽ buộc phải nhận lãnh một trách nhiệm nghiêm túc về tương lai chính trị của đất nước. Tuy nhiên, vẫn còn những câu hỏi cần được trả lời *trong trường hợp nếu chính quyền Xô Viết bị tiêu diệt quá nhanh* và quá triệt để tới mức đất nước sẽ rơi vào hỗn loạn, làm cho chúng ta – những người chiến thắng trở nên khó khăn trong để hoàn thành một sự lựa chọn chính trị và thông qua những quyết định hình thành tương lai chính trị của đất nước. Trong một khả năng như thế, chúng ta sẽ vấp phải 3 vấn đề cơ bản.

#### 4. Vấn đề chia tách và an ninh quốc gia

Trước hết, chúng ta mong muốn điều gì trong trường hợp như sau: để những lãnh thổ hiện nay của vẫn nằm dưới một chế độ duy nhất hay chia nhỏ chúng ra? Nếu chúng vẫn là một thể thống nhất, thì mức độ của hình thức liên bang cần phải được thực hiện trong Chính phủ Nga tương lai ra sao? Các dân tộc thiểu số chủ yếu sẽ ra sao, đặc biệt là trong trường hợp của Ucraina?

Chúng ta đã từng đề cập tới vấn đề của các quốc gia vùng Baltik. Các quốc gia vùng Baltik không nhất thiết phải nằm dưới một chính quyền cộng sản sau chiến tranh. Nếu vùng lãnh thổ tiếp giáp với các quốc gia thuộc Baltik sẽ được các chính quyền Nga điều hành khác với cách điều hành của

những chính quyền cộng sản, thì chúng ta cần tuân theo ý nguyện của các dân tộc vùng Baltik và mức độ kiểm chế mà các chính quyền Nga thể hiện trong quan hệ với những dân tộc này.

Trong trường hợp đối với Ucraina chúng ta có vấn đề sau: Người Ucraina là dân tộc tiến bộ nhất trong những dân tộc hiện nay đang lệ thuộc Nga. Họ chủ yếu khó chịu với sự thống trị của Nga, còn những tổ chức dân tộc của họ đang hoạt động rất tích cực và có vị thế với các nước khác. Vì vậy, có thể dễ dàng đi đến kết luận rằng cuối cùng họ phải được giải phóng khỏi quyền lực Nga và được tự chủ như một quốc gia độc lập. Chúng ta cần thận trọng với kết luận này, vì chính sự đơn giản của nó không thích hợp với những điều kiện hiện thực của Đông Âu.

Thực ra, người Ucraina đang phải chịu ở dưới quyền lực của Nga và buộc phải làm điều gì đó để bảo vệ vị thế của họ trong tương lai. Tuy nhiên có những sự kiện cơ bản nhất định không cho phép họ làm như vậy. Mặc dù người Ucraina là một thành viên quan trọng và đặc biệt trong đế chế Nga, họ không thể chứng tỏ mình là “một dân tộc” có khả năng giải quyết thành công những vấn đề về độc lập mà bất chấp sự phản đối của Nga. Ucraina không phải là một khái niệm địa lý hay sắc tộc được xác định một cách chính xác. Dân cư Ucraina cơ bản khởi nguồn từ những người lẩn tránh chính thể chuyên chế Nga và Ba Lan, nên vẫn là những người Nga và Ba Lan. Ranh giới giữa Nga và Ucraina không rõ ràng nên rất khó xác lập. những thị dân trên lãnh thổ Ucraina chủ yếu là nga Nga và Do Thái. Nền tảng thực sự của “tính Ucraina” – đó chỉ là cảm giác của “sự khác biệt” trong thổ ngữ nông dân và sự khác biệt không đáng kể trong văn hóa dân gian và tập tục ở các vùng nông thôn. Còn cái gọi là những trao lưu chính trị – thì đó chỉ là sản phẩm của một số trí thức lãng mạn không có chút khái niệm gì về cơ cấu quốc gia.

Nền kinh tế của Ucraina cơ bản gắn bó chặt chẽ với nền kinh tế Nga, không hề có tự chủ về kinh tế kể từ khi lãnh thổ này bị những người du mục Tartar chiếm đoạt. ý định tách nó ra khỏi nền kinh tế Nga trở nên tự chủ chỉ mang tính nhân tạo và đã bị phá sản tựa như ý định tách vùng thất lương

Kukuruz để nhập vào vùng công nghiệp của vùng hồ Veliki ra khỏi nền kinh tế Mỹ.

Hơn nữa, những người nói bằng thổ ngữ Ucraina đang bị tách ra như những người nói bằng thổ ngữ Belarus – ở Đông Âu, đây là dấu hiệu luôn được coi là tiêu chí mang tính dân tộc thực sự, mà đúng hơn là tiêu chí tôn giáo. Nếu ở Ucraina có thể sẽ vạch ra một ranh giới thực sự nào đó, thì lô gíc hơn cả là ranh giới giữa các vùng theo tín ngưỡng của giáo hội phương Đông và theo tín ngưỡng giáo hội La Mã.

Rút cuộc, chúng ta không thể thờ ơ với tình cảm của chính những người theo chủ nghĩa Đại Nga. Chúng là một thành tố mạnh nhất của đế chế Nga, và hiện nay ở Liên Xô. Chúng vẫn sẽ là thành tố dân tộc mạnh nhất trên lãnh thổ này cho dù ở dưới định chế nào. Mọi chính sách dài hạn của Mỹ cần dựa trên cơ sở công nhận chúng và hợp tác với chúng. Lãnh thổ của Ucraina hiện là di sản của chúng tựa như vùng Cận Đông đối với Mỹ, và chúng nhận thức được vấn đề này. Quyết định nhằm tách Ucraina khỏi nước Nga cổ xưa đều gây cho họ lòng căm thù và sự phản đối, và rút cuộc chỉ có thể tiến hành bằng vũ lực. Hoàn toàn có thể là những người theo chủ nghĩa đại Nga sẽ buộc phải công nhận nền độc lập mới của các quốc gia vùng Baltik. Một thời gian dài trong quá khứ họ đã tỏ ra khoan hòa với nền độc lập của những vùng lãnh thổ này đối với sự điều hành Nga; và hiện họ vẫn công nhận, cho dù là trong tiềm thức hay không, rằng những dân tộc này có khả năng độc lập. Còn thái độ đối với người Ucraina lại khác. Họ rất gần gũi với người Nga. Cho dù điều đó là tốt hay xấu, song họ buộc phải xác định số phận của mình trong mối quan hệ đặc biệt với dân tộc đại Nga.

Dường như rất rõ ràng rằng mối quan hệ đó trở nên tối ưu trong thể chế liên bang mà Ucraina sẽ có một mức độ tự trị đáng kể về chính trị và văn hóa, nhưng sẽ không độc lập về kinh tế hay quân sự. Những mối quan hệ như thế dường như cũng thỏa mãn với những đòi hỏi của chính đại Nga. Vì vậy, có thể chỉ ra rằng trong khuôn khổ đó cần bao gồm cả những mục tiêu của Mỹ đối với Ucraina.

Cần nhận thấy rằng vấn đề này là lớn hơn rất nhiều so với vấn đề của một tương lai xa. Những phần tử Ucraina và đại Nga trong số những nhóm kiều dân Nga đối lập đang có sự cạnh tranh rất quyết liệt để giành sự ủng hộ từ phía Mỹ. Thái độ ứng xử của chúng ta đối với những đòi hỏi này đều có thể gây nên một ảnh hưởng quan trọng đối với diễn biến và kết quả của phong trào đòi tự do chính trị trong số những người Nga. Vì vậy, điều quan trọng là chúng ta cần có quyết định của mình và kiên quyết theo đuổi quyết định đó. Một quyết định đương nhiên không thể là thân Nga hay thân Ucraina, song cần công nhận thực tiễn lịch sử, địa lý và kinh tế và phải tạo cho Ucraina một vị trí xứng đáng có thể chấp nhận được trong gia đình của đế chế Nga truyền thống và là phần không thể tách rời

*Cần phải nói thêm rằng, cho dù đã nói ở trên, chúng ta cần ủng hộ khuynh hướng phân liệt của Ucraina một cách không định kiến. Tuy nhiên, nếu trên lãnh thổ Ucraina sẽ thiết lập một chế độ độc lập mà không có sự tham gia của chúng ta, thì chúng ta cũng đừng công khai chống lại nó. Nếu làm như vậy là chúng ta nhận lãnh cho mình một trách nhiệm không cần thiết về những thay đổi nội bộ ở Nga. Cuối cùng thì một chế độ như thế sẽ tự cạnh tranh với Nga. Nếu sự cạnh tranh đó thành công, thì điều đó chứng tỏ rằng sự phân tích trên đây đã sai lầm, rằng Ucraina thực sự có khả năng và có quyền lợi tinh thần về một định chế độc lập. Chính sách của chúng ta trước hết là phải thể hiện thái độ trung lập cho tới chừng nào mà những lợi ích của chúng ta – về quân sự hay mặt khác, – không trực tiếp bị thiệt hại. Chỉ khi nào sự trì trệ ngoài ý muốn đang phát triển một cách rõ ràng, thì chúng ta mới cần ủng hộ những yếu tố khác biệt trong khuôn khổ một định chế liên bang cho phép. Điều này cũng liên quan tới bất kỳ ý định giành định chế độc lập nào từ phía các dân tộc thiểu số khác ở Nga. Rất ít có khả năng cho một dân tộc thiểu số nào đó có thể duy trì thành công và lâu dài một nền độc lập thực sự. Tuy nhiên, nếu họ sẽ có một ý định như thế (và cũng hoàn toàn có thể là các dân tộc ở Kavkaz sẽ làm như thế), thì thái độ của chúng ta cũng phải tương tự như đối với Ucraina. Chúng ta cần thận trọng để không đặt mình vào tình trạng chống đối công khai những ý định*

*như thế, bởi nó sẽ làm cho chúng ta mất đi sự đồng cảm của thiểu số này. Mặt khác, chúng ta không cần ủng hộ chúng trong những hành động mà rút cuộc chúng có thể được thực hiện với sự hỗ trợ về quân sự từ phía chúng ta.*

#### 5. *Lựa chọn nhóm cầm quyền mới*

Trong trường hợp chính quyền Xô Viết bị tiêu diệt chúng ta sẽ luôn gặp những đòi hỏi hỗ trợ từ phía những phần tử chính trị cạnh tranh khác nhau trong số những nhóm đối lập hiện nay ở Nga. Chúng ta thực sự không thể lảng tránh sự ủng hộ cho một nhóm này hay nhóm khác mà không gây tổn hại cho phía bị cạnh tranh. Tuy nhiên, có khá nhiều điều sẽ tùy thuộc vào chính chúng ta và quan niệm của chúng ta về mục tiêu mà chúng ta đang cố giành lấy.

Chúng ta đã thấy rằng trong số những nhóm đối lập có tiềm năng và đang tồn tại không có lấy một nhóm nào để chúng ta muốn ủng hộ một cách hoàn toàn vì những hành động của chúng, trong trường hợp nếu giành được chính quyền ở Nga đều buộc chúng ta phải chịu trách nhiệm.

Mặt khác, chúng ta cần chờ đợi rằng những nhóm khác nhau sẽ tìm mọi cách buộc chúng ta can dự vào công việc nội bộ của Nga và sử dụng những biện pháp mà chúng ta phải chịu trách nhiệm và là căn cứ để các nhóm chính trị ở Nga tiếp tục đòi hỏi sự ủng hộ của chúng ta. *Dưới ánh sáng của những sự kiện như thế, rõ ràng là chúng ta cần áp dụng những nỗ lực nhất định để tránh một trách nhiệm về việc quyết định ai sẽ điều hành nước Nga sau khi chế độ Xô Viết bị tiêu diệt.* Phương án tốt nhất đối với chúng ta – đó là cho phép mọi kiều dân trở về nước Nga càng nhanh càng tốt để tất cả những người này có cơ hội bằng nhau thể hiện khuynh hướng quyền lực của họ. Quan điểm cơ bản của chúng ta phải là: cuối cùng, nhân dân Nga phải làm một sự lựa chọn riêng của mình và chúng ta không có ý định tác động vào sự lựa chọn đó. Do đó, chúng ta không nhất thiết phải có người được che chở, và chúng ta cần giám sát để mọi nhóm cạnh tranh đều nhận được cơ hội trình bày những lý lẽ của họ cho nhân dân Nga thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Rõ ràng là trong sự cạnh tranh của mình,

các nhóm này sẽ dùng tới bạo lực. Thậm chí cả trong trường hợp như thế, chúng ta không nên can thiệp tới chừng nào chúng chưa động tới những lợi ích quân sự của chúng ta và tới khi âm mưu của bất kể nhóm nào nhằm thiết lập chính quyền của mình chưa dẫn tới những cuộc thanh trừng dã man, có quy mô lớn, mang tính độc tài làm tổn hại tới các thủ lĩnh của những đảng đối lập và chính nhân dân.

#### 6. Vấn đề “phi cộng sản hóa”

Tại bất cứ lãnh thổ nào được giải phóng khỏi sự cầm quyền của Xô Viết, chúng ta đều có thể vấp phải vấn đề về tàn dư của bộ máy chính quyền Xô Viết.

Rõ ràng là trong trường hợp Lực lượng vũ trang Xô Viết rút quân hoàn toàn khỏi lãnh thổ Xô Viết hiện nay, bộ máy địa phương của đảng cộng sản sẽ rút vào bí mật như cách đã từng làm ở những vùng bị quân Đức chiếm đóng trong chiến tranh quá khứ. Rất có thể bộ máy đó thỉnh thoảng lại xuất hiện như những toán du kích. Với cung cách này, vấn đề xử lý nó khá đơn giản. Chỉ cần chúng ta cung cấp vũ khí cần thiết và sự hỗ trợ quân sự cho bất kỳ chính quyền Nga phi cộng sản nào có khả năng kiểm soát khu vực và cho phép chính quyền đó xử lý những đám cộng phi bằng những phương pháp cơ bản truyền thống của một cuộc nội chiến Nga.

Vấn đề xử lý sẽ trở nên khó khăn hơn đối với những quan chức và đảng viên cấp hai của đảng cộng sản – những người này có thể bị phát giác và bị bắt giam hoặc có thể cầu xin sự tha thứ từ lực lượng vũ trang của chúng ta hoặc từ bất kỳ chính quyền Nga nào đang cầm quyền trên lãnh thổ này.

Với vấn đề này, chúng ta cũng không cần thiết nhận lãnh trách nhiệm về số phận của những người này hay ra những mệnh lệnh trực tiếp cho chính quyền địa phương về cách xử lý. Về mặt đạo đức, chúng ta có quyền bảo vệ để họ giải giáp vũ trang và để cho họ không chiếm những vị trí then chốt trong chính phủ chừng nào những người này chưa chứng tỏ một cách rõ ràng là đã thực sự biến đổi về mặt tư tưởng. Song, về cơ bản, điều này cần phải là vấn đề của chính quyền Nga – những chính quyền có khả năng thay thế chế độ cộng sản. Chúng ta có thể tin rằng một chính quyền như thế sẽ



xử lý thành công hơn chính chúng ta rất nhiều. Họ có thể đánh giá mức độ nguy hiểm của những cựu đảng viên cộng sản đối với chế độ mới và biết cách xử lý sao cho những người này không thể gây hại trong tương lai. Mỗi quan tâm chủ yếu của chúng ta là theo dõi không để cho bất cứ chế độ cộng sản nào như thế tái lập tại những vùng chúng ta đã giải phóng và tại những vùng mà theo quyết định của chúng ta phải độc lập với sự kiểm soát của cộng sản. Ngoài ra, chúng ta cần thận trọng tránh để bị lôi kéo vào vấn đề “phi cộng sản hóa”.

Nguyên nhân chủ yếu của vấn đề này là các quá trình chính trị ở Nga đang diễn ra rất phức tạp và không thể lường trước. Trong đó không có một điều gì là đơn giản và không thể nói trước được điều gì. Và rất hiếm khi, nếu như là có thể, màu sắc của nó là thuần trắng hoặc thuần đen. Bộ máy cộng sản hiện nay rõ ràng có một bộ phận khá mạnh gồm những người được đào tạo và có thiên hướng tham gia vào quá trình quản lý. Và bất cứ một chế độ mới nào cũng sẽ buộc phải sử dụng công sức của nhiều người trong số này để có khả năng điều hành được đất nước nói chung. Hơn nữa, chúng ta không thể trong từng trường hợp cụ thể gây ra những lý do để đẩy từng công dân Nga sang phía hợp tác với phong trào cộng sản. Chúng ta cũng không thể đánh giá mức độ mà trong đó sự hợp tác như thế là sẽ làm tổn hại thanh danh hoặc nguy hiểm về mặt hình sự đối với những người Nga khác. Đối với chúng ta, hành động này là rất nguy hiểm. Chúng ta phải luôn luôn nhớ rằng sự truy sát từ phía chính phủ nước ngoài tất yếu sẽ làm cho dân chúng địa phương khó chịu.

Vì vậy, đối với những lãnh thổ được giải phóng khỏi sự kiểm soát của cộng sản, chúng ta cần tinh tế hơn và hạn chế giám sát để một số cựu đảng viên cộng sản không có cơ hội tái tổ chức thành những nhóm vũ trang mang kỳ vọng giành quyền lực chính trị và để cho các chính quyền phi cộng sản ở địa phương được cung cấp đủ vũ khí cũng như được hỗ trợ theo đúng ý muốn của họ.

Do đó, chúng ta có thể nói rằng chúng ta không nhất thiết đặt ra cho mình mục tiêu là tiến hành một chương trình phi cộng sản hóa với quy mô

nào đó bằng lực lượng riêng của mình trên lãnh thổ được giải phóng khỏi chính quyền cộng sản; rằng về cơ bản chúng ta phải giành vấn đề đó cho bất kỳ một chính quyền địa phương nào có khả năng loại bỏ sự quản lý của cộng sản. (*Containment: Documents on American policy and strategy, 1945-1950. Ed: Etzold Thomas H. and Gaddis Tohn Lewis. N.-Y.: Columbia univ. press, 1978*).

### **Phụ lục N°5.**

Quyền uỷ trị điều hành – 3. Những kiến nghị của Trung tâm nghiên cứu  
“Haritidg Foundation” thuộc Văn phòng Tổng thống Bush

#### *Phần “Quan hệ Mỹ – Liên Xô”*

Trong đường lối đối ngoại Mỹ, Liên Xô là đối tượng chủ yếu của sự bất an. Hiện nay, ở Liên Xô đang diễn ra những thay đổi rất rõ ràng, và Mỹ cần thường xuyên theo sát những diễn biến ở Liên Xô. Những thay đổi đó bao gồm: những trào lưu “cải tổ”, “công khai”, “dân chủ hóa” do thủ lĩnh Xô Viết Mikhail Gorbachov khơi mào và việc xét lại một phần học thuyết quân sự và chính trị đối ngoại được biết tới như một “tư duy mới” (tên một cuốn sách lý luận của Gorbachov).

Trong quan hệ đối với Liên Xô, Tổng thống mới cần lãnh đạo nhiệm vụ chung sau đây:

- Làm giảm mối đe dọa quân sự của Xô Viết đối với phương Tây để duy trì ổn định chiến lược bằng con đường kiềm chế mạnh mẽ và có hiệu quả một cuộc xâm lược với sức mạnh đe dọa;

- Khích lệ Matxcơva và các nước vệ tinh của nó theo đuổi một đường lối đối nội và đối ngoại phù hợp hơn với nền an ninh và những giá trị của phương Tây.

Liên Xô, như đế chế Nga tiền bối của nó, là một cường quốc đa dân tộc, trong đó dân tộc đại Nga chiếm chưa được một nửa dân số nên họ rõ ràng là dân tộc thiểu số. Để có được sự ủng hộ từ trước của những dân tộc không phải Nga trong cuộc đấu tranh giành chính quyền của mình, thủ lĩnh Bolxevich Vladimir Lênin đã trao cho họ quyền tách khỏi thành phần của

Nga và thành lập những quốc gia có chủ quyền. Tuy nhiên, vào năm 1922, ông ta đã sử dụng sức mạnh quân sự để buộc họ vào cùng một quốc gia. Vấn đề này cho tới nay vẫn chưa có cách nào giải quyết, mà bằng chứng của nó là những vụ bột phát tình cảm dân tộc mới đây tại Armeni và những nước cộng hòa vùng Baltik đòi độc lập, nếu chưa phải về mặt chính trị thì cũng là kinh tế, đối với Matxcơva.

Chính quyền mới cần vạch ra chiến lược dài hạn liên quan tới việc phi thuộc địa hóa các nước công hòa dân tộc Xô Viết trong thành phần đế chế Xô Viết. Đầu tiên, Tổng thống mới cần gọi Liên Xô bằng cái tên thực sự của nó – đế chế thuộc địa cuối cùng trên thế giới. Sau đó, cần ủng hộ vững chắc về mặt tinh thần cho những lực lượng giải phóng dân tộc chống thuộc địa trong lòng Liên Xô. Sự tán thành mà Mỹ nhận được từ một nửa dân chúng Xô Viết sẽ bù đắp được một cách đáng kể đối với phản ứng chính thức tiêu cực có thể xảy ra từ những người Xô Viết.

Những sáng kiến cho năm 1989

...

1. Phản ứng với tình hình khủng hoảng ở các nước Trung Âu và Đông Âu. Những diễn biến phát triển tình hình khủng hoảng ở các nước Trung Âu và Đông Âu là hết sức rõ ràng, tình hình kinh tế đang xấu đi nhanh chóng, khủng hoảng về cơ sở pháp lý của định chế các đảng cộng sản đang cầm quyền và những tín hiệu sai lầm từ Matxcơva đang trở nên sâu sắc. Tình hình ở Hung Ga Ri và Ba Lan đặc biệt mất ổn định. Tổng thống mới đặc cử phải hình thành một nhóm liên bộ về khu vực Trung và Đông Âu, người đứng đầu là cố vấn của Tổng thống về an ninh quốc gia, chịu trách nhiệm phân tích chính sách toàn cầu của Xô Viết. Trong thành phần của nó cần có sự tham gia của các đại diện Hội đồng An ninh quốc gia, Quốc hội, Bộ Quốc phòng, Thương mại và Tài chính. Tùy theo khả năng, trong mỗi thời hạn nhanh tối đa, tổ chức chuyên gia này cần kiến nghị cho Tổng thống những giải pháp

phản ứng của Mỹ về ngoại giao, kinh tế, chính trị và quân sự đối với tình hình khủng hoảng ở Trung và Đông Âu.

Những giải pháp này có thể bao gồm:

- Tuyên bố của các lãnh đạo các nước NATO về việc lên án sự can thiệp của Liên Xô;
- Phê chuẩn về kinh tế chống Liên Xô khi Liên Xô can thiệp quân sự;
- Triệu hồi đại sứ các nước phương Tây rời khỏi Liên Xô;
- Triển khai lực lượng vũ trang NATO ở mức sẵn sàng chiến đấu khác nhau;
- Hành động phối hợp của các nước phương Tây tại Liên Hợp Quốc.

Tổng thống cần thảo luận các phương án hành động có thể nêu trên với các đồng minh của Mỹ và hình thành nên một cơ chế nhất định bảo đảm một phản ứng chiến thuật thích hợp của các đồng minh trước mọi tình huống khủng hoảng ở Trung và Đông Âu.

1. Củng cố an ninh kinh tế của phương Tây. Trong những điều kiện Liên Xô tiến hành chiến lược chủ động và tích cực đối với những thị trường thương mại và tài chính của các nước phương Tây, Mỹ cần giành về mình vai trò thủ lĩnh trong việc củng cố an ninh kinh tế phương Tây. Hoa Kỳ cần hướng sự chú ý của các đồng minh vào vấn đề “cam kết không liên quan” các khoản nợ do các tổ chức tài chính phương Tây cung cấp cho Liên Xô (dưới dạng vốn bằng tiền mặt); xác nhận Hiệp định 1982 ký với các nước đồng minh về việc cấm mọi trợ cấp của bất kỳ chính phủ nào cho những khoản nợ của Liên Xô; hạn chế hơn nữa việc chuyển giao công nghệ bí mật cho các nước thuộc khối Xô Viết và hạn chế sự độc lập năng lượng của các nước phương Tây bằng cách xác nhận các hạn chế thiết lập ở trên đối với việc xuất khẩu khí gas của Liên Xô vào các nước Tây Âu.

1. Chấm dứt trợ giá cho việc bán ngũ cốc vào Liên Xô. Việc bán ngũ cốc của Mỹ cho Liên Xô từng bị chấm dứt sau khi Liên Xô can thiệp vào Afghanistan đã được Chính quyền Reagan phục hồi. Cho dù không nhất thiết phải ngăn cản đối với việc cung cấp thương mại ngũ cốc cho Liên Xô, song cần thấy rằng việc bán ngũ cốc vào nước này được thực hiện trong thời gian gần đây với giá thấp hơn giá Chính phủ Mỹ thu mua của các trang trại. Sự khác biệt thuộc về những người đóng thuế. Ví dụ, cứ 6 nghìn gia (bushel – đơn vị đo lường Anh tương đương 36,3 lít. ND) hạt ngũ cốc bán cho Liên Xô, những người đóng thuế Mỹ phải bù 4722 USD, tương đương với mức thuế của một gia đình trung lưu Mỹ với 4 thành viên vào năm 1987.

Những hợp đồng dài hạn cho việc bán ngũ cốc đang ẩn chứa một nguy cơ hình thành một vùng kinh tế Mỹ lệ thuộc rất lớn vào những đơn đặt hàng thương mại từ phía Liên Xô. Việc bán ngũ cốc, nếu như nó vẫn được tiếp tục, cần được thực hiện không thông qua bất kỳ trung gian nào và không có sự trợ giá của Chính phủ Mỹ. Tổng thống mới đắc cử cần ra lệnh cho các vị bộ trưởng nông nghiệp và thương mại đưa ra những chỉ dẫn liên quan tới vấn đề: bằng cách nào Mỹ có thể chấm dứt mọi sự trợ giá từ phía Chính phủ trong việc bán ngũ cốc cho Liên Xô.

1. Từ chối ký kết những hiệp định mới giữa Liên Xô và Mỹ trong lĩnh vực liên lạc, nếu Matxcơva không chấm dứt việc phá sòng phát thanh của các đài phương Tây. Việc Liên Xô phá sòng chương trình phát thanh của đài “Tự do” là vi phạm Biên bản kết luận mà họ đã ký tại Helsinhky. Washington đã nhiều lần phản đối song không có bất cứ kết quả nào. Ủy ban liên bộ dự kiến về trao đổi Xô – Mỹ hoặc (nếu tổ chức sẽ không được hình thành) lãnh đạo Vụ những vấn đề quan hệ với Liên Xô và các nước Đông Âu trong bộ máy của Hội đồng An ninh quốc gia cần đưa ra những kiến nghị liên quan tới việc Hoa Kỳ phê chuẩn chống Liên Xô trong trường hợp họ tiếp tục phá sòng các chương trình của đài “Tự do”. Những phê chuẩn đó có thể bao gồm:

hạn chế các chuyến thăm chính thức của đại diện Xô Viết vào Mỹ; từ chối cấp visa cho những tuyên truyền viên có tiếng của Liên Xô.

1. Thành lập một quỹ tiền tệ dự trữ để tài trợ cho công việc của đài phát thanh “châu Âu tự do”, và “Tự do”.

### *Phần “chính sách đối với các nước Đông Âu”*

*Kể từ khi đế chế Xô Viết tiếp thu các nước Trung và Đông Âu sau Chiến tranh thế giới II, chính sách của Mỹ đối với khu vực này đã thiên về những hành động đối phó. Trong suốt mười năm, công thức loại bỏ chủ nghĩa cộng sản, kể từ khi nó được hình thành, ngoài những lời hoa mỹ, vẫn chưa có được một khởi đầu hiệu quả nào. Tuy nhiên, bài học thu được từ kinh nghiệm vận dụng học thuyết của Reagan tại Grenada, tại Afghanistan và Nicaragua chứng tỏ về sự loại bỏ đó có thể đã có hiệu quả. Biến thể của chính sách đó được vận dụng vào trong quan hệ với các nước Trung và Đông Âu. Nhiệm vụ đặt ra là thúc đẩy những bất lợi dễ thấy đối với đại bộ phận dân chúng ở khu vực này.*

*Thành công từ sự hỗ trợ của Mỹ cho hoạt động bí mật ở Ba Lan chỉ ra rằng Mỹ có thể tác động một cách có chọn lọc tới quan điểm dân chủ ở các nước Trung và Đông Âu. Sự bất ổn ngày càng tăng cao ở khu vực này là kết quả của sự thay thế tất yếu các thể hệ, những khủng hoảng kinh tế và những tín hiệu hai mặt từ phía Matxcova, đang có thể tạo ra những khả năng thuận lợi cho lực lượng dân chủ ở một hay một số nước.*

*Để giành được mục tiêu cuối cùng mà chính sách của Mỹ đang theo đuổi đối với các nước Trung và Đông Âu, – như quyền dân tộc tự quyết, điều hành dân chủ đối với nhân dân ở khu vực này, – chiến lược của Mỹ cần bao gồm 3 thành tố:*

*Một là, Mỹ cần thúc đẩy sự xuất hiện một xã hội công dân thiên tả về chính trị có khả năng thách thức một quốc gia độc đảng. Sự giúp đỡ của Mỹ cho phe dân chủ, bí mật cũng như công khai, đang là phương tiện thúc đẩy nhanh khả năng thách thức đó.*

Hai là, Mỹ cần sử dụng thường xuyên những đòn bẩy về kinh tế và chính trị để gây áp lực lên đường lối đối nội của những chế độ ở các nước Trung và Đông Âu. Mỹ cần sử dụng một cách có phương pháp và rõ ràng thái độ của mình đối với các nước ở khu vực này để kích lệ quá trình tự do hóa nội bộ, một nền độc lập ngày càng lớn đối với Liên Xô và một cải cách kinh tế triệt để, đồng thời loại bỏ sự hồi sinh của chủ nghĩa Xtalin.

---

Chính sách “khu biệt hóa” đang thiết lập mối liên hệ giữa mức độ các mối quan hệ ngoại giao và kinh tế của Mỹ với các nước Trung và Đông Âu và sự thực thi của những nước này về quyền con người. Chính sách đó đã tạo điều kiện cho quá trình tự do hóa ở Hung Ga Ri và Ba Lan, như: mở rộng những phát biểu công khai, có thái độ thừa nhận sự đối lập về chính trị, việc truy sát những người chống đối đỡ gao hơn. Trong quá trình thích nghi thận trọng với những điều kiện của từng nước trong khu vực này, Mỹ cần kích lệ tại Trung và Đông Âu những lực lượng tại chỗ đang đòi độc lập về chính trị, giảm thiểu vai trò của quốc gia trong nền kinh tế và thực hiện rộng rãi nguyên tắc quyền dân tộc tự quyết. Nên xác định các kết quả theo con đường mà mỗi nước cụ thể trong khu vực này đã trải qua để đạt được mục tiêu này của họ.

---

Những phương tiện liên lạc mới, đặc biệt là việc truyền trực tiếp qua vệ tinh dựa trên nguyên tắc truyền các tín hiệu phát thanh, truyền hình thông qua những vệ tinh quỹ đạo và không sử dụng những máy truyền phát trên mặt đất, đang bao trùm toàn bộ các nước Trung và Đông Âu. Khác với phát thanh và viễn thông thông thường, những tín hiệu được truyền qua liên lạc vệ tinh thực sự không thể bị phá sóng và nó là phương pháp hiệu quả nhất về mặt chi phí để phá vỡ sự độc quyền thông tin của chế độ cộng sản. Việc phát thanh qua vệ tinh có thể được áp dụng nhờ sự hỗ trợ của các an ten vệ tinh tương đối đơn giản. Ví dụ, tại Ba Lan, đây là biểu tượng mới của sự phồn vinh. Chúng ta cần xem xét một cách toàn diện việc phát triển công nghệ phát thanh trực tiếp qua vệ tinh. Đồng thời, chính quyền mới

cần gây áp lực với Quốc hội để tăng tiền tài trợ cho việc áp dụng công nghệ liên lạc mới này.

Bằng cách này, “sự bùng nổ video” ở các nước Trung và Đông Âu, một trong những nguyên nhân của nó là khát vọng của dân chúng đối với văn hóa phương Tây, sẽ bảo đảm cho chúng ta có được kênh liên lạc tốt nhất với các dân tộc ở khu vực này. Chúng ta cần tăng cường số lượng và khả năng thâm nhập của các băng hình tại các đại sứ quán và các trung tâm văn hóa Mỹ.

*Những sáng kiến cho năm 1989*

...

1. Thiết lập cơ chế hỗ trợ các phong trào dân chủ ở các nước Trung và Đông Âu. Qua kinh nghiệm giúp đỡ hoạt động bí mật ở Ba Lan, chính quyền cần thiết lập hạ tầng cơ sở hỗ trợ các lực lượng giải phóng dân tộc và dân chủ ở khu vực này. Tổng thống cần thuyết phục Quốc hội về sự cần thiết tài trợ (bí mật và công khai) cho việc mua các sản phẩm như máy thu phát sóng cực ngắn, sơn, ấn phẩm báo chí, hoặc các thiết bị in ấn, đầu video. Đồng thời, Quỹ quốc gia hỗ trợ nền dân chủ cần bắt đầu làm rõ các khoản tài trợ công khai có thể chuyển đi (như ở Ba Lan là thông qua Viện Nghiên cứu công đoàn tự do của phân viện Liên đoàn Lao động Mỹ và Đại hội Công đoàn sản xuất).

### *Phần “Học thuyết giải phóng”*

Học thuyết giải phóng là kế hoạch hành động có mục tiêu thách thức đế chế Xô Viết. Nó dựa trên những nguyên tắc và phương pháp của Ronald Reagan, nên được gọi là Học thuyết Reagan.

Đế chế Xô Viết đã dần được hình thành suốt mười năm qua, đồng thời các nhà lãnh đạo Xô Viết đã kiên trì và liên tục sử dụng mọi khả năng bành trướng.

Nếu nói một cách trừu tượng, đế chế Xô Viết được tổ chức theo các vùng tập trung từ Trung ương đến các vùng xa xôi khác biệt nhau về thời gian và



vị trí địa lý. Những vùng nhỏ hơn bao gồm các quốc gia nằm gần với trung tâm quốc gia Nga và trong suốt một thời gian dài là một bộ phận của đế chế. Nếu xem xét đế chế Xô Viết dưới góc độ này, thì vùng đầu tiên thuộc về lãnh thổ sắc tộc giành được nền độc lập sau cuộc cách mạng của những người Bolxevich, nhưng sau đó bị Matxcơva chiếm đoạt, hiện nay như là Cộng hòa Armeni, cộng hòa Gruzi và Cộng hòa Ucraina.

Vùng thứ hai, bao gồm những quốc gia rơi vào sự kiểm soát của Matxcơva do hiệp ước liên bang mà Matxcơva ký với Hitle năm 1939 có: Estoni, Litva, Latvi và Moldova.

Vùng thứ ba của đế chế Xô Viết bao gồm các quốc gia bị Matxcơva chinh phục do Xtalin vi phạm Hiệp định Yaltai và Postdam và do phương Tây từ bỏ việc chống lại Xtalin, cũng như do kết quả của Cách mạng Cuba năm 1959. Vùng thứ ba này tạo thành hạt nhân đế chế Trung và Đông Âu của Matxcơva và bao gồm các quốc gia Bun Ga Ri, Tiệp Khắc, Đông Đức, Hung Ga Ri, Ba Lan và Ru Ma Ni, cùng những phần chiếm được của Nhật Bản và Cuba.

Vùng thứ tư và là vùng xa trung tâm nhất, bao gồm các quốc gia bị cuốn vào đế chế Nga từ những năm 70. Việc Washington từ bỏ chính sách thế giới của mình đã trao cho Liên Xô một khả năng to lớn nhất để bành trướng sau những 1945-1948. Do xa xôi về địa lý và ý nghĩa đối với Matxcơva, vành đai thứ tư này đã trở thành vùng biên giới của đế chế. Đó là những quốc gia như Nam Iemen, Việt Nam, Mozambik, Angola, Lào, Cam-puchia, Etiopia, Nicaragua và Afghanistan. trong số những quốc gia này có cả Grenada, trước khi Quân đội Mỹ giải phóng nó vào tháng 10 năm 1983.

Cho dù một số thủ lĩnh Mỹ, đặc biệt là Bộ trưởng Ngoại giao John Foster Dalles trong chính quyền của Tổng thống D. Eisenhower (1890-1969, Tổng thống thứ 34 của Mỹ, giai đoạn 1953-1961. ND) đã đôi lúc kêu gọi loại trừ đế chế Xô Viết “ở tuyến đầu”, còn một số khác, đặt biệt là John Kenedy đã thực sự giúp đỡ những người đấu tranh để giải phóng đất nước họ khỏi sự thống trị cộng sản, Ronald Reagan vẫn là Tổng thống Mỹ đầu tiên trình bày một cách logic về sự cần thiết giúp đỡ từ phía Hoa Kỳ trên quy mô toàn thế

giới cho mọi phong trào kháng chiến chống lại những chế độ cộng sản. Sự giúp đỡ này từ phía Mỹ được mang tên gọi là “Học thuyết Reagan”, cho dù chính Reagan không sử dụng thuật ngữ này. Nó được bắt nguồn từ Học thuyết Truman ở cuối những năm 40 để cứu Thổ Nhĩ Kỳ, Hy Lạp và các nước châu Âu khác thoát khỏi sự thống trị của Xô Viết.

Học thuyết giải phóng hiện nay tiếp tục và bổ sung thêm Học thuyết Reagan. Nó tạo niềm tin cho các nước nằm trong những vùng tập trung của đế chế Xô Viết. Những phương tiện hiện thực hóa học thuyết giải phóng và những mục tiêu gần của nó đối với các nước của mỗi vùng đó có khác nhau. Sự giúp đỡ mà Mỹ coi là hiện thực và thích hợp để ủng hộ những người đấu tranh vì tự do ở Afghanistan, Angola và Nicaragua, không thích hợp với Ba Lan, Latvi hoặc Armeni. Đối với mỗi vùng, Mỹ cần có một chính sách phù hợp.

Chính sách của Reagan đã làm thay đổi tính chất cuộc đấu tranh ở các nước thuộc thế giới thứ ba. Ngày nay, ở Afghanistan, Angola, Cam-puchia, Etiopia, Lào, Mozambik, Nicaragua và Việt Nam những người nổi dậy chống Xô Viết đang tiến hành một cuộc đấu tranh vũ trang chống lại những chế độ tàn ác đang dựa vào sự hỗ trợ quân sự của Liên Xô. Đó là sự thay đổi triệt để tính chất của những hoạt động đấu tranh du kích tại các nước thuộc thế giới thứ ba. Suốt ba thập kỷ sau Chiến tranh thế giới II, tính chất của những hoạt động đấu tranh do những người nổi dậy cộng sản chủ yếu lợi dụng sự hỗ trợ của Xô Viết xác định nhằm chống lại khuynh hướng thân phương Tây và qua kết quả thu được đó nhằm hình thành nên vùng thứ tư của đế chế.

Tuy nhiên, vùng thứ tư không phải là vùng duy nhất hiện nay đang thách thức sự thống trị của Xô Viết. Làn sóng bất bình đang bao trùm các thuộc địa Xô Viết tại cả Đông Âu. Do không công nhận tính chất hợp pháp của những chế độ bị Matxcova trói buộc, Những người sec đang đòi tự do tín ngưỡng, những người Hung Ga Ri đòi dân chủ, những người dân Đông Đức đòi quyền di trú, những sinh viên Ba Lan đòi những tự do mang tính kinh viện. Đó là những biểu hiện chống đối trong một bầu không khí vô

định về chính trị. Sự thống trị của Xô Viết còn bị thách thức ngay tại vùng thứ hai và ba. Hàng trăm nghìn người tham gia tuần hành tại “các nước cộng hòa” Xô Viết Armeni và Azerbaidzan để ủng hộ những yêu sách về lãnh thổ cũ. Những người Hồi giáo ở các nước cộng hòa Trung Á đang tiến hành biểu tình đòi tự do tín ngưỡng. Những người Estoni đã thành lập Mặt trận dân tộc tương tự như một đảng chính trị thứ hai.

Mục tiêu cuối cùng của học thuyết giải phóng cần được hiện diện trong quá trình xóa bỏ chế độ Xô Viết, mở ra trước hàng trăm triệu người một khả năng định chế dân tộc tự quyết. Bằng cách này, sẽ hiện thực hóa được hai ý định cơ bản – đó là trao quyền tự quyết cho các dân tộc này và củng cố nền an ninh của phương Tây.

---

Vào thời điểm Reagan lên nắm quyền, Mỹ đã từng ủng hộ phong trào kháng chiến của những người Modzahed ở Afghanistan. vào năm 1986, Mỹ đã từng hỗ trợ cho các phong trào kháng chiến vũ trang ở Afghanistan, Angola và Nicaragua. Dựa vào sự hỗ trợ này, bao gồm việc cung cấp các tên lửa phòng không và chống tăng hiện đại, các nhóm kháng chiến đã buộc đối phương có ưu thế hơn về trang bị phải chấm dứt những hoạt động quân sự.

Những người Modzahedin ở Afghanistan thậm chí đã buộc Matxcơva đưa ra tuyên bố về việc rút quân đội của mình ra khỏi Afghanistan. Đây là thất bại đầu tiên của Quân đội Xô Viết kể từ sau Chiến tranh thế giới II. Nếu Quân đội Xô Viết sẽ rút quân theo những thời hạn đã tuyên bố và một Afghanistan phi cộng sản ra đời, thì đó sẽ là một đòn quân sự và tâm lý đáng sợ đối với Matxcơva.

Hơn nữa, sau khi thành lập đài phát thanh “Radio Marti” theo kiểu của “Châu Âu tự do”, chính quyền Reagan đang kích động phe đối lập chính trị tại Cuba. Từ năm 1985, chính quyền đã thực hiện sự hỗ trợ tài chính bí mật cho Công đoàn “Đoàn kết” ở Ba Lan và các nhóm đối lập khác của Ba Lan, cũng như đã hỗ trợ dưới hình thức bí mật đưa vào Ba Lan những văn bản

phê phán, kỹ thuật in – nhân bản, các thiết bị thu phát radio và các băng video.

Vấn đề cơ bản để thực hiện học thuyết giải phóng là các thành viên Quốc hội, CIA và những bộ ngành then chốt khác không muốn lợi dụng cơ hội đang mở ra nhờ các phong trào chống đối trên thế giới. Để khắc phục quan điểm này, Tổng thống mới được bầu cần lập ra một cơ quan hỗ trợ các phong trào chống đối có đủ thẩm quyền để thực thi học thuyết giải phóng...

Mỹ, trong khuôn khổ của học thuyết giải phóng, cần giúp đỡ những người nổi dậy chống Xô Viết đang tiến hành chống các chế độ ở Etiopia, Lào, Mozambik và Nicaragua.

Điều không kém phần quan trọng là chính quyền cần bắt đầu nghĩ tới khả năng sử dụng học thuyết giải phóng đối với các nước khác của đế chế Xô Viết, và nói riêng, đặt ra vấn đề làm cách nào để Mỹ có thể khích lệ tốt nhất cho những người đang đấu tranh đòi tự do chính trị tại các nước Đông Âu hoặc thậm chí ngay tại Liên Xô. Tự do hóa thực sự sẽ xói mòn đế chế Xô Viết. Chính quyền mới cần bác bỏ những yêu sách độc tài đối với tư tưởng mới trong lĩnh vực ủng hộ các lực lượng dân chủ. Giám đốc của cơ quan hỗ trợ cho các lực lượng này cần khích lệ tổ chức thống nhất của Liên đoàn Lao động Mỹ và Đại hội Công đoàn sản xuất, còn trong các cơ quan khác là Viện Thương mại Mỹ và Bộ giáo dục và Lao động nhằm tìm kiếm những con đường hỗ trợ các lực lượng dân chủ. Chẳng hạn như: tổ chức thống nhất của Liên đoàn Lao động Mỹ và Đại hội Công đoàn sản xuất có thể nhận lãnh một số vấn đề huấn luyện các thủ lĩnh đối lập của các nước đông Âu, còn Bộ Giáo dục – chuyển các bản thảo bàn về sự ưu việt của vấn đề tự quyết.

Đương nhiên, mức độ và tính chất hỗ trợ của Mỹ cho các phong trào đấu tranh ở vùng thứ tư của đế chế là không thể sử dụng cho các nước ở khu vực thứ hai và ba. Trong phạm vi thứ ba đối với những thuộc địa Xô Viết ở Đông Âu và Cuba, Mỹ cần tích cực hóa các chương trình nhằm khích lệ nền dân chủ, độc lập dân tộc và tin cậy lẫn nhau giữa các lực lượng vũ trang của các nước thành viên Hiệp ước Varsava. Theo thời gian, điều này

sẽ dẫn đến việc Matxcova sẽ bị vây chặt hơn, giống như điều đó đã xảy ra vào năm 1968 ở Tiệp Khắc – một trong những nước vệ tinh ở Đông Âu đã bị lung lay. Mỹ cần tạo điều kiện cải thiện mối liên lạc giữa những người chống đối ở các nước Đông Âu, bằng cách đó tạo nên khả năng để họ có kế hoạch và thực hiện những hành động phối hợp. Mỹ cần tích cực hóa những nỗ lực của mình để thiết lập các mối liên lạc với các nhà lãnh đạo các phong trào đối lập bí mật và công khai và khích lệ những phản ứng chống đối.

Chính phủ Mỹ cần chính thức yêu cầu Matxcova tiếp tục giảm sự kiểm soát của Xô Viết đối với các nước Đông Âu. Chính quyền mới cần ra những tuyên bố ủng hộ những người bãi công và những người tham gia hành động phản đối ở các nước này đúng vào thời điểm Tổng thống gây áp lực đối với Matxcova đòi họ cho phép các công đoàn độc lập, thực hiện những chuẩn mực chung trong lĩnh vực quyền con người và xây dựng xã hội dân chủ.

Những sự kiện diễn ra trong thời gian gần đây ở Liên Xô cho thấy nhiều nhóm dân tộc từng bị đế chế Xô Viết chinh phục đã không chịu chấp thuận số phận của mình một cách vĩnh viễn. Sự căng thẳng trong các mối quan hệ giữa Armeni và Azerbaidzan về những vấn đề yêu sách lãnh thổ cho thấy những gì đang diễn ra không chỉ đơn giản là sự tranh cãi giữa các tỉnh trong cùng một quốc gia (tương tự như cuộc đấu khẩu về vấn đề lãnh thổ giữa Idiana và Ohio ở Mỹ), mà còn là xung đột giữa những quốc gia khác nhau.

Tổng thống mới cần trao cho các cố vấn chủ chốt của mình soạn thảo một kế hoạch hành động thống nhất giữa Mỹ với những sự kiện quan trọng đang diễn ra ở Liên Xô. Kế hoạch như vậy cần sử dụng mọi phương tiện thích hợp trong khả năng của Mỹ để khích lệ dòng thông tin tự do đến với các phần tử dân tộc và mối liên lạc có hiệu quả giữa họ với nhau. Mục tiêu chủ yếu là cần khích lệ trào lưu ly tâm, tương tự như việc củng cố sự tự giác ngộ dân tộc độc lập.

Để làm suy yếu hơn nữa sự kiểm soát của Matxcova, đài phát thanh “Tự do” cần mở rộng việc phát các chương trình của mình bằng tiếng của các

dân tộc đang nằm trong vùng thứ nhất của đế chế. Những cá nhân và các đại diện chính thức cần chuyển vào các quốc gia bị áp bức này những văn bản bằng tiếng mẹ đẻ của họ vạch ra những khác biệt giữa dân tộc của những quốc gia này với dân tộc Nga.

Học thuyết giải phóng cũng cần được sử dụng tạo lợi thế hồi sinh tôn giáo trong lòng Liên Xô. Chính quyền cần tổ chức chuyển những cuốn Kinh thánh vào lãnh thổ Xô Viết, ít nhất đã được dịch sang 10 tiếng dân tộc khác nhau, để cung cấp cho các tín đồ ở Liên Xô những cuốn sách mà lâu nay họ còn thiếu.

Chính quyền mới cũng cần tìm kiếm những khả năng sử dụng lực lượng chính thống hồi giáo ở Kazakhstan, Kirghizi, Tadzikistan, Turkmeni và Uzbekistan. Điều này có thể được thực hiện bằng cách sử dụng những người Modzahad ở Afghanistan có kinh nghiệm để cung cấp hàng triệu bản Kinh Koran qua biên giới Afghanistan – Liên Xô. Những người đã từng buộc được Quân đội Xô Viết chấm dứt những hành động quân sự này có thể giúp dân chúng ở các nước cộng hòa Xô Viết trong việc tổ chức những phong trào chính trị bí mật.

#### *Những sáng kiến cho năm 1989*

- 1. Chính quyền mới, trong mối quan hệ hữu cơ với Quốc hội, cần thông qua đạo luật về việc giúp đỡ những người đấu tranh vì tự do nhằm xem xét việc thành lập cơ quan ủng hộ những phong trào kháng chiến dám nhận lãnh trách nhiệm thực hiện học thuyết giải phóng giữa các tổ chức quốc gia liên bang thích hợp; việc bổ nhiệm giám đốc cơ quan này do Tổng thống và được nghị viện chấp thuận, trong đó giám đốc phải là thành viên của Hội đồng An ninh quốc gia; phê chuẩn quỹ ủng hộ các phong trào kháng chiến ở mức 1 tỷ USD/năm, với số tiền này chính quyền đã có thể hỗ trợ được các phong trào kháng chiến. Không một điểm nào trong đạo luật này được hiểu như là sự cản trở việc mở rộng sự hỗ trợ công khai hay bí mật đối với bất kỳ phong trào kháng chiến nào...*

*Tại Đông Âu, chiến lược của Mỹ nhằm giành quyền tự quyết dân tộc và dân chủ cho các dân tộc ở khu vực cần bao gồm ba thành tố.*

*Một là, Mỹ cần giúp đỡ công khai và bí mật phe đối lập chống cộng dân chủ.*

*Hai là, Mỹ nên đặt sự phát triển các mối quan hệ của mình với các chế độ của Đông Âu tùy theo chính sách đối nội mà họ tiến hành. Hỗ trợ các nước này giành tự do hóa chính trị, độc lập với Liên Xô, phi tập trung hóa về kinh tế và chuyển sở hữu vào tay tư nhân. Đồng thời, chống trả và trừng phạt mọi sự tái lập chủ nghĩa Xtalin.*

*Cuối cùng, cần đặt Matxcova vào những điều kiện để họ phải trả giá vì thường xuyên từ chối việc thỏa mãn quyền dân tộc tự quyết cho các dân tộc ở Đông Âu. Chính sách Xô Viết trong khu vực cần là nhân tố quyết định tác động vào quy mô hợp tác chính trị và kinh tế với phương Tây.*

#### *Phần “cộng đồng tình báo Mỹ”*

Nhiệm vụ của cộng đồng tình báo Mỹ là đánh giá những khả năng, những điểm nhạy cảm và các dự tính của các nước khác, trước hết, của những nước được coi là đối thủ hiện thực hoặc tiềm năng. Trong mọi trường hợp, khi hành vi của các quốc gia khác là nguy cơ thực sự đối với nền an ninh quốc gia Mỹ, các chính sách của Mỹ thường cố gắng tác động vào chính sách của những nước này đều sử dụng các tin tình báo...

Những kiến thức đơn giản về điều có thể xảy ra, đương nhiên thường không đủ. Cần có thêm khả năng tác động tới các sự kiện, ngăn chặn nguy cơ đối với nền an ninh quốc gia Mỹ và bảo vệ những lợi ích của Mỹ. Một số biện pháp này được tiến hành công khai và là một bộ phận của các chiến dịch quân sự và ngoại giao thông thường của Mỹ. Nhưng do hàng loạt nguyên nhân, có một số biện pháp cần ưu tiên che dấu, hoặc, nói một cách khác, được tiến hành như những chiến dịch bí mật, trong đó sự liên can của Mỹ đối với chúng trở nên không thể nhận ra hoặc ít gây tranh cãi.

Những chiến dịch bí mật có thể bao gồm: cung cấp hỗ trợ quân sự và kinh tế; huấn luyện các nhân vật nước ngoài; ủng hộ các lực lượng đối lập

và những phong trào giải phóng dân tộc ở nước ngoài; chống tuyên truyền thù địch, ... Khi xét tới phạm vi nguy cơ đối với nền an ninh của Mỹ và sự phát triển như vũ bão của những sự kiện mất ổn định tại nhiều nước thuộc thế giới thứ ba, những chiến dịch bí mật vẫn đang là công cụ chủ yếu bảo vệ an ninh quốc gia của Mỹ. Trong mọi trường hợp, vai trò của chúng trong những năm gần đây càng được tăng cường và khuynh hướng này rõ ràng sẽ được tiếp tục...

Vì mục tiêu chủ yếu của các chiến dịch tình báo đối ngoại là tuyển mộ các điệp viên nước ngoài và làm việc với họ, Tổng thống mới cần khẳng định sự cần thiết phục hồi đoàn chuyên gia về ngôn ngữ và khu vực hiện đang bị yếu đi do thể hệ của Chiến tranh thế giới II đã lần lượt về hưu. Việc chuẩn bị ngôn ngữ và kiến thức về các vùng riêng biệt như vậy đặc biệt cần tới những nhà phân tích đang làm việc tại các cơ quan địa lý. Những kiến thức sâu sắc về bất cứ nước nào, cũng như về văn hóa của nó, đòi hỏi phải có một thời gian lưu trú nhất định tại nước đó, cũng như khả năng đọc và giải thích được bằng ngôn ngữ của nước đó.

Do các trường cao đẳng và đại học Mỹ không sẵn có một số lượng chuyên gia như vậy, các cơ quan dân sự và quân sự của Mỹ cần mở rộng chương trình đào tạo riêng, kể cả thời gian lưu trú của người học ở nước ngoài để thâm nhập hoàn toàn vào môi trường ngôn ngữ địa phương.

Những người được tuyển mộ không nên chỉ lấy từ số sinh viên tốt nghiệp cao đẳng. Mỹ là một quốc gia đa dân tộc có nhiều người rất có năng khiếu ngoại ngữ hoặc đã tinh thông ngoại ngữ. Từ trong cả một biển người này có thể tuyển chọn được một số lượng ứng cử viên đủ kinh nghiệm và đào tạo họ làm việc trong môi trường văn hóa nước ngoài, nơi mà mức độ kinh nghiệm được đánh giá cao hơn tính thanh niên.

## **Phụ lục N°6.**

Gắng sống, đừng gục ngã. Hãy đọc và chuyển đi

Phòng vệ xã hội là một giải pháp phi bạo lực của phòng thủ quân sự. yêu cầu của nó chủ yếu là trách nhiệm đối với phòng thủ đất nước không phải



do chính phủ và quân đội, mà do chính những người dân thực hiện. Không một quốc gia nào trên thế giới muốn kéo dài tình trạng phòng vệ xã hội, bởi khi hình thái này được tiến hành trong đời sống xã hội thì cũng có nghĩa là khả năng đối kháng với sự trấn áp từ phía chính phủ trong dân chúng đã được tăng cường.

Sự ưu việt của phòng vệ xã hội là bạo lực chống lại dân chúng được ngăn chặn bằng những biện pháp phi bạo lực, mà chưa cần tới sự ủng hộ của dư luận thế giới. Trong những điều kiện như thế, liệu ai sẽ sử dụng bạo lực ở quy mô lớn. Sự hiện diện của lực lượng vũ trang thường trực thường được biện minh bởi lý do có mối đe dọa của “kẻ thù”. Nếu lực lượng quân sự có ý định lật đổ chính phủ, thì ai sẽ ngăn chặn họ? “Ai sẽ canh giữ chính những người canh gác?”.

Trong phòng vệ xã hội, vấn đề này không hề xảy ra bởi phòng vệ xã hội được thiết lập nên từ sự tham gia mang tính quần chúng của toàn thể nhân dân và nó không cần tới lực lượng quân sự chuyên nghiệp. Những biện pháp phi bạo lực được sử dụng để chống lại những kẻ xâm lược cũng có thể được sử dụng để chống lại lực lượng quân sự định chiếm chính quyền. Vì vậy, phòng vệ xã hội là một hình thức bảo vệ được coi là thích hợp nhất với lý tưởng tự do và dân chủ.

Phòng vệ xã hội bao gồm sự không phục tùng của quần chúng trong lĩnh vực chính trị, kinh tế và xã hội nhằm mục đích chống đối lại hành động xâm lược quân sự hoặc việc thanh trừng (trấn áp) chính trị.

Phòng vệ xã hội được hình thành trên nguyên tắc là không một chính phủ nào, chop dù là dân chủ hay độc tài quân sự, có thể tồn tại mà thiếu sự ủng hộ thụ động của đại đa số dân chúng.

#### *Các phương thức phòng vệ xã hội*

##### a) Các biện pháp tượng trưng:

- Tuyên bố (phát biểu, gửi thư, kiến nghị) chính thức;
- Dùng khẩu hiệu, truyền đơn, biểu ngữ;
- Tuần hành, tổ chức canh phòng (chống phá hoại bãi công);

- Mang mặc những biểu tượng thể hiện sự phản đối (Ví dụ như các công dân Na Uy đã cài ghim kẹp giấy để phản đối sự chiếm đóng của Đức phát xít).

b) Từ chối hợp tác:

- Tẩy chay về mặt xã hội, kiên quyết không ra khỏi nhà;
- Tẩy chay từ phía những người tiêu dùng, công nhân, những người buôn bán; cản trở hoạt động bình thường (Embargo);
- Bãi công, chỉ làm việc theo đúng định mức (không làm hơn định mức), cáo bệnh để nghỉ làm việc;
- Từ chối thực hiện thuế và các nghĩa vụ, rút hết tiền ra khỏi ngân hàng và quỹ tiết kiệm;
- Tẩy chay các công sở nhà nước;
- Không tuân lệnh, trì hoãn trong công việc;
- Tỏ ra thiếu năng lực (chậm chạp, vụng về, nhầm lẫn).

c) Can thiệp và cạnh tranh

- Ngăn cản phi bạo lực và chiếm giữ hòa bình một tòa nhà (khu vực) nào đó;
- Giả “thất lạc” các giấy tờ, tài liệu cần thiết;
- Lập ra những tổ chức phi chính thức song hành với sự điều hành của quốc gia, như: trong in ấn và đài phát thanh, giao thông vận tải, bảo hiểm xã hội, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, ...

*Mọi người có thể tự làm được gì*

*Phòng vệ xã hội chủ yếu dựa trên một mạng lưới dày đặc sự hợp tác giữa dân chúng. Vì vậy, rất cần củng cố mối quan hệ xã hội này. Những mối quan hệ như thế có thể tồn tại trong các câu lạc bộ thể thao, cơ quan mẫu giáo, công đoàn. Điều này bao gồm các mối quan hệ hữu nghị giữa những người láng giềng, đồng nghiệp, sinh viên. Tất cả những mối quan hệ này vô cùng quan trọng trong bất kỳ một chiến dịch phòng vệ xã hội hiệu quả nào. Những mối quan hệ đó khích lệ mọi người chống đối lại đội quân*

*chiếm đóng hay một cuộc đảo chính quân sự và là cội nguồn của những tư tưởng mới. Trong bất kỳ biện pháp xã hội nào, cần hành động mang tính hợp tác và phải biết rằng có hàng nghìn người cũng đang hành động như vậy – ví dụ như trong một cuộc tổng bãi công nhằm cản trở lực lượng chiếm đóng. Khả năng hành động nhất trí này chỉ có thể có được trong những mối quan hệ phát triển tốt đẹp.*

### *Các cộng đồng ở địa phương*

Khởi đầu là trên các đường phố, sau đó là ở các vùng trung tâm, những người láng giềng có thể lập kế hoạch chống đối. Có rất nhiều phương pháp chống đối khác nhau. Có thể làm đảo lộn hoặc tháo gỡ các biển báo giao thông như người Sec đã từng làm để chống đối sự chiếm đóng của Xô Viết vào năm 1968. Cách thức này, đối với dân chúng địa phương thì không thành vấn đề, song sẽ làm quân chiếm đóng mất phương hướng.

Những người dân địa phương có thể trò chuyện với binh lính của quân đội chiếm đóng để làm quen với họ. Cách thức viết khẩu hiệu lên tường có thể được sử dụng để tuyên truyền hành vi phi bạo lực và hợp tác trong chống đối. Có thể sử dụng các máy chữ, máy in và những đài phát thanh nghiệp dư vào hoạt động chống đối.

### *Công nhân của các nhà máy, xí nghiệp*

Những công nhân của các nhà máy, xí nghiệp có thể từ chối giao nộp các thành phẩm lao động của mình, nếu họ hiểu rõ quy trình công nghiệp và, khi cần thiết có thể làm ngừng quy trình đó. Những biện pháp được đưa ra sử dụng phải tùy theo tình hình cụ thể. Nếu, ví dụ đang có một cuộc tổng bãi công diễn ra, thì những người công nhân phải biết cách làm cho nhà máy, xí nghiệp ngừng hoạt động so cho những người lạ không thể vận hành được. Trong quá trình đấu tranh rất lâu dài, những công nhân sản xuất hàng hóa tiêu dùng vẫn có thể tiếp tục xuất xưởng những sản phẩm của họ. Những công nhân trong dây chuyền sản xuất vũ khí, nhiên liệu và những lĩnh vực công nghiệp khác có tầm quan trọng đối với đội quân chiếm đóng hay đối với cuộc trấn áp của chính phủ, cần phải tùy theo khả năng mà phá hoại quy trình sản xuất tại những nhà máy, xí nghiệp này.

Iohan Galltung nói rằng, để sự chống đối có hiệu quả nhất, quá trình sản xuất tại các nhà máy phải dựa vào một số lượng không lớn những thành tố bình thường nhưng rất quan trọng, nếu chúng bị tháo gỡ hoặc phá hoại thì không thể thay thế ngay được. Có thể lưu giữ các phiên bản của những thành tố đó ở nơi an toàn, thậm chí ở một nước khác. Kẻ xâm lược không thể vận hành nhà máy cho dù chúng sử dụng tới bạo lực hay cố gắng hết sức.

*Những người công nhân có thể:*

- a) Biết cách phá hoại ngầm quá trình sản xuất cũng như cách làm ngừng trệ nó bằng cách gây ra những hư hỏng nhỏ nhất trong nhà máy;
- b) Biết cách thay đổi nhanh nhất những phương thức sản xuất để tạo ra sản phẩm có lợi hơn cho xã hội;
- c) Lên kế hoạch hệ thống liên lạc và phương thức ra quyết định trong giới công nhân và giữa những người công nhân với các nhóm người khác;
- d) Tiến hành “thử nghiệm” những phương pháp thay đổi quá trình sản xuất hoặc phá hoại nó;
- e) Chia sẻ kinh nghiệm với những công nhân khác và với dân chúng.

*Những người lập trình và nhân viên máy tính*

Máy tính cực kỳ quan trọng trong nhiều lĩnh vực của xã hội công nghiệp hiện đại, kể cả trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, trong hệ thống liên lạc, trong kế hoạch quân sự và trong công việc của các công sở nhà nước. Do đó, những người làm việc với máy tính rất dễ dàng chống đối lại bất cứ một nhóm nào định chiếm đoạt chính quyền.

Những nhân viên này có một vị trí đặc biệt thuận lợi, bởi những kẻ lạ không thể dễ dàng thay thế họ; thậm chí khi áp dụng sức mạnh cưỡng bức, kẻ xâm lược vẫn không thể bảo đảm rằng “không có sai, lỗi” trong hệ thống máy tính, rằng số liệu được cung cấp là đúng như chúng mong muốn.

Để chuẩn bị chống đối có hiệu quả, các nhân viên và lập trình viên máy tính có thể:

- a) Biết cách bí mật làm ngừng hoặc gây lỗi điều hành của các máy tính;
- b) Soạn ra những chương trình thế chỗ hoặc tạo ra những thay đổi không thể nhận biết trong những chương trình đang sử dụng để có thể sử dụng trong trường hợp thật cần thiết;
- c) Liên hệ hành động với những nhân viên và lập trình viên đồng cảm;
- d) Tiến hành “thử nghiệm” những phương pháp phá hoại hệ thống hay thay đổi điều hành máy tính;
- e) Thông báo thông tin về những phương pháp chống đối đó cho những người khác cùng trong lĩnh vực kỹ thuật máy tính và cho đông đảo dân chúng.

#### *Những ví dụ khác*

*Có thể lên kế hoạch chi tiết về những phản ứng khả năng đối với sự xâm lược trong từng nhóm xã hội khác nhau như đã trình bày ở trên. Sau đây là một số ví dụ:*

- a) *Các nhân viên nhà nước có thể tiêu hủy hoặc làm “thất lạc” hồ sơ của những người chống đối (dissident) và của những người khác để họ không nằm trong đối tượng điều tra của các tổ chức an ninh;*
- b) *Thư ký ở các công sở và các nhân viên văn thư có thể “tình cờ” chuyển những thông tin quan trọng cho nhóm người đối lập;*
- c) *Những người đồng cảm trong lực lượng vũ trang có thể cảnh báo cho các thành viên của phong trào chống đối về các chiến dịch, hành động sắp diễn ra; họ có thể gieo rắc sự nghi ngờ trong quân đội và từ chối thực hiện những mệnh lệnh hoặc “hiểu sai” những mệnh lệnh đó.*
- d) *Bất cứ công việc nào do bọn xâm lược yêu cầu, đều có thể bị “trì hoãn” hoặc “không hiểu rõ”. Đây là phương pháp đấu tranh tốt nhất đối với bất kỳ chính phủ nào, vì rất khó phân biệt giữa năng lực hạn chế thực sự hay giả vờ.*

*Cần làm gì trong trường hợp bị trấn áp quyết liệt*

Phòng vệ dân sự có thể là biện pháp tin cậy để chống đối quân xâm lược và biện pháp là cần thiết từ phía “thái độ xã hội” như vẫn thường xảy ra ở phần lớn các nước dân chủ. Nhưng liệu nó có hiệu quả thực sự đối với những kẻ xâm lược tàn ác? Rất có thể nó chỉ hiệu quả trong chống lại những vụ trấn áp dưới chế độ độc tài của Hít le và Xtalin?

Sự chống đối phi bạo lực đối với quân đội chiếm đóng phát xít đã từng có hiệu quả ở Hà Lan, Đan Mạch và Na Uy trong thế giới chiến tranh thế giới II. Ví dụ, chế độ phát xít của Widkun Quisling[35] có ý định đưa học thuyết phát xít vào sách giáo khoa phổ thông. Các giáo viên đã công khai từ chối việc đó: nhiều người đã bị bắt giam và bị đưa vào trại tập trung. Nhưng họ vẫn tiếp tục phản đối, và cuối cùng Chính phủ Quisling, do không muốn nhân dân Na Uy mang lòng hận thù đối với chế độ, phải trả tự do cho những người đã bị bắt. Các trường học không bao giờ phải tuyên truyền chủ nghĩa phát xít.

Thậm chí ngay tại nước Đức phát xít, sự chống đối phi bạo lực đã từng có hiệu quả trong một số trường hợp. Vào năm 1943, tại Berlin, hàng nghìn người vợ của những người Do Thái bị bắt giam (cả những phụ nữ không có nguồn gốc Do Thái) đã biểu tình trước các nhà tù. Cuối cùng, những người bị bắt đã được thả tự do.

Ngay cả chính quyền độc tài nhất cũng cần tới sự ủng hộ thụ động hoặc không chống đối của đại bộ phận dân chúng. Chưa có một chính phủ nào trong lịch sử đủ mạnh tới mức có thể tồn tại mà thiếu sự đồng lòng (cho dù là câm lạng) của chính dân chúng.

Nếu chính phủ duy trì một đường lối không hợp lòng dân và có ý định đàn áp bằng bạo lực đối với phe đối lập, thì sự trấn áp đó sẽ dẫn đến việc ngày càng có nhiều người chống đối lại chính phủ.

*Phòng vệ dân sự thực sự có thể là biện pháp có hiệu quả chống lại sự trấn áp quyết liệt. Tuy nhiên, khi gặp sự trấn áp tàn bạo cần đặc biệt thận trọng lựa chọn những biện pháp và sách lược chống đối. Trong những trường hợp như thế, “những lỗi” không thể nhận biết trong thực hiện công vụ và “giải thích không đúng” các mệnh lệnh tỏ ra lợi hại hơn cả. Khi sự*

*chống đối có được sự ủng hộ rộng rãi nó sẽ trở thành phong trào công khai không tuân lệnh.*

## **Phụ lục N°7.**

Những kế hoạch của Mỹ. Cục Tình báo Trung ương.

Phòng phân tích những vấn đề Xô Viết.

Ngày 25 tháng 4 năm 1991

“*Bao vây Xô Viết*”[36]

1. Cuộc khủng hoảng kinh tế, những nguyện vọng về nền độc lập và các lực lượng chống cộng sản đang phá hoại đế chế Xô Viết và hệ thống chính quyền:

- Boris Elxin đã trở thành kẻ thù số 1 của trật tự cũ và có những viễn cảnh tốt để trở thành nhà lãnh đạo đầu tiên được toàn dân bầu ra trong lịch sử nước Nga có được tính chính thống nhờ quyền ủy trị đó;

- Tại Ucraina, nước cộng hòa lớn thứ hai với 50 triệu dân, đang đẩy mạnh phong trào theo hướng có chủ quyền;

- Các chính quyền Belarus đã công nhận và bắt đầu đàm phán ủy ban đình công, những người đang chống lại sự cai trị của đảng cộng sản, cũng như của Kremli.

- Các nước cộng hòa vùng Baltik đang sử dụng sự im lặng cảnh cáo trong các mối quan hệ với Kremli để củng cố những định chế mới và mở rộng sự ủng hộ từ phía những người dân ngụ cư, mà trước hết là người Nga, để đòi độc lập;

- Gruzia đã tuyên bố nền độc lập của mình, tất cả các nước cộng hòa còn lại đang ủng hộ việc trao quyền cao hơn cho chính quyền địa phương;

- Những người thợ mỏ đình công đang bảo vệ những yêu sách của họ về sở hữu kinh tế, cũng như những thay đổi về chính trị và cơ cấu kinh tế. Lời kêu gọi của họ đang nhận được sự hưởng ứng trong các lĩnh vực công nghiệp khác;

- Nền kinh tế kế hoạch – tập trung đã bị tan rã hoàn toàn và được thay thế bằng một hệ thống những hợp đồng đối chác (berter) ở cấp địa phương và nước cộng hòa, tương tự như một thị trường sơ khai, chưa thể xếp vào một hệ thống rõ ràng;

- Việc Trung ương nhiều lần cam kết kiểm soát đối với truyền hình quốc gia Trung ương đã không ngăn được sự ra đời của các hãng phát thanh – truyền hình mới và gần 800 tờ báo độc lập mới chuyên đi sâu vào chi tiết của các tin tức;

- Đảng Cộng sản Liên Xô đang bị tan rã về mặt quy mô khu vực cũng như về tư tưởng. Các lực lượng ở tình trạng phôi thai đang phát triển một hệ thống các đảng mới.

1. Nằm ở trung tâm của sự hỗn loạn đó, Gorbachov từ một nhà cải cách đầy nhiệt huyết đã biến thành kẻ có vị trí vững chắc. Những lời tuyên bố công khai chứng tỏ rằng Gorbachov đã lựa chọn đường lối đó để củng cố vị thế chính trị của riêng mình, và cũng do áp lực đối với ông ta từ phía những người nệ cổ (tradicionalist) muốn ông ta áp dụng những biện pháp kiên quyết hơn. ý định của ông ta nhằm duy trì sự tồn tại của liên bang được điều hành từ Trung ương, sự lãnh đạo của đảng cộng sản và nền kinh tế kế hoạch – tập trung đã đẩy ông ta tới những mách khéo sách lược không thể giải quyết giải quyết được những vấn đề cơ bản và đang cản trở (mà không thể ngăn chặn được) việc hình thành một hệ thống mới;

Cuộc trưng cầu dân ý toàn liên bang không gây nên một ảnh hưởng nào tới việc đàm phán về một hiệp ước liên bang mới;

Một chương trình chống khủng hoảng vừa được công bố có nội dung không hơn gì một trong những kế hoạch kinh tế của chính phủ và giống như của những người tiền nhiệm nó chứa đầy những hứa hẹn cải tổ nhằm đi đến một sự ổn định không thể có;



Trong những nỗ lực gây ảnh hưởng thống trị đối với công việc của Xô Viết Tối cao Liên Xô, Gorbachov đã thổi phồng tổ chức này, sau khi biến nó thành một nhóm gồm nhiều thành viên đa dân tộc. Quá trình đó đã phá vỡ vai trò của định chế xã hội này – một tổ chức theo ý định ban đầu đã được công nhận là nhằm thống nhất các đại biểu của liên bang và các nước cộng hòa, – biến nó thành một diễn đàn để tranh luận.

Hậu quả từ những thất bại và trò lắt léo chính trị của Gorbachov đã làm uy tín của ông ta sụt giảm tới mức bằng không. Thậm chí cả những người thân cận với ông ta, những cộng sự truyền thống được lựa chọn cũng đang xa rời ông ta.

1. Gorbachov thực sự đối mặt với sự lựa chọn bi kịch trong những nỗ lực của mình nhằm đưa Liên Xô ra khỏi khuôn khổ của hệ thống hủ lậu, kiệt quệ, cũ kỹ. Rõ ràng là các mảnh khóc đã giúp cho ông ta duy trì được quyền lực và đã làm thay đổi hệ thống này đến mức không thể đảo ngược lại, song chúng cũng đồng thời kéo dài và làm trầm trọng thêm cơn hấp hối khi chuyển qua hệ thống mới, và là một thế bí chính trị trong so sánh lực lượng:

- Nền kinh tế đã rơi vào vòng xoáy không lối thoát và chỉ có sự may mắn của hoàn cảnh mới có khả năng chấm dứt sự suy giảm GDP xuống còn hai con số;

- Lạm phát của năm qua là 20% và nó sẽ tăng gấp đôi;

- Thói quen giải quyết các vấn đề theo nguyên tắc “trên – dưới”, đặc biệt là đối với các nước cộng hòa, đã làm nảy sinh một cuộc chiến tranh luật pháp giữa các cấp chính quyền và tạo ra thêm một tình trạng bất nháo về pháp luật bên cạnh tình trạng bất nháo về kinh tế.

1. Trong tình hình hỗn loạn đang gia tăng như thế, khả năng bùng nổ của các sự kiện đã tăng lên đáng kể:

- Sự bất mãn xã hội bởi điều kiện kinh tế cuộc sống bị giảm sút có khả năng dẫn tới những xung đột lớn xôn quy mô lớn, đặc biệt là trong tình hình suy thoái trong thời gian gần đây ở các trung tâm công nghiệp của các nước cộng hòa có đông người lao động;

- Thủ đoạn bất thành của các chính quyền Trung ương, cùng cách phản ứng bằng bạo lực hồi tháng 1 ở Vinhius có thể gây nên những phản ứng kích động mới của các lực lượng chống chính phủ, những lực lượng có khả năng lôi kéo được sự cảm tình của phương Tây về phía mình;

- Gorbachov, Elxin và những nhân vật nổi tiếng khác (nhưng không phải là tất cả) có thể chết vì làm việc căng thẳng quá mức hoặc bị sát hại, điều đó có khả năng gây nên những hậu quả không thể lường trước;

- ở đâu đó có thể sẽ xuất hiện một, thậm chí một số thủ lĩnh mới có ảnh hưởng, tương tự như đã từng xảy ra như Walensa ở Ba Lan, hay Landsbeghis ở Litva, và họ sẽ bắt đầu làm ra lịch sử;

- Những lãnh tụ đối lập, trong liên minh với Gorbachov, hoặc không có ông ta, có thể đi tới kết luận rằng họ chỉ còn một cơ hội cuối cùng và họ sẽ bắt đầu hành động dưới ngọn cờ bảo vệ pháp luật và trật tự pháp luật.

1. Trong tất cả những phương án có thể phát triển sự bùng nổ của các sự kiện, đặc biệt nguy hiểm là ý định phục hồi một nền độc tài công khai, hoặc điều này đi kèm với khuynh hướng bác bỏ những tự do vừa giành được và tình hình mất ổn định tất yếu kéo dài. Điều đáng tiếc là việc chuẩn bị tiến hành sự cai trị độc tài đã được bắt đầu theo hai hướng:

1. Gorbachov có thể không muốn các sự kiện sự đó đảo ngược như vậy, nhưng bản thân ông ta lại đang tăng cường những cơ hội cho quyền lực cá nhân của mình bằng cách xa lánh những nhà cải cách, đồng thời tìm kiếm chỗ dựa từ những người nệ cổ, bằng cách điều hành thông qua các sắc lệnh, nhưng lại phủ nhận tư duy về việc sử dụng chế độ độc tài để hiện thực hóa các ý định của mình.

1. Điều nguy hiểm nhất là giới lãnh đạo cao cấp của quân đội, Bộ Nội vụ và KGB đang tiến hành việc chuẩn bị sử dụng rộng rãi sức mạnh trong đời sống chính trị:

a) Những bài viết, bài phát biểu và những lời tuyên bố của nhiều nhà lãnh đạo trong số này đang hình thành nên cơ sở tâm lý cho xu hướng đó. Kriuchcov đã lên án sự can thiệp của nước ngoài và khẳng định rằng trong nhiều trường hợp, sự ủng hộ của các quân nhân là cần thiết để khôi phục trật tự trong nước. Akhromeiev đòi phải có bàn tay mạnh mẽ. Iazov ra chỉ thị cho phép trong trường hợp cần thiết được sử dụng vũ khí để bảo vệ các tượng đài và những công trình quân sự; Tuy công nhận rằng viên chỉ huy đơn vị đồn trú Vinhius đã có hành động không thích hợp, song ông ta đã bác bỏ việc người chỉ huy đó phải chịu trách nhiệm về việc sát hại những công dân vô tội. Varennicov, Tư lệnh Bộ đội Lục quân, tại phiên họp của Xô Viết Tối cao đã yêu cầu về việc phải có một chính sách cứng rắn hơn đối với những nước cộng hòa vùng Baltik, còn rất nhiều người chỉ huy quân đội đã gửi kiến nghị cho Gorbachov về những biện pháp biện pháp cứng rắn đồng thời yêu cầu được sử dụng những biện pháp đó đối với các cuộc mít tinh.

b) Đảng cộng sản, với sự phê chuẩn của Gorbachov, đang làm tất cả những gì có thể để duy trì vai trò chủ đạo của mình trong lực lượng vũ trang, chấn chỉnh bộ mặt của mình trong việc duy trì các cơ cấu của Tổng cục Chính trị. Tiến hành các đại hội đảng ở cấp toàn quân và cấp thấp hơn nhằm thể chế hóa những cơ chế mới, đồng thời tuyên truyền tư tưởng bảo vệ thể chế Liên bang điều hành từ Trung ương bằng mọi giá.

Một chiến dịch cho về hưu và thay thế tối đa những sĩ quan chủ chốt có tư tưởng dân chủ được tiến hành...

Tại Matxcova, ngày 28 tháng 3, khoảng 550 nghìn binh lính và sĩ quan quân đội và lực lượng nội vụ, với sự tham gia của KGB, đã được triển khai một cách chính xác và có tổ chức. Điều này chứng tỏ rằng cơ cấu chỉ huy để tiến hành những chiến dịch như thế đã được hình thành.

Rất có thể chính những động thái chuẩn bị về tổ chức và tâm lý để sử dụng bạo lực như thế đã buộc Sevardnadze phải đề phòng về “một nền độc tài tương lai”.

1. Những kẻ phản động dù sao cũng sẽ hành động, cho dù có hay không có Gorbachov. Đích ngắm đầu tiên của họ lần này sẽ là Boris Elxin và những người dân chủ Nga;

- Elxin, thủ lĩnh duy nhất được quần chúng cảm tình và được nước cộng hòa của ông ta, đặc biệt là Ucraina, ủng hộ;

- Ông ta dần dần và hết sức khó khăn đẩy phong trào Nga đến chế độ tự trị;

- Những người mong muốn duy trì một Liên bang được điều hành từ Trung ương đều hiểu rằng họ sẽ không đạt được điều đó nếu để nước Nga thoát khỏi sự kiểm soát của mình.

Mọi ý đồ khôi phục chế độ độc tài công khai sẽ được bắt đầu ở Matxcova bằng việc bắt giam hoặc thủ tiêu Elxin và các thủ lĩnh dân chủ khác, như ngài Thị trưởng Popov và vị phó của ông ta là Xtankevich, bằng việc chiếm giữ tất cả các phương tiện thông tin đại chúng... ủy ban cứu nguy dân tộc (hoặc nó có thể mang một cái tên khác ít như nhuốc hơn) sẽ được thành lập và tuyên bố ý định cứu Tổ quốc bằng những biện pháp kiên quyết, nhưng tạm thời mở đường cho dân chủ và những cải cách kinh tế.

1. Viễn cảnh lâu dài của hành động này không lớn, thậm chí một thành công trước mắt cũng chưa được bảo đảm;

Số lượng những đơn vị quân đội mà họ có thể dựa vào để tiến hành trấn áp là rất hạn chế;

Nếu các nhà dân chủ sẽ không chịu lùi bước, mà điều này hoàn toàn có thể tin chắc, thì sẽ rất khó duy trì được sự đoàn kết của những người tham gia thực hiện bạo lực;

Mọi hành động chống Elxin sẽ là ngọn lửa thúc đẩy những hành động ở những nơi khác, đến khi đó lực lượng an ninh quốc gia và quân đội sẽ phải căng ra để thiết lập sự kiểm soát đối với các thành phố khác ở Nga.

Thậm chí, nếu cuộc bạo động ở Nga thành công, một loạt các nước cộng hòa khác sẽ lợi dụng tình trạng lộn xộn đó vào những mục đích của họ. Nếu cuộc bạo động đó không thất bại ngay lập tức thì ý định trước đó nhằm khôi phục chế độ độc đoán cũng sẽ phải chịu thất bại sau một vài năm nữa. Đối với các thủ lĩnh của nó, không thể có một chương trình nào mang tính xây dựng, hơn nữa, họ sẽ không có tiềm lực kinh tế cũng như đối sách chính trị cần thiết để thiết lập nền độc tài. Chắc là kinh nghiệm thực thi tình trạng quân quản ở Ba Lan sẽ được lặp lại với thành tố bổ sung ở cấp độ các nước cộng hòa, song hầu như chắc chắn sẽ rất đẫm máu và tổn thất lớn về kinh tế.

10. Thậm chí, cuộc bạo động chắc là sẽ không thể ngăn chặn được lực lượng đa nguyên lên cầm quyền vào cuối thập kỷ này. Những lực lượng đó sẽ tấn công trung tâm và củng cố chính quyền khu vực, trong khi đó lực lượng của những người nệ cổ (tradicionalist), hiện đang kiểm soát chính phủ và các cơ quan Trung ương, sẽ ngày càng giảm sút vị thế của mình do chúng không còn sức sống để tồn tại trong tương lai của chương trình...
11. Quá trình từng bước này của lực lượng đa nguyên, trong vài năm tới sẽ đặt họ trước một nguy cơ của bạo loạn và sự thất vọng của công chúng vì khả năng giành được những cải thiện nhanh chóng. Hiểu rõ điều này, họ rõ ràng cần nỗ lực tấn công để giành được sự đột phá, trước hết là trong việc ký kết hiệp ước liên bang trao cho các nước cộng hòa một tiếng nói có trọng lượng trong hoạch định đường lối của Trung ương. Rất có thể, họ sẽ đạt được điều này. Thậm chí, Gorbachov rút cuộc không bị mất đi vị trí của mình trong sự nghiệp của họ. Khi phải đối mặt với sự lựa chọn: bỏ qua hoàn toàn và không quay lại hệ thống của những người nệ cổ đang căm thù nó và không

chia sẻ những định kiến của nó chống lại việc sử dụng lực lượng công khai, hoặc lại gắn mình vào với những nhà cải cách, thì họ dù sao vẫn chọn con đường thứ hai. Bất chấp mọi chính sách trấn áp, chính quyền Trung ương vào chính lúc đó sẽ chấp nhận hoặc thậm chí còn đề xướng một số biện pháp có thể tạo ra cơ sở cho những nỗ lực cải cách, như:

- Thông qua một loạt đạo luật cần thiết để cải cách hệ thống thị trường;
- Viên cán sự của Gorbachov là Sakhnazarov cùng với Elxin bàn về ý định tiến hành “bàn tròn” toàn dân, cho dù những mục tiêu mà mỗi bên đưa ra rất khác nhau;
- Chính phủ liên bang và Chính phủ Nga bằng cách này hay cách khác, cho dù là rất chậm chạp, sẽ hình thành một cơ chế điều hòa những bất đồng và phân chia trách nhiệm về mối quan hệ với lực lượng vũ trang và KGB, trước hết là thông qua viên Thượng tướng Kobetx đứng đầu ủy ban về Quốc phòng và An ninh.

Tương tự như vậy, một ban công tác thống nhất của các bộ trưởng ngoại giao các nước cộng hòa với sự chủ trì của Bộ trưởng Ngoại giao Liên Xô: – Tiến hành đàm phán với các nước cộng hòa vùng Baltik, cho dù sẽ rất phức tạp và rất khác nhau trong những mục tiêu cuối cùng của mỗi bên.

Cho tới nay, những phản ứng khác nhau chưa mang ý nghĩa chiến dịch và sẽ không có ý nghĩa chiến dịch, nếu chính quyền Trung ương vẫn kiên trì những định hướng chính sách hiện nay của họ. Nhưng nếu họ thể hiện ý định thay đổi đường lối chính trị, những phản ứng đó sẽ tạo ra tiềm năng để thoát khỏi bế tắc hiện nay.

12. Các nhà cải cách chắc là sẽ không chấp nhận một tiến trình như thế, để sau đó thử giành một sự đột phá về mặt chiến lược. Cho dù có hay không có Gorbachov, có hay không có cuộc bạo động – sự biến dạng của Liên Xô tại một số quốc gia độc lập và trong liên minh của những quốc gia còn lại, bao gồm cả Nga sẽ là một viễn cảnh khá chắc chắn

của cuối thập kỷ, nếu như không thể sớm hơn. Liên minh đó sẽ có những quy mô, tiềm lực kinh tế và tiềm năng sản xuất đủ để vẫn còn là một cường quốc quân sự hàng đầu, nhưng việc phi tập trung hóa cơ cấu sẽ kiềm chế khả năng khôi phục chính sách quân phiệt và hiệu chiến trước đây của nó.

13. Tình hình vừa qua ở Liên Xô và sự đa dạng trong sự tiến hóa gần đây của nó đang đặt chúng ta trước những phương án có thể phát triển của các sự kiện trong năm tới:

a) Duy trì tình thế bế tắc hiện nay cũng đồng nghĩa với việc đặt phương Tây vào thế tiến thoái lưỡng nan nhằm cân bằng tối ưu những lực lượng chống đối khác nhau. Thế lưỡng nan này có thể trở nên sâu sắc hơn do cuộc đấu tranh ngày càng tăng cao và nền kinh tế bị rơi vào vòng xoáy. Những vụ xung đột xã hội tương tự như cuộc đình công của những người thợ mỏ và sự bùng nổ tham vọng ở Belarus bất cứ lúc nào cũng có thể đẩy tình hình vào hướng bạo lực công khai hoặc quân quản. Thậm chí, nếu sự việc không đi tới mức đó, thì nền kinh tế của Liên Xô vẫn ngày càng trở nên sa sút hơn, còn Gorbachov thì tăng cường cầu cứu phương Tây. Mặc dù Liên Xô vẫn có thể cố gắng áp dụng những sáng kiến quốc tế mới nào đó, ví dụ cho vùng Cận đông và trong lĩnh vực kiểm soát trang bị, thì sự phát triển của những bất ổn nội bộ vẫn làm giảm sút đáng kể tới ảnh hưởng ngoại giao của họ, và rõ ràng, sẽ cản trở tính hiệu quả của những sáng kiến đó. Sự phát triển tình hình bất ổn trong nước sẽ gây nên hiệu ứng tiêu cực ở Đông Âu dưới dạng xóa bỏ những hợp tác về kinh tế và không còn khả năng hình thành nên một nền tảng mới trong quan hệ Liên Xô – Đông Âu;

b) Ý đồ phục hồi nền độc tài, đối với phương Tây cũng có nghĩa là lặp lại những sự kiện ở Ba Lan năm 1981, nhưng rõ ràng là sẽ tàn khốc và đẫm máu hơn. Như trước đây, đất nước vẫn sẽ trong tình trạng què quặt về kinh tế. Chế độ mới sẽ bảo đảm duy trì sự hợp tác với thế giới còn lại và chắc là sẽ rút bỏ quân đội ra khỏi Đông Âu. Trên thực tế, đường lối đối ngoại sẽ trở nên hiếu chiến hơn, nhưng một Liên Xô như thế sẽ không thể khôi phục lại

ảnh hưởng toàn cầu trước đây của mình, cũng như vị trí của nó trong “thế giới thứ ba”. Rất có thể: ý định tăng cường đáng kể việc buôn bán vũ khí để lấy ngoại tệ; tìm kiếm sáng chế phát minh ở Cận Đông; sử dụng “đội quân thứ 5” ở Đông Âu nhằm lật đổ những nền dân chủ mới hình thành ở đó. Gorbachov hay ai khác nắm quyền, về thực chất sẽ không có sự lựa chọn nào khác, ngoại trừ phục hồi trật tự, và con đường tốt nhất để tác động tới hoàn cảnh (để cứu các khoản tín dụng và đầu tư của nước ngoài vào trong nước) là tiếp tục hợp tác với những biểu hiện bất đồng.

Nếu hành động trấn áp không vượt quá sự kiện từng diễn ra trên Quảng trường Thiên An Môn (Trung Quốc), thì khả năng phương Tây có được một sự đồng thuận nhằm hóa giải sự kiện cũng như áp dụng đòn trả đũa là đặt biệt thấp; sự đột phá nhanh chóng của lực lượng đa nguyên sẽ tạo nên những viễn cảnh tốt nhất để có được sự ổn định trong và ngoài, dự trên tinh thần hợp tác. Nhưng chiến thắng này của phe đa nguyên cũng sẽ tạo nên những vấn đề của nó. Khả năng của lực lượng đa nguyên có thể điều hành một cách hiệu quả là có vấn đề và sẽ không thể bảo đảm về lâu dài, có thể chỉ là trong một thế hệ.

Vấn đề dân tộc không thể giải quyết được trong ngay một lúc, còn sự căng thẳng trên lòng các nước cộng hòa và giữa các nước đó với nhau vẫn được duy trì ngay chính trong một hệ thống chính trị – kinh tế tối ưu nhất. Một số nước cộng hòa sẽ không do những nhà dân chủ điều hành, song tất cả các nước sẽ đều kỳ vọng vào sự hỗ trợ từ phía Mỹ.

Những thủ lĩnh mới, do chí hướng, thái độ kiên quyết và uy tín địa phương của mình lên nắm quyền, sẽ không có được kinh nghiệm trong các vấn đề quốc tế và họ sẽ đưa ra những nhiệm vụ và yêu cầu vượt quá thực lực – điều đang xảy ra với một số người như họ. Cho dù có những khó khăn như vậy và chắc là quá trình thích ứng trong, ngoài với những nguyên tắc xử thế mới sẽ kéo dài, sự đột phá đó, đặc biệt là nếu nó xảy ra trong hạt nhân xlavơ, có thể tạo ra viễn cảnh tốt nhất cho sự hòa hoãn giữa Đông và Tây, tương tự như viễn cảnh đã từng đẩy quan hệ Pháp – Đức đến tình trạng hiện nay giữa hai nước.



## **Phụ lục N°8.**

Iuri Bondarev: Nước Nga, Người đi đâu?

*Chúng ta có ít người trong nghệ thuật mà niềm vinh quang được thổi phồng và được xây dựng bởi báo chí lừa dối có hệ thống, biến họ thành những cái bóng đáng thương và nực cười của vẻ màu mè chính trị. Nếu nhân vật của văn học phương Tây nhằm tới một mục tiêu là giàu có, thỏa mãn, hạnh phúc bởi sự dồi dào tiền của, thì những nhân vật của Tolxtoy và Doxtoievski và hầu như của toàn bộ văn học Nga, về thực chất, đều thờ ơ với lợi ích đó, và họ có thể là những kẻ chất phác ngây thơ trong con mắt kẻ thị dân phương Tây.*

Các nhân vật của chúng ta cần tới cả một thế giới: nhân hậu, công bằng, sự thật, tình yêu, lòng trung thành, tức là cái vô cùng khi trí tưởng tượng, tư duy, mơ ước và ký ức còn tồn tại. ý nghĩa của cuộc sống liệu có rộng mở cho người tìm được cục vàng không? Trí tưởng tượng và vàng vừa giải thoát vừa nô dịch chúng ta. Chỉ có điều sự giải thoát và sự nô dịch đó hoàn toàn khác nhau. Tính chất bất ổn của học thuyết Mỹ – phương Tây – đó là sự khủng hoảng ngày một sâu sắc của toàn cầu hóa, không còn phụ thuộc vào yêu cầu, nhận thức của sự giải thích siêu lấu cá của những kẻ cầm quyền, mà phụ thuộc vào lực lượng thiên nhiên hoang dại thù địch với toàn nhân loại. Liệu việc hủy diệt mảnh đất và nhân dân Afghanixtan, chứ không phải chính kẻ tội phạm, bằng hàng nghìn quả tên lửa và bom có ý nghĩa gì? Trừng phạt? Báo thù? ăn miếng trả miếng? Trị tội? Thật nực cười khi trừng phạt một kẻ tội phạm không tìm thấy, không bắt được, mà chỉ được xác định bằng lòng mong muốn trả thù của Mỹ, và trí tưởng tượng khiêu khích, bất lực đó – như một bệnh dịch kinh tởm – đã kích động nhân dân Mỹ và châu Âu phụ thuộc Mỹ bằng những cái ria rói hàng ngày của báo chí và truyền hình.

Vấn đề này không chỉ là chính trị, không chỉ là nỗi đau đổ vỡ về huyền thoại bất khả xâm phạm của mình. Tôi khẳng định kiên quyết rằng những người dân Mỹ ít học yêu ánh sáng phản chiếu từ tính cách “không chịu khuất phục” của mình trong tấm gương thế giới, và nói chung, yêu giấc mơ

vay mượn, nguyên thủy về chính mình như về một dân tộc được chúa trời lựa chọn.

Mỗi dân tộc đều chọn con đường lên thiên đàng của mình. Người Mỹ cho rằng con đường thiên đàng của họ được đo bằng tiếng động ngọt ngào chết chóc của những quả tên lửa, bằng tiếng nổ, bằng tiếng khóc của trẻ em và phụ nữ, bằng cuộc diễu hành của sức mạnh quân sự mà không bị trừng phạt; dường như không còn một mảnh đất nào chưa từng bị bom đạn của Anglo-xác-sông cày xới và chưa từng bị đạn pháo của Mỹ hất tung lên khi họ khẳng định “nền dân chủ thế giới” bằng máu. Tất nhiên, không phải cả nước Mỹ quá bất lực (*debilis*), nhưng chính nước Mỹ đã lựa chọn, – sự lựa chọn mà nước Đức phát xít đã từng lựa chọn; sức mạnh cao hơn luật pháp – một học thuyết bệnh hoạn của sự thống trị thế giới, của sự dư thừa đối với “tỷ phú vàng”, và trong thực tế là lời hứa cuối cùng của kẻ đê tiện nơi trần thế. Tôi không thể có một chút tưởng tượng rằng một chính khách không còn tư duy lành mạnh lại đứng về phía có lợi cho tinh thần dân tộc. Một sức mạnh kiêu ngạo không bị hạn chế, một sự dốt nát và lòng độc ác không bao giờ chấp thuận mình là kẻ bại trận, chùng nào mà thần chết chưa hiện ra trong con người của nó.

Trong nhiều nhà chính khách, nhận thức, tính kiên trì và lòng tự tôn luôn tồn tại ở số ít, tựa như giá trị của Tổ quốc họ. nếu một triết gia không chữa được căn bệnh có tên gọi là “tư duy” cố giải thích vũ trụ quan, nếu nhà văn và họa sĩ thường xuyên sống theo “mẫu”, cả những cuốn sách tốt, cả những nhân vật của họ luôn thực hiện những hành động cao đẹp, thì chính khách luôn khoác cho những lời nói của mình bộ xmóc-king diêm dúa, họ ưỡn ngực tuồng như đang che chở nỗi bất hạnh của tất cả những ai đang cùng quần, họ chia sẻ ánh mắt dịu ngọt, nhìn vào bọn trẻ ở trường học và phân phát những chiếc kẹo. Cũng vào lúc đó, bằng căn bệnh ham hố quyền lực không thể chữa nổi, bằng thói tôn sùng sức mạnh của thế giới này, họ chưa từng một lần ngăn chặn sự đổ máu trong cuộc chiến tranh hiện đại. Họ bào chữa thái độ hèn hạ và sự nhu nhược của mình bằng chủ nghĩa nhân đạo đáng kính và nhân quyền. Có thể là Bin Laden không tồn tại mà do các

chính khách bịa đặt ra, còn một “Bin Laden” khác đang đi dạo và thực hiện những tội ác kinh tởm!

Để không mang tiếng là kẻ yếm thế, tôi dường như phải điên cuồng ca tụng nhân dân, như ngày nay người ta gọi thế, dân số, trí tuệ của nó, lòng dũng cảm, lòng tốt, thái độ quên mình, sự gan dạ, quá khứ không thể nào quên của dân tộc, niềm vinh quang của dân tộc. Quá khứ đã không thể đảo ngược. Chỉ có hiện tại là thuộc về con người. Và dù sao tôi cũng cảm nhận được niềm vui thầm lặng khi nhớ tới Người, nước Nga thân yêu của tôi. Và tất cả những gì đã gắn bó Người với tuổi thanh xuân của chúng tôi sau chiến tranh vĩ đại. Trong 15 năm cuối này “các nhà dân chủ khả kính” đã phản bội và bán đứng Tổ quốc của tôi tới 3 lần, sau khi làm méo mó những chân lý tốt đẹp, cưỡng bức thanh niên, phá hoại trường học, biến các nhà trẻ thành bãi đất trống, còn những thành phố đói khát thành nơi phát nguyên bệnh lao; cả nước có hàng triệu người mất việc làm, hàng triệu người không được chăm sóc, vô số gái mãi dâm, kẻ bạo hành, cướp của, giết người... và hàng triệu kẻ “ngây thơ” cả tin... Lạy Chúa lòng lành, đừng làm cho họ thành những kẻ ngốc hơn chính mình! Trong 15 năm ấy ở nước Nga đã nảy nòi ra một dạng tiểu thị dân (phi-li-xtanh), một nhánh mới của nó đã từ lâu được nuôi dưỡng dưới những hình thức và phương án khác nhau trên đất Hoa Kỳ. Thì có người bị đắm chìm, bị ghen sặc trong bao lo toan, trong nợ nần cơm áo khắc nghiệt hàng ngày, trong mơ mộng hão về một miếng ăn ngon, đầy tiện nghi và sự thỏa mãn; rồi người đó run rẩy, ướt đầm mồ hôi lạnh khi dòng suy nghĩ chốc chốc lại phải quay về với cái dạ dày rỗng. Khi đó con người ấy chẳng là gì cả. Khi đó người ấy tuyệt vọng. Nhưng người đó bị bỏ bùa mê bởi một niềm tin giả dối, bị huyễn hoặc bởi sự láu cá quỷ quyệt của nhà cầm quyền.

Điều chủ yếu: không phải đến hôm nay tôi mới rõ là người ta đã tước đoạt chính cái mà chúng ta cống nạp, rằng những kẻ đội lốt đã trở nên tuân phục, không còn khả năng tự vệ. Không phải là sự chín chắn, thận trọng mà là thái độ nhu nhược và yếu đuối đang yếm bùa để chúng ta an phận nô lệ. Chúng ta đang bị họ ngược đãi bằng thái độ giả dối và đê tiện, họ hủy hoại

và cướp bóc trong khi thốt ra những lời mật ngọt về dân chủ, còn chúng ta – những kẻ đáng thương, cực kỳ ngây độn vẫn cứ lằm bằm tới mức quên mình: “Thật tuyệt vời được làm người tự do và không phải đi họp ở ban quản lý nhà đất nữa”!

“Hãy tin vào điều tốt nhất, nhưng hãy xem xét tới điều tồi tệ nhất”, dường như quan điểm này xuất hiện trong đầu tôi lúc này có thể là câu trả lời đáng ngờ. Song, liệu có tránh được những sự mỹ miều giả dối trong thực tế của chúng ta? Những đức hạnh đã bị quăng vào sọt rác và sự bát nháo cực độ của cái gọi là điện ảnh Mỹ đang nổi cơn điên bởi tình dục, bởi sự sa đọa về trí tuệ, bởi sự nhiễm bẩn trong tâm hồn, bởi bệnh hoạn trong tư duy, bởi sự què quặt trong sự thật và ngôn từ đang cổ xúy những bản năng thú vật, những kiểu lãng mạn và giết người. Dường như tất cả chúng ta đang nói với nhau tại nghĩa trang cuộc đời, mà những bộ mặt của những người đã lãng quên cái chết hoặc họ sẽ chết sau một phút. Đó là nền tảng cho sự tồn tại của con người sao? Rặt những đạo đức giả hoang dã, máu, bạo lực, sự đồi bại độc ác, thái độ sợ hãi? Đúng như vậy, như những con lừa trên sa mạc, họ đã hoàn toàn bị đầu độc và băng hoại bởi một xã hội Mỹ đang gào rống về tự do và dân chủ. Và nước Nga đã bước vào thế kỷ 21 đầy bất lợi. Những trò mỵ dân, sự trơ tráo ghê tởm của những điều vô sỉ đang dạo bước trên đất nước chúng ta. Chúng ta biết rằng sự nín nhịn là một phẩm chất Nga tuyệt vời, nhưng trong màn sương của sự giả trá, bản loạn tâm thần dường như chúng ta đã lãng quên rằng cuộc sống con người quá ngắn ngủi để có thể nín nhịn đến vô cùng.

Chúng ta đang sống trên nước Nga. Song đó không còn là nước Nga mà ông cha ta đã làm cho nó trở nên hùng mạnh, bất khuất. Hình ảnh của nó đã trở nên méo mó như trong “nhà cười” và điệu cười của chúng ta không còn như trong hài kịch, mà đã giống như tiếng thốn thức.

Nhà kinh tế học Smeliiov cho rằng “toàn bộ thế kỷ 20 đối với nước Nga là tụt hậu: trong có một thế kỷ nó đã phải trải qua 8 cuộc chiến tranh, 6 cuộc cách mạng. Từ năm 1914, nước Nga đã bị hủy diệt tới 3 thế hệ...”

Bên cạnh đó, trong đời sống nhân loại, ở nước Nga đang diễn ra những biến đổi nguy hiểm, trong tâm thức con người đang có những thay đổi, những phẩm chất tốt nhất đã biến mất: đạo đức, tinh thần, tình yêu, lòng dũng cảm, thái độ quên mình, tình đồng chí, lòng trung thành, danh dự.

Tất cả những biểu hiện nhân tính này đang giảm dần theo năm tháng. Nhân loại trở nên trì độn, chai sạn và hoang dại một cách đáng sợ bởi khi có sức mạnh bao trùm vũ trụ và quyền lực của sự kiêu ngạo quá đáng đã không còn thái độ tinh táo đối với bản thân và rút cuộc đã phản bội lại chính mình.

Thời đại của những thiên tài đã qua, thời đại của kẻ đại khờ đã đến.

Tôi không chỉ đồng tình với định nghĩa này của Xtalin, mà còn cảm nhận thấy thời đại đó hiện diện ở khắp mọi nơi: trong chính trị, trong nghệ thuật, trong các mối quan hệ đời sống, trong sự trống vắng của lòng lương thiện, trong tình yêu tới mức thú tính.

Thời đại của lòng nhân đạo đã qua, thời đại của những kẻ đáng kính ăn thịt người, của sự độc ác tinh tế và cử những tên lửa có cánh đã tới. Các nhà chính trị đương thời đủ trí tuệ, sự dã man, sự giả dối và bịp bợm để dẫn dắt quần chúng. Song trò chơi quyền lực của những kẻ giàu có mang mục tiêu: toàn cầu hóa thế giới, thống trị thế giới và sự phát đạt cả “tỷ vàng”... những giấc mơ ngọt ngào của chúng gợi nhớ tới Kế hoạch “Ost” (East – Phương Đông) do Rozenberg vạch ra ở Đức. Kế hoạch này, rõ ràng, đã có thể trở thành hiện thực nếu như nước Nga không làm cho nó bị phá sản. Hoàn toàn không thể nghi ngờ rằng sau khi chiến thắng Liên Xô, thì với tiềm lực của chúng, bè lũ Hítler sẽ dễ dàng chiếm được cả Anh và Mỹ bởi chúng có một đội quân mạnh nhất, hơn hẳn quân đội Mỹ về tinh thần chiến đấu.

Kế hoạch “Ost” (Phương Đông) bị phá sản. Kế hoạch toàn cầu hóa cũng đề ra mục tiêu thống trị thế giới, chưa hẳn đã được các quốc gia lớn nhỏ giang rộng tay tiếp nhận. Bởi nhân loại sẽ chỉ còn duy nhất một khả năng – giật mình trước sự đe dọa hoặc trước những mệnh lệnh ngọt ngào giả trá từ phía Mỹ.

Vậy thì, nhà kinh tế hay nhà chính trị sẽ lãnh đạo thế giới? Kẻ nào sẽ giữ đỉnh cao chỉ huy và đưa ra chỉ thị cho cuộc sống của chúng ta?

“Nhưng chúng ta đã chọn lựa ra các chính trị gia của mình, và trong thảm họa chủ yếu của chúng ta, chúng ta cần kiên quyết, thẳng thắn buộc tội chính mình, thói lười biếng tự suy nghĩ, tính ỷ lại và sự ngây ngô ấu trĩ về tư duy, thái độ tin tưởng vô vọng vào “sự may mắn” Thượng đế sẽ trao cho một cuộc sống sung túc.

Nhân dân đã không còn tự tôn, đúng hơn là họ đã rụt rè đòi chính quyền của những kẻ giàu có tôn trọng các quyền con người của mình. Họ run rẩy, sợ hãi khi bày tỏ thái độ phản kháng “những lãnh tụ” và sự xiêm nịnh của chúng trước phương Tây, để rồi không còn là chính mình nữa khi một bộ phận nhân dân trở nên đồi bại, hư hỏng. Bộ phận đó trở nên đố kỵ, độc ác, luôn ấp ủ những ước vọng về một cuộc sống an nhàn, thỏa mãn, giàu có dễ dàng mà hàng ngày họ vẫn thấy trên màn ảnh vô tuyến, như những gì được trang trí trên cây thông Noel. Bộ phận đó trở nên sa đọa bởi những cảnh tình dục kiểu Mỹ và kiểu Nga. Bộ phận đó không còn biết đến nỗi đau, nỗi bất hạnh và những tai họa của người khác; đám phụ nữ đã không còn biết xấu hổ, “cảnh cởi bỏ” đồ lót một cách thân mật đã trở nên bình thường, song những tấm thân trần truồng lại không gợi nên xúc cảm tự nhiên, mà chỉ gây ra những tiếng cười cay độc của những kẻ phụng thờ những điều bất thường”.

Tôi biết rằng thái độ phẫn nộ của người Nga tựa thủy triều. Trên biển, khi triều rút xuống – êm ả; khi triều lên – vang động, dữ dội, mãnh liệt.

Tôi không hình dung nổi cuộc đời mình lại thiếu nước Nga, nhưng giờ đây Tổ quốc của tôi dường như trở nên xa lạ đối với tôi; nó đang ở trạng thái thủy triều rút xuống thật bẽ bàng. Bộ não của chúng ta chỉ tựa như con muỗi, song con tim vẫn đập. Cơn phẫn nộ Nga hiện nay là thế đó. Cơn phẫn nộ của sự thật đã tắt lịm và đang hủy hoại sức sống. Đó là một nguy hiểm chết người.

Lý trí đã trao cho con người cơ hội lựa chọn. Hoặc chấp nhận sự trị vì của chính những kẻ chính khách đạo đức giả, của những kẻ tiểu thị dân

đang cướp bóc thị trường, của những kẻ tham vọng quyền lực và lợi dụng lòng nhân hậu của nhân dân? Hoặç là một nước Nga vĩ đại – ðộc lập, tự hào, tự do với một nền văn hóa cao nhất thế giới?

Tôi không công nhận chủ nghĩa bảo thủ lãn mạn, ðồng thời tôi cũng không phủ ðịnh một quan ðiểm của thuyết quyết ðịnh luận (Eschatology) trong quan ðiểm về lịch sử. Lịch sử ðang cho tôi thấy một sự vận ðộng chuyển từ những vấn ðề phức tạp ðang thịnh hành sang ðơn giản và cuối cùng tắt lịm.

Nước Nga, nước Nga thân yêu của tôi bị lừa ðối, bị cướp bóc, chịu ðựng bao bất công...

Nhưng dù sao, nếu ngọn lửa hy vọng chưa bị dập tắt, mảnh ðất Nga chưa bị ðau thương giày xéo ðến mức hoang tàn, nếu trong u buồn chưa ðể mất sức vận ðộng và khát vọng về cuộc sống tự nhiên, thì khi ðó một con tàu ðã ðắm cũng có thể thoát nạn bằng nỗ lực của toàn bộ thủy thủ ðoàn – và trong linh hồn chúng ta sẽ rực cháy lên một niềm vui tươi sáng.

*Để bạn ðọc có thêm thông tin về sự kiện này, chúng tôi lược ðịch bài viết của Oleg Davydov ðăng trên báo ðộc lập (Nga) ngày 18/8/2001.*

Chính biến Tháng 8 năm 1991

*Âm mưu của các tổng thống*

Một ðêm hè, có ba người ðứng ngoài hiên nhà của khu biệt thự cổ bàn với nhau về việc cần phải bắt giữ Chủ tịch KGB Kriuchkov, Bộ trưởng Quốc phòng Iazov, Bộ trưởng Nội vụ Puto, Phó Tổng thống Liên xô Ianaiev – những người, về thực chất, là bộ xương của “ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp” ở Liên xô.

Ngày 29 tháng 7 năm 1991, tại Novo-Ogarev, ba nhân vật – Gorbachov (Tổng thống Liên xô), Eltxin (Tổng thống Nga) và Nazarbaev (nhà lãnh ðạo của Kazaxtan) – thì thầm với nhau. Cả ba bước ra ngoài trời bởi Eltxin có cảm giác ðang bị người khác nghe trộm câu chuyện của họ. Và thật sự là người của Kriuchkov ðang ghi lại cuộc nói chuyện này. Một thời gian sau khi cuộc bạo ðộng thất bại, chính Eltxin ðã ðược tận mắt xem bản giải mã

của lần ghi âm này. Trong cuốn “Những ghi chép của Tổng thống” (Nxb Chính trị quốc gia, H., 1995) Eltxin đã có một câu kết: “Có thể, chính cuộn băng ghi âm này là cái cò súng của tháng 8 năm 1991”.

Vụ chính biến xảy ra trước khi ký kết bản Hiệp ước Liên bang mới đã được chuẩn bị kỹ càng tại Novo-Ogarev. Galia Xtavrotova, người nắm được thông tin, sau này đã công khai tuyên bố rằng “Tổng thống Nga liệu có ký bản hiệp ước mà theo xác nhận vào ngày 20 tháng 8 là ông ta đã lỡ miệng”. Nếu hiểu rõ Eltxin thì không có gì phải nghi ngờ điều đó. Thậm chí, không loại trừ việc ông ta đã có thể tạo ra một vụ bê bối (scandan) ngay trong lễ ký kết: tựu chung là nhằm không ký cái gì hết. Rồi trên bất kể trường hợp nào – ngay sau khi phía Boris Nikolaievich (Eltxin) ký kết thì những bước tiếp theo dứt khoát sẽ dẫn đến việc Hiệp ước Liên bang mới không còn chút giá trị gì đối với Gorbachov. Phe dân chủ của vị nguyên thủ nước Nga đã chuẩn bị nền móng cho việc này rồi.

Ngay trên trang đầu của báo Độc Lập, ngày 8 tháng 8 năm 199, có đăng “Lời hiệu triệu gửi Tổng thống Nga B. N. Eltxin” của nhiều nhà dân chủ, trong đó người đứng đầu danh sách 7 người đã ký là Iuri Afanaxiev, tiếp đến là Elena Bonner. Bản hiệu triệu này cho thấy rằng “nhân dân Nga không được biết đến văn bản hiệp ước đã soạn thảo ở hình thức chuẩn bị cho việc ký kết này”, còn văn bản trước đó thì lại chưa được thảo luận và không được tán thành.

Nói chung, không ai có thể giải thích vì sao nước Nga, cũng chỉ như các nước cộng hòa khác, lại có tới hai vị Tổng thống trên mình và mọi người không hề muốn phụ thuộc vào mối quan hệ của họ. Cần gì phải có tới hai Xô viết tối cao – nguồn gốc tạo ra xung đột của pháp luật? Có cần tới hai Chính phủ – Chính phủ này chông lên Chính phủ kia như thế? Và liệu Chính phủ hợp hiến có thể cùng lúc chung sống với hai nền hiến pháp?.

Riêng Gorbachov cũng muốn bản Hiệp ước này được ký kết để tránh những vấn đề như tình trạng trên. Hơn nữa, có nhiều điều đề cập đến trong “lời hiệu triệu...” hoàn toàn tinh táo. Không thể cho phép ký kết những văn kiện quan trọng, như Hiệp ước Liên bang – tạo nên một nhà nước mới, mà



lại bí mật và chưa được thảo luận rộng rãi (Văn bản chính thức của hiệp ước chỉ được công bố vào ngày 16/ 9/1991). Tuy nhiên, dù sao các lời kêu gọi tình tảo gửi cho Eltxin này cũng thật sự mỵ dân và nhằm chống lại Gorbachov, bởi mục đích cuối cùng của các tác giả “Lời hiệu triệu...” chỉ là không cho phép ký kết bản hiệp ước. Không ai dám khẳng định chắc chắn rằng “Lời hiệu triệu...” của các nhà dân chủ danh tiếng đã được Eltxin nhất trí từ trước đến từng chi tiết, nhưng điều chắc chắn nó là thành phần trong chiến dịch của giới lãnh đạo Nga nhằm hủy bỏ việc ký kết Hiệp ước Liên bang mới.

B. Eltxin đã từng có những cố gắng to lớn để nghị viện Nga thông qua quyết định về việc ký kết hiệp ước này và rút cuộc quyết định đã được thông qua. Khi đó, liệu ai có thể nghĩ rằng văn kiện này (đúng hơn là một câu của nó) lại trở thành chướng ngại vật thật sự cho những hành động sau này của Tổng thống Nga? Đó là câu được ghi ở cuối quyết định: “Trước khi ký kết, bản Hiệp ước Liên bang phải được trình lên Xô viết Tối cao Cộng hòa Liên bang Nga”. Việc đoàn đại biểu chính thức của LB Nga sau hai tuần nữa, vào ngày 20 tháng 8, sẽ ký kết Hiệp ước Liên bang mới đã được công bố. Phiên họp tiếp theo của Xô viết Tối cao Nga thì chỉ có thể triệu tập vào giữa tháng 9. Tóm lại, sự xung đột giữa Tổng thống Eltxin đang khao khát ký hiệp ước với các nghị sĩ tuân thủ nguyên tắc đã buộc phải triệu tập khẩn cấp Xô viết Tối cao hoặc phải chuyển ngày ký...

Người đã nhận ra mâu thuẫn đó và đề đạt với Eltxin vấn đề có tính nguyên tắc đó chính là viên cố vấn của Tổng thống Nga, Chủ tịch ủy ban Pháp luật của Xô viết Tối cao Cộng hòa Liên bang Nga Xergey Sakhrail. Và cũng chính Sakhrail, bốn tháng sau đó trở thành bộ não của cuộc chính biến Belovez.

Gorbachov vốn thận trọng, song đôi khi cũng bộc lộ cho mọi người thấy vai trò thực sự của Eltxin trong việc tạo ra hoàn cảnh của cuộc chính biến tháng Tám: “Ông ta suốt vài tháng liền (Nazarbaiev thổ lộ với tôi điều này) đã tiến hành những cuộc đàm phán lén lút về sự thỏa thuận duy nhất “bốn nước” – Nga, Ucraina, Belarus và Cazakxtan. Việc đàm phán lúc lặn lúc

sôi nổi, ý tưởng đó đã không rời bỏ vị Tổng thống Liên bang Nga và cả những người khác nữa”.

Những người khác đó bao gồm các nhà dân chủ Nga và những nhà lãnh đạo dân chủ hơn của các nước cộng hòa liên bang. Những con người đáng kính này rất muốn tạo dựng ra một cái gì đó mà không có Gorbachov. Rồi họ cũng tìm ra được phương thức để làm được điều đó. Ngoài những hiệp ước song phương mà họ đã ký kết thông qua vị nguyên thủ Trung ương, họ cũng đã thử ký các hiệp ước các nhóm nước. Bỏ qua Gorbachov, ngày 14 tháng 8 năm 1991 tại Taskent đã kết thúc cuộc gặp giữa tổng thống các nước cộng hòa vùng Trung Á và Cazakxtan. Trong cuộc gặp này họ đã bàn về một hiệp ước liên bang và thông qua quyết định về việc tổ chức Hội đồng Tư vấn các nước cộng hòa.

Còn ngày 16 tháng 8 năm 1991 (ngày công bố văn bản chính thức của Hiệp ước Liên bang), Eltxin đã bay tới Alma-Ata gặp Nazarbaiev để trao đổi bản phê chuẩn hiệp ước giữa Nga và Cazakxtan. Tuy nhiên, không chỉ có những gì đã thông báo. Trước ngày 20 tháng 8 vẫn còn những điều cần phải bàn luận – nội dung cuộc gặp tại Taskent và tại cuộc gặp sắp tới của nguyên thủ 15 nước cộng hòa, không có sự tham gia của Trung ương, không có Gorbachov – vị Tổng thống duy nhất cho đến tận lúc đó chưa biết gì về cuộc gặp này. – được hoạch định vào cuối tháng 8 tại Alma-Ata. Đây là một bất ngờ quá lớn đối với Gorbachov. Chưa ký hiệp ước mà các nước cộng hòa đã coi thường Trung ương, vậy trong tương lai sẽ thế nào?

Trong ngày hôm đó, Gorbachov với vẻ bị kích động, to tiếng hỏi Boldin về cuộc họp của lãnh đạo các nước cộng hòa tại Alma-Ata:

- Anh có hiểu, cái đó gọi là thế nào không? Các thủ lĩnh địa phương đã coi thường ý kiến của Tổng thống Liên xô khi giải quyết các vấn đề quốc gia. Đó là âm mưu. Tôi không bỏ qua chuyện này. Cần áp dụng ngay các biện pháp...

Ngày 18 tháng 8. Sau khi bàn định với Nazarbaiev kịch bản hành động cho cuối tháng 8, Eltxin đã chấp thuận đề nghị của vị nguyên thủ Cộng hòa Cazakxtan đi thư giãn: Họ tới một vùng núi có suối chảy xiết bao quanh...

có tiệc tùng, dàn nhạc sống... Eltxin kể lại: “Đến lúc phải về thôi. Nazarbaiev không buông tha chúng ta đâu. Tôi đã hoa cả mắt lên rồi. Lúc đầu định một tiếng. Sau lại thêm tiếng nữa. Lòng mến khách phương Đông của Nurxulxtan Abisevich (Nazarbaiev) thật dễ chịu, thanh lịch. Nhưng đủ rồi. Tôi cảm giác chuyện này có gì đó không ổn... Tôi không nghĩ rằng việc lưu chúng ta ở Alma-Ata cả ba tiếng đồng hồ là tình cờ đâu”. Không ai biết là con người này định ám chỉ điều gì.

Vào lúc 5 giờ chiều, trong khi Tổng thống Nga đang tận hưởng thú thư giãn phương Đông, Tổng thống Liên xô đang nghỉ theo kiểu châu Âu tại lâu đài Foros, người ta đã báo cáo rằng các đồng chí Baklanov, Boldin, Varennicov, Senin đã đi tiễn hai viên tướng Plekhanov và Generalov của ủy ban An ninh quốc gia.

Trước khi tiếp các kẻ mưu phản, Gorbachov đã đến chỗ vợ mình. Chuyện đó được ghi trong cuốn nhật ký của bà ta như sau: “Mikhain Xergeyevich bất thành linh lao vào phòng tôi. Anh ấy có vẻ kích động. “Đã xảy ra chuyện gì đó rất tồi tệ, – anh ấy nói. – có thể là rất kinh khủng”. Sau đó ông ta cho vợ biết ai đã đến và nói tiếp: “Họ yêu cầu gặp tôi. Họ đang ở trong khu nhà nghỉ, cạnh nhà. Nhưng tôi có mời ai đâu!”. Chúng ta hình dung thử sự rối loạn: “Mọi liên lạc bị cắt đứt! Đó là sự cô lập! Thế có nghĩa là có âm mưu? Bị bắt giam?”. “Tôi sẽ không phiêu lưu, không thông đồng. Tôi sẽ không đầu hàng bất cứ một sự đe dọa, bức bách nào”.

Nhưng làm gì có ai nói là phải “đe dọa, bức bách”. những người mới đến vẫn đứng chờ dưới cửa ra vào với vẻ kính trọng, cho dù họ không chịu nói về tình hình lúc đó ở trong nước. Bốn mươi phút sau, vị nguyên thủ quốc gia từ phòng nghỉ bước ra. Giọng nói của ông ta lộ vẻ tức giận: “Đã xảy ra chuyện gì? Tại sao không báo trước? Sao điện thoại không sử dụng được?”.

Rất có thể, chính Gorbachov cũng muốn tiến hành tình trạng khẩn cấp. Chính ông ta đã nhiều lần khẳng định tình hình là rất căng thẳng, cần phải áp dụng những biện pháp đặc biệt nào đó để thoát khỏi khủng hoảng đang đe dọa nghiêm trọng đất nước. Tuy nhiên, điều đó chưa hoàn toàn khẳng định ông ta đã muốn tiến hành tình trạng khẩn cấp. Nhưng ông ta không ra

mệnh lệnh đó, thì ông ta cũng không cả việc chống lại tình trạng khẩn cấp. Theo Anatoli Lukianov: “Ngày 3 tháng 8 năm 1991, chỉ hai tuần trước cái gọi là cuộc chính biến, Gorbachov tại phòng họp các bộ trưởng đã xác nhận “trong nước có sự hiện diện của tình trạng khẩn cấp và sự cần thiết các biện pháp khẩn cấp” Ông ta còn khẳng định thêm rằng “nhân dân sẽ hiểu điều này!”.

“Sự cần thiết các biện pháp khẩn cấp” còn được nói tới ngay sát trước khi ông ta đi nghỉ ở Foros (ngày 4 tháng 8)... Sự khác biệt rất cơ bản là: lời bóng gió đó được nói tới như bất kỳ những điều khác trong dòng ngôn từ bất tận sẽ hoàn toàn khác hẳn với lời nói trước khi đi đến nơi nghỉ để không bao giờ trở về – vì lời nói đó được xem như ý nguyện cuối cùng... Với những kẻ đã quen đón lựa ý của cấp trên, thì lời nói của Gorbachov về “sự cần thiết các biện pháp khẩn cấp” được coi như lời chỉ dẫn: cần áp dụng các biện pháp khẩn cấp khi tôi vắng mặt.

Chúng ta quay trở lại Foros. Những người được Matxcova cử đến bước vào phòng của Tổng thống. Sau khi quan sát họ và nhìn thấy Plekhanov, Gorbachov giận dữ: “Anh đến đây có việc gì?” và đuổi viên chỉ huy cơ quan bảo vệ KGB đi. Sau đó, ông ta đưa ra câu hỏi cụ thể đầu tiên: “Các anh đại diện cho ai, nhân danh gì để nói?”. Boldin kể lại rằng, anh ta có cảm giác Gorbachov rất sợ nếu nghe thấy những người đến đây đại diện cho giới lãnh đạo Nga. Boldin giải thích cảm giác đó của mình rằng: “Cuộc gặp mặt nguyên thủ các nước cộng hòa sắp diễn ra làm cho ông ta ngày càng lo lắng, và như ông ta dự đoán là có âm mưu nào đó. Điều dễ hiểu là tại sao Gorbachov lại cho rằng có “âm mưu nào đó”: mới cách đó hai ngày ông ta đã sững sờ vì chuyện này khi trao đổi với Boldin.

Nhưng chưa rõ vì sao vị Tổng thống lại có thể nghĩ rằng những người đến đây lại can dự vào âm mưu với Eltxin. Mặc dù vào thời điểm đó ông ta đã thực sự lo lắng về một vụ âm mưu của các tổng thống, mà theo ông ta, là do Eltxin cầm đầu. “Sau khi nghe nói đến những người mà phần lớn trong số này trước kia đã từng theo lệnh của Tổng thống hoạch định ra các biện pháp dự phòng trong trường xảy ra hoàn cảnh khẩn cấp, thì Gorbachov đã

dị đi”. Những vị khách không mời tiếp tục nói đến thảm họa trong ngành công nghiệp, nông nghiệp, quân đội... Họ đề nghị ông ký sắc lệnh về tiến hành tình trạng khẩn cấp. Boldin nhận thấy Gorbachov không chú ý tới những điều họ nói và đang suy nghĩ về việc gì đó của ông ta, rồi sau đó “bất ngờ ông ta hỏi; liệu rằng các biện pháp của tình trạng khẩn cấp có tác động tới ban lãnh đạo Nga. Sau khi nghe được câu trả lời khẳng định, ông ta đã tỏ ra bình tĩnh hơn nhiều”.

Con người đã ngồi trong tù vì tham gia vào các trò ngu xuẩn của ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp, tất nhiên, chỉ là một nhân chứng tồi. Nhưng, trong lời nói ra của anh ta cũng có sự thật mộc mạc của mình. Theo những thông tin của Gorbachov thì B. N. Eltxin là kẻ ngăn cản nhiều nhất đối với việc ký Hiệp ước Liên bang mới. Ngay lúc này đây Boris đang thỏa thuận với Nazarbaiev điều gì đó, như: có cách gì không cần tới Tổng thống liên bang?... Vậy thì vấn đề bắt giữ Eltxin (nếu ông ta có lệnh) có lẽ hoàn toàn hợp pháp.

Thật ra, không ai nói rằng Gorbachov đặt ra vấn đề bắt giam Eltxin, song cũng có việc ông ta đã nói về việc bắt giam vị thủ lĩnh Nga. Điều này do chính Gorbachov kể: Baklanov “đã nói rằng Eltxin bị bắt giam. Mặc dù sau đó ông ta đã chữa lại là sẽ bị bắt giam trên đường (khi rời Alma-Ata)”. Khi giải thích điều này, vị Tổng Bí thư nhận xét rằng: “do bị cuốn theo các sự kiện, các kẻ âm mưu đã định bằng cách này cho tôi hiểu rằng họ đã làm chủ được tình hình và không có đường lùi”, “Dầu sao tất cả những người này cũng do tôi tiến cử và giờ đây họ đã phản bội lại tôi”, “Tôi đã cương quyết bác bỏ sự thoán nghịch của họ, tôi đã tuyên bố rằng tôi sẽ không ký bất cứ sắc lệnh nào”. Điều này là đúng bởi nếu ông ta ký vào sắc lệnh có nghĩa là ông ta dẫn bước đến một cuộc xung đột mà không biết nó sẽ dẫn đến đâu.

Khi bị từ chối, Baklanov đã nói: “Nếu ngài không muốn chính mình ký sắc lệnh về tiến hành tình trạng khẩn cấp, thì ngài hãy ủy quyền cho Ianaiev. Ngài cứ việc nghỉ ngơi, chúng tôi sẽ làm “công việc bẩn thỉu”, rồi sau đó ngài có thể trở về”. Còn khi Gorbachov “từ chối lời đề nghị đề tiện đó”, Varennicov đã nói: “Vậy ngài hãy từ chức”. Gorbachov trả lời: “sẽ

không có chuyện đó”. Sau đó (theo các tài liệu điều tra) viên tướng này bắt đầu quất nạt...

Liệu có chuyện như vậy xảy ra với Tổng thống của một cường quốc không? Ông ta vì nguyên nhân nào đó mới chỉ bị mất liên lạc, nhưng ngay khi đó hoàn toàn vẫn có thể sử dụng đội bảo vệ của mình để tới được Matxcơva. Vladimir Medvedev (Đội trưởng đội bảo vệ của Tổng thống) đã viết rằng: “Về mặt kỹ thuật, đó là chuyện vớ vẩn: bắt giữ họ làm con tin và đưa về Matxcơva. Đến Thủ đô rồi ra tuyên bố, từ đó có thể phanh phui ra bất cứ kẻ nào tùy thích. Hôm đó mới chỉ là ngày 18... Vì sao Gorbachov không tính ra? Ông ta đã không rõ tình hình?...”

Tại sao Tổng thống đã không phát đi một tín hiệu nào cho ai đó? Câu trả lời của ông ta là: “Trước hết là tôi đã tính rằng việc tôi từ chối chấp thuận những yêu cầu tối hậu của ủy ban quốc gia về tình trạng khẩn cấp sẽ làm cho những kẻ chủ mưu sáng mắt ra... Hơn nữa, ý đồ bắt giữ họ tại khu nhà nghỉ không giải quyết được việc gì. Bởi những kẻ chủ mưu đang ở Matxcơva, vào thời điểm đó họ nắm chính quyền trong tay”

Rồi cuộc tiếp kiến cũng kết thúc. Gorbachov nói: “Chúng tôi chia tay nhau. Khi họ đã đi khỏi, tôi đã không tìm chế được, tôi đã chửi rủa họ “theo kiểu Nga” – mudakami”. Các đồng chí của ông ta ngạc nhiên. Baklanov nói: “Nhưng chính ông ta vừa mới cho rằng việc tiến hành tình trạng khẩn cấp là lối thoát duy nhất. Có chuyện gì đã xảy ra vậy?”.

*Trong khi đó, chính Kriuchcov, Lukianov, Pavlov, Pugo, Iazov, Ianaiev đang chờ đợi, lo âu. Họ sẵn sàng gánh vác vận mệnh của Tổ quốc, nhưng họ đang chờ đợi để được biết quyết định của Tổng thống...*

HẾT.

[1] Những năm gần đây, một số nhà nghiên cứu tỏ ra nghi ngờ tính xác thực của văn bản này là của A. Dalles, tuy nhiên, đây là văn bản kinh điển, nếu không đúng về ngôn từ thì về mặt tinh thần rất nhiều điểm phù hợp với quan điểm thực tiễn, nên tôi thấy cần dẫn nó ra đây như một minh họa rõ ràng cho quá trình phá hoại Liên Xô đã diễn ra.

[2] Con trai của đại sứ Mikhain đã từng đến thăm trường 110 ở Nikitxk Vorot dành cho con em giới thượng lưu. Đã từng làm Giám đốc điều hành Quỹ Nobel. Từng trao Giải Nobel cho một Mikhain khác là Gorbachov.

[3] Có thể biết được nhiều điều từ những gì phương Tây viết về chúng ta. Trong đó có những bài viết rất thành tâm (dẫu chỉ là ở dạng trích dẫn) đã không đến được với đông đảo bạn đọc Xô Viết. Nhà độc tài của toàn bộ tuyển tập này là Giám đốc Thư viện quốc gia về văn học nước ngoài – L. A. Gvisiani – Koxygina.

[4] Trung tâm Nghiên cứu các vấn đề an ninh quốc gia Trường đại học Tổng hợp John Hopkins.

[5] Xem phần phụ lục của chương: *Thông điệp của J. F. Dalles ngày 6/3/1953; tài liệu “Tấn công tâm lý chống Liên Xô. Những mục tiêu và nhiệm vụ”; Chỉ lệnh N°5412/2 của Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ; Chỉ lệnh N°68 của Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ; kế hoạch “Barbarossa” của Mỹ...*

[6] Magret Thatcher (sinh năm 1925, Thủ tướng Anh từ năm 1979. ND).

[7] Cố vấn Tổng thư ký Liên Hợp Quốc, Giám đốc của một loạt trung tâm “quốc tế”, lãnh đạo Tổ chức quốc tế về hỗ trợ cho Afghanistan, thành viên câu lạc bộ “Mgisterium” (Matxcơva, năm 1993). Trong những năm “cải tổ” đã từng thông báo trên truyền hình về việc Quân đội Xô Viết, trong thời gian chiến tranh ở Afghanistan sát hại hàng triệu thường dân của đất nước này.

[8] Tên khai sinh là Karol Wojtyla, sinh năm 1920, người Ba Lan, được cử làm Giáo hoàng năm 1978. ND.

[9] Entropi – một khái niệm cơ bản của môn vật lý cổ điển. Đứng trên giác độ vĩ mô thì Entropi thể hiện khả năng của năng lượng có thể chuyển biến: Entropi của hệ thống càng lớn thì năng lượng chứa đựng trong đó càng ít có khả năng chuyển biến... Trong một hệ khép kín Entropi không thể giảm đi... Khi Entropi đạt tới điểm cực đại thì xảy ra trạng thái cân bằng, trong đó không thể tiếp tục diễn ra những chuyển biến năng lượng – toàn bộ năng lượng chuyển biến thành nhiệt và xuất hiện trạng thái cân bằng nhiệt. (*Từ điển triết học, Nxb. Tiến bộ, Matxcova, 1975. Tr. 196*). ND.

[10] J. Kennan (1845-1924, nhà báo Mỹ ủng hộ cách mạng Nga) sinh thời đã khẳng định: “Nếu kẻ nào đó phá tan được sự thống nhất của Đảng Cộng sản như một công cụ chính trị, nước Nga Xô Viết có thể sẽ nhanh chóng biến từ một trong những cộng đồng dân tộc hùng mạnh nhất thành một trong những cộng đồng dân tộc hèn hạ và yếu đuối nhất”.

[11] Indicator. Thuật ngữ này, từ đây về sau, được hiểu là chỉ số hoặc tiêu chí xác định sức sống của hiện tượng này hay hiện tượng khác, ý nghĩa chất lượng của nó, kể cả mức độ nguy cơ đối với hệ thống.

[12] “Ý đồ công khai hoá các cuộc đình công đã trở thành một trong những cái gọi là “phong trào dân chủ” chủ yếu, còn từ năm 1989, chúng nằm trong chương trình của một nhóm đại biểu liên khu vực thuộc Hội đồng Xô Viết tối cao Liên Xô. Chúng được tích cực tuyên truyền trên các ấn phẩm và tại các cuộc mít tinh và trong tập thể công nhân. Do nhiều nguyên nhân đã được các văn bản Xô Viết học Mỹ mô tả, các cuộc đình công của thợ mỏ đã diễn ra thường xuyên nhất. Mỹ đã có những nghiên cứu rất tỉ mỉ kinh nghiệm đấu tranh đình công ở Nga vào những năm 1902-1907”.

[13] Điều này cho thấy đây không phải là trường hợp duy nhất trong lịch sử hiện đại và không chỉ có trong lịch sử Xô Viết – các nhà nghiên cứu có nhận xét rằng Hilary Clinton cũng có vai trò tương tự đối với ông chồn Bill của mình. thậm chí họ còn có “thuật ngữ” là “Billary”

[14] Nhà khoa học Mỹ (1894-1964), tác giả của nhiều công trình khoa học về điều khiển học, phân tích thuật toán, lý thuyết xác suất. (ND).



[15] Ivan Vaxiliev Kireievski (1806-1856) triết gia, nhà phê bình văn học, nhà báo Nga. Một trong những người sáng lập ra chủ nghĩa Slavơ. (Theo Từ điển Bách khoa Xô Viết. 1985). ND.

[16] Friedrich Wilhelm Canaris, 1887-1945, từng lãnh đạo cơ quan tình báo đức tại Tây Ban Nha trong Chiến tranh thế giới I; từ năm 1935-1944 là Chỉ huy trưởng Cơ quan Tình báo và Phản gián của Đức phát xít – Abwehr; bị tử hình vào năm 1944 vì tham gia vào âm mưu chống Hitler. – ND

[17] V. A. Kriuchkov, Hồ sơ cá nhân. Thế kỷ XX trong con mắt của những nhân chứng, 2 tập, Nxb. Olimp Matxcơva, 1996.

[18] Xem phần phụ lục cuối chương về “Những cuộc tranh chấp và xung đột lãnh thổ – sắc tộc chủ yếu ở Liên Xô”.

[19] Sinh năm 1918, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Rumani từ năm 1967; Chủ tịch Hội đồng dân tộc Mặt trận dân chủ và thống nhất xã hội chủ nghĩa từ năm 1968; Tổng Bí thư ĐCS Rumani từ năm 1969; Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Rumani từ năm 1974...(ND).

[20] Lời này của M. X. Gorbachov không có trong văn bản. Đây là ông ta bắt chước lời của nhân vật gián điệp trong một phim hoạt hình đầu những năm 1990 – Mister Fox.

[21] Vương quốc vào đầu thế kỷ 10 ở vùng Pyrenees. Một phần lớn đã bị Tây Ban Nha chiếm vào năm 1512. Đến năm 1589, phần đông bắc còn lại sáp nhập vào Pháp. ND.

[22] Arman Jan de Plessis, 1585-1642, làm Hồng y giáo chủ từ năm 1622, từ năm 1624 cầm đầu Hội đồng Hoàng gia – trên thực tế là người đứng đầu nước Pháp; người đã tạo điều kiện củng cố chủ nghĩa tuyệt đối, tước bỏ mọi quyền lợi chính trị của huguenots – những kẻ chống đối chính phủ hoàng gia Pháp; đã từng tiến hành những cuộc cải cách hành chính, tài chính và quân sự; từng đàn áp các cuộc khởi nghĩa của dân chúng, đưa nước Pháp sa lầy vào cuộc Chiến tranh 30 năm 1618-1648. ND.

[23] 1881-1925, Anh hùng Nội chiến, từ năm 1922 là ủy viên BCHTW Liên Xô. ND

[24] 1877-1929, Anh hùng Nội chiến, từ năm 1927 là ủy viên ủy ban Kiểm tra Trung ương ĐCS Liên Xô, bị chết trong một tai nạn máy bay. ND

[25] 1904-1945, Thượng tướng, Anh hùng Liên Xô, Tư lệnh quân quan thành phố Berlin. ND

[26] 1904-1964, Nguyên soái Liên Xô, Anh hùng Liên Xô, giai đoạn 1963-1964 là Tổng tham mưu trưởng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Liên Xô. ND

[27] Phát biểu của Tổng thống Mỹ B. Clinton tại phiên họp mở rộng của ủy ban Thống nhất các chỉ huy tham mưu ngày 25 tháng 10 năm 1995.

[28] Xem: Sách tham khảo. Những nghiên cứu quốc tế ở Nga và SNG. Những trung tâm đào tạo và phân tích khoa học. các nhà khoa học và chuyên gia trong lĩnh vực quan hệ quốc tế, an ninh và chính sách đối ngoại. Quỹ Khoa học xã hội Matxcơva. Nxb. Công nhân Matxcơva. M., 1999.

[29] 1780-1831, nhà lý luận và lịch sử quân sự Đức. ND

[30] Xem: báo Độc lập (Nga), số 191 (2745) ngày 11 tháng 9 năm 2002.

[31] Đoạn này bị cắt theo Đạo luật Tự do thông tin của Mỹ.

[32] Forrestol gửi Sowers, ngày 10 tháng 7 năm 1948. Trích trong Chỉ lệnh NSC 20 “Đánh giá mức độ và tính chất chuẩn bị quân sự đáp ứng tình hình trên thế giới” ngày 12 tháng 7 năm 1948. Quan hệ quốc tế của Hoa Kỳ, 1948, 1 (Phần 2), tr. 589-592.

[33] 1780-1831, nhà lý luận quân sự Đức. ND

[34] Hòa ước Brest-Litov được ký kết ngày 3 tháng 3 năm 1918, chấm dứt những hành động quân sự giữa nước Nga Xô Viết với các cường quốc ở Trung Âu. Những điều kiện của nó bao gồm độc lập của Ucraina, Gruzia, Phần Lan, việc chuyển giao cho các cường quốc Trung Âu các nước Ba Lan, các quốc gia vùng Baltik và một phần của Belarus, việc chuyển giao Kars, Ardakhan và Batum cho Thổ Nhĩ Kỳ. Đức là nước có liên quan tới những điều kiện của Hiệp ước về hòa giải giữa Đức và các cường quốc Trung Âu được ký ngày 11 tháng 11 năm 1918. ND.

[35] 1887-1945, thủ lĩnh đảng phát xít ở Na Uy. ND

[36] Bản báo cáo đã bị CIA kiểm duyệt trong khi công bố theo điểm B1 và B2 của Đạo luật Mỹ về Tự do thông tin. Hồ sơ lưu trữ của Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ. Những dự báo của CIA về Liên Xô.